



KHẲNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU VIỆT

BÁO CÁO TÍCH HỢP

KHẪNG ĐỊNH
THƯƠNG HIỆU VIỆT



BAOVIET 



BÁO CÁO TÍCH HỢP
2017



Truy cập vào website: baoviet.com.vn/baocaotichhop2017
hoặc quét mã QR code

Tải ứng dụng Báo cáo tích hợp tại:

* IOS: Nhập từ khóa "BaoViet Integrated Report 2017" hoặc "Báo cáo tích hợp Bảo Việt 2017"

*Android: Nhập từ khóa: "BaoViet Integrated Report 2017" hoặc "Báo cáo tích hợp Bảo Việt 2017"

2017

BÁO CÁO TÍCH HỢP
TRÊN NỀN TẢNG KỸ THUẬT SỐ
KHẲNG ĐỊNH
THƯƠNG HIỆU VIỆT



MỤC LỤC

01 TỔNG QUAN

- 20 | Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi
- 24 | Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- 28 | Thông điệp của Tổng Giám đốc
- 32 | Quá trình hình thành và phát triển
- 34 | Tổng quan về Bảo Việt
- 42 | Sự kiện và Giải thưởng tiêu biểu
- 46 | Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản (KPI)

02 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- 56 | Môi trường kinh doanh, cơ hội và thách thức
- 62 | Mô hình kinh doanh và yếu tố tạo động lực tăng trưởng
- 68 | Xây dựng chuỗi giá trị bền vững
- 70 | Gắn kết bên liên quan và xác định vấn đề trọng yếu
- 80 | Năm bắt xu hướng CMCN 4.0
- 100 | Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020

03 HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- 122 | Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành
- 146 | Đầu tư có trách nhiệm và thị trường vốn xanh
- 178 | Báo cáo và đánh giá của Hội đồng Quản trị
- 182 | Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông
- 190 | Báo cáo hoạt động của các Đơn vị thành viên

04 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 224 | Tổng quan về quản trị công ty
- 228 | Giới thiệu Ban Lãnh đạo
- 236 | Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị
- 258 | Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 268 | Quan hệ cổ đông
- 278 | Hệ thống kiểm soát nội bộ và Quản lý rủi ro
- 310 | Pháp chế và tuân thủ
- 312 | Đánh giá quản trị công ty dựa trên thể điểm quản trị công ty khu vực ASEAN

05 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 346 | Con số và Sự kiện
- 350 | Tổng quan hoạt động phát triển bền vững 2016
- 352 | Thực hiện trách nhiệm xã hội
- 364 | Gắn kết mục tiêu môi trường trong hoạt động

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 388 | Báo cáo Tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS)
- 501 | Báo cáo Tài chính riêng theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) (tóm tắt)
- 508 | Báo cáo Tài chính theo Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) (tóm tắt)

KHẲNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU VIỆT

Trong tiến trình vươn tầm khu vực, hội nhập quốc tế bằng uy tín và giá trị thương hiệu thì việc gắn chiến lược thương hiệu với chiến lược kinh doanh là cách tiếp cận được Bảo Việt lựa chọn để có thể nắm bắt cơ hội, nâng cao vị thế của doanh nghiệp Việt.

Lấy ý tưởng từ việc lồng ghép các địa danh, hình ảnh đặc trưng của mọi miền tổ quốc, Bảo Việt mong muốn làm sâu sắc thêm thông điệp “Khẳng định thương hiệu Việt”, đây vừa là định hướng kinh doanh và cũng là chủ đề được lựa chọn xuyên suốt Báo cáo thường niên 2017.

Với Bảo Việt, “Khẳng định thương hiệu Việt” là sự kết hợp giữa thế mạnh và nguồn lực hiện có, đồng thời tiếp thu các xu hướng mới, đưa ra các giải pháp kinh doanh mới sáng tạo, liên kết theo chuỗi giá trị để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng công nghệ hiện đại, khẳng định được thương hiệu, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh.

Việc tiếp tục chiếm lĩnh thị trường bảo hiểm Việt Nam trong nước với vị trí số 1 trong cả lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm phi nhân thọ đã đánh dấu một bước tiến quan trọng trong chặng đường phát triển của Bảo Việt. Với tầm nhìn rộng mở, hướng đến phát triển bền vững, Bảo Việt đã sẵn sàng đón đầu những cơ hội mới, phát huy tiềm năng để hội nhập và khẳng định thương hiệu Việt trong khu vực và vươn tầm quốc tế.



BẢO VIỆT VỊ THẾ DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT DẪN ĐẦU NGÀNH BẢO HIỂM

ĐIỀU GÌ Ở CỔ PHIẾU BVH
HẤP DẪN NHÀ ĐẦU TƯ?

Cổ phiếu
dẫn đầu
ngành
bảo hiểm

GIÁ TRỊ VỐN HÓA LỚN

> 64.000
TỶ ĐỒNG



THANH KHOẢN CAO

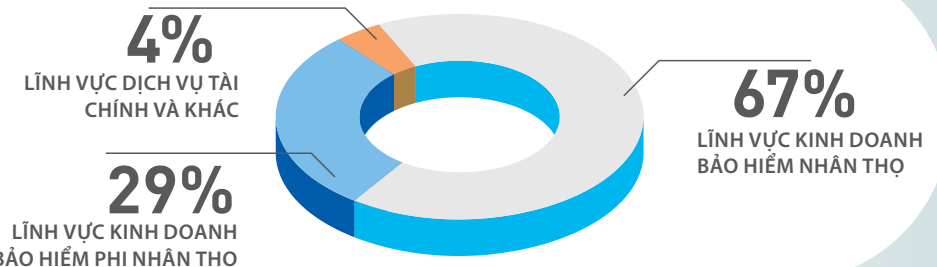
> 500.000
CỔ PHIẾU/
PHIÊN
(TRUNG BÌNH
10 PHIÊN)



Tiềm năng
tăng trưởng
cao

Với tỷ lệ thâm nhập doanh thu phí bảo hiểm/GDP thấp như hiện nay (1,8%), lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, đặc biệt là lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ đang trở thành lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng cao, thu hút sự quan tâm của đông đảo nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

Cơ cấu doanh thu theo lĩnh vực



NĂM 2017

CAGR 2008 - 2017

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH VỮNG MẠNH

Tổng tài sản	Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế
91.402 TỶ ĐỒNG	32.749 TỶ ĐỒNG	1.603 TỶ ĐỒNG
↑25,2%	↑27,5%	↑37,6%

EPS

2.286
ĐỒNG



TĂNG TRƯỞNG BÌNH QUÂN

Tổng tài sản	Doanh thu	Lợi nhuận sau thuế
↑15,3%	↑12,1%	↑19,4%



CỔ TỨC BẰNG TIỀN MẶT ỔN ĐỊNH

Dành tối thiểu 50% lợi nhuận hàng năm để trả cổ tức.

TÍCH CỰC ĐÓNG GÓP TRỞ LẠI NỀN KINH TẾ

Đóng góp gần 17.753 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước kể từ khi cổ phần hóa năm 2008 đến nay.

Định hướng
chiến lược
rõ ràng, quản trị
doanh nghiệp
theo chuẩn mực
quốc tế

Gắn kết 17 mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững của Liên Hợp quốc trong chiến lược



Quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế; Khung quản trị doanh nghiệp theo OECD



Cải thiện chất lượng quản trị theo Thẻ điểm quản trị công ty ASEAN



Chú trọng đảm bảo quyền và lợi ích cổ đông, nhà đầu tư



Thông tin
minh bạch

Công bố thông tin minh bạch, đầy đủ, kịp thời

Nâng cao chất lượng và độ tin cậy của thông tin theo tiêu chuẩn quốc tế

Công bố báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Kế toán quốc tế (IFRS)

Thực hiện kiểm toán thông tin tài chính và phi tài chính

Áp dụng Bộ tiêu chuẩn GRI Standards và Tiêu chuẩn IIRC đối với Báo cáo thường niên, Báo cáo bền vững

Tiên phong áp dụng công nghệ đa nền tảng lập và công bố báo cáo thường niên, bền vững

Ra mắt ứng dụng IR giúp người đọc truy cập báo cáo thuận tiện hơn

ĐIỂM NHẤN CỦA BÁO CÁO



INTEGRATED
REPORTING <IR>

BÁO CÁO TÍCH HỢP THEO
CHUẨN MỰC IIRC QUỐC TẾ

ĐƯỢC ĐẢM BẢO
BỞI KHỐI KIỂM TOÁN
NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
BẢO VIỆT VỚI CÁC
CHỈ TIÊU PHI TÀI CHÍNH

ÁP DỤNG BỘ TIÊU
CHUẨN VNSI TRONG
ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

<IR>



VNSI

GRI



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
THEO TIÊU CHUẨN GRI STANDARDS

CSI
100

BỘ TIÊU CHUẨN
ĐÁNH GIÁ,
XẾP HẠNG
DOANH NGHIỆP
BỀN VỮNG
VIỆT NAM

(IFRS)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO
CHUẨN MỰC KẾ TOÁN QUỐC TẾ (IFRS)

ACMF

NĂM THỨ 3 LIÊN TIẾP ÁP DỤNG
THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ ASEAN
ĐỂ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ

GẮN KẾT 17 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG CỦA THẾ GIỚI VÀO
HOẠT ĐỘNG CỦA BẢO VIỆT



BẢO VIỆT TIỀN PHONG LẬP BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THEO TIÊU CHUẨN GRI STANDARDS

Từ năm 2000, khung Báo cáo Phát triển bền vững của GRI đã được hàng ngàn tổ chức ở hơn 90 quốc gia sử dụng để báo cáo về những tác động của họ đối với nền kinh tế, môi trường và xã hội.

Tháng 10/2016, GRI công bố Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển bền vững GRI đầu tiên.

Bộ tiêu chuẩn GRI tương thích với phạm vi và tiêu chuẩn toàn cầu về công bố thông tin phát triển bền vững, từ đó minh bạch hóa các tác động về kinh tế, môi trường và xã hội. Sử dụng các tiêu chuẩn toàn cầu cũng là một cách đồng hóa phương thức truyền đạt giữa các doanh nghiệp tới các bên liên quan. Thông qua đó, các tác động đến từ doanh nghiệp có thể được truyền đạt và đánh giá bởi các bên liên quan.

Sự khác biệt giữa hướng dẫn GRI-G4 và tiêu chuẩn GRI

01

Cấu trúc rõ ràng

Các tiêu chuẩn được sắp xếp theo nhóm và nội dung liên quan

02

Định dạng mới và các yêu cầu cụ thể hơn

Định dạng mới có sự phân biệt rõ ràng giữa các yêu cầu (sử dụng từ 'sẽ'), khuyến nghị (sử dụng từ 'nên') và hướng dẫn đi kèm

03

Bổ sung yêu cầu giải trình

Các khái niệm chính từ bộ hướng dẫn G4 đã được làm rõ và yêu cầu xác định cụ thể phạm vi báo cáo, giải trình các chủ đề không được đề cập trong tiêu chuẩn GRI, v.v...(sử dụng từ 'nên') và hướng dẫn đi kèm

04

Áp dụng linh hoạt hơn

Các khái niệm chính từ bộ hướng dẫn G4 đã được làm rõ và yêu cầu xác định cụ thể phạm vi báo cáo, giải trình các chủ đề không được đề cập trong tiêu chuẩn GRI, v.v...(sử dụng từ 'nên') và hướng dẫn đi kèm

05

Nâng cấp và điều chỉnh toàn diện

Nội dung từ bộ hướng dẫn G4 đã được chỉnh sửa rõ ràng hơn và đơn giản hơn ngôn ngữ truyền đạt

CẤU TRÚC CỦA BỘ TIÊU CHUẨN GRI BAO GỒM:

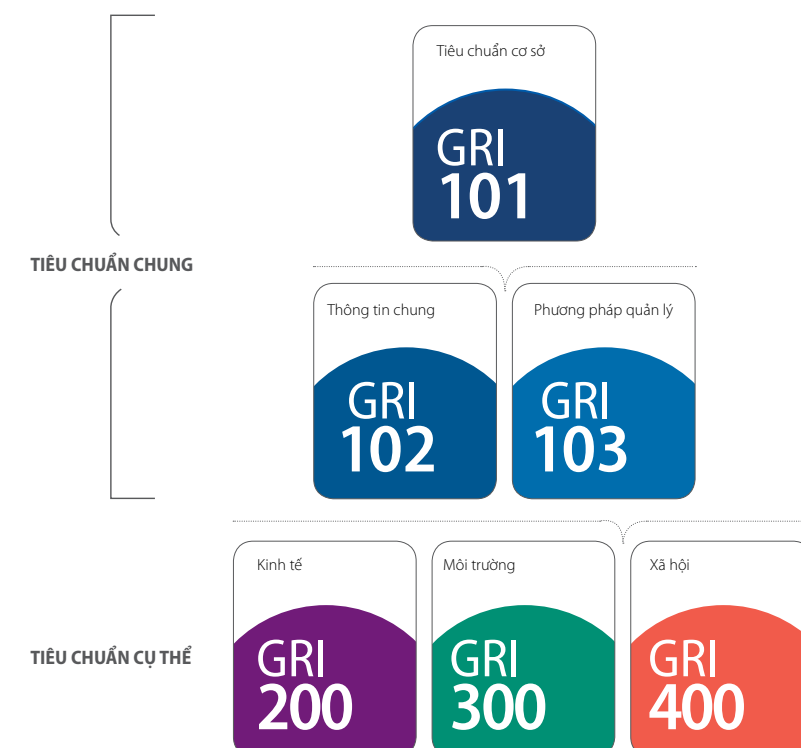
3

Tiêu chuẩn cơ sở tổng quát, áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp.

33

Tiêu chuẩn theo các chủ đề cụ thể, được sắp xếp theo các lĩnh vực kinh tế, môi trường và xã hội.

Báo cáo Phát triển bền vững năm 2017 của Bảo Việt đã lựa chọn và sử dụng các tiêu chuẩn trong cả 3 bộ tiêu chuẩn chủ đề Kinh tế, Môi trường và Xã hội dựa trên các vấn đề trọng yếu của chúng tôi.

CẤU TRÚC CỦA BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THEO TIÊU CHUẨN GRI STANDARDS

Thông tin chi tiết vui lòng xem Báo cáo Phát triển bền vững năm 2017 của Tập đoàn Bảo Việt

GẮN KẾT 17 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA THẾ GIỚI VỚI HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT

Căn cứ nội dung 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc, Bảo Việt đã phân tích, lựa chọn và tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững trong định hướng chiến lược phát triển bền vững đến năm 2020 của doanh nghiệp vào các hoạt động trong năm 2017, các hoạt động được báo cáo dựa theo các tiêu chuẩn GRI được liệt kê dưới đây:



Tích hợp các nội dung báo cáo theo Bộ tiêu chuẩn GRI Standards và 17 mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO BỞI KHỐI KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Năm 2017, Bảo Việt tiếp tục triển khai áp dụng tiêu chuẩn GRI Standards trong Báo cáo Phát triển bền vững, và Khối Kiểm toán Nội bộ Tập đoàn Bảo Việt cũng tham gia vào việc kiểm toán các nội dung trong tiêu chuẩn để đảm bảo phù hợp với chiến lược, kế hoạch của Bảo Việt. Các chỉ tiêu được lựa chọn kiểm toán đã được mở rộng phạm vi đánh giá và nằm trong các lĩnh vực trọng yếu Tập đoàn Bảo Việt ưu tiên thực hiện trong năm 2017 bao gồm các chỉ tiêu sau:

CHỈ TIÊU

TIÊU CHUẨN GRI STANDARDS

(Theo Bộ tiêu chuẩn của Tổ chức sáng kiến báo cáo toàn cầu)

- GRI 202-1** Tỷ lệ của mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng
- GRI 401-1** Nhân viên tuyển mới và thôi việc
- GRI 404-1** Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên
- GRI 413-1** Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển

TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG CHO NGÀNH DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

(Theo cẩm nang hướng dẫn của IFC và HOSE)

- FS7** Giá trị (bằng tiền) của sản phẩm và dịch vụ được thiết kế phục vụ một lợi ích xã hội nhất định cho từng lĩnh vực kinh doanh phân theo mục đích

Thông tin chi tiết vui lòng xem Báo cáo Phát triển bền vững năm 2017 của Tập đoàn Bảo Việt



TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Số: 597/2018/TĐBV-KTNB

V/v: Đảm bảo có giới hạn một số chỉ số Phát triển bền vững

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2018

Kính gửi: Tập đoàn Bảo Việt

Để đảm bảo độ tin cậy của một số chỉ số trên Báo cáo Phát triển bền vững năm 2017 của Tập đoàn Bảo Việt, Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện dịch vụ đảm bảo có giới hạn về một số chỉ số Phát triển bền vững năm 2017 của Tập đoàn Bảo Việt.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo Phát triển bền vững năm 2017 theo Bộ tiêu chuẩn báo cáo Phát triển bền vững năm 2016 và Công bố bổ sung ngành dịch vụ tài chính của Tổ chức Sáng kiến báo cáo toàn cầu (GRI). Đồng thời Ban Điều hành chịu trách nhiệm về việc thiết kế và thực thi các kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo sự hợp lý của thông tin, số liệu trong Báo cáo Phát triển bền vững năm 2017 của Tập đoàn Bảo Việt.

Trách nhiệm của Khối Kiểm toán nội bộ

Khối Kiểm toán nội bộ có trách nhiệm đưa ra các ý kiến đánh giá độc lập, khách quan về các chỉ số Phát triển bền vững được lựa chọn năm 2017 và đánh giá tình hình thực hiện các khuyến nghị trong Báo cáo Kiểm toán nội bộ về công tác lập và trình bày một số chỉ số Phát triển bền vững trên Báo cáo Phát triển bền vững năm 2016 dựa trên các thủ tục đã được quy định tại Quy trình Kiểm toán nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 692/2010/QĐ-UBKT ngày 07/06/2010 của Tập đoàn Bảo Việt, các Chuẩn mực Kiểm toán nội bộ quốc tế và các hướng dẫn của Viện Kiểm toán nội bộ Hoa Kỳ. Quy định này yêu cầu các kiểm toán viên của Khối Kiểm toán nội bộ tuân thủ Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, phương pháp đánh giá dựa trên rủi ro cho các bước tiến hành từ khâu lập kế hoạch, triển khai nhằm đưa ra kết luận.

Việc triển khai dịch vụ đảm bảo được tiến hành chủ yếu thông qua phương pháp phỏng vấn và thực hiện các thủ tục phân tích được hỗ trợ thêm bằng việc kiểm tra chọn mẫu các tài liệu, báo cáo và công tác đối chiếu.

Kết quả đảm bảo và kết quả đánh giá tình hình thực hiện khuyến nghị được thảo luận với Ban Điều hành và lãnh đạo các Khối/Phòng chức năng/đơn vị có liên quan.

Phạm vi rà soát và đảm bảo

Trên cơ sở nguồn lực hiện có, Khối Kiểm toán nội bộ cung cấp dịch vụ đảm bảo có giới hạn cho một số chỉ số Phát triển bền vững tại Báo cáo Phát triển bền vững năm 2017 của Tập đoàn Bảo Việt dựa trên Bộ tiêu chuẩn báo cáo Phát triển bền vững năm 2016 và Công bố bổ sung ngành dịch vụ tài chính của GRI bao gồm:

- GRI 202-1: Tỷ lệ mức lương thỏa thuận của nhân viên tuyển dụng mới theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng;
- GRI 401-1: Nhân viên tuyển mới và thôi việc;
- GRI 404-1: Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên;
- GRI 413-1: Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển;
- GRI G4 – FS7: Giá trị (bằng tiền) của sản phẩm và dịch vụ được thiết kế phục vụ một lợi ích xã hội nhất định cho từng lĩnh vực kinh doanh phân theo mục đích.

Kết luận

Ban Điều hành Tập đoàn Bảo Việt đã thiết lập các kiểm soát nội bộ cần thiết để đảm bảo tính đầy đủ, tính chính xác của việc trình bày các chỉ số Phát triển bền vững được lựa chọn đảm bảo trên Báo cáo Phát triển bền vững năm 2017 của Tập đoàn Bảo Việt.

Dựa trên các thủ tục đảm bảo đã nêu trên, Khối Kiểm toán nội bộ nhận thấy các chỉ số Phát triển bền vững được lựa chọn trong Báo cáo Phát triển bền vững năm 2017 của Tập đoàn Bảo Việt đã được trình bày trung thực và phù hợp trên các khía cạnh trọng yếu theo quy định tại Bộ tiêu chuẩn báo cáo Phát triển bền vững năm 2016 và Công bố bổ sung ngành dịch vụ tài chính của GRI.

Đối với các khuyến nghị trong Báo cáo Kiểm toán nội bộ về công tác lập và trình bày một số chỉ số Phát triển bền vững trên Báo cáo Phát triển bền vững năm 2016, Khối Kiểm toán nội bộ đánh giá Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành các khuyến nghị liên quan đến: Thành phần nhóm công tác lập Báo cáo Phát triển bền vững; Ban hành quy trình lập Báo cáo Phát triển bền vững; Rà soát các chỉ số GRI 401-1, GRI 413-1; Cập nhật mẫu biểu thu thập thông tin. Bên cạnh đó, Tập đoàn Bảo Việt đang thực hiện và sẽ sớm hoàn thành đối với khuyến nghị về: Đào tạo, hướng dẫn về việc tính toán và trình bày các chỉ số báo cáo; Rà soát chỉ số GRI 404-1.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD Tập đoàn (để báo cáo);
- UBKT (để báo cáo);
- Lưu VT, Ban KTĐT.

GIÁM ĐỐC KHỐI KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Trần Thị Diệu Hằng

01

TỔNG QUAN

- THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
- TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI
- SỰ KIỆN VÀ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU
- CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN (KPI)

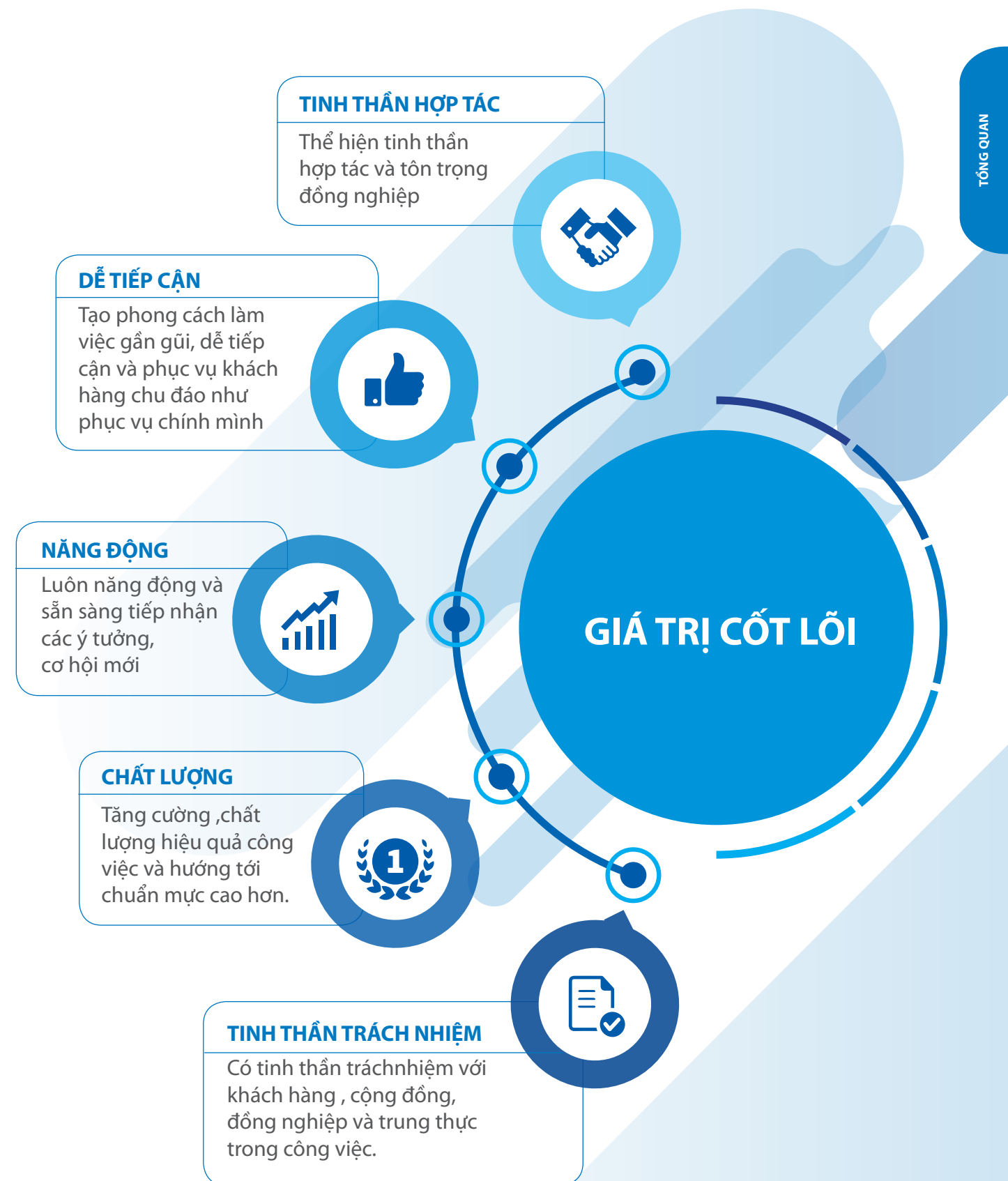


TÂM NHÌN

Giữ vững vị thế là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam
Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tiềm lực tài chính mạnh,
tăng trưởng bền vững, hiệu quả.

SỨ MỆNH

Bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho
khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng





Ông ĐÀO ĐÌNH THI

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt
Phó Chủ tịch Hội đồng Doanh nghiệp
vì sự phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD)

“Với những nền tảng xây dựng được, Bảo Việt luôn đoàn kết, đồng lòng, bám sát định hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020, tập trung đẩy mạnh triển khai các giải pháp trọng tâm để chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực cho phát triển bền vững và tâm thế cho hội nhập.”

Cất cánh, khẳng định thương hiệu Việt

Với các chỉ tiêu tài chính đã đạt được và việc triển khai mạnh mẽ, đồng bộ các giải pháp trọng tâm trong năm 2017, Bảo Việt đã “cất cánh” và tự tin “khẳng định thương hiệu Việt” trong năm 2018.

BAOVIET

Kính gửi các quý cổ đông, khách hàng và đồng nghiệp,

Năm 2017 là năm thứ hai Tập đoàn Bảo Việt thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn 5 năm 2016 – 2020, với việc triển khai đồng bộ, toàn diện các giải pháp trọng tâm về kinh doanh, quản trị, công nghệ thông tin, nguồn nhân lực, truyền thông thương hiệu, sản phẩm, dịch vụ khách hàng, mạng lưới, kênh phân phối, chúng tôi vui mừng thông báo Bảo Việt đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2017 để ra, tiếp tục khẳng định vị thế là doanh nghiệp Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam với doanh thu gần 1,5 tỷ USD.

HIỆN THỰC HÓA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Các đơn vị thành viên trong lĩnh vực kinh doanh nòng cốt là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ giữ đà tăng trưởng mạnh mẽ, giữ vững vị trí số 1 trên cả thị trường bảo hiểm phi nhân thọ và thị trường bảo hiểm nhân thọ; Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt tiếp tục là doanh nghiệp quản lý quỹ hàng đầu Việt Nam; Công ty CP chứng khoán Bảo Việt thuộc Top 5 công ty có thị phần môi giới lớn nhất. Giá trị thương hiệu Bảo Việt đạt 108 triệu USD, tăng 19 triệu USD so với năm 2016 và cao nhất trong ngành tài chính - bảo hiểm.

Bên cạnh những mục tiêu kinh tế, chúng tôi hiểu rằng mục tiêu bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội chính là các yếu tố nền tảng cho sự thành công lâu dài, bền vững của Bảo Việt. Trong năm qua, Bảo Việt đã rất tích cực trong việc triển khai các hoạt động cộng đồng, an sinh xã hội gắn kết các mục tiêu phát triển bền vững của thế giới trong hoạt động kinh doanh. Thành quả đó đã được ghi nhận qua việc Bảo Việt tiếp tục đạt giải Báo cáo Phát triển bền vững tốt nhất Châu Á do tổ chức hàng đầu về cung cấp dịch vụ, tư vấn và đào tạo thực hành phát triển bền vững CSRWorks bình chọn và những giải thưởng danh giá khác trong và ngoài nước.

Tất cả những thành công trên là nhờ sự nỗ lực, sáng tạo và tận tụy của tập thể ban lãnh đạo, cán bộ nhân viên, tư vấn viên của Bảo Việt cũng như sự quan tâm chỉ đạo của các cơ quan quản lý và sự hỗ trợ, đồng hành của các quý cổ đông, khách hàng và đối tác của Bảo Việt trong suốt năm qua.

BẢO VIỆT - CẤT CÁNH, KHẲNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU VIỆT

Bước sang năm mới 2018, môi trường kinh tế vĩ mô dự kiến còn nhiều biến động do ảnh hưởng về kinh tế - chính trị từ các nước, các khu vực trên thế giới. Hội đồng Quản trị sẽ luôn đồng hành, sát cánh cùng tập thể Ban Điều hành và cán bộ nhân viên, tư vấn viên toàn hệ thống tiếp tục phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp đã có, và quyết tâm, đồng lòng triển khai những giải pháp kinh doanh, bám sát định hướng chiến lược giai đoạn 2016 – 2020 của Tập đoàn nhằm thực hiện thành công các mục tiêu kế hoạch năm 2018, tự tin “Khẳng định thương hiệu Việt” và hướng tới hoàn thành chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020 của Tập đoàn.

Chúng tôi tin tưởng rằng khi có niềm tin và cùng chung một chỉ hướng “Đoàn kết – Chia sẻ – Hợp lực – Đổi mới – Tiên phong”, chúng tôi sẽ vượt qua mọi thách thức để cùng đưa Bảo Việt vươn xa, phát triển hiệu quả, bền vững và hiện thực hóa tầm nhìn tới 2025 của Bảo Việt là “Giữ vững vị thế là Tập đoàn tài chính bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tiềm lực tài chính mạnh, tăng trưởng bền vững, hiệu quả”.

Trân trọng cảm ơn.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT



Đào Đình Thi



KHẲNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU VIỆT

Năm 2018, với tầm nhìn rộng mở, hướng đến phát triển bền vững, Bảo Việt đã sẵn sàng đón đầu những cơ hội mới, phát huy tiềm năng để hội nhập và **khẳng định thương hiệu Việt** trong khu vực và vươn tầm quốc tế.

Ông Đỗ Trường Minh
Q. Tổng Giám Đốc Tập đoàn Bảo Việt

“KHẲNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU VIỆT”

Thân gửi các quý cổ đông, khách hàng và đồng nghiệp,

Năm 2017 ghi nhận sự thành công của Kinh tế Việt Nam với 13 chỉ tiêu của Quốc hội đưa ra đều đạt được, trong đó tăng trưởng GDP đạt 6,81%, cao hơn so với bình quân 5,2% của vùng Đông Nam Á và trở thành mức tăng trưởng cao nhất trong nhiều năm trở lại đây. Vốn đầu tư nước ngoài đạt xấp xỉ 36 tỷ USD. Kim ngạch xuất nhập khẩu xác lập kỷ lục mới khi đạt mốc 424,87 tỷ USD. Thị trường chứng khoán Việt Nam chính thức lấy lại toàn bộ số điểm đã mất kể từ cuối năm 2007 bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, chỉ số VN-index đạt xấp xỉ 1.000 điểm.

Trong bối cảnh kinh tế Việt Nam phục hồi và tăng trưởng, năm 2017 tiếp tục là một năm thành công của Tập đoàn Bảo Việt khi hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh. Với thông điệp “Sẵn sàng cất cánh”, Bảo Việt đã tập trung đẩy mạnh triển khai các giải pháp trọng tâm đảm bảo các nguồn lực cho tăng trưởng bền vững. Tổng doanh thu của toàn hệ thống đạt xấp xỉ 1,5 tỷ USD, khẳng định vị trí số 1 trên thị trường bảo hiểm Việt Nam trên cả hai lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ. Bảo Việt đã ra mắt chuỗi sản phẩm vượt trội và mở rộng mạng lưới công ty bao phủ 63 tỉnh, thành phố. Giá trị thương hiệu của Bảo Việt được đánh giá cao nhất trong các doanh nghiệp ngành tài chính bảo hiểm Việt Nam

Khẳng định vị trí số 1 trên thị trường bảo hiểm Việt Nam

Với việc triển khai quyết liệt và hiệu quả các giải pháp chiến lược, Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2017 mà Đại hội đồng cổ đông giao, khẳng định vị trí số 1 trên thị trường bảo hiểm Việt Nam.

Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn tăng trưởng mạnh 27,5% so với năm 2016, lập kỷ lục mức tăng trưởng cao nhất kể từ khi cổ phần hóa đến nay, vượt 13,4% kế hoạch đề ra, xấp xỉ cán mốc 1,5 tỷ USD. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất toàn Tập đoàn tăng trưởng xuất sắc 37,6% so với cùng kỳ năm 2016, vượt 34,2% kế hoạch lợi nhuận.

Công ty Mẹ đã hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2017 do Đại hội đồng cổ đông giao với lợi nhuận trước thuế đạt 1.056 tỷ đồng, vượt 3% so với kế hoạch, tăng trưởng 1,2% so với năm 2016; lợi nhuận sau thuế đạt 1.026 tỷ đồng, hoàn thành 100% kế hoạch. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ đạt 15,1%.

Tăng trưởng và phát triển ổn định trên mọi lĩnh vực hoạt động

Lĩnh vực kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ tiếp tục giữ đà tăng trưởng mạnh mẽ. Tổng doanh thu đạt 22.149 tỷ đồng, tăng trưởng 29,4% so với năm 2016, vượt 11% kế hoạch năm, trong đó doanh thu khai thác mới quý năm (AFYP) đạt 4.408 tỷ đồng, tăng trưởng 25% so với năm 2016. Năm 2017 là năm thứ 2 liên tiếp Bảo Việt Nhân thọ duy trì vị trí số 1 thị trường về Doanh thu khai thác mới và lần đầu tiên vươn lên đứng đầu thị trường về thị phần tổng doanh thu phí bảo hiểm.

Lĩnh vực kinh doanh Bảo hiểm Phi nhân thọ tăng trưởng bứt phá, khẳng định vị trí số 1 thị trường bảo hiểm phi nhân thọ. Tổng doanh thu đạt 9.487 tỷ đồng, tăng trưởng 23,7% so với năm 2016, trong đó doanh thu bảo hiểm gốc đạt 8.051 tỷ đồng, tăng trưởng 22,6% so với năm 2016. Bảo hiểm Bảo Việt là doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đầu tiên và duy nhất đạt mức phí bảo hiểm gốc trên 8.000 tỷ đồng với mức tăng trưởng cao gấp 2 lần so với mức tăng trưởng bình quân thị trường.

Lĩnh vực Chứng khoán và Quản lý Quỹ phát triển mạnh mẽ với nhiều con số ấn tượng: Năm 2017, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (BVF) tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng về tổng tài sản quản lý, đạt gần 2 tỷ USD, tăng trưởng 16,8% so với năm 2016. Hoạt động của hầu hết các quỹ và danh mục đều vượt kế hoạch. Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) ghi nhận sự thành công vượt trội về doanh thu môi giới khi tăng trưởng 88,8% so với kế hoạch và tăng 107,9% so với 2016, thị phần môi giới của BVSC đạt xấp xỉ 5%, tăng gần 40% so với 2016 và đưa BVSC vào TOP 5 công ty có thị phần lớn nhất tại HOSE trong 2 quý liên tiếp; khẳng định uy tín thương hiệu không chỉ trong nước mà cả trên trường quốc tế thông qua việc tư vấn thành công thương vụ thoái vốn nhà nước tại Sabeco.

Ra mắt chuỗi sản phẩm mới vượt trội và mở rộng mạng lưới rộng khắp toàn quốc

Năm 2017, Bảo Việt ra mắt nhiều sản phẩm mới và đột phá, lần đầu tiên có mặt tại thị trường Việt Nam nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng như: An Bình Thịnh Vượng, An Hưng Phát Lộc, Bảo hiểm Tai nạn toàn diện và Chăm sóc Y tế, Bảo hiểm Bảo nhiệt đới, Bảo hiểm Inter Care, Bảo hiểm ưu việt cho bệnh ung thư và tim mạch...

Bảo Việt là doanh nghiệp đầu tiên và duy nhất cho đến nay có hệ thống mạng lưới bao phủ khắp 63 tỉnh, thành phố. Năm 2017, các đơn vị thành viên tiếp tục mở rộng mạng lưới, đến nay Bảo Hiểm Bảo Việt có 79 công ty thành viên, Bảo Việt Nhân thọ có 75 công ty thành viên, toàn hệ thống Bảo Việt có hơn 700 chi nhánh, văn phòng khu vực trên cả nước nhằm cung cấp chất lượng dịch vụ tối ưu cho khách hàng.

91.402 tỷ đồng

4 TỶ USD

TỔNG TÀI SẢN HỢP NHẤT

1,5 TỶ USD

TỔNG DOANH THU
HỢP NHẤTTOP 50 THƯƠNG HIỆU
VIỆT NAM

108 TRIỆU USD

GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU

HỢP NHẤT

14.467 TỶ

VỐN CHỦ SỞ HỮU

700 VĂN PHÒNG

63 TỈNH

HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI

Tái định vị thương hiệu để vươn tầm quốc tế

Việc tái định vị thương hiệu theo hướng phát triển bền vững cũng được Bảo Việt triển khai thông qua việc “xanh hóa” các điểm tiếp xúc thương hiệu, gắn chiến lược thương hiệu với chiến lược kinh doanh. Năm 2017, thương hiệu Bảo Việt được Brand Finance (UK) – hãng tư vấn định giá thương hiệu hàng đầu thế giới đánh giá là một trong “TOP 50 thương hiệu Việt Nam có giá trị lớn nhất năm 2017” với giá trị thương hiệu đạt 108 triệu USD, tăng gần 20 triệu USD so với năm 2016, cao nhất trong ngành tài chính bảo hiểm Việt Nam. Thành công của năm 2017 là sự nỗ lực, kết tinh trí tuệ của tập thể cán bộ nhân viên, tư vấn viên trong toàn hệ thống, tạo nền tảng vững chắc để Bảo Việt “Khẳng định thương hiệu Việt” và vươn tầm quốc tế.

Mô hình Quản lý rủi ro doanh nghiệp thống nhất và xuyên suốt toàn Tập đoàn đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững

Tập đoàn duy trì mô hình 3 tầng phòng vệ trong hệ thống quản lý rủi ro doanh nghiệp, xuyên suốt từ Tập đoàn đến các đơn vị thành viên đảm bảo hoạt động quản lý rủi ro được đồng bộ và thống nhất. Năm 2017, hoạt động quản lý rủi ro đã tham gia vào mọi hoạt động kinh doanh một cách chủ động nhằm nhận diện, phát hiện, xử lý các rủi ro kịp thời. Hội đồng Quản lý rủi ro tham mưu, giúp việc hiệu quả cho ban Lãnh đạo bằng hệ thống báo cáo đánh giá, bằng các mô hình, chính sách phù hợp.

Năm 2018 – Khẳng định thương hiệu Việt

Năm 2018, tình hình kinh tế Việt Nam được dự báo có triển vọng tăng trưởng, tuy nhiên vẫn tiềm ẩn nhiều khó khăn thách thức. Đặc biệt, Kỷ nguyên công nghệ – cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang diễn ra với nhịp độ nhanh có những tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế thế giới và Việt Nam là cơ hội cũng như thách thức cho các doanh nghiệp cần đổi mới, sáng tạo không ngừng.

Tập đoàn Bảo Việt sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh hướng tới phát triển hiệu quả và bền vững, bám sát định hướng chiến lược phát hiện giai đoạn 2016 – 2020 của Bảo Việt và hiện thực hóa tầm nhìn tới 2025 “*Giữ vững vị thế là Tập đoàn tài chính bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tiềm lực tài chính mạnh, tăng trưởng bền vững, hiệu quả*”. Trong năm 2018, Tập đoàn sẽ tập trung vào một số vấn đề sau:

Thứ nhất, tập trung thực hiện các giải pháp kinh doanh 2018 bám sát các giải pháp chiến lược 2016 – 2020, các lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ tiếp tục giữ vững vị trí số 1 thị trường, lĩnh vực quản lý quỹ giữ vững vị thế hàng đầu Việt Nam.

Thứ hai, để án hợp lực Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục là một trong các dự án nòng cốt, được triển khai mạnh mẽ và toàn diện, tiếp tục ra mắt chuỗi sản phẩm đa dạng và ưu đãi vượt trội cho khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng trước, trong và sau bán hàng.

Thứ ba, nâng cao hiệu quả và hiệu suất lao động, sắp xếp bộ máy tinh gọn, hiệu quả, tăng cường công tác đào tạo gắn với quy hoạch, luân chuyển cán bộ trên toàn hệ thống nhằm nâng cao chất lượng và chuẩn bị sẵn sàng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu kinh doanh của các đơn vị trên toàn hệ thống.

Thứ tư, tập trung đầu tư và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại; đảm bảo cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng tốt hơn cho nhu cầu kinh doanh của toàn hệ thống cũng như yêu cầu quản trị điều hành tập trung trong thời đại kinh doanh công nghệ số.

Thứ năm, duy trì hệ thống quản lý rủi ro doanh nghiệp hiệu quả, tăng cường sự phối hợp giữa 3 tuyến phòng thủ, tiếp tục tập trung quản lý các rủi ro trọng yếu, thường xuyên nhận diện các rủi ro liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin, an ninh mạng, rủi ro tuân thủ nhằm hỗ trợ tối đa cho hoạt động kinh doanh.

Thứ sáu, tăng cường năng lực tài chính cho Công ty Mẹ và các công ty con để tăng khả năng cạnh tranh, tiếp tục mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế để hướng đến kiến tạo một mô hình “Hệ sinh thái Tài chính Bảo Việt”

Với sự nỗ lực, đồng lòng, quyết tâm thực hiện đồng bộ những giải pháp này trong toàn hệ thống, tôi tin tưởng rằng Bảo Việt đã tái định vị và “**Khẳng định thương hiệu Việt**” trong năm 2018 nhằm tiếp tục khẳng định vị trí số 1 bền vững trên thị trường bảo hiểm, không ngừng gia tăng giá trị cho khách hàng, cổ đông và các bên liên quan.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Tập đoàn Bảo Việt, tôi xin trân trọng cảm ơn các Quý cổ đông, Quý khách hàng, đối tác, các cơ quan quản lý Nhà nước cùng toàn thể cán bộ nhân viên, đại lý, tư vấn viên trong toàn hệ thống đã luôn đồng hành và hỗ trợ Bảo Việt trọng suốt thời gian qua và rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Quý vị trong thời gian tới để Bảo Việt luôn vững bước trên chặng đường phát triển.

Kính chúc toàn thể Quý vị mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công!
Trân trọng cảm ơn.

QUYẾN TỔNG GIÁM ĐỐC

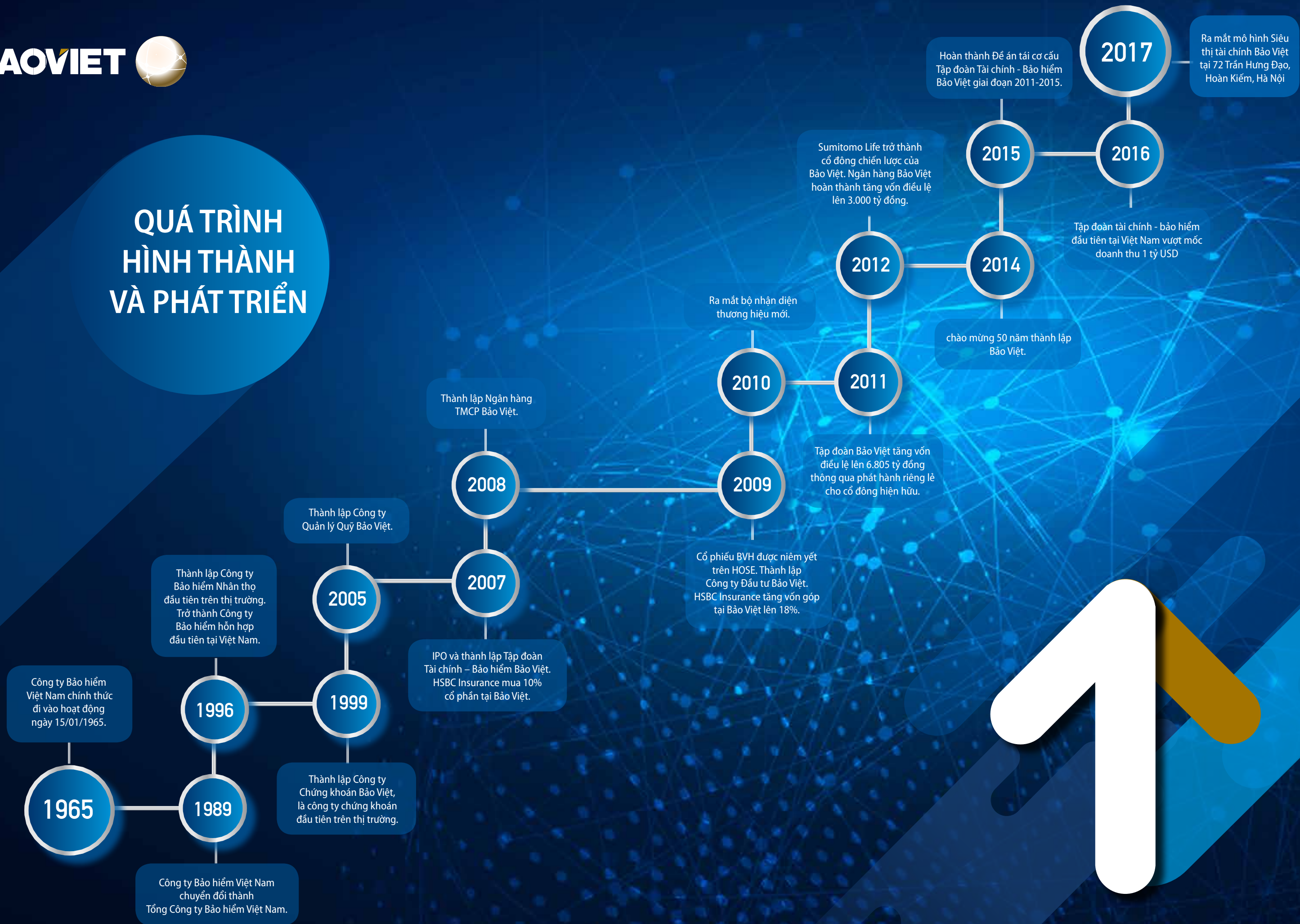
Đỗ Trường Minh

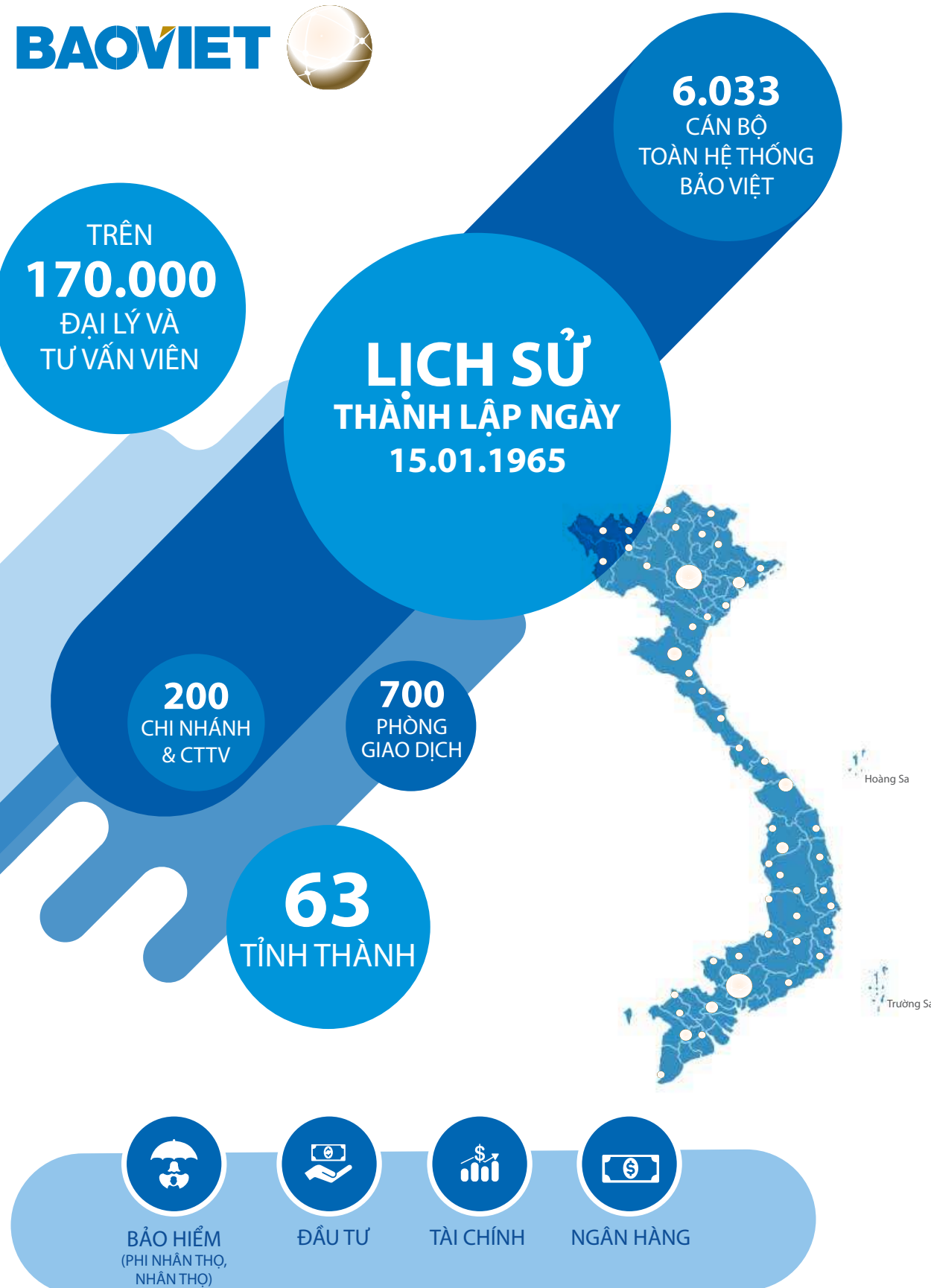


BẢO VIỆT
KIÊN ĐỊNH MỤC TIÊU
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

KHẲNG ĐỊNH
THƯƠNG HIỆU VIỆT ĐỂ TIẾP TỤC
VƯƠN CAO VÀ XA HƠN
TRONG HỘI NHẬP

QUÁ TRÌNH
HÌNH THÀNH
VÀ PHÁT TRIỂN



**VAI TRÒ TẠO LẬP VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG**

Là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, Bảo Việt tích cực tham gia tạo lập thị trường bảo hiểm và thị trường vốn trên thị trường tài chính Việt Nam. Bảo Việt là thành công điển hình trong tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, đã gặt hái nhiều thành quả đổi mới toàn diện.

Bảo Việt luôn đi đầu trong các chương trình bảo hiểm mang tính xã hội, chương trình bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm rủi ro thiên tai, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm khai thác thủy sản...

VỊ THẾ KHÁC BIỆT VÀ VƯỢT TRỘI

Với hơn nửa thế kỷ phát triển, Bảo Việt là thương hiệu uy tín hàng đầu thị trường, đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm nhất trên thị trường tài chính bảo hiểm với hơn 170.000 cán bộ, đại lý, tư vấn viên.

Mạng lưới phân phối quy mô lớn, với 200 chi nhánh và công ty thành viên, hơn 700 phòng giao dịch bảo hiểm bao phủ rộng khắp các tỉnh thành của Việt Nam mà không một tập đoàn tài chính - bảo hiểm nào tại Việt Nam có thể so sánh được.

TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG LỚN

Bảo Việt đã xây dựng nền tảng tạo đà cho sự tăng trưởng bền vững trong tương lai và chuẩn bị sẵn sàng khai thác các cơ hội to lớn trên thị trường tài chính bảo hiểm Việt Nam.

KẾT QUẢ KINH DOANH TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG HIỆU QUẢ

Bảo Việt đạt kết quả tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ổn định vững chắc qua các năm trên các mảng Bảo hiểm - Đầu tư - Tài chính - Ngân hàng.

Năm 2017, Bảo Việt là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm đầu tiên tại Việt Nam vượt mốc doanh thu 1,5 tỷ USD, khẳng định vị thế thương hiệu và năng lực tài chính mạnh của doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực tài chính - bảo hiểm tại Việt Nam.

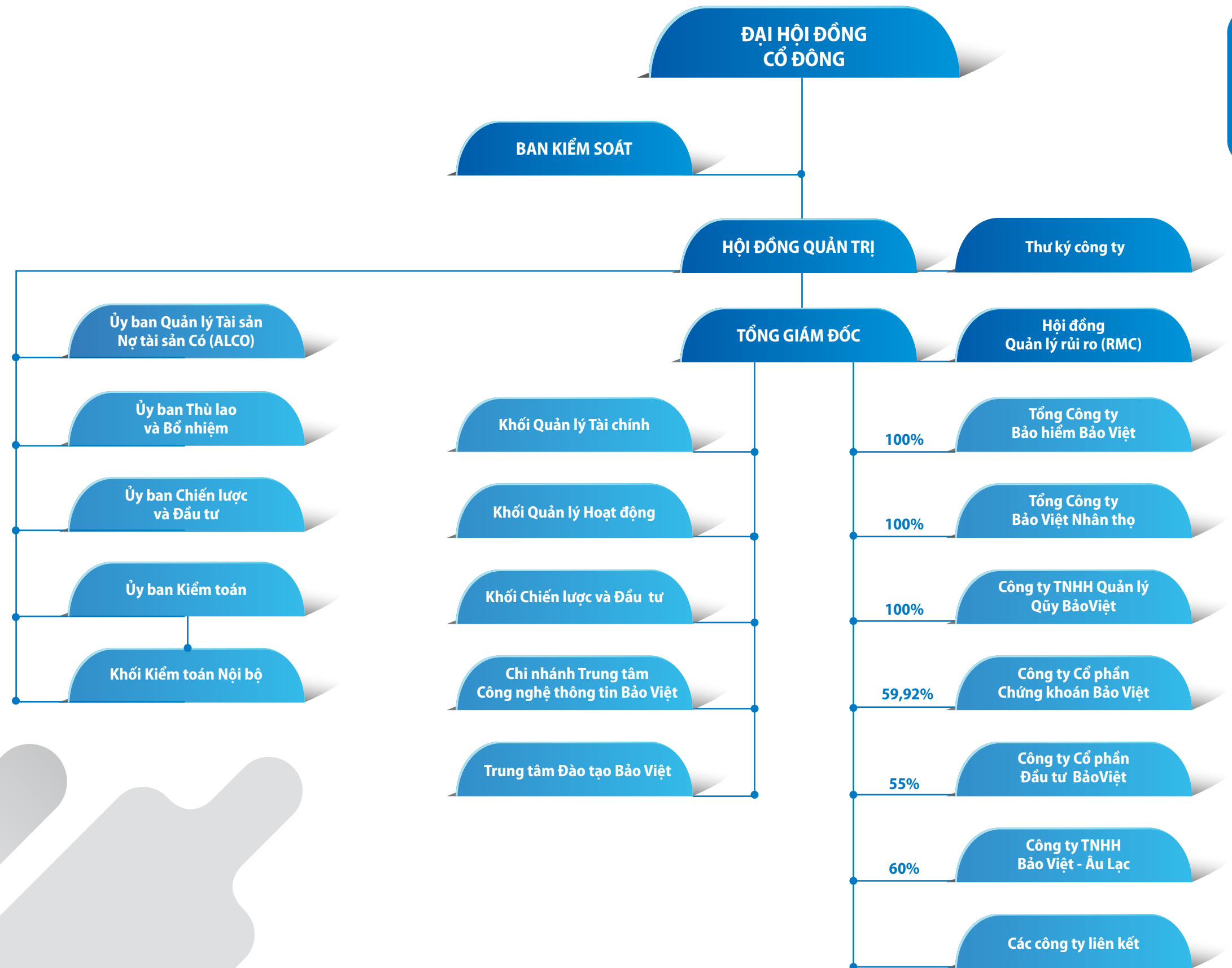
Luôn thuộc nhóm dẫn đầu các tổ chức tài chính có tỷ lệ sinh lời ROE, ROA cao nhất.

CỔ PHIẾU BVH HẤP DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

Tập đoàn Bảo Việt là công ty niêm yết có vốn hóa thị trường lớn, cổ phiếu BVH đóng vai trò dẫn dắt trong nhóm ngành tài chính bảo hiểm, thanh khoản cao và luôn nằm trong danh mục sở hữu của các quỹ ETFs nước ngoài tại Việt Nam.

Là doanh nghiệp nhà nước đầu tiên thành công trong việc tìm kiếm cổ đông chiến lược nước ngoài.

Thuộc nhóm dẫn đầu trong các tổ chức tài chính có tỷ lệ cổ tức cao và ổn định qua các năm.



(Tại thời điểm 30 / 3 / 2018)



ÔNG ĐÀO ĐÌNH THI
Chủ tịch HĐQT



ÔNG PHAN KIM BẰNG
Thành viên HĐQT



BÀ THÂN HIỀN ANH
Thành viên HĐQT



ÔNG ĐẬU MINH LÂM
Thành viên HĐQT



ÔNG SHUICHI SAKAI
Thành viên HĐQT



ÔNG MUNEKO SASAGAWA
Thành viên HĐQT



ÔNG NGUYỄN ANH TÙNG
Thành viên HĐQT



ÔNG NGUYỄN MINH HOÀNG
Thành viên HĐQT



ÔNG NGUYỄN DUY KHÁNH
Thành viên HĐQT



ÔNG ĐỖ TRƯỜNG MINH
Quyền Tổng Giám đốc

ÔNG NGUYỄN ANH TUẤN
Giám đốc
Khối Quản lý Hoạt động

ÔNG PHẠM NGỌC TÚ
Phó đốc phụ trách
Khối Quản lý Tài chính

ÔNG NGUYỄN XUÂN HÒA
Kế toán trưởng

ÔNG NGUYỄN MINH HOÀNG
Giám đốc
Khối Chiến lược và Đầu tư

ÔNG TRƯƠNG TUẤN LÂM
Phó Giám đốc phụ trách
Chi nhánh Trung tâm Công nghệ
thông tin Bảo Việt

ÔNG NGUYỄN THANH HẢI
Giám đốc
Trung tâm Đào tạo Bảo Việt



SỰ KIỆN TIÊU BIỂU NĂM 2017



Bảo Việt hoàn thành kế hoạch kinh doanh với tổng doanh thu đạt gần 1,5 tỷ USD, khẳng định vị trí số 1 trên thị trường bảo hiểm Việt Nam.

01



Đề án Hợp Lực Tập đoàn Bảo Việt đạt được những kết quả nổi bật.

02



Ra mắt chuỗi sản phẩm tích hợp và chuyên biệt mang lại sự lựa chọn đa dạng và ưu đãi vượt trội cho khách hàng.

03



Khai trương siêu thị tài chính đầu tiên của Bảo Việt - Baoviet One Stop Shop, tái định vị thương hiệu để vươn tầm quốc tế

04



Bảo Việt phát triển mở rộng mạng lưới hoạt động, vươn xa để đến gần hơn với khách hàng

05



Đạt giải Bạch kim, Giải Nhất tại Cuộc bình chọn Báo cáo thường niên tốt nhất 2017 và nhiều giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế.

06



Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt và Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt tiếp tục củng cố vị thế trên thị trường.

07



Tăng cường mở rộng hợp tác, phát huy sức mạnh cộng hưởng với các đối tác uy tín trong nước và quốc tế

08



Đầu tư hơn 220 tỷ đồng cho hoạt động an sinh xã hội và phát triển cộng đồng bền vững, gắn kết các mục tiêu phát triển bền vững của thế giới (SDGs) trong hoạt động kinh doanh.

09



Đẩy mạnh hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại đáp ứng yêu cầu của hoạt động kinh doanh và xu hướng cách mạng công nghiệp 4.0.

10

10 GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU NĂM 2017



1

5 NĂM LIÊN TIẾP LÀ
DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT TỐT NHẤT
VÀ DẪN ĐẦU NGÀNH BẢO HIỂM
(Forbes Việt Nam bình chọn)



2

“TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH QUẢN TRỊ
TỐT NHẤT VIỆT NAM NĂM 2017” -
“BEST FINANCIAL GROUP
GOVERNANCE – VIETNAM 2017”.
(Capital Financial International (CFI) -
Tạp chí chuyên ngành tài chính
hàng đầu tại Vương quốc Anh bình chọn)



3

TOP 10 DOANH NGHIỆP
BỀN VỮNG XUẤT SẮC NHẤT
VIỆT NAM 2 NĂM LIÊN TIẾP
(VCCI, VBCSD với sự cố vấn của các
chuyên gia trong nước và quốc tế
bình chọn)



4

TOP 10 DOANH NGHIỆP
NIÊM YẾT UY TÍN NĂM 2017
(Vietnam Report tổ chức
bình chọn)



5

BẢO VIỆT GIỮ NGÔI VỊ
DẪN ĐẦU TẠI CUỘC BÌNH
CHỌN BÁO CÁO THƯỜNG
NIÊN XUẤT SẮC NHẤT 2017
(Sở Giao dịch Chứng khoán
Tp HCM, Sở Giao dịch Chứng
khoán Hà Nội và Báo Đầu tư
Chứng khoán đồng tổ chức)



6

TOP 18 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG XUẤT SẮC NHẤT
THẾ GIỚI NĂM 2017
(Hiệp hội Truyền thông
chuyên nghiệp Hoa Kỳ bình chọn)



7

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
TỐT NHẤT CHÂU Á (ASRA) NĂM 2017
(CSR WORKS - Tổ chức Tư vấn
hàng đầu về thực hành phát triển
bền vững bình chọn)



8

BẢO HIỂM BẢO VIỆT ĐẠT GIẢI
“THƯƠNG HIỆU BẢO HIỂM
TỐT NHẤT VIỆT NAM 2017”
(Tạp chí Global Brands
Magazine (GBM) bình chọn)



9

BẢO VIỆT NHÂN THỌ NHẬN
GIẢI “CÔNG TY BẢO HIỂM
NHÂN THỌ TỐT NHẤT
VIỆT NAM 2017” VÀ “CÔNG TY
BẢO HIỂM NHÂN THỌ VÌ
SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG 2017”
(Tạp chí tài chính uy tín
toàn cầu của Anh Quốc Global
Banking & Finance Review
bình chọn)



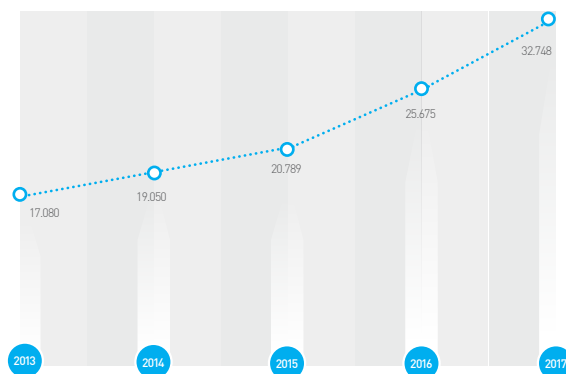
10

BVSC: TOP 20 THƯƠNG HIỆU
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2017
(Hiệp hội Chống hàng giả và
Bảo vệ Thương hiệu Việt Nam
cùng Báo Thương hiệu và
Công luận tổ chức bình chọn)

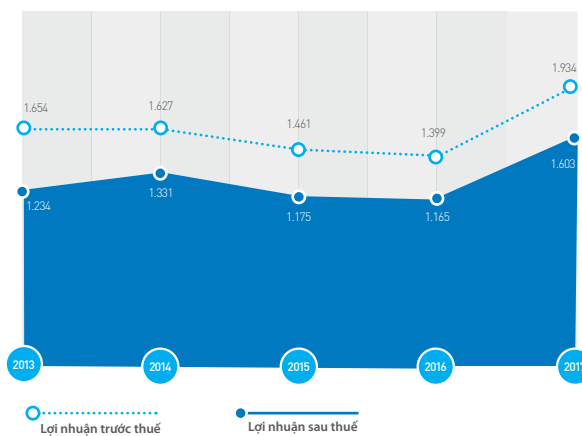
HỢP NHẤT GIAI ĐOẠN 2013 - 2017

Đơn vị: Tỷ đồng

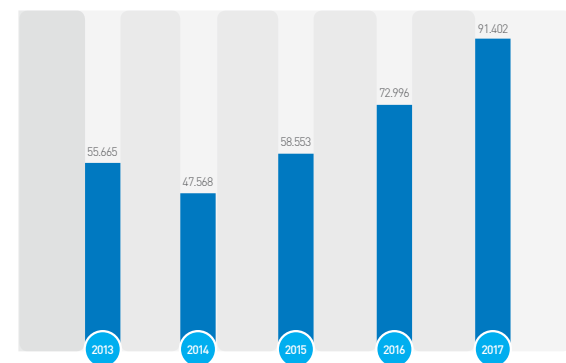
Tổng doanh thu



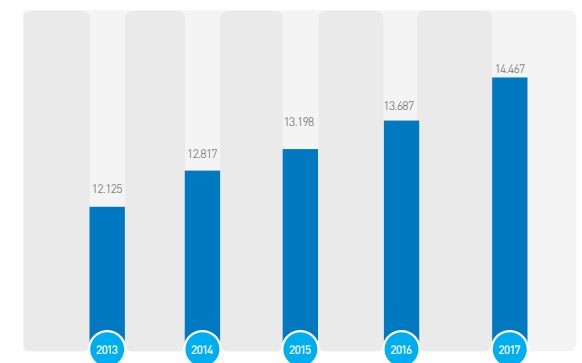
Lợi nhuận



Tổng tài sản



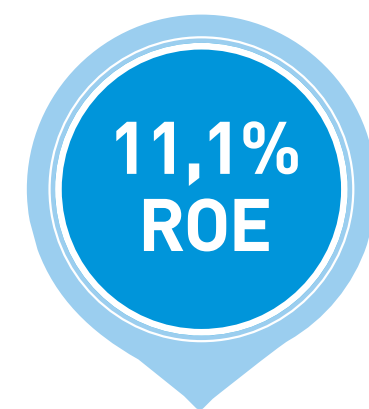
Vốn chủ sở hữu



Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản năm 2017

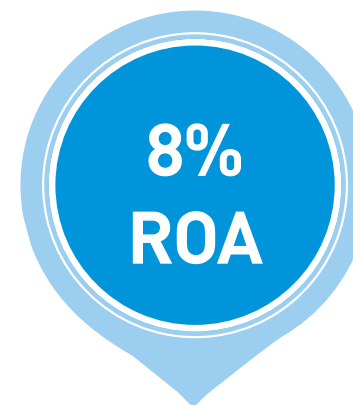


Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu năm 2017

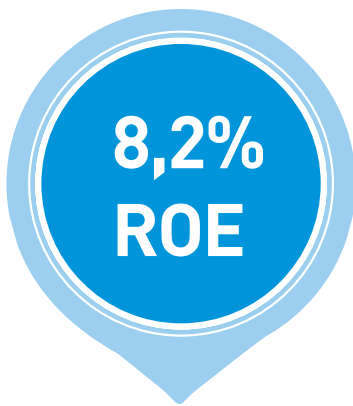


CÔNG TY MẸ NĂM 2017

Đơn vị: Tỷ đồng



Công ty Mẹ năm 2017



Công ty Mẹ năm 2017

1.385

TỔNG DOANH THU

12.860

TỔNG TÀI SẢN

1.056

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

1.026

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

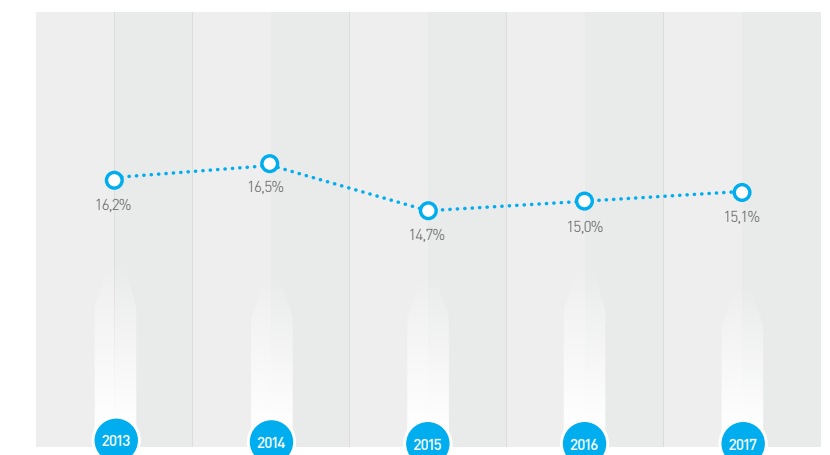
12.440

VỐN CHỦ SỞ HỮU

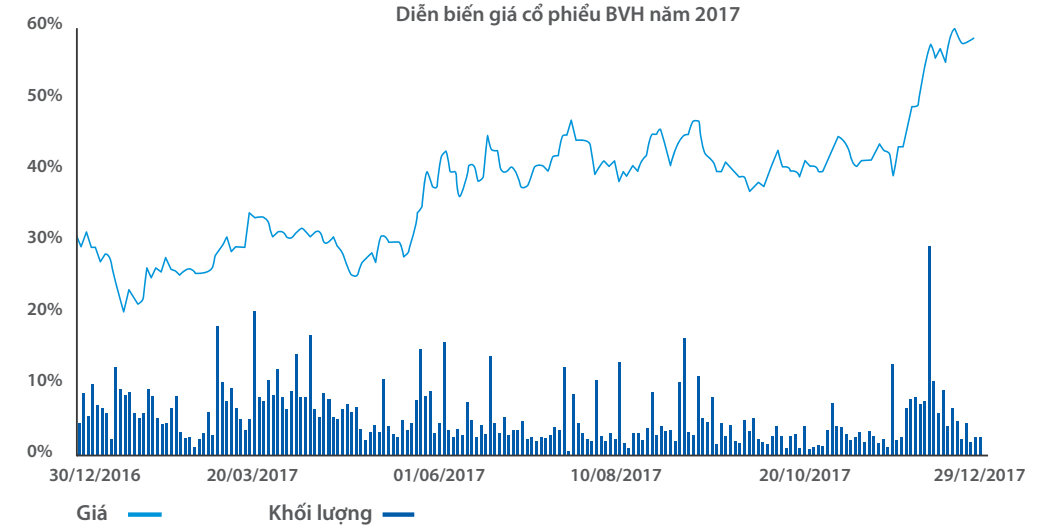
1.508

EPS (ĐỒNG)

Lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ (ROCC)



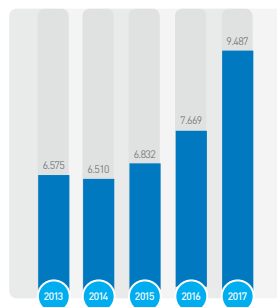
Diễn biến giá cổ phiếu BVH năm 2017



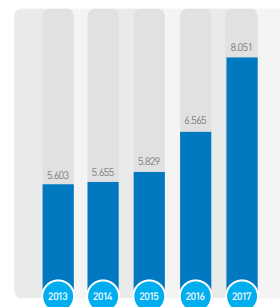
BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Đơn vị: Tỷ đồng

Tổng doanh thu



Doanh thu phí Bảo hiểm gốc



388

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

313

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Đơn vị: Tỷ đồng

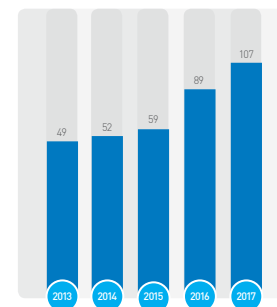
12.651

Tổng tài sản tại 31/12/2017

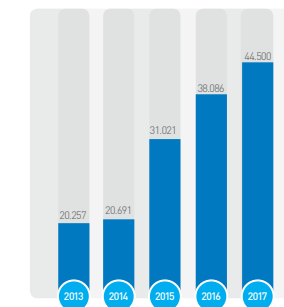
QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

Đơn vị: Tỷ đồng

Tổng doanh thu



Tổng tài sản quản lý



40

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

32

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Đơn vị: Tỷ đồng

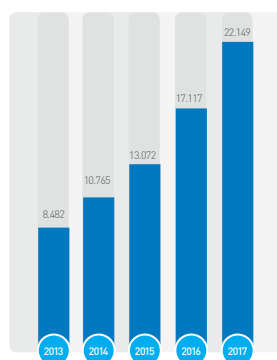
142

Tổng tài sản tại 31/12/2017

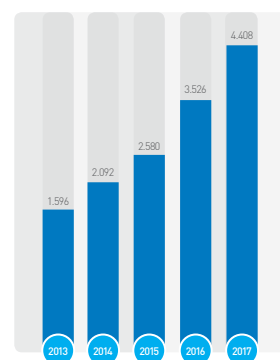
BẢO VIỆT NHÂN THỌ

Đơn vị: Tỷ đồng

Tổng doanh thu



Doanh thu khai thác mới quy năm (AFYP)



1.001

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

812

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

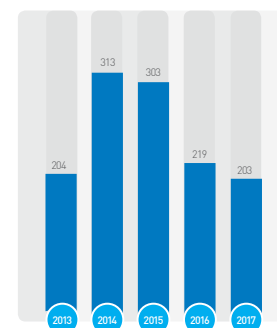
69.236

Tổng tài sản tại 31/12/2017

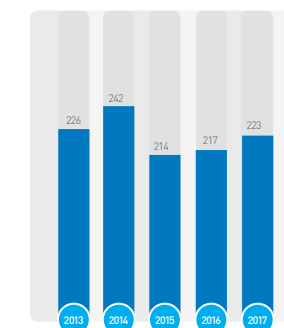
ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

Đơn vị: Tỷ đồng

Tổng doanh thu



Vốn chủ sở hữu



8

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

6

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

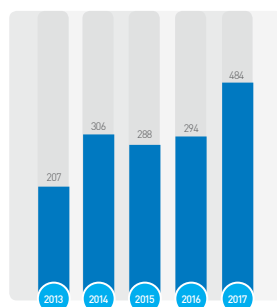
469

Tổng tài sản tại 31/12/2017

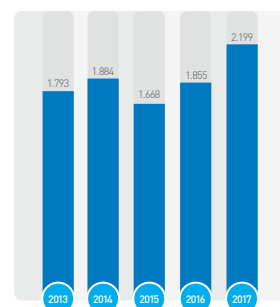
CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Đơn vị: Tỷ đồng

Tổng doanh thu



Tổng tài sản



152

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

122

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

2.199

Tổng tài sản tại 31/12/2017

02

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- MÔI TRƯỜNG KINH DOANH,
CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC
- MÔ HÌNH KINH DOANH VÀ YẾU TỐ
TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG
- GẮN KẾT BÊN LIÊN QUAN VÀ
XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU
- CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
ĐẾN NĂM 2020



TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH -
BẢO HIỂM HÀNG ĐẦU
VIỆT NAM HOẠT ĐỘNG
TRONG LĨNH VỰC
BẢO HIỂM - ĐẦU TƯ -
TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

GẮN KẾT MỤC TIÊU SDGs
TRONG CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2025 LÀ “GIỮ VỮNG VỊ THẾ TẬP ĐOÀN
TÀI CHÍNH - BẢO HIỂM HÀNG ĐẦU TẠI VIỆT NAM,
NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH QUỐC TẾ, TIỀM LỰC
TÀI CHÍNH MẠNH, TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG, HIỆU QUẢ”



TIỀN PHONG
TRONG VIỆC TUYÊN BỐ
VÀ HIỆN THỰC HÓA
CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG



GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN
TRONG XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU VÀ ĐẢM BẢO
LỢI ÍCH CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN



CHIA SẺ GIÁ TRỊ CHO NHÀ ĐẦU TƯ,
KHÁCH HÀNG, NGƯỜI LAO ĐỘNG
VÀ CỘNG ĐỒNG



Tập đoàn Bảo Việt hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100111761, đăng ký lần đầu ngày 15/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18/1/2018, hoạt động trong các lĩnh vực Bảo hiểm - Đầu tư - Tài chính - Ngân hàng.

BẢO HIỂM

Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ: Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; Bảo hiểm hàng không; Bảo hiểm xe cơ giới; Bảo hiểm Y tế sức khỏe; Bảo hiểm con người; Bảo hiểm nông nghiệp...

Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ: Bảo hiểm trọn đời; Bảo hiểm sinh kỳ; Bảo hiểm tử kỳ; Bảo hiểm hỗn hợp, Bảo hiểm liên kết chung, Bảo hiểm hưu trí...

Kinh doanh tái bảo hiểm

ĐẦU TƯ

Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết.

Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, đầu tư kinh doanh bất động sản.

Quản lý ủy thác danh mục đầu tư, quản lý các quỹ đầu tư...

TÀI CHÍNH

Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán.

Kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

Tư vấn đầu tư chứng khoán.

NGÂN HÀNG

Huy động vốn: nhận tiền gửi; phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và giấy tờ có giá trị khác để huy động vốn.

Hoạt động tín dụng: cấp tín dụng dưới hình thức cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, cho thuê tài chính...

Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ.

Bảo Việt là doanh nghiệp đầu tiên cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam.

Hiện nay, Bảo Việt cung cấp các dịch vụ tài chính toàn diện bao gồm bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ và đầu tư với mạng lưới phân phối rộng khắp các tỉnh thành trên toàn quốc, phục vụ hàng triệu khách hàng.

MẠNG LƯỚI

Mạng lưới phân phối rộng khắp Việt Nam với gần 200 chi nhánh và công ty thành viên hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ tại 63 tỉnh thành, hơn 400 phòng phục vụ khách hàng của bảo hiểm phi nhân thọ, và hơn 300 phòng phục vụ khách hàng của bảo hiểm nhân thọ.

SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

Sản phẩm dịch vụ phong phú, đa dạng với trên 80 sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ, 55 sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và các sản phẩm ngân hàng, chứng khoán, quản lý quỹ.

ĐỊA BÀN KINH DOANH TRỌNG ĐIỂM

Các đơn vị thành viên đóng trụ sở tại các địa bàn trọng điểm kinh tế của cả nước như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Nghệ An, Hải Phòng, Bình Dương vẫn luôn khẳng định là các đơn vị kinh doanh quan trọng, chiếm doanh thu lớn của Bảo Việt.

KHÁCH HÀNG

Phục vụ mọi đối tượng khách hàng cá nhân và tổ chức trên khắp các tỉnh thành.



BẢO CÁO TÍCH HỢP 2017 | 57

NHẬN DIỆN VÀ QUẢN LÝ CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU

Tập đoàn Bảo Việt là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Bảo hiểm - Đầu tư và Dịch vụ tài chính. Năm 2017, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục thực hiện quản lý rủi ro chủ động, gắn quản lý rủi ro vào mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày. Các rủi ro được nhận diện, đánh giá định kỳ và được báo cáo kịp thời đến Ban điều hành, Hội đồng quản trị bảo đảm việc kiểm soát những ảnh hưởng của rủi ro đến kết quả hoạt động kinh doanh, danh tiếng của Tập đoàn. Dưới đây là các rủi ro trọng yếu tác động đến các lĩnh vực hoạt động của toàn Tập đoàn.

Hướng dẫn sử dụng ký hiệu:

Màu đỏ: Mức độ rủi ro cao

Màu vàng: Mức độ rủi ro trung bình

Màu xanh: Mức độ rủi ro thấp

↑ : Xu hướng rủi ro tăng lên

↔ : Xu hướng rủi ro ổn định

↓ : Xu hướng rủi ro giảm

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG



Là rủi ro mà giá trị hợp lý của một công cụ tài chính thay đổi do sự biến động của các nhân tố chủ yếu như lãi suất, giá cổ phiếu và tỷ giá hối đoái hay giá cả hàng hóa.

NHẬN DIỆN

- Lãi suất bình quân toàn danh mục đầu tư tiền gửi năm 2017 tăng so với năm 2016 do Tập đoàn tận dụng được cơ hội các ngân hàng tăng lãi suất vào các tháng cuối năm.
- Năm 2017, danh mục đầu tư cổ phiếu Tập đoàn tăng giá trị do TTCK Việt Nam có mức tăng trưởng ngoạn mục cả về điểm số lẫn giá trị giao dịch so với năm 2016.

ĐO LƯỜNG, GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ RỦI RO

- Đo lường bằng thước đo Value at risk (VaR), phân tích độ nhạy lãi suất PVO1.
- Giám sát bằng hệ thống báo cáo định kỳ hàng tháng, báo cáo RMC và ALCO Tập đoàn hàng quý.
- Quản lý bằng các thước đo, kết hợp với phương pháp phân tích kịch bản.

RỦI RO THANH KHOẢN

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG



Là nguy cơ không thực hiện được các cam kết tài chính đến hạn.

NHẬN DIỆN

- Thanh khoản dòng tiền năm 2017 toàn Tập đoàn được đảm bảo. Thanh khoản danh mục cổ phiếu niêm yết tăng mạnh trong năm 2017 do thị trường chứng khoán tăng điểm.

ĐO LƯỜNG, GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ RỦI RO

- Đo lường bằng dự báo dòng tiền tài sản và trách nhiệm theo từng kỳ hạn, tỷ lệ tài sản thanh khoản cao.
- Giám sát, theo dõi định kỳ hàng quý tại các cuộc họp ALCO, RMC Tập đoàn và các công ty con.
- Quản lý bằng hạn mức, chỉ số GAP thanh khoản, và phân tích kịch bản.

RỦI RO TÍCH TỤ

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG



Là rủi ro tập trung hoạt động tín dụng hoặc các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp vào một hoặc một số đối tác, khách hàng, lĩnh vực kinh doanh, địa bàn ở mức độ có thể ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của doanh nghiệp hoặc làm giảm khả năng duy trì các hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp.

NHẬN DIỆN

- Rủi ro tích tụ có thể phát sinh từ danh mục đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn gồm chứng khoán nợ, chứng khoán vốn; và từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Rủi ro tích tụ luôn được đánh giá là một trong những rủi ro trọng yếu, tiềm tàng của danh mục rủi ro. Rủi ro tích tụ luôn được chú trọng quản lý, đảm bảo nằm trong hạn mức đầu tư được phê duyệt.

ĐO LƯỜNG, GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ RỦI RO

- Đo lường bằng cơ cấu tài sản, doanh thu, bồi thường theo đối tác khách hàng, theo lĩnh vực kinh doanh, theo địa bàn.
- Giám sát bằng hệ thống báo cáo hàng tháng cho Ban điều hành và hàng quý tại RMC Tập đoàn và Công ty con.
- Quản lý bằng hạn mức, quy trình, thủ tục phân quyền ra quyết định.

RỦI RO BẢO HIỂM

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG



Là rủi ro liên quan đến tổn thất mà công ty bảo hiểm có thể phải gánh chịu do mức phí bảo hiểm không đủ để chi trả cho các sự kiện bảo hiểm.

NHẬN DIỆN

- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của Tập đoàn.
- Bảo Việt duy trì vị trí số một thị trường cả hai lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ. Các chi phí bồi thường bảo hiểm bám sát các chỉ tiêu kế hoạch, nằm trong mức độ rủi ro có thể chấp nhận.

ĐO LƯỜNG, GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ RỦI RO

- Giám sát, theo dõi định kỳ hàng tuần, tháng, quý cho ban điều hành và hàng quý tại các cuộc họp ALCO, RMC Tập đoàn và các Công ty con.
- Được quản lý thông qua:
 - ✓ Áp dụng đầy đủ các quy trình trong tất cả các khâu của nghiệp vụ bảo hiểm.
 - ✓ Cập nhật, điều chỉnh phí bảo hiểm căn cứ trên tỷ lệ kinh nghiệm (theo dữ liệu quá khứ).
 - ✓ Áp dụng các giải pháp chuyển giao rủi ro.
 - ✓ Đánh giá rủi ro tích tụ theo từng nghiệp vụ, nhóm sản phẩm, từng địa phương.

RỦI RO TÍN DỤNG

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG



Là rủi ro xảy ra tổn thất do khả năng trả nợ của bên vay hoặc đối tác có những thay đổi bất lợi.

NHẬN DIỆN

- Năm 2017, không phát sinh các khoản nợ xấu hoặc các khoản đầu tư trái phiếu, tiền gửi quá hạn. Tỷ trọng trái phiếu Chính phủ không có nhiều biến động trong năm 2017, chiếm 88% tổng danh mục đầu tư trái phiếu.

ĐO LƯỜNG, GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ RỦI RO

- Đo lường bằng số tiền mà khách hàng, đối tác không thể trả theo cam kết.
- Giám sát, theo dõi việc tuân thủ hạn mức định kỳ hàng tháng trong báo cáo rủi ro cho Ban điều hành và báo cáo RMC hàng quý.
- Quản lý bằng hạn mức, mô hình đánh giá tín nhiệm nội bộ được RMC Tập đoàn thông qua.
- Tài sản đảm bảo của trái phiếu doanh nghiệp được theo dõi và đánh giá định kỳ.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG



Là rủi ro gây ra tổn thất do các nguyên nhân như con người, sự hạn chế hoặc vận hành không hiệu quả của quy trình, hệ thống, các sự kiện khách quan bên ngoài.

NHẬN DIỆN

- Năm 2017, Tập đoàn xác định rủi ro liên quan hệ thống Công nghệ thông tin là một trong những rủi ro trọng tâm cần chú trọng quản lý. Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin ảnh hưởng đến tính liên tục của hoạt động kinh doanh và thất thoát tài sản thông tin được đánh giá ở mức thấp.

ĐO LƯỜNG, GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ RỦI RO

- Đo lường bằng việc xem xét sự ảnh hưởng của các yếu tố rủi ro đến tính liên tục của hoạt động kinh doanh, ảnh hưởng về mặt tài chính, danh tiếng.
- Giám sát, theo dõi bằng các chỉ số hoạt động (KPI), báo cáo định kỳ hàng tháng, quý tùy từng lĩnh vực cho Ban lãnh đạo và RMC Tập đoàn.
- Quản lý bằng Khung quản lý rủi ro hoạt động, Quy chế An toàn thông tin, các quy định về an ninh bảo mật, các quy trình thủ tục giám sát, kiểm tra kiểm soát nội bộ.

RỦI RO DANH TIẾNG

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG



Là các rủi ro có thể phá hoại danh tiếng từ việc thiếu khả năng quản lý hoạt động, quản lý tài chính hoặc do quyết định sai trong hoạt động kinh doanh hoặc trong chiến lược kinh doanh.

NHẬN DIỆN

- Trong năm 2017, rủi ro danh tiếng được kiểm soát tốt. Không có các sự kiện tạo ra hình ảnh tiêu cực cho tổ chức làm ảnh hưởng đến danh tiếng và suy giảm niềm tin của các bên liên quan.

ĐO LƯỜNG, GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ RỦI RO

- Được đo lường bằng thái độ, phản ứng của các bên liên quan gồm chính quyền, báo chí, khách hàng, và người lao động.
- Được giám sát, theo dõi bằng các bài báo bởi cơ quan báo chí, các chỉ số từ trung tâm dịch vụ khách hàng.
- Được quản lý bằng các quy trình, thủ tục, sổ tay hướng dẫn, quy chế xử lý khủng hoảng truyền thông.

RỦI RO TUÂN THỦ

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG



Là rủi ro gây ra tổn thất từ hành vi vi phạm các nghĩa vụ tuân thủ bao gồm:
Rủi ro pháp lý: Là loại rủi ro phát sinh từ việc thực hiện không đúng và/hoặc không thực hiện các nghĩa vụ theo sự điều chỉnh của pháp luật và/hoặc quy định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
Rủi ro vi phạm các quy định nội bộ: Là những rủi ro do không tuân thủ các quy định nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt.

NHẬN DIỆN

- Năm 2017, rủi ro tuân thủ được kiểm soát tốt. Không có các vụ việc vi phạm quy định nội bộ và quy định Pháp luật làm ảnh hưởng đến uy tín và thiệt hại về tài chính.

ĐO LƯỜNG, GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ RỦI RO

- Đo lường bằng dự báo khả năng xảy ra tranh chấp và các tổn thất, thiệt hại mà doanh nghiệp có thể phải gánh chịu trong trường hợp xảy ra tranh chấp.
- Giám sát, theo dõi định kỳ hàng quý tại các cuộc họp ALCO, RMC Tập đoàn và RMC Công ty con.
- Quản lý bằng việc xây dựng khung quản lý rủi ro tuân thủ: Quy chế Tuân thủ, Sổ tay tuân thủ của Tập đoàn Bảo Việt; xây dựng biểu đồ tuân thủ trong từng hoạt động của các Khối/Trung tâm, Phòng, Ban chức năng.

RỦI RO CHIẾN LƯỢC

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG



Là rủi ro khi doanh nghiệp để ra chiến lược phát triển không phù hợp với khả năng của doanh nghiệp; doanh nghiệp không có khả năng nhận biết và phản ứng một cách phù hợp với các cơ hội và thách thức phát sinh do tình hình thị trường thay đổi.

Nhận diện

- Kế hoạch năm bám sát chiến lược kinh doanh đã được phê duyệt. Bảo Việt tiếp tục khẳng định vị thế của doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực tài chính - bảo hiểm tại Việt Nam.

Đo lường, Giám sát và Quản lý rủi ro**Rủi ro chiến lược**

- Đo lường bằng các chỉ số tài chính và phi tài chính của việc thực hiện chiến lược hàng năm.
- Giám sát, theo dõi bằng hệ thống báo cáo phân tích hàng tuần, tháng, quý của các nhân tố kinh tế vĩ mô, kết quả kinh doanh, kết quả thực hiện chiến lược cho Ban điều hành, Hội đồng quản trị.
- Quản lý bằng việc phân tích kịch bản của sự biến động các nhân tố kinh tế vĩ mô, nhân tố nội tại để xem xét tính khả thi của chiến lược hàng năm.

RỦI RO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

MỨC ĐỘ & XU HƯỚNG



Là rủi ro mà các hoạt động, các sản phẩm, dịch vụ tài chính của doanh nghiệp tác động tiêu cực đến con người, môi trường, xã hội.

NHẬN DIỆN

- Chiến lược kinh doanh tuân thủ các nguyên tắc phát triển bền vững, bảo vệ và thúc đẩy hiệu quả kinh doanh đồng thời tôn trọng các giá trị xã hội, cộng đồng.

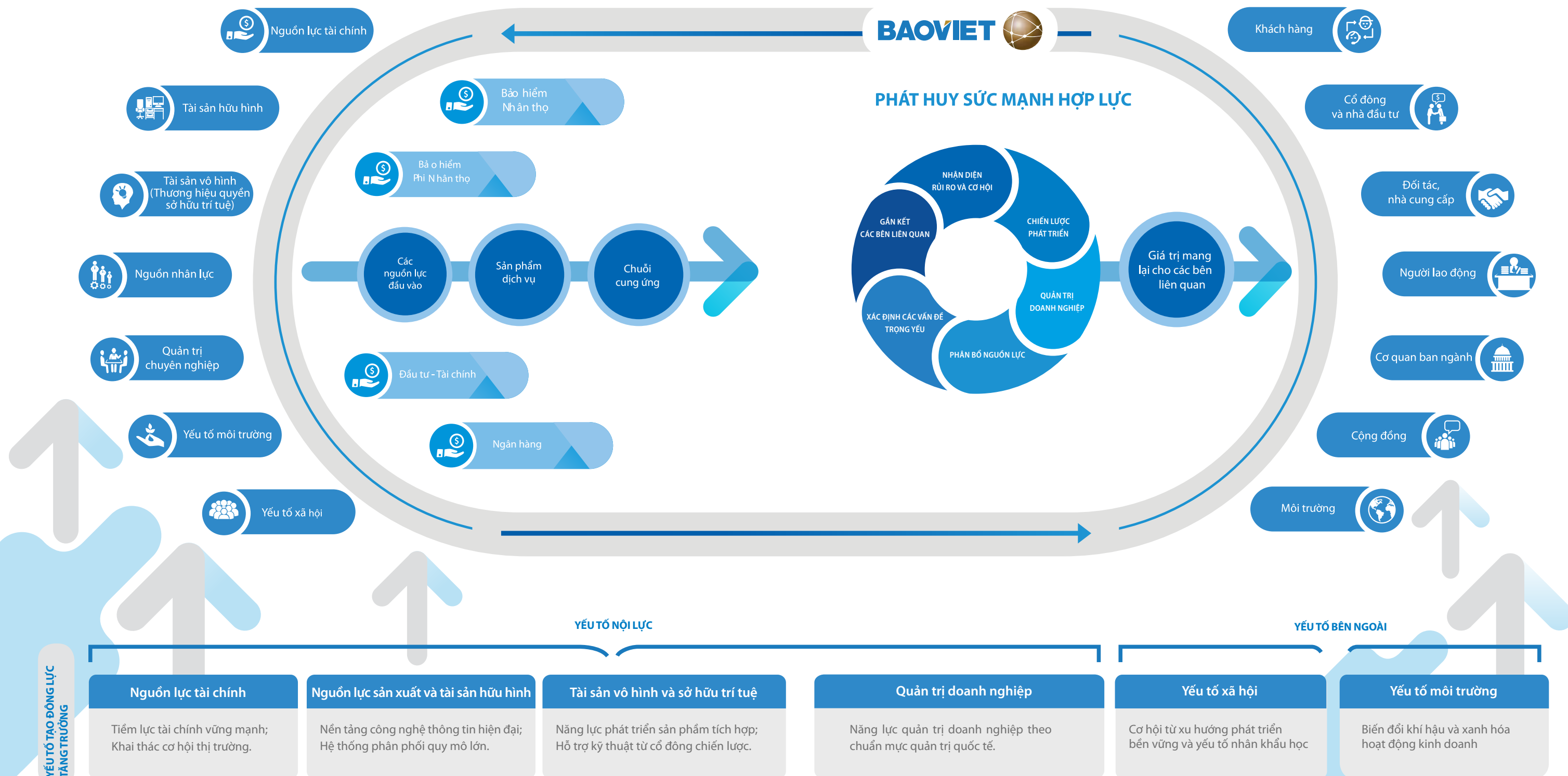
ĐO LƯỜNG, GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ RỦI RO

- Đo lường bằng chỉ số tài chính và phi tài chính về mức độ ảnh hưởng.
- Giám sát theo dõi định kỳ hàng quý tại RMC Tập đoàn.
- Quản lý bằng quy trình, thủ tục, quy chế; thực hiện kiểm toán nội dung phát triển bền vững bởi kiểm toán độc lập và kiểm toán nội bộ.

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Bảo Việt luôn chủ động thực hiện công tác dự báo, phân tích sự thay đổi của môi trường kinh doanh để hiểu rõ các yếu tố đang tạo ra cơ hội hay đe dọa đối với doanh nghiệp và các yếu tố có khả năng ảnh hưởng đến việc ra quyết định của Bảo Việt.

Đối với Bảo Việt, chúng tôi xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp bao gồm các **yếu tố nội lực** (nguồn nhân lực, vốn, sở hữu trí tuệ, uy tín thương hiệu...) đã được Bảo Việt xây dựng và củng cố trong hơn nửa thế kỷ qua, cùng với việc nắm bắt và tận dụng các **yếu tố bên ngoài** như xu hướng phát triển bền vững, nhân khẩu học, trách nhiệm xã hội sẽ thúc đẩy sự tăng trưởng mạnh mẽ và bền vững của Bảo Việt trong tương lai.






TỐI ƯU HÓA CÁC YẾU TỐ TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG VỚI BẢO VIỆT

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, cách thức sử dụng các yếu tố đầu vào sao cho hiệu quả là nhân tố quyết định đến việc tạo ra giá trị và giá trị bao gồm: Giá trị kinh tế (tăng trưởng vững chắc về doanh thu và lợi nhuận, cổ tức cho cổ đông); Giá trị gia tăng cho khách hàng (sản phẩm và dịch vụ vượt trội), Giá trị vật chất và tinh thần cho Người lao động (phúc lợi, môi trường làm việc, thu nhập), Lợi ích cho các bên liên quan khác (xã hội, môi trường...).

Việc xác định các yếu tố tạo động lực tăng trưởng đối với doanh nghiệp là vô cùng quan trọng, điều này sẽ giúp doanh nghiệp đưa ra quyết định phù hợp liên quan đến phân bổ hoặc tập trung nguồn lực vào phát triển những yếu tố nào để thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp.

CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO

CÁCH THỨC SỬ DỤNG CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ĐỂ TẠO RA GIÁ TRỊ

 NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH <ul style="list-style-type: none"> Vốn đầu tư của chủ sở hữu (cổ đông) Vốn từ nguồn dự phòng phí bảo hiểm (chủ hợp đồng bảo hiểm) 	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng vốn hiệu quả thông qua việc đầu tư vào các tài sản an toàn (tỷ trọng trái phiếu chính phủ và tiền gửi luôn chiếm trên 90% tổng danh mục đầu tư) Tìm kiếm các kênh đầu tư mới, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư
 NGUỒN NHÂN LỰC <ul style="list-style-type: none"> Nhân viên Văn hóa doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> Đầu tư cho hoạt động đào tạo (theo bản đồ học tập), phát triển nguồn nhân lực Nâng cao chất lượng của đội ngũ tư vấn viên/đại lý bảo hiểm Tuyển dụng và thu hút nhân tài Bồi dưỡng nhân tài, tăng cường sự gắn kết của người lao động Chính sách phúc lợi ưu việt, cơ hội thăng tiến theo năng lực
 NGUỒN LỰC SẢN XUẤT VÀ TÀI SẢN HỮU HÌNH <ul style="list-style-type: none"> Nền tảng công nghệ thông tin hiện đại Hệ thống phân phối quy mô lớn Hệ thống call-center 24/7 Hệ thống bảo lãnh viện phí lớn nhất Việt Nam 	<ul style="list-style-type: none"> Đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại theo chuẩn quốc tế (InsureJ, SunAccount...), chuyển hướng tích hợp công nghệ điện toán đám mây. Đa dạng hóa kênh phân phối: Online, bancassurance, digital... Vận hành hệ thống call-center hoạt động ổn định 24/7 Vận hành hệ thống bảo lãnh viện phí hiệu quả, kiểm soát trực lợi bảo hiểm Đầu tư xây dựng tòa nhà tại các vị trí đắc địa theo mô hình siêu thị tài chính (one-stop-shop), thống nhất quy chuẩn thương hiệu



CÁC YẾU TỐ ĐẦU RA (KẾT QUẢ KINH DOANH, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ...)



GIÁ TĂNG GIÁ TRỊ MANG LẠI CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN

<ul style="list-style-type: none"> Đạt được tốc độ tăng trưởng ổn định và vững chắc về doanh thu, lợi nhuận, trở thành doanh nghiệp TC-BH đầu tiên cán mốc doanh thu vượt 1,5 tỷ USD năm 2017 Chi trả cổ tức năm 2017 với tỷ lệ 10%/ mệnh giá cổ phiếu Đảm bảo chi trả quyền lợi cho chủ hợp đồng bảo hiểm mức lãi suất đã cam kết (năm 2016 - 2017 ở mức từ 6-8%) Năng lực tài chính vững mạnh, tăng cường đầu tư trở lại nền kinh tế; Đóng góp gần 18.000 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước kể từ sau cổ phần hóa 	<ul style="list-style-type: none"> Cổ đông/Nhà đầu tư Chủ hợp đồng bảo hiểm Khách hàng đang sử dụng các dịch vụ tài chính khác Cơ quan quản lý nhà nước Người lao động
<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng môi trường gắn kết - văn hóa vững mạnh Tạo được sự gắn kết người lao động trong các hoạt động doanh nghiệp Bổ sung nhiều chương trình phúc lợi mới (K-care, Hưu trí) nhằm mang lại quyền lợi cao hơn cho người lao động gồm bảo hiểm, tiết kiệm, tích lũy và gia tăng giá trị từ đầu tư tài chính 	<ul style="list-style-type: none"> Người lao động Đại lý, tư vấn viên bảo hiểm
<ul style="list-style-type: none"> Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại Tiếp cận khách hàng thông qua hệ thống phân phối đa kênh Chất lượng dịch vụ khách hàng vượt trội nhờ hệ thống call-center giúp giải quyết yêu cầu của khách hàng nhanh chóng, chính xác Tăng cường quản lý rủi ro, kiểm soát bồi thường Tái định vị thương hiệu, tạo cho khách hàng cảm giác tin cậy, gần gũi, thân thiện, chuyên nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> Khách hàng Đối tác

CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO
CÁCH THỨC SỬ DỤNG CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ĐỂ TẠO RA GIÁ TRỊ

TÀI SẢN VÔ HÌNH VÀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

- Dẫn đầu thị trường về năng lực phát triển sản phẩm
- Giá trị thương hiệu được brand finance UK định giá 108 triệu USD
- Hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực từ các cổ đông chiến lược nước ngoài

- Đầu tư phát triển sản phẩm đa dạng, phù hợp với nhu cầu của nhiều phân khúc khách hàng khác nhau
- Ra mắt 08 sản phẩm bảo hiểm mới và nhiều sản phẩm tài chính tích hợp
- Nâng cao giá trị thương hiệu thông qua các giải thưởng uy tín
- Tận dụng thế mạnh của cổ đông chiến lược để tạo nên sức mạnh cộng hưởng trong quản trị, điều hành và các mảng kinh doanh cốt lõi


QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- Mô hình quản trị theo thông lệ quốc tế
- Hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ được chuẩn hóa

- Nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế (Thẻ điểm quản trị ASEAN, Nguyên tắc quản trị OECD...)
- Tăng cường vai trò Kiểm soát nội bộ, Quản lý rủi ro tuân thủ, phát huy sức mạnh hợp lực và nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành


YẾU TỐ XÃ HỘI

- Các mối quan hệ xã hội
- Các yếu tố nhân khẩu học
- Xu hướng phát triển bền vững
- Trách nhiệm xã hội

- Các yếu tố nhân khẩu học (cơ cấu dân số vàng, tốc độ già hóa dân số nhanh) mở ra cơ hội phát triển các sản phẩm mới
- Nắm bắt cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững: Đầu tư có trách nhiệm, nghiên cứu phát triển các sản phẩm tài chính xanh
- Thực hiện trách nhiệm xã hội: Đầu tư cho giáo dục và thể hệ trẻ; Phát triển cộng đồng địa phương; tri ân người có công, xóa đói giảm nghèo


YẾU TỐ MÔI TRƯỜNG

- Biến đổi khí hậu
- Giảm phát thải và hiệu ứng nhà kính

- Giảm khí thải nhà kính thông qua các dự án trồng cây xanh
- Giảm phát khí thải nhà kính từ các tòa nhà văn phòng, điều hòa và tủ lạnh
- Giảm thiểu rác thải trong văn phòng làm việc, triển khai thực hành 5S (Sàng lọc - Sắp xếp - Săn sóc - Sẵn sàng)

CÁC YẾU TỐ ĐẦU RA (KẾT QUẢ KINH DOANH, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ...)
GIA TĂNG GIÁ TRỊ MANG LẠI CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN

- Cung cấp giỏ sản phẩm đa dạng với 80 sản phẩm phi nhân thọ và 55 sản phẩm nhân thọ, ra mắt các sản phẩm mới chuyên biệt và ưu việt: K-Care, Easy Car, Easy Life, tim mạch...
- Thương hiệu Bảo Việt được định giá 108 triệu USD, tăng 19 triệu USD so với 2016
- Triển khai hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, giám sát tuân thủ, nâng cao năng lực khai thác bảo hiểm với sự hỗ trợ từ cổ đông chiến lược Sumitomo Life

- Khách hàng
- Đối tác
- Cổ đông

- Tăng cường vai trò của Công ty mẹ, tăng cường hợp lực giữa các ĐVTV. Công ty Mẹ đóng vai trò điều phối, là hạt nhân của cả hệ thống Tập đoàn, chịu trách nhiệm trực tiếp điều hành hoạt động toàn Tập đoàn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh

- Cổ đông
- Người lao động

- Cung cấp các sản phẩm hưu trí tự nguyện, ung thư kết hợp các lợi ích bảo vệ, tích lũy, đảm bảo sự an tâm cho người lao động khi về già
- Phát triển các sản phẩm y tế, chăm sóc sức khỏe phục vụ nhu cầu ngày càng gia tăng của xã hội: K-Care sản phẩm chuyên biệt dành cho bệnh ung thư, One Storm - Bảo hiểm bảo nhiệt đới
- Đầu tư xây dựng trạm y tế, trường học, xóa đói giảm nghèo, phát triển cộng đồng bền vững

- Các bên liên quan (cơ quan quản lý)
- Cộng đồng dân cư
- Môi trường

- Triển khai hoạt động quan trắc định kỳ hàng quý tại trụ sở làm việc
- Xanh hóa hoạt động kinh doanh: sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên
- Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững
- Tiết giảm nước thải và tiết kiệm năng lượng

- Môi trường kinh doanh
- Môi trường sống

QUẢN LÝ CHUỖI GIÁ TRỊ BỀN VỮNG

Phát triển bền vững là một trong các mục tiêu chiến lược của Bảo Việt, do vậy các yếu tố bền vững luôn được lồng ghép trong tất cả các hoạt động của doanh nghiệp, các chuỗi giá trị từ cung ứng đầu vào đến hoạt động kinh doanh và các yếu tố đầu ra đều được xem xét ở 3 khía cạnh: Kinh tế – Xã hội – Môi trường.

Với mô hình Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm, hoạt động của Bảo Việt xét ở góc độ tổng thể tập đoàn tương đối phức tạp với sự tham gia của nhiều thành phần và quy trình hoạt động để ra sản phẩm dịch vụ cuối cùng. Tuy nhiên, ở đây chúng tôi đưa ra mô hình đơn giản hóa để hình dung các yếu tố đầu vào, đầu ra và các ảnh hưởng từ hoạt động của doanh nghiệp.

Tại Bảo Việt, việc đánh giá các rủi ro liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị trong chuỗi cung ứng không chỉ quan trọng với Bảo Việt mà còn với nhà đầu tư và khách hàng. Theo đó, ngay từ khi lựa chọn các nhà cung ứng, Bảo Việt đã lựa chọn những nhà cung ứng tuân thủ đầy đủ yêu cầu luật pháp, có ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường, có đạo đức kinh doanh. Việc gắn kết yếu tố bền vững đối với nhà cung cấp cũng như các dự án đầu tư giúp Bảo Việt tiến gần tới mục tiêu xây dựng chuỗi giá trị bền vững, mang lại lợi ích cho Bảo Việt và các bên liên quan trong chuỗi cung ứng.

Thông qua vốn góp của các cổ đông tổ chức và cá nhân, Tập đoàn Bảo Việt đại diện cho các cổ đông thực hiện đầu tư vào các công ty con (bao gồm công ty sở hữu 100% vốn, công ty cổ phần chiếm vốn ưu thế), công ty liên doanh và đầu tư vào các hoạt động kinh doanh chính khác.

Phần lợi nhuận thu được sẽ trả lãi đầu tư (cổ tức) cho các cổ đông; thực hiện đầu tư ngược lại cho cộng đồng và môi trường. Phần lợi nhuận còn lại được dùng để tiếp tục tái đầu tư, bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh để tạo ra các giá trị gia tăng mới.

Các doanh nghiệp được Bảo Việt đầu tư sẽ thông qua các quy trình nghiệp vụ để cung cấp sản dịch vụ bảo hiểm – tài chính, đầu tư cho khách hàng. Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp sẽ tác động ít nhiều đến cộng đồng, môi trường. Với mục tiêu phát triển bền vững được gắn kết trong từng hoạt động của cả Tập đoàn, các tác động này được kiểm soát theo hướng hài hòa lợi ích doanh nghiệp và cộng đồng, xây dựng một nền tảng phát triển lâu dài cho tương lai.

Nếu trước đây, vấn đề Quản trị được tập trung xem xét trong các dự án đầu tư góp vốn thì theo quy trình mới ban hành của Bảo Việt, vấn đề sử dụng lao động, đóng góp cộng đồng, các ý thức về môi trường cũng trở thành tiêu chí đánh giá và cộng điểm cho dự án.

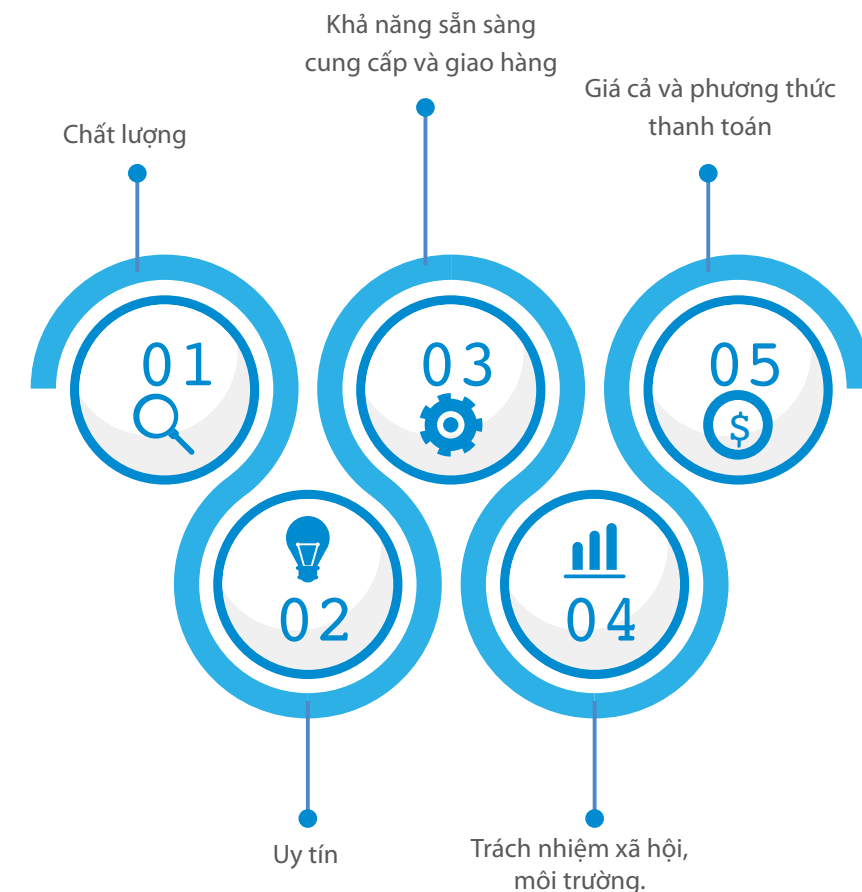
Là một doanh nghiệp niềm yết với sự tham gia góp vốn của nhiều nhà đầu tư, chúng tôi hiểu phát triển bền vững sẽ tạo ra lợi thế cạnh tranh trong việc hút vốn. Chính vì vậy, Bảo Việt – với tư cách của nhà đầu tư, muốn gắn kết các yếu tố bền vững trong quá trình xem xét các dự án tiềm năng.



LỒNG GHÉP TÍNH BỀN VỮNG TRONG CHUỖI CUNG ỨNG, CẢI TIẾN QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP

Để đảm bảo yếu tố bền vững, ngay từ yếu tố đầu vào, Bảo Việt đã lựa chọn những nhà cung ứng tuân thủ đầy đủ yêu cầu luật pháp, có ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường, đảm bảo quyền lợi cho người lao động, có đạo đức kinh doanh. Việc đánh giá các rủi ro liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị trong chuỗi cung ứng không chỉ quan trọng với Bảo Việt mà còn với nhà đầu tư và khách hàng của chúng tôi.

Tại Bảo Việt, chúng tôi đã xây dựng thành công Bảng điểm cụ thể Đánh giá nhà cung cấp, với đầy đủ các tiêu chí trên 05 (năm) phương diện:



Với các yêu cầu tuyển chọn nhà cung ứng như trên, chúng tôi đã giúp xây dựng và nâng cao ý thức về phát triển bền vững không chỉ trong các doanh nghiệp đối tác với Bảo Việt mà còn với cả cộng đồng các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn, góp phần chung tay vào quá trình xây dựng một nền kinh tế thực sự bền vững.

Phạm vi rà soát các nhà cung ứng đang được mở rộng ra toàn Tập đoàn, sau khi đã tập trung triển khai tại Công ty Mẹ và công ty con 100% vốn trong năm 2016 và 2017. Thời gian tới, chúng tôi sẽ tăng cường số lượng nhà thầu được rà soát về vấn đề môi trường, xã hội cũng như mở rộng phạm vi áp dụng trên toàn hệ thống. Đây là một thách thức cho Bảo Việt khi hướng tới xây dựng chuỗi giá trị bền vững bởi phát triển bền vững vẫn đang trong giai đoạn nhận thức, việc biến nhận thức thành hành động của từng đơn vị sẽ cần nhiều thời gian và nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp.

Chúng tôi tin rằng các vấn đề về cơ chế quản trị công ty, môi trường và xã hội là một phần quan trọng để đánh giá các giá trị và hiệu quả đầu tư trong trung và dài hạn. Do đó, bên cạnh các chỉ tiêu hiệu quả, chúng tôi cũng luôn chú trọng tới các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) trong quá trình thẩm định, lựa chọn phương án đầu tư và tiếp tục duy trì việc áp dụng. Năm 2016, Bảo Việt đã tập trung hoàn thiện Quy trình quản lý dự án đầu tư và Quy trình đầu tư góp vốn cổ phần thông qua việc bổ sung các tiêu chí liên quan đến vấn đề Quản trị – Xã hội – Môi trường.

“Các bên liên quan là những đối tác quan trọng, phản hồi từ các đối tác này là nguồn thông tin quý giá để chúng tôi tiếp tục phát triển và củng cố hoạt động của doanh nghiệp.”

CÁC BÊN LIÊN QUAN TRỌNG YẾU ĐỐI VỚI BẢO VIỆT

Chúng tôi xác định các bên liên quan dựa trên những ảnh hưởng có thể có từ hoạt động của Bảo Việt đến họ hoặc những người có mối quan tâm, sức ảnh hưởng đến hoạt động hiện tại của Bảo Việt. Chúng tôi xây dựng và phát triển mối quan hệ dựa trên đáp ứng lợi ích lâu dài giữa các bên; mối quan hệ này được duy trì dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức của doanh nghiệp.

Theo đó, 7 bên liên quan trọng yếu đối với Bảo Việt bao gồm:

Cổ đông/Nhà đầu tư; Khách hàng; Người lao động; Cơ quan báo chí; Cơ quan Quản lý; Cộng đồng địa phương; Đối tác/Nhà cung cấp.



NGUYÊN TẮC CƠ BẢN TRONG GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chúng tôi tiếp cận với các bên liên quan thông qua nhiều nguồn kênh thông tin khác nhau một cách phù hợp nhằm lắng nghe ý kiến và mối quan tâm của từng bên đối với hoạt động của Bảo Việt, đặc biệt là các vấn đề quản trị công ty, phát triển nguồn nhân lực, tăng trưởng kinh tế, đóng góp cho xã hội và môi trường.

Quá trình trao đổi với các bên cũng giúp Bảo Việt chủ động nhận diện được các vấn đề mang xu hướng, thời sự cũng như giúp Bảo Việt nhìn nhận một cách khách quan về những chính sách, báo cáo và công bố thông tin ra bên ngoài mà chúng tôi thực hiện.

Bảo Việt xác định các bên liên quan dựa vào vai trò và mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với Bảo Việt.



HOẠT ĐỘNG GẮN KẾT CỦA BẢO VIỆT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

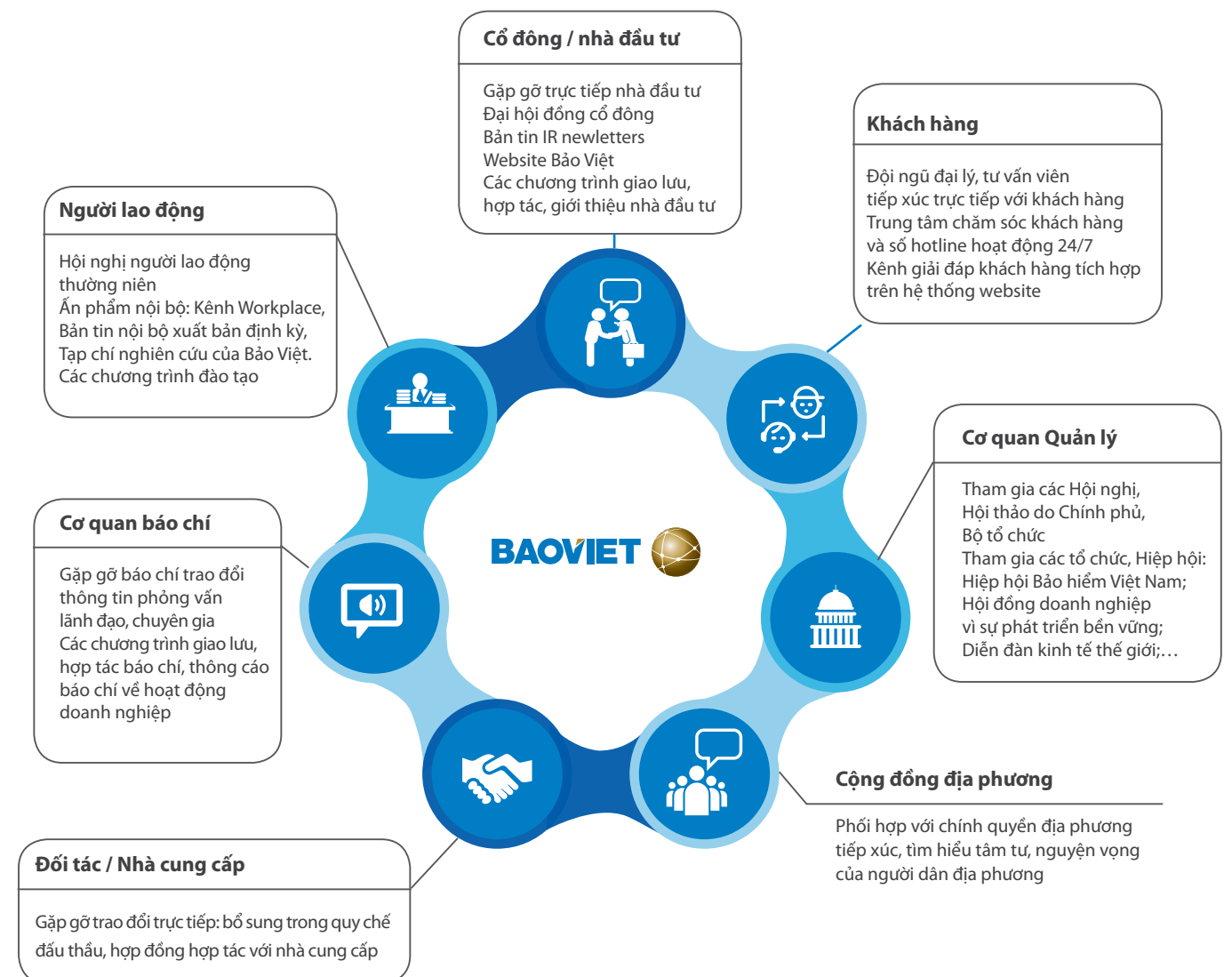
Trong năm 2017, Bảo Việt tiếp tục gắn kết các bên liên quan thông qua các kênh thông tin đa chiều qua đó các vấn đề phát triển bền vững được Bảo Việt đề cập sâu hơn nhằm lắng nghe ý kiến của các bên đối với hoạt động của doanh nghiệp liên quan đến kinh tế - xã hội - môi trường. Chúng tôi cũng tiến hành lấy ý kiến rộng rãi trên mạng xã hội và website của Bảo Việt thông qua phiếu khảo sát về phát triển bền vững của Bảo Việt cho năm 2017 tại chuyên mục Phát triển bền vững/Khảo sát các bên liên quan.

“ Với mỗi nhóm đối tượng, Bảo Việt sử dụng cách thức tiếp cận thông tin khác nhau. Phản hồi từ các bên được chúng tôi thận trọng xem xét, nghiên cứu và nỗ lực để đưa các phản hồi này vào các chính sách và các hoạt động của công ty.”


Qua những lần trao đổi, tiếp xúc, chúng tôi đã rút ra được các vấn đề được các bên quan tâm và tính trọng yếu của các vấn đề này đối với hoạt động của Bảo Việt. Đây cũng là cơ sở để chúng tôi xây dựng nội dung của Báo cáo Phát triển bền vững 2017.

Thông qua việc đánh giá tầm quan trọng của các vấn đề, chúng tôi thực hiện đầu tư, phân bổ nguồn lực hợp lý nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Phương thức tiếp cận và ghi nhận ý kiến phản hồi của các bên liên quan



SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG CHÍNH SÁCH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BẢO VIỆT

CÁC BÊN LIÊN QUAN	CÁC CHỦ ĐỀ ĐƯỢC QUAN TÂM
<div> <div> <div>CỔ ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ</div> <div>  </div> </div> </div>	<ul style="list-style-type: none"> Hoạt động kinh doanh tăng trưởng hiệu quả, bền vững Đối xử bình đẳng và đảm bảo quyền lợi cổ đông Thông tin minh bạch
<div> <div> <div>KHÁCH HÀNG</div> <div>  </div> </div> </div>	<ul style="list-style-type: none"> Uy tín doanh nghiệp, chất lượng sản phẩm, dịch vụ Sản phẩm đa dạng, đáp ứng nhu cầu khách hàng
<div> <div> <div>NGƯỜI LAO ĐỘNG</div> <div>  </div> </div> </div>	<ul style="list-style-type: none"> Môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp Gia tăng quyền lợi người lao động Chế độ đãi ngộ và cơ hội thăng tiến

HÀNH ĐỘNG CỦA BẢO VIỆT NĂM 2017	KẾT QUẢ
<ul style="list-style-type: none"> Thực thi chính sách bình đẳng giữa các cổ đông lớn và cổ đông nhỏ về cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho mọi cổ đông thực hiện quyền biểu quyết; Chi trả cổ tức đầy đủ, công bố thông tin minh bạch. 	<ul style="list-style-type: none"> Tiếp đón 180 lượt nhà đầu tư Tham gia 8 Hội thảo xúc tiến đầu tư trong nước và quốc tế (Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore...) Trên 200 Cuộc gọi từ nhà đầu tư cá nhân được giải quyết Chi trả cổ tức với tỷ lệ 10% / mệnh giá cổ phiếu
<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng các sản phẩm dịch vụ đáp ứng nhu cầu đa dạng khách hàng; bảo vệ khách hàng trước các rủi ro, đem đến cho khách hàng các cơ hội để hiện thực hóa ước mơ, đảm bảo sự bình an và thịnh vượng cho khách hàng. Tổ chức khảo sát lấy ý kiến khách hàng online và tại siêu thị tài chính One - Stop - Shop (OSS) 	<ul style="list-style-type: none"> Ra mắt 4 sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và 5 sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ mới và các sản phẩm tích hợp tài chính bảo hiểm khác Tổ chức 06 chương trình khuyến mại (Năng vàng biển xanh, Giờ vàng giá shock...) Thay đổi hệ thống nhận diện Bảo Việt thân thiện và chuyên nghiệp hơn 156 khách hàng phản hồi qua kênh online và trực tiếp tại OSS
<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, thái độ, làm việc tích cực, có khả năng tiếp cận với các phương pháp, kỹ năng quản lý hiện đại. Tổ chức các phong trào rèn luyện sức khỏe 	<ul style="list-style-type: none"> Triển khai mua bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm bệnh ung thư cho CBNV 6.033 cán bộ được tham gia đào tạo chuyên môn nghiệp vụ Xây dựng phòng tập thể hình, các lớp yoga, khiêu vũ, bóng bàn tạo điều kiện cho cán bộ tập luyện ngoài giờ

CƠ QUAN QUẢN LÝ



- Thực hiện các định hướng, chiến lược phát triển của Chính phủ;
- Chung tay cùng cơ quan quản lý thực hiện các chính sách nhằm hỗ trợ cho sự phát triển của nền kinh tế, thị trường, cộng đồng dân cư.

CƠ QUAN BÁO CHÍ



- Cung cấp, chia sẻ thông tin cởi mở, chủ động, thường xuyên để báo chí có thể phản ánh chân thực, khách quan về hoạt động của doanh nghiệp đến công chúng.

CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



- Hỗ trợ người dân nâng cao các điều kiện sống cơ bản.
- Hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương.

ĐỐI TÁC CUNG CẤP



- Đối xử bình đẳng với các nhà cung cấp.
- Có tiêu chí rõ ràng trong việc đánh giá lựa chọn.

- Xây dựng bộ phận chuyên trách về phát triển bền vững; Phân công trách nhiệm thực hiện tại từ cấp Ban điều hành xuống Đơn vị thành viên/Công ty Con;
- Tham gia ban điều hành VBCSD để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động
- Bổ sung các đánh giá và rà soát về môi trường và xã hội trong Quy trình đầu tư dự án và Quy trình đầu tư góp vốn cổ phần của Tập đoàn Bảo Việt.

- Ứng cử thành công 02 vị trí: Phó chủ tịch và thành viên ban điều hành Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững (VBCSD)
- Tham gia chia sẻ kinh nghiệm, tiên phong triển khai báo cáo bền vững theo chuẩn quốc tế tại Diễn đàn VCSF và ASRS (Singapore)

- Kết nối chặt chẽ với cơ quan báo chí, đảm bảo tin tức hoạt động của Bảo Việt được cập nhật kịp thời và phản ánh một cách chân thực, khách quan;
- Tăng cường số lượng thông tin gửi tới báo chí thông qua các thông cáo báo chí, tin tức, các bài viết phân tích chuyên sâu nội bộ gửi tới các cơ quan báo chí.

- Phối hợp với VTV, VOV thực hiện 10 tin bài phỏng vấn, 01 phim ngắn để cung cấp thông tin về Bảo Việt đến công chúng;
- Trên **200** bài viết về hoạt động PTBV của Bảo Việt được đăng tải trên **150** đầu báo tại Việt Nam và quốc tế.

- Hỗ trợ cộng đồng thông qua đóng góp xây dựng các điều kiện sống căn bản, giúp người dân tập trung lao động sản xuất, đảm bảo kinh tế gia đình, qua đó thúc đẩy kinh tế địa phương, tạo ra các cơ hội phát triển kinh doanh cho Bảo Việt;
- Đánh giá tác động môi trường; giảm tiêu thụ năng lượng và phát thải khí nhà kính.

- Tổ chức nhiều chương trình khám chữa bệnh, tặng quà cho bà con vùng núi; tặng sách vở và quần áo, học bổng cho các em học sinh, sinh viên;
- Đầu tư hơn **220** tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội;
- Thực hiện báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng quý tại trụ sở chính Bảo Việt.

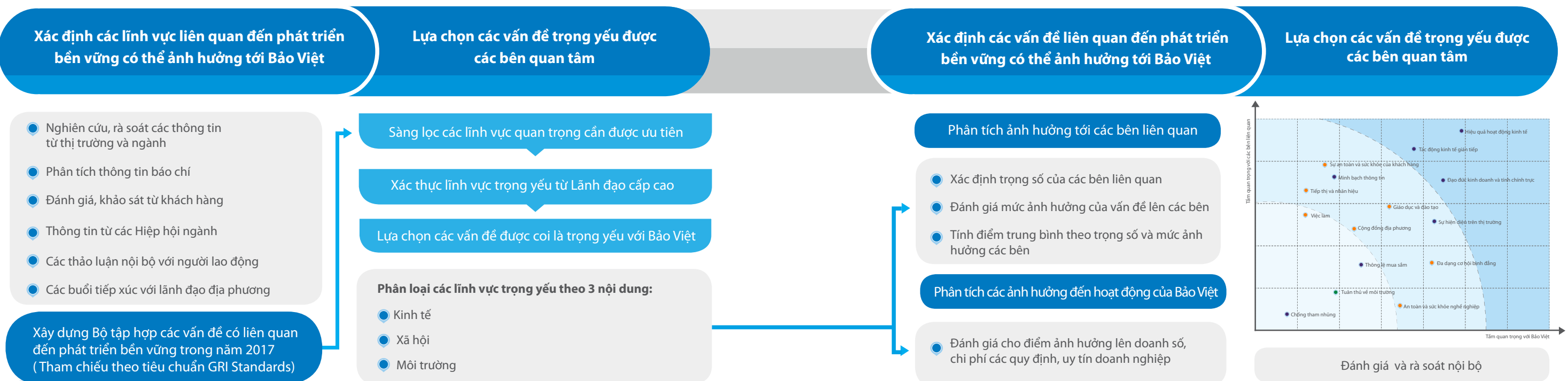
- Bổ sung 02 tiêu chí đánh giá và rà soát về môi trường và xã hội trong Quy trình đầu tư dự án và Quy trình đầu tư góp vốn cổ phần của Tập đoàn Bảo Việt.

- Áp dụng bộ tiêu chí đánh giá nhà cung cấp trên 5 phương diện trong đó có yếu tố môi trường;
- Các nhà cung cấp đáp ứng yêu cầu quản lý, tuân thủ yêu cầu pháp luật và quá trình hoạt động không gây tổn hại đến môi trường và xã hội.

QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH LĨNH VỰC TRỌNG YẾU

Năm 2017, Tổ thường trực về phát triển bền vững Bảo Việt (CORE TEAM) gồm 45 thành viên đã hoàn thành việc đánh giá toàn diện để xác định các chủ đề quan trọng nhất. Chúng tôi đã tiến hành với sự tham gia của 50 cán bộ, nhân viên tại Công ty Mẹ, 46 khách hàng và 15 đại diện các bên liên quan đến từ các tổ chức bên ngoài (đối tác, nhà cung cấp, chuyên gia phát triển bền vững, cơ quan quản lý, cộng đồng, nhà đầu tư...) để xác định các ưu tiên trong ma trận của chúng tôi.

Quy trình xác định lĩnh vực trọng yếu



Trên cơ sở việc đánh giá tầm quan trọng của các vấn đề xét trong mối tương quan giữa mức độ quan tâm của các bên và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp, Bảo Việt xây dựng “Ma trận các vấn đề trọng yếu” nhằm xác định mức độ ưu tiên và thực hiện phân bổ nguồn lực nhằm đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan.

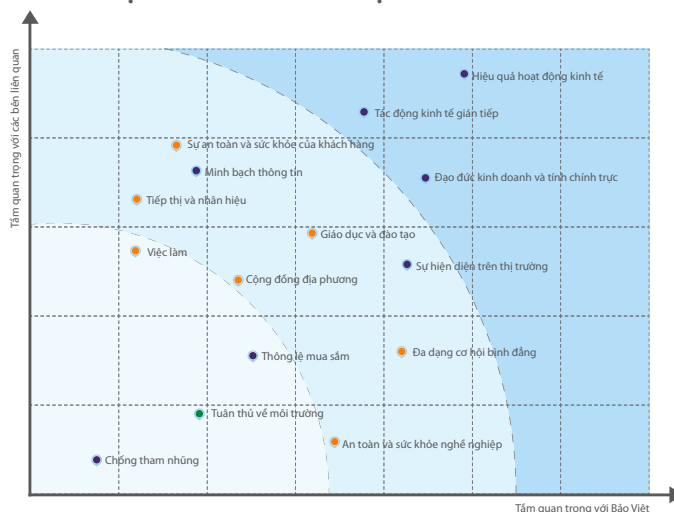
Sau quá trình tìm hiểu và đánh giá mức độ quan tâm của các bên liên quan với các vấn đề trọng yếu, kết hợp với các thông tin khuyến nghị bởi kiểm toán nội bộ sau quá trình đảm bảo với một số chỉ tiêu, trong năm 2017 Bảo Việt đã rà soát, phân tích và đối chiếu theo tiêu chuẩn GRI Standards và đã điều chỉnh một số thay đổi cụ thể như sau:

XÂY DỰNG PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ VÀ CÁCH THỨC QUẢN LÝ CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

Năm 2017, Tổ thường trực về phát triển bền vững Bảo Việt đã làm việc với các bên liên quan và tham vấn ý kiến chuyên gia thuộc tổ đánh giá xếp hạng doanh nghiệp bền vững (do Hội đồng doanh nghiệp về sự phát triển bền vững làm đầu mối chủ trì) để xác định các vấn đề trọng yếu thông qua một chuỗi các hoạt động sau:

Đánh giá, xếp hạng	Bảo Việt đã tham gia các chương trình hội thảo nghiên cứu, đánh giá về thị trường Việt Nam để nắm bắt các xu hướng trên thị trường, đối thủ cùng ngành và các xu hướng trên thế giới có thể tác động đến thị trường Việt Nam để xác định các vấn đề trọng yếu trong lĩnh vực Bảo Việt đang hoạt động
Rà soát sơ đồ Chuỗi giá trị	Để đảm bảo cho việc Bảo Việt có thể quản lý các tác động trên tất cả các hoạt động của chúng tôi, Bảo Việt đã lập một sơ đồ chuỗi giá trị cho thấy quá trình mà chúng tôi sử dụng các nguồn lực và tương tác với các bên trong quá trình hoạt động kinh doanh và phát triển các sản phẩm đáp ứng nhu cầu của khách hàng, cộng đồng.
Xác định danh mục các vấn đề	Chúng tôi tham khảo thông tin từ rất nhiều nguồn của các bên liên quan, ý kiến chuyên gia về phát triển bền vững (GRI, CSRWorks, VBCSD) để xác định một danh mục các chủ đề về môi trường, xã hội và quản trị
Ưu tiên	Chúng tôi đã tiến hành các cuộc phỏng vấn trực tiếp với nhóm 50 cán bộ nhân viên đại diện cho các Khối/Ban chức năng thuộc Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên do Tập đoàn Bảo Việt sở hữu 100% vốn và đại diện các bên liên quan đến từ các tổ chức bên ngoài để thu thập phản hồi về các chủ đề môi trường, xã hội và quản trị hiệu quả nhất của chúng tôi. Chúng tôi yêu cầu các bên liên quan lựa chọn những vấn đề có khả năng ảnh hưởng lâu dài đối với hoạt động kinh doanh của chúng tôi. Ngoài ra, chúng tôi đã tham khảo từ 20 báo cáo đánh giá của các bên liên quan, các trang web và các nguồn khác để có cái nhìn rộng hơn về các chủ đề quan tâm.
Xác nhận	Tháng 7/2017, chúng tôi đã triển khai đánh giá xếp hạng doanh nghiệp bền vững theo Bộ tiêu chuẩn CSI do các chuyên gia trong và ngoài nước thẩm định và tham gia các Hội thảo với Hội đồng Doanh nghiệp phát triển Bền vững để xem xét các kết quả quan trọng và các phát hiện chính. Chúng tôi đã thảo luận tổng thể các phản hồi, cũng như các bước tiếp theo để Bảo Việt có thể quản lý các vấn đề được nêu ra trong các cuộc phỏng vấn.

MA TRẬN CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU NĂM 2017



Các lĩnh vực trọng yếu có sự gia tăng về mức độ quan tâm của bên liên quan

	Hiệu quả hoạt động kinh tế
	Minh bạch thông tin
	Giáo dục và đào tạo
	Cộng đồng địa phương
	Sự an toàn và sức khỏe của khách hàng

BỔ SUNG CÁC VẤN ĐỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN QUAN TÂM

Sau khi tham vấn các bên liên quan, có một số các vấn đề mà các bên liên quan gia tăng sự quan tâm nên Bảo Việt đã tập trung phân tích trong báo cáo 2017 cụ thể như sau:

- Đối với các vấn đề kinh tế:** Sau khi tham vấn, chúng tôi nhận thấy các bên liên quan có sự gia tăng mức độ quan tâm đối với hiệu quả hoạt động kinh doanh và vị thế của Bảo Việt trên thị trường. Các bên liên quan bày tỏ sự quan tâm đối với việc Bảo Việt cần tăng tốc trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động và vị thế chiếm lĩnh thị trường sau khi đã tập trung đổi mới mô hình kinh doanh.
- Đối với các vấn đề xã hội:** Các bên liên quan và Bảo Việt đồng thuận trong việc bổ sung các chỉ tiêu liên quan đến đào tạo phát triển nguồn nhân lực; nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ; tăng cường phát triển các sản phẩm mới vì lợi ích cộng đồng. Trong năm vừa qua, Bảo Việt đã liên tục ra mắt 8 sản phẩm bảo hiểm mới, phục vụ nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ khách hàng trước những rủi ro mà trước đây chưa từng có sản phẩm nào tại thị trường Việt Nam phục vụ mục đích chuyên biệt này (sản phẩm chuyên biệt về tim mạch, ung thư, bảo nhiệt đới...)
- Đối với các vấn đề về quản trị, minh bạch thông tin:** Là một doanh nghiệp niêm yết có giá trị vốn hóa lớn, Bảo Việt thu hút sự quan tâm của nhiều bên liên quan bao gồm nhà đầu tư trong và ngoài nước, cơ quan báo chí, cơ quan quản lý... Do vậy, việc công bố thông tin minh bạch và đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin ra công chúng được các bên rất quan tâm. Năm 2017, Bảo Việt tập trung nâng cao tính minh bạch và độ tin cậy của thông tin công bố (mở rộng phạm vi kiểm toán các chỉ tiêu phi tài chính, tiếp tục soát xét báo cáo tài chính định kỳ hàng quý (theo quy định việc soát xét báo cáo tài chính chỉ yêu cầu thực hiện đối với báo cáo bán niên); tăng cường tham dự và chia sẻ thông tin tại các diễn đàn quốc tế (Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản), chủ động đáp ứng nhu cầu thông tin của các bên liên quan.
- Đối với các vấn đề phát triển nguồn nhân lực:** Bảo Việt xác định con người là yếu tố cốt lõi, quyết định đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Chính vì vậy, trong chiến lược quản trị nguồn nhân lực của Bảo Việt, các giải pháp tập trung cho việc xây dựng, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao trong các lĩnh vực then chốt; xây dựng môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp, thân thiện; triển khai hệ thống đánh giá theo hiệu quả làm việc và được liên kết với nhau chặt chẽ, dựa trên tầm nhìn, quy tắc đạo đức ứng xử, đạo đức nghề nghiệp và các đặc trưng văn hóa của Bảo Việt. Và một số chỉ tiêu đặc biệt quan tâm đã được Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt mở rộng phạm vi đánh giá và rà soát để đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy của quá trình thu thập và trình bày thông tin.

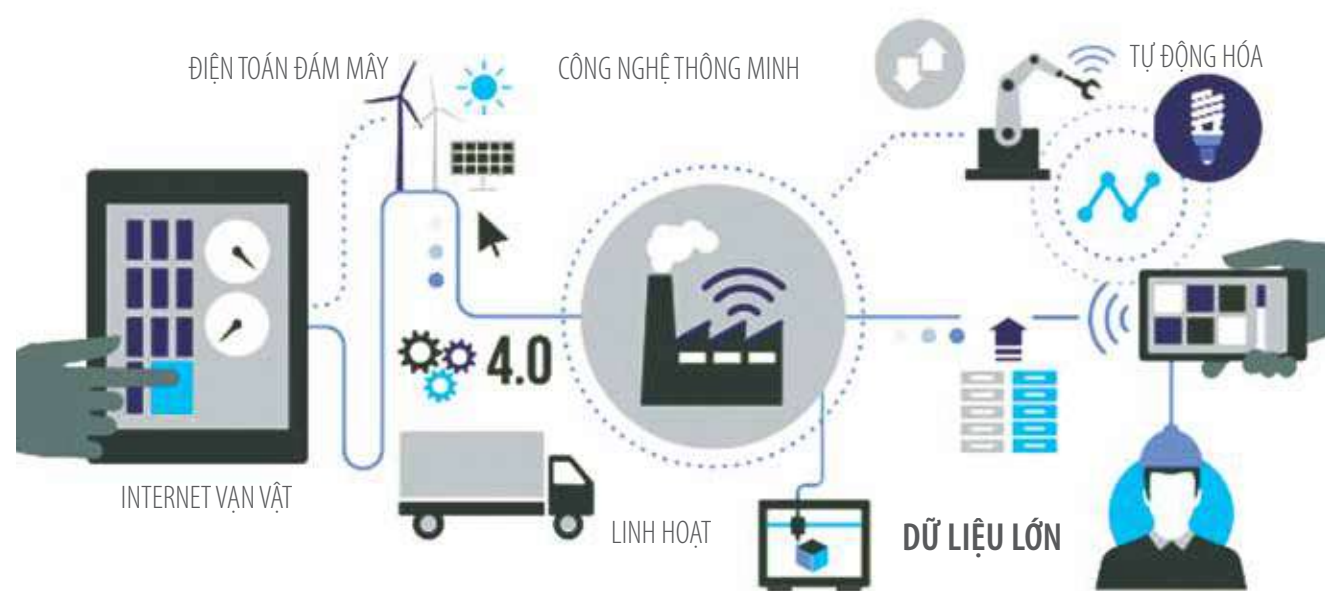
ĐÁNH GIÁ VỀ SỰ PHÙ HỢP CỦA PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

Như vậy, các vấn đề trọng yếu đã được nhận diện và đánh giá theo hướng tích hợp mối quan tâm của các bên liên quan và của Bảo Việt cụ thể theo 5 lĩnh vực: kinh tế, xã hội, môi trường, quản trị, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, từ đó Bảo Việt có thể phân bổ nguồn lực hợp lý, đáp ứng tốt nhất các kỳ vọng của các bên liên quan cũng như đảm bảo cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Các vấn đề nêu trên được trình bày chi tiết trong các phần tiếp theo của báo cáo này.

BẢO VIỆT ĐÓN ĐẦU CƠ HỘI TỪ XU HƯỚNG CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

Sự phát triển của công nghệ sẽ thay đổi cách thức quản lý và vận hành của doanh nghiệp, tối ưu hóa các nguồn lực và hỗ trợ giảm thiểu các tác động đến môi trường. Năm 2017, Bảo Việt đã xây dựng chiến lược chuyển đổi trên nền tảng kỹ thuật số và bước đầu triển khai chiến lược này theo xu hướng của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và các xu hướng công nghệ InsurTech. Năm 2018, Bảo Việt sẽ tiếp tục tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại, đẩy mạnh triển khai các dự án công nghệ thông tin trọng điểm nhằm xây dựng một hệ sinh thái kinh doanh bền vững trên cơ sở ứng dụng công nghệ để giảm thiểu các tác động đến môi trường và hệ sinh thái tự nhiên.

NHẬN DIỆN CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 (CMCN 4.0)



Thuật ngữ “công nghiệp 4.0” bắt nguồn từ một dự án trong chiến lược công nghệ cao của Đức (Industrie 4.0), nhằm tăng khả năng giao tiếp và kết nối của những cỗ máy, thiết bị, máy cảm biến và con người với nhau qua mạng lưới internet.

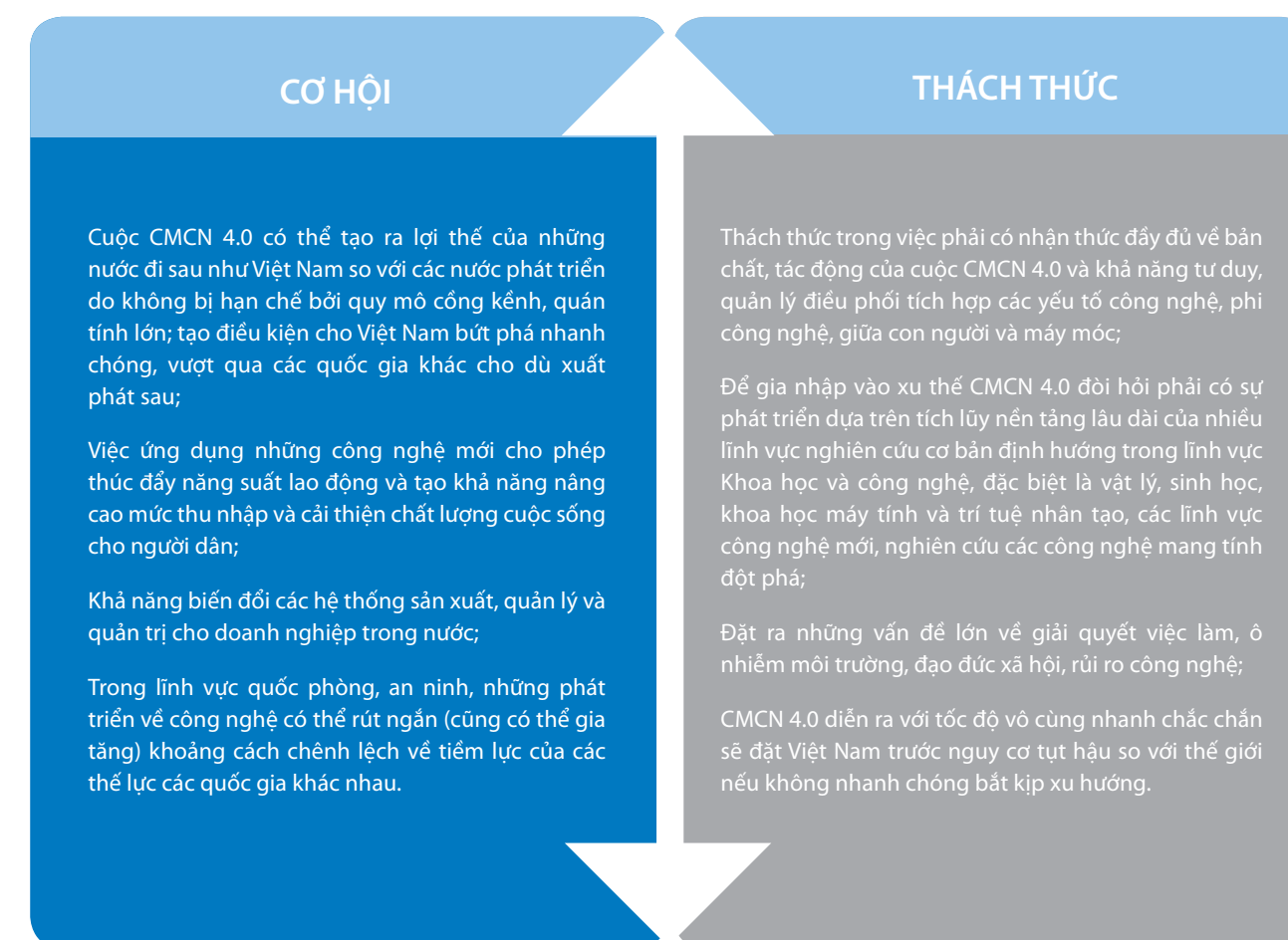
Lịch sử đã ghi nhận 3 cuộc cách mạng công nghiệp chính thức, làm thay đổi toàn bộ nền sản xuất và các điều kiện kinh tế - xã hội của thế giới. Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất được đánh dấu bằng sự ra đời của máy hơi nước. Cuộc cách mạng thứ 2 là sự xuất hiện của điện năng, lần thứ 3 là sự bùng nổ của tin học và tự động hóa. Cách mạng lần thứ 4 là sự kết hợp các công nghệ lại với nhau từ không gian mạng, Internet vạn vật và điện toán đám mây. Qua đó, người ta tạo ra những nhà máy thông minh với hệ thống máy móc tự kết nối, tự tổ chức và quản lý. Đây còn được gọi là cuộc cách mạng số vì chúng ta sẽ được chứng kiến công cuộc “số hóa” thế giới hiện thực, làm mờ ranh giới giữa vật lý, kỹ thuật số và sinh học.

Những động lực chính của cuộc cách mạng công nghiệp mới này là sự thay đổi trong kỳ vọng của người dùng, cùng với sự hội tụ của các công nghệ mới như Internet of things (IOT), robot cộng tác, in ấn 3D và điện toán đám mây, cùng sự xuất hiện các mô hình kinh doanh mới. Thế giới đang chứng kiến hàng loạt những đột phá khoa học và tiến bộ công nghệ, đây là những xu hướng và động lực dẫn dắt Cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0.

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Cuộc CMCN 4.0 sẽ phát triển mạnh mẽ do nhu cầu tìm kiếm phương thức sản xuất mới hiệu quả, bền vững hơn trước những thách thức như biến đổi khí hậu, già hóa dân số hay các vấn đề an ninh khác ngày càng tăng lên. Cuộc cách mạng này sẽ mang tới nhiều cơ hội phát triển và hội nhập, nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức với các nước đang phát triển như Việt Nam.

Trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới với việc hoàn tất nhiều hiệp định thương mại tự do quy mô lớn như CPTPP, FTA với EU, Liên minh kinh tế Á - Âu..., việc tiếp cận thành tựu cách mạng sản xuất mới sẽ tạo ra công cụ đắc lực giúp Việt Nam tham gia hiệu quả chuỗi giá trị toàn cầu và đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.



Trong tương lai, sáng tạo công nghệ cũng sẽ dẫn đến sự thay đổi diệu kỳ từ phía cung, với những lợi ích lâu dài về hiệu quả và năng suất. Chi phí giao thông vận tải và thông tin liên lạc sẽ giảm xuống, hậu cần và các chuỗi cung ứng toàn cầu sẽ trở nên hiệu quả hơn, các chi phí thương mại sẽ giảm. Tất cả những điều đó sẽ giúp mở rộng thị trường và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Các nhà kinh tế đã chỉ ra rằng, CMCN 4.0 có thể mang lại sự bất bình đẳng lớn hơn, đặc biệt là ở khả năng phá vỡ thị trường lao động. Khi tự động hóa thay thế con người trong toàn bộ nền kinh tế, người lao động sẽ bị dư thừa và điều đó làm trầm trọng hơn khoảng cách giữa lợi nhuận so với đồng vốn và lợi nhuận so với sức lao động. Mặt khác, xét về tổng thể, các công việc an toàn và thu nhập cao hơn có thể sẽ gia tăng sau khi công nghệ thay thế dần con người.

Ngoài ra, cần phải duy trì tính toàn vẹn của quá trình sản xuất, tránh các rủi ro nào về CNTT, những yếu tố sẽ gây hậu quả sản xuất, cần bảo vệ bí quyết công nghiệp...

XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ TRONG NGÀNH BẢO HIỂM: INSURTECH (INSURANCE TECHNOLOGY) - THUẬT NGỮ DÙNG ĐỂ CHỈ XU HƯỚNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG NGÀNH BẢO HIỂM

Các công ty bảo hiểm đứng trước một sự thay đổi lớn, tuy nhiên bất chấp những xu hướng mới này, hiện mới chỉ có 43% các công ty bảo hiểm tuyên bố họ đặt FinTech là trọng tâm chiến lược, nhưng chỉ có 28% có quan hệ đối tác với các công ty FinTech và thậm chí ít hơn 14% tham gia tích cực vào các chương trình đầu tư mạo hiểm và / hoặc nghiên cứu phát triển Fintech (Nguồn PWC Global Fintech Survey 2016).

Các công ty bảo hiểm hiện đang tập trung vào việc bắt kịp với đối thủ cạnh tranh xung quanh tâm điểm khách hàng và các xu hướng hiện tại đang thiếu cơ hội để trở nên chủ động. Các công ty bảo hiểm cần phải tạo ra một thông điệp rõ ràng và nhất quán thể hiện sự sẵn sàng của họ để hoạt động trong không gian InsurTech mới và chỉ có cách tiếp cận như vậy mới có thể là người tiên phong trong kỷ nguyên bảo hiểm mới.

10 XU HƯỚNG CỦA INSURTECH

- Insurtech trend # 1 - Tự động hoá sẽ thay thế nỗ lực của con người trong toàn bộ chuỗi giá trị bảo hiểm
- Insurtech trend # 2 - Phí bảo hiểm sẽ trở nên cá nhân hóa cao nhờ công nghệ hiểu biết khách hàng hơn
- Insurtech trend # 3 - Kỷ nguyên blockchain đã bắt đầu và sẽ có sự chuyển đổi nhanh chóng từ tập trung sang phân tán
- Insurtech trend # 4 - Bảo hiểm truyền thống và công ty công nghệ mới sẽ được kết hợp tất yếu.
- Insurtech trend # 5 - Ứng dụng kỹ thuật số vào cuộc sống sẽ làm thay đổi mối quan hệ giữa công ty bảo hiểm và khách hàng
- Insurtech trend # 6 - Hợp đồng bảo hiểmtrộn gói all-in-one
- Insurtech trend # 7 - Các mô hình mới sử dụng kỹ thuật số sẽ thách thức chuỗi giá trị bảo hiểm truyền thống
- Insurtech trend # 8 - Mô hình của công ty lemonade đã đặt ra tốc độ trong insurtech 2.0
- Insurtech trend # 9 - Giải quyết khiếu nại sẽ trở thành dịch vụ tự động, tự phục vụ và nhanh chóng trả tiền cho khách hàng
- Insurtech trend # 10 - Công nghệ ngăn ngừa tổn thất sẽ trở thành một đặc điểm chính trong sản phẩm bảo hiểm

(Nguồn: The Digital Insurer)

HÀNH ĐỘNG CỦA BẢO VIỆT TRƯỚC XU HƯỚNG CMCN 4.0

NĂM 2017 – BẢO VIỆT CHỦ ĐỘNG XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC CHUYỂN ĐỔI TRÊN NỀN TẢNG KỸ THUẬT SỐ (DIGITAL TRANSFORMATION)



Với làn sóng Cách mạng công nghiệp 4.0 và với các xu hướng công nghệ trong ngành bảo hiểm, Bảo Việt nhận thức rõ tầm quan trọng của CNTT trong hoạt động của mình và tích cực đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin theo các xu hướng công nghệ trong ngành bảo hiểm. Các hoạt động nổi bật đã thực hiện trong năm 2017 bao gồm:

TT	Hạng mục	Mục đích	Đối tác/ITC
1	Xây dựng chiến lược chuyển đổi số	Nâng cao khả năng kết nối và tự động hoá xuyên suốt từ khách hàng/người bán hàng trên nền tảng kỹ thuật số 24/7. Nâng cao trải nghiệm khách hàng và hiểu khách hàng.	ITC tự triển khai dưới sự hỗ trợ của IBM và Oracle
		Triển khai đa dạng hóa các kênh thu phí bảo hiểm: qua Internet Banking, trích nợ tự động của BaoViet Bank, qua cổng thông tin khách hàng của Bảo Việt Nhân Thọ cũng như tích cực triển khai các kênh thu phí qua thiết bị thông minh.	ITC tự phát triển, phối hợp với BaoViet Bank cũng như các đối tác cung cấp dịch vụ
2	Lựa chọn hệ thống quản lý hợp đồng lỗi bảo hiểm nhân thọ mới	<ul style="list-style-type: none"> Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng qua việc nhanh chóng phục vụ khách hàng với tốc độ nhanh nhất; Có khả năng nhanh chóng ra sản phẩm mới linh hoạt với thời gian tốt nhất; Cung cấp cho khách hàng khả năng tương tác với công ty để giải quyết các vấn đề liên quan đến hợp đồng bảo hiểm một cách tự động, kể cả việc lựa chọn và mua bảo hiểm trực tuyến; Cung cấp cho các kênh phân phối, các công cụ phục vụ bán hàng trên nền tảng kỹ thuật số. 	ITC tự triển khai dưới sự tư vấn của PWC
3	Tích cực hợp tác với các công ty Fintech và các công ty công nghệ lớn trong nước và thế giới	Khai thác nguồn dữ liệu khách hàng trên cơ sở phân tích các hành vi của khách hàng, nhằm gia tăng khả năng bán hàng hiệu quả. Hình thành 1 hệ sinh thái mạng lưới phân phối và dịch vụ khách hàng mới mà không cần mở rộng địa bàn theo cách truyền thống là mở các điểm giao dịch, các chi nhánh, qua đó gia tăng doanh thu, thêm nhiều khách hàng mới từ hệ sinh thái, nâng cao khả năng phục vụ khách hàng.	Bảo Việt hợp tác với Viettel, Facebook, MoMo, OnePay, PayOO, VNPAY, ...

Ghi chú: ITC - Trung tâm Công nghệ thông tin tập đoàn Bảo Việt.

TT	Hạng mục	Mục đích	Đối tác/ITC
4	Ứng dụng mạng xã hội Facebook at Work ở mức độ toàn Tập đoàn.	<p>Là công cụ đắc lực giúp toàn bộ các thành viên trong Tập đoàn có thể nhanh chóng trao đổi, chia sẻ thông tin mọi lúc mọi nơi, trên mọi nền tảng thiết bị;</p> <p>Đẩy mạnh trải nghiệm sản phẩm trong nội bộ qua đó gia tăng doanh thu từ chính khách hàng nội bộ; chia sẻ các kinh nghiệm bán hàng, chăm sóc khách hàng để nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, tính đa dạng của sản phẩm;</p> <p>Tăng tính kết nối trong hệ thống Bảo Việt bao gồm cả các tư vấn viên, qua đó nâng cao mối liên hệ chặt chẽ và bền vững giữa các cán bộ, tư vấn viên với doanh nghiệp.</p>	ITC/Facebook
5	Tích cực chuyển đổi cơ sở hạ tầng CNTT sang hướng public và private cloud	Cung cấp hạ tầng linh hoạt, đa kết nối cho các ứng dụng CNTT.	ITC tự triển khai
6	Bước đầu phát triển các Robot ở dạng Chatbot.	Nhằm nâng cao hỗ trợ cho các tư vấn viên bảo hiểm và công tác quản lý hợp đồng.	ITC tự triển khai
7	Ứng dụng công nghệ BigData và trí tuệ nhân tạo của IBM Watson	Hỗ trợ điều trị ung thư nhằm tìm kiếm khách hàng tiềm năng và nâng cao dịch vụ khách hàng.	Hợp tác với Công ty Five 9
8	Nâng cấp hàng loạt hệ thống hiện tại như hệ thống báo cáo nhanh, hệ thống trading online, hệ thống giấy yêu cầu online	<p>Nâng cao khả năng tương tác qua các thiết bị di động và tự động hoá quy trình (như đánh giá rủi ro tự động);</p> <p>Triển khai mô hình kiến trúc dịch vụ nhằm nâng cao hiệu quả và linh hoạt giữa các hệ thống phần mềm/dịch vụ trong và ngoài tập đoàn.</p>	ITC tự triển khai
9	Đầu tư mạnh vào các giải pháp An ninh bảo mật	<p>Tăng cường an ninh an toàn thông tin trong kỷ nguyên kết nối vạn vật;</p> <p>Nghiên cứu và triển khai dịch vụ bảo mật nhiều lớp tài khoản người dùng NFA, mục tiêu ứng dụng cho các giao dịch trực tuyến tăng cường mức độ bảo mật và tin cậy trên nền tảng kỹ thuật số.</p>	ITC và các hãng cung cấp như IBM, McAfee

2018 – BẢO VIỆT XÂY DỰNG MỘT HỆ SINH THÁI TRÊN NỀN TẢNG KỸ THUẬT SỐ

KHẲNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU VIỆT

Năm 2018, Bảo Việt sẽ tiếp tục đẩy mạnh hợp tác và ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng và mở rộng hệ sinh thái trên nền tảng kỹ thuật số (BaoVietPay, BaoVietID, eClaim... dựa trên nền tảng Mobile) giúp các khách hàng, cán bộ, tư vấn viên và các đối tác của Bảo Việt có thể tương tác và giao dịch với Bảo Việt nhanh chóng nhất.

Bên cạnh đó, Bảo Việt vẫn sẽ tiếp tục hợp tác và ứng dụng các công nghệ mới để nâng cao hoạt động của mình, cụ thể như:

- Ứng dụng AI (Artificial Intelligence) và machine learning để xây dựng AdviserBot phục vụ khách hàng và bán các sản phẩm của mình một cách hoàn toàn tự động.
- Từng bước xây dựng cho mình cơ sở dữ liệu khách hàng toàn Tập đoàn, phát huy tối đa thế mạnh của Tập đoàn, qua đó sẽ xây dựng được một hệ sinh thái cung cấp cho khách hàng các sản phẩm tài chính, bảo hiểm, ngân hàng, đầu tư, bất động sản... một cách chủ động và đa dạng, trên nền tảng kỹ thuật số và trên cơ sở phân tích dữ liệu khách hàng. Với cơ sở dữ liệu lớn này, cùng với việc kết nối các cơ sở dữ liệu lớn khác của Việt nam và thế giới, Bảo Việt sẽ có khả năng hiểu khách hàng của mình hơn, qua đó cung cấp các dịch vụ, các sản phẩm một cách phù hợp nhất đồng thời giảm các rủi ro, trên cơ sở phân tích thông tin khách hàng và các hành vi. Trên nền tảng cơ sở dữ liệu hợp nhất, Bảo Việt sẽ xây dựng hàng loạt ứng dụng nhằm khai thác cơ sở dữ liệu này như hệ thống chăm sóc khách hàng, hệ thống Customer Loyalty... từ đó đa dạng hóa các kênh tương tác với khách hàng cũng như khách hàng trải nghiệm các tiện ích tương tác với Bảo Việt để ngày càng mang đến cho khách hàng các tiện ích tốt nhất trên nền tảng kỹ thuật số.
- Tiếp tục tìm kiếm và hợp tác với các Fintech nhằm tham gia và mở rộng hệ sinh thái kỹ thuật số.



Triển khai kênh thu phí qua cổng thông tin khách hàng

Sử dụng chatbot giải quyết bảo lãnh hợp đồng bảo hiểm

Ứng dụng trên Mobile hỗ trợ cho công tác quản lý

ĐI TẮT ĐÓN ĐẦU VỀ CÔNG NGHỆ

Bảo Việt cũng đang từng bước nghiên cứu để trong tương lai không xa, sẽ có thể ứng dụng công nghệ blockchain vào trong hoạt động của mình. Về bản chất, blockchain là giao thức có khả năng chia sẻ, lập trình, mã hóa an toàn do đó trở nên đáng tin cậy bởi không có bất kì người dùng nào có thể điều khiển được và có thể được kiểm tra bởi tất cả mọi người. Do đó, khi ứng dụng công nghệ Blockchain, Bảo Việt có thể tăng khả năng bảo mật, xác thực chính xác và xử lý nhanh chóng thông tin giao dịch với các bên liên quan.

ĐỊNH HƯỚNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA BẢO VIỆT ĐẾN NĂM 2020

Định hướng CNTT của Bảo Việt đến năm 2020 là đi tắt, đón đầu, triển khai các hệ thống CNTT tiên tiến hiện đại trên nền tảng kỹ thuật số.

Định hướng công nghệ thông tin của bảo Việt đến năm 2020



Bảo Việt sẽ tiếp tục đầu tư mạnh mẽ để hoàn thiện hệ thống CNTT, nắm bắt kịp thời những xu thế công nghệ mới đang thịnh hành trên thế giới, tạo nền tảng nền tảng để có khả năng kết nối, liên thông, tích hợp và chia sẻ thông tin để thực sự đưa CNTT là thế mạnh của Bảo Việt để cạnh tranh trong thời đại mới, thời đại của cách mạng công nghiệp 4.0. Đến năm 2020, phần lớn các giao dịch tại Bảo Việt sẽ được số hoá hoàn toàn, nâng cao hiệu quả của toàn doanh nghiệp, nâng cao trải nghiệm dịch vụ của Bảo Việt trên nền tảng kỹ thuật số cho khách hàng và cho các đối tác phân phối.



CÁC ẢNH HƯỞNG TỪ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỚI BẢO VIỆT

“Trong xu hướng phát triển bền vững, Bảo Việt nhìn nhận một số rủi ro và thách thức có thể tác động tới hoạt động của Bảo Việt. Các thách thức và rủi ro này được đánh giá theo mức độ ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Bảo Việt và lợi ích của các bên liên quan.”

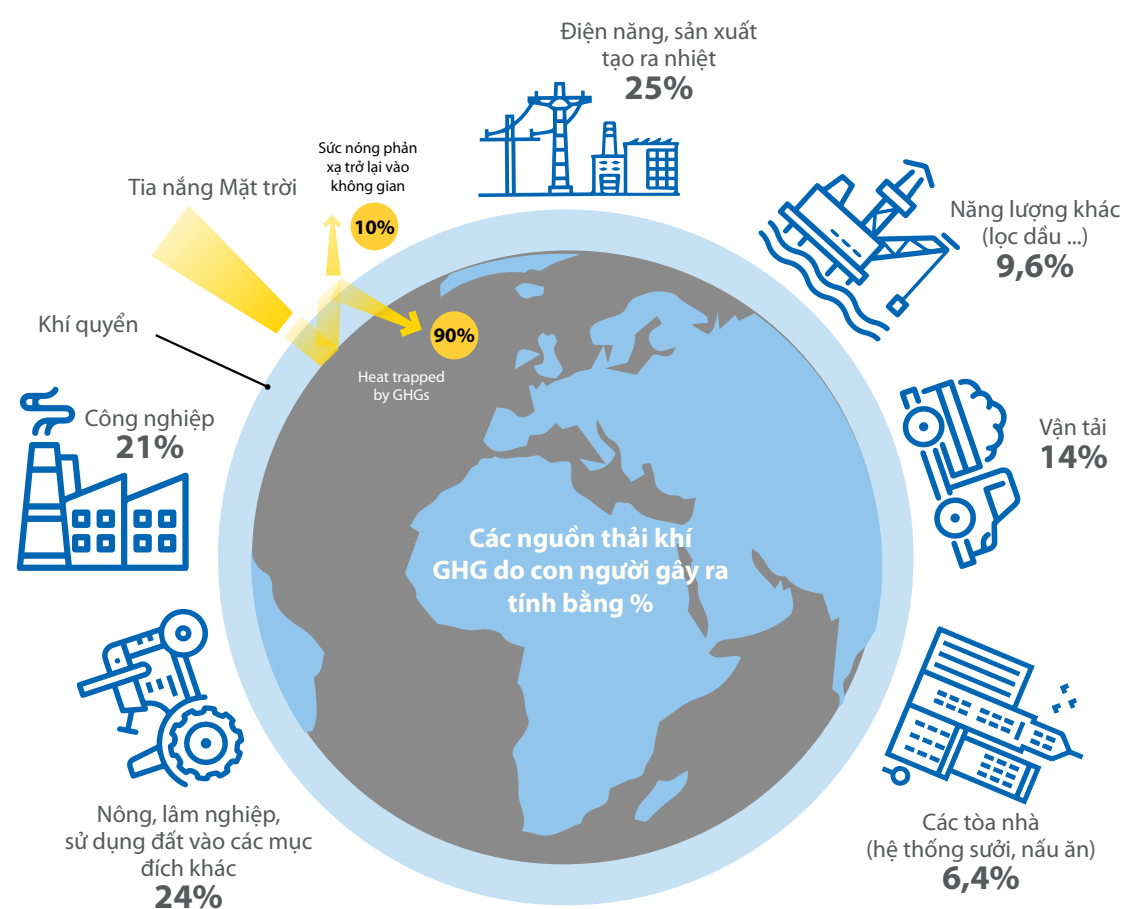
THÁCH THỨC TỪ SỰ MẤT CÂN BẰNG HỆ SINH THÁI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Sự mất cân bằng hệ sinh thái tác động nghiêm trọng tới trái đất và con người

Biến đổi khí hậu là một thách thức lớn, tác động mạnh mẽ đến sản xuất, đời sống và môi trường. Nhiệt độ tăng, mực nước biển dâng gây ngập lụt, nhiễm mặn nguồn nước, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và các hoạt động kinh tế - xã hội. Biến đổi khí hậu đã, đang và sẽ làm thay đổi toàn diện, sâu sắc quá trình phát triển và an ninh toàn cầu, đòi hỏi mỗi quốc gia, lãnh thổ và từng địa phương phải có phương án ứng phó.

Hội nghị COP21 về phòng chống biến đổi khí hậu diễn ra tại Paris với sự tham gia của 196 quốc gia. Việt Nam - một trong những nước sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề bởi biến đổi khí hậu - đã cam kết cắt giảm 8% lượng khí thải nhà kính vào năm 2030.

Theo Đánh giá Hệ Sinh thái Thiên Nhiên kỷ thì trong hơn 50 năm qua con người đã làm thay đổi hệ sinh thái thanh chóng và mạnh mẽ để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về thực phẩm, nước ngọt, gỗ, sợi và nhiên liệu đã tạo ra sự phồn thịnh về kinh tế và xã hội loài người nhưng đồng thời cũng làm suy thoái các Hệ sinh thái và các dịch vụ của chúng trên Trái Đất.



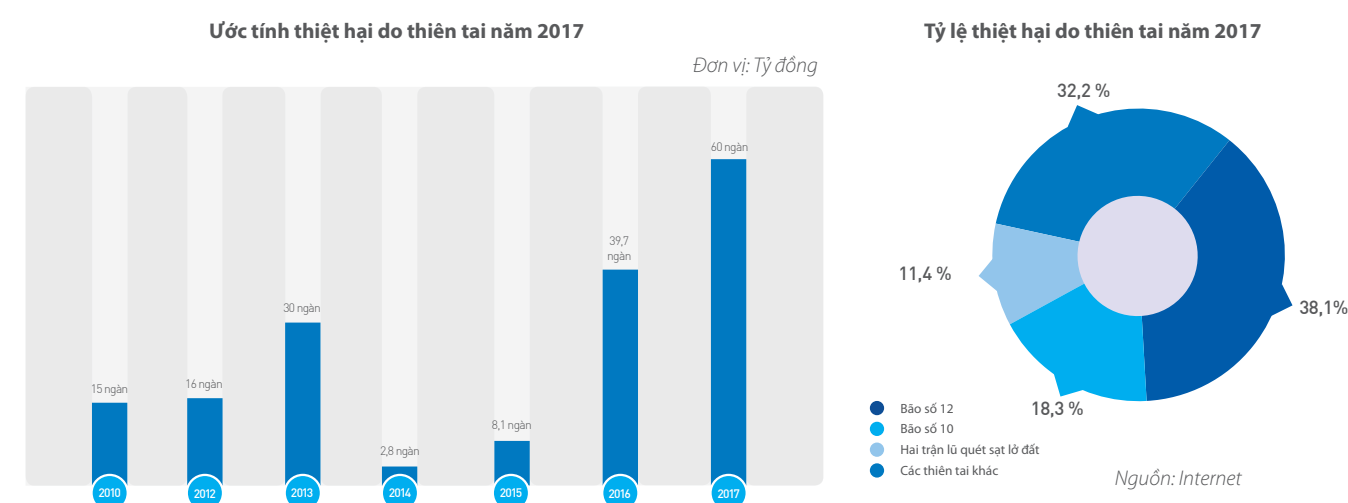
Rõ ràng các hoạt động của con người đã gây tác động rộng rãi hơn lên cả hành tinh, làm suy thoái các hệ sinh thái tự nhiên, cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, gây ô nhiễm không khí, nước, đất... và đặc biệt đã làm cho khí hậu toàn cầu bị biến đổi. Bão tố, lũ lụt, hạn hán bất thường đang tăng dần lên, cả về tần số và mức độ, gây thiệt hại về nhiều mặt ở tất cả các vùng trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Hiện nay dân số thế giới đã đạt ngưỡng gần 8 tỷ người và sau này còn có thể tăng nhiều hơn nữa. Một lượng lớn tài nguyên thiên nhiên toàn cầu sẽ được huy động để duy trì sự tồn tại và phát triển của số dân này. Do vậy, việc kiến tạo và duy trì một hệ sinh thái bền vững cần có sự chung tay của tất cả chúng ta.

Việt Nam đứng thứ 5 trên toàn cầu về thiệt hại do biến đổi khí hậu

Theo thống kê rủi ro lâu dài do biến đổi khí hậu, Việt Nam đứng thứ 5 trên toàn cầu về thiệt hại do biến đổi khí hậu và thiên tai gây ra. Trung bình mỗi năm có hàng trăm người thương vong và thiệt hại về kinh tế do biến đổi khí hậu gây ra khoảng 1,9 tỷ USD. Những thiệt hại của biến đổi khí hậu đối với nền kinh tế của quốc gia gây ra rủi ro cho hoạt động kinh doanh của Bảo Việt xét ở khía cạnh thu nhập của người dân giảm và các ưu tiên dành cho bảo hiểm có thể được thay thế cho những nguy cơ khác cấp bách hơn của khách hàng nhằm phục vụ cho các mục tiêu ngắn hạn.

Năm 2017, thiên tai xuất hiện dày đặc về tần suất, khốc liệt về cường độ, gia tăng tính dị thường của thời tiết và ghi nhận nhiều kỷ lục.



2017

NHỮNG CON SỐ ĐÁNG LƯU TÂM



GẦN **400**
NGƯỜI CHẾT VÀ MẤT TÍCH



HƠN **650.000**
NGƯỜI BỊ THƯƠNG



HƠN **350.000**
NGÔI NHÀ BỊ SẬP, CUỐN TRỜI, HƯ HỎNG

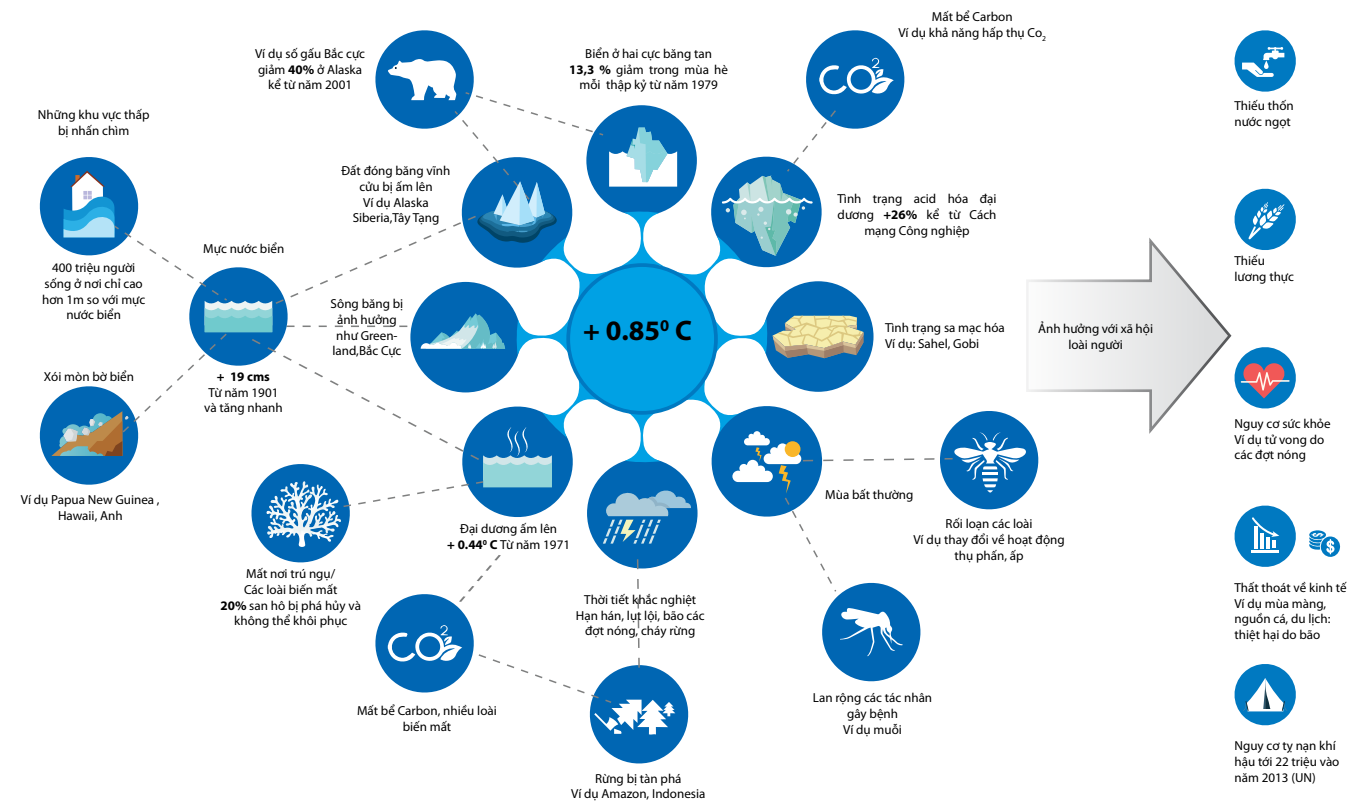


HƠN **558.000**
HECTA CÂY TRỒNG BỊ ẢNH HƯỞNG

Nguồn: Internet

KỊCH BẢN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ CÁC BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ

Theo kịch bản biến đổi khí hậu vào cuối thế kỷ này (năm 2100), nhiệt độ trung bình của nước ta sẽ tăng 2-3 độ C, sẽ có 10% dân số của Việt Nam sẽ chịu tác động trực tiếp từ biến đổi khí hậu, thiệt hại hàng năm cũng mất khoảng 9% GDP.



Nguồn: IPCC, NASA, NOAA, EPA, NRDC, WWF, RAC, PolarBearsInternational, UN

Với hơn 130 sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ cung cấp cho 17 triệu khách hàng trên toàn quốc, Bảo Việt đối diện với các thách thức từ biến đổi khí hậu gây ra cho sức khỏe con người, biến đổi khí hậu có thể gián tiếp gây ra tử vong và bệnh tật cho người dân và gây thiệt hại tài sản của cá nhân và doanh nghiệp.

Thiên tai lũ lụt khiến con người mất nơi cư trú, thiếu lương thực và nước sạch gây gia tăng dịch bệnh

Thiên tai lũ lụt với những cơn bão mạnh hơn nhiều lần gây ra thiệt hại tài sản và con người, điển hình là trận lũ tại Sơn La, Khánh Hòa trong năm 2017 vừa qua. Biến đổi khí hậu tác động gián tiếp lên sức khỏe con người thông qua nguồn gây bệnh, làm tăng khả năng bùng phát và lan truyền các bệnh dịch, gây ra các rủi ro từ gói bảo hiểm y tế và bảo hiểm sức khỏe của Bảo Việt. Các rủi ro về con người, tài sản cũng ảnh hưởng tới Bảo Việt với các chi phí bồi thường gia tăng.

Ngập úng, thiếu nước ngọt và xâm nhập mặn gây rủi ro cho bảo hiểm nông nghiệp và thủy sản

Lượng mưa tăng lên cùng với mực nước biển dâng gây ra hiện tượng ngập úng và xâm nhập mặn tại các vùng, đặc biệt là các vùng như Đồng bằng Sông Cửu Long. Việc này ảnh hưởng đến canh tác nông nghiệp của bà con khi cây trồng ngập úng; sản lượng từ nuôi trồng thủy sản bị giảm sút do nhiễm mặn... Những thiệt hại này là nguy cơ lớn ảnh hưởng đến sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp và bảo hiểm thủy sản của Bảo Việt.

Hạn hán và giá rét kéo dài làm thiệt hại cây trồng vật nuôi, gia tăng nguy cơ cháy nổ

Năm 2017, một số đợt nắng nóng gay gắt với nền nhiệt cao kỷ lục và các đợt giá rét kéo dài ở Bắc Bộ đến Nam Trung Bộ khiến hơn 160.000 ha diện tích hoa màu, rau màu bị thiệt hại, hơn 150.000 ha diện tích rừng hiện có bị ảnh hưởng và hơn 48.000 gia súc, gia cầm bị chết. Hạn hán kéo dài làm gia tăng các nguy cơ cháy rừng, cháy nổ các nhà máy. Đây cũng là rủi ro cho Bảo Việt khi thực hiện bảo hiểm về lâm nghiệp hay bảo hiểm nhà xưởng cho doanh nghiệp.

Chính vì vậy, việc thích nghi và ứng phó với biến đổi khí hậu là vấn đề cấp bách mang tính toàn cầu. Biến đổi khí hậu đã là thách thức thực sự nhưng đây cũng có thể là cơ hội nếu biết khai thác, tận dụng. Nắm bắt vấn đề này, Việt Nam đã phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu. Đây là cơ hội để mở ra việc thúc đẩy hợp tác toàn cầu, đa phương, song phương, qua đó tiếp cận, hình thành các cơ chế mới để tiếp nhận hỗ trợ tài chính và chuyển giao công nghệ từ các nước phát triển.

Để làm được điều này cần sự quyết tâm của Chính phủ, sự hỗ trợ của quốc tế và đặc biệt là sự chung tay của cộng đồng doanh nghiệp trong việc đẩy mạnh sử dụng nguồn năng lượng xanh, thay thế cho nhiên liệu hóa thạch. Bảo Việt nhìn nhận trách nhiệm của mình trong việc chung tay giải quyết các thách thức góp phần giảm nhẹ thiệt hại và hậu quả của biến đổi khí hậu.



“Bảo Việt hiểu rằng để xây dựng nên một tương lai tốt đẹp, cần sự nỗ lực của tất cả chúng tôi từ ngày hôm nay, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò như một nhân tố tích cực trong việc hiện thực hóa tương lai này. Và để làm được, chúng tôi cũng cần xây dựng lộ trình cụ thể nhằm bù đắp lại những thiếu hụt về nguồn lực tài nguyên mà con người đã khai thác quá mức trong quá khứ và trong hiện tại.”

GẮN KẾT MỤC TIÊU TOÀN CẦU VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (SDGs) TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Những thỏa thuận mang tính lịch sử về phát triển bền vững lần đầu tiên đạt được vào năm 2015 tại Hội nghị Thượng đỉnh Liên Hợp quốc về Phát triển bền vững. Hội nghị thông qua Chương trình nghị sự 2030 với trọng tâm là các Mục tiêu Phát triển bền vững cho giai đoạn 2015 – 2030, trong đó nhấn mạnh vai trò của doanh nghiệp trong việc hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững. Các công ty có thể đóng góp vào quá trình này thông qua những hoạt động cốt lõi của họ và Liên Hợp quốc kêu gọi các công ty trên toàn thế giới đánh giá tác động của mình, đặt ra những mục tiêu tham vọng với quyết tâm mạnh mẽ và công bố kết quả thực hiện một cách minh bạch.

Theo báo cáo của Ủy ban Kinh doanh và Phát triển bền vững, các doanh nghiệp theo đuổi mô hình kinh doanh phát triển bền vững đang phát triển ngày càng mạnh mẽ và mang lại giá trị ngày càng lớn cho cổ đông. Việc các doanh nghiệp và các quốc gia hoàn thành 17 Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc (còn được gọi là **Mục tiêu toàn cầu** về phát triển bền vững) sẽ tạo ra một thế giới bền vững toàn diện: Xã hội công bằng, môi trường an toàn, kinh tế thịnh vượng, hòa nhập và dễ tiên đoán hơn. Do vậy, nếu doanh nghiệp không nắm bắt cơ hội và không gắn kết việc thực hiện các mục tiêu này trong chiến lược và hoạt động kinh doanh thì sẽ bỏ lỡ những cơ hội đang mở ra cho chính các doanh nghiệp. Bằng Chương trình Nghị sự 2030, những thách thức của sự phát triển kinh tế - xã hội toàn diện sẽ được giải quyết, tính bền vững của môi trường cũng sẽ được đảm bảo và quản trị tốt.

Mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững của Liên Hợp quốc đến năm 2030 gồm 17 mục tiêu với 169 chỉ tiêu được cụ thể hóa.



“HOÀN THÀNH CÁC MỤC TIÊU TOÀN CẦU TẠO RA CƠ HỘI TRỊ GIÁ ÍT NHẤT 12 NGHÌN TỶ USD”

Hoàn thành các Mục tiêu Toàn cầu mở ra cơ hội thị trường trị giá ít nhất 12 nghìn tỷ USD được Ủy ban Kinh doanh và Phát triển bền vững khảo sát, chiếm khoảng 60% giá trị của nền kinh tế thực và có vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện các Mục tiêu Toàn cầu. Để nắm bắt được tất cả các cơ hội, doanh nghiệp cần phải theo đuổi sự phát triển bền vững về xã hội và môi trường một cách mạnh mẽ và rõ ràng như cách họ theo đuổi thị phần và giá trị cổ đông. Càng nhiều doanh nghiệp tham gia trong quá trình này ngay từ bây giờ, chúng ta sẽ cùng nhau trở thành một lực lượng hùng mạnh và sớm đạt được những mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn.

CHUNG TAY TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA

Duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững đi đôi với thực hiện tiến bộ,

- Công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái,
- Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên,
- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu,
- Bảo đảm mọi người dân được phát huy mọi tiềm năng, tham gia và thụ hưởng bình đẳng thành quả của phát triển, xây dựng xã hội hòa bình, thịnh vượng, bao trùm, dân chủ, công bằng, văn minh và bền vững.

Trên cơ sở 17 mục tiêu chung và 169 mục tiêu cụ thể của Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên Hợp quốc, căn cứ vào điều kiện thực tiễn, khả năng, ưu tiên phát triển của Việt Nam trong từng giai đoạn, kế thừa các chiến lược, chính sách, chương trình kế hoạch phát triển hiện hành chủ yếu, quan trọng của quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xác định các mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp với Việt Nam và xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030.

Giải pháp thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững quốc gia

	NÂNG CAO NHẬN THỨC	Nâng cao nhận thức và hành động của toàn xã hội về phát triển bền vững và các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam;
	GẮN KẾT SỰ THAM GIA CỦA XÃ HỘI	Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức đoàn thể xã hội, cộng đồng dân cư, các đối tác phát triển trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững;
	HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC	Tăng cường và huy động các nguồn tài chính trong và ngoài nước để triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia;
	TĂNG CƯỜNG CHỈ ĐẠO, PHỐI HỢP	Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, ngành, sự phối hợp giữa các cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp, các tổ chức chính trị, xã hội, hiệp hội ngành nghề, cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ, sự phối hợp giữa các cơ quan Trung ương và địa phương trong triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, đảm bảo tính tích hợp và lồng ghép của các mục tiêu;
	TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC QUỐC TẾ	Tăng cường hợp tác quốc tế trong quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững quốc gia, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn hỗ trợ quốc tế cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam.

Là một trong những Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, Bảo Việt nhận thức rõ vai trò không chỉ là đầu tàu kinh tế mà còn là doanh nghiệp tiên phong trong việc tuyên bố và hiện thực hóa Chiến lược Phát triển bền vững bằng các hành động cụ thể trong việc ra quyết định kinh doanh, đảm bảo tăng trưởng hiệu quả về kinh tế, bảo vệ môi trường, góp phần bảo đảm sự bình an và phát triển cộng đồng trên cơ sở nắm bắt các xu hướng quốc tế về phát triển bền vững và đón đầu các cơ hội trên thị trường.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT

ĐỊNH HƯỚNG

Bảo Việt luôn gắn liền tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội - ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của Bảo Việt. Trong đó, mục tiêu kinh tế là mục tiêu quan trọng nhất của Bảo Việt vì việc thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần để thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường.

Việc thực hiện mục tiêu kinh tế được kết hợp với thực hiện các mục tiêu khác về mặt xã hội và môi trường nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan tới hoạt động trong hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển dài hạn và bền vững của Bảo Việt.



Các nội dung từ các báo cáo trước của Bảo Việt cùng với quá trình trao đổi, tiếp xúc với các bên liên quan giúp chúng tôi nhận thức được rằng cùng với việc đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo các lợi ích của xã hội và cộng đồng thì “Quản trị doanh nghiệp” và “Phát triển nguồn nhân lực” cũng là hai yếu tố quan trọng, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Bảo Việt. Chính vì vậy, chúng tôi đã bổ sung thêm 2 yếu tố này trong mô hình phát triển bền vững của năm nay. Chúng tôi tin rằng những giá trị cốt lõi của Bảo Việt vẫn luôn được bảo tồn, phát huy; và các yếu tố góp phần tạo nên giá trị cốt lõi có thể thay đổi, đảm bảo sự thích ứng theo từng thời điểm.

CAM KẾT TỪ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Chiến lược phát triển của doanh nghiệp gắn liền với sự cam kết và quyết định của Ban lãnh đạo. Tại Bảo Việt, việc định hướng và cam kết thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, cũng như việc gắn kết các mục tiêu phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh nhận được sự đồng thuận từ cấp Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, lãnh đạo quản lý cấp trung đến cán bộ nhân viên.

Năm 2017, Ông Đào Đình Thi - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt đã trở thành là Phó Chủ tịch Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD); Ông Nguyễn Anh Tuấn – Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động trở thành thành viên Ban điều hành VBCSD nhiệm kỳ II (2017-2020).

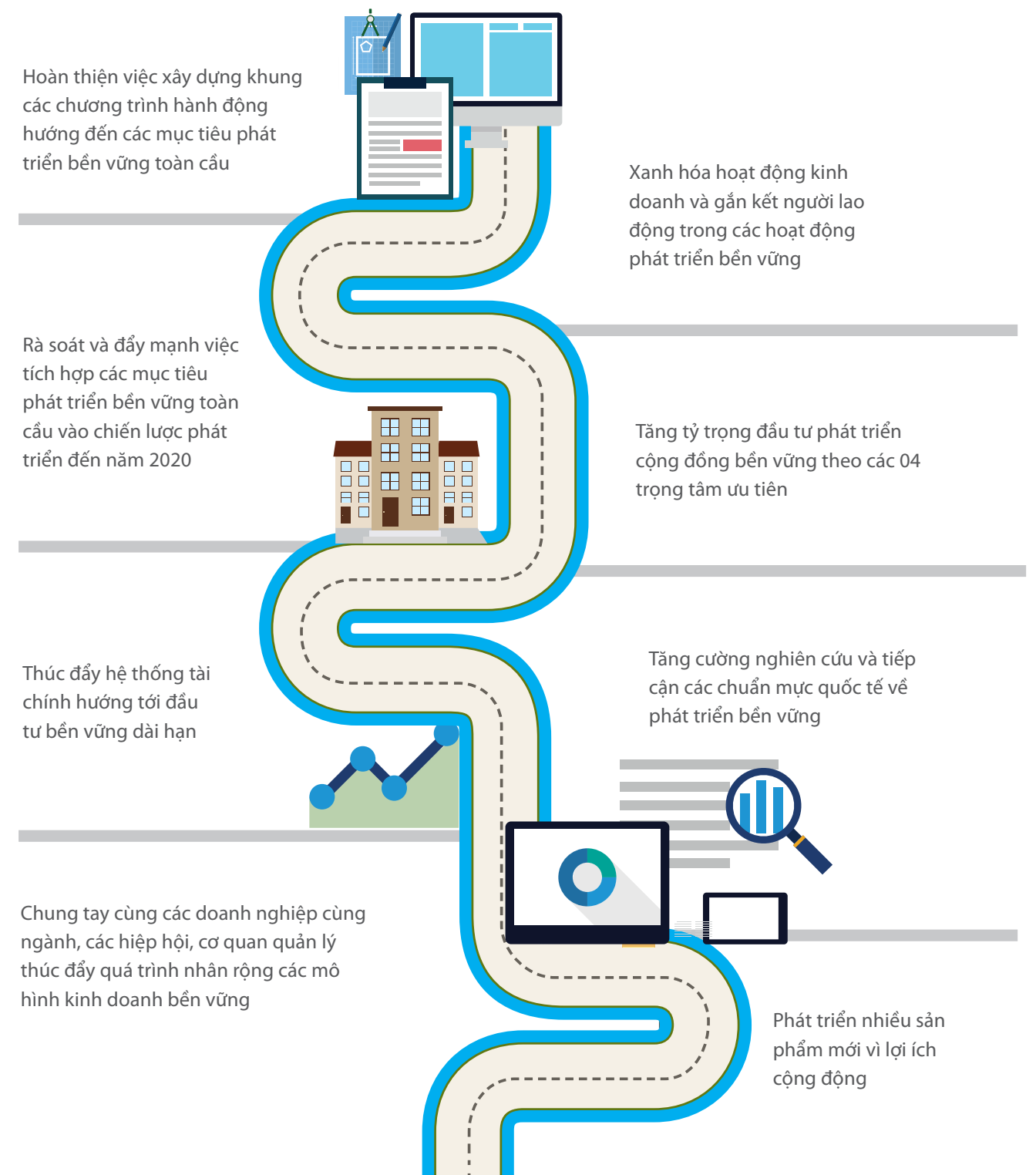
Thông qua việc tham gia sâu hơn vào Ban Điều hành VBCSD, Bảo Việt có cơ hội cập nhật các xu hướng mới về phát triển bền vững để gắn kết trong chiến lược và hoạt động kinh doanh hiệu quả hơn, đồng thời cam kết sẽ chung tay cùng Ban Điều hành VBCSD trong các hoạt động thường niên về phát triển bền vững nhằm thúc đẩy kinh doanh theo hướng phát triển bền vững; thúc đẩy nhân rộng áp dụng bộ chỉ số bền vững trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.

Bảo Việt cũng thành lập Tổ thường trực về phát triển bền vững gồm 45 thành viên, trong đó Ban chỉ đạo bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các Giám đốc Khối quản lý Hoạt động, Giám đốc Khối Quản lý Tài chính, Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ, trong đó có sự phân quyền rõ ràng cho các thành viên đối với từng nhóm mục tiêu căn cứ trên 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc và các lĩnh vực mà Bảo Việt có thể tác động lớn nhất khi triển khai các mục tiêu đó.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRUNG VÀ DÀI HẠN

Nhận diện các ảnh hưởng và cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững trong trung và dài hạn, Bảo Việt đã gắn kết các mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững của Liên Hợp quốc trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển đến năm 2020 trên cơ sở đánh giá các hoạt động đã triển khai và phân tích các tác động đối với Bảo Việt.

ƯU TIÊN CỦA BẢO VIỆT ĐẾN NĂM 2020



KẾ HOẠCH VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGẮN - TRUNG VÀ DÀI HẠN

Bảo Việt hiểu rằng để điều chỉnh hoạt động kinh doanh phù hợp với Mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu, chúng tôi không chỉ lồng ghép các mục tiêu vào quá trình lập kế hoạch chiến lược, đổi mới phát triển kinh doanh mà còn vào mọi khía cạnh trọng hoạt động của doanh nghiệp, từ đầu tư, vận hành hoạt động đến marketing, truyền thông thương hiệu, quản lý và phát triển nguồn nhân lực... Việc áp dụng một phương pháp tích hợp toàn diện này sẽ mở rộng tầm nhìn chiến lược của doanh nghiệp, thúc đẩy các quyết định và các hoạt động đầu tư với kỳ vọng mang lại lợi ích trong dài hạn khi xu hướng phát triển bền vững trở thành xu hướng tất yếu và bước vào chu kỳ tăng tốc.

Bảo Việt hướng tới mục tiêu bền vững vì các cơ hội kinh doanh và hiệu quả rõ ràng của phát triển bền vững này càng có liên quan chặt chẽ tới hiệu quả hoạt động kinh doanh. Trong quá trình định hình các cơ hội thị trường do các Mục tiêu Toàn cầu về phát triển bền vững mang lại trên nền tảng các triết lý kinh doanh dựa trên sự chia sẻ (shared value), tuần hoàn (circular economy), dịch vụ tinh gọn (Smart service), dữ liệu lớn (Big data) và đầu tư có trách nhiệm (Responsible investment), Bảo Việt hiểu rằng thực hiện thành công các Mục tiêu Toàn cầu là chìa khóa mở ra cánh cửa tới phát triển kinh doanh lâu dài. Kế hoạch và các giải pháp trọng tâm của Bảo Việt bám sát với các ưu tiên đến năm 2020, trong đó tập trung vào 04 nội dung sau:

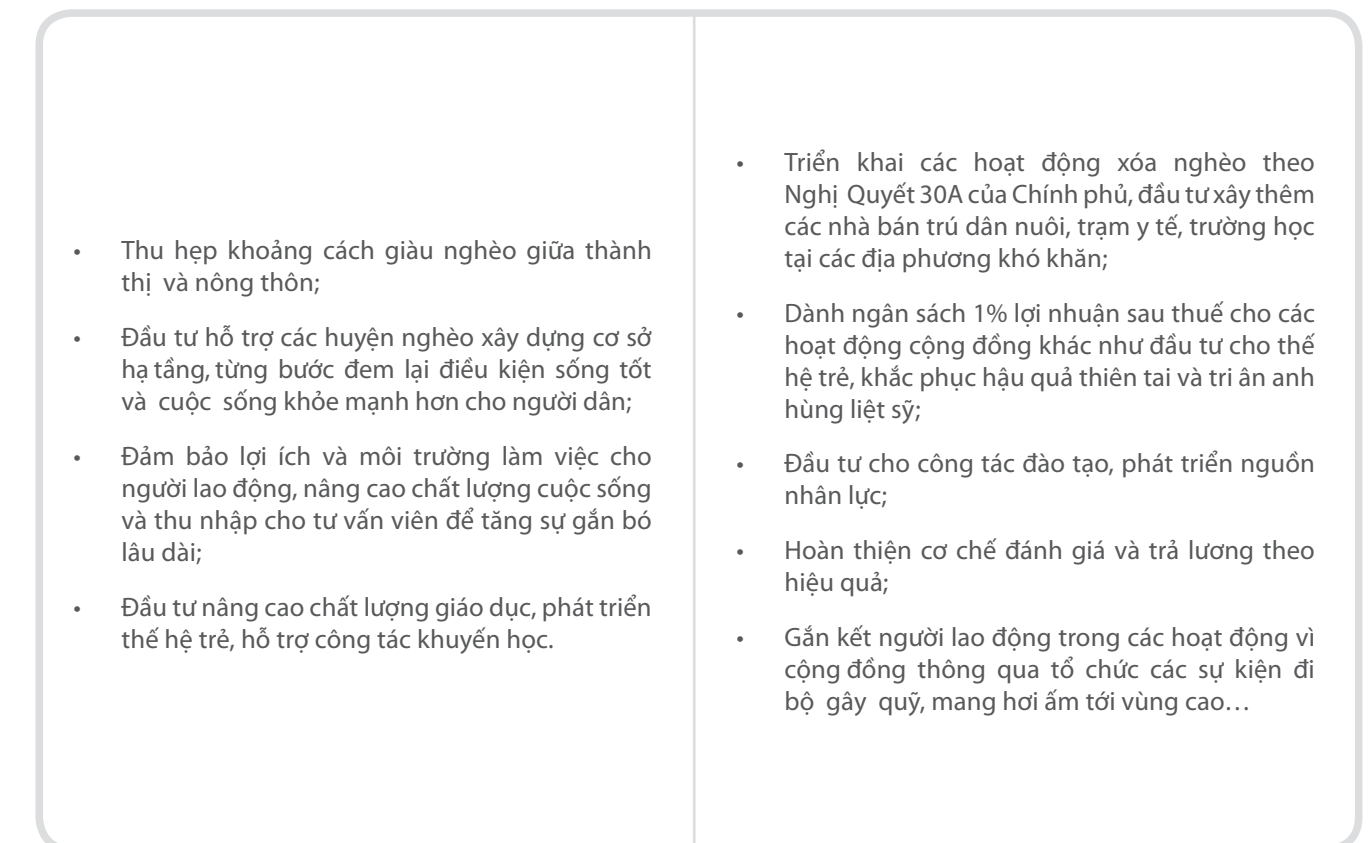
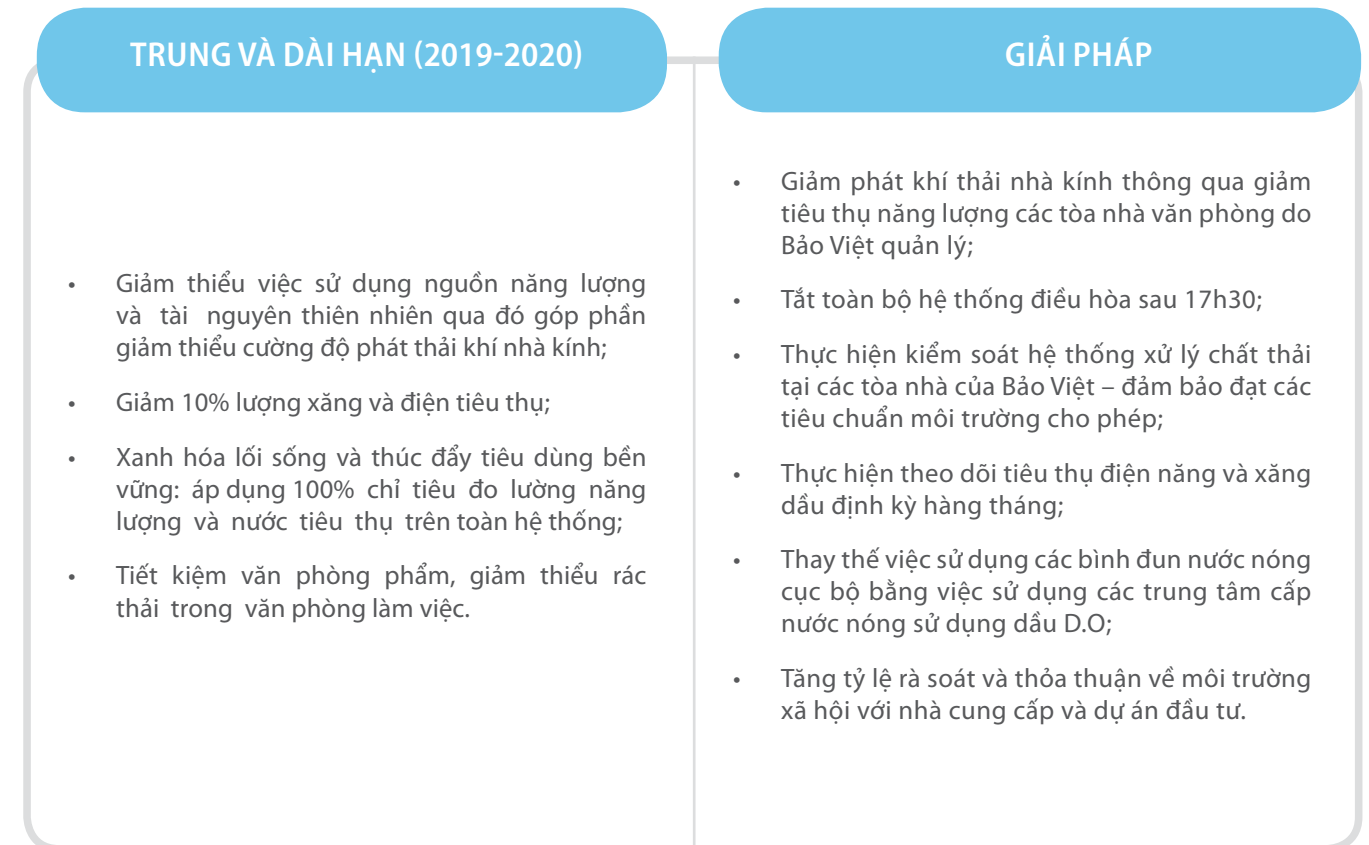
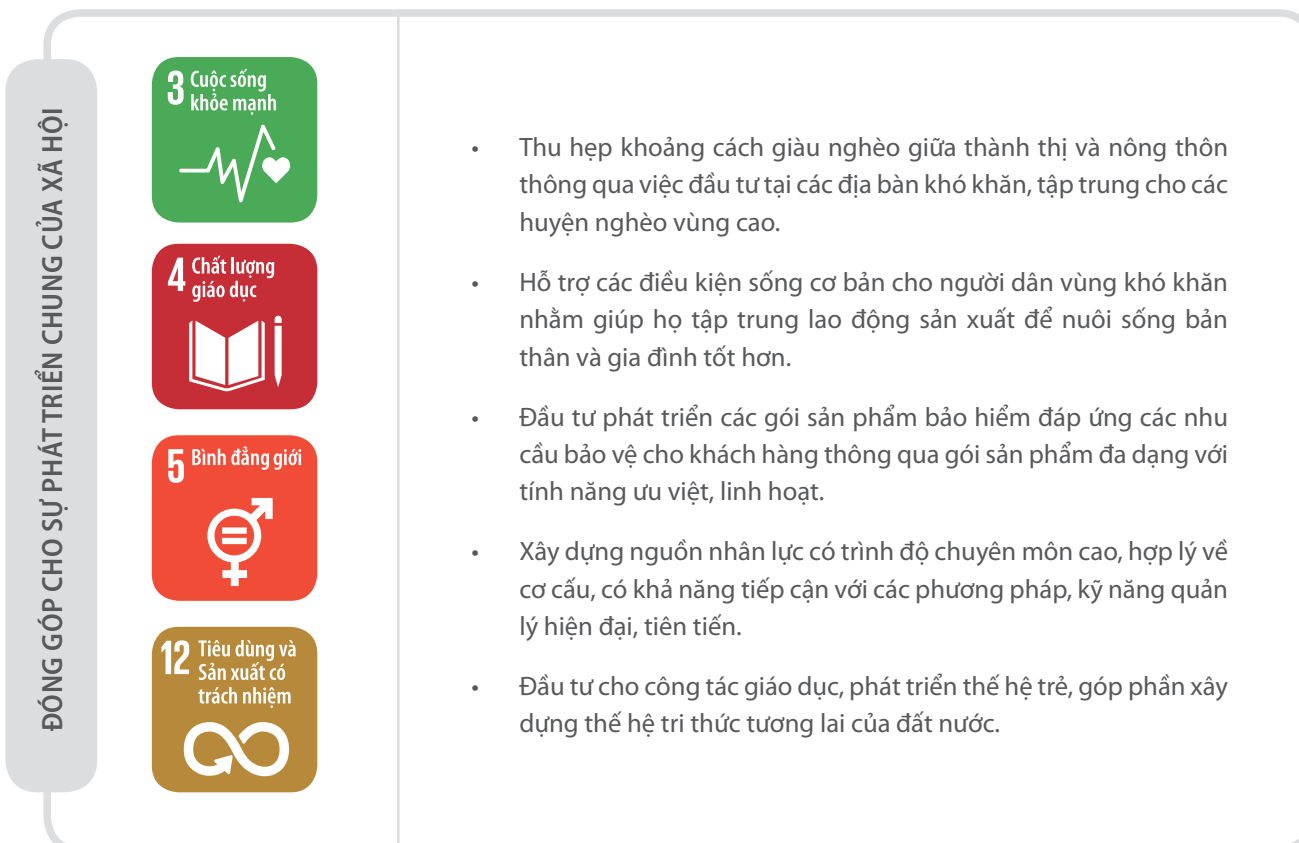
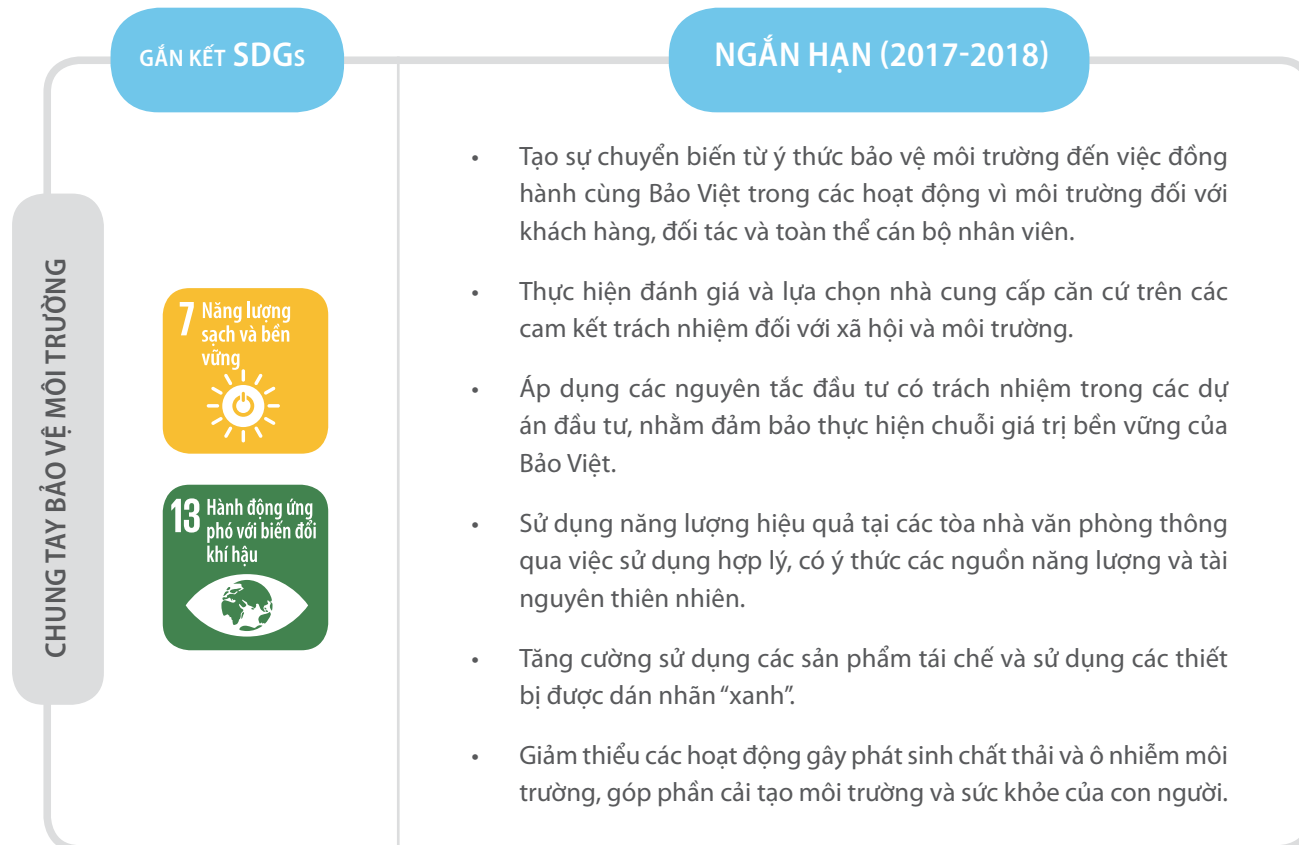
1. Truyền tải những hiểu biết đó tới cộng đồng kinh doanh và đầu tư
2. Lồng ghép các Mục tiêu Toàn cầu vào chiến lược doanh nghiệp
3. Hợp tác với lãnh đạo doanh nghiệp trong ngành để duy trì cạnh tranh bền vững
4. Giúp định hình chính sách hiệu quả



MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGẮN, TRUNG VÀ DÀI HẠN

Căn cứ theo nội dung cụ thể của 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc, Bảo Việt đã phân tích, lựa chọn và tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững trong định hướng chiến lược phát triển bền vững đến năm 2020 của doanh nghiệp bao gồm:







ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC ĐẾN NĂM 2020

Trên cơ sở đánh giá tình hình và triển vọng thị trường giai đoạn 2016-2020, Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Bảo Việt đã thông qua định hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020 của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt tại Nghị quyết 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày 18/05/2016 với các nội dung cụ thể như sau:

Tầm nhìn đến năm 2025 là **“Giữ vững vị thế Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, tiềm lực tài chính mạnh, tăng trưởng bền vững, hiệu quả”**.



Các mục tiêu định tính

Phấn đấu vị trí số 1 thị trường trong cả lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ đến năm 2020.

Doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực quản lý quỹ, cung cấp các dịch vụ tài chính trong nước

Có nền tảng, hạ tầng công nghệ thông tin đạt chuẩn quốc tế, đáp ứng tốt yêu cầu quản trị, kinh doanh trong toàn hệ thống.



Các mục tiêu định lượng

HỢP NHẤT

CAGR 2015 - 2020
đạt khoảng
8% - 10%

Tổng tài sản hợp
nhất đạt khoảng
80.000 - 85.000
tỷ đồng

Tổng doanh thu
hợp nhất đạt khoảng
33.000 - 35.000
tỷ đồng

CAGR 2015 - 2020
đạt khoảng
10% - 11%

CAGR 2015 - 2020
đạt khoảng
5% - 6%

Lợi nhuận sau thuế
hợp nhất đạt khoảng
1.500 - 1.600
tỷ đồng

(*) Ghi chú:

CAGR: Tốc độ tăng trưởng bình quân

ROCC: Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ

LNST: Lợi nhuận sau thuế

CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Tổng doanh thu
đạt khoảng
2.300 tỷ đồng

CAGR 2015 - 2020
khoảng
11,5%/năm

CAGR 2015 - 2020
đạt khoảng
6%-9%/năm

Lợi nhuận
sau thuế đạt khoảng
1.300 - 1.500 tỷ

Phân bổ lợi nhuận
nhiều hơn cho tái đầu
tư phát triển doanh
nghiệp

Tỷ lệ chi trả
cố tức tối thiểu bằng
50% LNST

ROCC bình quân
giai đoạn
2015 - 2020 đạt
khoảng **15%**

Các định hướng và giải pháp cơ bản thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển đến 2020

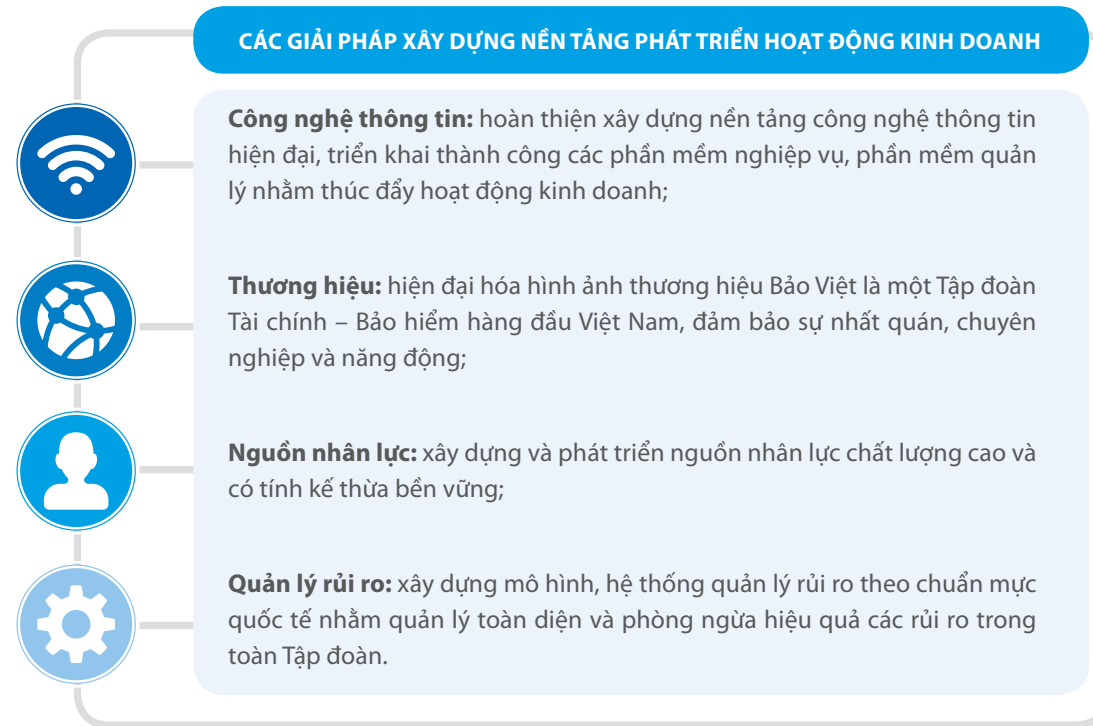
Định hướng chiến lược đối với Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt

- **Phát huy vai trò quản trị tập trung, điều phối nguồn lực của Công ty Mẹ** trong toàn Tập đoàn về tài chính, nhân sự - đào tạo, công nghệ thông tin, thương hiệu, đầu tư, xây dựng cơ bản; nâng cao năng lực quản trị theo thông lệ quốc tế, tăng cường công tác quản trị rủi ro, kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ; đẩy mạnh hợp lực Tập đoàn;
- **Tăng cường năng lực tài chính cho Công ty Mẹ** để thực hiện tốt chức năng đầu tư vốn vào các công ty con trong lĩnh vực kinh doanh truyền thống và các ngành nghề kinh doanh mới tiềm năng thông qua nghiên cứu triển khai các phương án tăng cường năng lực tài chính như: tài trợ vốn thông qua nguồn lợi nhuận để lại; huy động vốn thông qua phát hành cổ phần (riêng lẻ/rộng rãi) cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước; phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP); vay vốn ngân hàng; phát hành trái phiếu doanh nghiệp...

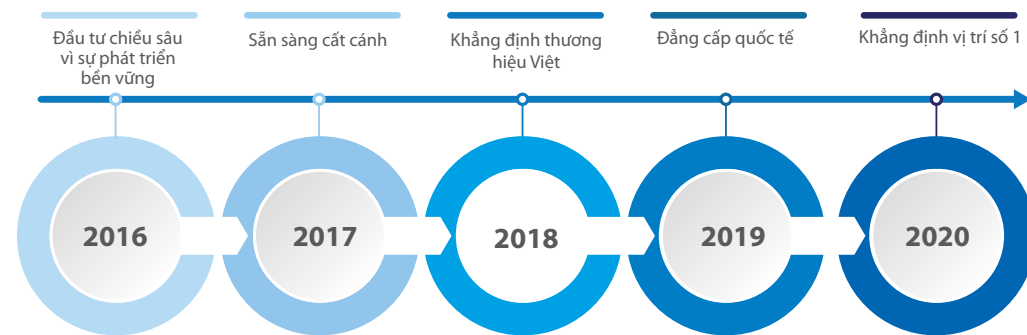
Định hướng chiến lược hoạt động đối với các Công ty con

- **Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt:** là các đơn vị nòng cốt, tiếp tục thực hiện sứ mệnh là trụ cột phát triển các lĩnh vực kinh doanh truyền thống của Tập đoàn;
- **Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt, Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt:** tiếp tục khai thác các cơ hội mới trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, đầu tư;
- **Hoàn thiện mô hình kinh doanh theo định hướng quản lý tập trung,** đẩy mạnh hoạt động bán hàng và dịch vụ khách hàng;

- **Phát triển và khai thác các sản phẩm có tính cạnh tranh cao**, đem lại giá trị dài hạn cho khách hàng, đáp ứng nhu cầu đa dạng về sản phẩm dịch vụ tài chính, bảo hiểm trong từng giai đoạn khác nhau trong vòng đời của khách hàng;
- **Nâng cao năng lực các kênh phân phối sản phẩm, dịch vụ** truyền thống song song với việc đẩy mạnh nghiên cứu, áp dụng các kênh, mô hình phân phối, khai thác mới tiên tiến, phát huy tối đa sức mạnh hợp lực hệ thống.



Lộ trình phát triển của Bảo Việt đến 2020



Nền tảng hoạt động được Bảo Việt xây dựng trong hơn 50 năm qua là một trong những yếu tố cơ bản giúp Bảo Việt duy trì sự phát triển bền vững của mình. Để đạt được các mục tiêu chiến lược trong giai đoạn 2016-2020, Bảo Việt sẽ tiếp tục phát triển nền tảng Một Bảo Việt đã được xây dựng trong giai đoạn 2011-2015 nhằm củng cố và tạo lợi thế cạnh tranh mới để khai thác các cơ hội trên thị trường, song song với tăng cường năng lực tài chính và củng cố năng lực quản trị để đáp ứng các yêu cầu hội nhập và cạnh tranh trong bối cảnh kinh doanh mới.

Ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho phát triển bền vững của Bảo Việt trong giai đoạn 2016-2020 là tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Việc thực hiện mục tiêu kinh tế nhằm đạt sự tăng trưởng bền vững về doanh thu và lợi nhuận, đóng góp vào ngân sách quốc gia qua nộp thuế, đảm bảo quyền lợi của cổ đông được kết hợp với việc thực hiện các mục tiêu khác về mặt xã hội và môi trường nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC ĐẾN NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2018-2020



KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC ĐẾN NĂM 2017

Giai đoạn 2016-2017, nền kinh tế Việt Nam phục hồi ổn định và bước vào chu kỳ tăng trưởng mới. Mặc dù có chứng lại do biến động của kinh tế thế giới cùng với sự sụt giảm khu vực nông nghiệp và khai khoáng trong năm 2016, kinh tế vĩ mô đã từng bước phục hồi và khởi sắc trong năm 2017 với tốc độ tăng trưởng GDP 6,81%, cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây, lạm phát được kiểm soát chặt chẽ. Trên thị trường tài chính, chính sách tiền tệ ổn định và linh hoạt, thanh khoản hệ thống ngân hàng dồi dào. Mặt bằng lãi suất cho vay được duy trì ổn định và có xu hướng giảm dần giúp cải thiện khả năng tiếp cận vốn, tuy nhiên lãi suất huy động ở mức thấp và lãi suất TPCP giảm mạnh ngoài dự báo trong giai đoạn 2016-2017 ảnh hưởng rất lớn tới kết quả hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp bảo hiểm. Thị trường chứng khoán hồi phục mạnh mẽ năm 2017, VN-Index đạt gần 1.000 điểm. Thị trường bảo hiểm duy trì tốc độ tăng trưởng cao trên thị trường bảo hiểm nhân thọ (31,8%/năm giai đoạn 2016-2017) và tăng trưởng ổn định ở mức khá trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ (13,4%).

Trong bối cảnh đó, Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên đã và đang bám sát các định hướng chiến lược 2016-2020 và đạt được kết quả kinh doanh cụ thể như sau:

Các mục tiêu định lượng

Hợp nhất: Kết thúc năm 2017, tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn đạt 32.748 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt 1.603 tỷ đồng, tổng tài sản hợp nhất đạt 91.402 tỷ đồng.

Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt: Tổng doanh thu năm 2017 đạt 1.385 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 1.026 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch đã đặt ra. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ đạt 15,1%. Tập đoàn Bảo Việt luôn đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và đã thực hiện chi trả cổ tức trong hai năm 2016-2017 tương ứng 10% và 12%.

Các mục tiêu định tính

Vị trí thị trường

- Trong lĩnh vực bảo hiểm, giai đoạn 2016 - 2017, Bảo Việt tiếp tục giữ vững vị trí số 1 thị trường về doanh thu phí bảo hiểm ở cả hai lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ.
- Trong lĩnh vực quản lý quỹ, Bảo Việt tiếp tục khẳng định là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực quản lý quỹ, cung cấp các dịch vụ tài chính trong nước, với tổng tài sản quản lý đến cuối năm 2017 lớn hàng đầu trên thị trường, đạt 44.500 tỷ đồng.
- Trong lĩnh vực chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) luôn nằm trong Top 10 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu lớn nhất trên sàn HoSE và liên tục được tôn vinh là công ty tư vấn tiêu biểu và tốt nhất hạng mục tư vấn hợp nhất & sáp nhập trong các năm 2016 & 2017.

Quản trị doanh nghiệp

Tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị nhằm tăng cường sự phối hợp giữa Tập đoàn và các Đơn vị thành viên, giữa các Đơn vị thành viên với nhau trên cơ sở xây dựng các quy chế, quy định thống nhất, tuân thủ trên toàn hệ thống. Thường xuyên cập nhật các kiến thức, thông lệ về quản trị công ty trong và ngoài nước, chia sẻ những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị doanh nghiệp và kinh nghiệm trong quản trị công ty với đối tác chiến lược Sumitomo Life để vận dụng vào thực tiễn hoạt động của Bảo Việt. Bên cạnh đó, Bảo Việt cũng đã triển khai áp dụng Công cụ Thẻ điểm quản trị Công ty khu vực ASEAN để nâng cao năng lực và thực hành quản trị Công ty của Tập đoàn tại Việt Nam và vươn ra khu vực; đồng thời đẩy mạnh công tác QLRR, tuân thủ và kiểm toán nội bộ để cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động quản trị doanh nghiệp.

Công nghệ thông tin

Tiếp tục thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung; đầu tư cho các phần mềm core lõi trong mảng nhân thọ, phi nhân thọ, đầu tư tài chính, phần mềm CRM ..., tạo nền tảng liên thông để cung cấp cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ của các đơn vị thành viên trong Tập đoàn, và các gói sản phẩm tích hợp mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng. Hệ thống phần cứng cũng được đầu tư để đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh: Máy chủ Quản lý thông tin khách hàng dùng chung; Trang bị nâng cấp phần cứng cho hệ thống ảo hóa của Tập đoàn Bảo Việt; Trung tâm dự phòng thảm họa...

Đào tạo nguồn nhân lực

Mô hình tổ chức quản lý tập trung từ Công ty Mẹ tập đoàn đến các ĐVTV tiếp tục được triển khai trong toàn hệ thống. Đội ngũ lãnh đạo cấp cao và cấp trung được kiện toàn, có lộ trình quy hoạch và phát triển đội ngũ cán bộ kế cận. Năm 2017, Tập đoàn Bảo Việt đã triển khai thành công 6 khóa đào tạo "Tư duy lãnh đạo" cho cán bộ chủ chốt cấp Tập đoàn quản lý. Đồng thời, hoàn thành việc xây dựng bản đồ năng lực và bản đồ học tập chuyên môn nghiệp vụ. Hiện đang xây dựng hệ thống KPIs theo nhóm công việc; Mức lương, dải lương trả tương ứng với từng cấp bậc công việc, hiệu quả công việc.

Quản lý rủi ro (QLRR)

Tập đoàn đã triển khai thực hiện chiến lược QLRR 2016-2020, thiết lập được mục tiêu QLRR hàng năm xuyên suốt từ Tập đoàn đến các Đơn vị thành viên, ban hành Quy chế QLRR. Bên cạnh đó, Tập đoàn đã áp dụng mô hình "Ba tuyến phòng thủ" để đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ, QLRR được vận hành hiệu quả. Tập đoàn thực hiện quản lý rủi ro chủ động. Các rủi ro được nhận dạng, đánh giá định kỳ, phân loại thành các rủi ro trọng yếu trong ngắn hạn, trung hạn, dài hạn và các rủi ro mới nổi tác động đến các lĩnh vực hoạt động của toàn Tập đoàn. Trên cơ sở đó, Tập đoàn phối hợp với các ĐVTV xây dựng, triển khai việc đo lường, giám sát và quản lý rủi ro hiệu quả.

Phát triển mạng lưới

Năm 2017, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt đã thành lập thêm 6 Công ty thành viên, nâng tổng số lên 79 Công ty thành viên; Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ đã khai trương thêm 5 Công ty thành viên, nâng tổng số lên 75 Công ty thành viên và thành lập 12 văn phòng tổng đại lý chuyên nghiệp. Bảo Việt là doanh nghiệp đầu tiên và duy nhất có hệ thống bao phủ khắp 63 tỉnh/thành phố trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ. Tập đoàn đã hoàn thành 7 tòa nhà hợp khối với thiết kế hiện đại, hình ảnh thương hiệu thống nhất, đồng thời cũng thực hiện cải tạo các văn phòng khu vực theo tiêu chuẩn nhận diện thương hiệu chung.

Phát triển sản phẩm

Bảo Việt ra mắt nhiều sản phẩm bảo hiểm mới và đột phá, lần đầu tiên có mặt tại thị trường Việt Nam trong cả lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ như: An Bình Thịnh Vượng, An Hưng Phát Lộc, Bảo hiểm Tai nạn toàn diện và Chăm sóc Y tế, Bảo hiểm bão nhiệt đới, Bảo Việt Inter Care, Bảo hiểm ưu việt cho Bệnh Ung thư và Tim mạch.... Đồng thời, với 03 quỹ BVFED, BVBF và BVPF, Công ty Quản lý quỹ Bảo Việt hiện là một trong những công ty quản lý quỹ có sản phẩm đa dạng nhất trên thị trường.

Phát triển kênh phân phối

Bên cạnh việc củng cố những kênh phân phối truyền thống, các Đơn vị thành viên đang đẩy mạnh phát triển các kênh phân phối mới (bancassurance, on-line, telesales), tăng cường bán chéo, hợp tác với các đối tác mới để đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu. Năm 2017, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ tuyển dụng mới thêm 62.457 tư vấn viên, nâng tổng số tư vấn viên lên 170.000, đồng thời phát triển thêm các đối tác banca mới, gắn kết hoạt động banca với các Công ty thành viên trong toàn hệ thống. Tất cả các đơn vị thành viên của Tập đoàn Bảo Việt đều tận dụng khai thác hệ thống mạng lưới chi nhánh, đối tác, khách hàng hiện có, đội ngũ cán bộ bán hàng và tư vấn viên chuyên nghiệp của mỗi bên nhằm mang đến cho khách hàng những gói dịch vụ chất lượng tốt với nhiều giá trị gia tăng và lợi ích vượt trội so với việc sử dụng dịch vụ đơn lẻ.

Hợp lực toàn Tập đoàn

Năm 2017, Dự án bán chéo giữa Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ đạt tổng doanh thu hơn 550 tỷ đồng, hoàn thành vượt kế hoạch, đào tạo mới & cấp chứng chỉ cho gần 25.000 tư vấn viên; Tập đoàn hiện đang triển khai nghiên cứu thiết kế các sản phẩm tài chính tích hợp tạo giá trị gia tăng cho khách hàng; Dự án BaoViet One-stop-shop: ra mắt Siêu thị tài chính đầu tiên theo mô hình One Stop Shop, cung cấp đầy đủ các sản phẩm, giải pháp tài chính vượt trội có thể thỏa mãn các nhu cầu về bảo hiểm, đầu tư, tài chính, ngân hàng tại cùng một địa điểm; tiếp tục phối hợp với các ĐVTV trong quá trình vận hành; triển khai chương trình khuyến mại (Giờ vàng - Giá sốc) tạo hiệu ứng tốt, thu hút khách hàng.

Nâng cao uy tín thương hiệu

Xây dựng và đẩy mạnh hình ảnh thương hiệu Bảo Việt là một trong những thương hiệu hàng đầu Việt Nam. Bảo Việt đẩy mạnh triển khai nhất quán hình ảnh thương hiệu trên toàn quốc, mang đến hình ảnh Một Bảo Việt trẻ trung, năng động, hiện đại, chuyên nghiệp và gần gũi hơn với khách hàng. Việc tái định vị thương hiệu theo hướng phát triển bền vững cũng được Bảo Việt triển khai thông qua việc "xanh hóa" các điểm tiếp xúc thương hiệu, gắn chiến lược thương hiệu với chiến lược kinh doanh; Tăng cường hiện đại hóa hình ảnh thương hiệu theo hệ thống nhận diện mới tại hệ thống biển tầm lớn ở các địa bàn trọng điểm. Tái định vị thương hiệu theo hướng phát triển bền vững thông qua "xanh hóa" các điểm tiếp xúc thương hiệu, gắn chiến lược thương hiệu với chiến lược kinh doanh. Năm 2017, thương hiệu Bảo Việt được Brand Finance (UK) đánh giá là một trong "TOP 50 thương hiệu Việt Nam có giá trị lớn nhất năm 2017" với giá trị thương hiệu đạt 108 triệu USD, tăng gần 20 triệu USD so với năm 2016, cao nhất trong ngành tài chính bảo hiểm.

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2018-2020

“Tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội là ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho sự phát triển bền vững của Bảo Việt trong giai đoạn 2018 - 2020 – giai đoạn nền kinh tế Việt Nam bước vào chu kỳ phát triển mới với những kỳ vọng về tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội”

ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG VĨ MÔ 2018 – 2020

Giai đoạn 2018-2020, trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, kinh tế Việt Nam được định hướng tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng để đạt mục tiêu phát triển nhanh hơn, bền vững hơn giai đoạn trước, đặc biệt chú trọng chất lượng tăng trưởng. Trong bối cảnh thị trường toàn cầu bắt đầu hồi phục tuy nhiên rủi ro tiềm ẩn lớn, môi trường kinh doanh ở Việt Nam được dự báo ngày càng diễn biến phức tạp. Các xu hướng lớn như hội nhập khu vực và quốc tế, tái cơ cấu toàn diện nền kinh tế, đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, công nghệ số ngày càng phát triển, biến đổi khí hậu, thiếu hụt nguồn lực vốn, tài nguyên và nguồn nhân lực sẽ làm thay đổi cục diện cạnh tranh trên thị trường tài chính – bảo hiểm.

Trong trung và dài hạn, Việt Nam vẫn được đánh giá là thị trường đang phát triển có nhiều tiềm năng với quy mô dân số lớn, lực lượng lao động dồi dào, tầng lớp trung lưu gia tăng, nhận thức của người dân về vai trò bảo hiểm và các công cụ bảo vệ, quản lý tài chính cá nhân ngày càng cải thiện.

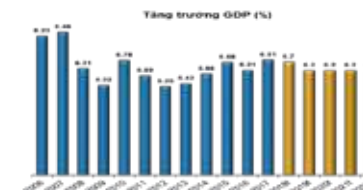
Triển vọng kinh tế vĩ mô và môi trường kinh doanh giai đoạn 2018-2020 mang đến không chỉ cơ hội mà cả thách thức đối với các doanh nghiệp, trong đó có Tập đoàn Bảo Việt. Trên cơ sở đánh giá 2018-2020 là giai đoạn quan trọng trong lộ trình hội nhập đầy đủ của Việt Nam vào thị trường khu vực và thế giới, tạo tiền đề bền vững cho giai đoạn phát triển sau năm 2020, chúng tôi đã thực hiện các nghiên cứu, đánh giá tổng thể kinh tế vĩ mô và thị trường ngành giai đoạn 2018-2020 và xác định các **cơ hội và thách thức trong trung và dài hạn đối với Bảo Việt**.



NHÂN TỐ

CƠ HỘI – THÁCH THỨC

TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ



Nguồn: GSO (Việt Nam), IMF

Thu nhập bình quân đầu người



Nguồn: GSO, IMF

CƠ HỘI

Kinh tế Việt Nam giai đoạn 2018-2020 dự báo phục hồi mạnh mẽ, lạm phát được kiểm soát, hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục hồi phục, dòng vốn FDI gia tăng, tạo điều kiện cho các thị trường ngành tăng trưởng.

Thu nhập bình quân đầu người cải thiện, theo mục tiêu của Chính phủ đến năm 2020 đạt 3.200 -3.500 USD, nhu cầu đầu tư, tiêu dùng gia tăng, nhờ đó thúc đẩy nhu cầu bảo hiểm và dịch vụ tài chính.

THÁCH THỨC

Nền kinh tế thế giới vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, thách thức, thị trường tài chính toàn cầu biến động khó lường, môi trường kinh doanh ở Việt Nam được dự báo ngày càng diễn biến phức tạp.

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tái cơ cấu nền kinh tế ở Việt Nam diễn ra chậm hơn kỳ vọng.

Nợ công, thâm hụt ngân sách, nợ xấu vẫn là những thách thức lớn của nền kinh tế.

CƠ HỘI

Hội nhập quốc tế sâu rộng giúp xóa bỏ rào cản thương mại và đầu tư, đem lại cơ hội to lớn cho nền kinh tế Việt Nam trong trung và dài hạn (gia tăng thu hút FDI, tăng cường xuất khẩu...).

Các doanh nghiệp có cơ hội tận dụng được lợi thế từ các hiệp định FTA song phương và đa phương để mở rộng hợp tác, đa dạng hóa thị trường, phạm vi hoạt động không chỉ ở trong nước mà ngày càng mở rộng ra phạm vi khu vực và quốc tế.

Môi trường kinh doanh ngày càng minh bạch, bình đẳng hơn.

THÁCH THỨC

Hội nhập làm gia tăng cạnh tranh và thúc đẩy làn sóng gia nhập mới, các doanh nghiệp đối mặt với sức ép đổi mới, cải cách, nâng cao năng lực tài chính, quản trị, điều hành...

Hội nhập làm gia tăng rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro danh tiếng và các rủi ro mang tính hiện hữu (thiên tai, dịch bệnh...), đặt ra yêu cầu phải xây dựng hệ thống quản lý rủi ro toàn diện để chủ động ứng phó với môi trường kinh doanh biến động.

HỘI NHẬP QUỐC TẾ



NHÂN TỐ

CƠ HỘI – THÁCH THỨC

TÁI CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG
TÀI CHÍNH - BẢO HIỂM

CƠ HỘI

Thị trường tài chính – bảo hiểm ngày càng phát triển ổn định, lành mạnh và bền vững.

Khuôn khổ pháp lý cho sự phát triển của thị trường tài chính ngày càng được hoàn thiện trên cơ sở tiếp cận gần gũi với thông lệ quốc tế.

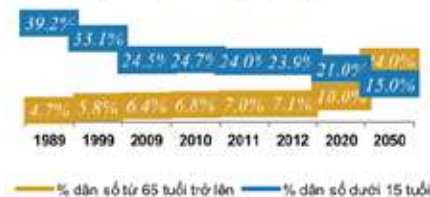
THÁCH THỨC

Thách thức từ chuẩn hóa và tuân thủ các yêu cầu pháp lý về vốn (vốn dựa trên rủi ro - RBC, Basel II), quản trị, minh bạch thông tin... ngày càng tăng.

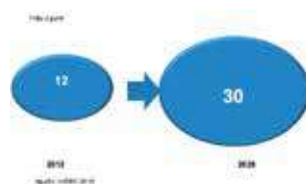
Sức ép cạnh tranh gia tăng: Không chỉ cạnh tranh với các Tập đoàn tài chính lớn trong nước, các DNBH mới gia nhập thị trường và các tổ chức cung cấp các sản phẩm thay thế như ngân hàng, công ty tài chính cá nhân, quỹ đầu tư... mà còn cạnh tranh khốc liệt hơn với các tổ chức tài chính nước ngoài.

Sức ép cạnh tranh về nguồn nhân lực cấp cao, thách thức duy trì đà tăng trưởng bền vững và tìm kiếm động lực tăng trưởng mới.

YẾU TỐ DÂN SỐ - XÃ HỘI

Dân số già hóa nhanh, phát sinh các nhu cầu
sau độ tuổi nghỉ hưu ngày càng nhiều

Nguồn: IMF

TẦNG LỚP TRUNG LƯU DỰ BÁO ĐẠT
>30 TRIỆU NGƯỜI VÀO NĂM 2020

CƠ HỘI

Tỷ lệ thâm nhập GDP của thị trường bảo hiểm Việt Nam thấp, khoảng 1,6% GDP, so với mức trung bình của khu vực Châu Á là khoảng 5,3% GDP (Swiss Re - 2017).

Các yếu tố nhân khẩu học như dân số trẻ, lực lượng lao động lớn, cơ cấu dân số vàng, tỷ lệ đô thị hóa và tầng lớp trung lưu gia tăng nhanh chóng, dự báo sẽ đem lại cơ hội rất lớn cho lĩnh vực dịch vụ tài chính, bán lẻ, đặc biệt là ngành bảo hiểm trong đó có bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm y tế, hưu trí, bảo hiểm tài sản tư nhân và quản lý tài sản cá nhân. Đây sẽ là cơ hội dành cho các tổ chức tài chính quy mô lớn như Tập đoàn Bảo Việt với khả năng cung cấp nhiều sản phẩm, dịch vụ tích hợp với nhau.

Nhận thức và hiểu biết của người dân về bảo hiểm và rủi ro ngày càng tăng, nhu cầu khách hàng ngày càng đa dạng, phong phú trong từng phân đoạn, đặc biệt là tầng lớp trung lưu. Đây là phân khúc quan trọng nhất, đem lại cơ hội phát triển các sản phẩm mới, mở rộng kinh doanh, do đó cần tập trung nguồn lực khai thác tối đa nhóm khách hàng này.

THÁCH THỨC

Thách thức đối với doanh nghiệp trong việc nghiên cứu kỹ thị trường, tạo ra các sản phẩm tích hợp để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của tầng lớp dân cư đặc biệt là tầng lớp trung lưu.

NHÂN TỐ

CƠ HỘI – THÁCH THỨC

TỐC ĐỘ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
TRONG CUỘC CÁCH MẠNG
CÔNG NGHIỆP 4.0

CƠ HỘI

Công nghệ phát triển mạnh mẽ mang đến nhiều cơ hội mới, thay đổi toàn diện phương thức kinh doanh, tạo cơ hội cho những doanh nghiệp áp dụng hiệu quả công nghệ vào hoạt động kinh doanh, đem lại lợi thế cạnh tranh khác biệt.

THÁCH THỨC

Sức ép về thay đổi và hoàn thiện mô hình tổ chức, quản trị để đáp ứng yêu cầu kinh doanh mới.

Áp lực cạnh tranh về phát triển sản phẩm sáng tạo, thay đổi nhận thức và trải nghiệm của khách hàng.

Sức ép từ cải tiến chuỗi giá trị bảo hiểm, trong đó có việc cung cấp dịch vụ khách hàng trực tuyến và trên nền thiết bị di động.

CƠ HỘI

Biến đổi khí hậu tạo ra nhiều thách thức và tác động sâu rộng, tuy nhiên cũng đem lại nhiều cơ hội cho ngành bảo hiểm.

Xu thế chuyển giao rủi ro thông qua thúc đẩy sự tham gia của thị trường bảo hiểm, thị trường vốn nhằm ứng phó với rủi ro thiên tai.

Cơ hội phát triển sản phẩm tài chính vi mô, bảo hiểm vi mô.

THÁCH THỨC

Gia tăng mức độ rủi ro đối với thiên tai và các thảm họa do con người gây ra.

Biến đổi khí hậu tác động lớn đến khu vực nông nghiệp nông thôn và mục tiêu xóa đói giảm nghèo ở các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

Biến đổi khí hậu ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường sống, gia tăng bệnh tật của con người và làm trầm trọng việc thiếu hụt các nguồn lực cho phát triển.

BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU



KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2018-2020

Bước sang giai đoạn 2018-2020, kinh tế vĩ mô dự báo tiếp tục tăng trưởng ổn định, lạm phát được kiểm soát, thương mại mở rộng, dòng vốn FDI duy trì tốt, thu nhập bình quân đầu người tăng khá. Thị trường tài chính tiền tệ, lãi suất tiếp tục duy trì mặt bằng thấp trong giai đoạn 2018-2020 song có xu hướng tạo đáy trong 2018 và bắt đầu nhích dần lên trong năm 2019-2020. Thị trường chứng khoán dự báo tiếp tục chu kỳ tăng trưởng dài hạn với các yếu tố nền tảng về kinh tế vĩ mô và sự hồi phục của các nhóm ngành. Thị trường bảo hiểm dự báo còn nhiều tiềm năng phát triển nhờ quy mô dân số, tầng lớp trung lưu gia tăng, nhu cầu phát triển của doanh nghiệp tăng trong khi tỉ lệ thâm nhập bảo hiểm còn thấp, dự báo thị trường bảo hiểm tăng trưởng trên 20% giai đoạn 2018-2020. Một số yếu tố rủi ro có thể ảnh hưởng tới môi trường vĩ mô và thị trường tài chính tiền tệ Việt Nam bao gồm: xung đột địa chính trị toàn cầu, chính sách thương mại, tiền tệ, tỷ giá của các quốc gia quy mô lớn thay đổi mạnh và bất ngờ tác động tới chính sách điều hành của Việt Nam, áp lực cạnh tranh sẽ ngày càng gia tăng và các yếu tố rủi ro ngành tài chính bảo hiểm ngày càng lớn.



Trong bối cảnh đó, nối tiếp những nỗ lực đã được ghi nhận trong hai năm vừa qua, trong giai đoạn 3 năm còn lại 2018-2020, Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên cùng tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng tâm sau:

Nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2020

Tập đoàn Bảo Việt tập trung hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra theo kế hoạch chiến lược, đồng thời tiếp tục rà soát, điều chỉnh chiến lược đến năm 2020 phù hợp với tình hình kinh tế vĩ mô – thị trường tài chính bảo hiểm với định hướng phát triển bền vững đối với các lĩnh vực kinh doanh lõi, tăng trưởng có chọn lọc, phát triển cân bằng hơn giữa các lĩnh vực ngành nghề.

Tập đoàn sẽ đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm, đặc biệt là các dự án phần mềm lõi, các dự án quản lý/lưu trữ dữ liệu nhằm tạo ra nền tảng công nghệ thông tin liên thông, kết nối, hiện đại, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong hoạt động quản trị và hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, Tập đoàn sẽ chủ động bắt kịp những thay đổi về công nghệ để ứng dụng vào phát triển sản phẩm, phát triển kênh phân phối mới như online, mobile, ứng dụng hỗ trợ kênh phân phối truyền thống, hỗ trợ tăng năng suất kênh phân phối, nâng cao dịch vụ khách hàng và đem lại cho khách hàng dịch vụ vượt trội nhờ ứng dụng kỹ thuật số và nền tảng công nghệ hiện đại.

Tiếp tục phát huy vai trò quản trị tập trung, điều phối nguồn lực của Công ty Mẹ trong toàn Tập đoàn về tài chính, nhân sự - đào tạo, CNTT, thương hiệu và đầu tư. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định đảm bảo sự thống nhất, tăng cường tính tuân thủ trên toàn hệ thống. Xây dựng các công cụ để kiểm soát, hạn chế rủi ro, đặc biệt là rủi ro trọng yếu. Kiện toàn đội ngũ lãnh đạo, có chính sách đào tạo, thu hút và giữ chân nhân tài, đặc biệt các chuyên gia trong lĩnh vực actuarial, đầu tư, quản lý cấp cao.

Tích cực nghiên cứu, đổi mới phương pháp làm việc, xây dựng những giải pháp kinh doanh mới, tinh gọn bộ máy nhân sự, nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, tối ưu năng suất lao động...

Hoàn thiện mô hình quản trị tập trung phù hợp với đặc thù đơn vị; chú trọng phát triển các thị trường trọng điểm; phát triển đa dạng kênh phân phối; nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

Tập đoàn Bảo Việt sẽ hoàn thành phủ kín hình ảnh Bảo Việt thống nhất trên toàn quốc và tăng cường truyền thông/quảng cáo qua các chương trình khuyến mại. Bên cạnh đó, Tập đoàn Bảo Việt sẽ gắn an sinh xã hội với kết quả kinh doanh, truyền thông thương hiệu.

Với tốc độ tăng trưởng cao của thị trường tài chính - bảo hiểm và sự tham gia mới của nhiều đối thủ cạnh tranh, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục duy trì giỏ sản phẩm đa dạng trên cơ sở rà soát, đổi mới các sản phẩm hiện hữu gắn với từng kênh phân phối cụ thể, phát triển thêm các sản phẩm mới, các sản phẩm tích hợp đầu tư – tài chính phù hợp với điều kiện thị trường, nhu cầu của khách hàng và định hướng kinh doanh. Đồng thời, tiếp tục tăng cường hiệu quả kênh phân phối truyền thống, đẩy mạnh phát triển kênh phân phối mới, trực tuyến, tele-sales, bancassurance, phát triển các kênh phân phối mới trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, đem lại các giá trị gia tăng cho khách hàng.

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các Dự án bán chéo, các Dự án hợp tác giữa các Đơn vị thành viên trong các lĩnh vực về truyền thông, phát triển sản phẩm, kênh phân phối, các chương trình bán hàng, khuyến mãi... nhằm phát huy sức mạnh của cả hệ thống, đóng góp vào tăng trưởng doanh thu, nâng cao hiệu quả kinh doanh, khẳng định vị thế và thương hiệu của toàn Tập đoàn.

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ NGUỒN NHÂN LỰC

NÂNG CAO NĂNG SUẤT

MÔ HÌNH & DỊCH VỤ

TRUYỀN THÔNG THƯƠNG HIỆU

SẢN PHẨM/ KÊNH PHÂN PHỐI

HỢP LỰC TẬP ĐOÀN



DẪN ĐẦU LĨNH VỰC BẢO HIỂM
5 NĂM LIÊN TIẾP

BAOVIET 

BAOVIET  Insurance | BAOVIET  Reinsurance | BAOVIET  Life | BAOVIET  Fund | BAOVIET  Securities | BAOVIET  Invest | BAOVIET  Bank

03

BAOVIET

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
- BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG
- BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN



**TĂNG TRƯỞNG
DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN
ỔN ĐỊNH VỮNG CHẮC**
TRONG CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG
BẢO HIỂM - ĐẦU TƯ - TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG



**ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM
VÌ LỢI ÍCH CỘNG ĐỒNG**

TRỞ THÀNH DOANH NGHIỆP TÀI CHÍNH -
BẢO HIỂM ĐẦU TIÊN **ĐẠT**
DOANH THU GẦN **1,5 TỶ USD**
TẠI THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH CỐT LÕI TĂNG TRƯỞNG MẠNH MẼ:
BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ GIỮ VỊ TRÍ **SỐ 1** THỊ TRƯỜNG;
BẢO HIỂM NHÂN THỌ **DẪN ĐẦU** THỊ TRƯỜNG
VỀ THỊ PHẦN DOANH THU KHAI THÁC MỚI
VÀ THỊ PHẦN TỔNG DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

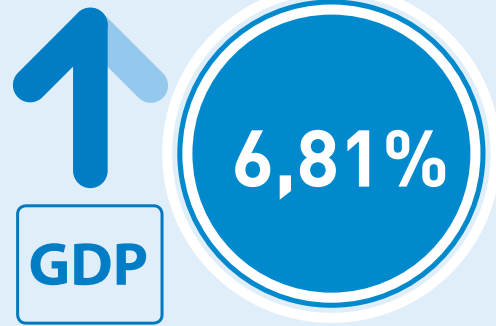
CỔ PHIẾU BVH CÓ VAI TRÒ DẪN ĐẦU
TRONG NHÓM NGÀNH TÀI CHÍNH BẢO HIỂM, THUỘC NHÓM
CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH CÓ TỶ LỆ SINH LỜI ROE, ROA CAO NHẤT

ĐỀ ÁN HỢP LỰC LÀ GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ ĐỂ
ĐẠT CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN
CỦA TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH - BẢO HIỂM BẢO VIỆT



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH BẢO HIỂM NĂM 2017

Doanh thu phí bảo hiểm
toàn thị trường

Bảo hiểm phi nhân thọ:

↑ 12,2%

Bảo hiểm nhân thọ:

↑ 31,2%

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2017

TÀI CHÍNH

Doanh thu hợp nhất: gần 1,5 tỷ USD
Tăng trưởng 27,5%
Lợi nhuận sau thuế: tăng trưởng 37,6%

ĐẦU TƯ

Tổng nguồn vốn đầu tư:
78.105 tỷ đồng

NGUỒN NHÂN LỰC

Số lượng cán bộ: 6.032 người
Tổng số giờ đào tạo: 172.529 giờ

ĐẦU TƯ CHO CỘNG ĐỒNG

Đầu tư hơn 220 tỷ đồng cho hoạt động
an sinh xã hội & phát triển bền vững

TRIỂN VỌNG NĂM 2018

GDP: tăng trưởng 6,7%

Doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường

Bảo hiểm phi nhân thọ:

↑ 12%-14%

Bảo hiểm nhân thọ:

↑ 25%-30%

ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2018

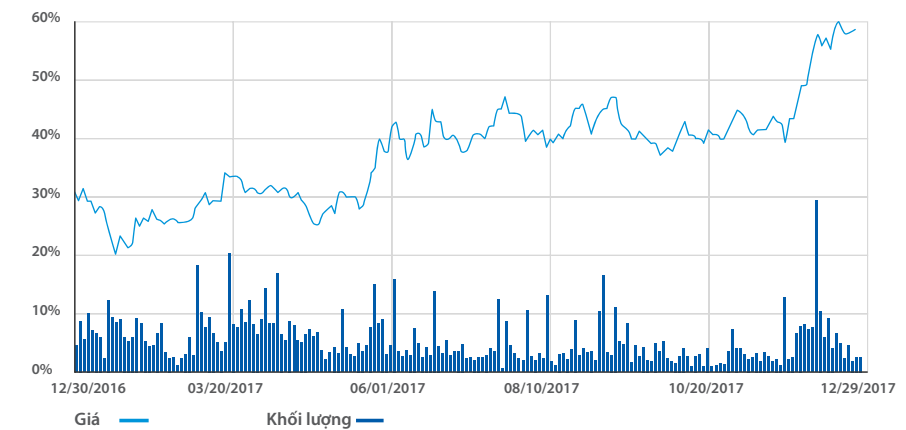
- Khẳng định thương hiệu Việt
- Nắm bắt cơ hội trong thời đại công nghệ số
- Tăng cường năng lực tài chính
- Phát triển bền vững



THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

DIỄN BIẾN CỔ PHIẾU BVH

Giá cổ phiếu BVH tăng trưởng

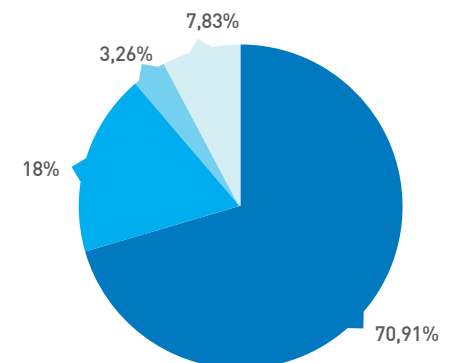


CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2017

Chú thích biểu đồ

- Bộ Tài chính
- Công ty Bảo hiểm nhân thọ Sumitomo
- TCT Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
- Cổ đông khác



CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC SUMITOMO LIFE

↑ \$ 267,6
TỶ USD

Tổng Tài Sản

A1

Moody's

A

S&P

Xếp Hạng Tín Nhiệm

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

BAOVIET Insurance

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Tổng doanh thu 9.487 tỷ đồng

↑ 23,7%

BAOVIET Life

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Tổng doanh thu 22.149 tỷ đồng

↑ 29,4%

BAOVIET Fund

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

Tổng doanh thu: 106,7 tỷ đồng

↑ 20,4%

BAOVIET Securities

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Tổng doanh thu: 483,8 tỷ đồng

↑ 47,8%

BAOVIET Invest

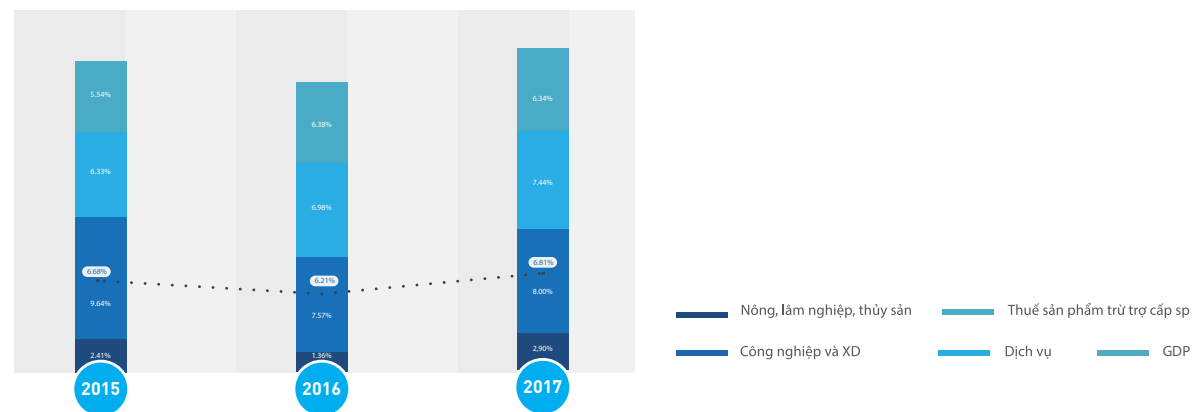
CÔNG TY ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

Doanh thu: 202,7 tỷ đồng

KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - BẢO HIỂM NĂM 2017

Năm 2017, Chính phủ đã triển khai nhiều giải pháp quan trọng nhằm giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, nâng cao chất lượng và tốc độ tăng trưởng kinh tế, tăng trưởng kinh tế đạt 6,81% so với năm 2016, - cao nhất trong 10 năm. Sau những khó khăn chạm đáy vào năm 2012, nền kinh tế quốc gia đang cho thấy sự tăng trưởng khá ổn định khi luôn cao hơn mức tăng trưởng trung bình trong giai đoạn 2011 – 2017, kỳ vọng sẽ tạo đà phục hồi mạnh mẽ và là nền tảng cho sự phát triển của giai đoạn đến 2020.

Tăng trưởng GDP (YOY)



Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản hồi phục đáng kể trong năm 2017, đạt 2,90% (1,36% trong năm 2016), đóng góp 0,44 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,00%, cao hơn mức tăng 7,57% của năm trước, đóng góp 2,27 điểm phần trăm. Dịch vụ tăng 7,44%, đóng góp 2,87 điểm phần trăm.

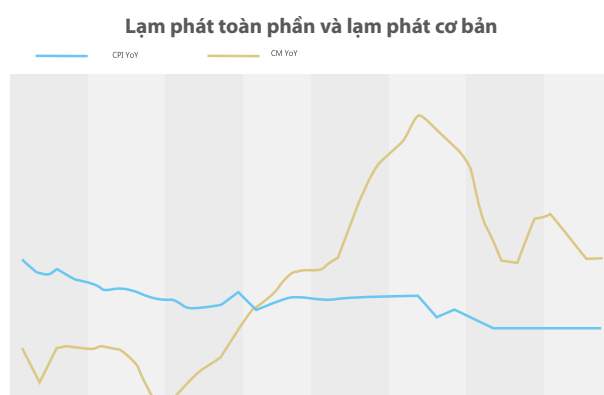
Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt mức tăng cao kỷ lục trong 7 năm gần đây, 14,40%, đóng góp 2,33 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Ngành khai khoáng năm nay tiếp tục đà giảm sâu tới 7,10%, là mức thấp nhất từ năm 2011, đã làm giảm 0,54 điểm phần trăm mức tăng trưởng chung.

Như vậy, sau nửa đầu năm suy giảm mạnh, nền kinh tế bắt đầu hồi phục nhẹ trở lại, cho thấy khả năng nền kinh tế quay lại chu kỳ tăng trưởng. Trong quý IV, các động lực chính của nền kinh tế như sản xuất công nghiệp, xuất khẩu và tiêu dùng nội địa tiếp tục giữ vững được đà tăng trưởng tốt kết hợp với yếu tố mùa vụ cuối năm nên mức tăng GDP vẫn tiếp tục khả quan, qua đó giúp tăng trưởng trong cả năm nay về đích ngoạn mục.

Kinh tế vĩ mô tăng trưởng cao, lạm phát dưới mục tiêu Quốc hội đặt ra

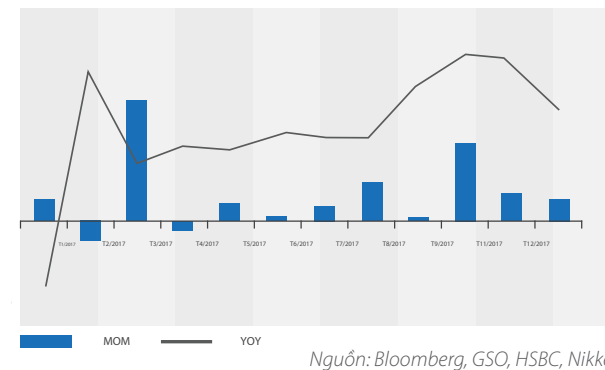
Trong những năm gần đây, tỉ lệ lạm phát có xu hướng giảm rõ rệt, CPI bình quân cả năm 2017 tăng 3,53% và lạm phát YoY tính đến thời điểm cuối tháng 12/2017 có mức tăng 2,6% (thấp hơn tỉ lệ lạm phát trung bình giai đoạn 2011-2017 là 6,5%).

CPI bình quân năm 2017 tăng chủ yếu là do các địa phương điều chỉnh giá dịch vụ y tế, dịch vụ khám chữa bệnh. Có một số yếu tố góp phần kiềm chế tốc độ tăng CPI năm nay như chỉ số giá nhóm thực phẩm bình quân năm giảm 2,6% so với năm 2016 (chủ yếu giảm ở nhóm thịt tươi sống). Ngân hàng Nhà nước đã điều hành chính sách tiền tệ kiên định mục tiêu giữ ổn định vĩ mô và kiểm soát lạm phát.



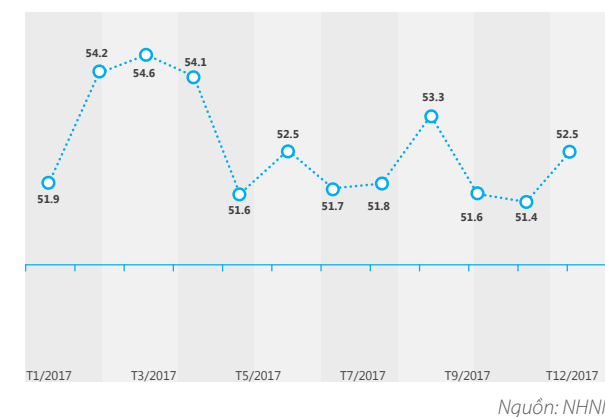
Nguồn: Bloomberg, GSO, HSBC, Nikkei

Chỉ số sản xuất công nghiệp



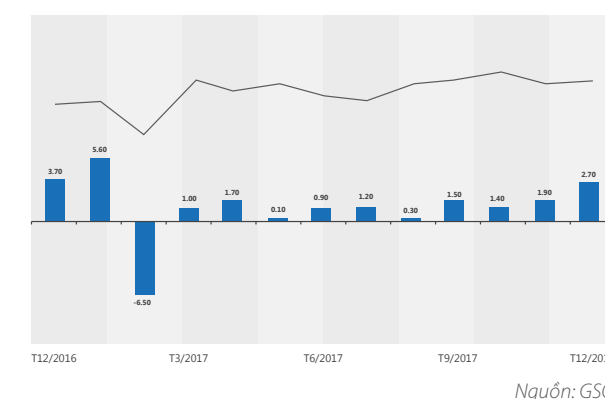
Nguồn: Bloomberg, GSO, HSBC, Nikkei

Chỉ số PMI



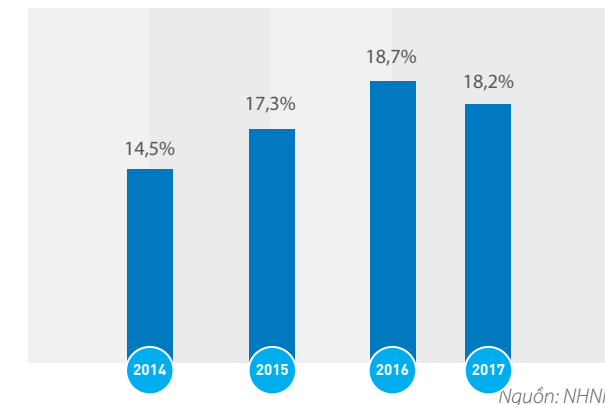
Nguồn: NHNN

Doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng



Nguồn: GSO

Tăng trưởng tín dụng



Nguồn: NHNN

Tổng cung có xu hướng tăng mạnh trong 2017

Năm 2017, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 8%, cao hơn mức tăng 7,6% của năm 2016. Năm 2017, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 14,4% so với năm 2016. Đây là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 6 năm trở lại đây. Trong đó, hai doanh nghiệp Samsung và Formosa đã góp phần đáng kể tạo nên điểm sáng này (đặc biệt là Samsung). Theo ước tính, Samsung và Formosa đóng góp lần lượt 5,43% và 0,19% vào mức tăng trưởng 14,4% của ngành công nghiệp chế biến chế tạo, tương đương mức đóng góp vào GDP chung lần lượt là 1% và 0,03%.

Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) liên tục duy trì và cách khá xa ngưỡng 50 điểm trong suốt năm 2017. PMI liên tục duy trì trên ngưỡng 50 điểm trong cả 12 tháng cho thấy điều kiện sản xuất kinh doanh năm 2017 tiếp tục cải thiện mạnh.

Như vậy về tổng thể, tổng cung trong năm 2017 cho thấy xu hướng tăng mạnh so với năm 2016. Ngành công nghiệp chế biến chế tạo vẫn giữ vai trò trụ cột, trong đó Samsung và Formosa là hai doanh nghiệp FDI đóng góp đáng kể vào tăng trưởng.

Bên cạnh đó, tình hình đăng ký doanh nghiệp trong cả năm 2017 cũng có nhiều cải thiện đáng kể. Tính chung cả năm 2017, cả nước có 126.859 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 1.295,9 nghìn tỷ đồng, tăng 15,2% về số doanh nghiệp và tăng 45,4% về số vốn đăng ký so với năm 2016; vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 10,2 tỷ đồng, tăng 26,2%.

Tổng cầu trong nước tăng tốt, tăng trưởng ở tất cả các lĩnh vực có sự cải thiện

Tiêu dùng trong nước cải thiện về giá trị

Tính chung cả năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng đạt 3.934,2 nghìn tỷ đồng (+10,9% YoY), loại trừ yếu tố giá thì tăng 9,46% yoy, cao hơn mức tăng 8,5% của năm trước do sức mua tăng và giá đều tăng trưởng.

Tín dụng và huy động vốn đều tăng trưởng

Tăng trưởng tín dụng trong cả năm 2017 ước tính đạt 18,17%, vẫn dưới mục tiêu mà Chính phủ điều chỉnh lại hồi giữa năm (khoảng 21-22%). Đáng chú ý tín dụng tập trung chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh (chiếm khoảng 80% tổng dư nợ). Trong khi đó, tổng phương tiện thanh toán (M2) tăng khoảng 16%, sát với chỉ tiêu định hướng đề ra khoảng 16-18% từ đầu năm.

Vốn FDI thực hiện kỷ lục 10 năm

Năm 2017, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam ghi nhận mức kỷ lục trong vòng 10 năm. Vốn FDI đăng ký đạt 35,88 tỷ USD, cao nhất kể từ năm 2009. Trong khi đó, vốn FDI thực hiện lên tới 17,5 tỷ USD, cũng xác lập kỷ lục 10 năm.

Kim ngạch xuất - nhập khẩu của Việt Nam trong năm 2017 đạt mức kỷ lục trong vòng một thập kỷ.

Theo số liệu của Tổng cục Hải Quan, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2017 ước đạt 214,01 tỷ USD, tăng 21,2% yoy (năm 2016 tăng 9% yoy). Năm 2017, tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước đạt 211,1 tỷ USD, tăng 20,8% yoy (2016: +4,6%). Tính chung cả năm 2017, cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam xuất siêu 2,92 tỷ USD. Năm 2017 ghi nhận Xuất nhập khẩu Việt Nam vượt mốc 400 tỷ USD.

Bội chi ngân sách còn lớn cho dù xu hướng đang dần cải thiện

Bội chi ngân sách năm 2017 thấp nhất trong 10 năm qua. bội chi ngân sách năm 2017 là hơn 174.000 tỷ đồng, bằng 3,48% GDP, trong phạm vi dự toán Quốc hội.

Tỉ lệ nợ công/GDP đang có xu hướng cải thiện. Từ 63,6% năm 2016, tỉ lệ nợ công/GDP năm 2017 đã giảm xuống còn 62%. Tốc độ tăng nợ công cũng đang có xu hướng giảm dần; giai đoạn 2011-2015, tăng trưởng nợ công trung bình đạt 18,4%, năm 2016 tăng 15% và năm 2017 là 9%. Cùng với đó, bội chi ngân sách đang giảm, tỉ lệ chi thường xuyên trong chi ngân sách đã giảm xuống còn 64,9% năm nay và dự kiến là 64% vào năm 2018.

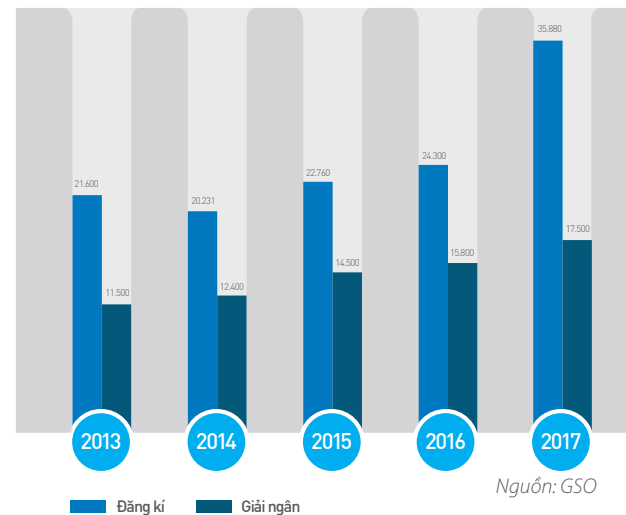
THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

Năm 2017, bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều thuận lợi, kinh tế Việt Nam cũng có nhiều khởi sắc. Thị trường bảo hiểm Việt Nam duy trì mức tăng trưởng khả quan ở lĩnh vực phi nhân thọ và tăng trưởng cao ở lĩnh vực nhân thọ. Nhân tố thúc đẩy thị trường bảo hiểm tăng trưởng cao trong năm 2017 là các yếu tố tích cực của nền kinh tế, song quan trọng hơn là các điều kiện thuận lợi về dân số, xã hội cùng nỗ lực khai thác và phát triển kinh doanh của các doanh nghiệp bảo hiểm.

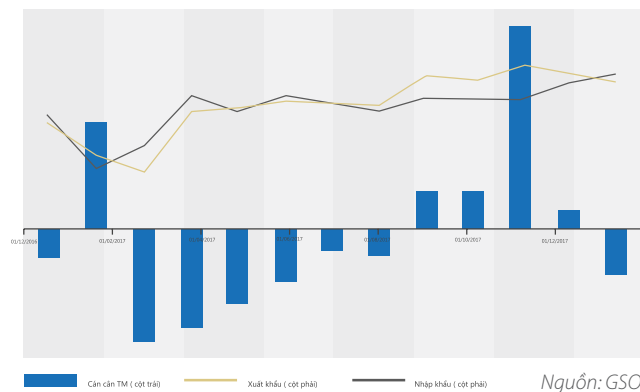
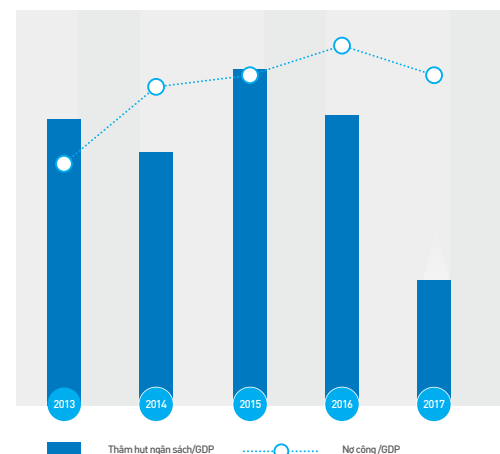
Theo số liệu Cục Quản lý Giám sát Bảo hiểm Việt Nam (QLGSBH), tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường năm 2017 ước đạt 105.611 tỷ đồng, tăng 21,2% so với năm 2016.

Dòng vốn FDI

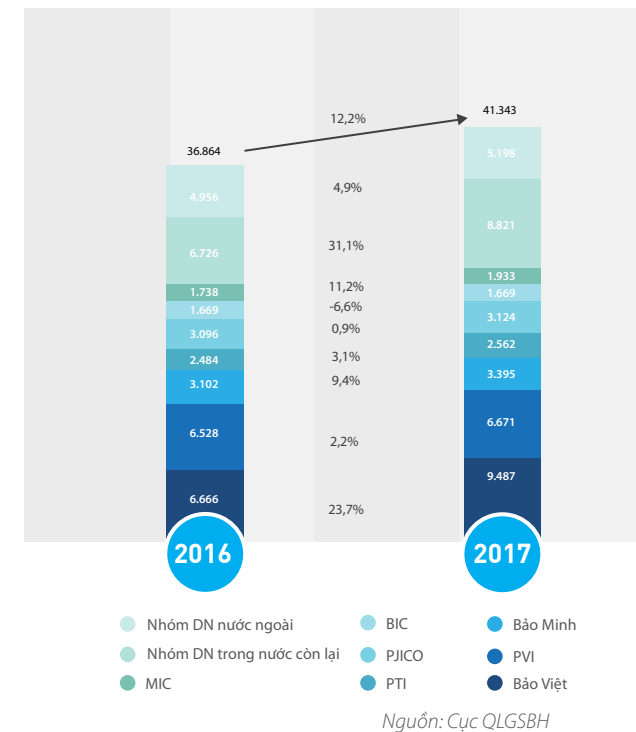
Đơn vị: tỷ USD

**Cán cân thương mại**

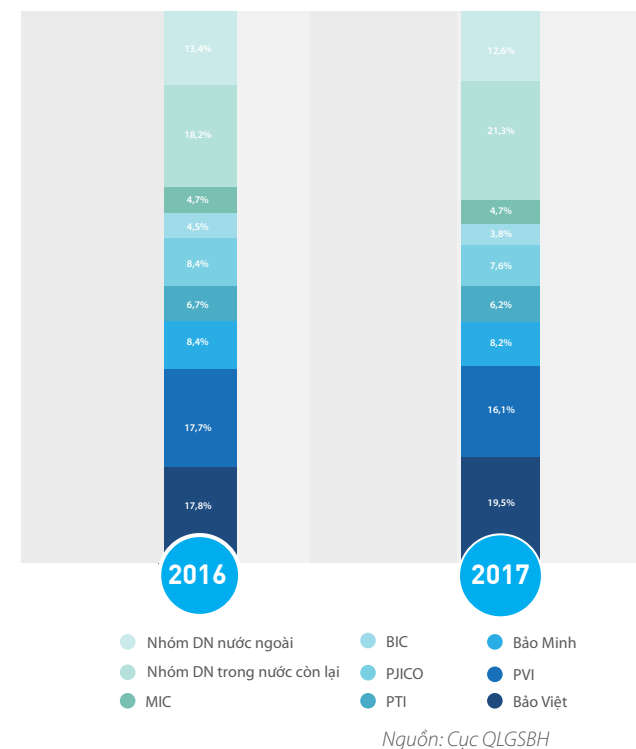
Đơn vị: tỷ USD

**Cán cân thương mại****Tổng doanh thu phí BH gốc lũy kế**

Đơn vị: tỷ đồng

**Thị phần tổng doanh thu phí BH**

Đơn vị: %

**Doanh thu phí bảo hiểm gốc năm 2017 tiếp tục tăng trưởng khả quan.**

Bảo Hiểm Bảo Việt đứng số 1 thị trường về tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc, khẳng định vai trò của 1 doanh nghiệp bảo hiểm dẫn đầu thị trường.

Theo Cục QLGSBH, năm 2017, tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc toàn thị trường ước đạt 41.343 tỷ đồng, tăng trưởng 12,2% so với năm 2016. Nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới và bảo hiểm sức khỏe con người tiếp tục là động lực tăng trưởng của thị trường, nhờ đó duy trì tỷ trọng lớn trong cơ cấu sản phẩm toàn thị trường.

Nhóm 5 doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH) dẫn đầu là Bảo Việt, Bảo hiểm PVI, Bảo Minh, PJICO và PTI tiếp tục cạnh tranh gay gắt.

Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt Bảo được coi là đầu tàu tăng trưởng của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam trong năm 2017. Bảo hiểm Bảo Việt đã có nhiều chuyển biến tích cực, tốc độ tăng trưởng cao hơn gấp đôi so với tốc độ tăng trưởng bình quân thị trường, tăng 23,7%, doanh thu phí gốc năm 2017 ước đạt 9.487 tỷ đồng, vượt mục tiêu tăng trưởng, khẳng định vị thế doanh nghiệp đứng vị trí số 1 thị trường.

Trong cả năm 2017, PVI liên tục tăng trưởng thấp (hoặc giảm tăng trưởng) và là DNBH có tốc độ tăng trưởng thấp nhất trong nhóm DNBH dẫn đầu, do đó thị phần sụt giảm từ 17,7% xuống còn 16,1%. Bảo Minh đạt tốc độ tăng trưởng ổn định, duy trì vị trí thứ 3 về thị phần với doanh thu phí gốc năm 2017 ước đạt 3.395 tỷ đồng. PTI và PJICO trong năm 2017 có tốc độ tăng trưởng thấp, với thị phần lần lượt là 7,6% và 6,2%

Nhóm DNBH nhỏ trong nước cũng là một trong những động cơ tăng trưởng của thị trường với tốc độ tăng trưởng 31,1% (cao gần gấp 3 tốc độ tăng trưởng bình quân thị trường). Một số doanh nghiệp nhỏ đang tập trung vào nghiệp vụ bán lẻ, đặc biệt là nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe, có tăng trưởng khá cao.

Hai năm gần đây, nhóm các doanh nghiệp nhỏ nước ngoài luôn có tốc độ tăng trưởng thấp hơn mức tăng trưởng bình quân thị trường. Nguyên nhân chính là do các DNBH nhỏ nước ngoài thường tập trung khai thác nhóm khách hàng FDI với các nghiệp vụ như: tài sản thiệt hại, hàng hóa vận chuyển ... Tuy nhiên, trong nhóm này, các DNBH có vốn từ Nhật Bản, Hàn Quốc như Bảo Việt Tokyo

Marine, MSIG hay Samsung Vina vẫn có tốc độ tăng trưởng cao và khả quan nhờ khai thác nhóm khách hàng là doanh nghiệp Nhật Bản, Hàn Quốc. Nguồn vốn FDI của Nhật Bản, Hàn Quốc vào Việt Nam khá cao trong năm 2017. Các DNBH nước ngoài tiếp tục chuyển hướng sang khai thác mảng bán lẻ, cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước.

Tỷ lệ bồi thường bảo hiểm gốc năm 2017 tương đương so với năm 2016

Theo Cục QLGSBH, tỷ lệ bồi thường bảo hiểm gốc năm 2017 ước tính là 37,8% (năm 2016: 38,5%) với 18/30 DNBH và chi nhánh DNBH nước ngoài có tỷ lệ bồi thường bảo hiểm gốc thấp hơn tỷ lệ bồi thường toàn thị trường. Nhóm DNBH dẫn đầu thị trường đều có mức bồi thường cao hơn mức bồi thường toàn thị trường. Nguyên nhân chính vì các DNBH dẫn đầu đều có xu hướng tập trung và khai thác nhóm sản phẩm bán lẻ.

Cạnh tranh trong lĩnh vực bảo hiểm xe cơ giới ngày càng phức tạp và chủ yếu là cạnh tranh về phí. Tuy nhiên, với Thông tư 22/2016/TT-BTC được ban hành quy định mức trách nhiệm bồi thường bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới cao hơn trong khi mức phí không tăng nhiều, đòi hỏi các DNBH phải quản trị rủi ro tốt hơn để đảm bảo kinh doanh hiệu quả. Đối với nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe, hiện tượng trục lợi ngày càng tinh vi, phức tạp, có tính hệ thống, liên quan đến nhiều tổ chức, cá nhân. Trong khi đó, chi phí thuốc men, điều trị ngày càng tăng, rủi ro liên quan đến tai nạn, bệnh tật ngày càng phức tạp, nhưng khi tái tục, khách hàng thường không đồng ý tăng phí. Điều này cũng là một thách thức đối với các DNBH trong việc phát triển các nghiệp vụ bảo hiểm cá nhân.

Các DNBH phi nhân thọ cạnh tranh mở rộng mạng lưới, ứng dụng công nghệ thông tin và phát triển sản phẩm

Việc phát triển mạng lưới luôn được coi là một nhiệm vụ quan trọng của các DNBH. Trong năm 2017, các DNBH đã liên tục mở rộng thị trường thông qua việc khai trương văn phòng mới như: Bảo Việt, PVI, PTI, Bảo Minh... Năm 2017, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt đã đưa vào hoạt động thêm 6 công ty thành viên, nâng tổng số công ty thành viên lên 79. Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt đang đẩy mạnh kinh doanh bán lẻ, duy trì là doanh nghiệp bảo hiểm có mạng lưới rộng lớn nhất toàn ngành, ở tất cả các tỉnh, thành trên toàn quốc.

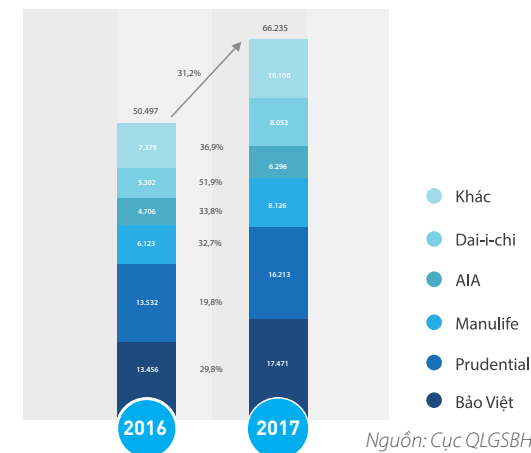
Về kênh phân phối, các DNBH tiếp tục đẩy mạnh phát triển và khai thác kênh phân phối truyền thống song song với khai thác kênh mới như kênh bancassurance, bán hàng trực tuyến, mạng xã hội, mở rộng hợp tác bán chéo sản phẩm với các đối tác như các hiệp hội doanh nghiệp, công ty tài chính, công ty dịch vụ chăm sóc sức khỏe... Các DNBH đã áp dụng công nghệ thông tin để đa dạng hóa các kênh bán hàng như: bán trên website của công ty, website trung gian, bán hàng qua điện thoại di động... Sản phẩm bán qua kênh trực tuyến ngày càng đa dạng và có xu hướng tập trung khai thác nhóm khách hàng cá nhân như: bảo hiểm du lịch, bảo hiểm nhà tư nhân, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm xe cơ giới. Bên cạnh đó, dịch vụ chăm sóc khách hàng cũng được các doanh nghiệp tập trung phát triển thông qua việc ứng dụng các tiến bộ của công nghệ số. Hiện nay, nhiều DNBH như Bảo Việt, PTI, MIC, BIC đều áp dụng việc quản lý quy trình bồi thường qua các thiết bị công nghệ số như: điện thoại, máy tính, các ứng dụng hỗ trợ...

Phát triển sản phẩm mới cũng là điểm đáng chú ý của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ trong năm 2017. Các DNBH phi nhân thọ tiếp tục tập trung khai thác và phát triển các dòng sản phẩm nghiệp vụ bán lẻ. Trong bối cảnh xã hội người dân ngày càng quan tâm tới vấn đề sức khỏe, chi phí y tế tăng cao, các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe được nhiều đối tượng khách hàng quan tâm. Bảo hiểm Bảo Việt luôn là DNBH dẫn đầu với những sản phẩm bảo hiểm sức khỏe tiêu biểu như: BH sức khỏe Aetna Summit (kết hợp với Aetna International), sản phẩm bảo hiểm ưu việt cho Ung thư và tim mạch (phối với Scor Re và tập đoàn PGH). Ngoài ra, Bảo hiểm Bảo Việt và Công ty Tái bảo hiểm Munich còn ra mắt sản phẩm bảo hiểm mới "Bảo nhiệt đới" ("One Storm") chưa từng có tại Việt Nam, bảo vệ cho khách hàng trước những tổn thất do bão gây ra.

Các DNBH phi nhân thọ tiếp tục tăng vốn nhằm nâng cao năng lực tài chính theo chuẩn quốc tế. Nổi bật trong năm 2017 là thương vụ PJICO phát hành cổ phần riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược Samsung Fire & Marine Insurance (SFMI), tương đương 20% vốn điều lệ. Tháng 4/2017, Bảo hiểm Bảo Long cũng đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng. Bảo hiểm Hàng không tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng lên 800 tỷ đồng...

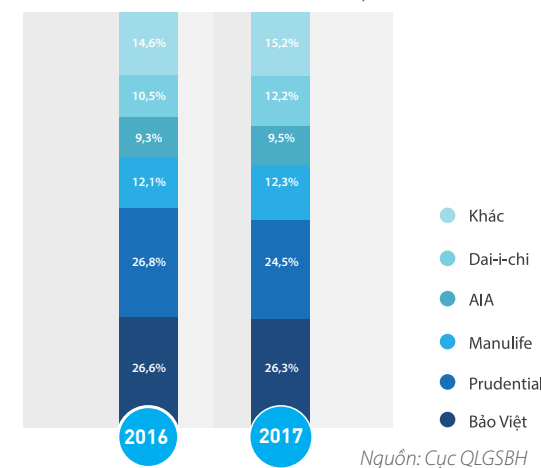
Tổng doanh thu phí

Đơn vị: tỷ đồng



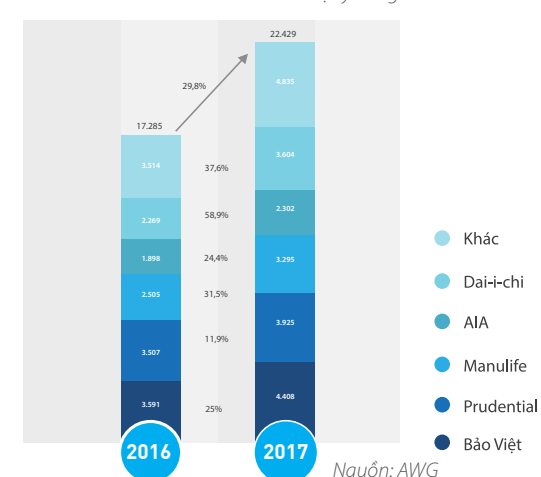
Thị phần tổng doanh thu phí

Đơn vị: %



Doanh thu phí khai thác mới

Đơn vị: tỷ đồng



THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Theo số liệu của Cục Quản lý giám sát bảo hiểm (QLGSBH), tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường năm 2017 ước đạt 66.235 tỷ đồng, tăng trưởng 31,2%.

Bảo Việt Nhân Thọ lần đầu tiên đứng số 1 thị trường về tổng doanh thu phí.

Bảo Việt Nhân Thọ đứng số 1 thị trường với tổng doanh thu phí tăng trưởng 29,8% đạt 17.471 tỷ đồng, tương đương 26,3% thị phần. Prudential đứng thứ 2 thị trường với tốc độ tăng trưởng thấp nhất trong nhóm 5 DNBH dẫn đầu. Khoảng cách thị phần của Bảo Việt Nhân Thọ và Prudential ngày càng rộng.

Doanh thu phí bảo hiểm khai thác mới (KTM) tiếp tục tăng trưởng bứt phá.

Bảo Việt Nhân thọ dẫn đầu thị trường doanh thu KTM trong cả năm 2017.

Theo số liệu của Nhóm chuyên gia Actuary (AWG), doanh thu KTM toàn thị trường năm 2017 ước đạt 22.429 tỷ đồng, tăng 29,8% so với năm 2016, thấp hơn mức 34,6% của 2016. Năm 2017 thị trường bảo hiểm nhân thọ tiếp tục được nhận định là điểm sáng của thị trường tài chính Việt Nam.

Năm 2017, Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục dẫn đầu thị trường về doanh thu KTM quy năm (AFYP) với mức tăng trưởng 25%, đạt 4.408 tỷ đồng, chiếm 20,8% thị phần, thể hiện sự tăng trưởng bền vững qua nhiều năm.

Prudential ở vị trí thứ 2 của thị trường với thị phần doanh thu KTM đạt 17,5%. Dai-ichi đã vượt Manulife vươn lên vị trí thứ 3 thị trường với 16,1% thị phần. Manulife và AIA đứng thứ 4 và 5 thị trường với thị phần lần lượt là 14,7% và 10,5%. Tính chung, nhóm 5 DN dẫn đầu thị trường chiếm 78,5% thị phần doanh thu KTM năm 2017 (năm 2016: 79,7%).

Nhóm các DNBH nhân thọ nhỏ cũng góp phần vào sự tăng trưởng tốt của thị trường với tốc độ tăng trưởng doanh thu khai thác mới 44%, thị phần tăng từ 20,4% lên 21,5%. Tốc độ tăng trưởng doanh thu KTM cao cũng khiến tốc độ tăng trưởng tổng doanh thu phí của nhóm này lên 34,7%. Trong nhóm này, FWD được coi là nhân tố đáng chú ý vì có tốc độ tăng trưởng doanh thu KTM cao nhờ tác dụng của việc tái cơ cấu sau M&A và sự hỗ trợ từ Công ty Mẹ.

Thị trường bảo hiểm nhân thọ tiếp tục cạnh tranh mở rộng mạng lưới, đẩy mạnh kênh truyền thống đại lý song song với phát triển các kênh phân phối mới, đồng thời chú trọng thiết kế sản phẩm nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

Một trong những xu hướng chính trên thị trường bảo hiểm nhân thọ năm 2017 là các DNBH cạnh tranh mở rộng mạng lưới và phát triển kênh phân phối dựa trên ứng dụng công nghệ. Nắm bắt cơ hội tăng trưởng của thị trường, các DNBH nhân thọ đều đẩy mạnh phát triển mạng lưới trong năm 2017. Bảo Việt Nhân Thọ trong năm 2017 đã thành lập thêm 10 công ty thành viên, nâng tổng số công ty thành viên lên 75 công ty hoạt động trên cả nước. Tính đến cuối năm 2017, Bảo Việt Nhân Thọ đã vượt Prudential trở thành DNBH nhân thọ có số lượng đại lý dẫn đầu thị trường. Ngoài ra, các DNBH nhân thọ nhỏ trước đây chưa khai thác kênh đại lý cũng bắt đầu và đẩy mạnh việc xây dựng mạng lưới như: Generali Việt Nam, FWD Việt Nam...

Đồng thời, các DNBH cũng đẩy mạnh kênh phân phối mới như bancassurance và telesales kết hợp với phát triển sản phẩm, dịch vụ, gia tăng quyền lợi khách hàng. Tỷ trọng doanh thu phí bảo hiểm của các DNBH nhân thọ qua các kênh phân phối mới, đặc biệt là bancassurance cũng đang tăng dần. Các DNBH nhân thọ ngày càng tập trung tìm kiếm đối tác ngân hàng để ký các hợp đồng độc quyền với thời gian dài. Các DNBH nhân thọ cũng đã bắt đầu thiết kế riêng những sản phẩm dành riêng cho kênh bancassurance.

Theo xu hướng chung của thế giới, thị trường bảo hiểm nhân thọ cũng đang là một trong những ngành có sự phát triển mạnh mẽ nhờ sự hỗ trợ đắc lực của công nghệ kỹ thuật số. Đa phần những DNBH nhân thọ trên thị trường hiện nay đều là DNBH nước ngoài, có sự hỗ trợ lớn từ công ty mẹ là những tập đoàn toàn cầu nên việc tiếp cận các ứng dụng công nghệ cao có nhiều thuận lợi. Nhiều DNBH cũng đã phát triển những phần mềm để khách hàng có thể kết nối và tra thông tin hợp đồng trực tuyến.

Bên cạnh đó, phát triển sản phẩm mới, nhất là các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe, hỗ trợ viện phí cũng được các DNBH nhân thọ chú trọng. Trong năm 2017, thị trường bảo hiểm nhân thọ có thêm 8 sản phẩm thuộc dòng sản phẩm đầu tư, 7 sản phẩm thuộc dòng sản phẩm truyền thống, 24 sản phẩm bổ trợ, 1 sản phẩm hưu trí, 1 sản phẩm sức khỏe riêng biệt và 1 sản phẩm dành cho kênh banca. Số lượng sản phẩm (42) tăng cao so với năm 2016 (35), đặc biệt là sản phẩm đầu tư và sản phẩm bổ trợ. Trong đó nổi bật nhất là An Bình Thịnh Vượng và 2 sản phẩm bổ trợ liên quan đến sức khỏe tai nạn của Bảo Việt Nhân Thọ (Bảo hiểm chăm sóc y tế và bảo hiểm tai nạn toàn diện).

THỊ TRƯỜNG NGÂN HÀNG - TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

Thị trường tiền tệ ngân hàng năm 2017 được điều hành chủ động, linh hoạt và chặt chẽ. Ngân hàng Nhà nước (NHNN) vẫn theo sát mục tiêu ổn định lạm phát.

Tỷ giá trung tâm tăng nhẹ, tỷ giá giao dịch tại các NHTM không thay đổi nhiều

Diễn biến tỷ giá USD/VND trong năm 2017 cho thấy sự biến động trái chiều giữa tỷ giá trung tâm do NHNN công bố và tỷ giá giao dịch thực tế tại các Ngân hàng Thương mại. Tính chung cho cả năm 2017, tỷ giá trung tâm tăng 1,2% so với thời điểm cuối năm 2016. Trong khi đó, tỷ giá bình quân liên ngân hàng lại gần như không có nhiều thay đổi, thậm chí giảm nhẹ 0,2% so với thời điểm đầu năm.

Điều này phần nào được hỗ trợ nhờ việc USD giảm giá mạnh so với các đồng tiền chủ chốt khác (chỉ số USD Index giảm 7% so với đầu năm); các chính sách duy trì bình ổn thị trường của Chính phủ; chênh lệch giữa lãi suất VND và USD ở mức lớn (khoảng 6-7%), nghiêng về việc nắm giữ VND và nguồn cung ngoại tệ dồi dào trong năm 2017 nhờ cán cân thanh toán tổng thể thặng dư. Dự trữ ngoại hối tiếp tục được bổ sung, nâng tổng mức dự trữ ước tính lên tới 52 tỷ USD. Dự trữ ngoại hối gia tăng tạo điều kiện về nguồn lực giúp NHNN có thể thực hiện các can thiệp bình ổn tỷ giá trên thị trường ngoại hối, từ đó góp phần hạ hoặc ít nhất kim giữ không tăng lãi suất để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Huy động vốn và tín dụng đều tăng trưởng cao, thanh khoản hệ thống ngân hàng dồi dào

Tăng trưởng tín dụng trong cả năm 2017 ước tính đạt 18,17%, vẫn dưới mục tiêu mà Chính phủ điều chỉnh lại hồi giữa năm (khoảng 21-22%). Đáng chú ý tín dụng tập trung chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh (chiếm khoảng 80% tổng dư nợ). Trong khi đó, tổng phương tiện thanh toán (M2) tăng khoảng 16%, sát với chỉ tiêu định hướng đề ra khoảng 16-18% từ đầu năm.

Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay trên thị trường duy trì khá ổn định

Trong cả năm 2017, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay giữ ổn định nhờ các chính sách điều chỉnh lãi suất của NHNN bao gồm: (1) yêu cầu rà soát đối với các tổ chức tín dụng (TCTD) khi một số đơn vị phát hành chứng chỉ tiền gửi với lãi suất cao đầu năm; (2) hạ lãi suất điều hành vào tháng 7; và (3) đưa ra dự thảo sửa đổi Thông tư 6 giãn tiến độ Thông tư 36 sửa đổi.

Trong năm 2017, lãi suất huy động có xu hướng đi ngang ở các kỳ hạn ngắn và tăng nhẹ tại các kỳ hạn dài (trên 12 tháng). Lãi suất huy động ở các kỳ hạn dưới 6 tháng phổ biến ở mức 4,8-5,4%/năm; kỳ hạn 6-12 tháng phổ biến từ 5,6-7%/năm; kỳ hạn trên 12 tháng khoảng 7-7,8%/năm. Mặt bằng lãi suất cho vay cũng chủ yếu đi ngang hoặc giảm nhẹ tại một số lĩnh vực chọn lọc. Lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến khoảng 6-9%/năm, trung và dài hạn từ 9-11%/năm. Riêng đối với khách hàng tốt, lãi suất cho vay ngắn hạn có thể chỉ từ 4-5%/năm.

Nợ xấu trong toàn hệ thống ngân hàng tiếp được kiểm soát đặc biệt các khó khăn trong quá trình xử lý nợ xấu của TCTD phần nào được tháo gỡ. Nghị quyết 42 đã bổ sung quy định về Cho phép phân bổ lãi dự thu và phân bổ chênh lệch lỗ khi bán khoản nợ xấu dưới giá trị sổ sách của ngân hàng bên cạnh các quy định như đối với VAMC. Từ đó góp phần giảm áp lực tài chính đối với các TCTD có số dư nợ xấu, lãi dự thu.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN (TTCK)

Quy mô thị trường cổ phiếu đã đạt được trên 78% GDP của năm 2016, tương đương 70,2% GDP của năm 2017, cơ bản đạt chỉ tiêu đặt ra cho năm 2020.

Năm 2017 với mức tăng trưởng ngoạn mục cả về điểm số lẫn giá trị giao dịch. Chỉ số VN-index áp sát mốc 1.000 điểm trong các phiên giao dịch cuối năm, thanh khoản thị trường đạt mức cao kỷ lục. Động lực tăng trưởng của thị trường trong năm 2017 ngoài việc xuất phát từ các yếu tố nền tảng như sự khởi sắc của nền kinh tế và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp; còn đến từ diễn biến sôi động của các thương

vụ IPO lớn, kế hoạch thoái vốn nhà nước, cũng như kỳ vọng của thị trường vào quá trình xem xét nâng hạng của MSCI.

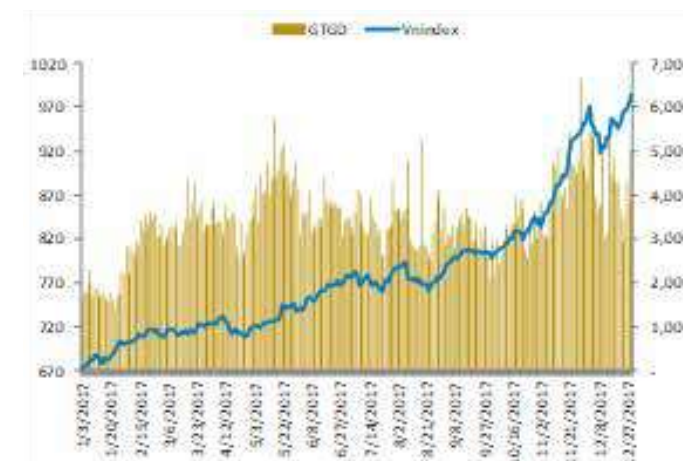
Nối tiếp đà tăng trưởng năm 2016, hai chỉ số chứng khoán liên tiếp xác lập vùng giá cao mới, chỉ số VN-index chốt năm ở 984,24 điểm và chỉ số HNX-index chốt năm ở mức 116,86 điểm tăng trưởng lần lượt 48% và 45,9% tính đến 29/12, trong khi giá trị giao dịch tăng 72,3% và 25,8% so với năm 2016. Giá trị giao dịch bình quân 1 phiên trên 3 sàn đạt 5.032 tỷ đồng tương đương 221,5 triệu USD, tăng trưởng 64,3% so với cùng kỳ 2016. Thanh khoản bình quân (không gồm thỏa thuận) năm 2017 đạt 4.625 tỷ đồng/ phiên, tăng mạnh so với thanh khoản bình quân thị trường ở mức 2.936 tỷ đồng/ phiên năm 2016, tương ứng tăng thêm 57,52%.

Tính đến hết tháng 12/2017, quy mô vốn hóa của hai sàn đạt 2,74 triệu tỷ đồng tương đương 101,6 tỷ USD, tăng mạnh 67,1% so năm 2016.

Khối ngoại có năm mua ròng kỷ lục trên TTCK Việt Nam trong năm 2017, đóng góp lớn vào mức tăng của chỉ số Vn-Index

Trong năm 2017, dòng tiền ngoại vẫn đóng vai trò dẫn dắt và định hướng thị trường, đặc biệt trong giai đoạn cuối năm. Trái với năm 2016, khối ngoại không còn coi Việt Nam là thị trường biên mà đã nâng hạng thành thị trường chiến lược, liên tục tăng tỉ trọng đầu tư trong danh mục của họ. Xu hướng hiện tại rất giống với giai đoạn 2006-2007 nhưng tốt hơn rất nhiều do (1) thị trường chứng khoán đã đa dạng hơn và quy mô cũng lớn hơn rất nhiều so với những năm trước (2) dòng tiền

Diễn biến chỉ số VN-Index năm 2017



Nguồn: HNX

chờ của nhà đầu tư nội bên ngoài lớn. Thị trường năm 2018 sẽ tiếp tục duy trì đà tăng về cả điểm số và thanh khoản như giai đoạn cuối của năm 2017 nhờ dòng tiền ngoại vào thị trường.

Cụ thể, trên sàn HSX, khối ngoại trong năm qua đã thực hiện mua vào 166.883 tỷ đồng, bán ra 142.454 tỷ đồng, qua đó giá trị mua ròng đạt 24.429 tỷ đồng. Đây được ghi nhận là mức mua ròng cao nhất từ trước đến nay của khối ngoại tính theo năm trên sàn HSX trái ngược với xu hướng bán ròng năm 2016.

Dòng vốn ngoại đầu tư vào TTCK tăng mạnh trong năm 2017 theo xu hướng chung của châu Á. Trong khi các thị trường cùng khu vực mua bán trái chiều liên tục trong năm thì khối ngoại phần lớn mua ròng tại Việt Nam. Mặc dù giá trị mua ròng còn khiêm tốn khi so sánh với các nước khác trong khu vực nhưng giá trị mua ròng tại Việt Nam rất lớn so với GDP cũng như so với dữ liệu quá khứ.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Thị trường trái phiếu diễn ra sôi nổi với giá trị niêm yết gần 1.015 nghìn tỷ đồng tăng 8% so với cuối năm 2016 (tương đương 23% GDP). Tổng giá trị giao dịch bình quân đạt hơn 8.890 tỷ đồng/phiên, tăng 38% so với bình quân năm 2016. Trong đó: Trái phiếu Chính phủ (TPCP), Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh (CPBL), Trái phiếu Chính quyền địa phương (CQĐP) vẫn chiếm tỷ lệ áp đảo, phần còn lại là Trái phiếu doanh nghiệp (TPDN).

KBNB phát hành lượng lớn trái phiếu dài hạn với lợi suất thấp

Tại thời điểm cuối tháng 12 năm 2017, Tổng giá trị lưu hành của TPCP, CPBL, CQĐP là 1.003.561 tỷ đồng. Giá trị lưu hành của Trái phiếu Chính phủ đạt 836.554 tỷ đồng, chiếm 83,36%, của Trái phiếu chính phủ bảo lãnh là 145.817 tỷ đồng, chiếm 14,53% và của trái phiếu chính quyền địa phương là 21.190 tỷ đồng, chiếm 2,11%.

Tổng khối lượng TPCP do Kho bạc Nhà nước (KBNB) phát hành trong năm 2017 ước đạt 160.000 tỷ đồng, bằng 87% kế hoạch năm và chỉ bằng 57% khối lượng đã phát hành trong năm 2016. Năm 2017, trái phiếu phát hành đều có kỳ hạn dài từ 5 năm trở lên, trong đó tỷ trọng trái phiếu có kỳ hạn 20 năm, 30 năm đã tăng đáng kể, chiếm lần lượt 12,8% và 18,5% tổng khối lượng phát hành (năm 2016 tương ứng là 1% và 8%). Như vậy, đây là năm có khối lượng trái phiếu kỳ hạn dài trúng thầu

lớn nhất từ trước đến nay. Các kỳ hạn đều vượt kế hoạch ngoại trừ TPCP kỳ hạn 5Y có khối lượng phát hành lớn nhất nhưng chỉ đạt 45,5% kế hoạch năm. Kỳ hạn 10Y hoàn thành đến 394,3% kế hoạch.

Kỳ hạn bình quân TPCP do KBNB phát hành được nâng lên mức 14,02 năm, dài hơn 5,7 năm so với mức bình quân năm 2016.

Trong khi đó, Ngân hàng Chính sách Xã hội (VBSP) và Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) cũng đã huy động được tổng cộng 29.000 tỷ đồng trái phiếu các kỳ hạn 5 năm, 10 năm và 15 năm với mức lãi suất cao hơn so với TPCP cùng kỳ hạn do KBNB phát hành khoảng 0,5%.

Lãi suất trúng thầu có xu hướng giảm trong suốt 2017

Lãi suất trúng thầu có xu hướng giảm trong suốt năm 2017, đặc biệt giảm mạnh trong quý III. Việc lãi suất trúng thầu giảm trong năm 2017 xuất phát từ một số nguyên nhân sau: (1) Thanh khoản hệ thống ngân hàng ở trạng thái khá tích cực, nhất là giai đoạn từ cuối quý II trở đi, giúp các phiên đấu thầu có tỷ lệ trúng thầu cao, đặc biệt tại kỳ hạn dài 15 năm, 20 năm và 30 năm. (2) Cơ cấu phát hành các kỳ hạn trái phiếu trong năm 2017 khá đa dạng, đặc biệt có nhiều kỳ hạn dài với khối lượng tăng so với cùng kỳ năm 2016 nên thu hút được nhiều dòng tiền đầu tư dài hạn từ các công ty bảo hiểm.

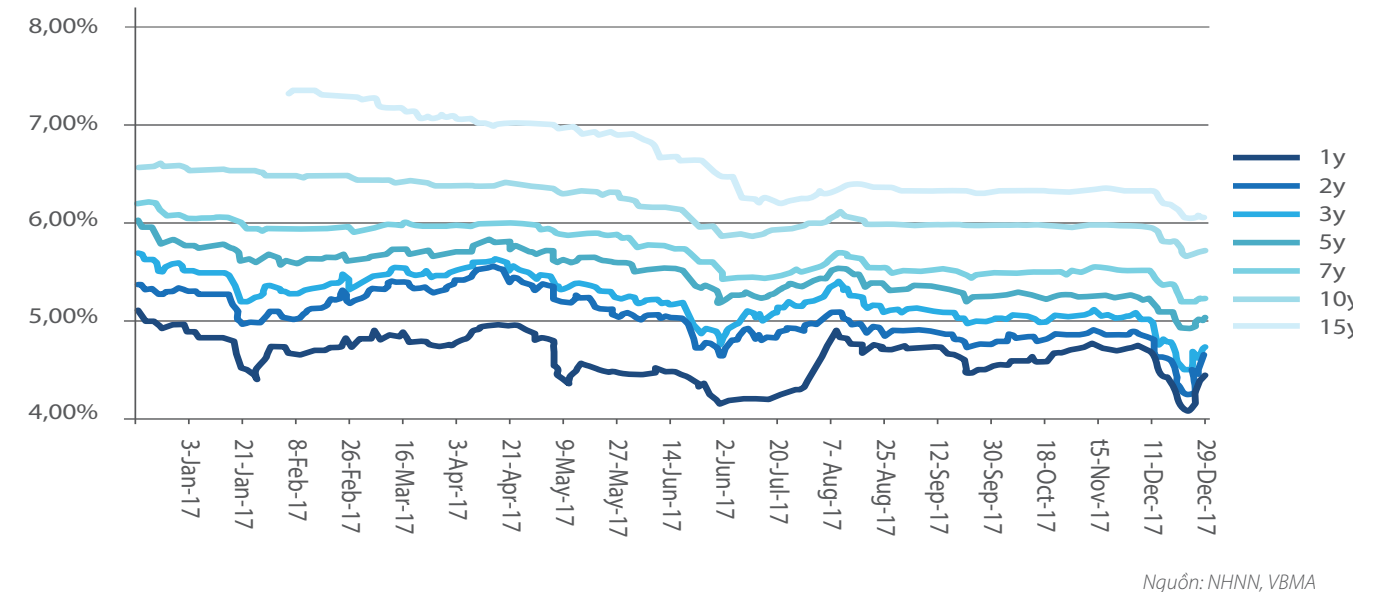
Do kinh tế vĩ mô, tỷ giá ổn định, lãi suất không có nhiều biến động đột biến, các NHTM đã chuyển hướng sang kỳ hạn dài hơn để hưởng chênh lệch lãi suất cao hơn, tạo áp lực giảm lãi suất ở kỳ hạn dài (10 năm trở lên). Các Công ty bảo hiểm và các Quỹ đầu tư đang dần khẳng định vai trò ở phân khúc kỳ hạn dài, đặc biệt kỳ hạn từ 10 năm trở lên.

Các doanh nghiệp bảo hiểm (Bảo hiểm tiền gửi, Bảo hiểm xã hội, các công ty bảo hiểm) đã tham gia nhiều hơn vào thị trường. Theo đó, giá trị trúng thầu trái phiếu chính phủ của khối bảo hiểm trong năm 2017 chiếm hơn 13% giá trị trúng thầu toàn thị trường, tăng 3% so với 2016.

Trên thị trường trái phiếu thứ cấp giá trị giao dịch tăng tại cả Outright và repo, lợi suất giảm.

Trên thị trường thứ cấp, số liệu từ HNX cho thấy, mặc dù quy mô niêm yết chỉ tăng 8,4% so với năm 2016, nhưng quy mô giao dịch tăng 39%, giá trị giao dịch bình quân đạt trên 9,5 nghìn tỷ đồng/phiên. Trong đó, có tới 1/4 số phiên có giá trị giao dịch trên 10 nghìn tỷ đồng/phiên.

Mặt bằng lãi suất trên thị trường thứ cấp năm 2017



Nguồn: NHNN, VBMA

Cụ thể, năm 2017 tổng giá trị giao dịch cả năm đạt 2.233.972 tỷ đồng, trong đó giao dịch outright là 1.201.463 tỷ đồng chiếm 53,8% và tăng 1,21 lần so với năm 2016; giao dịch Repos là 1.032.509 tỷ đồng chiếm 46,2% tăng gấp 1,76 lần so với giá trị giao dịch năm 2016.

Về cơ cấu hàng hóa giao dịch, nhờ kỳ hạn bình quân danh mục trái phiếu chính phủ được kéo dài, tỷ trọng giao dịch trái phiếu chính phủ kỳ hạn dài trên 5 năm cũng tăng lên 20% từ mức 15% năm ngoái.

Lãi suất có xu hướng giảm rõ rệt ở các kỳ hạn dài; ở các kỳ hạn ngắn dưới 3 năm, lãi suất dao động nhiều hơn, tuy nhiên đột giảm mạnh cuối tháng 11 khiến lãi suất các kỳ hạn ngắn cũng nằm trong xu hướng giảm so với đầu năm (dù đã hồi phục khá nhiều trong tháng 12).

THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Năm 2017, ghi dấu hàng loạt dấu ấn nổi bật của thị trường bất động sản (BDS) của nước như hoạt động mua bán sát nhập nhộn nhịp, vốn FDI chảy vào lĩnh vực này tăng cao, bùng nổ loại hình căn hộ Condotel, nhiều chính sách tốt tháo gỡ giúp thị trường phát triển ổn định.

Theo Bộ Xây dựng, tính đến hết năm 2017, tổng số dự án bất động sản đang triển khai là 3.077 dự án với vốn đầu tư khoảng 3,3 triệu tỷ đồng, sử dụng 79.943 ha đất. Riêng trong năm 2017 cả nước có 218 dự án bất động sản chào bán, cung cấp ra thị trường 78.877 căn hộ, 13.585 nhà phố và biệt thự, 22.710 nền đất và 22.837 sản phẩm condotel.

Lĩnh vực BDS tiếp tục nằm trong top 3 lĩnh vực thu hút vốn FDI lớn với tổng vốn đầu tư đăng ký 3,05 tỷ USD, chiếm 8,5% tổng vốn đầu tư đăng ký. Ngoài ra, số lượng doanh nghiệp bất động sản thành lập mới cũng tăng mạnh so với năm 2016 – tăng đến 62% với 5.065 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới.

M & A trong ngành BDS diễn ra mạnh mẽ, đạt 8 tỷ USD. Phần lớn các giao dịch đã diễn ra tại Hà Nội và Hồ Chí Minh. Một số thương vụ lớn của các nhà đầu tư trong nước như Công ty Phát Đạt, An Gia, Novaland, Sun Group, Vingroup. Một số nhà đầu tư nước ngoài nổi bật như Mapletree, Keppel Land, Trung tâm thương mại Frasers, Hongkong Land, Lotte E & C... Phân khúc nhà ở vẫn là mục tiêu hấp dẫn nhất đối với M & A.

Cùng với đó, niềm tin vào thị trường tăng trở lại, người tiêu dùng không còn chờ đợi giảm giá và quyết định mua theo nhu cầu sử dụng. Theo Tổng cục Thống kê, hoạt động kinh doanh BDS năm 2017 tăng 4,07%-cao nhất kể từ năm 2011 đến nay, đóng góp 0,21 điểm % trong tổng mức tăng trưởng GDP.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Tồn kho Bất động sản có dấu hiệu chậm lại, lượng tồn kho chủ yếu là đất nền tại các dự án xa trung tâm chưa có hạ tầng đầy đủ. Tính đến cuối năm 2017, tổng giá trị tồn kho bất động sản của cả nước còn khoảng 25.700 tỷ đồng, giảm 17% (tương đương với 5.300 tỷ đồng) so với tháng 12/2016.

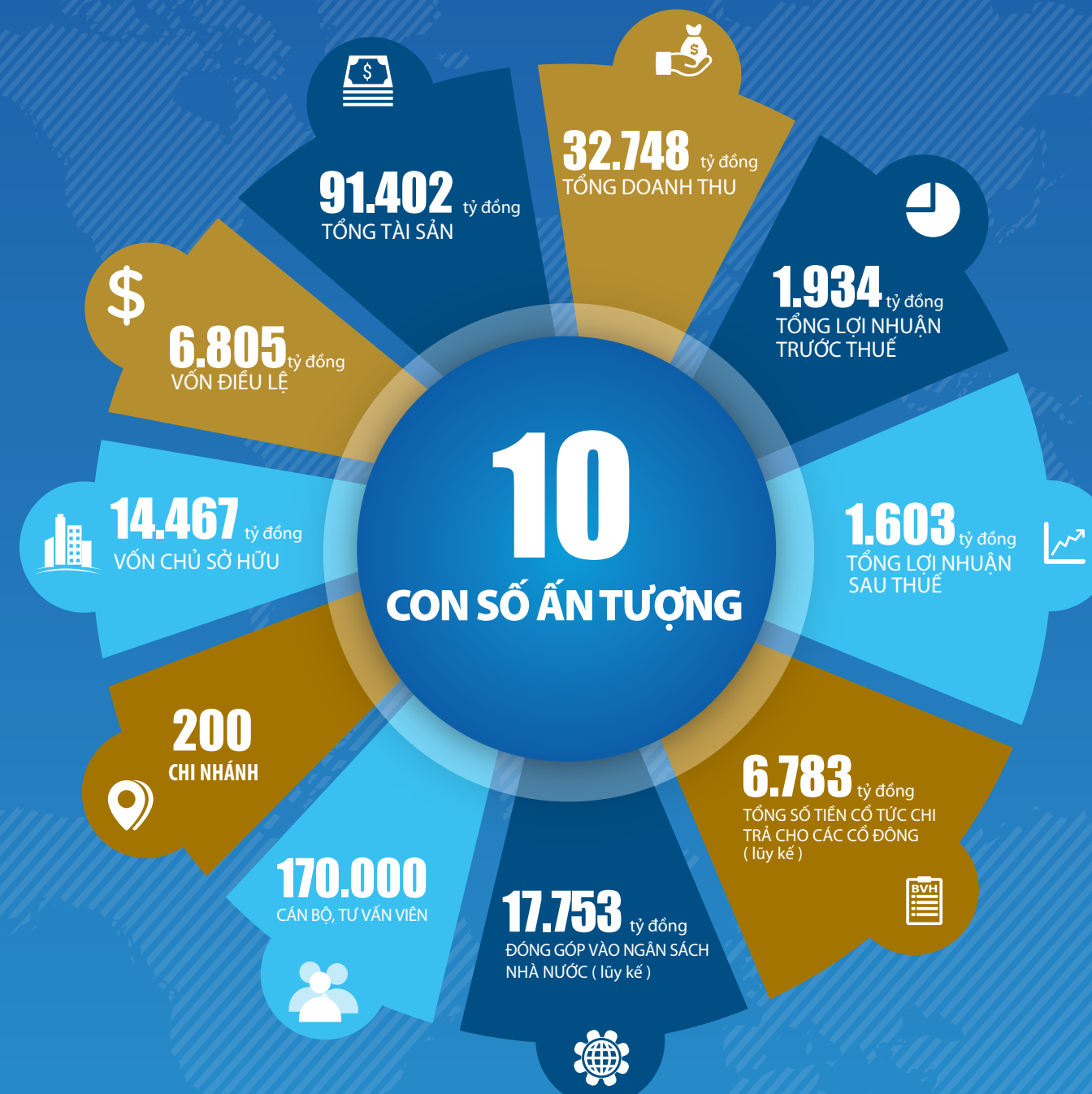
Dư nợ tín dụng bất động sản đến quý 3/2017 khoảng 447 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 6 - 8% tổng dư nợ tín dụng và ở trong ngưỡng an toàn. Cơ cấu tín dụng và tiêu chuẩn vay kinh doanh bất động sản được kiểm soát chặt chẽ hơn. Năm 2017, tỷ trọng tín dụng vào hoạt động kinh doanh bất động sản và xây dựng giảm nhẹ. Tỷ trọng tín dụng vào lĩnh vực này chiếm 15,8% trong tổng tín dụng (năm 2016 là 17,1%). Trong đó, vào lĩnh vực xây dựng khoảng 9,9%, vào hoạt động kinh doanh bất động sản chiếm khoảng 5,9%. Những tín hiệu tích cực trên thể hiện rõ ràng sự tự tin của các doanh nghiệp về triển vọng kinh doanh BĐS trên cả nước.



BAOVIET



CỔ PHẦN HÓA
TẦM CAO MỚI
15/10/2007 - 15/10/2017



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH 2017

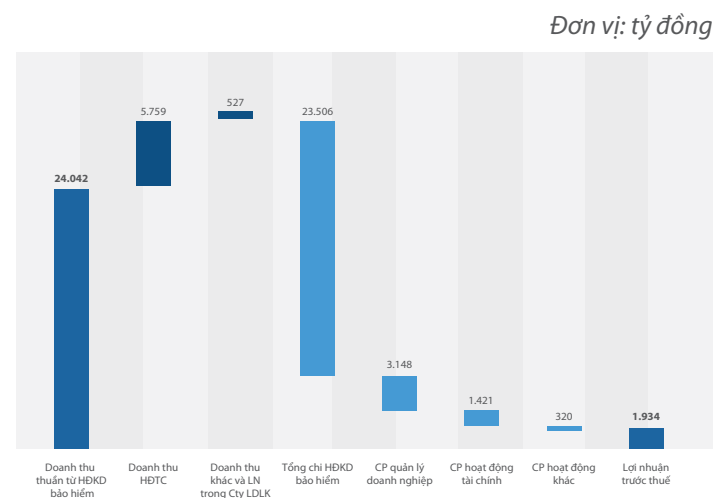
Năm 2017, Tập đoàn Bảo Việt đã nỗ lực tập trung triển khai các nhóm giải pháp nhằm khơi thông mọi nguồn lực. Bằng sự đồng lòng và nỗ lực của toàn hệ thống, Tập đoàn đã vươn lên vị trí số 1 trên cả hai mảng kinh doanh chính là bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ, đồng thời hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao cả về doanh thu và lợi nhuận, tạo đà cho việc hoàn thành các mục tiêu kinh doanh 2018 theo định hướng “Khẳng định thương hiệu Việt”.

TỔNG QUAN VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH TOÀN TẬP ĐOÀN TRONG NĂM 2017

Năm 2017, Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm cả về doanh thu và lợi nhuận, với tỷ lệ vượt kế hoạch tổng doanh thu, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 13,4%, 29,9% và 34,2%. Tổng doanh thu của Tập đoàn cán mốc gần 1,5 tỷ USD, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế tăng trưởng mạnh mẽ so với năm 2016.

Là một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm, hoạt động bảo hiểm đóng vai trò cốt lõi trong việc mang lại kết quả kinh doanh rất khả quan cho Tập đoàn Bảo Việt trong năm 2017, với doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm đạt 24.042 tỷ đồng, chiếm 73,4% tổng doanh thu, tăng trưởng 26,5% so với năm 2016, giúp Tập đoàn Bảo Việt giữ vững ngôi vị số 1 trên cả hai mảng thị trường bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ.

Hoạt động tài chính đồng thời cũng là một điểm sáng trong năm của Tập đoàn với hiệu quả kinh doanh cao, mang lại mức lợi nhuận hoạt động tài chính 4.338 tỷ đồng, góp phần quan trọng trong kết quả kinh doanh chung của Tập đoàn.



KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT TOÀN TẬP ĐOÀN

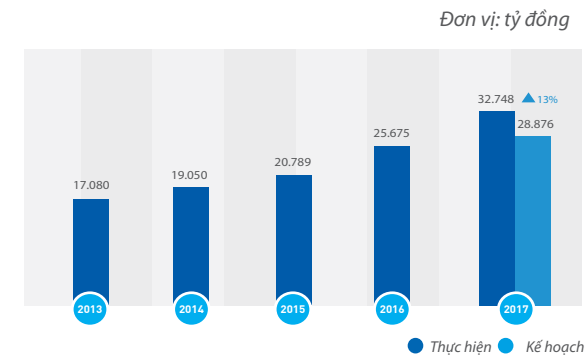
Tổng Doanh thu

Tổng Doanh thu hợp nhất tăng trưởng mạnh nhất kể từ khi cổ phần hóa, chinh phục mốc 1,5 tỷ USD.

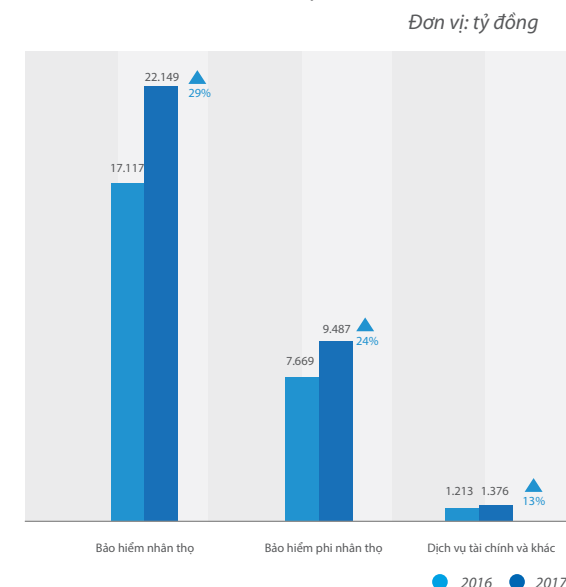
Năm 2017, Tập đoàn Bảo Việt đã đạt được kết quả kinh doanh rất khả quan. Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn tăng trưởng mạnh 27,5% so với năm 2016, lập kỷ lục mức tăng trưởng cao nhất kể từ khi cổ phần hóa đến nay, đồng thời vượt 13,4% kế hoạch đề ra, đạt 32.748 tỷ đồng, xấp xỉ cán mốc 1,5 tỷ USD. Các hoạt động hợp lực trong toàn Tập đoàn nhằm khơi thông nguồn lực, phát huy sức mạnh tổng thể được tăng cường, đẩy mạnh, tạo điều kiện cho Tập đoàn Bảo Việt đạt được các kết quả đáng khích lệ trên tất cả các lĩnh vực, cụ thể:

- Lĩnh vực kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ tiếp tục có mức tăng trưởng ấn tượng, vươn lên đứng đầu thị trường cả về doanh thu phí bảo hiểm và doanh thu khai thác mới. Tổng doanh thu đạt 22.149 tỷ đồng, tăng trưởng mạnh 29,4% so với năm 2016, hoàn thành vượt kế hoạch 11%. Với mức tăng trưởng xuất sắc của cả doanh thu khai thác mới thực thu (33,2%) và doanh thu từ các hợp đồng cũ (28,9%), doanh thu phí bảo hiểm tăng trưởng mạnh 29,9% so với cùng kỳ, cán mốc 17.476 tỷ đồng. Khoảng cách thị phần

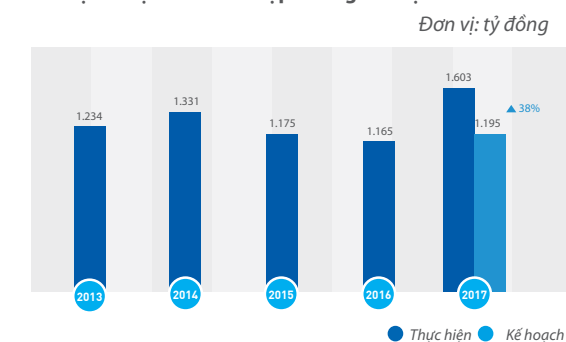
Doanh thu hợp nhất giai đoạn 2013-2017



Doanh thu theo các lĩnh vực cốt lõi năm 2016-2017



Lợi nhuận sau thuế hợp nhất giai đoạn 2013-2017



của Bảo Việt Nhân thọ và doanh nghiệp bảo hiểm đứng thứ 2 thị trường (Prudential) ngày càng rộng: Bảo Việt Nhân thọ chiếm 26,3% thị phần, Prudential chiếm 24,5% thị phần.

Lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ tiếp tục là lĩnh vực có đóng góp lớn nhất (67%) vào tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn.

- Lĩnh vực kinh doanh Bảo hiểm Phi nhân thọ ghi dấu ấn mạnh với tổng doanh thu đạt 9.487 tỷ đồng, tăng trưởng bất phá 23,7% so với năm 2016, hoàn thành vượt 12,2% kế hoạch đề ra, đóng góp 29% vào tổng doanh thu toàn Tập đoàn. Doanh thu phí bảo hiểm gốc tăng trưởng xuất sắc 22,6%, cao hơn gấp đôi so với tốc độ tăng trưởng bình quân toàn thị trường, nhờ sự bất phá mạnh mẽ từ các nghiệp vụ bán lẻ, đạt 8.051 tỷ đồng, giúp lĩnh vực Phi nhân thọ giữ vững vị trí số 1 trị trường. Trong năm 2017, Bảo hiểm Bảo Việt đã kéo dài khoảng cách thị phần với doanh nghiệp đứng thứ 2 thị trường là PVI khi PVI liên tục tăng trưởng thấp (hoặc giảm tăng trưởng), là doanh nghiệp bảo hiểm có tốc độ tăng trưởng thấp nhất trong nhóm doanh nghiệp bảo hiểm dẫn đầu (thị phần sụt giảm từ 17,7% xuống còn 16,1%).
- Lĩnh vực Dịch vụ tài chính và khác với tổng doanh thu tăng trưởng mạnh 13,5% so với năm trước, đạt 1.376 tỷ đồng đã đóng góp 4% vào tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn. Trong đó: hoạt động kinh doanh chứng khoán đặc biệt xuất sắc với tổng doanh thu đạt 484 tỷ đồng, tăng trưởng mạnh 47,8% so với năm trước, vượt 49,3% kế hoạch nhờ sự khởi sắc mạnh mẽ của thị trường chứng khoán; lĩnh vực quản lý quỹ có kết quả kinh doanh đáng ghi nhận với tổng doanh thu tăng trưởng 20,4%, hoàn thành vượt kế hoạch 7,9%, đạt 107 tỷ đồng; hoạt động quản lý và cho thuê văn phòng, xây lắp và kinh doanh bất động sản đạt tổng doanh thu 203 tỷ đồng, góp phần vào kết quả kinh doanh khả quan chung toàn Tập đoàn.

Lợi nhuận

Phát huy phương châm “Sẵn sàng cất cánh” của năm 2017, Lợi nhuận hợp nhất tăng trưởng bất phá

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất toàn Tập đoàn tăng trưởng xuất sắc 37,6% so với cùng kỳ năm 2016, đạt 1.603 tỷ đồng, hoàn thành vượt 34,2% kế hoạch lợi nhuận đề ra.

Kế thừa các thành công từ chiến lược “Đầu tư chiều sâu” của năm 2016, đồng thời để tạo đà cho việc hoàn thành các mục tiêu kinh doanh 2018 theo định hướng “Khẳng định thương hiệu Việt”, năm 2017, Tập đoàn Bảo Việt chú trọng đầu tư phát triển định vị thương hiệu thông qua mở rộng quy mô, phát triển hệ thống kênh phân phối, thành lập thêm các công ty thành viên; đồng thời tăng cường chất lượng dịch vụ, phát triển thêm nhiều sản phẩm mới; tăng cường hợp lực và bán chéo sản phẩm giữa các công ty thành viên... Nhờ vậy, toàn Tập đoàn đã đạt được kết quả lợi nhuận khả quan trên tất cả các lĩnh vực, cụ thể như sau:

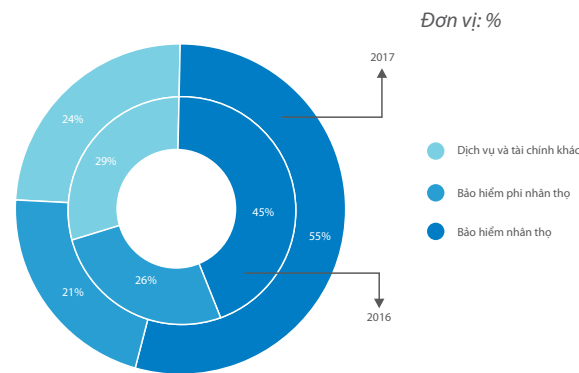
- Lợi nhuận sau thuế lĩnh vực kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ đạt 812 tỷ đồng, hoàn thành vượt kế hoạch và tăng trưởng mạnh so với năm 2016. Trong bối cảnh thị trường tài chính trong năm còn nhiều biến động không thuận lợi, đặc biệt thị trường lãi suất nói chung và lãi suất trái phiếu Chính phủ nói riêng giảm liên tục và duy trì ở mức thấp, kết quả đầu tư cũng như các chi phí nghiệp vụ của Bảo Việt Nhân thọ đã chịu tác động không nhỏ. Song, vượt qua các khó khăn đó, lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ vẫn xuất sắc mang lại mức lợi nhuận ấn tượng.
- Tiếp nối các thành công trong năm 2016, năm 2017, lĩnh vực kinh doanh Bảo hiểm Phi nhân thọ tiếp tục duy trì phong độ tốt. Mặc dù chịu ảnh hưởng khá lớn từ các biến động bất lợi của khí hậu khiến chi bồi thường tăng mạnh, lợi nhuận sau thuế lĩnh vực này vẫn tăng trưởng 4% so với cùng kỳ, đạt 313 tỷ đồng, hoàn thành tốt kế hoạch được giao.
- Lợi nhuận sau thuế từ lĩnh vực Dịch vụ Tài chính và khác đạt 359 tỷ đồng, tăng trưởng 6,1% so với năm 2016.

Trong cơ cấu lợi nhuận, nhờ kết quả kinh doanh ấn tượng, tỷ trọng đóng góp của lĩnh vực kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ luôn duy trì ở mức cao, đạt 55% vào năm 2017; lĩnh vực kinh doanh Bảo hiểm Phi nhân thọ chiếm tỷ trọng 21%; dịch vụ tài chính và khác đóng góp 24% trong tổng cơ cấu.

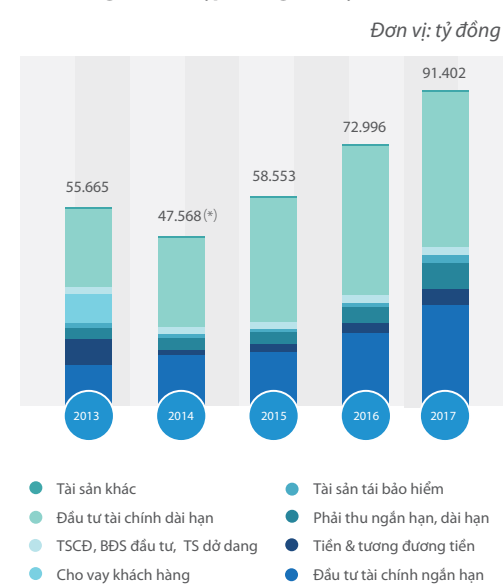
TÀI SẢN HỢP NHẤT

Năm 2017, tổng tài sản hợp nhất toàn Tập đoàn tăng mạnh 18.406 tỷ đồng, chủ yếu tập trung tăng vào các khoản đầu tư tiền gửi từ nguồn repo trái phiếu. Tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn, chất lượng tài sản được nâng cao, trách nhiệm dài hạn của doanh nghiệp bảo hiểm được bảo đảm.

Cơ cấu Lợi nhuận sau thuế theo các lĩnh vực năm 2016-2017

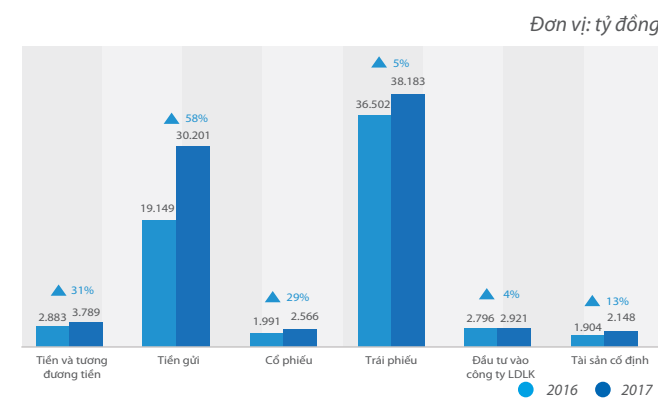


Tổng tài sản hợp nhất giai đoạn 2013-2017

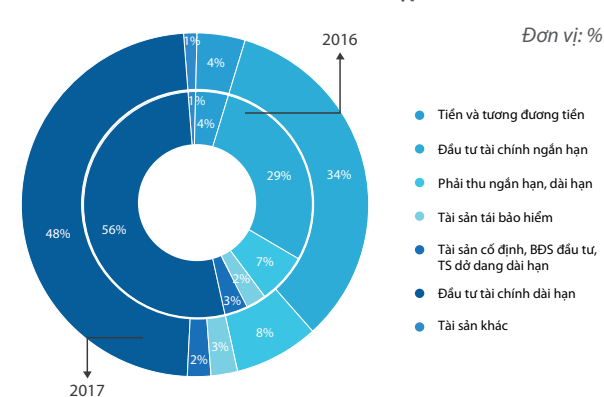


(*): Năm 2014, do sự thay đổi về tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt tại Ngân hàng Bảo Việt, các khoản mục Tài sản và Nguồn vốn của Ngân hàng Bảo Việt không còn được hợp nhất vào Bảng cân đối kế toán của Tập đoàn, dẫn đến tổng tài sản toàn Tập đoàn giảm.

Tài sản hợp nhất theo các khoản mục chính



Cơ cấu tài sản hợp nhất



Quy mô tài sản hợp nhất:

Tổng tài sản đạt mức tăng trưởng cao, tập trung chủ yếu ở danh mục đầu tư tài chính ngắn hạn, trong đó tiền gửi, đặc biệt tiền gửi ngắn hạn, ghi nhận mức tăng 11.052 tỷ đồng (57,7%), chủ yếu tại Bảo Việt Nhân thọ. Tận dụng các cơ hội lãi suất tiền gửi tốt trong bối cảnh lãi suất Trái phiếu Chính phủ giảm và duy trì ở mức thấp, nguồn vốn dồi dào từ hoạt động bảo hiểm và repo trái phiếu được tập trung khá lớn dưới hình thức tiền gửi, đặc biệt với kỳ hạn ngắn, vừa giúp tối ưu được cơ hội lãi suất tốt vừa đảm bảo tính linh động khi thị trường có các cơ hội khởi sắc tốt hơn về dài hạn.

Với đặc thù của hoạt động bảo hiểm nhân thọ là kỳ hạn trách nhiệm dài, nhằm cân đối tài sản và trách nhiệm bảo hiểm, kênh đầu tư tài chính dài hạn vẫn duy trì là kênh đầu tư chính với 43.821 tỷ đồng, trong đó đầu tư trái phiếu dài hạn chiếm 37.801 tỷ đồng. Song do các diễn biến không thuận lợi về lãi suất trái phiếu dài hạn, năm 2017, toàn danh mục đầu tư trái phiếu chỉ tăng gần 1.700 tỷ đồng.

Năm 2017, cùng với sự khởi sắc của thị trường chứng khoán, Tập đoàn đã tận dụng tốt các cơ hội đầu tư bằng việc tăng đầu tư vào danh mục cổ phiếu 575 tỷ đồng (29%). Ngoài ra, năm 2017 cũng chứng kiến mức tăng nhẹ của danh mục đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết khi Tập đoàn đầu tư thêm vào Bảo Việt Resort hơn 12 tỷ, nâng tỷ lệ sở hữu lên 48,55% đồng thời ghi nhận kết quả kinh doanh khá tốt của các công ty liên doanh liên kết. Tiền và tương đương tiền tăng 906 tỷ đồng (31%).

Cơ cấu tài sản hợp nhất:

Do quy mô các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng mạnh, tỷ trọng danh mục này trong cơ cấu tổng tài sản tăng khá cao từ 29% trong năm 2016 lên 34% trong năm 2017. Tuy nhiên, cơ cấu tài sản hợp nhất vẫn duy trì ổn định so với năm 2016 với các khoản đầu tư tài chính dài hạn chiếm tỷ trọng cao nhất (48%), đầu tư tài chính ngắn hạn đứng thứ hai (tỷ trọng 34%) tiếp đến là các khoản phải thu (tỷ trọng 8%). Đầu tư tài chính dài hạn mặc dù có tăng về giá trị (3.281 tỷ đồng) song vẫn giảm tỷ trọng (từ 56% xuống 48%) do mức tăng tổng tài sản Tập đoàn cao.

NGUỒN VỐN HỢP NHẤT

Quy mô Nguồn vốn

Cùng với tổng tài sản, tổng nguồn vốn hợp nhất năm 2017 tăng 25,2% so với năm 2016, đạt 91.402 tỷ đồng, chủ yếu do quy mô quỹ dự phòng nghiệp vụ tăng cao (11.534 tỷ đồng, tương ứng 26,8%); trong đó quỹ dự phòng toán học tại Bảo Việt Nhân thọ tăng 9.931 tỷ đồng (27,4%) nhờ tăng quy mô doanh thu bảo hiểm cũng như nhằm giảm thiểu tác động của các tổn thất tài chính có thể xảy ra trong tương lai.

Các khoản phải trả tăng 6.092 tỷ đồng (37,3%) chủ yếu do Tập đoàn tận dụng hoạt động mua bán lại Trái phiếu Chính phủ (repo) (tăng 4.689 tỷ đồng) nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng nguồn vốn và nâng cao kết quả kinh doanh chung của Tập đoàn.

Cấu trúc Nguồn vốn

Nhìn chung, cơ cấu nguồn vốn năm 2017 không có nhiều biến động so với năm 2016. Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm vẫn tiếp tục là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất với 59,6%, tăng nhẹ so với năm 2016, thể hiện năng lực tài chính vững mạnh và không ngừng được gia tăng cũng như cam kết vững chắc về việc đảm bảo quyền lợi ổn định, lâu dài cho khách hàng của Bảo Việt. Các khoản phải trả tăng nhẹ tỷ trọng từ 22,4% lên 24,5% do quy mô hoạt động repo được mở rộng nhằm tận dụng và tối ưu hiệu quả đầu tư từ nguồn vốn hoạt động bảo hiểm. Nguồn vốn chủ sở hữu mặc dù vẫn tăng giá trị (781 tỷ đồng) nhưng giảm nhẹ về tỷ trọng do tổng nguồn vốn toàn Tập đoàn tăng mạnh trong năm.

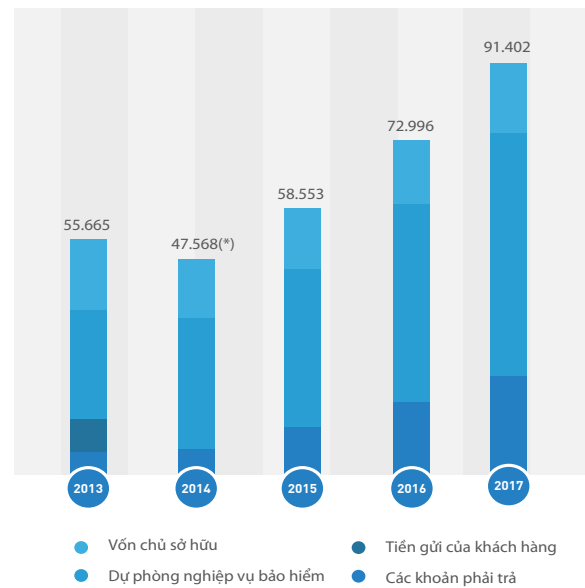
Khả năng thanh toán của các đơn vị thành viên trong Tập đoàn luôn đảm bảo vượt mức các quy định

Hệ số thanh toán của các đơn vị được duy trì ở mức tốt (tối thiểu ở mức 1,6 lần) và phần lớn được nâng cao trong năm 2017. Hệ số thanh toán năm 2017 của Bảo hiểm Bảo Việt được nâng cao đáng kể so với năm 2016 với 2,6 lần (tăng 27% so với năm 2016). Hệ số thanh toán của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt và Công ty Chứng khoán Bảo Việt mặc dù có giảm nhẹ so với năm 2016 song vẫn đang ở mức khá cao, đảm bảo tốt cho các nghĩa vụ thanh toán cho các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn.

Hệ số an toàn vốn/ tỷ lệ an toàn tài chính của các thành viên trong Tập đoàn luôn đảm bảo mức an toàn cao và tuân thủ quy định của Pháp luật, đặc biệt với Công ty Chứng khoán Bảo Việt và Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt, với tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tương ứng lên đến mức 702% và 338% tại ngày 31/12/2017, cao hơn rất nhiều so với quy định (180%).

Nguồn vốn hợp nhất giai đoạn 2013 - 2017

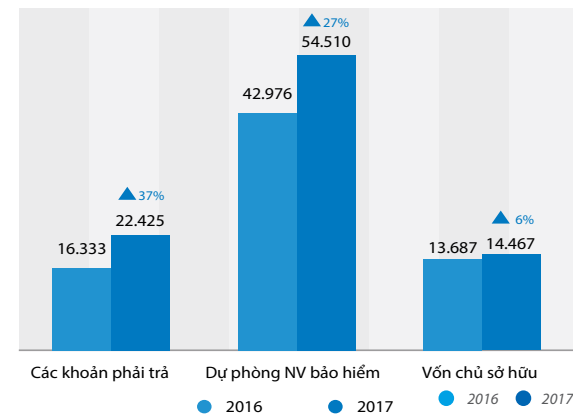
Đơn vị: tỷ đồng



(*) : Năm 2014, do sự thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt tại Ngân hàng Bảo Việt nên các khoản mục Tài sản và Nguồn vốn của Ngân hàng Bảo Việt không còn được hợp nhất vào Bảng cân đối kế toán của Tập đoàn, dẫn đến tổng nguồn vốn toàn Tập đoàn giảm.

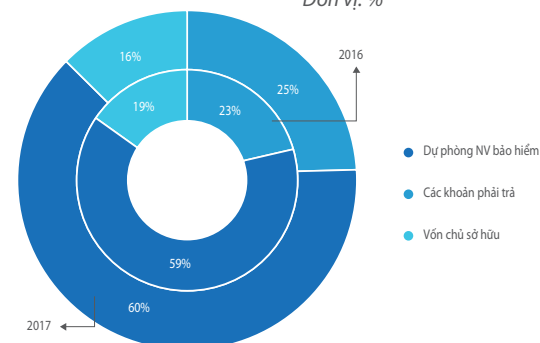
Nguồn vốn hợp nhất theo các khoản mục chính

Đơn vị: tỷ đồng

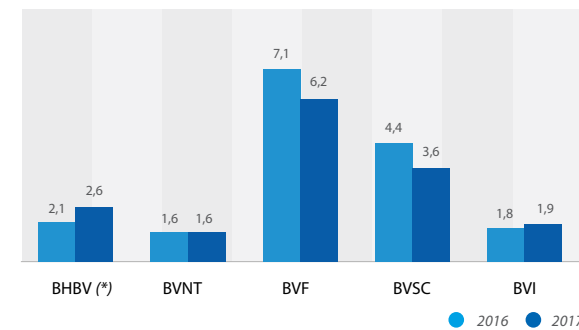


Cơ cấu Nguồn vốn Hợp nhất 2016-2017

Đơn vị: %



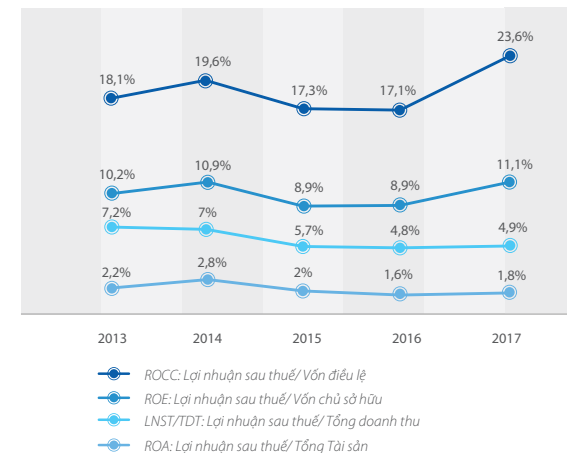
Hệ số thanh toán (lần)



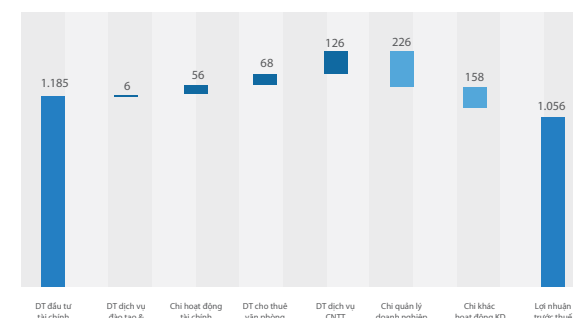
(*) Đối với Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, nợ ngắn hạn dùng để tính hệ số thanh toán đã loại trừ Dự phòng nghiệp vụ.

Khả năng sinh lời

Đơn vị: %



Tổng quan về kết quả kinh doanh Công ty Mẹ trong năm 2017



Tại ngày 31/12/2017, tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ đều ở mức an toàn, tuân thủ quy định của Bộ Tài chính.

Kết quả kinh doanh ấn tượng, khả năng sinh lời của Tập đoàn tăng cao

Là một tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm duy nhất trên thị trường Việt Nam, Tập đoàn Bảo Việt có ngành nghề kinh doanh khá đa dạng, từ bảo hiểm tới tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bất động sản. Phát huy thế mạnh của một tập đoàn hàng đầu, trong từng lĩnh vực kinh doanh, Bảo Việt luôn xuất sắc nằm trong nhóm các công ty dẫn đầu thị trường về cả hiệu quả kinh doanh cũng như khả năng sinh lời.

Tận dụng được sự ổn định của nền kinh tế vĩ mô và những khởi sắc tích cực của thị trường kinh doanh trong năm 2017, đặc biệt là thị trường bảo hiểm, Tập đoàn Bảo Việt đã ghi nhận kết quả kinh doanh rất ấn tượng trong năm 2017, tiếp tục khẳng định được vị thế hàng đầu trên thị trường. Hiệu suất sinh lời trên vốn điều lệ (ROCC) và trên vốn chủ sở hữu (ROE) tăng cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây, lần lượt đạt 23,6% và 11,1%, vượt xa so với mức 17,1% và 8,9% của năm 2016, nhờ mức tăng trưởng cao của Lợi nhuận sau thuế năm 2017. Các chỉ tiêu khác bao gồm hiệu suất sinh lời trên tổng tài sản và lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu tăng nhẹ so với cùng kỳ.

KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ

Tổng quan về kết quả kinh doanh Công ty Mẹ trong năm 2017

Góp phần không nhỏ vào kết quả kinh doanh khả quan chung của Tập đoàn trong năm 2017, Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt đã hoàn thành tốt kế hoạch lợi nhuận với 1.056 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế và 1.026 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Với định hướng tạo tiền đề vững chắc cho các đơn vị thành viên “sẵn sàng cất cánh”, năm 2017 Công ty Mẹ đã chủ trương tập trung đầu tư vào các hoạt động nòng cốt nhằm phát triển lâu dài, đồng thời đẩy mạnh các dự án hợp lực toàn hệ thống để phát huy sức mạnh tổng thể toàn Tập đoàn.

Với hoạt động chính là đầu tư, doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính tại Công ty Mẹ đóng góp phần lớn trong cơ cấu tổng doanh thu với 1.185 tỷ đồng. Doanh thu dịch vụ Công nghệ thông tin (CNTT) từng bước tăng trưởng và đóng góp 126 tỷ đồng. Điều đáng chú ý là chi phí hoạt động tài chính do được hoàn nhập lớn chi phí dự phòng cổ phiếu nhờ nắm giữ danh mục đầu tư tốt đã trở thành một điểm cộng, góp phần tạo nên mức lợi nhuận trước thuế 1.056 tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 hoàn thành tốt kế hoạch năm

Trong bối cảnh thị trường lãi suất có nhiều biến động không thuận lợi, Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt đã tận dụng tối ưu các cơ hội đầu tư tốt, về đích với lợi nhuận sau thuế đạt 1.026 tỷ đồng, hoàn thành tốt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao, đồng thời tăng trưởng nhẹ so với năm 2016. Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ duy trì ở mức cao với 15,1%, đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức đã cam kết với cổ đông.

Như đã đề cập ở trên, chi phí tài chính với mức hoàn nhập lớn chi phí dự phòng cổ phiếu đã trở thành yếu tố giúp lợi nhuận năm 2017 Công ty Mẹ tăng so với năm 2016. Phát huy các kết quả đạt được về đầu tư hạ tầng cũng như ứng dụng công nghệ thông tin vào kinh doanh từ định hướng “Đầu tư chiều sâu” trong năm 2016, dịch vụ CNTT từng bước phát triển độc lập, nâng cao đóng góp trong tổng doanh thu và mang lại kết quả kinh doanh khả quan cho Công ty Mẹ.

TỔNG TÀI SẢN

Năm 2017, tổng tài sản Công ty Mẹ tăng nhẹ so với năm 2016. Đầu tư tài chính dài hạn tiếp tục là kênh đầu tư được chú trọng trong năm 2017, đồng thời hướng đến các kênh đầu tư an toàn, bền vững

Quy mô tài sản Công ty Mẹ

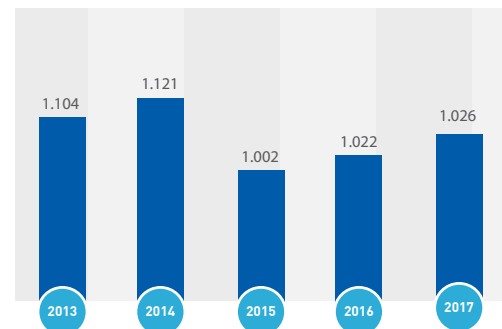
Tổng tài sản năm 2017 đạt 12.860 tỷ đồng, tăng 2% so với năm 2016, tập trung ở các khoản mục đầu tư tài chính dài hạn và tài sản cố định & xây dựng cơ bản dở dang. Với định hướng tối ưu các lợi thế sẵn có để đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, trong năm 2017, Công ty Mẹ đã triển khai thêm một số dự án bất động sản; đồng thời tiếp tục chiến lược tập trung gia tăng sức mạnh tài chính cho các công ty thành viên có hoạt động kinh doanh cốt lõi với khoản tăng vốn 300 tỷ đồng cho Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, từ nguồn đầu tư tài chính ngắn hạn. Việc tăng vốn cho các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn sẽ góp phần nâng cao tiềm lực tài chính của các đơn vị thành viên trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt trên thị trường.

Cơ cấu tài sản Công ty Mẹ

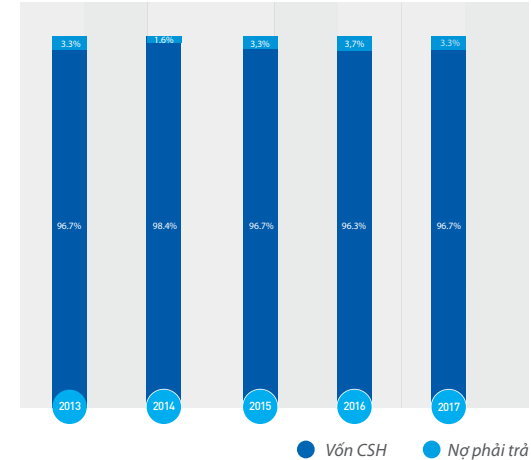
Theo kỳ hạn, tài sản dài hạn vẫn duy trì là danh mục có quy mô và tỷ trọng lớn nhất trong tổng tài sản với 81% tỷ trọng.

Theo khoản mục đầu tư, nhìn chung, cơ cấu tài sản Công ty Mẹ năm 2017 không có biến động trọng yếu so với năm 2016, với tỷ trọng các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết duy trì ở mức cao nhất (64%); đầu tư trái phiếu và tiền gửi là hai (2) kênh đầu tư chiếm tỷ trọng lớn tiếp theo. So với năm 2016, tỷ trọng của tiền gửi có giảm nhẹ do việc dịch chuyển sang khoản đầu tư trái phiếu và tài sản cố định & xây dựng cơ bản dở dang (để cập phía trên) theo chiến lược phát triển bền vững của Công ty Mẹ, phù hợp với mục tiêu chung của toàn Tập đoàn.

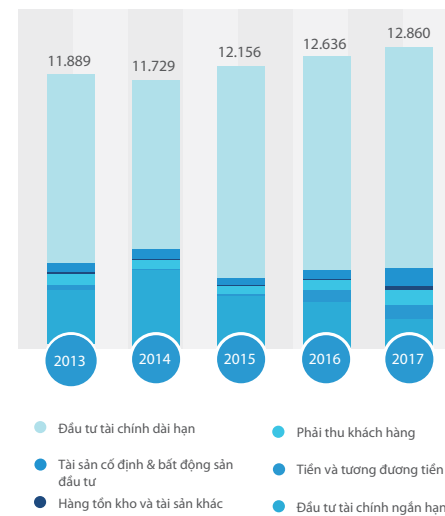
Lợi nhuận sau thuế Công ty Mẹ giai đoạn 2013-2017
Đơn vị: tỷ đồng



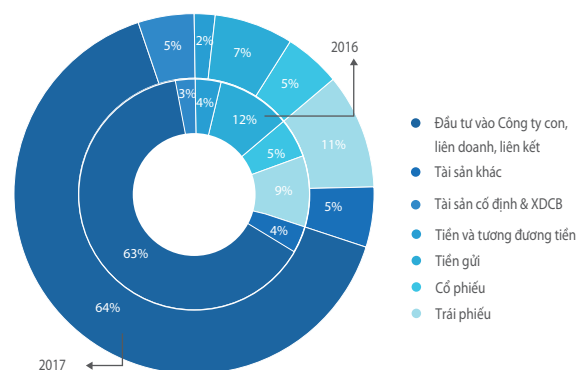
Cơ cấu nguồn vốn Công ty Mẹ giai đoạn 2013-2017
Đơn vị: %



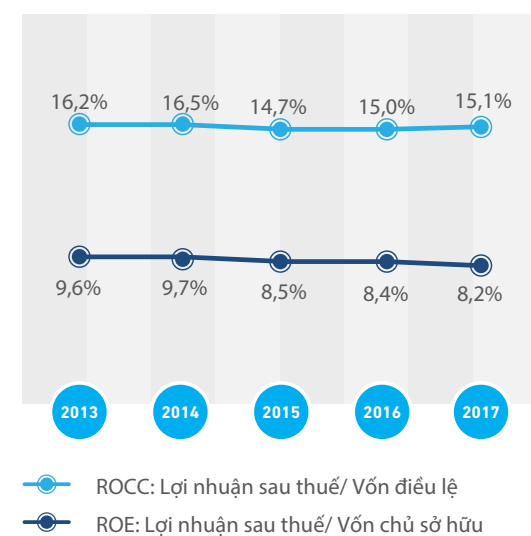
Tổng tài sản công ty Mẹ giai đoạn 2013-2017
Đơn vị: tỷ đồng



Cơ cấu tài sản Công ty Mẹ



Khả năng sinh lời của Công ty Mẹ giai đoạn 2013-2017
Đơn vị: %



NGUỒN VỐN

Tỷ lệ Vốn chủ sở hữu trong cơ cấu nguồn vốn duy trì ổn định ở mức cao, thể hiện tiềm lực tài chính tốt

Tại thời điểm 31/12/2017, tổng nguồn vốn Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt đạt 12.860 tỷ đồng, tăng 2% so với năm trước, trong đó tỷ trọng nguồn vốn chủ sở hữu so với tổng nguồn vốn được duy trì ổn định ở mức cao trong nhiều năm qua (97%-98%) và đạt 96,7% tại cuối năm 2017.

Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt không có các khoản nợ ngân hàng và các tổ chức tín dụng bên ngoài, tỷ lệ nợ phải trả trên tổng nguồn vốn của Công ty Mẹ luôn duy trì ở mức thấp từ năm 2013 - dưới 4%. Tại thời điểm cuối năm 2017, tỷ lệ này là 3,3%, giảm nhẹ so với năm 2016 chủ yếu do số dư các khoản phải trả của hoạt động repo giảm.

Khả năng thanh toán luôn ở mức cao

Công ty Mẹ không có nợ dài hạn, đồng thời nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng nhỏ, nhờ đó, hệ số thanh toán của Công ty Mẹ luôn duy trì ở mức cao. Tại 31/12/2017, hệ số thanh toán hiện thời của Công ty Mẹ đạt gần 6 lần, đảm bảo tốt khả năng thanh toán các khoản nợ khi đến hạn của Công ty Mẹ.

Các tỷ suất sinh lời khả quan

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt duy trì ở mức cao qua các năm và tại thời điểm cuối năm 2017, tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (ROCC) và Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) lượt đạt 15,1% và 8,2%, thay đổi không đáng kể so với cuối năm 2016. Tỷ suất ROCC và ROE luôn ở ổn định ở mức 15% và 8% cho thấy hiệu quả cũng như tính chất ổn định lâu dài của mức sinh lời Công ty Mẹ.

Kết thúc năm 2017, với những nỗ lực không ngừng của Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động không thuận lợi, toàn Tập đoàn đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh năm với mức tăng trưởng ấn tượng cả về doanh thu và lợi nhuận, ghi nhận những thành công lớn trên cả mảng kinh doanh bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ; tạo tiền đề vững chắc để toàn Tập đoàn thực hiện định hướng “Khẳng định thương hiệu Việt” trong năm 2018.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LỚN

Căn cứ dự báo lãi suất có xu hướng ổn định ở mức thấp, để tăng cường hiệu quả đầu tư, cân đối dòng tiền với các nghĩa vụ nợ, đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Tập đoàn, năm 2017 Tập đoàn Bảo Việt tiếp nối và mở rộng định hướng đầu tư năm 2016 trên cơ sở tuân thủ nguyên tắc an toàn và hiệu quả nhằm gia tăng lợi ích của cổ đông, khách hàng và đảm bảo việc làm, đời sống cho người lao động.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TOÀN TẬP ĐOÀN 2017

Tại 31/12/2017, tổng nguồn vốn đầu tư của toàn Tập đoàn đạt 79.105 tỷ đồng, tăng 22,8% so với thời điểm 31/12/2016. Trong đó, đầu tư lãi suất cố định (tiền gửi, trái phiếu) đạt 72.054 tỷ đồng, chiếm 91,1% tổng nguồn vốn đầu tư và tăng 23,6% so với cùng kỳ. Đầu tư cổ phiếu, góp vốn đạt 5.937 tỷ đồng, chiếm 7,5% tổng nguồn vốn đầu tư và tăng 14,8% so với năm 2016.

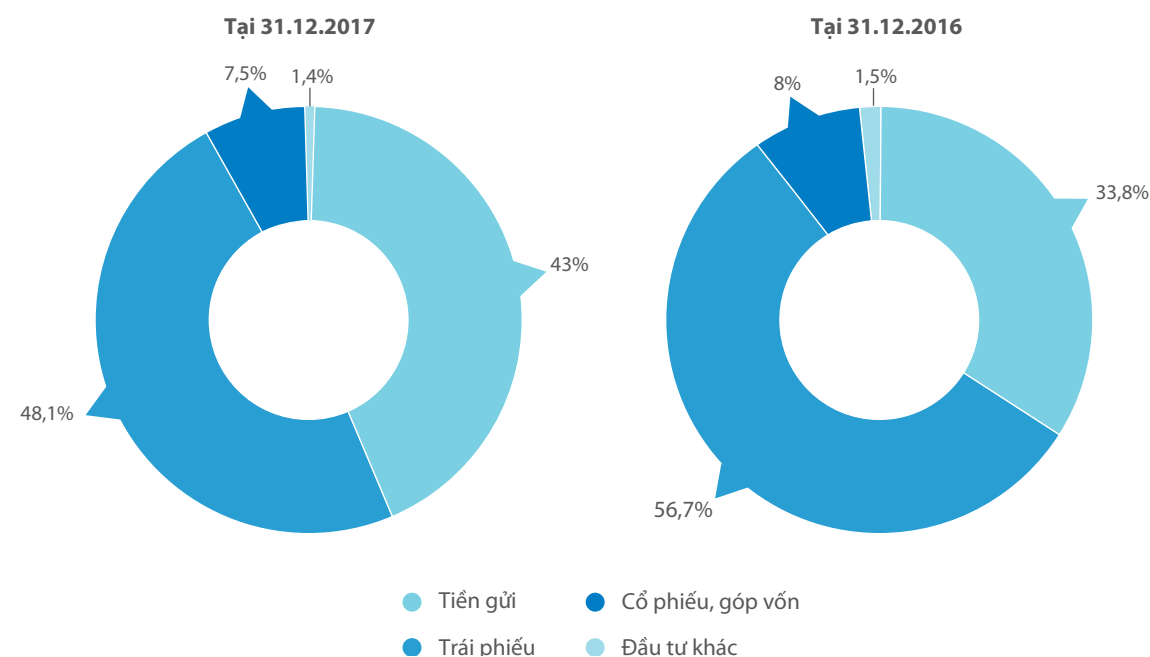
Cơ cấu danh mục đầu tư của toàn Tập đoàn tại 31/12/2017

Đơn vị: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	TẠI 31/12/2017		TẠI 31/12/2016		SO SÁNH 2017/2016
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	
I. Đầu tư lãi suất cố định	72.054	91,1%	58.295	90,5%	23,6%
1. Tiền gửi	33.990	43,0%	21.793	33,8%	56,0%
2. Trái phiếu	38.063	48,1%	36.502	56,7%	4,3%
II. Đầu tư cổ phiếu, góp vốn	5.937	7,5%	5.171	8,0%	14,8%
III. Đầu tư tài chính khác	1.114	1,4%	936	1,5%	19,0%
Tổng cộng	79.105	100%	64.402	100%	22,8%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2017

Cơ cấu danh mục đầu tư toàn Tập đoàn



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CÔNG TY MẸ 2017

Tại 31/12/2017, tổng nguồn vốn đầu tư của Công ty Mẹ đạt 11.655 tỷ đồng, không thay đổi nhiều so với cùng kỳ năm trước. Danh mục đầu tư chủ yếu tập trung vào các ngành bảo hiểm và dịch vụ tài chính - những lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn Bảo Việt (90% tỷ trọng danh mục cổ phiếu, góp vốn).

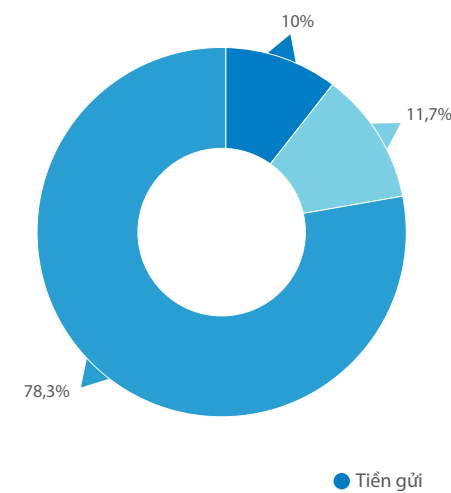
Cơ cấu danh mục đầu tư Công ty Mẹ tại 31/12/2017

Đơn vị: tỷ đồng

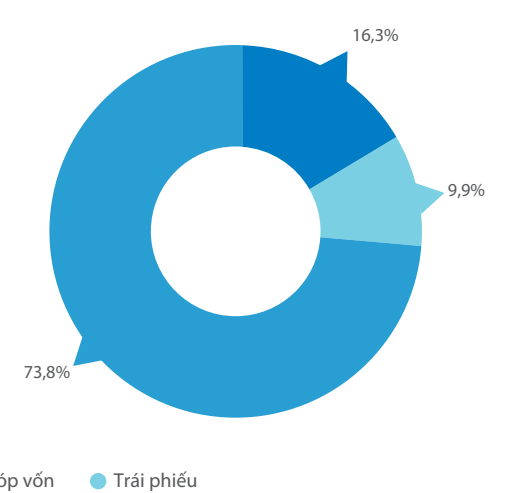
CHỈ TIÊU	TẠI 31/12/2017		TẠI 31/12/2016		2017/ 2016
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	
Đầu tư lãi suất cố định	2.534	21,7%	3.144	26,2%	-19,4%
Tiền gửi	1.167	10%	1.957	16,3%	-40,4%
Trái phiếu	1.367	11,7%	1.186	9,9%	15,2%
Đầu tư cổ phiếu, góp vốn	9.120	78,3%	8.843	73,8%	3,1%
Tổng cộng	11.655	100%	11.987	100%	-2,8%

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2017

Cơ cấu danh mục đầu tư tại 31/12/2017



Cơ cấu danh mục đầu tư tại 31/12/2016



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀO 3 CÔNG TY CON TẬP ĐOÀN SỞ HỮU 100% VỐN ĐIỀU LỆ

Năm 2017, Tập đoàn chủ động giảm tỷ lệ thu về nhằm tăng cường năng lực tài chính, phục vụ hoạt động kinh doanh của các Công ty con Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ. Lợi nhuận thu về từ 03 Công ty con đạt 828 tỷ đồng, tăng 14 tỷ đồng so với cùng kỳ năm ngoái.

Năm 2017 đánh dấu mức tăng trưởng ấn tượng của 03 Công ty con 100% vốn của Tập đoàn Bảo Việt với kết quả kinh doanh đầy khả quan. Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục giữ vững vị trí số 1 thị trường bảo hiểm về thị phần và doanh thu; Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những nhà đầu tư tài chính chuyên nghiệp hàng đầu trên thị trường, góp phần vào sự phát triển lớn mạnh của Tập đoàn.

HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH: VƯỢT KẾ HOẠCH

Năm 2017, hoạt động đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt đã đạt được những kết quả kinh doanh khả quan, với mức tăng trưởng cao về doanh thu so với năm 2016, tạo tiền đề cho việc hoàn thành các mục tiêu chiến lược của giai đoạn 2016 – 2020.

Hoạt động đầu tư lãi suất cố định

- Tập đoàn đã bám sát diễn biến lãi suất thị trường, kế hoạch dòng tiền để thực hiện tái đầu tư các khoản tiền nhàn rỗi với kỳ hạn phù hợp và tăng cường đầu tư Trái phiếu doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư;
- Doanh thu đầu tư lãi suất cố định 2017 hoàn thành vượt kế hoạch: doanh thu lãi suất cố định cả năm 2017 đạt 214,6 tỷ đồng, vượt 14,1% kế hoạch năm.

Hoạt động đầu tư cổ phiếu, góp vốn

- Doanh thu Cổ phiếu, góp vốn tự doanh (sau thu hoàn nhập) đạt 228,9 tỷ đồng, vượt 25,9% kế hoạch năm.

Danh mục các dự án góp vốn của Công ty Mẹ tại 31/12/2017

Đơn vị: tỷ đồng

NGÀNH	VỐN GÓP		TỶ TRỌNG	
	31/12/2017	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2016
Bảo hiểm	5.017	4.717	55%	53,3%
Ngân hàng	1.708	1.708	18,7%	19,3%
Chứng khoán, quản lý quỹ	1.260	1.260	13,8%	14,2%
Bất động sản	350	350	3,8%	4%
Khác	785	808	8,6%	9,1%
Tổng cộng	9.120	8.843	100%	100%

Trong các dự án lớn Bảo Việt đã tham gia đầu tư, góp vốn không có dự án nào không đạt được tiến độ đã công bố hoặc cam kết. Khoản đầu tư lớn nhất trong năm 2017 có thể kể đến là việc Tập đoàn Bảo Việt thực hiện tăng vốn điều lệ cho Tổng Công ty Bảo Hiểm Bảo Việt từ 2.000 tỷ đồng lên mức 2.300 tỷ đồng nhằm tăng cường năng lực tài chính cho doanh nghiệp cốt lõi.

Tập đoàn phát huy vai trò trung tâm quản lý, điều phối hoạt động đầu tư

Trong năm 2017, Tập đoàn Bảo Việt đã phát huy vai trò trung tâm quản lý, điều phối hoạt động đầu tư của toàn Tập đoàn thông qua các chính sách đầu tư và quản lý rủi ro, tiếp tục áp dụng mô hình đánh giá, phân loại các tổ chức tín dụng để xác định hạn mức đầu tư tại các định chế tài chính mà Bảo Việt được phép đầu tư, tiếp tục cải tiến, hoàn thiện các quy trình, quy chế liên quan đến hoạt động đầu tư. Tập đoàn cũng thiết lập các biện pháp giám sát đầu tư nhằm đảm bảo kịp thời hành động khi phía đối tác xuất hiện các biểu hiện suy giảm chất lượng tín dụng. Nhờ vậy mà hoạt động đầu tư của Tập đoàn đảm bảo an toàn, đóng góp quan trọng vào kết quả kinh doanh chung của toàn Tập đoàn và của từng đơn vị.

ĐẦU TƯ CÓ TRÁCH NHIỆM**GẮN KẾT YẾU TỐ ESG TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

Bảo Việt tin rằng các vấn đề về cơ chế quản trị công ty, môi trường và xã hội là một phần quan trọng để đánh giá các giá trị và hiệu quả đầu tư trong trung và dài hạn. Do đó, bên cạnh các chỉ tiêu hiệu quả, chúng tôi cũng luôn chú trọng tới các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) trong quá trình thẩm định, lựa chọn phương án đầu tư và tiếp tục duy trì việc áp dụng Nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm khi rà soát các dự án đầu tư vốn lớn.

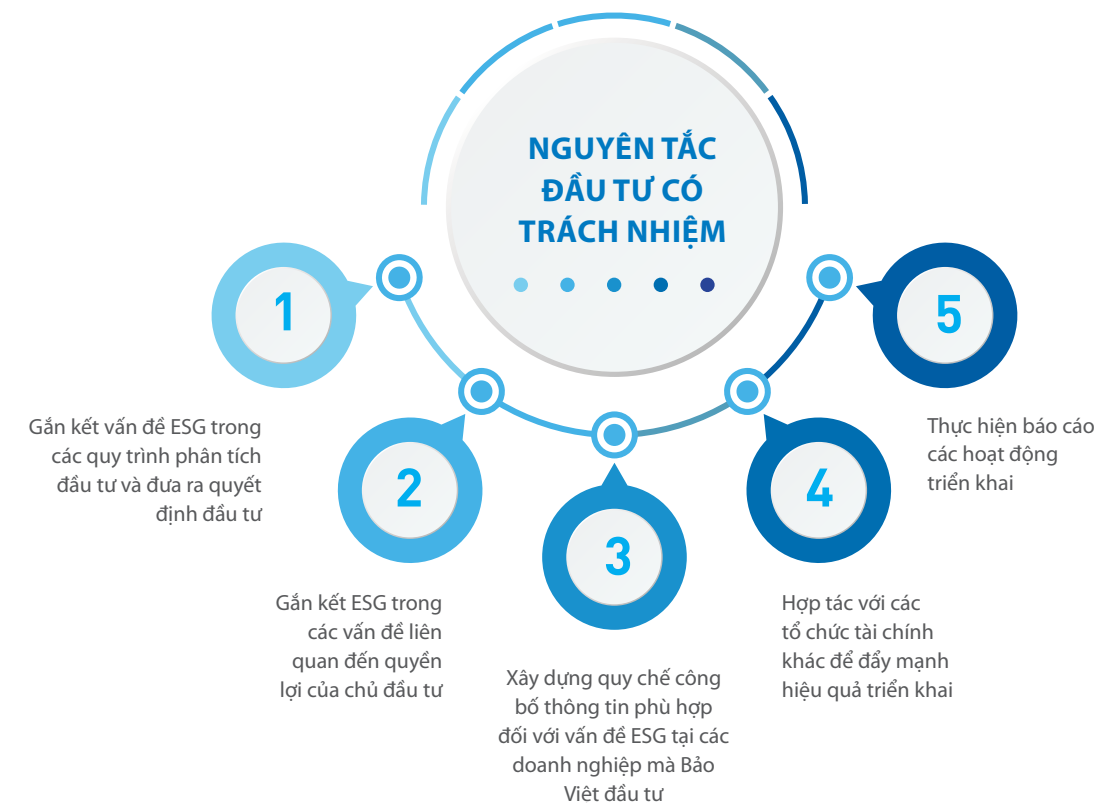
Tại Bảo Việt, phương châm hàng đầu trong chiến lược đầu tư của chúng tôi là đầu tư an toàn, hiệu quả trên cơ sở đảm bảo sự phát triển bền vững của Tập đoàn, qua đó đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, khách hàng và người lao động.

Bảo Việt tập trung vào ngành nghề kinh doanh cốt lõi với 90% danh mục đầu tư cổ phần, góp vốn của chúng tôi tập trung vào các ngành bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính. Đây cũng là những ngành nghề thân thiện với môi trường. Trong năm qua, chúng tôi luôn tuân thủ các tiêu chí liên quan đến vấn đề Quản trị - Xã hội - Môi trường trong quá trình quản lý dự án đầu tư và đầu tư cổ phần, góp vốn.

Nếu trước đây, vấn đề Quản trị được tập trung xem xét trong các dự án đầu tư góp vốn thì theo quy trình mới ban hành của Bảo Việt, các xem xét về vấn đề sử dụng lao động, đóng góp cộng đồng, các ý thức về môi trường cũng trở thành tiêu chí đánh giá và cộng điểm cho dự án. Trong thời gian tới, chúng tôi tiếp tục định hướng ưu tiên phát triển ngành nghề kinh doanh cốt lõi – vừa để đảm bảo sự phát triển bền vững của Bảo Việt, vừa góp phần giảm thiểu những tác động gây hại tới môi trường.

Là một doanh nghiệp niềm yết với sự tham gia góp vốn của nhiều nhà đầu tư, chúng tôi hiểu phát triển bền vững sẽ tạo ra lợi thế cạnh tranh trong việc hút vốn. Chính vì vậy, Bảo Việt – với tư cách của nhà đầu tư, muốn gắn kết các yếu tố bền vững trong quá trình xem xét các dự án tiềm năng.

Việc gắn kết yếu tố bền vững đối với nhà cung cấp cũng như các dự án đầu tư giúp Bảo Việt tiến gần tới mục tiêu xây dựng chuỗi giá trị bền vững, mang lại lợi ích cho Bảo Việt và các đối tác tham gia.

05 nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm mà Bảo Việt đang áp dụng cho các dự án đầu tư bao gồm:

THỊ TRƯỜNG VỐN XANH**Nhận diện thị trường vốn xanh**

Thị trường vốn xanh là vấn đề còn khá mới với các thành viên tham gia thị trường nói riêng và thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung. Sự chuyển dịch từ các thị trường vốn truyền thống sang thị trường vốn xanh được xem là bước tiến quan trọng, nhằm tạo ra kênh tài chính có sức ảnh hưởng lớn phục vụ tái cơ cấu nền kinh tế Việt Nam và hướng tới phát triển bền vững.

Bảo Việt là một trong những doanh nghiệp lớn tiên phong nghiên cứu và tìm kiếm các cơ hội hỗ trợ về tài chính hướng đến tăng trưởng xanh thông qua việc cắt giảm khí phát thải nhà kính, ô nhiễm môi trường, sản xuất xanh...

Bảo Việt và thị trường vốn xanh

Hoạt động đầu tư tại Bảo Việt tuân thủ các nguyên tắc cơ bản về đầu tư có trách nhiệm của Liên hợp quốc (không đầu tư vào các dự án gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, các dự án sử dụng lao động trẻ em...), lựa chọn đầu tư vào các ngành kinh doanh cốt lõi là bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính – những ngành nghề thân thiện với môi trường. Bảo Việt tự hào là doanh nghiệp bảo hiểm niêm yết duy nhất nằm trong nhóm các cổ phiếu thuộc rổ chỉ số phát triển bền vững (VNSI). Ngoài ra, Bảo Việt cũng đang nắm giữ nhiều cổ phiếu khác thuộc rổ chỉ số VNSI này như VCB, MBB, BID, VNM, REE...

Bảo Việt mong muốn tham gia cùng Ủy Ban chứng khoán và các bên liên quan xây dựng và triển khai được một khuôn khổ định hướng về tài chính xanh và các sản phẩm tài chính xanh cho các doanh nghiệp hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam, để doanh nghiệp vừa duy trì được hoạt động kinh doanh hiệu quả, vừa đảm bảo lợi ích môi trường và xã hội. Trên cơ sở đó giúp thị trường vốn xanh phát triển bền vững.

Định hướng tham gia vào thị trường vốn xanh

Bảo Việt đang cân nhắc lựa chọn một số sản phẩm, công cụ tài chính xanh có ý nghĩa quan trọng như: Danh mục dự án xanh do Ngân hàng Nhà nước xây dựng, hay trái phiếu xanh chính quyền địa phương được phát hành thí điểm, đầu tư vào các dự án trong lĩnh vực điện gió, điện mặt trời, xây dựng các tòa nhà xanh...

**ĐỊNH HƯỚNG 2018**

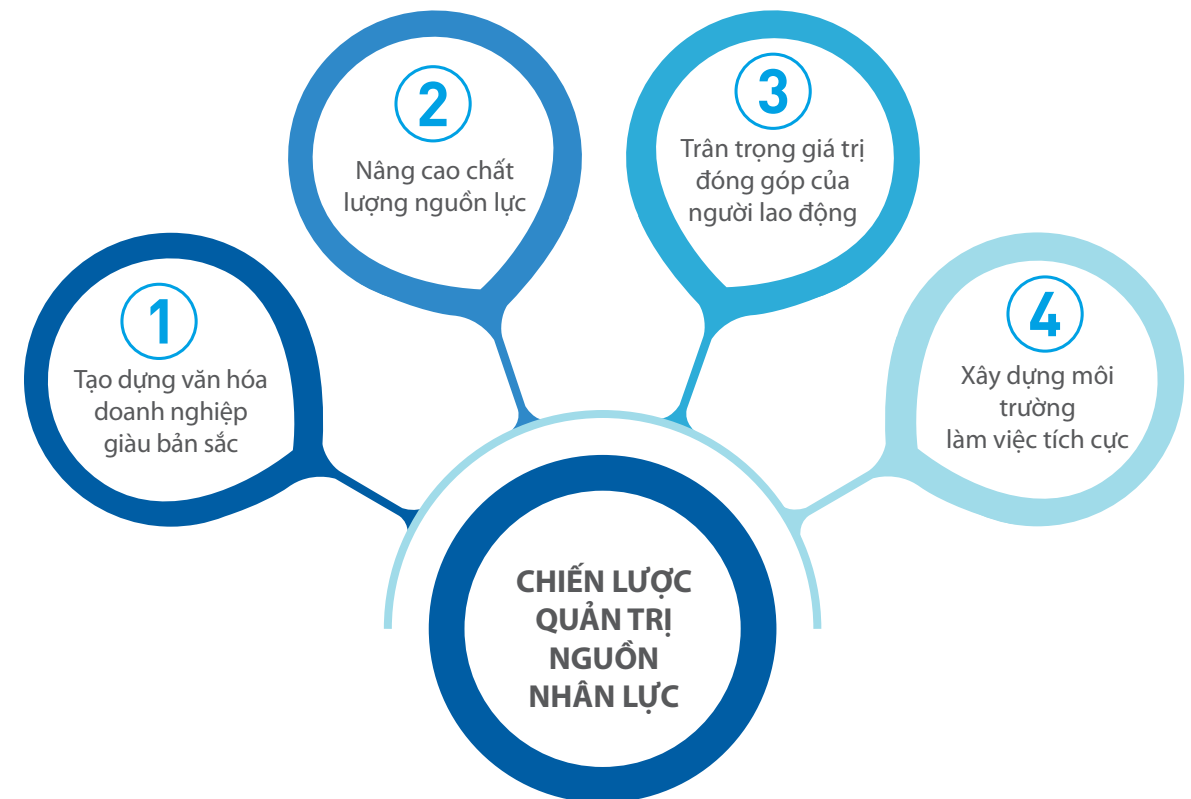
Bám sát định hướng chiến lược đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt, căn cứ những dự báo tình hình thị trường tài chính, tiền tệ, năm 2018 Tập đoàn tiếp nối và mở rộng định hướng đầu tư năm 2016-2017 trên cơ sở tuân thủ nguyên tắc an toàn và hiệu quả nhằm gia tăng lợi ích của cổ đông, khách hàng và đảm bảo việc làm, đời sống cho người lao động.

Năm 2018, Bảo Việt định hướng tham gia tích cực vào thị trường vốn xanh thông qua việc đẩy mạnh đầu tư vào những ngành nghề thân thiện với môi trường (du lịch, bảo hiểm, dịch vụ tài chính, năng lượng tái tạo...). Tại Việt Nam thị trường trái phiếu gần đây đã phát triển rất ấn tượng, nhưng thị trường trái phiếu xanh vẫn còn sơ khai. Với tư cách là thành viên trong Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam (VBMA), Bảo Việt cam kết tham gia đầy đủ các khóa đào tạo, hội thảo liên quan đến thị trường trái phiếu xanh và mong muốn cộng tác cùng các bên liên quan nghiên cứu sửa đổi các chính sách để thị trường trái phiếu xanh ngày càng phát triển hơn.

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Bảo Việt xác định con người là yếu tố cốt lõi, quyết định đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Chính vì vậy, trong chiến lược quản trị nguồn nhân lực của Bảo Việt, các giải pháp tập trung cho việc xây dựng, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao trong các lĩnh vực then chốt; xây dựng môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp, thân thiện; triển khai hệ thống đánh giá theo hiệu quả làm việc và được liên kết với nhau chặt chẽ, dựa trên tầm nhìn, quy tắc đạo đức ứng xử, đạo đức nghề nghiệp và các đặc trưng văn hóa của Bảo Việt.

Bảo Việt trân trọng và ý thức rằng những giá trị do các thành viên tạo ra đều đóng góp vào thành công chung của doanh nghiệp ngày hôm nay, không phân biệt vị trí, độ tuổi, giới tính, trình độ, địa vị xã hội, tính cách, phong cách sống, quá trình tư duy, kinh nghiệm làm việc, nguồn gốc dân tộc... Chính triết lý đó là nền tảng để Bảo Việt xây dựng một môi trường làm việc năng động, công bằng, mỗi cá nhân đều có cơ hội được làm việc, rèn luyện để hướng đến sự thành công và phát triển sự nghiệp tại Bảo Việt.

**LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG TẠI BẢO VIỆT**

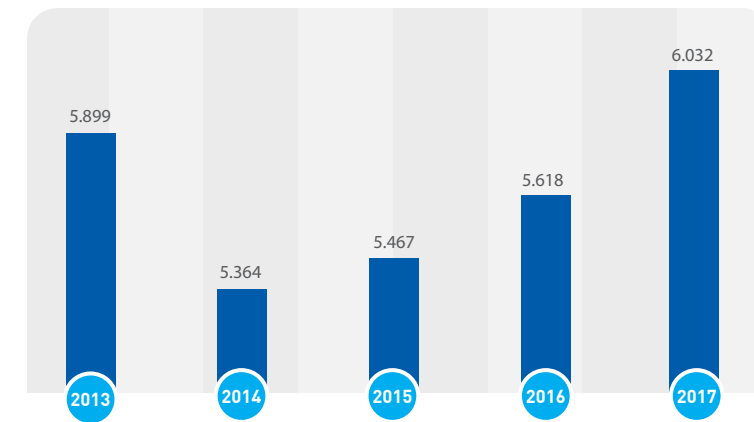
Năm 2017, tổng số lao động của Bảo Việt là 6.032 người, tăng 7,4% so với năm 2016 để đáp ứng yêu cầu mở rộng mạng lưới công ty thành viên của 02 Tổng Công ty BHBV và BVNT trên địa bàn cả nước. Cơ cấu lao động năm 2017 có sự thay đổi ở một số khía cạnh với năm 2016, cụ thể: tỷ lệ lao động Nam chiếm 54%, lao động Nữ 46%; cơ cấu lao động theo độ tuổi, năm 2017, tỷ lệ lao động trẻ dưới 30 tuổi chiếm 25% (tăng 4% so với năm 2016), lao động trong độ tuổi trung niên (từ 30 đến dưới 50 tuổi) chiếm 66%, lao động từ 50 tuổi trở lên đã gần bó lấu năm với Bảo Việt chỉ chiếm 9% (giảm 2% so với năm 2016).

Về trình độ lao động, với mục tiêu xây dựng, duy trì đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, hợp lý về cơ cấu, năm 2017, lao động của Bảo Việt tiếp tục duy trì tỷ lệ lao động có trình độ đại học và trên đại học ở mức cao, ĐH chiếm 80%, trên ĐH chiếm 8%, cao đẳng và khác chỉ chiếm 12%, giảm 2% so với năm 2016.

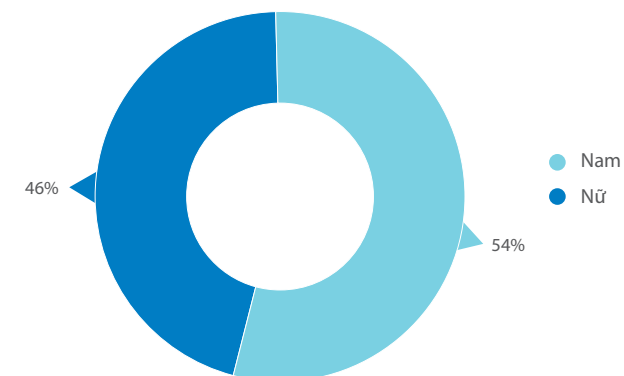
Về cơ cấu cán bộ quản lý, Bảo Việt tiếp tục duy trì tỷ lệ hợp lý giữa cán bộ quản lý cấp cao, cấp trung và nhân viên phù hợp với thông lệ quản trị, điều hành doanh nghiệp. Năm 2017, tổng số cán bộ quản lý của Bảo Việt là 859 người, chiếm tỷ lệ 14%, nhân viên là 5174 người, chiếm 85,8%. Về cơ cấu quản lý, cán bộ quản lý cấp cao là 49 người, chiếm 0,8% và cán bộ quản lý cấp trung là 809 người (tăng 295 người so với năm 2016), chiếm 13,4% tổng số lao động Bảo Việt.

Cơ cấu lao động theo các tiêu chí	Số lượng cán bộ	Tỷ lệ trên tổng số cán bộ Bảo Việt
Quốc gia		
• Việt Nam	6.030	99,97%
• Nước ngoài	2	0,03%
Khu vực		
• Bắc	3.130	51,9%
• Trung	1.027	17%
• Nam	1.875	31,1%
Giới tính		
• Nam	3.253	54%
• Nữ	2.779	46%
Độ tuổi:		
• Dưới 30 tuổi	1.504	25%
• 30-50 tuổi	3.955	66%
• Trên 50 tuổi	573	9%
Trình độ đào tạo		
• Trên Đại học	483	8%
• Đại học	4.854	80,5%
• Cao đẳng	181	3%
• Khác	514	8,5%
Cấp quản lý		
• Cấp cao	49	0,8%
• Cấp trung	809	13,4%
• Nhân viên	5.174	85,8%

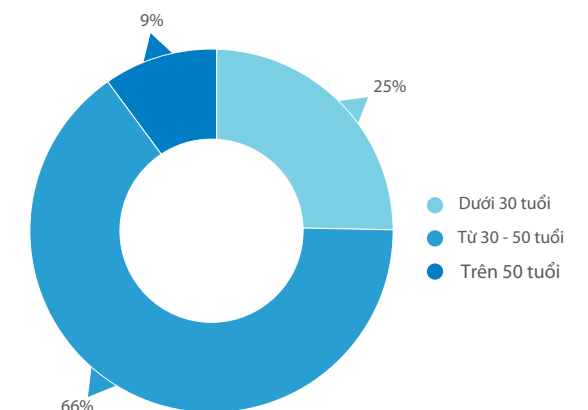
Lao động



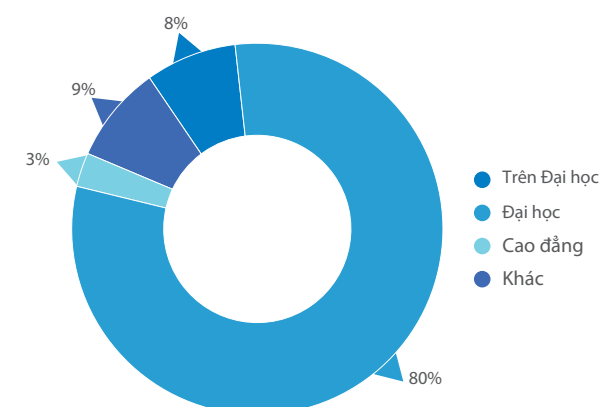
Lao động theo giới tính



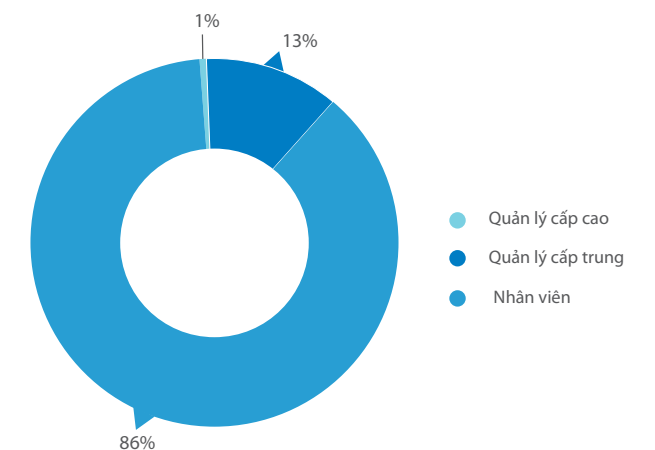
Lao động theo nhóm tuổi



Lao động theo trình độ



Lao động theo cấp quản lý



TUYỂN DỤNG, THU HÚT LAO ĐỘNG TRẺ TRONG BỐI CẢNH MỚI

CHỈ TIÊU VỀ NHÂN VIÊN TUYỂN DỤNG MỚI VÀ NGHỈ VIỆC ĐƯỢC ĐẢM BẢO BỞI KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Năm 2017 số liệu nhân viên tuyển dụng mới và nghỉ việc được tổng hợp theo dữ liệu của Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên đã được rà soát và đảm bảo bởi Khối Kiểm toán Nội bộ Tập đoàn Bảo Việt. Trong đó, số lượng và tỷ lệ nhân viên tuyển dụng mới và nghỉ việc trong kỳ báo cáo được phân theo nhóm tuổi, giới tính, khu vực.

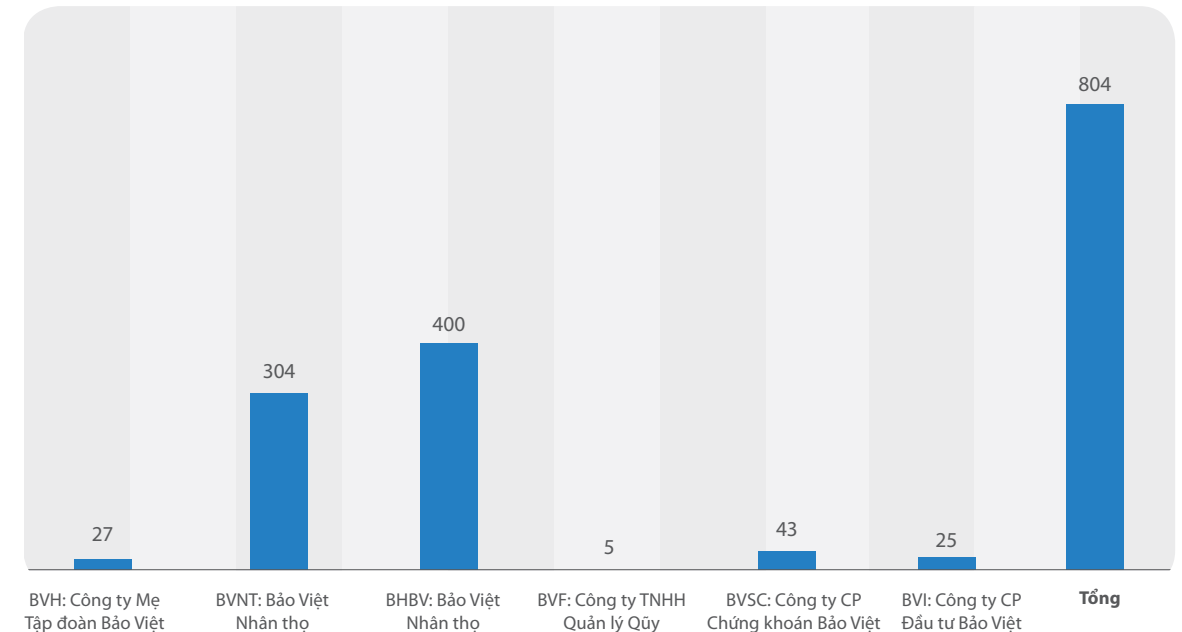
Để tiếp tục duy trì vị trí số 1 trên thị trường bảo hiểm, chinh phục được mục tiêu doanh thu 1,5 tỷ USD do Đại hội đồng cổ đông giao, hoàn thành các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2016-2020, Bảo Việt không ngừng chú trọng đầu tư chiều sâu trên nhiều lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực, trong đó có chính sách tuyển dụng nhằm thu hút được những lao động trẻ, trình độ chuyên môn cao, năng động, sáng tạo, giàu nhiệt huyết, được trang bị kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin phù hợp với yêu cầu kinh doanh trong bối cảnh ứng dụng công nghệ trong hoạt động quản trị doanh nghiệp và kinh doanh tài chính, bảo hiểm.

Đối với thị trường lao động, Bảo Việt luôn là một trong những thương hiệu hàng đầu luôn thu hút các ứng viên xuất sắc, tiềm năng. Bằng việc duy trì mối quan hệ hợp tác chiến lược của 02 trường đại học danh tiếng của Việt Nam trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm là Đại học Kinh tế quốc dân và Học viện Tài chính, Bảo Việt đã cấp 1.500 suất học bổng trong năm 2017 cho các sinh viên xuất sắc để tạo nguồn, nuôi dưỡng các tài năng sinh viên phục vụ cho nhu cầu nhân lực chất lượng cao của Bảo Việt trong tương lai; chương trình “Thực tập sinh tiềm năng” được Bảo Việt triển khai mạnh tại 02 đơn vị thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ đã thu hút hàng trăm sinh viên tham

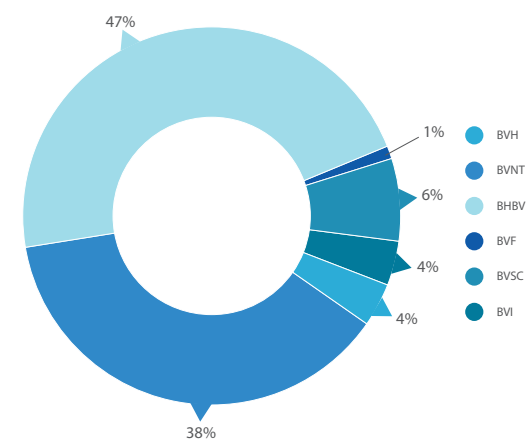
gia trải nghiệm môi trường làm việc chuyên nghiệp, rèn luyện kỹ năng, trau dồi kinh nghiệm thực tế. Các quy chế, quy định tuyển dụng cũng được chú trọng nghiên cứu, đổi mới phù hợp với điều kiện thực tế của Tập đoàn và các đơn vị thành viên. Hoạt động tuyển dụng được Bảo Việt triển khai thống nhất, minh bạch, đảm bảo sự công bằng và tạo cơ hội việc làm cho tất cả các ứng viên.

Năm 2017, Bảo Việt tuyển dụng được 804 ứng viên, tăng 55% so với năm 2016. Trong đó, riêng 02 đơn vị thành viên Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ tuyển dụng được 704 ứng viên, tương ứng 88% tổng số ứng viên được tuyển dụng mới trong năm và bằng 136% tổng số ứng viên được tuyển dụng vào Bảo Việt trong năm 2016. Trong tổng số ứng viên được tuyển dụng, ứng viên Nam chiếm 58%, Nữ chiếm 42%; ứng viên trẻ có tuổi đời dưới 30 tuổi được Bảo Việt tuyển dụng chiếm tỉ trọng cao nhất là 64%, tiếp đến là ứng viên trong độ tuổi từ 30 đến 50 tuổi chiếm 35%, ứng viên trên 50 tuổi chỉ chiếm 1%; theo vùng miền, các đơn vị thuộc miền Bắc có nhu cầu cao nhất với 50% ứng viên được tuyển dụng, tiếp đến là miền Nam 35% và miền Trung là 15%. Nhu cầu tuyển dụng nhân sự năm 2017 của các đơn vị thuộc khu vực miền Trung và miền Nam tăng so với năm 2016 để đáp ứng việc mở rộng thị trường, thành lập mới các công ty thành viên của 02 đơn vị BHBV, BVNT trong năm 2017.

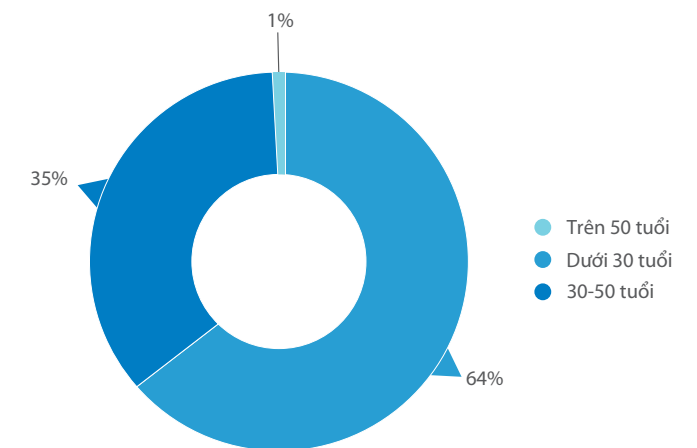
Chỉ tiêu tuyển dụng		Độ tuổi			Giới tính		Khu vực			Tổng cộng
		<30	30-50	>50	Nam	Nữ	Bắc	Trung	Nam	
Tuyển dụng 2017	Số lượng (người)	518	280	6	466	338	402	123	279	804
	Tỷ lệ (%)	8,6%	4,6%	0,1%	7,7%	5,6%	6,7%	2,0%	4,6%	13,3%
Tuyển dụng 2016	Số lượng (người)	346	169	4	319	200	332	57	130	519
	Tỷ lệ (%)	6,2%	3,0%	0,1%	5,7%	3,6%	5,9%	1,0%	2,3%	9,2%



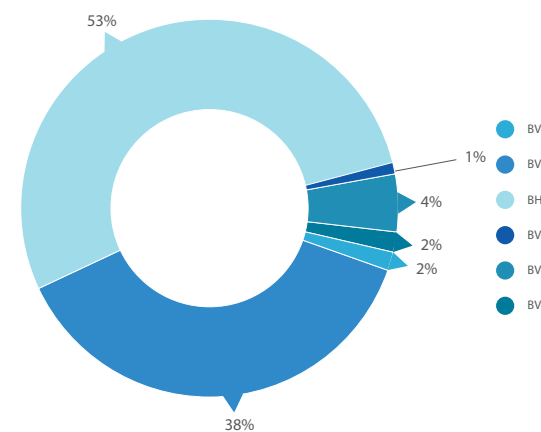
Cơ cấu tuyển dụng theo giới tính - Nam



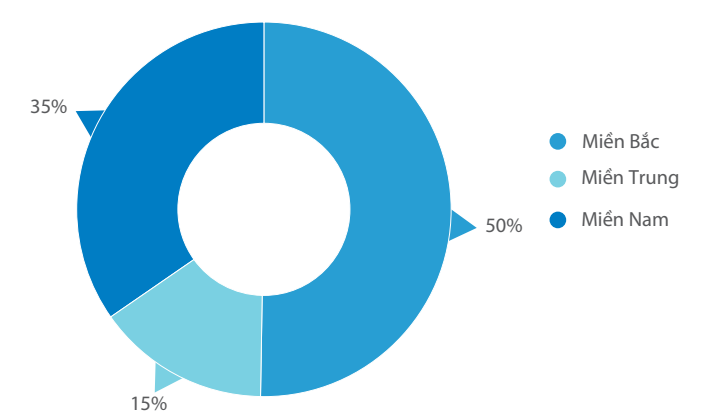
Cơ cấu tuyển dụng theo nhóm tuổi



Cơ cấu tuyển dụng theo giới tính - Nữ



Cơ cấu tuyển dụng theo khu vực



TỔ CHỨC CHƯƠNG TRÌNH THỰC TẬP SINH TIỀM NĂNG 2017-2018

CHƯƠNG TRÌNH THỰC TẬP SINH TIỀM NĂNG 2017 - 2018

SẴN SÀNG ĐI TRƯỚC VỮNG BƯỚC TƯƠNG LAI

Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (Bảo Việt Nhân thọ - BẢO VIỆT LIFE) tuyển chọn Tập đoàn Bảo Việt, Bộ Tài Chính, ngân hàng và doanh nghiệp thành viên trong Bảo Việt Nhân thọ (Bảo Việt Nhân thọ và các công ty con) tuyển chọn sinh viên tốt nghiệp THPT và các trường đại học trong nước và nước ngoài, trình độ tương đương sinh viên năm 3, 4, 5 của các trường đại học, trình độ trung bình (GPA) tích lũy 7.0/10 hoặc tương đương trở lên sẽ có cơ hội được bố trí thực tập tại các vị trí như: Chuyên viên Phát triển kinh doanh/ Hỗ trợ kinh doanh; Chuyên viên Dịch vụ khách hàng hoặc thực tập tại các Phòng/ Dự án theo nhu cầu (vị trí Văn thư lưu trữ, Kế toán, Actuary, Hỗ trợ kinh doanh, ...)

Ưu đãi thực tập:
 - Trãi nghiệm môi trường chuyên nghiệp, năng động
 - Rèn luyện tác phong làm việc nơi công sở
 - Được hỗ trợ chi phí trong thời gian thực tập

Thời gian thực tập:
 - Thời gian thực tập: 03 tháng
 - Địa điểm thực tập: Tập đoàn Bảo Việt hoặc các Công ty thành viên tại 63 tỉnh thành.

Ứng tuyển trực tiếp tại:
 - Địa điểm thực tập: Tập đoàn Bảo Việt hoặc các Công ty thành viên tại 63 tỉnh thành.
 - Liên hệ: 024.6251.7777 (15/11/18)

THỰC TẬP ĐỢT 1: 15/10/2017 - 01/11/2017
THỰC TẬP ĐỢT 2: 15/12/2017 - 03/01/2018

BAOVIET Life
 bảo Việt Nhân thọ

Với mạng lưới 75 công ty thành viên và hơn 300 điểm phục vụ khách hàng trên toàn quốc, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ tổ chức chương trình tìm kiếm các sinh viên hội đủ những điều kiện để tham gia chương trình Thực Tập Sinh Tiềm Năng 2017-2018

Các bạn sinh viên năm cuối hoặc vừa mới tốt nghiệp từ các trường đại học chính quy trong nước và nước ngoài Khối/Ngành Kinh tế, Kế toán-Kiểm toán, Tài chính chính, Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Marketing với điểm trung (GPA) tích lũy 7.0/10 hoặc tương đương trở lên sẽ có cơ hội được bố trí thực tập tại các vị trí như: Chuyên viên Phát triển kinh doanh/ Hỗ trợ kinh doanh; Chuyên viên Dịch vụ khách hàng hoặc thực tập tại các Phòng/ Dự án theo nhu cầu (vị trí Văn thư lưu trữ, Kế toán, Actuary, Hỗ trợ kinh doanh, ...)

Các thực tập sinh được lựa chọn tham gia chương trình sẽ được trải nghiệm thực tế trong môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo. Các em cũng được xây dựng tác phong làm việc nơi công sở, hoàn thiện kỹ năng mềm và được hỗ trợ chi phí thực tập. Sau thời gian thực tập, các sinh viên được chọn hoàn toàn có thể được Bảo Việt Nhân thọ đánh giá, tuyển dụng chính thức



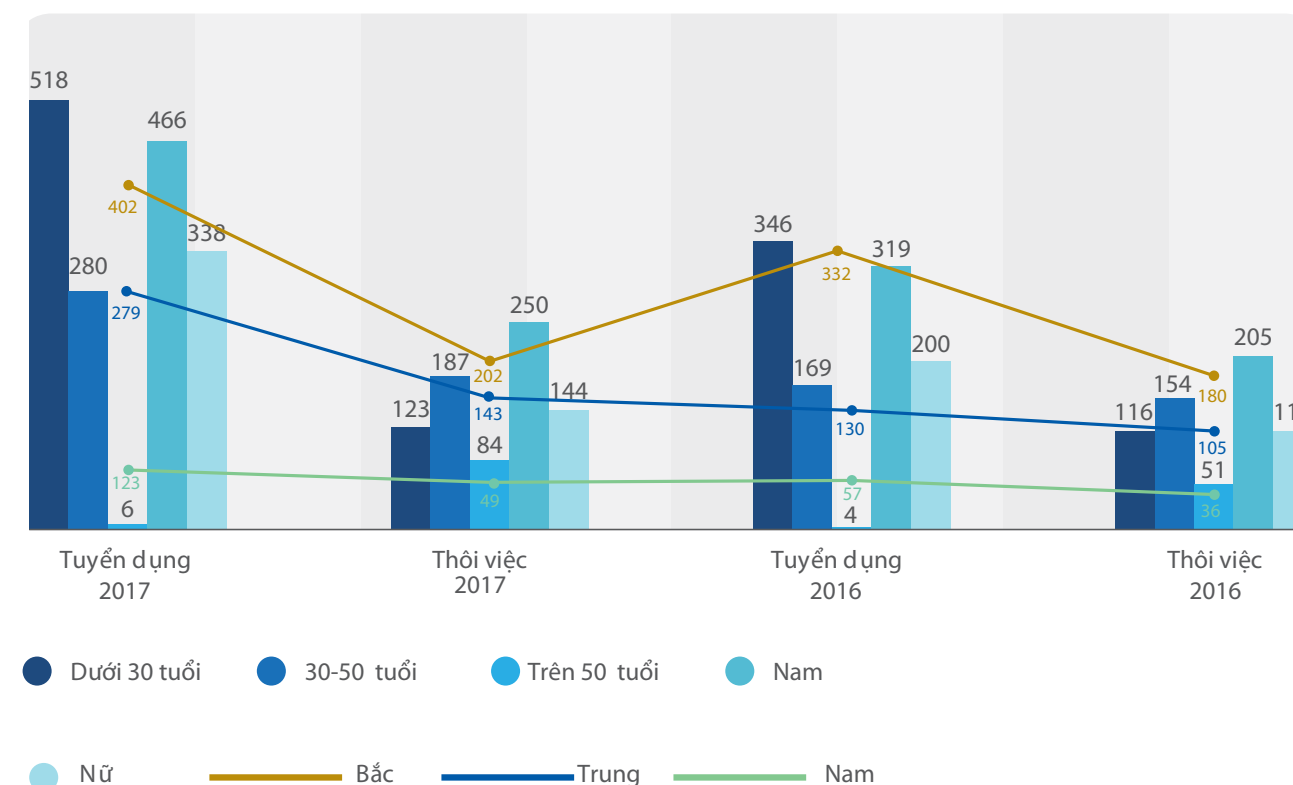
BIẾN ĐỘNG LAO ĐỘNG

Năm 2017, thị trường kinh doanh có nhiều thay đổi tích cực, cơ hội việc làm tăng, nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, ngân hàng tăng cao, dẫn đến sự gia tăng cạnh tranh, thu hút lao động trên thị trường. Về phía người lao động (đặc biệt là lao động có trình độ chuyên môn cao) có nhiều cơ hội để lựa chọn việc làm tốt hơn, phù hợp với năng lực, nhu cầu của bản thân. Trước bối cảnh đó, năm 2017, Bảo Việt có biến động lao động tăng so với năm trước, cụ thể: tổng số lao động thôi việc tại Bảo Việt năm 2017 là 395 người, tương đương với tỷ lệ thôi việc năm 2017 là 6,6%. Về cơ cấu lao động thôi việc, năm 2017, tỷ lệ thôi việc của Nam là 4,2%, của Nữ là 2,4%; về nhóm tuổi, năm 2017, tỷ lệ thôi việc của lao động từ 30-50 tuổi ở mức cao nhất, chiếm 3,1%, tỉ lệ thôi việc của lao động ở 02 nhóm tuổi dưới 30 và trên 50 tương đương nhau, lần lượt là 2,1% và 1,4%; về khu vực địa lý, năm 2017, các đơn vị thuộc khu vực miền Bắc và miền Nam có tỷ lệ thôi việc cao so với các đơn vị ở khu vực miền Trung, tỷ lệ thôi việc ở 03 khu vực Bắc, Trung, Nam lần lượt là 3,4%, 0,8% và 2,4%.

Chỉ tiêu tuyển dụng		Độ tuổi			Giới tính		Khu vực			
		<30	30-50	>50	Nam	Nữ	Bắc	Trung	Nam	
Số lượng lao động thôi việc năm 2017	Số lượng (người)	123	188	84	250	144	203	49	143	395
	Tỷ lệ (%)	2,1%	3,1%	1,4%	4,2%	2,4%	3,4%	0,8%	2,4%	6,6%
Số lượng lao động thôi việc năm 2016	Số lượng (người)	116	154	51	205	116	180	36	105	321
	Tỷ lệ (%)	2,1%	2,7%	0,9%	3,6%	2,1%	3,2%	0,6%	1,9%	5,7%

Tuyển dụng thôi việc 2017 - 2016

Đơn vị: Người



AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Bảo Việt hiểu rằng để tổ chức có thể thành công và đi đến đích cần dựa vào đội ngũ nhân lực với sự quyết tâm và đồng lòng vì mục tiêu chung. Vì vậy, Bảo Việt luôn trân trọng những đóng góp và cống hiến của đội ngũ cán bộ cho thành công chung của Bảo Việt, đồng thời đảm bảo các quyền lợi và điều kiện an toàn lao động, sức khỏe cho người lao động trong thời gian công tác tại doanh nghiệp.

Bảo Việt nỗ lực đem tới môi trường làm việc chuyên nghiệp đảm bảo an toàn sức khỏe, tổ chức các chương trình chăm sóc sức khỏe, chính sách lương thưởng và hệ thống phúc lợi cạnh tranh với thị trường nhằm đảm bảo về mặt vật chất nhưng cũng là sự nhìn nhận của Bảo Việt đối với sự gắn bó và cam kết với công việc của cán bộ. Các chương trình và chính sách của Bảo Việt nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn tài chính trước những rủi ro không mong muốn, an toàn nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ nhân viên được thể hiện theo các nội dung sau đây:



CHÍNH SÁCH CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI THÂN

Kết quả khảo sát năm 2017 của Bảo Việt về sự hài lòng của nhân viên cho thấy trên 92% người lao động cảm thấy rất hài lòng với các chế độ phúc lợi ngoài tiền lương mà Bảo Việt đang áp dụng. Hiểu được mong muốn, nhu cầu của người lao động, Bảo Việt đã không ngừng cải thiện chính sách phúc lợi cho người lao động để họ yên tâm công tác, cống hiến và gắn bó lâu dài với Bảo Việt.

Ngoài các chính sách bảo hiểm sức khỏe toàn diện, bảo hiểm tử kỳ nhóm, bảo hiểm kết hợp con người và bảo hiểm cho người nhà đã triển khai từ trước, Bảo Việt bổ sung thêm các hình thức bảo hiểm mới gồm:

- Triển khai áp dụng các loại hình bảo hiểm Phi nhân thọ bao gồm: Bảo hiểm sức khỏe (Health care), Bảo hiểm bệnh ung thư K-Care, Bảo hiểm cho người thân.
- Bên cạnh đó còn có các loại hình bảo hiểm nhân thọ khác như Bảo hiểm Hưu trí Vững nghiệp, và An phát Trọn đời tại Tập đoàn Bảo Việt và một số đơn vị thành viên nhằm thu hút, duy trì, phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn, đảm bảo nguồn nhân lực của Tập đoàn phát triển bền vững, gắn bó lâu dài, yên tâm phát triển sự nghiệp tại Tập đoàn, đồng thời giúp cho người được bảo hiểm nâng cao đời sống, có thêm thu nhập bổ sung ổn định ngoài phần lương hưu, đảm bảo cuộc sống thư thái, độc lập về tài chính, có khả năng tiếp tục trợ giúp người thân sau khi nghỉ hưu và bảo vệ trước những rủi ro trong cuộc sống và trong quá trình làm việc.

Năm 2017, Bảo Việt tiếp tục thể hiện sự quan tâm đến sức khỏe của người lao động thông qua việc thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, với danh mục khám được mở rộng hơn, gia tăng quyền lợi tối đa cho người lao động.

Với thể mạnh về sản phẩm bảo vệ khách hàng trước các rủi ro về sức khỏe, Bảo Việt thường xuyên tổ chức các chương trình tư vấn với sự tham gia của các chuyên gia và bác sỹ dành cho khách hàng nội bộ và cán bộ nhân viên nhằm tăng cường các kiến thức bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, đặc biệt là đối với lao động nữ.

Bên cạnh đó, các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe của cán bộ được chúng tôi khuyến khích thông qua việc tổ chức các lớp học, các câu lạc bộ như lớp học Yoga, câu lạc bộ bóng bàn, lớp học khiêu vũ, giải thi đấu tennis, giải giao hữu bóng đá. Tại một số đơn vị của Bảo Việt đã xây dựng phòng tập thể dục tạo điều kiện cho cán bộ tập luyện ngoài giờ làm.

Đối với các cán bộ nghỉ hưu, ngoài việc tổ chức thăm hỏi, tặng quà nhân các dịp Quốc tế Người cao tuổi; Tết Âm lịch, Bảo Việt vẫn duy trì mua bảo hiểm kết hợp con người hàng năm với mức trách nhiệm bồi thường là 20.000.000 đồng/người.

CHẾ ĐỘ NGHỈ THAI SẢN DÀNH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Bảo Việt áp dụng chính sách nghỉ thai sản đối với lao động nữ tuân thủ quy định của pháp luật lao động và vận dụng chính sách khen thưởng, phúc lợi, bảo hiểm sức khỏe và các loại bảo hiểm gia tăng khác; đồng thời người lao động vẫn được bình xét thi đua hằng năm, xét năng lương định kỳ và được đánh giá hiệu quả làm việc làm cơ sở xét thưởng hiệu quả làm việc hằng năm và các chế độ phúc lợi có liên quan.

Năm 2017, số lao động thực tế nghỉ thai sản là 169 người, tương ứng 2,8% tổng số lao động, bằng 42% so với tổng số lao động nghỉ thai sản năm 2016; trong đó, lao động Nam có vợ sinh con được nghỉ thai sản là 21 người, bằng 0,6% tổng số lao động Nam, lao động Nữ nghỉ sinh con là 148 người, bằng 5,3% tổng số lao động Nữ.

Tính đến hết ngày 31/12/2017, đã có 137 lao động quay trở lại làm việc sau kỳ nghỉ thai sản, đạt 81,1%; trong đó, lao động Nam quay trở lại làm việc 100% và số lao động Nữ quay trở lại làm việc là 116 người, đạt 78,4%. Số lao động Nữ còn lại sẽ trở lại làm việc trong năm 2018 sau khi kết thúc thời gian nghỉ thai sản theo chế độ. Bảo Việt cam kết và luôn đảm bảo việc làm đầy đủ cho số lao động nghỉ thai sản được trở lại làm việc tại vị trí cũ sau khi kết thúc thời gian nghỉ. Năm 2017, tỷ lệ cán bộ tiếp tục ở lại làm việc tại Bảo Việt sau khi kỳ nghỉ thai sản kết thúc đạt 99,3%; trong đó nam đạt 100%, nữ đạt 94%.

Chính sách này đảm bảo cho người lao động yên tâm nghỉ ngơi chăm sóc con cái và phục hồi sức khỏe sau khi sinh và để có đủ sức khỏe cần thiết để tiếp tục làm việc theo yêu cầu của tổ chức sau khi kết thúc thời gian nghỉ thai sản.

Đối với lao động nữ, trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi được Bảo Việt tạo điều kiện rút ngắn thời gian làm việc 1 giờ/ngày so với các lao động khác. Lao động nữ có thể đăng ký đi làm muộn hoặc về sớm so với thời gian làm việc tiêu chuẩn theo quy định của Bảo Việt và đảm bảo rằng tổng số giờ đi muộn và/hoặc về sớm không vượt quá 1 giờ theo quy định của Bảo Việt và pháp luật lao động.

PHÂN CÔNG CÁN BỘ THAM GIA MẠNG LƯỚI AN TOÀN, VỆ SINH VIÊN TOÀN TẬP ĐOÀN

Căn cứ điều 74, Luật An toàn vệ sinh lao động 2015, mỗi Ban chức năng trong Tập đoàn Bảo Việt cần phải có ít 01 cán bộ kiêm nhiệm công tác an toàn, vệ sinh viên. An toàn vệ sinh viên (WHSO) là người kiêm nhiệm công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ ở Ban chức năng. An toàn vệ sinh viên là người lao động trực tiếp, am hiểu chuyên môn và kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động; tự nguyện và gương mẫu trong việc chấp hành các quy định an toàn, vệ sinh lao động.

An toàn vệ sinh viên có trách nhiệm trong công tác tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn mọi người nâng cao nhận thức về bảo hộ lao động và chấp hành tốt công tác an toàn vệ sinh lao động. Đồng thời, các An toàn vệ sinh viên cũng cần phải phát huy tính tích cực của cán bộ, nhân viên trong hoạt động phong trào bảo hộ lao động, từ đó góp phần thực hiện hiệu quả việc phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, cháy nổ, bảo vệ môi trường, Bên cạnh đó cũng phải phát hiện, ngăn chặn kịp thời những thiếu sót tồn tại, những biểu hiện vi phạm pháp luật bảo hộ lao động và quy định về an toàn vệ sinh lao động.

- Pháp luật bảo hộ lao động
- Vệ sinh lao động
- Kỹ thuật an toàn
- Kỹ thuật phòng chống cháy nổ

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Trong xu thế hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, Bảo Việt xác định đây vừa là cơ hội, vừa là thách thức để duy trì và phát triển các thành tựu đã đạt được. Nhận thức rõ việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là xu thế chung, Bảo Việt đã đầu tư xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng để tạo lợi thế cạnh tranh.

Mục tiêu chiến lược của Bảo Việt trong giai đoạn 2016-2020 là quản trị đào tạo theo mô hình tập trung – Công ty Mẹ Tập đoàn định hướng, chủ trì thực hiện công tác đào tạo đẩy mạnh cả về chiều rộng lẫn chiều sâu đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý do Tập đoàn quản lý; tiếp tục hoàn thiện hệ thống Bản đồ học tập và cải tiến, nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo theo hướng hiện đại, thiết thực, đồng bộ và theo thông lệ quốc tế; không ngừng nâng cao tỉ lệ cán bộ được tham gia các chương trình đào tạo chuyên môn nghiệp vụ và ngoại ngữ, phấn đấu mục tiêu đến năm 2020, tỉ lệ cán bộ được tham gia đào tạo là 95%, nâng số cán bộ đạt chuẩn theo chỉ tiêu đào tạo của Tập đoàn là 100%.

ĐẦU TƯ CHO HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua các hoạt động đào tạo là một trong những giải pháp xuyên suốt được Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Tập đoàn chỉ đạo thực hiện trong suốt những năm qua và đặc biệt là trong năm 2017, nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, sẵn sàng đối mặt và vượt qua những thách thức lớn trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Cùng với việc tập trung hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại, cán bộ nhân viên Bảo Việt liên tục tự nâng cấp trình độ chuyên môn thông qua các chứng chỉ chuyên môn quốc tế như:

Với đội ngũ cán bộ quản lý, thực hiện Chiến lược phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2016-2020, Đề án hợp lực, định hướng quản lý cán bộ tập trung và quy định phân cấp quản lý cán bộ của Tập đoàn, năm 2017, cùng với phương châm hoạt động “Đầu tư chiều sâu vì sự phát triển bền vững”, Bảo Việt đẩy mạnh hoạt động đào tạo nâng cao chất lượng cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp tại Công ty mẹ Tập đoàn và tại các đơn vị thành viên. Đặc biệt trong năm 2017, Trung tâm Đào tạo Bảo Việt đã xây dựng và tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản trị điều hành doanh nghiệp toàn diện cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý tại các đơn vị thành viên thuộc phạm vi quản lý của Tập đoàn.

Kết quả đào tạo năm 2017, Bảo Việt đã dành ngân sách hơn 15 tỷ đồng (tăng 1 tỷ đồng so với năm 2016) để đầu tư cho các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực. Trong năm, tiến hành đào tạo cho 4.323 cán bộ, bằng 71,7% tổng số lao động, với 11.289 lượt tham gia đào tạo, tương ứng 2,6 lượt đào tạo/người/năm (tăng 37,6% so với năm 2016); tổng số giờ đào tạo trong năm là 161.811 giờ (tăng 15,4% so với năm 2016), số giờ đào tạo bình quân 1 người/năm 2017 là 26,8 giờ/người, tăng 8% so với số giờ đào tạo bình quân/người năm 2016. Năm 2017, Bảo Việt cũng ghi nhận việc đầu tư mạnh mẽ cho công tác đào tạo cán bộ quản lý thuộc phạm vi công ty mẹ và cán bộ quản lý tại các đơn vị thành viên thuộc phạm vi quản lý của Tập đoàn.. Cụ thể, Bảo Việt đã đào tạo cho 3.488 lượt cán bộ quản lý (tăng 44% so với năm 2016), trong đó, số lượt đào tạo CB quản lý cấp cao là 137 lượt, CB quản lý cấp trung là 3.351 lượt; tổng số giờ đào tạo cho CB quản lý năm 2017 là 56.711 giờ đào tạo (tăng 55% so với năm 2016), số giờ đào tạo bình quân/năm của CB quản lý là 66,1 giờ/người, bằng 93,2% so với năm 2016 (do số CB quản lý năm 2017 nhiều hơn số CB quản lý năm 2016 là 343 người, tương ứng tăng 67%). Đối với đội ngũ nhân viên, Bảo Việt cũng đã dành ngân sách, nguồn lực đáng kể để đầu tư cho hoạt động đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, thái độ, nhận thức, kỹ năng chuyên môn, cho đội ngũ nhân viên. Cụ thể, số lượt đào tạo dành cho nhân viên năm 2017 là 7.801 lượt người (tăng 31% so với năm 2016), số giờ đào tạo dành cho nhân viên là 105.100 giờ (tăng 1% so với năm 2016). Về chương trình đào tạo, năm 2017, Bảo Việt đặc biệt chú trọng đẩy mạnh đào tạo theo BDHT chuyên môn nghiệp vụ (cả về số lượt tham gia và số giờ đào tạo) nhằm nâng cao kỹ năng bán hàng, dịch vụ KH, chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên trong bối cảnh yêu cầu công việc ngày càng tăng. Cụ thể, Bảo Việt đã tổ chức cho 6.745 lượt đào tạo CMNV trong năm (tăng 37% so với năm 2016), tổng số giờ đào tạo CMNV là 80.741 giờ (tăng 1% so với năm 2016).

Mục tiêu chiến lược của Bảo Việt trong giai đoạn 2016-2020 là quản trị đào tạo theo mô hình tập trung – Công ty mẹ Tập đoàn định hướng, chủ trì thực hiện công tác đào tạo đẩy mạnh cả về chiều rộng lẫn chiều sâu đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý do Tập đoàn quản lý; tiếp tục hoàn thiện hệ thống Bản đồ học tập và cải tiến, nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo theo hướng hiện đại, thiết thực, đồng bộ và theo thông lệ quốc tế; không ngừng nâng cao tỷ lệ cán bộ được tham gia các chương trình đào tạo chuyên môn nghiệp vụ và ngoại ngữ, phấn đấu mục tiêu đến năm 2020, tỷ lệ cán bộ được tham gia đào tạo là 95%, nâng số cán bộ đạt chuẩn theo chỉ tiêu đào tạo của Tập đoàn là 100%.

Đơn vị: Người

Chỉ tiêu	Năm 2016					Năm 2017					
	Theo giới tính		Theo chức danh		Tổng cộng	Theo giới tính		Theo chức danh			Tổng cộng
	Nam	Nữ	Quản lý	Nhân viên		Nam	Nữ	Quản lý cấp cao	Quản lý cấp trung	Nhân viên	
Số giờ đào tạo	77.582	62.605	36.521	103.666	140.187	97.853	63.958	5.141	51.570	105.100	161.811
Theo bản đồ học tập chung	22.577	20.059	18.920	23.716	42.636	21.196	16.659	64	13.432	24.359	37.855
Theo chuyên môn nghiệp vụ	55.005	42.546	17.601	79.950	97.551	76.657	47.299	5.077	38.138	80.741	123.956
Số lượt đào tạo	4.476	3.882	2.422	5.936	8.358	7.406	3.883	137	3.351	7.801	11.289
Theo bản đồ học tập chung	989	895	885	999	1.884	876	630	2	448	1.056	1.506
Theo chuyên môn nghiệp vụ	3.487	2.987	1.537	4.937	6.474	6.530	3.253	135	2.903	6.745	9.783
Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2017	3.085	2.533	515	5.103	5.618	3.253	2.779	49	809	5.174	6.032
Số giờ đào tạo bình quân/người/năm	25,1	24,7	70,9	20,3	25,0	30,1	23,0	104,9	63,7	20,3	26,8

ĐIỀU ĐỘNG, LUÂN CHUYỂN CÁN BỘ

Bảo Việt chú trọng thực hiện giải pháp phát triển nguồn nhân lực thông qua điều động, luân chuyển cán bộ để đảm nhận các vị trí công việc khác nhau trong nội bộ Tập đoàn, các đơn vị thành viên và giữa Tập đoàn với các đơn vị thành viên trong hệ thống Bảo Việt. Điều động, luân chuyển là một trong những giải pháp làm giàu công việc, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng quản lý, khả năng giải quyết công việc của cán bộ ở nhiều vị trí khác nhau trong tổ chức; để rèn luyện, thử thách bản lĩnh, khả năng thích nghi của cán bộ trong những môi trường/điều kiện làm việc khác nhau; phát huy tối đa khả năng, tiềm năng vốn có của cán bộ, tạo nhân tố mới để thúc đẩy sự phát triển của đơn vị, tổ chức. Công tác điều động, luân chuyển cán bộ được Bảo Việt cụ thể hoá thành quy chế, quy định do Hội đồng Quản trị ban hành và tiến hành dựa trên kế hoạch cụ thể và nhu cầu công việc thực tế của mỗi đơn vị.

Năm 2017, Bảo Việt thực hiện điều động, luân chuyển vị trí làm việc, đơn vị công tác đối với 122 cán bộ để đáp ứng nhu cầu kinh doanh, quản lý của các Khối/Trung tâm Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Bảo Việt. Trong đó, số cơ cấu cán bộ được điều động theo độ tuổi từ 30-50 chiếm tỷ lệ cao nhất (65 người, chiếm 53%), tiếp đến là cán bộ dưới 30 tuổi (47 người, chiếm 39%), thấp nhất là cán bộ trên 50 tuổi (với 10 người, tương ứng 8%); số cán bộ Nam được điều động là 85 người, chiếm 70% và số cán bộ Nữ được điều động là 37 người, chiếm 30%; về khu vực địa lý, cán bộ tại các đơn vị miền Bắc được điều động nhiều nhất với 95 người, chiếm 78%, còn lại 12% cán bộ được điều động thuộc các đơn vị ở khu vực miền Trung và miền Nam. Mỗi cán bộ được điều động, luân chuyển đều đã thể hiện được khả năng của mình, có thái độ, hành vi, hiệu quả làm việc tích cực, góp phần tạo nên thành công chung cho đơn vị mà cán bộ được điều động và được đơn vị ghi nhận, tưởng thưởng xứng đáng.

SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

Về cơ cấu cán bộ, Bảo Việt tiếp tục duy trì tỉ lệ hợp lý giữa cán bộ quản lý và nhân viên, đảm bảo tính tối ưu trong quản trị, điều hành doanh nghiệp. Trong bộ máy quản lý điều hành của Bảo Việt đều có sự tham gia của nữ cán bộ.

Bảo Việt hiểu rằng để tổ chức có thể thành công và đi đến đích cần dựa vào đội ngũ nhân lực với sự quyết tâm và đồng lòng vì mục tiêu chung. Bảo Việt luôn trân trọng những đóng góp và cống hiến của đội ngũ cán bộ cho thành công chung của Bảo Việt bằng cách áp dụng các chính sách lương thưởng, bổ nhiệm và hệ thống phúc lợi cạnh tranh với thị trường nhằm đảm bảo về mặt vật chất nhưng cũng là sự nhìn nhận của Bảo Việt đối với sự gắn bó và cam kết với công việc của cán bộ. Bên cạnh đó, Bảo Việt thực thi các chính sách đảm bảo đối xử công bằng với người lao động, đảm bảo cơ hội bình đẳng trong các hoạt động đào tạo, phát triển, thăng tiến.

- Cơ cấu lao động cấp quản lý và nhân viên
- Đối xử công bằng với người lao động
- Quản lý và trả lương theo hiệu quả làm việc
- Bổ nhiệm cán bộ theo hiệu quả làm việc
- Các vụ việc phân biệt đối xử và các hành động khắc phục đã thực hiện

CƠ CẤU LAO ĐỘNG CẤP QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Tại Bảo Việt, năm 2017, số lượng cán bộ quản lý cấp cao trong Hội đồng Quản trị/Hội đồng thành viên và các Ủy ban tư vấn thuộc Hội đồng Quản trị/Hội đồng thành viên là 39 người. Về cơ cấu, cán bộ Nam chiếm đa số so với cán bộ Nữ trong tổng số các Thành viên HĐQT/HĐTV và các Ủy viên Ủy ban với 90% là cán bộ Nam và 10% là cán bộ Nữ; về độ tuổi cán bộ, cán bộ có trình độ chuyên môn và thâm niên nghề nghiệp cao trong độ tuổi từ 30-50 và trên 50 tuổi chiếm đa số lần lượt chiếm 72% và 28%, không có cán bộ ở độ tuổi dưới 30 trong đội ngũ quản trị doanh nghiệp của Bảo Việt. Bảo Việt ưu tiên và duy trì tỉ lệ hợp lý về cơ cấu cán bộ quản lý cấp cao trong HĐQT/HĐTV và các Ủy ban tư vấn giúp việc thuộc HĐQT/HĐTV để đảm bảo thực hiện thành công sứ mệnh, chiến lược, mục tiêu phát triển bền vững của Bảo Việt. Theo đó, cán bộ được lựa chọn, bổ nhiệm nắm giữ các chức vụ quan trọng này đều là các chuyên gia, chuyên viên cao cấp có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm quản trị điều hành doanh nghiệp trong các lĩnh vực hoạt động chủ chốt của Bảo Việt như tài chính, bảo hiểm, đầu tư, quản lý rủi ro, nhân sự, pháp lý, công nghệ, ...

ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Việc đối xử công bằng với người lao động có vai trò quan trọng trong việc hình thành một môi trường làm việc tốt, tạo động lực cho nhân viên, phát huy khả năng, gắn bó với Bảo Việt. Các hoạt động trong chính sách nhân sự của Bảo Việt đều hướng tới các mục tiêu chính:

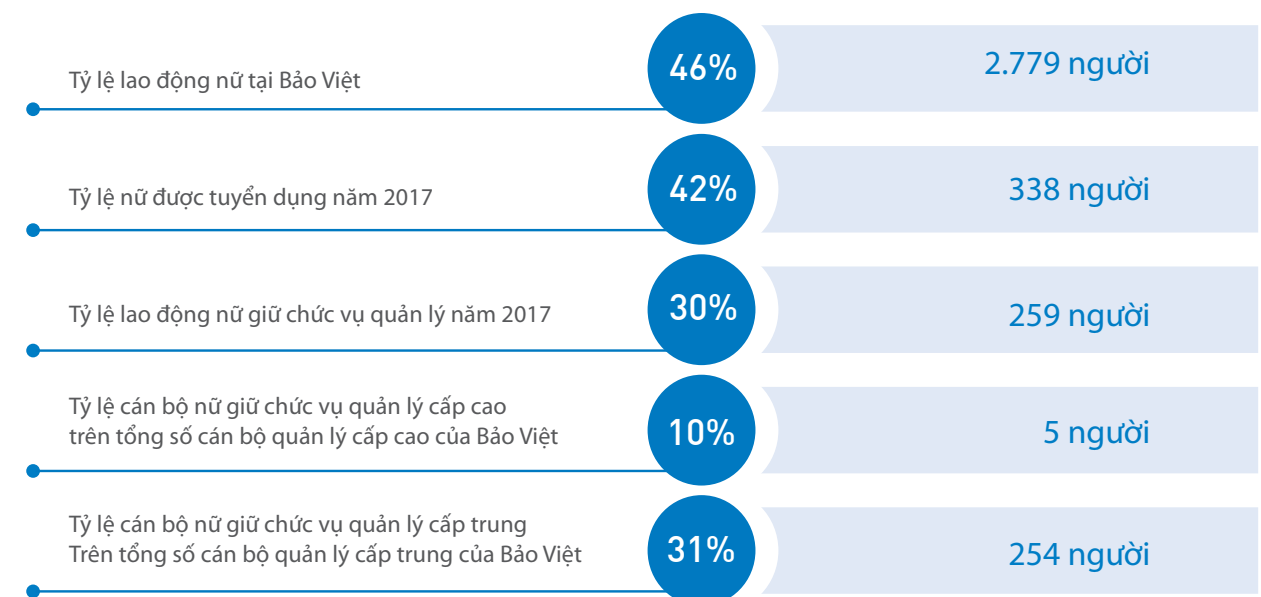
- Không phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, màu da, thành phần xã hội, tình trạng hôn nhân, tín ngưỡng, tôn giáo, tình trạng sức khỏe hoặc vì lý do thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn theo quy định của pháp luật lao động.
- Trả lương công bằng cho nhân viên theo thành tích
- Tôn trọng và lắng nghe ý kiến của người lao động. Mọi nhân viên đều có quyền đóng góp ý kiến vào việc xây dựng và phát triển Bảo Việt.
- Mọi nhân viên có cơ hội như nhau trong hoạt động đào tạo, phát triển và thăng tiến.

Bảo Việt khuyến khích và tạo điều kiện thời gian, kinh phí để các bộ nữ tham gia các khóa đào tạo theo bản đồ học tập chung, bản đồ chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao kiến thức, trình độ, kỹ năng chuyên môn và kỹ năng quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu công việc và mục tiêu phát triển bền vững của Bảo Việt.

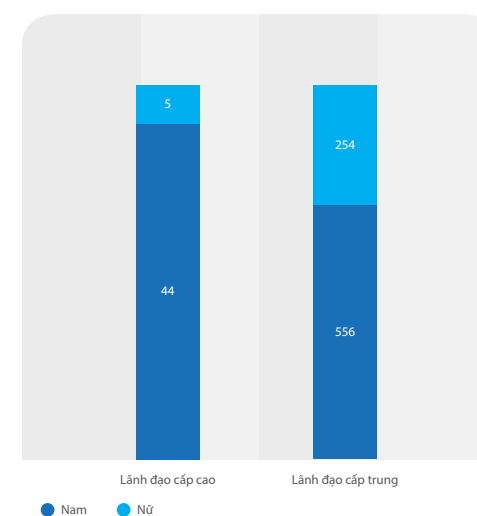
Năm 2017, số lao động Nữ tham gia đào tạo là 1.800 người (bằng 64,8% tổng số lao động Nữ), số lượt đào tạo là 3.883 lượt (bằng 100% so với năm 2016) và số giờ đào tạo 63.958 giờ (tăng 2% so với năm 2016), số giờ đào tạo bình quân năm 2017 của 1 lao động Nữ là 23 giờ/người (bằng 93,1% năm 2016). Ngoài ra, lao động nữ cũng được Bảo Việt hỗ trợ kinh phí để tham gia ôn thi lấy chứng chỉ quốc tế các chương trình bảo hiểm nhân thọ (LOMA), bảo hiểm phi nhân thọ (ANZIIF), kế toán-kiểm toán-tài chính (ACCA, CPA, CFA), quản lý dự án (PMP) và một số chứng chỉ quốc tế trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

Cùng với tổ chức Công đoàn, “Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ” của Bảo Việt giữ vai trò quan trọng trong việc trong việc đưa vấn đề giới vào quá trình xây dựng, thực hiện chính sách nhân sự tại Bảo Việt; đảm bảo các cán bộ nữ được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước và chế độ phúc lợi như: BHXH bắt buộc, nghỉ hằng năm, nghỉ theo chế độ BHXH, tham gia các loại hình bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, khám sức khỏe định kỳ và sinh hoạt văn hóa doanh nghiệp.

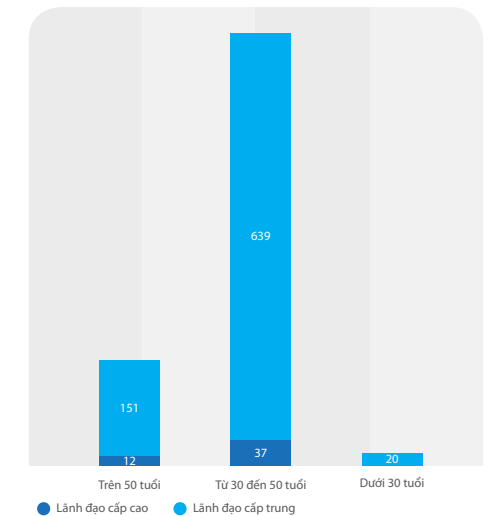
Trong cơ cấu tổ chức, bộ máy quản trị điều hành của Bảo Việt đều có sự tham gia của cán bộ nữ, cụ thể:



Cơ cấu lãnh đạo theo giới tính



Cơ cấu lãnh đạo theo độ tuổi



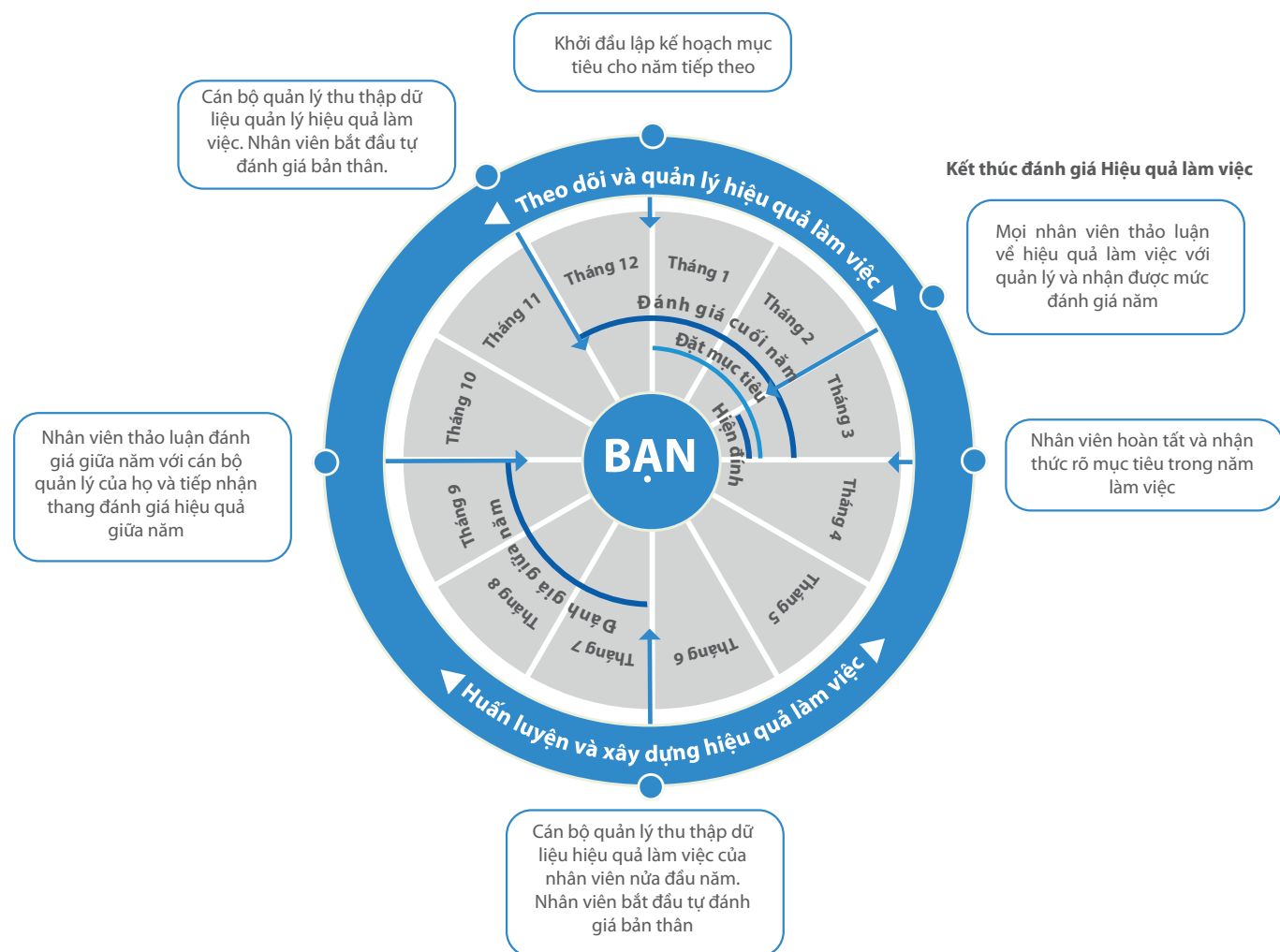
QUẢN LÝ VÀ TRẢ LƯƠNG THEO HIỆU QUẢ LÀM VIỆC

Chính sách quản lý hiệu quả làm việc

Năm 2017, Bảo Việt tiếp tục duy trì chính sách quản lý hiệu quả làm việc nhằm thiết lập, kiểm soát, đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu, phân loại hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân, làm căn cứ xem xét điều chỉnh lương hằng năm và thưởng hiệu quả làm việc đối với cá nhân người lao động dựa trên thành tích, mức độ đóng góp vào thành công của tổ chức; góp phần tạo cơ chế thu nhập công bằng, cạnh tranh trong chính sách lương của Bảo Việt.

Năm 2017, để đáp ứng yêu cầu thực tế, Bảo Việt đã ban hành quy định quản lý hiệu quả làm việc mới trên cơ sở nghiên cứu, đổi mới quy định hiện nay. Quy định mới bổ sung cơ chế thưởng chỉ tiêu phân loại hiệu quả làm việc mức Loại 1 và Loại 2 cho các đơn vị cấp Khối/Trung tâm hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ/mục tiêu hoạt động trong năm 2017; qua đó, những cá nhân xuất sắc và có đóng góp lớn cho tổ chức sẽ được ghi nhận thêm và tương thưởng xứng đáng. Điều này góp phần tạo ra tính cạnh tranh giữa các đơn vị, bộ phận; tạo động lực làm việc, thúc đẩy tăng năng suất lao động của cá nhân và nâng cao hiệu quả kinh doanh của Bảo Việt.

Quy trình quản lý hiệu quả làm việc của Bảo Việt



TỶ LỆ PHẦN TRĂM NHÂN VIÊN ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ LÀM VIỆC ĐỊNH KỲ ĐƯỢC ĐẢM BẢO BỞI KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Năm 2017, tổng số cán bộ được đánh giá hiệu quả làm việc (HQLV) và phát triển nghề nghiệp theo quy định của Bảo Việt trên phạm vi Công ty Mẹ Tập đoàn (BVH), Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt (BVF), Trụ sở chính Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV), Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (BVNT), Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) và Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt (BVI) là 3.001 người, bằng 99% tổng số lao động thuộc đối tượng đánh giá hiệu quả làm việc (HQLV). Kết quả xếp loại HQLV được sử dụng làm căn cứ tính thưởng HQLV năm 2017, xem xét điều chỉnh lương bổ sung, trả thưởng, phúc lợi, đào tạo và các chính sách điều động, luân chuyển khác theo quy định của Bảo Việt trong năm 2017.

Năm 2017, bên cạnh việc tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Bảo Việt liên tục cập nhật các xu thế mới về chính sách lương thưởng của thị trường để có thể nâng cao lợi thế cạnh tranh về nguồn nhân lực, dễ dàng thu hút, gìn giữ nguồn lao động có chất lượng cao, tạo động lực làm việc và nâng cao năng suất lao động.

Với chiến lược phát triển nguồn nhân lực đã được Hội đồng Quản trị thông qua, năm 2017, Bảo Việt tiếp tục triển khai chính sách thu nhập gắn liền với hiệu quả làm việc, tham gia khảo sát, điều tra tiền lương thị trường để xác định dải lương, mức lương trả cho người lao động tương ứng với từng cấp bậc công việc, hiệu quả công việc đạt được, đảm bảo công bằng nội bộ và cạnh tranh với bên ngoài.

Năm 2017, tổng số lao động được đánh giá HQLV định kỳ theo quy định của Bảo Việt là 3.001 người, tương đương 99% tổng số lao động thuộc đối tượng đánh giá; trong đó, lao động Nam được đánh giá HQLV là 1.558 người, bằng 52% tổng số lao động, lao động Nữ được đánh giá HQLV là 1.443 người, bằng 48% tổng số lao động. Về nhóm tuổi, lao động trong nhóm tuổi từ 30 đến 50 tuổi được đánh giá HQLV với số lượng lớn nhất là 1.852 người, chiếm 62%, tiếp đến, lao động trong độ tuổi dưới 30 và trên 50 tuổi được đánh giá HQLV lần lượt là 958 người (tương ứng 32%) và 190 người (tương ứng 6%). Lao động được đánh giá hiệu quả làm việc trong năm là đối tượng thỏa mãn các tiêu chí như sau:



Lao động được đánh giá HQLV trong năm thỏa mãn các điều kiện: (i) Thuộc đối tượng đánh giá HQLV theo quy định của các đơn vị; (ii) Có bản mục tiêu làm việc được người quản lý trực tiếp phê duyệt, (iii) có thời gian làm việc tối thiểu theo quy định của Bảo Việt, (iv) có mặt tại thời điểm đánh giá năm 2017 và (v) được hưởng lương từ quỹ tiền lương của đơn vị. Cá nhân được đánh giá HQLV sẽ được xem xét xếp loại các mức (Loại 1) – hoàn thành xuất sắc, (Loại 2) – hoàn thành tốt, (Loại 3) – Hoàn thành và (Loại 4) – Không hoàn thành theo Quy định quản lý HQLV của Bảo Việt.

Lao động được đánh giá HQLV trong năm thỏa mãn các điều kiện: (i) Thuộc đối tượng đánh giá HQLV theo quy định của các đơn vị; (ii) Có bản mục tiêu làm việc được người quản lý trực tiếp phê duyệt, (iii) có thời gian làm việc tối thiểu theo quy định của Bảo Việt, (iv) có mặt tại thời điểm đánh giá năm 2017 và (v) được hưởng lương từ quỹ tiền lương của đơn vị. Cá nhân được đánh giá HQLV sẽ được xem xét xếp loại các mức (Loại 1) – hoàn thành xuất sắc, (Loại 2) – hoàn thành tốt, (Loại 3) – Hoàn thành và (Loại 4) – Không hoàn thành theo Quy định quản lý HQLV của Bảo Việt.

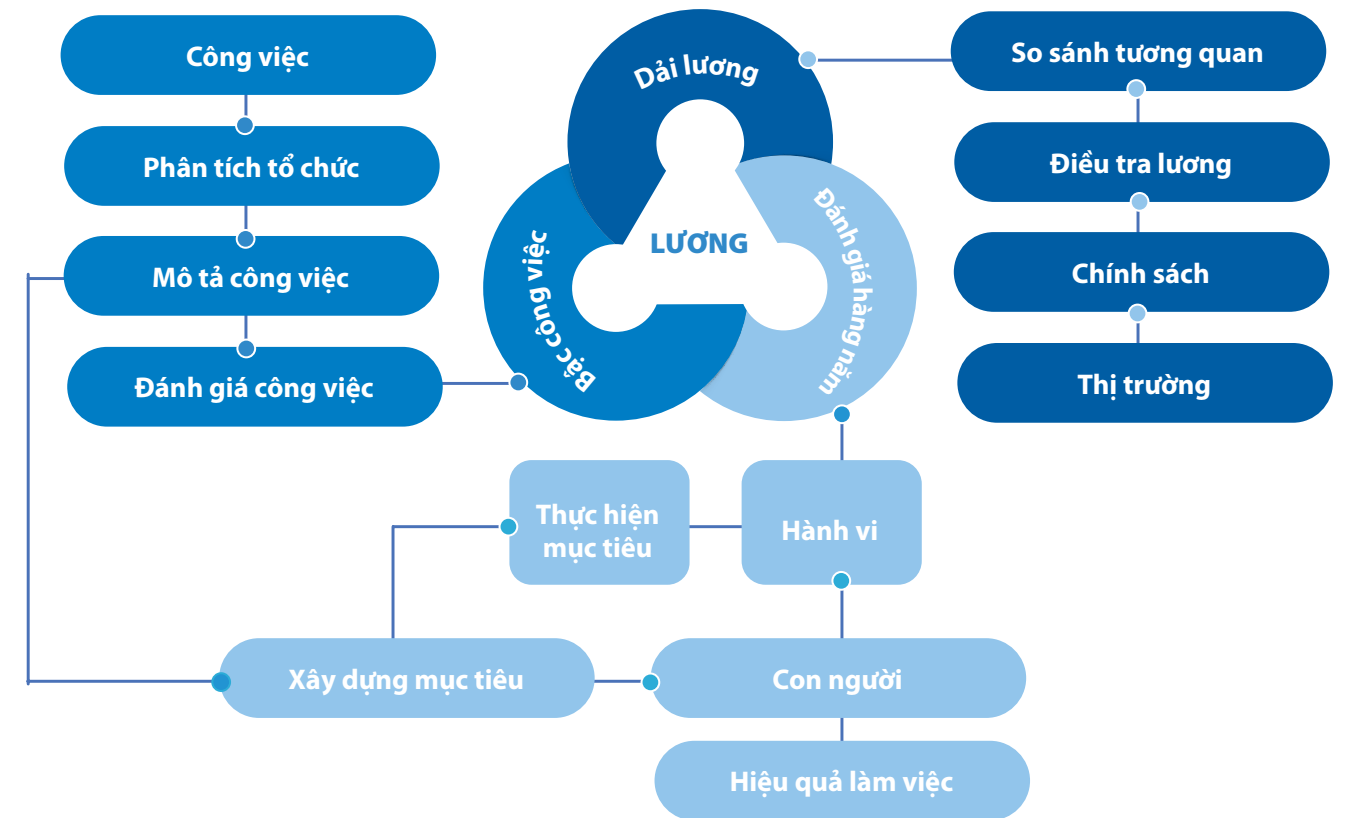
Đơn vị: Người

STT	Đơn vị	Tỉ lệ % lao động (LĐ) được đánh giá HQLV			Lao động được đánh giá HQLV				
		Tổng LĐ	Tổng LĐ được đánh giá HQLV	% LĐ được đánh giá	Nhóm tuổi			Giới tính	
					Dưới 30	30-50 tuổi	Trên 50 tuổi	Nam	Nữ
1	BVH	302	293	97%	55	230	8	185	108
2	BHBV (tại TSC)(*)	501	501	100%	142	326	33	267	234
3	BVNT	1.801	1.801	100%	664	998	139	877	924
4	BVF	53	50	94,34%	10	40	-	27	23
5	BVSC	246	246	100%	62	184	-	126	120
6	BVI	119	110	92%	25	75	10	76	34
	Tổng cộng	3.022	3.001	99%	958	1.853	190	1.558	1.443

(*) Số liệu đánh giá HQLV của BHBV năm 2017 được tính ở phạm vi Trụ sở chính Tổng Công ty.

Chính sách trả lương theo hiệu quả làm việc

Mô hình nền tảng cơ bản hình thành chính sách tiền lương của Bảo Việt



Tiền lương và các khoản tiền thưởng từ quỹ lương của người lao động tại Bảo Việt trong năm 2017

Tiền lương

- Mức lương theo công việc/vị trí chức danh và các khoản phụ cấp lương;
- Mức lương bổ sung;
- Lương cho các ngày nghỉ hàng năm mà người lao động chưa nghỉ;

Tiền thưởng

- Thưởng tháng lương thứ 13;
- Thưởng theo hiệu quả làm việc của cá nhân trong năm.

Kết quả điều chỉnh lương năm 2017

Năm 2017, Bảo Việt có 448 lao động được nâng lương theo vị trí công việc/chức danh định kỳ hằng năm, tương ứng 7,4% tổng số lao động; trong đó, lao động nam được nâng lương là 221 người, tương ứng 6,8% tổng số lao động nam và lao động nữ được nâng lương là 227 người, tương ứng 8,2% tổng số lao động nữ. Đối với việc điều chỉnh lương bổ sung theo HQLV, 100% lao động được đánh giá HQLV trong năm 2016 đã được Bảo Việt xem xét điều chỉnh mức lương trong năm 2017 tương ứng với thành tích và mức xếp loại HQLV của cá nhân trong năm 2016.

BỔ NHIỆM CÁN BỘ THEO HIỆU QUẢ LÀM VIỆC

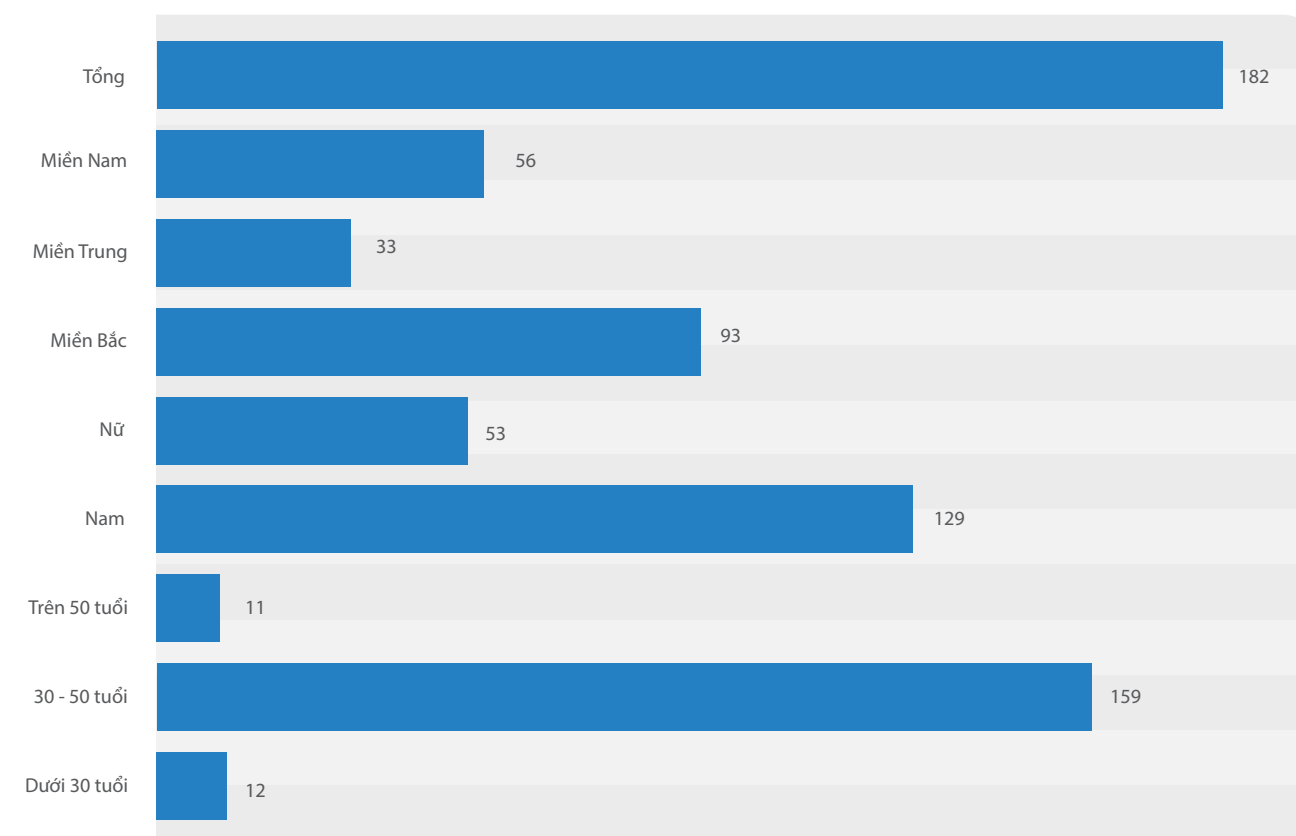
Quy trình đánh giá và bổ nhiệm cán bộ theo hiệu quả làm việc

Năm 2017, Bảo Việt ban hành áp dụng nhiều quy định mới liên quan đến công tác cán bộ trên cơ sở sửa đổi bổ sung các quy định hiện hành, trong đó có quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ và quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý chuyên trách tại Tập đoàn Bảo Việt. Điều này thể hiện sự coi trọng của Bảo Việt đối với công tác cán bộ nhằm chuẩn hóa quy trình, tiêu chuẩn đối với cán bộ ở các cấp, góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và năng lực quản trị điều hành của Bảo Việt trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

Công tác đề bạt, bổ nhiệm cán bộ ở các cấp được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, tuân thủ tuyệt đối các nguyên tắc, trình tự, thủ tục theo quy định của Bảo Việt và pháp luật hiện hành. Năm 2017, Bảo Việt đã thực hiện bổ nhiệm mới 182 cán bộ quản lý các cấp. Trong đó, số cán bộ Nam được bổ nhiệm trong năm là 129 người (tương ứng 71%), cán bộ Nữ được bổ nhiệm là 53 người (tương ứng 29%); số cán bộ trong độ tuổi từ 30-50 tuổi được bổ nhiệm chiếm tỉ trọng lớn nhất 159 người (chiếm 87%), cán bộ trẻ trong độ tuổi dưới 30 tuổi và lao động trên 50 tuổi được bổ nhiệm có số lượng, tỉ lệ tương đương nhau, lần lượt là 12 người (tương ứng 7%) và 11 người (tương ứng 6%); các đơn vị thuộc khu vực miền Bắc có nhu cầu bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý lớn nhất với 93 cán bộ được bổ nhiệm mới, chiếm 51%, số cán bộ còn lại được bổ nhiệm tại các đơn vị thuộc khu vực miền Trung và miền Nam lần lượt là 33 cán bộ (tương ứng 18%) và 56 cán bộ (tương ứng 31%).

Bổ nhiệm cán bộ năm 2017

Đơn vị: Người



SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG

Bảo Việt áp dụng và duy trì chính sách trả lương hướng đến sự công bằng trong nội bộ cho người lao động và gia tăng tính cạnh tranh về tổng thu nhập trên thị trường mục tiêu P50. Mức lương khởi điểm trả cho lao động mới được tuyển dụng không phân biệt Nam, Nữ ở 03 khu vực Bắc, Trung, Nam (Hà Nội, Nghệ An, TP Hồ Chí Minh) và trên cả nước nói chung luôn cao hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Chính phủ. Lao động đã qua đào tạo luôn được trả lương cao hơn mức lương tối thiểu vùng từ trên 10% trở lên so với quy định của Chính phủ (quy định của Chính phủ yêu cầu mức lương tối thiểu trả cho người lao động đã qua đào tạo từ 7% trở lên so với mức lương tối thiểu vùng).

Hàng năm, căn cứ kết quả kinh doanh và hiệu quả làm việc của cá nhân, Bảo Việt thực hiện xem xét, nâng lương cho người lao động để tạo động lực làm việc, tăng mức độ gắn bó với doanh nghiệp và thúc đẩy năng suất lao động của người lao động. Khi Chính phủ có sự điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng, Bảo Việt thực hiện áp dụng điều chỉnh mức lương theo chức danh/công việc mới, qua đó điều chỉnh mức đóng phí các loại bảo hiểm bắt buộc và tăng thu nhập cho người lao động.

Năm 2017, tại Bảo Việt, mức lương thực trả hàng tháng cho nhân viên mới được tuyển dụng không phân biệt Nam, Nữ là 4.129.000 đồng/người/tháng (tăng 3% so với mức lương tối thiểu vùng năm 2016 và cao hơn 10% so với mức lương tối thiểu vùng cao nhất thuộc khu vực Hà Nội và TP Hồ Chí Minh), cao hơn 42% so với mức lương tối thiểu vùng thấp nhất (khu vực Nghệ An). Mức lương thực trả trung bình cho nhân viên mới được tuyển dụng trong năm 2017 là 8.209.043 đồng/người/tháng, bằng 219% so với mức lương tối thiểu Vùng I, tăng 43% so với mức lương thực trả bình quân cho lao động mới được tuyển dụng năm 2016. Đối với các đơn vị thành viên trên các địa bàn Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Nghệ An, đều áp dụng mức lương khởi điểm cho nhân viên mới được tuyển dụng (gồm mức thấp nhất và mức trung bình) cao hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Chính phủ, trong đó, tại khu vực Hà Nội, lao động tuyển dụng mới được trả mức lương trung bình cao nhất so với các đơn vị thuộc khu vực Nghệ An và TP Hồ Chí Minh.

Khu vực trọng điểm	Khu vực Hà Nội		Khu vực Nghệ An		Khu vực TP HCM		Bình quân Bảo Việt	
Lương tối thiểu vùng	3.750.000		2.900.000		3.750.000		3.750.000	
Lương thực trả của nhân viên tuyển dụng mới	Lương thấp nhất	Lương bình quân	Lương thấp nhất	Lương bình quân	Lương thấp nhất	Lương bình quân	Lương thấp nhất	Lương bình quân
Nam	4.129.000	9.474.803	6.500.000	6.900.000	4.129.000	6.313.680	4.129.000	8.531.953
Nữ	4.129.000	8.314.677	5.500.000	6.208.333	4.129.000	6.956.958	4.129.000	7.886.133
Lương thực trả bình quân của nhân viên tuyển dụng mới (cả nam, nữ)	4.129.000	8.894.740	6.000.000	6.554.167	4.129.000	6.635.319	4.129.000	8.209.043
Tỷ lệ (%) mức lương thực trả của nhân viên nam tuyển mới so với mức lương tối thiểu vùng	110%	253%	224%	238%	110%	168%	110%	228%
Tỷ lệ (%) mức lương thực trả của nhân viên nữ tuyển mới so với mức lương tối thiểu vùng	110%	222%	190%	214%	110%	186%	110%	210%
Tỷ lệ (%) mức lương thực trả của nhân viên bình quân (cả nam, nữ) so với mức lương tối thiểu vùng	110%	237%	207%	226%	110%	177%	110%	219%

XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG GẮN KẾT VĂN HÓA VỮNG MẠNH

“

Những con người Bảo Việt với nhiệt huyết, đam mê, lòng yêu nghề và những tháng ngày cống hiến không mệt mỏi cho sự phát triển của Bảo Việt nói riêng và tinh thần Việt Nam nói chung, vẫn đang tiếp tục thể hiện tinh thần tiên phong trên những chặng đường mới. Cùng với niềm tin, sự quyết tâm, đồng lòng của tập thể lãnh đạo, cán bộ nhân viên, tư vấn viên sẽ tạo nên sức mạnh hợp lực toàn hệ thống, tạo đà phát triển nhanh hơn, bền vững hơn cho Bảo Việt trên những chặng đường sắp tới.

”



ĐOÀN KẾT TẠO NÊN SỨC MẠNH

Bất kỳ một tổ chức, một doanh nghiệp nào, để phát triển bền vững lâu dài ngoài các yếu tố khách quan về nhân tài, vật lực và thời cơ thì một yếu tố then chốt khác là tinh thần đoàn kết: đó là sự đồng tâm hiệp lực trong bộ máy lãnh đạo từ trên xuống dưới, từ người làm công tác quản lý đến người lao động trong doanh nghiệp.

Chính vì vậy, Đoàn kết là yếu tố đầu tiên và tiên quyết cho mọi quá trình phát triển và để mở lối đến thành công, bởi nếu không có sự đoàn kết, đồng lòng và nhất trí chung thì sẽ không thể phát triển cũng như không thể nghĩ đến những mục tiêu cao và xa hơn. Tinh thần đoàn kết sẽ tạo nên sức mạnh, giúp Bảo Việt cùng nhau vượt qua mọi gian khó, tạo động lực cho phát triển và củng cố niềm tin, hỗ trợ nhau tiến xa hơn.



HỢP LỰC ĐỂ VƯƠN XA

Một cá nhân mạnh sẽ tiến xa hơn trong một tập thể mạnh và một tập thể mạnh sẽ phát triển nhanh hơn trong một cộng đồng mạnh. Hợp lực sẽ giúp chúng tôi phát huy được lợi thế sẵn có cũng như khai thác được sức mạnh của sự đồng lòng, tinh thần đoàn kết và văn hóa sẽ chia để kiến tạo những giá trị bền vững hơn cho doanh nghiệp.

Bảo Việt đang tiếp tục khẳng định vị thế của một Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam thông qua các sản phẩm bảo hiểm – đầu tư và dịch vụ tài chính. Hợp lực sẽ giúp chúng tôi tận dụng và phát huy những ưu thế sẵn có của các đơn vị về mạng lưới, nguồn lực sẽ giúp Bảo Việt tạo nên những sản phẩm chung, ưu việt, có giá trị cạnh tranh tốt hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng và khai thác hiệu quả hơn về nguồn lực và chi phí của Bảo Việt để chúng tôi có thể phát huy sức mạnh tổng thể trên một nền tảng bền vững.



CHIA SẺ LÀ VĂN HÓA

Chia sẻ là yếu tố cần thiết để gắn kết một tập thể, để hiểu nhau hơn và tạo sự đồng thuận, bền vững, lâu dài. Hơn 70.000 con người cùng chung sống dưới mái nhà Bảo Việt là những cá thể độc lập với những tính cách khác nhau, tư tưởng khác nhau, mục tiêu sự nghiệp và hạnh phúc cuộc sống khác nhau. Chất keo gắn kết chúng tôi với nhau chính là sự chia sẻ và cùng chung một niềm tin rằng Bảo Việt sẽ luôn phát triển và giữ vững vị thế Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam.

Khi có sự sẻ chia và sự trao đổi cởi mở, thẳng thắn sẽ tạo ra nhận thức chung và kiến tạo sự đồng thuận bền vững, tinh thần đoàn kết một lòng sẽ được củng cố và cùng đi theo một hướng, cùng xác định một mục tiêu và cùng nỗ lực vì “MỘT BẢO VIỆT”.



TIÊN PHONG DẪN LỐI

Bản lĩnh của Người Tiên phong của Bảo Việt đã được khẳng định trong suốt 50 năm qua tại Việt Nam từ một doanh nghiệp được biết đến trong việc tiên phong khai mở thị trường bảo hiểm phi nhân thọ, nhân thọ và thị trường chứng khoán; một trong những doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa thành công; cũng như tiên phong thực hiện các chương trình bảo hiểm thí điểm của Chính phủ nhằm bảo vệ quyền lợi cho bà con các vùng khó khăn; Bảo Việt cũng tự hào là doanh nghiệp niềm yết tiên phong trong việc thực hiện báo cáo thường niên tích hợp, báo cáo phát triển bền vững theo tiêu chuẩn quốc tế.



ĐỔI MỚI ĐỂ PHÁT TRIỂN

Trong bối cảnh đất nước chuyển mình hội nhập, yếu tố đổi mới, sáng tạo trở thành then chốt quyết định sự thắng lợi của doanh nghiệp trên thị trường. Với lịch sử hơn 50 năm phát triển, Bảo Việt cũng trải qua nhiều thời kỳ đổi mới, chuyển đổi mô hình và tiếp cận các tiêu chuẩn quốc tế để trở thành doanh nghiệp dẫn đầu thị trường.

Trong xu thế phát triển mạnh mẽ và dưới áp lực cạnh tranh giữa các doanh nghiệp như hiện nay, đổi mới là yếu tố tiên quyết để Bảo Việt có thể gia tăng năng lực cạnh tranh và đảm bảo sự phát triển lâu dài. Chúng tôi thực hiện đổi mới trong tư duy; phát huy tư duy đột phá để tiếp tục ghi dấu cho chặng đường tiếp theo với những dấu ấn mới trong lịch sử phát triển của Bảo Việt.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI
NỀN KINH TẾ

Tác động đối với nền kinh tế

- Đóng góp cho sự phát triển kinh tế chung
- Góp phần phát triển kinh tế địa phương
- Tiên phong triển khai các chủ trương của Nhà nước

TÁC ĐỘNG TỚI SỰ
PHÁT TRIỂN CỦA
XÃ HỘI

Tác động tới sự phát triển của xã hội

- Tạo công ăn việc làm
- Chia sẻ gánh nặng trước những bất trắc liên quan đến sức khỏe, tài sản của khách hàng
- Chung tay vì một cộng đồng phát triển

TÁC ĐỘNG TỚI
MÔI TRƯỜNG

Tác động tới môi trường

- Giảm thiểu tác động từ xả thải và tiêu thụ năng lượng
- Xanh hóa hoạt động kinh doanh
- Lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường

TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ

Đóng góp cho sự phát triển kinh tế chung

Hoạt động trong lĩnh vực Bảo hiểm - Đầu tư - Tài chính - Ngân hàng, sự tăng trưởng của Bảo Việt có đóng góp quan trọng cho ngành tài chính – bảo hiểm nói riêng và nền kinh tế đất nước nói chung.

Góp phần phát triển kinh tế địa phương

Với hơn 180.000 lao động, trên 200 chi nhánh và hơn 700 phòng giao dịch của bảo hiểm trên 63 tỉnh thành, Bảo Việt cung cấp sản phẩm cho người dân cả nước, góp phần tạo công ăn việc làm cho người lao động, đóng góp cho sự tăng trưởng của các nhà cung cấp địa phương và đóng góp cho ngân sách địa phương.

Tiên phong triển khai các chủ trương của Nhà nước

Bảo Việt luôn đi đầu trong việc thực hiện các chủ trương chính sách của nhà nước, thực hiện các chương trình bảo hiểm mang tính xã hội, chương trình bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm khai thác thủy sản, bảo hiểm rủi ro thiên tai.

TÁC ĐỘNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI

Bảo Việt luôn chú trọng thực hiện mục tiêu phát triển cộng đồng vì một cộng đồng phát triển lành mạnh, an toàn và giàu có là điều kiện quan trọng để doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm, dịch vụ tài chính như Bảo Việt có thể phát triển và phục vụ lâu dài.

Tạo công ăn việc làm và thúc đẩy các chính sách phát triển bền vững trong hệ thống

Với hoạt động rộng khắp cả nước, Bảo Việt góp phần tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương. Đồng thời những định hướng phát triển bền vững của Bảo Việt khi được triển khai xuống các đơn vị và thực hiện bởi các cán bộ sẽ tạo ra hiệu ứng lan tỏa trên khắp cộng đồng.

Chia sẻ gánh nặng trước những bất trắc liên quan đến sức khỏe, tài sản của khách hàng

Với cơ sở hơn 17 triệu khách hàng, Bảo Việt cung cấp các sản phẩm bảo hiểm – tài chính đa dạng, đem lại sự an tâm cho khách hàng trước những rủi ro trong cuộc sống. Bên cạnh đó, các sản phẩm bảo hiểm vi mô vẫn được

Bảo Việt triển khai hàng năm nhằm giúp khách hàng thu nhập thấp, ở các khu vực nông thôn có thể tiếp cận các dịch vụ bảo hiểm cho cuộc sống và hoạt động sản xuất, nông nghiệp.

Chung tay vì một cộng đồng phát triển

Tính đến nay, Bảo Việt đầu tư hơn 220 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội, tập trung cho công tác xóa đói giảm nghèo cho đồng bào tại địa bàn khó khăn; đầu tư xây dựng trường học, các chương trình học bổng dành cho trẻ em nghèo hiếu học. Theo tổng cục Thống kê, tính đến cuối năm 2017, cả nước có 181,4 nghìn hộ thiếu đói. Theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ nghèo cả nước còn dưới 7% giảm khoảng 1,3% so với cuối năm 2016; tỷ lệ hộ nghèo các huyện nghèo còn 40%. Năm 2018, Chính phủ đặt mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo cả nước từ 1-1,5%/năm, riêng các huyện nghèo, xã nghèo là 4%/năm. Với hành động thiết thực, Bảo Việt mong muốn chung tay cùng cộng đồng doanh nghiệp, các bộ, ngành

triển khai tích cực Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020, hoàn thành các chỉ tiêu đã được Quốc hội giao.

TÁC ĐỘNG TỚI MÔI TRƯỜNG

Với 90% danh mục đầu tư cổ phần, vốn góp của Bảo Việt tập trung vào các ngành kinh doanh cốt lõi là bảo hiểm - đầu tư, tài chính, ngân hàng – những ngành nghề thân thiện với môi trường. Do vậy, các tác động đến môi trường của Bảo Việt chủ yếu thông qua hoạt động xả thải và tiêu thụ năng lượng tại 200 chi nhánh và 700 điểm giao dịch...

Nhằm giảm thiểu tác động này, Bảo Việt đã xây dựng để án bảo vệ môi trường tại các trụ sở văn phòng của Bảo Việt. Đề án này đã được Sở Tài nguyên và môi trường phê duyệt từ năm 2014. Đề án này bao gồm các phân tích nguồn chất thải có khả năng gây hại tới môi trường, Bảo Việt cũng tiến hành lập báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng quý tại tòa nhà văn phòng làm việc của Bảo Việt và các giải pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm.



HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI TIÊU BIỂU NĂM 2017

Cùng với mục tiêu tăng trưởng vững chắc về kinh tế, chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt hướng tới cân bằng các lợi ích cho cộng đồng và môi trường, chính vì vậy thực hiện trách nhiệm xã hội là trọng tâm hướng tới của Bảo Việt.

Năm 2017, Ban điều hành đã bám sát theo chỉ đạo và định hướng của Hội đồng quản trị, tích cực triển khai các hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội nhằm đảm bảo thực hiện định hướng chiến lược về phát triển bền vững của Bảo Việt.

Với mong muốn đem lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng, Bảo Việt cũng thực hiện đầu tư vào các dự án vì cộng đồng. Với Bảo Việt, thực hiện các hoạt động vì cộng đồng là đầu tư dài hạn cho doanh nghiệp. Chúng tôi thay mặt cho các cổ đông, thực hiện các dự án phát triển cộng đồng, nhằm đem lại đem lại lợi ích cho cộng đồng và cho chính Bảo Việt thông qua việc tối đa hóa giá trị của các dự án cộng đồng mang lại cho người dân địa phương và mức độ ảnh hưởng của Bảo Việt tại địa phương đó.



Về các hoạt động vì cộng đồng, thực hiện trách nhiệm xã hội:

Đầu tư phát triển sản phẩm hướng vì lợi ích cộng đồng: Xuất phát từ ý nghĩa nhân văn của sản phẩm bảo hiểm đó là cùng chia sẻ gánh nặng về tài chính với khách hàng khi gặp rủi ro, Bảo Việt đầu tư phát triển các sản phẩm vi mô như bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm học sinh, bảo hiểm xe cơ giới nhằm giúp khách hàng thu nhập thấp, ở các khu vực nông thôn có thể tiếp cận các dịch vụ bảo hiểm cho cuộc sống và hoạt động sản xuất, nông nghiệp. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng san sẻ với xã hội khi nghiên cứu và phát triển sản phẩm bảo hiểm hưu trí nhằm đem lại nguồn thu nhập ổn định của người lao động sau khi về hưu, gắn kết doanh nghiệp với người lao động đồng thời góp phần giảm bớt áp lực về ngân sách bảo hiểm xã hội của Nhà nước.

Bảo Việt cũng san sẻ gánh nặng tài chính với cộng đồng khi phát triển sản phẩm chuyên biệt dành cho bệnh ung thư đầu tiên tại Việt Nam (Bảo Việt K-care). Là sản phẩm bảo hiểm được thiết kế dành riêng cho bệnh ung thư, Bảo Việt K-Care mang đến bốn quyền lợi chi trả bảo hiểm



đa dạng và hấp dẫn cho người mua bảo hiểm bao gồm: quyền lợi bảo hiểm ung thư (giai đoạn sớm và giai đoạn trễ), quyền lợi trợ cấp nằm viện, quyền lợi khi tử vong do bệnh ung thư và quyền lợi khi tử vong do tai nạn. Đặc biệt, quyền lợi bảo hiểm ung thư sẽ được chi trả một khoản tiền cố định lên đến 1 tỷ đồng, nhằm giúp người mua bảo hiểm có thể chủ động tài chính điều trị ung thư sớm.

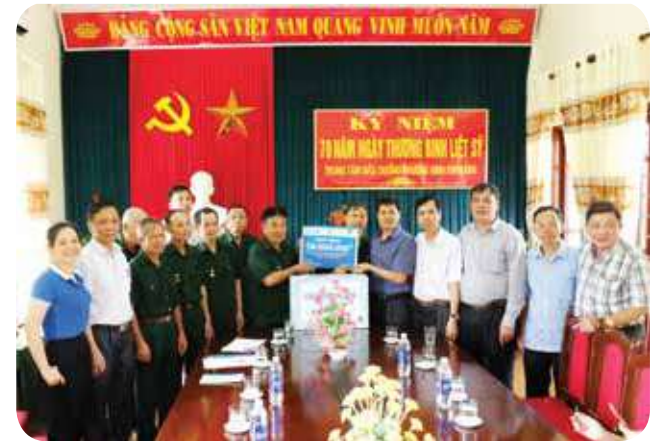
Đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng: Bảo Việt đóng góp cho sự phát triển bền vững của xã hội thông qua việc tập trung vào các lĩnh vực cụ thể, khuyến khích sự tham gia của cán bộ nhân viên trong hệ thống. Bảo Việt ưu tiên đầu tư cho các dự án thuộc phạm vi: Xóa đói giảm nghèo; Đầu tư cho giáo dục và thể hệ trẻ; Tri ân anh hùng liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng; Khắc phục hậu quả thiên tai và các hoạt động khác

Chỉ tính riêng trong năm 2017, Bảo Việt đã đầu tư trên 77,6 tỷ đồng cho các hoạt động cộng đồng, trong đó gần 49 tỷ đồng được sử dụng từ nguồn chi phí hoạt động kinh doanh và hơn 28 tỷ đồng được từ nguồn lợi nhuận sau thuế. Bảo Việt đã đầu tư cho hoạt động giáo dục và thể hệ trẻ bao gồm các chương trình trao tặng học bổng cho học sinh sinh viên có thành tích học tập xuất sắc, các em học sinh nghèo vượt khó. Bên cạnh đó, Bảo Việt cũng đầu tư xây dựng 02 trường học tại Định Biên (Thái Nguyên) và Cao Tân (Bắc Kạn) nhằm hỗ trợ địa phương có thêm cơ sở dạy học cho các em học sinh, cùng với trang thiết bị dạy học và phòng chức năng đầy đủ, hỗ trợ các thầy cô giáo trong công tác giảng dạy.

Về các hoạt động bảo vệ môi trường:

Năm 2017, các vấn đề Quản trị - Xã hội và Môi trường được Bảo Việt chú trọng lồng ghép trong hoạt động


Ghi chú: Thông tin chi tiết về các hoạt động đầu tư cho cộng đồng, môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội của Tập đoàn Bảo Việt được trình bày tại Chương V Báo cáo này và Báo cáo Phát triển bền vững năm 2017




đánh giá chuỗi cung ứng; đầu tư dự án và đánh giá rủi ro hoạt động thông qua việc gắn kết các ràng buộc trách nhiệm trong các hợp đồng thương thảo với nhà thầu chính; các quy trình quản lý đầu tư dự án và quy trình đầu tư góp vốn cổ phần.

Nhằm kiểm soát tốt hơn tiêu thụ năng lượng trong quá trình hoạt động, Bảo Việt đã thực hiện theo dõi tiêu thụ điện năng và xăng dầu định kỳ hàng tháng.

Năm 2017, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục duy trì hoạt động đánh giá các tác động tới môi trường từ hoạt động của các tòa nhà Bảo Việt trên địa bàn Hà Nội. Các đánh giá này bao gồm:

 Phân tích tình hình sử dụng năng lượng bao gồm tiêu thụ điện và nhiên liệu trong năm 2017

 Báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở trong thời gian qua bao gồm biện pháp khống chế môi trường không khí, ô nhiễm môi trường nước, xử lý chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại; lực lượng và phương tiện PCCC tại chỗ.

Để án bảo vệ môi trường của Bảo Việt (được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt năm 2014) tiếp tục được triển khai tại các Tòa nhà của Bảo Việt. Để án này bao gồm các nội dung liên quan đến giải pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước thải thông qua việc bổ sung chế phẩm vi sinh, dọn dẹp hệ thống cống thoát nước để đảm bảo thông thoáng sạch sẽ; kiểm tra định kỳ hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải tránh hiện tượng tắc nghẽn trên các dòng thải.

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG NĂM 2018

Triển vọng kinh tế toàn cầu dự báo khả quan tuy nhiên vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro khó đoán định trong năm 2018. Trong nước, những tín hiệu phục hồi của nền kinh tế được dự báo sẽ rõ nét hơn so với năm 2017. Theo dự báo của các tổ chức quốc tế (WB, IMF, ADB...), tăng trưởng GDP Việt Nam trong năm 2018 ở mức từ 6,2-6,8%.

Trong bối cảnh đó, Tập đoàn Bảo Việt nhận diện các cơ hội và thách thức đối với hoạt động kinh doanh của Bảo Việt như sau:

CƠ HỘI

KINH TẾ VĨ MÔ

Theo mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2018 của Chính phủ, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 6,7%; Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 6-7%; Tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân khoảng 4%... Năm 2018 tăng trưởng GDP của Việt Nam có thể đạt mức cao hơn so với năm 2017 do nhận được một số yếu tố hỗ trợ như: năm 2018 được dự báo không có nhiều thiên tai nghiêm trọng cũng như kỳ vọng kinh tế tiếp tục nằm trong chu kỳ hồi phục thì nhiều khả năng khu vực nông-lâm-thủy sản và khu vực dịch vụ sẽ giữ được mức tăng trưởng tương đương hoặc nhỉnh hơn một chút so với năm 2017. Khu vực công nghiệp-xây dựng, với sự đóng góp của các doanh nghiệp FDI có thể làm thay đổi kỳ vọng về mức tăng trưởng GDP, đặc biệt là các dòng sản phẩm mới của Samsung; Chính phủ đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, kết quả bước đầu của quá trình tái cơ cấu kinh tế và xung lực từ tiến trình hội nhập với các Hiệp định FTA đặc biệt là Hiệp định CPTPP. Lạm phát năm 2018 có thể sẽ tiếp tục neo ở mức tương đương năm 2017.

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM NĂM 2018

Năm 2018, triển vọng kinh tế vĩ mô Việt Nam được dự báo tiếp tục ổn định. Cùng với thu nhập cải thiện, nhận thức của người dân về vai trò của bảo hiểm ngày càng tăng, nhờ đó nhu cầu bảo hiểm cá nhân (bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ...) dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng khả quan. Bên cạnh đó, các nghiệp vụ bảo hiểm tài sản, hàng hóa... dự báo hồi phục tích cực hơn theo chu kỳ của nền kinh tế. Ngoài ra, mặt bằng lãi suất năm 2018 dự báo duy trì ở mức thấp như năm 2017 cũng góp phần thúc đẩy việc tìm kiếm các kênh đầu tư của người dân, trong đó có kênh bảo hiểm nhân thọ.

Khuôn khổ pháp lý trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm ngày càng hoàn thiện, tạo thuận lợi cho sự phát triển của thị trường, góp phần lành mạnh hóa thị trường bảo hiểm Việt Nam như: Nghị định 73/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Thông tư 50 hướng dẫn Nghị định 73, Nghị định 23/2018/NĐ-CP thay thế Nghị định 130/2006/NĐ-CP về bảo hiểm cháy nổ bắt buộc. Bộ Tài chính đang dự thảo nghị định thay thế Nghị định 27/2007/NĐ-CP về giao dịch điện tử trong lĩnh vực tài chính, trong đó có lĩnh vực bảo hiểm. Ngoài ra, Bộ

Tăng trưởng GDP 2018

Mục tiêu của Chính Phủ

6,7%

Dự báo

6,7-7,0%

Lạm phát bình quân 2018

Mục tiêu của Chính Phủ

4%

Dự báo

3 - 3,5%

Tài chính đang dự thảo Nghị định quy định việc triển khai bảo hiểm vi mô của các tổ chức chính trị- xã hội...

LĨNH VỰC BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

Năm 2018, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ được dự báo sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng khả quan của năm 2017 nhờ vào kỳ vọng ổn định kinh tế vĩ mô và nhu cầu bảo hiểm tiếp tục gia tăng từ cả người dân và khối doanh nghiệp. Với tiềm năng của mảng bán lẻ, các doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH) phi nhân thọ tiếp tục tập trung khai thác và phát triển các dòng sản phẩm bảo hiểm cá nhân. Đối với bảo hiểm sức khỏe, trong bối cảnh xã hội người dân ngày càng quan tâm tới vấn đề sức khỏe, chi phí y tế tăng cao, nhu cầu bảo hiểm sức khỏe dự báo tiếp tục tăng mạnh, các DNBH tập trung nguồn lực để phát triển sản phẩm mới, khai thác nhu cầu thị trường. Đây được coi là động lực tăng trưởng chính của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ. Bảo hiểm xe cơ giới dự báo tăng trưởng tích cực hơn nhờ dư địa tăng trưởng của thị trường ô tô vẫn còn lớn và lộ trình cắt giảm thuế xe ô tô từ năm 2018.

Các DNBH năm 2018 dự báo tiếp tục tập trung vào các mục tiêu tăng trưởng để mở rộng thị phần. Tối ưu hóa kênh phân phối, đa dạng hóa quan hệ hợp tác và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin là chiến lược cạnh tranh chính của các DNBH. Các DNBH tiếp tục chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin để mở rộng kênh phân phối, phát triển sản phẩm, kiểm soát bồi thường, và nhất là nâng cao chất lượng sản phẩm/dịch vụ khách hàng.

Dự báo năm 2018, doanh thu phí gốc của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng khoảng 12-14%.

LĨNH VỰC BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Những động lực bền vững về dân số, xã hội và nhận thức tăng cao sẽ giúp thị trường bảo hiểm nhân thọ sẽ tiếp tục duy trì tăng trưởng cao trong năm 2018. Các DNBH nhân thọ tiếp tục cạnh tranh phát triển sản phẩm mới, nhất là các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe, hỗ trợ viện phí.

Mở rộng mạng lưới hoạt động, chuyên nghiệp hóa các kênh phân phối truyền thống và kênh bancassurance và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số tiếp tục là chiến lược cạnh tranh chủ chốt của các DNBH nhân thọ trong năm 2018. Kênh bancassurance trở thành kênh phân phối quan trọng của các doanh nghiệp bên cạnh việc mở rộng chi nhánh và các công ty thành viên trên khắp cả nước. Các DNBH triển khai phát triển các sản phẩm dành riêng cho kênh phân phối qua ngân hàng. Bên cạnh đó,

năm 2018 cũng được dự báo việc bùng nổ công nghệ kỹ thuật số đối với các DNBH nói chung và DNBH nhân thọ nói riêng. Tiếp tục đà của năm 2017, các DNBH nhân thọ khai thác các ứng dụng kỹ thuật số để phát triển dịch vụ khách hàng, mang lại nhiều tiện ích hơn cho khách hàng. Một số các ứng dụng có thể kể tới như: big data, trí tuệ nhân tạo...

Dự báo: thị trường bảo hiểm nhân thọ duy trì đà tăng trưởng cao với tổng doanh thu phí của thị trường tăng khoảng 25%, doanh thu khai thác mới tăng khoảng 30%.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ- NGÂN HÀNG

Tỷ giá năm 2018 dự báo sẽ tiếp tục ổn định. Tỷ giá trong năm 2018 có nhiều yếu tố hỗ trợ đó là: (i) Cán cân thương mại có khả năng tiếp tục thặng dư do kinh tế thế giới và thương mại toàn cầu tại các nước mới nổi và đang phát triển tiếp tục xu thế tăng so với năm trước (IMF, WEO-T10); (ii) Dòng vốn nước ngoài vẫn có xu hướng tích cực.

Tỷ giá USD/VND giao dịch tại các ngân hàng thương mại (NHTM) nhiều khả năng sẽ tiếp tục đi ngang hoặc chỉ mất giá nhẹ 1-2% để bù vào yếu tố chênh lệch lạm phát trong năm 2018. Mục tiêu tăng trưởng tín dụng có thể thận trọng hơn 2017 (20 – 21% vs 18%). Định hướng chính sách tiền tệ nới lỏng sẽ vẫn được NHNN duy trì, tuy nhiên theo hướng thận trọng hơn; sự đảo chiều của chính sách này dự báo sẽ không mang tính đột ngột do được hỗ trợ bởi các yếu tố vĩ mô cơ bản.

Lãi suất huy động duy trì ổn định và có thể giảm nhẹ so với mặt bằng Quý IV/2017. Lãi suất có thể có biến động nhẹ và cục bộ do: (i) yếu tố mùa vụ vào đầu năm do Tết Nguyên đán và vào cuối năm do nhu cầu tín dụng thường tăng cao; (ii) Một số TCTD buộc phải tăng huy động dài hạn để đảm bảo tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn theo quy định; (iii) Một số TCTD tăng vốn để đáp ứng yêu cầu về CAR theo Basel II.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN (TTCK)

Các yếu tố chính hỗ trợ TTCK trong năm 2018 là chuyển biến tích cực của nền kinh tế, hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp tiếp tục khởi sắc, định hướng nới lỏng tiền tệ của NHNN, sự sôi động trong hoạt động IPO, lên sàn niêm yết mới, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước và kỳ vọng vào việc nâng hạng thị trường của MSCI. Dự báo vùng điểm bình quân năm của VNINDEX đạt 1.080-1.100 điểm (tăng khoảng 11% so với mức đóng cửa của năm 2017).

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Nguồn cung dự báo dồi dào trong năm 2018 khi kế hoạch phát hành trái phiếu chính phủ (TPCP) năm 2018 là 200.000 tỷ đồng. Kỳ hạn phát hành đa dạng dự kiến sẽ tiếp tục được Kho bạc Nhà nước (KBNN) duy trì từ 3 – 30Y. Khẩu vị nhà đầu tư tiếp tục xu hướng dịch chuyển sang TPCP kỳ hạn trung và dài hạn.

Mục tiêu phát hành kỳ hạn bình quân lớn hơn 6 năm tiếp tục được duy trì. Trong bối cảnh lãi suất trái phiếu ngắn hạn đã xuống khá thấp, TPCP kỳ hạn dài nhiều khả năng tiếp tục nhận được sự quan tâm của thị trường. Thị trường sơ cấp dự báo sẽ tiếp tục sôi động. Ngoài ra trong tháng 3 hoặc tháng 4 sẽ triển khai sản phẩm phái sinh TPCP (HĐTL TPCP) sẽ thu hút nhà đầu tư khi tạo cơ hội tìm kiếm lợi nhuận trong ngắn hạn.

Trong Dự thảo Quyết định “Phê duyệt lộ trình phát triển thị trường trái phiếu (TTTP) giai đoạn 2017-2020 và tầm nhìn đến 2030”, dự nợ TTTP phấn đấu đạt 45% GDP năm 2020, trong đó dự nợ TPCP, TPCP bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương đạt 38% GDP, dự nợ trái phiếu doanh nghiệp đạt 7% GDP. Phấn đấu kỳ hạn bình quân của TPCP trong nước giai đoạn 2017-2020 đạt 6-7 năm. Tăng tỷ trọng TPCP do các công ty bảo hiểm, bảo hiểm xã hội, quỹ hưu trí, quỹ đầu tư và các tổ chức tài chính phi ngân hàng nắm giữ lên mức 50% năm 2020. Như vậy, với định hướng của Chính phủ, thị trường trái phiếu năm 2018 kỳ vọng sẽ tiếp tục diễn ra sôi động, tăng quy mô thị trường, thanh khoản, đối tượng tham gia...

THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Dự báo về thị trường năm 2018, tiếp tục sự ổn định của năm 2017 và có phần mạnh mẽ hơn, những chính sách hiệu quả của Nhà nước giúp cho tình hình kinh tế vĩ mô có được những điều kiện tốt để phát triển lâu dài và bền vững. Trong 2018, mức độ quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài đối với thị trường Việt Nam ngày càng tăng. Sự quan tâm này tới từ nhiều đối tượng khác nhau, từ những cá nhân tìm mua nhà mong muốn tận dụng Luật Nhà ở sửa đổi, cho tới quỹ đầu tư tư nhân cũng như quỹ tài chính lớn trong khu vực tìm kiếm những thương vụ lớn. Về nguồn vốn cho phát triển bất động sản, FDI vẫn chiếm tỷ trọng cao, vốn tín dụng trong nước là nguồn lực chủ yếu, vốn trong dân, kiểu hối sẽ được huy động nhiều hơn, nhất là đầu tư vào phân khúc du lịch, nghỉ dưỡng. Bên cạnh đó, tính thanh khoản tốt cũng đã thúc đẩy thị trường bất động sản giao dịch tốt hơn trong năm 2018.

THÁCH THỨC

KINH TẾ VĨ MÔ

Tình hình kinh tế thế giới năm 2018 dự báo có thể tăng cao hơn năm 2017 nhưng vẫn phục hồi chậm và không đồng đều. Giá một số hàng hóa cơ bản và dầu thô mặc dù tăng giá nhưng vẫn ở mức thấp. Ngoài ra những vấn đề như chính sách điều hành của Tổng thống Donald Trump, sự suy giảm tăng trưởng kinh tế Trung Quốc, việc điều chỉnh lãi suất của các ngân hàng trung ương các nước đặc biệt là của Fed... sẽ tác động nhiều chiều đến kinh tế Việt Nam. Nợ công và nợ chính phủ nhiều khả năng sẽ tăng nhẹ trong năm 2018, do (1) GDP tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng và (2) Chính phủ có thêm nguồn thu từ thoái vốn các doanh nghiệp Nhà nước và (3) Việt Nam không còn được hưởng ưu đãi từ nguồn vay vốn ODA của World Bank và phải chuyển sang sử dụng chủ yếu là nguồn vay ưu đãi và tiến tới vay toàn bộ theo điều kiện thị trường.

THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

Bên cạnh cơ hội, thị trường bảo hiểm năm 2018 cũng sẽ đối mặt với không ít thách thức ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của thị trường. Thị trường bảo hiểm Việt Nam tiếp tục đối mặt với cạnh tranh không lành mạnh giữa các DNBH, hạn chế về nguồn nhân lực chất lượng cao, khung pháp lý còn chưa hoàn thiện để đáp ứng các cam kết hội nhập. Đối với các DNBH phi nhân thọ, diễn biến thiên tai không thuận lợi cũng là 1 trong số các yếu tố cản các DNBH quan tâm để tính toán, phòng ngừa rủi ro. Tình trạng trục lợi bảo hiểm, đặc biệt trong bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm sức khỏe không dễ kiểm soát. Bên cạnh đó, áp lực cạnh tranh, tham gia vào các phân khúc thị trường mới (bảo hiểm tài sản công, bảo hiểm thiên tai...) và đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin đòi hỏi các DNBH phải tiếp tục tăng năng lực tài chính, năng lực quản trị, tham gia xếp hạng tín nhiệm quốc tế để nâng cao vị thế trên thị trường.

Đối với lĩnh vực nhân thọ, việc cạnh tranh phát triển dòng sản phẩm chăm sóc sức khỏe cũng làm tăng nguy cơ các DNBH đối mặt với vấn đề trục lợi bảo hiểm gia tăng. Bên cạnh đó việc thiếu hệ thống cơ sở dữ liệu hoàn chỉnh của ngành bảo hiểm cũng khiến việc kiểm soát tình trạng bồi thường gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, sự hỗ trợ vốn, hệ thống công nghệ thông tin từ công ty mẹ của các DNBH nước ngoài, cũng gây sức ép không nhỏ đến các DNBH trong nước, buộc các DNBH phải liên tục đổi mới, nâng cao năng lực cạnh tranh và năng lực quản lý để đạt được mục tiêu tăng trưởng hiệu quả, bền vững.

LĨNH VỰC NGÂN HÀNG

Việc ổn định mặt bằng lãi suất năm 2018 như năm 2017 sẽ gặp một số thách thức: (i) lãi suất USD trên thị trường thế giới tăng; (ii) áp lực từ tỷ giá; (iii) nợ xấu và tái cơ cấu tại một số ngân hàng yếu kém ảnh hưởng đến mặt bằng lãi suất.

LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN

Năm 2018 thị trường chứng khoán vẫn tiếp tục chịu những tác động từ các rủi ro vĩ mô của kinh tế thế giới và kinh tế trong nước (xung đột địa chính trị, FED tăng lãi suất đồng USD, tốc độ cung tiền chậm lại, rủi ro thâm hụt ngân sách...). Dòng tiền khối ngoại có thể sẽ bị co hẹp. Mặt bằng lãi suất trong xu hướng tăng gây áp lực suy giảm dòng tiền vào thị trường chứng khoán. Biến động tỷ giá là một trong những yếu tố có ảnh hưởng khá lớn đến diễn biến thị trường chứng khoán Việt Nam trong các năm gần đây. Khối ngoại thường có động thái giao dịch theo chiều hướng tiêu cực khi tỷ giá có xu hướng điều chỉnh tăng.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Dự kiến áp lực phát hành không lớn khi Ngân sách Nhà nước (NSNN) sẽ được bổ sung từ quy mô và số lượng thoái vốn Nhà nước kỷ lục trong 2018 cùng với lượng TPCP đáo hạn đã bắt đầu giảm dần từ 2017 (đỉnh cao đáo hạn năm 2016). Nhu cầu phát hành thực tế trong năm tới sẽ phục thuộc rất lớn vào nhu cầu thị trường.

Các hoạt động của thị trường trái phiếu có thể sẽ suy giảm do: (1) Tỷ giá có khả năng sẽ dao động vì (i) quyết định tăng lãi suất 3 lần trong năm 2018 của FED; (ii) rủi ro tiềm ẩn từ những chính sách điều hành của tổng thống Donald Trump; (2) Mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2018 thận trọng hơn (18% thay vì 20-21% của năm 2017).

THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Thị trường bất động sản dự báo chưa thể có sự đột phá. Nguy cơ xảy ra bong bóng bất động sản vẫn ở mức cao. Mất cân đối nguồn cung khi thị trường đang có sự tăng trưởng nguồn cung rất lớn ở phân khúc bất động sản cao cấp nhưng lại thiếu nguồn cung nhà ở xã hội, nhà ở thương mại quy mô vừa và nhỏ với giá bán hợp túi tiền, căn hộ cho thuê giá rẻ... đáp ứng nhu cầu thật đang rất lớn của những người thu nhập trung bình, thấp ở đô thị.



KẾ HOẠCH KINH DOANH 2018

Tiếp nối các thành công đã đạt được trong năm 2017, hướng đến sự phát triển bền vững, năm 2018 Tập đoàn Bảo Việt đặt mục tiêu Doanh thu hợp nhất đạt 36.799 tỷ đồng, tăng trưởng 12,4% so với thực hiện năm 2017. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất dự kiến đạt 1.348 tỷ đồng.

Tổng doanh thu Công ty Mẹ năm 2018 dự kiến đạt 1.428 tỷ đồng, tăng 3% so với thực hiện năm 2017. Lợi nhuận sau thuế phần đầu đạt mức 1.050 tỷ đồng, tăng trưởng nhẹ so với năm 2017. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ Công ty Mẹ dự kiến duy trì ổn định quanh mức 15%. Với tỷ suất lợi nhuận này, Tập đoàn Bảo Việt hướng tới mục tiêu phát triển ổn định và bền vững, mang lại hiệu quả lâu dài cho doanh nghiệp, các cổ đông cũng như cho cộng đồng.

Để đạt được kế hoạch kinh doanh đã đặt ra, năm 2018, Tập đoàn Bảo Việt tập trung vào các giải pháp trọng tâm sau:

KẾ HOẠCH & CHIẾN LƯỢC

Hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh doanh năm 2018 đã đề ra; Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chiến lược 2016 -2020 phù hợp với tình hình thị trường

ĐỀ ÁN HỢP LỰC

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án Hợp lực Tập đoàn Bảo Việt, tập trung vào phát triển sản phẩm tích hợp mới, đẩy mạnh hoạt động bán chéo giữa các đơn vị thành viên; hợp lực đầu tư xây dựng trụ sở, truyền thông thương hiệu, cơ sở dữ liệu khách hàng tập trung

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án công nghệ thông tin trọng điểm, hoàn thiện cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu kinh doanh trong thời đại công nghệ số

**NÂNG CAO NĂNG SUẤT**

Tích cực nghiên cứu, đổi mới phương pháp làm việc, xây dựng những giải pháp kinh doanh mới, tinh gọn bộ máy nhân sự, nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, tối ưu năng suất lao động

NGUỒN NHÂN LỰC

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Đẩy mạnh công tác đào tạo và luân chuyển cán bộ trên toàn hệ thống

MÔ HÌNH & DỊCH VỤ

Hoàn thiện mô hình quản trị tập trung phù hợp với đặc thù đơn vị; chú trọng phát triển các thị trường trọng điểm; phát triển đa dạng kênh phân phối; nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

Với thông điệp “Khẳng định thương hiệu Việt”, năm 2018, Tập đoàn Bảo Việt sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh hướng tới phát triển hiệu quả và bền vững, bám sát định hướng chiến lược giai đoạn 2016 – 2020 đã đề ra.

BAOVIET

KHẲNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU VIỆT



“Theo công bố bảng xếp hạng Thương hiệu Việt Nam 2017 của Brand Finance - Nhà tư vấn định giá thương hiệu và chiến lược kinh doanh độc lập hàng đầu thế giới”

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG NĂM 2017

Năm 2017 là năm quan trọng trong việc thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020 của Tập đoàn Bảo Việt. Dưới sự lãnh đạo, điều hành của Tổng Giám đốc, tập thể Ban Điều hành đã thể hiện tinh thần đoàn kết, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, chuyên nghiệp và trách nhiệm cao trong công việc. Với sự nỗ lực của tập thể Ban Điều hành trong việc thực hiện quyết liệt các giải pháp chiến lược, Tập đoàn Bảo Việt đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2017 của Đại hội đồng Cổ đông đề ra, đồng thời tuân thủ chặt chẽ các quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ, quy chế Quản trị nội bộ và các quy định pháp lý hiện hành.



VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2017 đạt 32.748 tỷ đồng, cán mốc gần 1,5 tỷ USD, tăng trưởng mạnh 27,5% so với năm 2016, lập kỷ lục mức tăng trưởng cao nhất kể từ khi cổ phần hóa đến nay, đồng thời vượt 13,4% kế hoạch đề ra. Trong đó, tổng doanh thu lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ đạt 22.149 tỷ đồng, tăng trưởng mạnh 29,4% so với năm 2016, chiếm tỷ trọng đóng góp lớn nhất (67%) vào tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn; Lĩnh vực kinh doanh Bảo hiểm Phi nhân thọ ghi dấu ấn mạnh với tổng doanh thu đạt 9.487 tỷ đồng, tăng trưởng bứt phá 23,7% so với năm 2016, hoàn thành vượt 12,2% kế hoạch đề ra, đóng góp 29% vào tổng doanh thu toàn Tập đoàn; Lĩnh vực dịch vụ tài chính và khác đã đóng góp 4% vào tổng doanh thu hợp nhất với 1.376 tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất tăng trưởng mạnh mẽ 37,6% so với cùng kỳ năm 2016, đạt 1.603 tỷ đồng, hoàn thành vượt 34,2% kế hoạch lợi nhuận đề ra.

Tổng tài sản hợp nhất toàn Tập đoàn tăng mạnh, đạt 91.402 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2017, tăng 18.406 tỷ đồng (tương ứng 25,2%) so với thời điểm cuối năm 2016.

VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ

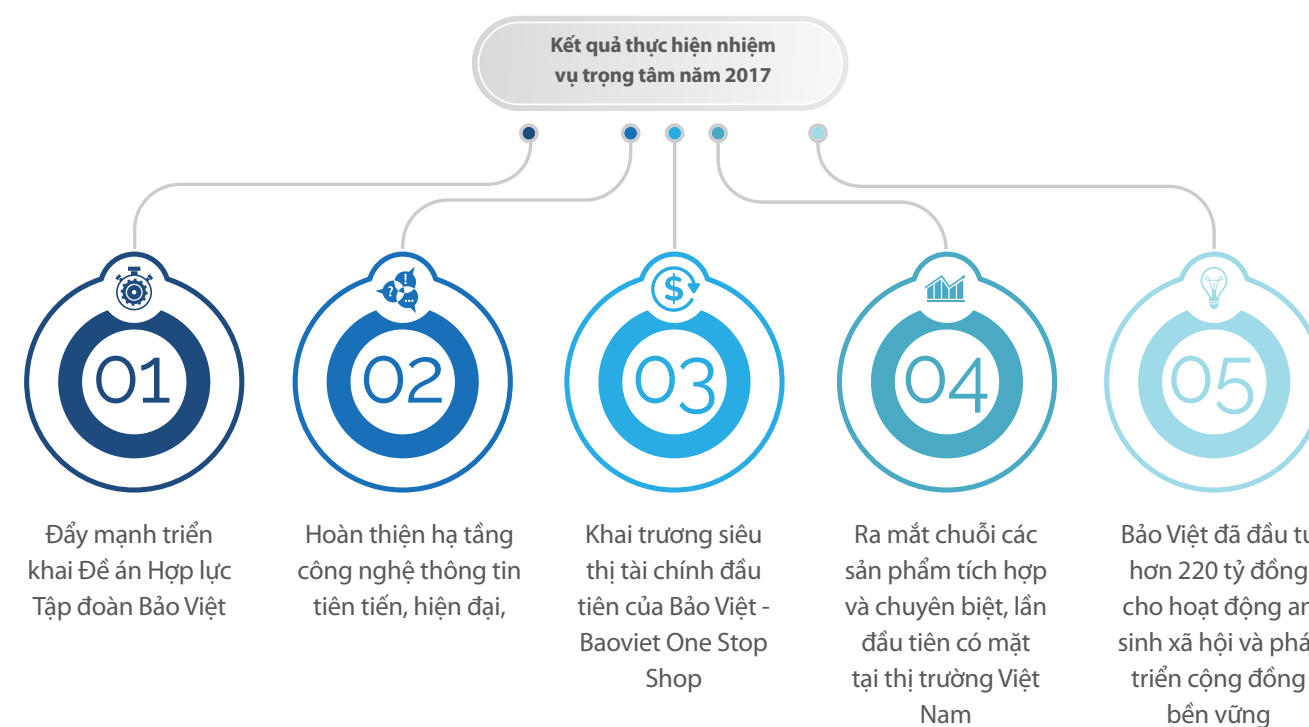
Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2017 do Đại hội đồng cổ đông giao với tổng doanh thu đạt 1.385 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế đạt 1.056 tỷ đồng, vượt 3,0% kế hoạch, tăng trưởng 1,2% so với năm 2016; lợi nhuận sau thuế đạt 1.026 tỷ đồng, hoàn thành tốt kế hoạch. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ đạt 15,1%, đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức đã cam kết với cổ đông.

Đây là kết quả đáng được ghi nhận trong bối cảnh kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính – bảo hiểm vẫn còn nhiều thách thức.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐÃ ĐỀ RA TRONG NĂM 2017

Bên cạnh những kết quả khả quan đạt được về các chỉ tiêu kinh doanh, năm 2017, với thông điệp “Sẵn sàng cất cánh”, Tập đoàn Bảo Việt đã quyết liệt thực hiện những giải pháp chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả của các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, tăng cường hợp tác nội bộ, nâng cao tính chuyên nghiệp và khẳng định thương hiệu và chất lượng dịch vụ hàng đầu của Bảo Việt.

Các kết quả đã đạt được trong việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2017 như sau:



- Tiếp tục **đẩy mạnh triển khai Đề án Hợp lực** Tập đoàn Bảo Việt tập trung vào các hoạt động đầu tư, truyền thông thương hiệu và đào tạo, thúc đẩy hoạt động bán chéo sản phẩm... và đạt được kết quả đáng ghi nhận. Đặc biệt, Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ đã triển khai bán chéo với tổng doanh thu bán chéo đạt trên 550 tỷ đồng, hoàn thành vượt kế hoạch, tạo nên hiệu ứng thi đua sôi nổi trong toàn hệ thống. Bên cạnh đó, Bảo Việt đẩy mạnh triển khai các chương trình marketing hợp lực tri ân khách hàng và thúc đẩy bán hàng như Mega Sale “Xuân gắn kết - Tết tri ân 2017”, “Nắng vàng biển xanh cùng Bảo Việt”, tạo hiệu ứng tốt và góp phần thúc đẩy hoạt động kinh doanh toàn hệ thống.
- Tiếp tục **hoàn thiện hệ thống quy định về cơ chế quản trị nội bộ** nhằm tạo hành lang pháp lý thống nhất, xuyên suốt từ Tập đoàn đến các đơn vị thành viên, củng cố và nâng cao vai trò quản trị tập trung của Công ty Mẹ trong các lĩnh vực đầu tư, tài chính, nhân sự, đào tạo, truyền thông thương hiệu, công nghệ thông tin.

- **Khai trương siêu thị tài chính đầu tiên của Bảo Việt - Baoviet One Stop Shop** cung cấp đầy đủ các sản phẩm, giải pháp tài chính vượt trội có thể thỏa mãn các nhu cầu về bảo hiểm, đầu tư, tài chính, ngân hàng tại cùng một địa điểm.
- **Ra mắt chuỗi các sản phẩm tích hợp và chuyên biệt**, lần đầu tiên có mặt tại thị trường Việt Nam nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng như: An Bình Thịnh Vượng, An Hưng Phát Lộc, Bảo hiểm Tai nạn toàn diện và Chăm sóc Y tế, Bảo hiểm bảo nhiệt đới, Bảo Việt Inter Care, Bảo hiểm ưu việt cho Bệnh Ung thư và Tim mạch... Bảo Việt cũng đẩy mạnh phát triển sản phẩm mới dành cho khách hàng cá nhân thông qua kênh ngân hàng với nhiều ưu đãi tiêu biểu như: Cho vay mua xây dựng và sửa chữa nhà - BAOVIET HAPPY HOUSE, Cho vay ưu đãi dành cho cán bộ nhân viên và khách hàng BAOVIET Life – HAPPY LIFE
- **Mở rộng mạng lưới kinh doanh:** Bảo hiểm Bảo Việt đã thành lập thêm 6 công ty thành viên, nâng tổng số công ty thành viên lên 79 công ty trên toàn quốc. Bảo Việt Nhân thọ cũng khai trương 10 công ty thành viên, nâng tổng số công ty thành viên lên 75 công ty. Với việc phát triển mạng lưới mạnh mẽ trong năm 2017, Bảo Việt trở thành doanh nghiệp có hệ thống phân phối lớn nhất thị trường bảo hiểm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng với phân khúc từ bình dân đến cao cấp.
- **Tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại**, đẩy mạnh triển khai các dự án công nghệ thông tin trọng điểm (như dự án InsureJ, New Core, Core Fund, Trung tâm dự phòng thảm họa...) góp phần hỗ trợ nâng cao chất lượng của công tác quản trị điều hành tập trung và thúc đẩy hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh trong xu hướng cách mạng công nghiệp 4.0.
- **Hợp tác, tham mưu chính sách cho các cơ quan, ban ngành Nhà nước:** trên cơ sở nghiên cứu chuyên sâu về thị trường bảo hiểm, tài chính, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục có những tham mưu, đề xuất hiệu quả với Bộ Tài chính trong công tác phát triển và lành mạnh hóa thị trường bảo hiểm, triển khai các sản phẩm, dịch vụ mới như: sản phẩm bảo hiểm y tế, bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm tài sản công, bảo hiểm bảo lãnh...; tham mưu xây dựng và hoàn thiện văn bản hướng dẫn nhằm phù hợp với thực tế và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp bảo hiểm trong quá trình hoạt động kinh doanh.
- **Về công tác an sinh xã hội:** năm 2017, Bảo Việt đã đầu tư hơn 220 tỷ đồng cho hoạt động an sinh xã hội và phát triển cộng đồng bền vững, gắn kết các mục tiêu phát triển bền vững của thế giới trong hoạt động kinh doanh, tập trung vào 4 trọng tâm chính bao gồm: xóa đói giảm nghèo; đầu tư cho giáo dục và thể hệ trẻ; tri ân gia đình liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng và khắc phục hậu quả thiên tai.



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

Với thông điệp “Khẳng định thương hiệu Việt”, năm 2018, Tập đoàn Bảo Việt sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh hướng tới phát triển hiệu quả và bền vững, bám sát định hướng chiến lược giai đoạn 2016 – 2020 đã đề ra. Hội đồng Quản trị định hướng các nhiệm vụ trọng tâm Ban Điều hành cần tập trung triển khai trong năm 2018 như sau:

Kế hoạch kinh doanh: thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp kinh doanh nhằm hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2018 được giao; các lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ tiếp tục giữ vững vị trí số 1 thị trường, lĩnh vực quản lý quỹ giữ vững vị thế hàng đầu Việt Nam.

Nâng cao hiệu quả: Thực hiện kiểm soát, tiết giảm chi phí nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh trong tất cả lĩnh vực hoạt động, nâng cao tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu.

Bộ máy tổ chức: Rà soát, đổi mới, sắp xếp bộ máy tổ chức nhân sự tinh gọn, hoạt động hiệu quả. Tăng cường công tác đào tạo gắn với quy hoạch, luân chuyển cán bộ trên toàn hệ thống nhằm nâng cao chất lượng và chuẩn bị sẵn sàng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu kinh doanh của các đơn vị trên toàn hệ thống.

Quản trị hệ thống: Rà soát, điều chỉnh bổ sung các Quy chế, Quy trình nội bộ, từ Điều lệ cho đến các quy định nội bộ cho phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước. Đảm bảo đúng quy định, đầy đủ, ngắn gọn, dễ thực hiện hiệu quả.

Tiếp tục đẩy mạnh Đề án hợp lực Tập đoàn Bảo Việt, trọng tâm là bán chéo sản phẩm giữa các đơn vị thành viên, hợp lực trong truyền thông - thương hiệu – marketing; xây dựng các trụ sở dùng chung, cơ sở dữ liệu khách hàng dùng chung; Tiếp tục nghiên cứu nhu cầu của khách hàng và thị trường để phát triển các sản phẩm dịch vụ mới, tích hợp nhằm đáp ứng thị hiếu khách hàng và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường. Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng trước, trong và sau bán hàng.

Công nghệ thông tin: Tập trung đầu tư và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại; đẩy nhanh tiến độ các dự án công nghệ thông tin trọng điểm để đáp ứng tốt hơn nhu cầu kinh doanh của toàn hệ thống cũng như yêu cầu quản trị điều hành tập trung trong thời đại kinh doanh công nghệ số;

Tăng cường năng lực tài chính cho Công ty Mẹ Tập đoàn, các công ty con để tăng khả năng cạnh tranh. Nghiên cứu đầu tư mới vào các công ty con trong lĩnh vực kinh doanh truyền thống và các ngành nghề kinh doanh mới tiềm năng theo chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020;

Quản trị hệ thống: Rà soát, điều chỉnh bổ sung các Quy chế, Quy trình nội bộ, từ Điều lệ cho đến các quy định nội bộ cho phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước. Đảm bảo đúng quy định, đầy đủ, ngắn gọn, dễ thực hiện hiệu quả.

THÔNG điệp CỦA CỔ ĐÔNG CHIẾN lược SUMITOMO LIFE



THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Năm thành lập	Tháng 5 năm 1907
Trụ sở chính	Tokyo/Osaka, Japan
Số lượng nhân viên và đội ngũ bán hàng	10.983 nhân viên, 31.852 đại lý bán hàng
Mạng lưới (tại thời điểm 31/3/2017)	Tại Nhật Bản: 87 chi nhánh, 1.412 văn phòng giao dịch Trên toàn cầu: 01 Công ty con tại Mỹ, các công ty liên kết tại Việt Nam, Indonesia, Trung Quốc 04 Văn phòng Đại diện tại New York, London, Bắc Kinh và Hà Nội
Tổng tài sản	267,6 tỷ USD
Tổng tài sản ròng	14,7 tỷ USD
Tổng doanh thu phí bảo hiểm	29,5 tỷ USD
Số lượng hợp đồng	11,8 triệu hợp đồng
Xếp hạng tín nhiệm	
Moody's	A1
S&P	A

**ÔNG MASAHIRO HASHIMOTO**

Tổng Giám đốc
 Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo

Từ khi tôi được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc của Sumitomo Life, Tập đoàn Bảo Việt và Sumitomo Life đã và đang luôn làm việc cùng nhau nhằm xây dựng mối quan hệ mang lại những giá trị đặc biệt và không thể tách rời đối với cả hai công ty. Nhờ vậy, mối quan hệ hợp tác giữa hai bên đang phát triển ngày càng bền chặt.

Sumitomo Life đã mua lại 18% cổ phần của Tập đoàn Bảo Việt, và tham gia thỏa thuận Hợp tác hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực (TSCTA) từ năm 2013. Qua đó chúng tôi tiến hành cung cấp cho Tập đoàn Bảo Việt những bí quyết kinh doanh độc đáo và đa dạng trong ngành bảo hiểm mà Sumitomo Life đã tích lũy được trong suốt hơn 100 năm lịch sử kinh doanh tại Nhật Bản, từ đó đóng góp vào việc nâng cao giá trị doanh nghiệp của Bảo Việt.

Với mục tiêu “Trở thành doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam có năng lực cạnh tranh quốc tế cao”, Tập đoàn Bảo Việt đã xây dựng kế hoạch quản trị trung hạn cho giai đoạn 2016-2020 nhằm nâng cao kết quả tăng trưởng kinh doanh. Dưới sự quản trị vững chắc của các nhà lãnh đạo và sự hợp tác từ tất cả các đơn vị thành viên, Tập đoàn Bảo Việt đã đạt được những thành công vang dội trong năm 2017. Đặc biệt, trở thành doanh nghiệp dẫn đầu trong cả lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ là một thành tích thực sự đáng tự hào của Bảo Việt. Trong năm 2017, tôi đã tới thăm Việt Nam và gặp gỡ những nhà lãnh đạo của Bảo Việt. Tôi tin tưởng rằng Bảo Việt sẽ còn phát triển xa hơn dưới sự lãnh đạo của họ trong những thập kỷ tới. Sumitomo Life mong rằng sẽ được đồng hành cùng Tập đoàn Bảo Việt trên nền tảng hợp tác vững chắc, hướng tới những phát triển mạnh mẽ hơn trong tương lai.

Sumitomo Life cam kết sẽ tiếp tục cộng tác cùng Tập đoàn Bảo Việt nhằm nâng cao hơn nữa kết quả kinh doanh trong năm 2018. Chúng tôi luôn mong muốn và dành nhiều nỗ lực để cung cấp những kiến thức kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm của mình tới Bảo Việt một cách linh hoạt, phù hợp với nhu cầu của Bảo Việt và người dân Việt Nam. Bên cạnh đó, tôi thực sự mong rằng Bảo Việt và Sumitomo Life sẽ cùng tiếp tục phát triển dựa trên sự tin tưởng lẫn nhau. Hơn nữa, với định hướng nâng cao giá trị doanh nghiệp dựa trên hình ảnh thương hiệu mạnh mẽ của Tập đoàn Bảo Việt và Sumitomo Life, chúng tôi tin tưởng rằng năm 2018 sẽ là một năm thắng lợi cho cả hai công ty, tạo đà phát triển, vươn xa hơn cho một “Tương lai vững chắc”. Sumitomo Life mong chờ những thành tựu vượt bậc sắp tới trong năm 2018.

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

» Vốn điều lệ của Công ty	6.804.714.340.000 đồng
» Số lượng cổ phiếu niêm yết	680.471.434 cổ phiếu
» Loại cổ phiếu	Phổ thông
» Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	680.471.434 cổ phiếu
» Cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
» Mệnh giá	10.000 đồng/1 cổ phiếu

(Tính đến ngày 31.12.2017)

(*) Tập đoàn Bảo Việt không có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài trong năm 2017.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU BVH NĂM 2017

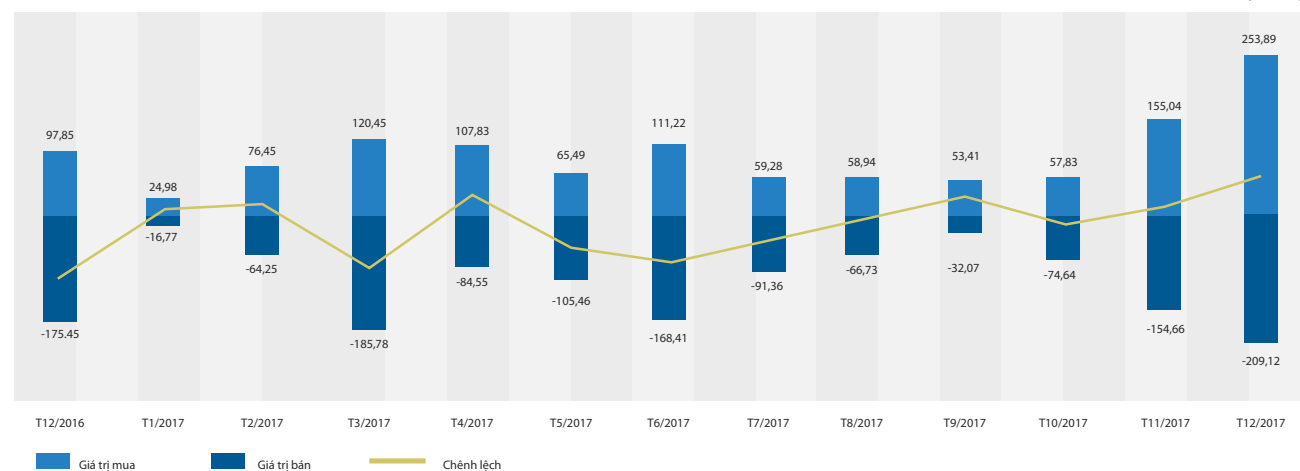
Tổng số phiên	250 phiên
Tổng khối lượng khớp lệnh	88.173.590 cổ phiếu
Tổng giá trị khớp lệnh	5.064.865.078.801 cổ phiếu
Khối lượng giao dịch bình quân/ngày	571.297 cổ phiếu
Khối lượng giao dịch cao nhất 52 tuần (16/12/2017)	2.053.690 cổ phiếu
Khối lượng giao dịch thấp nhất 52 tuần (12/12/2016)	73.620 cổ phiếu

DIỄN BIẾN CỦA CỔ PHIẾU BVH SO VỚI THỊ TRƯỜNG

Năm 2017 ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ cả về thanh khoản và giá cổ phiếu BVH. Riêng Quý IV/2017, cổ phiếu BVH có sự cải thiện lớn về thanh khoản so với các quý trước đó. Mặt bằng thanh khoản tính theo tuần được duy trì đều đặn ở mức cao, gần 500 nghìn cổ phiếu/phiên. Cộng hưởng từ diễn biến tích cực của thị trường chung, hoạt động mua ròng trở lại của khối ngoại cùng việc BVH xác lập lại xu hướng tăng điểm trong cả ngắn và trung hạn là những yếu tố đã giúp BVH tạo được sức hấp dẫn đặc biệt đối với dòng tiền trong và ngoài nước.

Biểu đồ giá trị giao dịch nhà đầu tư nước ngoài ở cổ phiếu BVH 1 năm gần nhất

Đơn vị: Tỷ đồng



Về mặt xu hướng, trên góc độ biến động dài hạn, xu hướng tăng giá dài hạn của cổ phiếu BVH vẫn đang được duy trì. Trong trung hạn, BVH đã xác lập lại xu hướng tăng điểm sau khi bứt phá thành công qua vùng cản 60-62 nghìn vào nửa cuối tháng 12/2017. Sang quý I/2018, cổ phiếu BVH đã tiếp tục duy trì xu hướng tăng điểm.

Biểu đồ Diễn biến BVH và VN-Index năm 2017



Từ giữa Quý II/2017, BVH có sự hồi phục mạnh mẽ và là một trong những bluechip có mức tăng điểm dẫn đầu thị trường. Cùng với thông tin kết quả kinh doanh quý II khởi sắc, khẳng định vị trí số 1 thị trường trên cả hai lĩnh vực Nhân thọ và phi nhân thọ, cùng với sự hồi phục của thị trường chung sau một đợt điều chỉnh đã tạo điểm tựa cho đà tăng điểm của BVH.

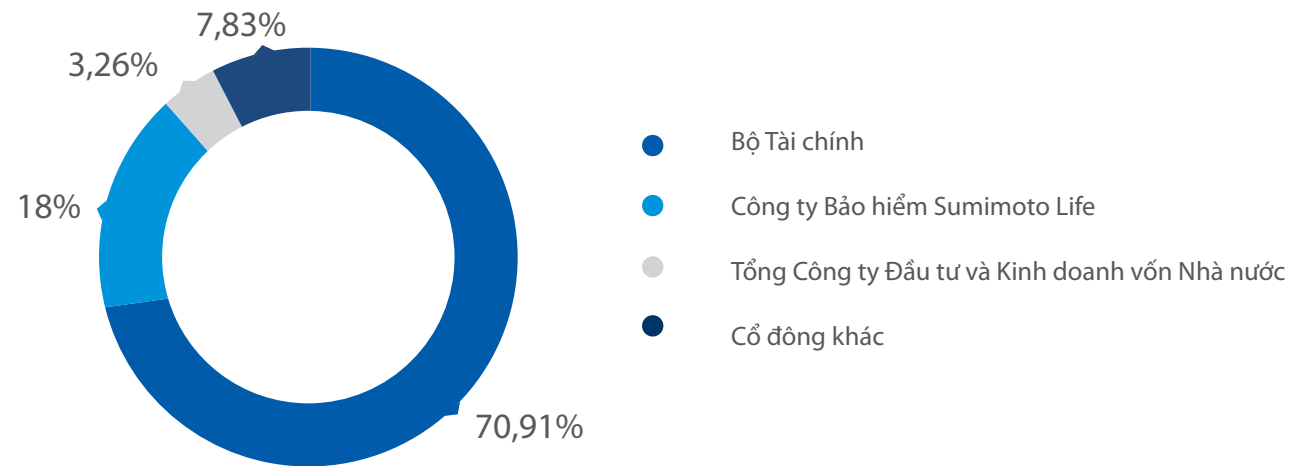
Quý III/2017, tốc độ tăng trưởng tốt trong hoạt động kinh doanh cùng với những nỗ lực mở rộng mạng lưới kinh doanh, khai thác các kênh phân phối mới đã tạo điểm nhấn trong hoạt động kinh doanh Quý III và Quý IV/2017, góp phần tạo sức hấp dẫn dòng tiền đầu tư cho BVH trong giai đoạn cuối năm. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của 2 kỳ tái cơ cấu danh mục từ 2 quỹ ETFs vào cuối Quý III và Quý IV và áp lực sụt giảm của thị trường chung sau một đợt tăng trưởng nóng đã tác động đến giá cổ phiếu BVH, khiến giá cổ phiếu bước vào một giai đoạn đi ngang.

Diễn biến khối lượng và giá giao dịch BVH



Hiện nay, BVH là một trong 30 cổ phiếu hàng đầu niêm yết trên Sở GDCK TPHCM, đáp ứng tiêu chuẩn nằm trong rổ chỉ số VN30. Với kết quả kinh doanh ổn định, bền vững và duy trì tính thanh khoản tốt đã góp phần duy trì sức hấp dẫn của cổ phiếu BVH đối với quỹ đầu tư quốc tế, quỹ ETF tại thị trường chứng khoán Việt Nam. Cổ phiếu BVH niêm yết tại thị trường chứng khoán Việt Nam và chưa niêm yết tại thị trường nước ngoài.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



SỞ HỮU THEO LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	TỶ LỆ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ
Cổ đông sáng lập	3	0,06%	627.173.291	92,17%
- Bộ Tài chính	1	0,02%	482.509.800	70,91%
- Sumitomo Life	1	0,02%	122.509.091	18,00%
- SCIC	1	0,02%	22.154.400	3,26%
Cổ đông khác	5.405	99,94%	53.298.143	7,83%
TỔNG CỘNG	5.408	100%	680.471.434	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 31/12/2017)



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Phân loại cơ cấu cổ đông theo danh sách chốt ngày 30/03/2018:

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	504.664.200	74,16%	02	02	0
2	Cổ đông sáng lập	504.664.200	74,16%	02	02	0
	- Trong nước	504.664.200	74,16%	02	02	0
	- Nước ngoài	0	0%	0	0	0
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	605.018.891	88,91%	02	02	0
	- Trong nước	482.509.800	70,91%	01	01	0
	- Nước ngoài	122.509.091	18%	01	01	0
4	Công đoàn Công ty	0	0	0	0	0
	- Trong nước	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	0	0	0	0	0
7	Cổ đông khác	53.298.143	7,83%	5.796	148	5.648
	- Trong nước	7.066.332	1,04%	5.398	50	5.348
	- Nước ngoài	46.231.811	6,79%	398	98	300
TỔNG CỘNG (1+3+4+5+6+7)		680.471.434	100%	5.799	152	5.648
Trong đó: - Trong nước		511.730.535	75,2%	5.400	53	5.348
- Nước ngoài		168.740.902	24,8%	399	99	300

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 31/12/2017)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG LÀ CỔ ĐÔNG LỚN VÀ NHÀ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN CHUYÊN NGHIỆP (NĐTCKCN)

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (NGƯỜI)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% CP trở lên không phải là NĐTCKCN)	605.018.891	88,9%	02	02	0
	Trong nước	482.509.800	70,90%	01	01	0
	Nước ngoài	122.509.091	18,0%	01	01	0
2	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên	0	0%	0	0	0
	Trong nước	0	0%	0	0	0
	Nước ngoài	0	0%	0	0	0
3	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu <5% vốn CP	53.810.883	7,91%	128	128	0
	- Trong nước	23.316.087	3,43%	45	45	0
	- Nước ngoài	30.494.796	4,48%	83	83	0
TỔNG CỘNG		658.829.774	96,86%	130	130	0

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 31/12/2017)

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Tập đoàn Bảo Việt không phát sinh giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ trong năm 2017.

VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2017, Tập đoàn Bảo Việt không thực hiện phát hành tăng vốn do vậy số vốn góp của cổ đông tại thời điểm 31/12/2017 không thay đổi so với thời điểm cuối năm 2016, cụ thể như sau:

	CỔ PHIẾU THƯỜNG	CỔ PHIẾU ƯU ĐÃI	TỔNG SỐ
Số vốn góp của cổ đông	6.804.714.340.000	-	6.804.714.340.000
Thặng dư vốn cổ phần	3.184.332.381.197	-	3.184.332.381.197
TỔNG CỘNG	9.989.046.721.197	-	9.989.046.721.197

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2017)

DOANH NGHIỆP
NIÊM YẾT HÀNG ĐẦUTHƯƠNG HIỆU
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNGTHÔNG TIN MINH BẠCH
THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH - BẢO HIỂM HÀNG ĐẦU VIỆT NAM

1 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

BAOVIET  Insurance
BẢO HIỂM BẢO VIỆT

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

BAOVIET  Life
BẢO VIỆT NHÂN THỌ

TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ

BAOVIET  Fund
QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

BAOVIET  Securities
CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

BAOVIET  Invest
ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẢO VIỆT





Năm 2017, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục giữ vững vị trí đứng đầu thị trường Bảo hiểm phi nhân thọ với gần 20% thị phần và là doanh nghiệp bảo hiểm đầu tiên & duy nhất cán mốc tổng Doanh thu gần 10.000 tỷ đồng, tăng trưởng 22,6% - gần gấp đôi so với tốc độ tăng trưởng bình quân của thị trường.

ÔNG NGUYỄN XUÂN VIỆT

Q. TỔNG GIÁM ĐỐC

GIỚI THIỆU VỀ BẢO HIỂM BẢO VIỆT

Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt là đơn vị thành viên được Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn. Trong suốt chặng đường hơn 50 năm hoạt động, Bảo hiểm Bảo Việt luôn nỗ lực không ngừng để thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của nhà bảo hiểm hàng đầu Việt Nam. Bảo hiểm Bảo Việt hiện là doanh nghiệp bảo hiểm có vốn điều lệ lớn, năng lực tài chính vững mạnh, sản phẩm đa dạng, chất lượng dịch vụ vượt trội và đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao.

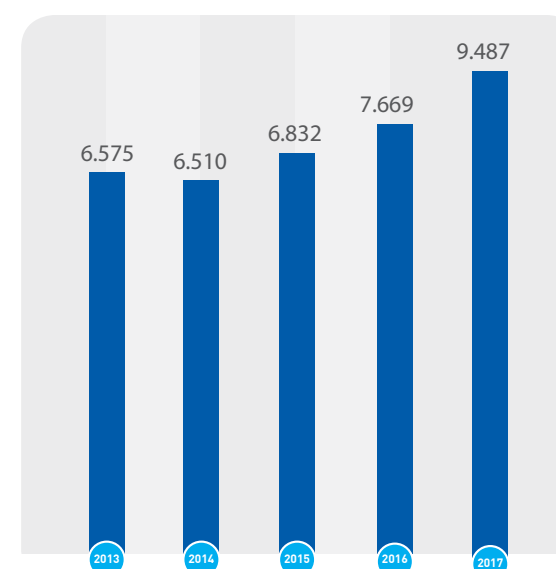
Định hướng chiến lược của Bảo hiểm Bảo Việt trong thời gian tới là đẩy mạnh ứng dụng cách mạng công nghệ 4.0 trong các hoạt động kinh doanh cũng như công tác quản trị nhằm mang lại dịch vụ sản phẩm có tính linh hoạt cao, thân thiện với nhu cầu sử dụng của Khách hàng; xây dựng và triển khai các sản phẩm mới, cấu trúc lại sản phẩm phù hợp với từng đối tượng và xây dựng các giải pháp để tăng trưởng doanh thu tại các địa bàn trọng điểm; tiếp tục tận dụng lợi thế và phát triển các kênh đối tác bán chéo sản phẩm; đẩy mạnh các hoạt động marketing, bán hàng online, các chương trình thi đua khen thưởng cho cán bộ nhân viên nhằm tạo động lực và khích lệ các hoạt động kinh doanh; từ đó đảm bảo mục tiêu tăng trưởng hiệu quả và bền vững.

Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt trong năm 2017 đã trở thành đơn vị bảo hiểm phi nhân thọ nằm trong top đầu được đánh giá cao về độ uy tín, tốc độ tăng trưởng, tính bền vững và khả năng dẫn dắt thị trường; đảm bảo hiệu quả trong doanh thu và lợi nhuận đóng góp vào bức tranh chung của Tập đoàn.

Năm 2018, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục đưa ra mục tiêu dẫn dắt thị trường với thông điệp “Đón công nghệ - Mở thành công” cùng bốn nhiệm vụ chính: Công nghệ tiên tiến – Dịch vụ thân thiện – Dữ liệu hợp chuẩn – Quản trị linh hoạt. Đảm bảo áp dụng công nghệ 4.0 vào các hoạt động kinh doanh, quản trị cũng như các công tác liên quan đến chất lượng dịch vụ, công tác sau bán để cung cấp cho Khách hàng những sản phẩm, dịch vụ có khả năng đáp ứng nhu cầu cao nhất theo đúng định hướng “Khách hàng là trung tâm”.

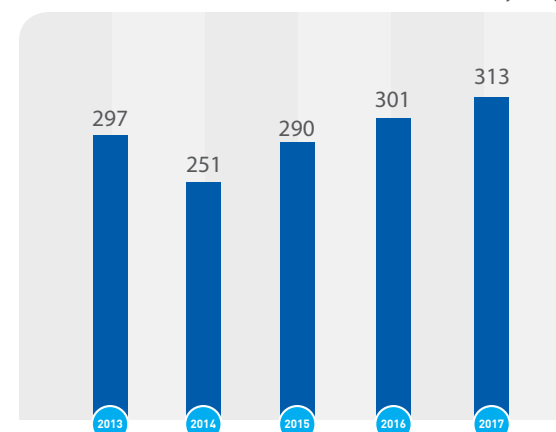
Tổng doanh thu

ĐVT: Tỷ đồng



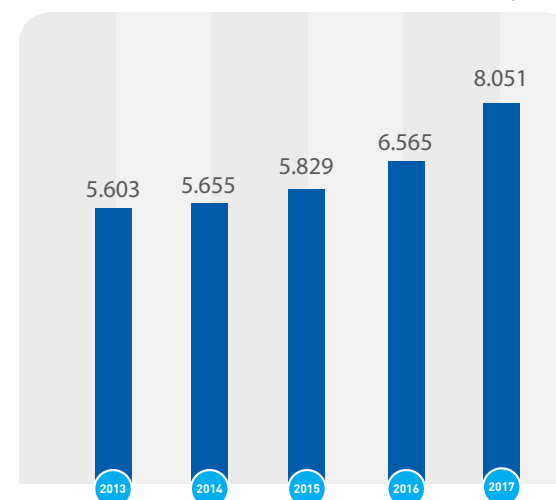
Lợi nhuận sau thuế

ĐVT: Tỷ đồng



Tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc

ĐVT: Tỷ đồng



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2017

Tạo dựng kỷ lục mới về tăng trưởng, khẳng định vị trí số 1 thị trường

2017 là năm đánh dấu những kỷ lục của Bảo hiểm Bảo Việt khi trở thành thương hiệu đầu tiên trong lịch sử phát triển hơn nửa thế kỷ của ngành Bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh trước 1 tháng với mức tổng doanh thu gần 10.000 tỷ đồng, tiếp tục khẳng định vai trò dẫn dắt trên thị trường với vị trí số 1 trong ngành phi nhân thọ.

Theo đó, tính đến 31/12/2017, tổng Doanh thu của Bảo hiểm Bảo Việt đạt 9.487 tỷ đồng, tăng trưởng 23,7% so với năm 2016, đạt 112,2% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 388 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch đã đề ra trong năm 2017. Các nghiệp vụ như bảo hiểm xe cơ giới, y tế và con người, tài sản, kỹ thuật... ghi nhận mức tăng trưởng 2 con số, tiếp tục đóng góp vào sự tăng trưởng bền vững của Bảo hiểm Bảo Việt nói riêng, cũng như của Tập đoàn nói chung.

Tăng vốn điều lệ nâng cao hiệu quả kinh doanh

Ngay từ những tháng cuối năm 2017, Bảo hiểm Bảo Việt đã tăng vốn điều lệ lên 2.300 tỷ; đồng thời tái cơ cấu theo mô hình quản lý tập trung, đảm bảo tính hiệu quả cao trong công tác quản trị rủi ro, từ đó tăng cường năng lực cung cấp dịch vụ sản phẩm bảo hiểm cho các dự án lớn cũng như nâng cao khả năng cam kết, chi trả quyền lợi bảo hiểm cho Khách hàng.

Cùng với đó, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục tập trung ứng dụng các thành tựu Công nghệ tiên tiến trong sản phẩm, quy trình bảo lãnh, bồi thường cũng như trong công tác điều hành, quản trị thông qua các ứng dụng lõi như InsureJ, Sun Account, ... Đồng thời, nghiên cứu mở rộng mạng lưới hoạt động, kênh phân phối, kênh bán chéo trong cùng Tập đoàn để ngày một đa dạng hóa dịch vụ, tiện ích vì sự thuận tiện cho khách hàng.

Mở rộng quy mô mạng lưới, đưa dịch vụ thân thiện đến gần hơn với khách hàng

Năm 2017 chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ về quy mô và mạng lưới của Bảo hiểm Bảo Việt với 6 Công ty thành viên mới được thành lập, nâng tổng số CTTV trên toàn hệ thống lên con số 79, cùng trên 3.000 nhân viên, hơn 30.000 đại lý và gần 700 phòng bảo hiểm khu vực trải rộng khắp các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.



Cùng với đó, các chương trình thúc đẩy bán hàng, bán chéo, hợp lực kinh doanh cũng đã được đẩy mạnh không chỉ nâng cao doanh thu, hiệu suất mà còn đa dạng kênh phân phối, mang lại cho khách hàng thêm nhiều cơ hội tiếp xúc với những sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm tài chính ưu việt trọn gói một cách nhanh chóng, kịp thời. Bảo hiểm Bảo Việt không những là đơn vị bảo hiểm số 1 đối với khách hàng cá nhân hộ gia đình mà còn là nhà bảo hiểm hàng đầu cung cấp các giải pháp bảo hiểm trọn gói, tổng thể, chương trình quản lý rủi ro, hạn chế thấp nhất những thiệt hại cho các khách hàng tổ chức và doanh nghiệp. Tất cả đã minh chứng cho khát vọng vươn xa để đến gần khách hàng hơn nữa của Bảo hiểm Bảo Việt.

“Khách hàng là trung tâm” là chìa khóa của thành công

Trong năm vừa qua, Bảo hiểm Bảo Việt liên tiếp mở rộng quy mô, mạng lưới thông qua các hoạt động ký kết hợp tác, xúc tiến quan hệ bán hàng với nhiều đối tác lớn, uy tín trong và ngoài nước trên nhiều lĩnh vực (ngân hàng, phát triển kênh bán, công nghệ số...); có thể kể đến một số tên tuổi có tiếng trên thị trường như Vietcombank, Techcombank, BIDV, Standard Chartered Bank, Vietnam Airlines, Momo, Viettel Post ...

Cũng bên cạnh đó, Bảo hiểm Bảo Việt không ngừng nghiên cứu để cho ra mắt nhiều sản phẩm đẳng cấp thế giới với các tính năng vượt trội như: Bảo hiểm ưu việt bệnh ung thư và tim mạch (PHCC), Bảo hiểm Y tế cao cấp (Intercare), Bảo hiểm Bảo nhiệt đới (One Storm)... - là những sản phẩm lần đầu ra mắt thị trường - từ đó tăng mức đa dạng sản phẩm, mang lại nhiều lựa chọn có giá trị cao về lợi ích hơn cho khách hàng.

Việc đẩy mạnh hợp tác, thúc đẩy phát triển sản phẩm phù hợp với nhu cầu và mong muốn của khách hàng là minh chứng cho sự chuyển mình mạnh mẽ của Bảo hiểm Bảo Việt khi đặt khách hàng vào trung tâm của mọi hoạt động và sẵn sàng đổi mới và hợp tác để chinh phục được hoàn toàn khách hàng cũng như thị trường bảo hiểm phi nhân thọ đang phát triển từng ngày.

Ứng dụng công nghệ mới mang lại sự thuận tiện cho khách hàng

Cũng trong năm 2017, Bảo hiểm Bảo Việt không chỉ cho ra mắt website bán hàng trực tuyến www.baovietonline.com.vn, mà còn đẩy mạnh việc tương tác cùng khách hàng thông qua ký kết với các đối tác ngân hàng, ô tô, công nghệ... giúp khách hàng trên khắp cả nước có thể tiếp cận sử dụng dịch vụ bảo hiểm thuận tiện hơn, nhanh chóng hơn, hiệu quả hơn. Trong thời gian sắp tới, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ tiếp tục mở thêm những chi nhánh mới, nâng cao chất lượng dịch vụ, nghiên cứu và cho ra mắt các gói sản phẩm tích hợp tiện ích hơn ứng dụng cách mạng công nghệ 4.0 theo xu thế hiện đại.

Môi trường làm việc “Tốt nhất Việt Nam” đảm bảo phát triển và lộ trình thăng tiến

Song song với các hoạt động chiến lược thúc đẩy kinh doanh, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt cũng luôn đi đầu trong việc tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, mang đến cơ hội phát triển, thăng tiến và chế độ đãi ngộ tốt đối với toàn thể hơn 3.000 cán bộ nhân viên của Bảo hiểm Bảo Việt.

Đây cũng là năm thứ ba liên tiếp Bảo hiểm Bảo Việt nằm trong top 3 nơi làm việc tốt nhất ngành Bảo hiểm và

Tổng doanh thu 2017

9.487
tỷ đồng **↑**
23,7%

Lợi nhuận trước thuế 2017

388
tỷ đồng **↑**
4,2%

Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/
Vốn điều lệ 2017

13,6%

được vinh danh là nơi làm việc tốt số 1 trong lĩnh vực Bảo hiểm Phi nhân thọ. Kết quả khảo sát chuyên nghiệp được thực hiện bởi các doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam hiện nay, chuyên đo lường sức khỏe thương hiệu nhà tuyển dụng của các doanh nghiệp hàng đầu chính là một minh chứng cho những nỗ lực không ngừng nghỉ của Bảo hiểm Bảo Việt trong suốt chặng đường hơn 50 năm trong việc đầu tư cho yếu tố con người, tài sản quý giá của công ty. Xuất phát từ việc luôn lắng nghe để thấu hiểu những quan tâm của nhân viên, Bảo hiểm Bảo Việt đã xây dựng một tiêu chuẩn mới về nơi làm việc lý tưởng, nơi mà tất cả nhân viên nhận được cam kết quan tâm toàn diện và phát triển tối đa trong một lộ trình nghề nghiệp cá nhân, tương xứng xứng đáng cho những đóng góp, thông qua những trải nghiệm đa dạng, những thử thách trong công việc, cơ hội học hỏi để hoàn thiện và phát triển bản thân.

Đẩy mạnh hoạt động cộng đồng, góp phần kiến tạo giá trị kết nối nâng cao chất lượng cuộc sống

Là đơn vị bảo hiểm phi nhân thọ hàng đầu Việt Nam với định hướng phát triển bền vững, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt luôn không ngừng nỗ lực đóng góp cho các hoạt động an sinh giáo dục, hoạt động cộng đồng nhằm mang lại những lợi ích thiết thực dài hạn, nâng cao đời sống xã hội.

Năm 2017, cùng với các hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt đã tổ chức và đồng tổ chức một số những hoạt động nổi bật như: Chương trình Bảo Việt cùng em đến trường vào dịp đầu năm học mới tại Tuyên Quang, tặng quà cho hàng trăm lượt học sinh nghèo; Tặng quà cho bệnh nhân nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào dịp Tết nguyên đán tại Bệnh viện K, bệnh viện Tim Hà Nội trên 200 triệu đồng; Phối hợp tổ chức Ngày hội hiến máu tình nguyện "Vì những niềm tin của bạn", huy động được đông đảo cán bộ, đoàn viên tham gia hiến máu, thu được hàng ngàn đơn vị máu để giúp cứu chữa người bệnh; phối hợp tổ chức chương trình leo núi Bạch Mộc Lương Tử kết hợp với chương trình tặng quà “Khăn áo ấm mùa đông” cho trẻ em vùng cao tại Lào Cai, được lãnh đạo chính quyền và nhân dân đánh giá rất cao với tổng giá trị quà tặng trên 200 triệu đồng.

Cũng trong năm 2017, Công đoàn Tổng Công ty đã vận động đoàn viên ủng hộ ít nhất 1 ngày lương cho các quỹ xã hội và ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng lũ lụt, tham gia đoàn công tác đến trao trực tiếp đến tận tay bà con bị lũ lụt như: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Sơn La, Yên Bái.... tổng số tiền hơn 3 tỷ đồng.

MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH 2018

Với tiềm lực tài chính ổn định và vững chắc, dựa trên nền tảng kết quả kinh doanh liên tục tăng trưởng cao trong những năm qua, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục đưa ra các mục tiêu khẳng định vị trí số 1 và dẫn dắt kiến tạo thị trường với thông điệp “Đón công nghệ - Mở thành công”, đi đầu trong việc ứng dụng cách mạng công nghệ 4.0 không chỉ trong các hoạt động kinh doanh, quản trị mà còn trong các công tác bán hàng, chất lượng dịch vụ để mang lại cho khách hàng những sản phẩm bảo hiểm tài chính trọn gói một cách nhanh nhất, thúc đẩy sự phát triển bền vững cũng như tính hiệu quả cao nhất; đảm bảo thực hiện tốt cam kết với người lao động, chủ sở hữu, khách hàng và đối tác.

Theo đó, mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2018:

- Tổng doanh thu: 10.357 tỷ đồng, tăng trưởng 9,2% so với năm 2017
- Lợi nhuận sau thuế: 340 tỷ đồng, tăng trưởng 8,9% so với năm 2017
- Tỷ suất LNST/VĐL: 14,8%

Để có thể làm tốt nhiệm vụ, hoàn thành các mục tiêu chiến lược đã đề ra, Bảo hiểm Bảo Việt xây dựng các nội dung công việc trọng tâm cùng với sự quyết tâm mạnh mẽ trên toàn bộ hệ thống.

Đẩy mạnh tái cơ cấu theo hướng chuyên môn hóa để nâng cao năng suất, có sự kết nối chặt chẽ, và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin.

Thực hiện theo định hướng 2018, Bảo hiểm Bảo Việt mạnh mẽ triển khai ứng dụng công nghệ trong các công tác quản trị, quản lý để đảm bảo nâng cao tính hiệu quả cũng như hiệu suất lao động cụ thể. Đồng thời, đẩy mạnh hơn nữa việc xây dựng các phương thức quản trị dữ liệu theo công nghệ hiện đại, nâng cao tính linh hoạt, luân chuyển để mang lại dịch vụ tối ưu, nhanh chóng cho khách hàng, đối tác.

Mở rộng mạng lưới, thúc đẩy hợp tác toàn diện trên toàn quốc

Năm 2018, Bảo hiểm Bảo Việt cũng đưa ra các công tác kế hoạch phát triển hệ thống và mạng lưới kinh doanh, chiếm lĩnh thị trường thông qua việc thành lập thêm các công ty thành viên mới tại các địa bàn trọng điểm; phát triển kênh phân phối đa dạng trên diện rộng; củng cố và phát triển kênh Bancassurance với các ngân hàng, các tổ chức tín dụng, kênh khách hàng doanh nghiệp...

Chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực

Trên nền tảng là đơn vị bảo hiểm phi nhân thọ với 3 năm liên tiếp được bình chọn là “Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam”, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng môi trường làm việc thân thiện, hiệu quả, chuyên nghiệp; từ đó thúc đẩy sự phát triển cá nhân, đồng thời tạo động lực và điều kiện tốt nhất cho mỗi cán bộ nhân viên có cơ hội phát huy cao nhất năng lực, hoàn thiện bản thân, đẩy mạnh phát triển sự nghiệp.

Bên cạnh đó, Bảo hiểm Bảo Việt cũng không ngừng chú trọng tới công tác tuyển dụng, đào tạo cho cán bộ, đại lý & tư vấn viên, nâng cao chất lượng, đảm bảo tính chuyên nghiệp; đặc biệt, nhấn mạnh việc ứng dụng các công nghệ mới trong công tác xây dựng nhân sự tại Tổng Công ty.

Liên tục nghiên cứu, linh hoạt sáng tạo trong công tác phát triển sản phẩm

Bên cạnh việc tiếp tục hoàn thiện các sản phẩm đã có để luôn đáp ứng được nhu cầu ngày một nâng cao của thị trường, khách hàng, Bảo hiểm Bảo Việt cũng không ngừng nghiên cứu xây dựng các sản phẩm bảo hiểm tài chính mới với những tính năng vượt trội, trọn gói để phục vụ tốt nhất cho từng phân khúc khách hàng, địa bàn kinh doanh chiến lược theo đúng định hướng “Khách hàng là trọng tâm”.

Củng cố thương hiệu Bảo hiểm Bảo Việt bằng chất lượng dịch vụ khách hàng tận tâm

Năm 2018, Bảo hiểm Bảo Việt đề ra các kế hoạch hành động cụ thể nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc và phục vụ khách hàng, hoàn thiện chuỗi cung ứng với việc đa dạng hóa các hình thức chăm sóc khách hàng, tận dụng tối đa ứng dụng của công nghệ thông tin nhằm đáp ứng kịp thời các nhu cầu về tư vấn của các khách hàng, để từ đó mang lại sự hài lòng cao nhất cho mỗi khách hàng.

Bên cạnh đó, Bảo hiểm Bảo Việt cũng đảm bảo thực hiện tốt các công tác sau bán, khảo sát định kỳ chất lượng dịch vụ để kịp thời hỗ trợ khách hàng khi cần thiết, đảm bảo hình ảnh dịch vụ thân thiện, tiên tiến.

Đón đầu xu thế, ứng dụng cách mạng công nghệ 4.0

Nằm trong định hướng phát triển bền vững, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ 4.0 trong hoạt động kinh doanh, quản trị mang lại cho khách hàng những trải nghiệm ngày một thuận tiện hơn, nhanh hơn khi sử dụng sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm tài chính. Bên cạnh đó, Bảo hiểm Bảo Việt cũng tăng cường ký kết các hợp tác phát triển với các tổ chức phát triển công nghệ, thương mại điện tử có uy tín để từ đó tạo ra được nhiều giá trị hơn cho hệ sinh thái thanh toán số, nâng trải nghiệm dịch vụ của người dùng Việt Nam lên một tầm cao mới cũng như góp phần mang chất lượng cuộc sống xã hội ngày một tốt hơn.

Đẩy mạnh hoạt động hợp lực toàn Tập đoàn

Phát huy thế mạnh của Tập đoàn Bảo Việt – Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam với lĩnh vực kinh doanh đa dạng: bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, quản lý quỹ đầu tư, ngân hàng, chứng khoán... trong năm 2018, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục phát huy sức mạnh tổng thể, tăng cường các hoạt động hợp tác, hợp lực nội bộ, nhằm cung cấp các giải pháp bảo hiểm – tài chính – ngân hàng tích hợp vượt trội, tối đa hóa các tiện ích đối với dịch vụ cung cấp cho khách hàng...

Tổng doanh thu 2018

10.357
tỷ đồng **↑**
9,2%

Lợi nhuận sau thuế 2018

340
tỷ đồng **↑**
8,9%

Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/
Vốn điều lệ 2018

14,8%

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
TÀI SẢN NGẮN HẠN	8.603	5.737
Tiền	609	184
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.671	2.240
Các khoản phải thu	2.422	1.525
Hàng tồn kho	19	15
Tài sản ngắn hạn khác	537	457
Tài sản tái bảo hiểm	2.345	1.316
TÀI SẢN DÀI HẠN	4.048	4.594
Các khoản phải thu dài hạn	35	25
Tài sản cố định & xây dựng dở dang	789	818
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.115	3.689
Tài sản dài hạn khác	109	62
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	12.651	10.331
NỢ PHẢI TRẢ	9.920	7.886
Nợ ngắn hạn	3.285	2.785
Nợ dài hạn	3	2
Dự phòng nghiệp vụ	6.632	5.099
VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.731	2.445
Vốn đầu tư của công ty mẹ	2.300	2.000
Quỹ dự trữ bắt buộc	135	120
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	296	325
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	12.651	10.331

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2017	2016
Tổng doanh thu	9.487	7.669
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	8.987	7.196
Doanh thu hoạt động tài chính	495	467
Doanh thu khác	5	6
Phí nhượng tái bảo hiểm và các khoản giảm trừ	(2.383)	(1.612)
Doanh thu thuần	7.104	6.057
Tổng chi phí	(6.716)	(5.685)
Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(5.639)	(4.764)
Chi phí hoạt động tài chính	(126)	(127)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(950)	(791)
Chi phí khác	(1)	(3)
Lợi nhuận trước thuế	388	372
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	(75)	(71)
Lợi nhuận sau thuế	313	301

BAOVIET Insurance
BẢO HIỂM BẢO VIỆTBẢO HIỂM
DẦU KHÍ HÀNG KHÔNGBẢO HIỂM
TÀI SẢN KỸ THUẬTBẢO HIỂM
XE CƠ GIỚIBẢO HIỂM
CON NGƯỜIBẢO HIỂM
HÀNG HẢI



Năm 2017 - năm khởi đầu trong hành trình mới kiến tạo những giá trị bền vững của Bảo Việt Nhân thọ tới khách hàng. Trải qua chặng đường hơn 20 năm phát triển và khai mở thị trường, liên tục phát triển và tăng trưởng, với tiềm lực tài chính ổn định và vững chắc, cùng với việc phát huy sức mạnh hợp lực của toàn Tập đoàn Bảo Việt, Bảo Việt Nhân thọ tiếp tục hướng tới mục tiêu tăng trưởng hiệu quả và bền vững, song hành với nâng cao chất lượng hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

ÔNG PHẠM NGỌC SƠN

TỔNG GIÁM ĐỐC

GIỚI THIỆU VỀ BẢO VIỆT NHÂN THỌ

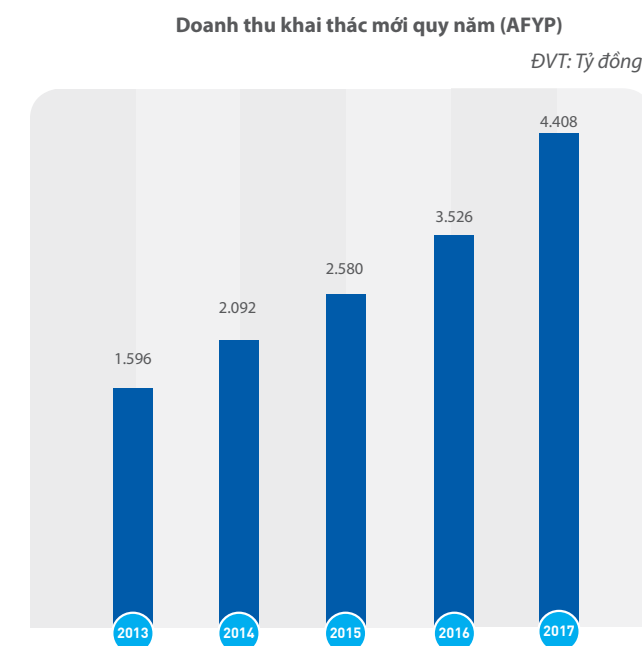
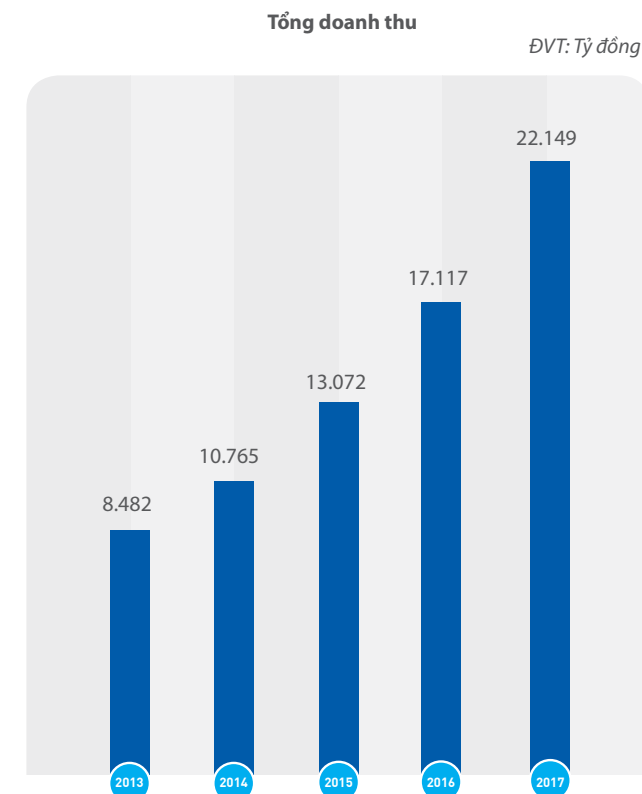
Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ là Công ty thành viên 100% vốn của Tập đoàn Bảo Việt – Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Bảo Việt Nhân thọ (BVNT) liên tục khẳng định là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và là doanh nghiệp có tiềm lực tài chính ổn định và vững mạnh.

Là doanh nghiệp Việt duy nhất trên thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam, BVNT luôn duy trì mức tăng trưởng nhanh về tổng doanh thu phí bảo hiểm và doanh thu khai thác mới. Đặc biệt, theo số liệu của Cục Quản lý giám sát bảo hiểm, năm 2017 là năm thứ hai liên tiếp BVNT giữ vị trí SỐ 1 về thị phần doanh thu khai thác mới và lần đầu tiên vươn lên DẪN ĐẦU thị trường về thị phần tổng doanh thu phí bảo hiểm.

Với lực lượng hơn 2.000 cán bộ và gần 170.000 tư vấn viên, BVNT có mạng lưới 75 Công ty thành viên và 358 văn phòng khu vực rộng khắp 63 tỉnh thành của cả nước.

Bảo Việt Nhân thọ cũng liên tục được các cơ quan nhà nước ghi nhận là doanh nghiệp bảo hiểm đứng đầu thị trường về đóng thuế thu nhập doanh nghiệp cho Ngân sách Nhà nước cũng như thực thi định hướng phát triển chiến lược của Chính phủ trong việc xây dựng hệ thống an sinh xã hội thông qua phát triển bảo hiểm nhân thọ.

Là doanh nghiệp đứng đầu trong ngành bảo hiểm nhân thọ Việt Nam, BVNT luôn mong muốn đóng góp nhiều hoạt động thiết thực và ý nghĩa nhằm thực hiện sứ mệnh Bảo vệ lợi ích Việt – Bảo vệ giá trị Việt. Với những cố gắng không ngừng trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cũng như những đóng góp liên tục, dài hơi cho các hoạt động an sinh giáo dục, hoạt động cộng đồng, BVNT vinh dự đón nhận giải thưởng quốc tế “Công ty bảo hiểm nhân thọ vì sức khỏe cộng đồng năm 2017” và “Công ty bảo hiểm nhân thọ tốt nhất Việt Nam năm 2017” – Giải thưởng do Tạp chí Tài chính và Ngân hàng toàn cầu của Anh quốc bình chọn.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2017

Kết quả hoạt động kinh doanh 2017

Năm 2017, với định hướng chiến lược phát triển kinh doanh và mở rộng thị trường, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ đã hoàn thành xuất sắc kết quả kinh doanh với mức tăng trưởng cao về doanh thu, lợi nhuận so với năm 2016. Cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu** của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ năm 2017 đạt 22.149 tỷ đồng, tăng 29,4% so với năm 2016, trong đó:
- Doanh thu phí bảo hiểm gốc** đạt 17.471 tỷ đồng, tăng trưởng 29,8% so với năm 2016. Với kết quả này, lần đầu tiên Bảo Việt Nhân thọ vươn lên vị trí DẪN ĐẦU thị trường về thị phần tổng doanh thu.
- Doanh thu khai thác mới quy năm AFYP** là 4.408 tỷ đồng, tăng trưởng 25% so với năm 2016. BVNT luôn duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu khai thác mới cao qua nhiều năm liền. Đặc biệt, 2017 là năm thứ 2 liên tiếp BVNT duy trì vị trí số 1 thị trường về thị phần doanh thu KTM.
- Doanh thu tài chính** đạt 4.641 tỷ đồng tăng trưởng 27,3% so với năm 2016. Định hướng chung và xuyên suốt trong hoạt động đầu tư của Bảo Việt Nhân thọ là đảm bảo an toàn, hiệu quả, chú trọng quản lý rủi ro, quản lý thanh khoản, đảm bảo quyền lợi cho chủ hợp đồng.
- Lợi nhuận trước thuế** đạt 1.001 tỷ đồng, tăng trưởng 59,5% so với năm 2016.
- Lợi nhuận sau thuế** đạt 812 tỷ đồng, tăng trưởng 58,4% so với năm 2016.
- Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ** đạt 32,5%, tăng trưởng 58,3% so với năm 2016. Là doanh nghiệp bảo hiểm nội địa duy nhất trên thị trường, BVNT đã khẳng định vị trí dẫn đầu là doanh nghiệp Việt. Thành công từ kết quả kinh doanh giúp BVNT tăng cường tiềm lực tài chính với tổng tài sản 69.236 tỷ đồng, tăng trưởng 28,7% so với năm 2016. Tốc độ tăng trưởng cao của BVNT là kết quả của các giải pháp tổng thể trong lĩnh vực kinh doanh, tiếp tục định hướng tăng trưởng và phát triển bền vững thông qua mở rộng mạng lưới kinh doanh, đổi mới sản phẩm và không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin phục vụ kinh doanh và quản lý

doanh nghiệp, tăng cường tập trung hóa các mặt hoạt động, nâng cao năng suất lao động, tập trung đầu tư và phát triển đội ngũ cán bộ đồng thời nâng cao chất lượng của tư vấn viên.

• Tổng số lượng tư vấn viên

Tổng số tư vấn viên trong toàn hệ thống liên tục tăng đạt gần 170.000 người tại thời điểm 31/12/2017, tăng xấp xỉ 50% so với thời điểm cuối năm 2016 (114.000 người). Tư vấn viên được tuyển dụng, đào tạo tăng về lượng, mạnh về chất, chuyên nghiệp, hiện đại, đảm bảo tư vấn đúng, đủ nhu cầu khách hàng, luôn hướng tới nâng cao sự hài lòng của khách hàng.

Tiến bộ công ty đã đạt được trong năm 2017

Phát triển hệ thống và mạng lưới kinh doanh

Với định hướng chiến lược mở rộng và phát triển, BVNT tiếp tục thực hiện chủ trương đầu tư, mở rộng thị trường để phục vụ khách hàng, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ. Tiếp nối thành công từ chuỗi CTTV mới thành lập trong năm 2016, năm 2017 BVNT thành lập thêm 10 Công ty thành viên mới tại Hà Nội, Nghệ An, Quảng Ninh, Bình Định, và Thành phố Hồ Chí Minh, nâng tổng số Công ty thành viên lên 75 Công ty trên 63 tỉnh/thành của cả nước, trở thành công ty bảo hiểm nhân thọ duy nhất trên thị trường sở hữu một mạng lưới công ty thành viên vững chắc rộng khắp trên toàn quốc. Năm 2017 BVNT cũng chú trọng đầu tư phát triển hệ thống 358 văn phòng khu vực, nhằm cung cấp chất lượng dịch vụ tối ưu cho khách hàng.

Phát triển kênh phân phối mới, tăng cường hợp tác

Bên cạnh kênh phân phối truyền thống, Bảo Việt Nhân thọ cũng tiếp tục đẩy mạnh khai thác thông qua phân phối đa kênh: bancassurance, telesales, khai thác khách hàng doanh nghiệp... nhằm đa dạng hóa hình thức bán hàng cũng như tăng cường tư vấn cho các khách hàng về các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ.

Kênh Telesales, bên cạnh nhiệm vụ hỗ trợ tư vấn cho khách hàng về sản phẩm bảo hiểm, còn đóng vai trò quan trọng là cầu nối, là kênh giao tiếp hiệu quả từ BVNT trực tiếp tới khách hàng, thăm hỏi, lắng nghe ý kiến khách hàng, hỗ trợ giải quyết thông tin, thắc mắc, góp phần cải thiện chất lượng dịch vụ khách hàng. Từ năm 2017, kênh telesales cũng được đầu tư chú trọng khai thác theo phương thức mới, hứa hẹn đem tới nhiều đổi mới và giá trị gia tăng cho khách hàng.

Kênh bancassurance, tiếp tục là kênh phân phối có nhiều bước tiến rõ rệt về phát triển mạng lưới, xây dựng hệ thống và đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường, theo sát với xu hướng hội nhập và phát triển.

Nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng là các tổ chức, Tập đoàn lớn, kênh khách hàng doanh nghiệp đã tư vấn, cung cấp nhiều giải pháp về bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm hưu trí như một phần trong chính sách phúc lợi cho cán bộ nhân viên, gắn kết người lao động, gia tăng năng suất lao động và hiệu quả làm việc cho doanh nghiệp, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp và nhân viên được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập cho các khoản đóng góp trong các chương trình bảo hiểm nhân thọ.

Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng

Chất lượng dịch vụ khách hàng được nâng cao và có sự tiến bộ rõ rệt, với những ứng dụng công nghệ hiện đại, bắt kịp xu thế phát triển và văn hóa tiêu dùng của người dân. Năm 2017 BVNT đã giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho gần 18.500 khách hàng gặp rủi ro với tổng số tiền chi trả lên tới gần 340 tỷ đồng, cung cấp hỗ trợ, tư vấn tài chính cho hàng nghìn khách hàng với thời gian thực hiện các thủ tục được rút ngắn tối đa so với các năm trước tạo điều kiện thuận lợi nhất cho khách hàng...

Với mong muốn cung cấp ngày một nhiều hơn giá trị gia tăng cho khách hàng, BVNT đã nhiều lần cử bác sỹ, cộng tác viên y tế trực tiếp đến tận nhà để hỗ trợ cho các bệnh nhân gặp rủi ro thương tật hoặc bệnh lý nghiêm trọng và mời các chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực y tế, tâm lý, giáo dục đến chia sẻ, tư vấn cho các khách hàng trên toàn quốc. Nội dung chia sẻ của các chuyên gia đã giúp cho khách hàng nhìn nhận tích cực hơn về các vấn đề sức khỏe, nuôi dạy con trẻ và giữ gìn hạnh phúc gia đình như “Bệnh hiểm nghèo – tìm hiểu và phòng ngừa”, “sống khỏe đời vui”, “cha mẹ toàn diện – con trẻ tài năng”...

Phát triển sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường

Công tác nghiên cứu, phát triển và hoàn thiện sản phẩm liên tục được thực hiện và đẩy mạnh. Năm 2017, BVNT tiếp tục giới thiệu ra thị trường 4 sản phẩm mới “An Bình Thịnh Vượng”, “An Hưng Phát Lộc”, “Sản phẩm bổ trợ tai nạn toàn diện” và “Sản phẩm bổ trợ chăm sóc y tế”. Bên cạnh đó, dòng sản phẩm liên kết chung của BVNT tiếp tục duy trì là dòng sản phẩm hấp dẫn trên thị trường với lãi suất đầu tư cao trong điều kiện lãi suất thị trường tiếp tục duy trì ở mức thấp. Hiện tại, giỏ sản phẩm của Bảo Việt Nhân thọ cung cấp cho khách hàng lựa chọn phong phú với hơn 40 sản phẩm các loại.

Tổng doanh thu 2018

25.696
tỷ đồng  **16%**

Lợi nhuận sau thuế 2018

750
tỷ đồng

Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/
Vốn điều lệ 2018

25%

Phát huy thế mạnh của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, BVNT cũng phối hợp với các công ty con trong Tập đoàn triển khai các sản phẩm mới và đột phá như Bảo Việt An Gia, các sản phẩm dành cho khách hàng cá nhân thông qua kênh ngân hàng với nhiều ưu đãi như: cho vay mua xây dựng và sửa chữa nhà BaoViet Happy house, cho vay mua ô tô Easy car... Việc ra mắt các sản phẩm tích hợp, hội tụ những đặc trưng riêng có của Bảo Việt giúp cung cấp cho khách hàng các dịch vụ trọn gói với những chính sách ưu đãi vượt trội, gia tăng lợi ích và được đồng hành khách hàng đón nhận, hài lòng khi sử dụng.

Ứng dụng Công nghệ thông tin

Trong năm 2017, nắm bắt kịp thời các xu thế công nghệ trên thế giới, BVNT chính thức áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin mới nhằm cải tiến quy trình kinh doanh, gia tăng các công cụ, tiện ích phục vụ hoạt động của lực lượng tư vấn viên và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng như: cổng thông tin khách hàng ePOS phục vụ tra cứu các thông tin chi tiết liên quan tới hợp đồng và quá trình nộp phí bảo hiểm; các dịch vụ thanh toán phí bảo hiểm trực tuyến hiện đại để tạo thuận lợi tối đa cho khách hàng..

Các hoạt động cộng đồng xã hội

Bên cạnh kết quả kinh doanh tăng trưởng bền vững, Bảo Việt Nhân thọ luôn thể hiện vai trò dẫn đầu thị trường trong các hoạt động hướng tới sự tốt đẹp chung của cộng đồng và xã hội. Chương trình trao tặng xe đạp, balo cho học sinh nghèo hiếu học “An sinh xã hội – Xe đạp đến trường” được BVNT phối hợp với Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam thực hiện trong nhiều năm liên tục với mong muốn động viên, tiếp thêm động lực, rút ngắn khoảng cách tới trường của các trò nghèo hiếu học trên khắp 63 tỉnh thành cả nước. Chương trình khám bệnh từ thiện miễn phí và tặng quà cho các hộ gia đình nghèo, gia đình chính sách “Chung tay vì cộng đồng” được BVNT triển khai năm thứ 2 đã mang đến cơ hội cho người dân không có điều kiện kinh tế được thăm khám và tư vấn chăm sóc sức khỏe bởi các y bác sỹ đến từ các bệnh viện đầu ngành. Bên cạnh đó, nhiều chương trình hướng dẫn, tư vấn và rèn luyện sức khỏe như Ngày hội quốc tế Yoga, các chuyên đề phòng ngừa các bệnh hiểm nghèo ... cũng được BVNT triển khai liên tục và rộng rãi giúp cho người dân nhận thức được tầm quan trọng của việc rèn luyện, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe. Với những thành tựu trong cả hai lĩnh vực kinh doanh và xã hội, BVNT khẳng định vai trò của doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam.

MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH 2018

Với tiềm lực tài chính ổn định và vững chắc, dựa trên nền tảng kết quả kinh doanh liên tục tăng trưởng cao trong những năm qua, BVNT tiếp tục hướng tới mục tiêu tăng trưởng doanh thu, song hành với gia tăng chất lượng chăm sóc và tư vấn, đảm bảo các quyền lợi cho khách hàng, giữ vững vị thế là doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ hàng đầu trên thị trường, cụ thể:

- Tổng doanh thu: 25.696 tỷ đồng, tăng trưởng 16% so với năm 2017
- Lợi nhuận sau thuế: 750 tỷ đồng
- Tỷ suất LNST/VĐL: 25%

Để đạt các mục tiêu trên, BVNT sẽ có các giải pháp đồng bộ và xuyên suốt dựa trên phát huy truyền thống của doanh nghiệp Việt Nam tiên phong khai mở thị trường nhân thọ Việt Nam, nền tảng hợp lực Tập đoàn Bảo Việt, cụ thể:

Mở rộng mạng lưới và hệ thống các chi nhánh, các điểm giao dịch phục vụ khách hàng

Năm 2018, BVNT tiếp tục phát triển hệ thống và mạng lưới kinh doanh, chiếm lĩnh thị trường, thành lập thêm các công ty thành viên mới tại các địa bàn phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty. Thông qua phát triển kênh phân phối đa kênh, bên cạnh kênh đại lý truyền thống, BVNT tiếp tục củng cố và phát triển kênh Bancassurance với các ngân hàng, các tổ chức tín dụng, kênh khách hàng doanh nghiệp...

Bên cạnh đó, BVNT cũng không ngừng chú trọng tới công tác tuyển dụng, đào tạo cho cán bộ, tư vấn viên, đảm bảo lực lượng đông về lượng, mạnh về chất, chuyên nghiệp, hiện đại, mang sản phẩm bảo hiểm phù hợp tới mọi đối tượng khách hàng trên toàn quốc.

Phát triển sản phẩm mới

BVNT liên tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu thị trường, thiết kế và phát triển các gói sản phẩm đa dạng, đáp ứng nhu cầu thị trường và các phân khúc khách hàng, có tính cạnh tranh cao đồng thời phù hợp với các định hướng chiến lược chung của Chính phủ và Bộ Tài chính trong cải cách hệ thống an sinh xã hội. Trong năm 2018, Bảo Việt Nhân thọ sẽ tiếp tục giới thiệu ra thị trường các sản phẩm mới, sản phẩm hợp lực trong nội bộ Tập đoàn để tạo thêm sự phong phú cho giỏ sản phẩm của BVNT.

Chiến lược đầu tư hiệu quả

Trong điều kiện lãi suất thị trường tiếp tục duy trì ở mức thấp, BVNT sẽ có chiến lược đầu tư linh hoạt, tận dụng hiệu quả các cơ hội đầu tư với các diễn biến của thị trường tài chính để mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, đảm bảo cam kết với chủ hợp đồng. Đồng thời, để tiếp tục đóng góp cho sự phát triển của thị trường tài chính Việt Nam, BVNT cũng tích cực đầu tư trở lại nền kinh tế và tham gia vào thị trường trái phiếu Chính phủ. Bên cạnh đó, BVNT cũng chú trọng xây dựng và đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm đầu tư hiệu quả; thiết lập mạng lưới thông tin, hợp tác đồng bộ, có hệ thống, phát huy sức mạnh tập thể trong Tập đoàn Bảo Việt.

Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng

Tiếp tục nâng cao chất lượng chăm sóc và phục vụ khách hàng với việc đa dạng hóa các hình thức chăm sóc khách hàng, tận dụng tối đa ứng dụng của công nghệ thông tin nhằm đáp ứng kịp thời các nhu cầu về tư vấn của các khách hàng, nâng cao sự hài lòng của khách hàng.

Các chương trình khuyến mại, chương trình chăm sóc khách hàng cũng được đẩy mạnh trong hình thức hợp lực mới với các đơn vị thành viên trong Tập đoàn.

Tối ưu hóa ứng dụng Công nghệ hiện đại

Nắm bắt xu thế tiêu dùng, trong năm 2018, BVNT tiếp tục đẩy mạnh áp dụng các ứng dụng CNTT như: áp dụng giấy yêu cầu bảo hiểm online, phát triển các công cụ quản lý và thu phí, hóa đơn điện tử nhằm tiết kiệm thời gian, đơn giản hóa các thủ tục, rút ngắn thời gian giao dịch cho khách hàng, mang lại tiện ích trong thanh toán cho khách hàng...

Đẩy mạnh hoạt động hợp lực toàn Tập đoàn

Phát huy thế mạnh của Tập đoàn Bảo Việt – Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam với lĩnh vực kinh doanh đa dạng: bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, quản lý quỹ đầu tư, ngân hàng, chứng khoán... trong năm 2018, BVNT tiếp tục phát huy sức mạnh tổng thể, tăng cường các hoạt động hợp tác, hợp lực nội bộ, nhằm cung cấp các giải pháp bảo hiểm – tài chính – ngân hàng tích hợp vượt trội, tối đa hóa các tiện ích đối với dịch vụ cung cấp cho khách hàng...

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016
TÀI SẢN NGẮN HẠN	11.880	7.712
Tiền và các khoản tương đương tiền	957	1.588
Các khoản đầu tư ngắn hạn	7.894	3.629
Các khoản phải thu	2.958	2.402
Hàng tồn kho	38	20
Tài sản ngắn hạn khác	33	73
TÀI SẢN DÀI HẠN	57.356	46.088
Phải thu dài hạn	32	25
Tài sản cố định	576	620
Bất động sản đầu tư	45	23
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	56.634	45.346
Tài sản dài hạn khác	69	74
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	69.236	53.800
NỢ PHẢI TRẢ	65.676	50.535
Nợ ngắn hạn	17.666	12.559
Nợ dài hạn	131	98
Dự phòng nghiệp vụ	47.879	37.878
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.560	3.265
Vốn điều lệ	2.500	2.500
Lợi nhuận để lại và các quỹ	1.060	765
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	69.236	53.800

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2017	2016
Tổng doanh thu	22.149	17.117
Doanh thu từ hoạt động bảo hiểm	17.471	13.457
Doanh thu hoạt động tài chính	4.641	3.647
Doanh thu từ hoạt động khác	37	13
Tổng chi phí	(21.148)	(16.490)
Chi phí từ hoạt động bảo hiểm	(16.447)	(12.972)
Chi phí hoạt động tài chính	(1.410)	(1.050)
Chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp	(3.290)	(2.468)
Chi phí khác	(1)	-
Lợi nhuận trước thuế	1.001	627
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	(189)	(114)
Lợi nhuận sau thuế	812	513

Năm 2017, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt tiếp tục đạt được những bước tăng trưởng nổi bật về tổng tài sản quản lý, doanh thu và lợi nhuận. Tổng tài sản quản lý đạt mức 44.500 tỷ đồng, tăng trưởng 16,8% so với năm trước. Cùng với kết quả này, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt vẫn giữ vững vị trí là một trong hai công ty quản lý quỹ có tổng tài sản quản lý lớn nhất thị trường Việt Nam.

ÔNG NGUYỄN ĐÌNH AN

QUYỀN TỔNG GIÁM ĐỐC

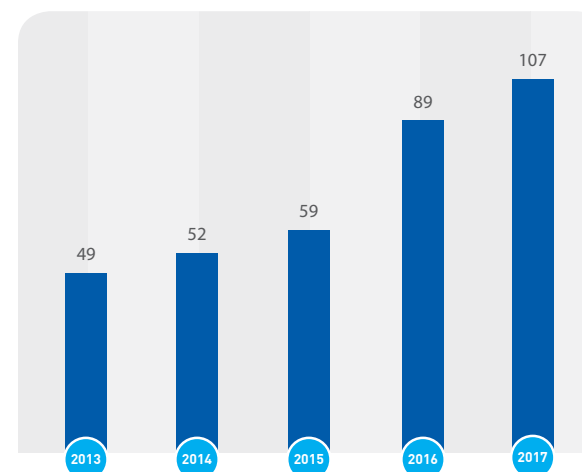
GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT

Được thành lập từ năm 2005, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt là công ty thành viên do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn điều lệ. Lĩnh vực hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt bao gồm dịch vụ quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ đầu tư và tư vấn đầu tư chứng khoán. Với kinh nghiệm quản lý nguồn vốn lớn và dài hạn, cùng khả năng cung cấp các dịch vụ tài chính đa dạng, trọn gói theo chuẩn mực quốc tế, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã và đang khẳng định được vị thế là một trong những nhà đầu tư tài chính chuyên nghiệp hàng đầu Việt Nam.

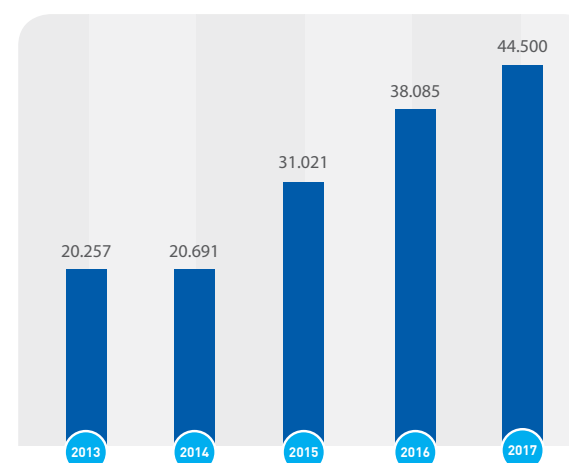
Tổng tài sản quản lý của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 là 44.500 tỷ đồng. Hiện nay, Công ty đang quản lý 5 danh mục, 3 quỹ mở và 1 quỹ thành viên. Đặc biệt trong năm 2017, các quỹ mở do công ty quản lý đều có kết quả tăng trưởng Giá trị tài sản ròng khả quan. Quỹ đầu tư cổ phiếu năng động Bảo Việt (BVFED) có mức tăng trưởng là 47,5% (là quỹ mở cổ phiếu có kết quả tốt nhất thị trường), Quỹ đầu tư trái phiếu Bảo Việt (BVBF) đạt mức 15,3% (top 2 quỹ trái phiếu có kết quả tốt nhất thị trường).

Tổng doanh thu

ĐVT: Tỷ đồng


Tổng tài sản quản lý

ĐVT: Tỷ đồng



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2017

Kết quả hoạt động kinh doanh 2017

Đúng theo nhận định của các chuyên gia kinh tế, năm 2017 là năm đột phá của ngành quản lý quỹ Việt Nam với sự tăng trưởng mạnh về quy mô, đặc biệt là sự phát triển của các quỹ mở. Riêng quy mô của các quỹ mở đã đạt mức 7.755 tỷ đồng, tăng gấp đôi so với năm 2016. Không nằm ngoài xu thế chung của thị trường, với việc áp dụng những giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng của tất cả các mảng hoạt động, trong năm 2017, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã đạt được một số thành quả trong hoạt động đầu tư, phân phối chứng chỉ quỹ mở v.v... Đặc biệt, kết quả đầu tư cho các danh mục của khách hàng, tăng trưởng của các quỹ mở đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra, góp phần không nhỏ vào sự tăng trưởng ấn tượng của Công ty Quản lý Quỹ so với năm trước:

- **Tổng tài sản quản lý:** Tại thời điểm 31/12/2017, tổng tài sản quản lý của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đạt 44.500 tỷ đồng, tăng trưởng 16,8% so với năm 2016.
- **Tổng doanh thu** đạt 107 tỷ đồng, vượt 7,9% so với kế hoạch năm 2017 và tăng trưởng 20,4% so với năm 2016.
- **Lợi nhuận sau thuế** của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đạt 32 tỷ đồng, vượt 5,4% so với kế hoạch và tăng trưởng 27,4% so với năm 2016
- **Các chỉ tiêu tài chính khác:**

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ đạt 31,6%.

Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng tại thời điểm 31/12/2017 đạt 337,9%, gấp đôi chỉ tiêu do Bộ tài chính quy định.

Tất cả các danh mục quản lý đầu tư cho khách hàng đều vượt mức kỳ vọng của khách hàng.

Tiến bộ đơn vị đã đạt được trong năm 2017

Hoạt động đầu tư được triển khai hiệu quả, đáp ứng kỳ vọng của khách hàng

Với những diễn biến sôi động và đầy tích cực của thị trường chứng khoán trong năm 2017, hoạt động đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt được triển khai trên nguyên tắc bám sát xu thế của thị trường, cẩn trọng và linh hoạt. Song song với việc kiểm soát tốt các rủi ro đầu tư, Công ty liên tục tìm kiếm và chủ động thực hiện các cơ hội đầu tư mới, triển khai đồng bộ các giải pháp và

sản phẩm đầu tư phù hợp, lựa chọn thời điểm thay đổi cơ cấu tài sản đầu tư để mang đến hiệu quả đầu tư tốt nhất cho danh mục. Các danh mục đầu tư đều ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng khi so sánh với benchmark hoặc thị trường tương ứng. Với các kết quả đạt được, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt tiếp tục khẳng định vai trò trụ cột trong hoạt động đầu tư của Bảo Việt.

Giao dịch quỹ mở sôi động, thu hút thêm nhiều nhà đầu tư cá nhân

Cả ba quỹ mở của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đều đạt mức tăng trưởng tốt trong năm 2017 (Quỹ BVFED tăng trưởng 47,5%, Quỹ BVPF tăng 16,2% và Quỹ BVBF tăng 15,3%). Hiệu quả đầu tư tốt là một yếu tố quan trọng góp phần thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư đối với quỹ mở và tăng trưởng quy mô quỹ. Tính đến cuối năm 2017, tổng quy mô của ba quỹ mở đạt 289 tỷ đồng, tăng trưởng 20% so với năm 2016. Số vốn huy động mới là 33 tỷ đồng với tổng số lượt giao dịch trong cả năm lên tới gần 400 giao dịch mua bán, chủ yếu đến từ các nhà đầu tư cá nhân. Đây là dấu hiệu đáng mừng cho thấy các nhà đầu tư đã dần quan tâm hơn tới kênh đầu tư thông qua quỹ và là cơ hội tốt để Công ty tiếp tục phát triển các sản phẩm quỹ đại chúng trong tương lai.

Từng bước kiện toàn và nâng cao tính chuyên nghiệp trong mọi mảng hoạt động

Năm 2017, Công ty chú trọng vào việc nâng cao tính chuyên nghiệp trong từng mảng hoạt động nhằm tạo đà cho sự bứt phá hơn nữa trong tương lai. Công tác quản lý rủi ro được thực hiện bài bản với các quy chế giám sát chặt chẽ, góp phần đảm bảo hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp cũng như kết quả đầu tư của các danh mục ủy thác. Chất lượng mảng dịch vụ khách hàng ngày càng được nâng cao với hệ thống báo cáo được cập nhật đầy đủ, thường xuyên, duy trì kênh thông tin liên tục về danh mục của khách hàng.

MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2018

Mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2018

Năm 2018, thị trường quản lý quỹ Việt Nam được đánh giá sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định. Với những yếu tố thuận lợi từ nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, sự hỗ trợ mạnh mẽ từ khung pháp lý, nhu cầu đầu tư qua quỹ đang có xu hướng tăng dần và những diễn biến tích cực của thị trường chứng khoán, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt sẽ tận dụng các cơ hội này để phát triển mạnh mẽ trong cả ba mảng: đầu tư, nghiên cứu phát triển sản phẩm và phát triển kênh phân phối bán lẻ.

- Tổng doanh thu: 114 tỷ đồng, tăng trưởng 6,5 % so với năm 2017
- Lợi nhuận sau thuế: 35 tỷ đồng, tăng trưởng 11,6% so với năm 2017
- Tỷ suất LNST/VĐL: 35,3%

Giải pháp trọng tâm năm 2018

Dựa trên mục tiêu kinh doanh, cùng những đánh giá về thị trường và thế mạnh của mình, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đã đề ra nhiệm vụ và các giải pháp trọng tâm trong năm 2018 như sau:

Nâng cao chất lượng hoạt động đầu tư, đáp ứng kỳ vọng ngày càng cao của khách hàng

Với mục tiêu lấy hiệu quả đầu tư khẳng định vị thế của Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt, các giải pháp đầu tư trong năm 2018 sẽ xoay quanh việc nâng cao kết quả của các danh mục đang quản lý, vận hành, khai thác thành công các danh mục, sản phẩm mới. Cụ thể, đối với hoạt động đầu tư lãi suất cố định, Công ty sẽ tập trung để củng cố vị thế là thành viên lớn (market maker) trên thị trường; đối với hoạt động đầu tư cổ phiếu, Công ty hướng tới xây dựng, mở rộng tầm ảnh hưởng trên thị trường thông qua việc nâng cao hiệu quả đầu tư: giao dịch, tái cơ cấu danh mục, nắm bắt thời điểm phù hợp để giải ngân/thanh toán, tìm kiếm và cấu trúc thành công các cơ hội đầu tư lớn v.v..., đẩy mạnh công tác thu thập thông tin, nghiên cứu và nhận định thị trường để kịp thời nắm bắt các cơ hội đầu tư tốt.

Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường

Không nằm ngoài thông lệ của các công ty quản lý quỹ trên thế giới, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt coi việc phát triển các sản phẩm đa dạng là một trong những mục tiêu hàng đầu. Với thế mạnh của Công ty, cùng định hướng của Tập đoàn Bảo Việt, trong năm 2018 Công ty sẽ tập trung nghiên cứu và vận hành các sản phẩm phái sinh được pháp luật cho phép, đồng thời triển khai các loại hình quỹ khác như Quỹ ETF, Quỹ hưu trí v.v...

Phát triển kênh phân phối, đẩy mạnh bán chéo sản phẩm trong hệ thống nhằm gia tăng quy mô các quỹ mở

Với kết quả đầu tư đầy khả quan của các quỹ mở trong năm 2017, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt đề ra mục tiêu đẩy mạnh hoạt động bán hàng, phát triển kênh phân phối tới các doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và công ty chứng khoán. Đặc biệt chú trọng hoạt động bán chéo sản phẩm trong hệ thống Bảo Việt, tận dụng các mối quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược để từng bước tiếp cận, mở rộng mạng lưới khách hàng, qua đó thực hiện mục tiêu gia tăng tổng tài sản quản lý.

Chú trọng hoạt động giám sát tuân thủ, quản lý rủi ro

Tăng cường công tác đào tạo, hội thảo về nhận diện, đánh giá rủi ro; đồng thời xây dựng chính sách rủi ro đối với các chủ thể rủi ro để hướng tới xây dựng một môi trường/văn hóa quản lý rủi ro vững mạnh, nâng cao vai trò và trách nhiệm của mỗi cán bộ trong công tác quản lý rủi ro.

Đầu tư nền tảng cơ bản về công nghệ và phát triển nguồn nhân lực

Nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua đầu tư về công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào các mảng hoạt động; chú trọng phát triển đội ngũ nhân sự theo hướng tinh nhuệ, toàn diện phục vụ cho phát triển dài hạn, xây dựng các chương trình đào tạo có trọng điểm và hiệu quả.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016
TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	106,5	115,5
Tiền và các khoản tương đương tiền	25,0	1,1
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	64,6	87,2
Các khoản phải thu ngắn hạn	16,3	26,7
Tài sản lưu động khác	0,6	0,5
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	35,9	17,6
Tài sản cố định	14,4	17,6
Tài sản dài hạn khác	21,5	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	142,4	133,1
NỢ PHẢI TRẢ	17,1	16,3
Nợ ngắn hạn	17,1	16,3
VỐN CHỦ SỞ HỮU	125,3	116,8
Vốn điều lệ	100	100
Các quỹ	8,4	5,2
Lợi nhuận chưa phân phối	16,9	11,6
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	142,4	133,1

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2017	2016
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	100,5	80,5
Chi phí hoạt động kinh doanh	(3,6)	(0,9)
Doanh thu hoạt động tài chính	6,1	7,6
Chi phí hoạt động tài chính	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(63,5)	(56,5)
Thu nhập khác	0,1	0,4
Chi phí khác	(0,1)	(0,1)
Lợi nhuận trước thuế	39,5	31,0
Lợi nhuận sau thuế	31,6	24,8



Baoviet Fund
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
TỐT NHẤT VIỆT NAM
2016

GIẢI THƯỞNG BÌNH CHỌN BỞI TẠP CHÍ GLOBAL BANKING & FINANCE



Năm 2017, tận dụng sự tăng trưởng ngoạn mục của thị trường chứng khoán, với nỗ lực triển khai đồng bộ nhiều giải pháp trên tất cả các hoạt động kinh doanh, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) đã hoàn thành tốt 119,6% kế hoạch lợi nhuận sau thuế đề ra.

ÔNG NHỮ ĐÌNH HÒA

TỔNG GIÁM ĐỐC

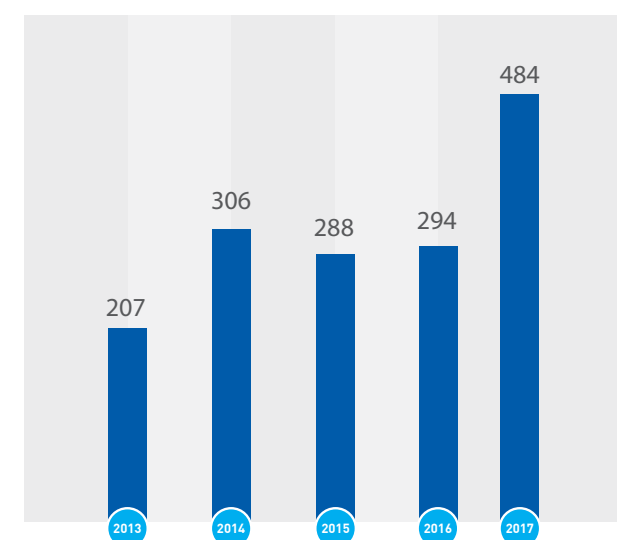
GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) là công ty chuyên cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư cho tất cả các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, các quỹ và ngân hàng đầu tư danh tiếng trong nước và nước ngoài. Được thành lập từ năm 1999 với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (nay là Tập đoàn Bảo Việt), trực thuộc Bộ Tài chính, BVSC kế thừa thương hiệu uy tín và thế mạnh tài chính của một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam.

Trải qua hơn 18 năm hình thành và phát triển, với vai trò Công ty chứng khoán đầu tiên được thành lập và tiên phong trên thị trường chứng khoán, BVSC đã liên tục nâng cao năng lực tài chính, củng cố hoạt động, phát triển hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng dịch vụ và trở thành công ty chứng khoán uy tín trên thị trường. BVSC liên tiếp được đón nhận các giải thưởng và bình chọn đánh giá của các tổ chức lớn có uy tín trong và ngoài nước. Về lĩnh vực tư vấn, BVSC đã được vinh danh với giải thưởng “Công ty tư vấn tốt nhất” do tạp chí Finance Asia bình chọn năm 2008, giải thưởng “Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất 2009 - 2013”, “Tổ chức tư vấn Cổ phần hóa tiêu biểu nhất 2014”, “Công ty chứng khoán tiêu biểu nhất – Hạng mục tư vấn CPH/Thoái vốn DNNN” năm 2015 và “Công ty chứng khoán tiêu biểu và tốt nhất, hạng mục tư vấn hợp nhất sáp nhập” năm 2016 - 2017 tại diễn đàn M&A thường niên. Các thương vụ M&A do BVSC tư vấn cũng được bình chọn là những thương vụ tiêu biểu nhất trên thị trường. Trong lĩnh vực môi giới, BVSC luôn giữ vững vị trí trong TOP 10 công ty chứng khoán có thị phần giao dịch lớn nhất trên 2 sàn HNX và HNX. Là một doanh nghiệp niêm yết, trong 4 năm liên tiếp BVSC được vinh danh nằm trong TOP 30 Doanh nghiệp niêm yết minh bạch nhất HNX. Năm 2017, là năm thứ 3 liên tiếp, Tạp chí Global banking and finance review của Vương quốc Anh vinh danh BVSC đồng thời cả hai giải thưởng “Best Equity House Vietnam” và “Best brokerage house Vietnam”.

Tổng doanh thu

ĐVT: Tỷ đồng



Tổng doanh thu 2017

484
tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế 2017

122
tỷ đồng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2017

Kết quả hoạt động kinh doanh 2017

Năm 2017, thị trường chứng khoán Việt Nam trải qua một năm với mức tăng trưởng ngoạn mục cả về điểm số lẫn giá trị giao dịch, BVSC với nhiều cố gắng nỗ lực ở các hoạt động kinh doanh, đặc biệt là hoạt động môi giới, đã đạt lợi nhuận trước thuế cả năm là 152 tỷ đồng, trong đó, lợi nhuận thực hiện trước thuế là 140 tỷ đồng bằng 109,6% so với kế hoạch và bằng 131,8% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 122 tỷ đồng trong đó Lợi nhuận thực hiện sau thuế đạt 113 tỷ đồng, bằng 110,7% kế hoạch và bằng 127,1% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng doanh thu 2017 của Công ty đạt 484 tỷ đồng, bằng 149,3% so với kế hoạch và tăng 47,8% so với cùng kỳ năm trước. Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu của Công ty vẫn là 3 mảng hoạt động chính bao gồm môi giới, tự doanh, doanh thu các khoản cho vay và phải thu, theo đó các chỉ tiêu doanh thu của các mảng hoạt động trọng yếu này đều tăng trưởng, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động môi giới đạt 208 tỷ đồng, bằng 188,8% so với kế hoạch và tăng 107,9% so với cùng kỳ năm trước.
- Đi cùng với hoạt động môi giới, lãi từ hoạt động cho vay và phải thu cũng đạt 123 tỷ đồng, bằng 119,3% so với kế hoạch và tăng 24,4% so với cùng kỳ năm trước.
- Doanh thu từ đầu tư tài sản tài chính (bao gồm lãi từ đầu tư từ chứng khoán tự doanh và tiền gửi có kỳ hạn) đạt 115 tỷ đồng bằng 136,5% so với kế hoạch và tăng 27,2% so với cùng kỳ năm trước.
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính năm 2017 đạt 8 tỷ đồng.
- Doanh thu hoạt động lưu ký đạt xấp xỉ 6 tỷ đồng, đạt 193,1% so với kế hoạch và tăng 36,7% so với cùng kỳ năm trước.
- Doanh thu từ hoạt động tài chính (gồm lãi tiền gửi không kỳ hạn, cổ tức dự thu) đạt 22 tỷ, bằng 178,1% với kế hoạch và tăng 17,5% so với cùng kỳ năm trước.

Tiến bộ đơn vị đã đạt được trong năm 2017

Hoàn thành vượt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận, đặc biệt hoạt động môi giới tăng trưởng ngoạn mục

Tận dụng tốt cơ hội thị trường, bằng những định hướng đúng đắn từ Hội đồng Quản trị, nỗ lực của Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty, năm 2017, BVSC đã hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh 2017, tăng trưởng mạnh so với 2016, theo đó Tổng doanh thu đạt 484 tỷ đồng, bằng 149,3% so với kế hoạch và tăng 47,8% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận thực hiện sau thuế đạt 112,9 tỷ đồng, bằng 110,7% kế hoạch và bằng 127,1% so với cùng kỳ năm trước. Điểm ấn tượng trong năm là hoạt động môi giới đạt mức tăng trưởng ngoạn mục trong năm 2017, theo đó thị phần môi giới của Công ty đạt 4,92%, tăng 37% so với năm 2016, đặc biệt thị phần giao dịch tại Sở HSX tăng trưởng ngoạn mục trong 2 quý liên tiếp đưa BVSC lần đầu tiên quay trở lại TOP 5 Công ty có thị phần lớn nhất tại HSX sau 10 năm vắng bóng.

Khẳng định thương hiệu BVSC trên thị trường tư vấn

Là công ty chứng khoán uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam, với đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm, am hiểu thị trường, trong nhiều năm qua, BVSC đã được tôn vinh qua rất nhiều giải thưởng uy tín như “Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2009-2014”, “Công ty chứng khoán tiêu biểu Việt Nam năm 2016 – 2017 – hạng mục tư vấn hợp nhất” tại Diễn đàn M&A thường niên, “Nhà tư vấn tốt nhất Việt Nam 2016 – 2017” do Tạp chí Global banking & Finance review – Vương quốc Anh bình chọn.

Năm 2017, BVSC tiếp tục ghi dấu ấn trên thị trường với việc đóng vai trò tư vấn chính cho thương vụ Tư vấn thoái vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn (SABECO). Đây là thương vụ thoái vốn kỷ lục với giá trị đạt gần 5 tỷ USD, được ghi nhận là thương vụ lớn nhất không chỉ trong phạm vi quy mô thị trường chứng khoán Việt Nam mà vươn tầm khu vực. Với việc tư vấn thành công cho thương vụ này, một lần nữa thương hiệu BVSC được tái khẳng định trên thị trường trong nước và vươn tầm ra thị trường khu vực và quốc tế.

MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2018**Mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2018**

- Tổng doanh thu: 504 tỷ đồng, tương đương 104,2% so với năm 2017
- Lợi nhuận sau thuế: 134 tỷ đồng, tương đương 109,4% so với năm 2017
- Tỷ suất LNST/VĐL: 12,4% (vốn điều lệ: 1.083 tỷ đồng)

Giải pháp trọng tâm năm 2018

Tập trung nguồn lực để triển khai các sản phẩm chứng khoán phái sinh: Thực hiện triển khai đồng bộ hệ thống lõi quản lý nghiệp vụ chứng khoán phái sinh tích hợp với hệ thống lõi cơ sở đang hoạt động của BVSC và tiếp tục triển khai đào tạo đội ngũ nhân sự để có thể đáp ứng nhu cầu khách hàng ngay khi BVSC đủ điều kiện tham gia vào thị trường phái sinh.

Về nguồn nhân lực: Tập trung vào tuyển dụng nhân viên làm việc tại các Phòng giao dịch và tiếp tục hoàn thiện các chính sách dành cho nhân viên môi giới phù hợp với điều kiện thị trường là một trọng tâm trong công tác nhân sự năm 2018. Song song với công tác tuyển dụng nhân sự mới, Công ty sẽ kết hợp tổ chức các đợt đào tạo kỹ năng cho đội ngũ môi giới, IB và đội ngũ hỗ trợ kinh doanh nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ đồng thời tổ chức các chương trình thi đua nội bộ để thúc đẩy tăng trưởng doanh số.

Đầu tư hoàn thiện hệ thống CNTT nhằm tăng tính cạnh tranh về dịch vụ, tối ưu hóa về quản trị: Hệ thống hạ tầng CNTT hiện đại cùng với việc triển khai các hệ thống Front-Office và phái sinh sẽ được tổ chức đảm bảo tính hiệu quả, linh động, an toàn bảo mật với độ ổn định cao. Tuân thủ các yêu cầu của cơ quan quản lý cũng như các tiêu chuẩn ngành liên quan đến hạ tầng CNTT đang được áp dụng rộng rãi trên thế giới:

+ **Hoàn thiện và go live hệ thống Front-office** hoàn toàn mới nhằm cung cấp một cách trực tiếp, chủ động, đầy đủ và hiệu quả nhất dịch vụ của BVSC đến khách hàng thông qua các kênh giao dịch trực tuyến bao gồm web, phiên cài chuyên dụng – dành cho Khách hàng và Nhân viên môi giới trên PC và trên các thiết bị mobile. Hệ thống Front Office mới bên cạnh việc nâng cấp dịch vụ cho khách, sẽ góp phần giúp đội ngũ nghiệp vụ chuyên môn hoạt động và phối hợp hiệu quả hơn trong việc tạo ra giá trị cho khách hàng và Công ty.

+ **Triển khai hệ thống giao dịch phái sinh:** Thực hiện triển khai hệ thống lõi quản lý nghiệp vụ chứng khoán phái sinh tích hợp với hệ thống lõi cơ sở đang hoạt động của BVSC ngay sau khi BVSC đáp ứng đầy đủ các điều kiện. Hệ thống lõi phái sinh sẽ là cơ sở nền tảng để BVSC cung cấp các dịch vụ, nghiệp vụ tổng hợp liên quan đến phái sinh cho khách hàng trong tương lai, đảm bảo tính cạnh tranh về BVSC trên thị trường.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016 (trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.741	1.363
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	228	118
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.478	1.179
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	33	63
V. Tài sản ngắn hạn khác	2	3
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	458	517
II. Tài sản cố định	14	5
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	374	483
V. Tài sản dài hạn khác	70	29
TỔNG CỘNG TÀI SẢN:	2.199	1.880
A. NỢ PHẢI TRẢ	501	312
I. Nợ ngắn hạn	490	307
II. Nợ dài hạn	11	5
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.698	1.568
I. Vốn góp của chủ sở hữu (gồm cả thặng dư)	1.332	1.332
I. Các quỹ và LN chưa phân phối	366	236
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2.199	1.880

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2017	2016 (Trình bày lại)
Tổng doanh thu	484	327
Chi phí hoạt động kinh doanh	(249)	(140)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(82)	(65)
Chi phí khác	(1)	(1)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	152	121
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	122	102



Năm 2017 là năm đánh dấu sự tăng trưởng với kết quả kinh doanh đầy khả quan của Tập đoàn Bảo Việt nói chung và của Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt nói riêng. Bước sang năm 2018, Công ty đặt mục tiêu cung cấp các giải pháp toàn diện về đầu tư kinh doanh dịch vụ bất động sản, quản lý bất động sản cho Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên để khai thác có hiệu quả các tài sản là Bất động sản trong hệ thống Bảo Việt.

ÔNG NGUYỄN MINH HOÀNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẢO VIỆT

Là một đơn vị thành viên của Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm – Bảo Việt, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt (BVI) được thành lập trên cơ sở tổng hợp các nguồn lực tài chính, con người, chức năng, nhiệm vụ và những thành tựu to lớn trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng của Tập đoàn Bảo Việt, nhằm chuyên nghiệp hóa hoạt động đầu tư, xây dựng để phát huy hơn nữa vị thế, vai trò của một Tập đoàn Nhà nước trong nền kinh tế quốc gia.

Sau 9 năm hoạt động, Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt đã xây dựng được bộ máy hoạt động chính trong 3 lĩnh vực: kinh doanh đầu tư bất động sản; Khai thác và dịch vụ quản lý bất động sản và quản lý dự án.

BVI đã xác định rõ lĩnh vực khai thác và quản lý bất động sản là một trong những mục tiêu kinh doanh chính nằm trong định hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới và sẽ đẩy mạnh xây dựng các kế hoạch để đạt được mục tiêu này. Đồng thời BVI luôn tập trung gia tăng giá trị doanh nghiệp tại “Đề án hợp lực BAOVIET” cũng như đầu tư trọng tâm vào cơ sở hạ tầng; sử dụng hiệu quả quỹ đất; Khai thác – Hợp tác với các đối tác bán lẻ dịch vụ.

Với sự chuyên nghiệp, năng lực tài chính dồi dào, kinh nghiệm phong phú, nguồn nhân lực tinh nhuệ và tinh thần trách nhiệm cao với các cam kết, Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt tin rằng sẽ luôn đáp ứng được nhu cầu về đầu tư bất động sản và các dịch vụ xây dựng và tư vấn đầu tư xây dựng với tất cả các đối tác trong và ngoài nước.

Tổng doanh thu 2017

203
tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế 2017

6
tỷ đồng

 Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/
Vốn điều lệ 2017

3,2%

KẾT QUẢ KINH DOANH 2017

Về doanh thu

Tổng doanh thu đạt 203 tỷ đồng.

Doanh thu hoạt động chính đạt 198 tỷ đồng, trong đó:

- Doanh thu xây lắp đạt 25 tỷ đồng.
- Doanh thu quản lý tòa nhà đạt 101 tỷ đồng bằng 102,8% so với kế hoạch năm 2017 là 98 tỷ đồng.
- Doanh thu kinh doanh bất động sản đạt 72 tỷ đồng.
- Doanh thu tài chính đạt 5 tỷ đồng, gấp gần 5 lần so với kế hoạch năm 2017

Về lợi nhuận

Trong điều kiện kinh doanh năm 2017 còn nhiều khó khăn, bằng nhiều biện pháp đẩy mạnh khai thác và kiểm soát tốt các khoản chi phí, lợi nhuận của Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt đã tăng trưởng vượt bậc so với năm 2016. Trong đó:

Lợi nhuận trước thuế đạt 8 tỷ đồng, tăng 108,4% so với năm 2016. Lợi nhuận sau thuế đạt 6 tỷ đồng, tăng 111% so với năm 2016.

Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ đạt 3,2%.

Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu đạt 2,8%.

Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản đạt 1,3%.

TIẾN BỘ ĐƠN VỊ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2017

Tính đến 31/12/2017, BVI đã và đang khai thác, quản lý có hiệu quả các tòa nhà thuộc Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên trên cả nước như: Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt tại Hà Nội: 72 Trần Hưng Đạo, số 8 Lê Thái Tổ, số 104 Trần Hưng Đạo, 71 Ngô Sĩ Liên; Trung tâm Tài chính Bảo Việt tại thành phố HCM: Số 233 Đồng Khởi, Quận 1; Tòa nhà Bảo Việt Thái Nguyên: số 51, Hoàng Văn Thụ; Tòa nhà Bảo Việt Nhân thọ Bắc Giang: số 211, Đường Nguyễn Thị Lưu và Tòa nhà Bảo Việt Nhân thọ Long An: Thành phố Tân An.

Qua thời gian dịch vụ quản lý tòa nhà do BVI cung cấp đã đạt được một số hiệu quả sau:

- Phát triển đúng định hướng về lĩnh vực kinh doanh quản lý hệ thống tài sản cố định của Tập đoàn Bảo Việt.
- Nâng cao vị thế của BVI trong hệ thống thành viên trực thuộc Tập đoàn Bảo Việt.
- Nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác quản lý nội bộ hệ thống Tòa nhà Bảo Việt, cũng là định hướng phát triển của BVI trong tương lai.
- Đảm bảo nguồn thu kinh doanh hiệu quả và ổn định trong tổng thể kế hoạch sản xuất kinh doanh của BVI.
- BVI cũng ngày càng hoàn thiện các quy trình quản lý, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, xanh sạch đẹp cho toàn thể Lãnh đạo, cán bộ công nhân viên thuộc Tập đoàn và đơn vị thành viên của Tập đoàn khi làm việc trong môi trường tòa nhà do BVI quản lý.

MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH 2018

Bước sang năm 2018, BVI cùng với định hướng chung của Tập đoàn về việc cung cấp chéo các sản phẩm của các đơn vị thành viên, BVI tập trung nghiên cứu, tham mưu cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên giải pháp quản lý tài sản là Bất động sản, trụ sở, văn phòng làm việc tại các tỉnh thành trên cả nước. Đồng thời, BVI sẽ tiếp tục tư vấn đầu tư, tham gia đầu tư cùng Tập đoàn và các đơn vị thành viên tại các dự án trọng điểm như dự án số 7 Lý Thường Kiệt, D27, CT3 – thành phố Giao Lưu,...

Với thông điệp: “Uy tín – Chất lượng – Hiệu quả”, BVI luôn luôn trau dồi, nâng cao tính chuyên nghiệp trong công việc cũng như nâng cao hình ảnh uy tín và chất lượng của BVI trong hệ thống thành viên trực thuộc của Tập đoàn Bảo Việt.

Mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2018

Với hướng đi dài hạn như vậy, BVI đặt mục tiêu tăng trưởng bền vững, với các chỉ tiêu tài chính như sau:

- Tổng doanh thu: 158 tỷ đồng;
- Tổng chi phí: 148 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế đạt: 10 tỷ đồng.

Giải pháp trọng tâm trong năm 2018**Hoàn thiện hệ thống quản trị:**

- Hoàn thiện các quy trình, quy định, quy chế của Công ty.

Ổn định bộ máy nhân sự:

- Bố trí người lao động phù hợp với yêu cầu công việc

và năng lực chuyên môn, tinh giản nhân sự dư thừa, gắn liền việc trả lương/ thưởng với hiệu quả công việc.

Hoạt động kinh doanh:

- Kinh doanh quản lý tòa nhà: Mở rộng điểm, tăng thu, giảm chi phí nhằm tăng lợi nhuận, xem xét lại các quy trình, bồi dưỡng, đào tạo để nâng cao chất lượng phục vụ.

- Hoạt động phân phối bất động sản:

Hai dự án Eco - Green và Landmark 51: xây dựng phương án bán hàng theo hình thức ký gửi sản phẩm tại các sàn bất động sản.

- Hoạt động xây lắp:

Tăng cường hoạt động xây lắp phục vụ nội bộ nhằm tích lũy vốn, năng lực chuyên môn, thiết bị thi công, đảm bảo cạnh tranh với các đơn vị bên ngoài.

- Hoạt động đầu tư:

Dự án CT3: Thực hiện công tác giải phóng mặt bằng và tiến hành các công tác chuẩn bị đầu tư của dự án.

Dự án D27: Thống nhất nội dung với liên danh

Tham gia các thủ tục chuẩn bị đầu tư của liên danh

- Hoạt động quản lý dự án:

Dự án Thuận An – Phú Quốc:

+ Thực hiện các công việc theo nội dung hợp đồng đã ký.

+ Phối hợp cùng chủ đầu tư để thanh toán cho phần công việc đã thực hiện cũng như chi phí đã thanh toán hộ.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016
TÀI SẢN NGẮN HẠN	466,1	468,0
Tiền và các khoản tương đương tiền	117,4	114,9
Các khoản phải thu ngắn hạn	255,2	264,4
Hàng tồn kho	87,8	83,3
Tài sản ngắn hạn khác	5,7	5,4
TÀI SẢN DÀI HẠN	2,9	2,0
Các khoản phải thu dài hạn	0,2	0,2
Tài sản cố định	2,5	1,5
Tài sản dài hạn khác	0,2	0,3
TỔNG TÀI SẢN	469,0	470,0
NỢ PHẢI TRẢ	246,4	253,5
Nợ ngắn hạn	243,2	253,5
Nợ dài hạn	3,2	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	222,6	216,5
Vốn điều lệ đã góp	200,0	200,0
Lợi nhuận chưa phân phối và các Quỹ	22,6	16,5
TỔNG NGUỒN VỐN	469,0	470,0

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2017	2016
Doanh thu bán hàng	197,6	214,6
Giá vốn hàng bán	(177,0)	(201,3)
Doanh thu hoạt động tài chính	5,1	4,1
Chi phí bán hàng	(0,5)	(0,2)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(16,5)	(13,0)
Thu nhập khác	-	0,4
Chi phí khác	(0,5)	(0,7)
Lợi nhuận trước thuế	8,2	3,9
Lợi nhuận sau thuế	6,3	3,0

04

BAOVIET 

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
- BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT
- BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
- BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ THEO THỂ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY ASEAN
- HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ; KIỂM TOÁN NỘI BỘ; QUẢN LÝ RỦI RO; PHÁP CHẾ & TUÂN THỦ

ĐẢM BẢO QUYỀN,
LỢI ÍCH CHO
CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ
VÀ ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG
GIỮA CÁC CỔ ĐÔNG.

TĂNG CƯỜNG SỨC MẠNH CỦA
3 TẦNG PHÒNG THỦ
TRÊN TOÀN HỆ THỐNG THÔNG QUA
HOẠT ĐỘNG CỦA KIỂM TOÁN
NỘI BỘ, QUẢN LÝ RỦI RO,
PHÁP CHẾ VÀ TUÂN THỦ

PHÁT HUY **SỨC MẠNH
CỘNG HƯỞNG**
TỪ CÁC NGUỒN LỰC NHẪM
XÂY DỰNG VÀ ĐỔI MỚI
HỆ THỐNG QUẢN TRỊ THEO
THÔNG LỆ QUỐC TẾ.

NÂNG CAO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY
BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHẪM
TƯ VẤN, HỖ TRỢ CHO CÁC HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

HOÀN THIỆN HỆ THỐNG
QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ ĐỂ
VẬN HÀNH HIỆU QUẢ MÔ HÌNH
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP.

CHỦ ĐỘNG ÁP DỤNG CÔNG CỤ
THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ
CÔNG TY KHU VỰC ASEAN
TRONG DOANH NGHIỆP.

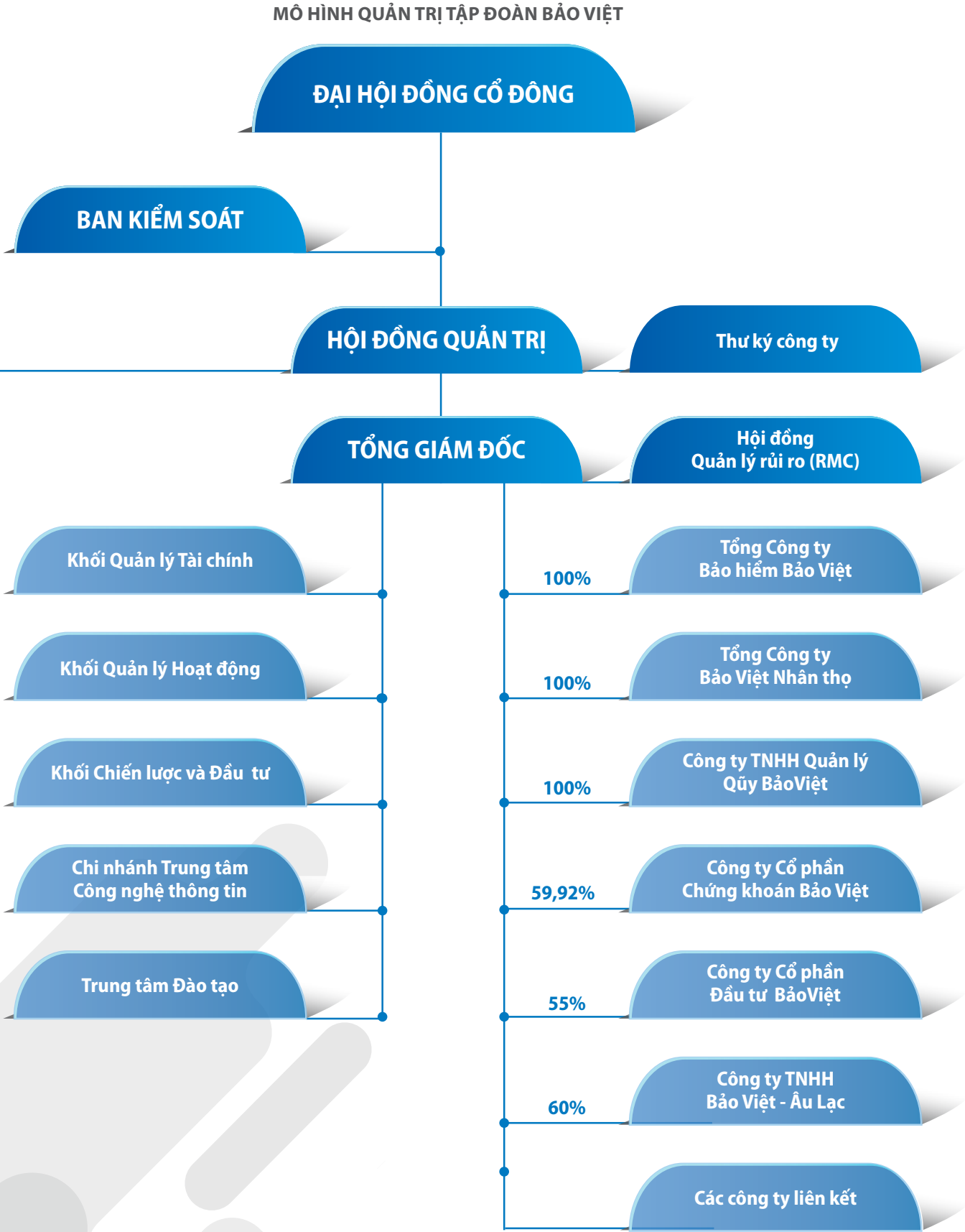
“Bảo Việt tiên phong áp dụng các thông lệ tốt về quản trị công ty trong quá trình xây dựng hệ thống quản trị nội bộ tại Tập đoàn, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng quản trị công ty, tạo tiền đề bứt phá phát triển hoạt động kinh doanh và đạt được những mục tiêu kinh tế rộng hơn liên quan đến niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư, tích lũy và tiếp cận thị trường vốn và phân bổ vốn mở rộng hoạt động kinh doanh trên toàn Tập đoàn.”

NGUYÊN TẮC VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Tại Tập đoàn Bảo Việt, Quản trị Công ty được xác định là yếu tố cốt lõi để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, phát triển bền vững trong dài hạn và là yếu tố then chốt để gia tăng hình ảnh, giá trị thương hiệu của Tập đoàn trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày một sâu rộng và mạnh mẽ.

Trong những năm vừa qua, dưới sự định hướng và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Tập đoàn Bảo Việt là một trong những doanh nghiệp tiên phong trong việc áp dụng các thông lệ tốt trong quản trị công ty, bao gồm các Quy tắc Quản trị Công ty của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN. Các nguyên tắc quản trị liên quan đến: (i) Quyền của cổ đông, (ii) Đối xử bình đẳng với cổ đông, (iii) Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan, (iv) Công bố thông tin và minh bạch, và (v) Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, đã được Tập đoàn Bảo Việt chủ động tham chiếu trong quá trình xây dựng hệ thống quản trị nội bộ tại Tập đoàn, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng quản trị công ty, tạo tiền đề bứt phá phát triển hoạt động kinh doanh và đạt được những mục tiêu kinh tế rộng hơn liên quan đến niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư, tích lũy, tiếp cận thị trường vốn và phân bổ vốn mở rộng hoạt động kinh doanh trên toàn Tập đoàn. Bên cạnh đó, Tập đoàn Bảo Việt cũng nghiêm túc thực hiện các quy định về quản trị công ty theo quy định của Pháp luật Việt Nam bao gồm Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Để vận hành hiệu quả mô hình quản trị, Tập đoàn Bảo Việt đã xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế quản lý nội bộ nhằm tạo ra cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm khách hàng, người lao động và cộng đồng.



* Tại ngày 31/12/2017

CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ TẠI TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Mô hình quản trị doanh nghiệp của Bảo Việt được thực hiện dựa trên 5 giá trị cốt lõi sau:



● TRÁCH NHIỆM

Công nhận quyền lợi của các bên có quyền lợi liên quan theo quy định của pháp luật và khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo ra của cải, công ăn việc làm và đảm bảo tính bền vững về mặt tài chính của Bảo Việt



● TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH

Đảm bảo việc cung cấp định hướng chiến lược cho công ty, đảm bảo việc giám sát có hiệu lực từ HĐQT, đảm bảo việc giải trình của HĐQT trước công ty và các cổ đông



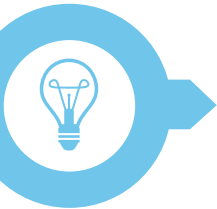
● CÔNG BẰNG

Bảo vệ quyền lợi của các cổ đông và đảm bảo sự đối xử công bằng đối với mọi cổ đông, kể cả các cổ đông nhỏ lẻ và các cổ đông nước ngoài



● BỀN VỮNG

Đảm bảo mang lại lợi ích lâu dài và bền vững cho cổ đông và đảm bảo hài hòa các yếu tố quản trị liên quan đến phát triển kinh tế-xã hội và môi trường



● MINH BẠCH

Đảm bảo việc công khai thông tin về các vấn đề quan trọng liên quan tới doanh nghiệp bao gồm tình hình tài chính, kết quả hoạt động, quyền sở hữu, và các cơ cấu kiểm soát luôn được thực hiện một cách kịp thời và chính xác

Mô hình Quản trị công ty Bền vững của Bảo Việt được thực hiện dựa trên các sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố sau:

NỀN TẢNG CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY VỮNG CHẮC

Cơ cấu quản trị của Bảo Việt có đầy đủ các chủ thể quản trị của một công ty niêm yết (Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban trực thuộc HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành...)

CHUẨN MỰC QUẢN TRỊ QUỐC TẾ

Tuân thủ các khuôn khổ và thông lệ quốc tế về Quản trị công ty của OECD, Thẻ điểm quản trị Công ty khu vực ASEAN và mô hình quản trị tiên tiến trên cơ sở vận dụng mô hình của các đối tác chiến lược nước ngoài

PHÙ HỢP THÔNG LỆ VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật, khuôn khổ pháp lý của Việt Nam và các quy chế quản trị cho công ty niêm yết tại Việt Nam, điều chỉnh, rà soát thay đổi thích nghi với điều kiện tại Việt Nam

ÁP DỤNG THỐNG NHẤT TRÊN TOÀN TẬP ĐOÀN

Xây dựng và phát triển mô hình quản trị xuyên suốt toàn Tập đoàn nhằm đảm bảo tính thống nhất và nhất quán trong mọi hoạt động.

KHUNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP TẠI TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT BAO GỒM CÁC CẤU PHẦN:





ÔNG ĐÀO ĐÌNH THI
CHỦ TỊCH HĐQT
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh;
Cử nhân kinh tế.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Bảo Việt

Kinh nghiệm:

21 năm trong lĩnh vực tài chính

Chức vụ công tác đã qua:

- Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam;
- Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Viglacera kiêm Giám đốc Ban Tài chính kế toán Tổng Công ty Viglacera;
- Kế toán trưởng Tổng Công ty Viglacera kiêm Giám đốc Ban Tài chính đầu tư Tổng Công ty kiêm Giám đốc Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera.

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG PHAN KIM BẰNG
THÀNH VIÊN HĐQT
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Năm sinh: 1965

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt;
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam.

Kinh nghiệm: trên 29 năm trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm

Chức vụ công tác đã qua:

- Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Trưởng ban Kiểm soát TĐBV
- Phó Giám đốc Kiểm toán nội bộ TĐBV
- Trưởng ban Kiểm toán hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ TĐBV
- Phó Trưởng phòng Bảo hiểm Con người, Trưởng Phòng Quản lý Đại lý, Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam;
- Trưởng phòng Bảo hiểm khu vực, Trưởng phòng Tài chính kế toán, Công ty Bảo hiểm Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG NGUYỄN MINH HOÀNG
THÀNH VIÊN HĐQT
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt
- Giám đốc Khối Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt;
- Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ;
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt;
- Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ BVIF.

Kinh nghiệm: 20 năm trong lĩnh vực tài chính

Chức vụ công tác đã qua:

- Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Công nghiệp tàu thủy;
- Giám đốc Công ty Cho thuê tài chính Vinashin;
- Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc CN Hải Phòng, Công ty Tài chính Công nghiệp tàu thủy;
- Giám đốc Công ty Chứng khoán Vinashin.

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG NGUYỄN ĐỨC TUẤN
THÀNH VIÊN HĐQT
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Năm sinh: 1957

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh;
Cử nhân Kinh tế.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

Thành viên Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Bảo Việt.

Kinh nghiệm:

Trên 30 năm trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm

Chức vụ công tác đã qua:

- Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ;
- Tổng Giám đốc Bảo hiểm Nhân thọ Việt Nam;
- Phó Tổng Giám đốc Bảo hiểm Nhân thọ Việt Nam;
- Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG ĐẬU MINH LÂM
THÀNH VIÊN HĐQT
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng,
Cử nhân kinh tế.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

Thành viên Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Bảo Việt; Chủ tịch Hội
đồng thành viên Công ty TNHH
Quản lý Quỹ Bảo Việt.

Kinh nghiệm:

Trên 16 năm trong lĩnh vực đầu tư
tài chính

Chức vụ công tác đã qua:

- Giám đốc Khối Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt;
- Giám đốc Đầu tư, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt;
- Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Đầu tư, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt;
- Trưởng phòng Đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt;
- Phó phòng phụ trách phòng Kế toán tổng hợp, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt;
- Phó phòng Đầu tư trực tiếp, Trung tâm Đầu tư, Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam.

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ THÂN HIỀN ANH
THÀNH VIÊN HĐQT
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh,
Cử nhân ngân hàng,
Cử nhân bảo hiểm.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

Thành viên Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Bảo Việt; Chủ tịch Hội
đồng thành viên Tổng Công ty
Bảo Việt Nhân thọ.

Kinh nghiệm:

Trên 20 năm trong lĩnh vực tài
chính, bảo hiểm

Chức vụ công tác đã qua:

- Giám đốc Khối Chiến lược và Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt;
- Giám đốc Khối Xây dựng chiến lược Tập đoàn Bảo Việt;
- Giám đốc Dự án Tái cấu trúc Tập đoàn Bảo Việt;
- Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc Dự án chuyển đổi chiến lược; Giám đốc Khối Truyền thông kiêm Giám đốc dự án chuyển đổi thương hiệu; Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI);
- Trưởng phòng Phát triển và hỗ trợ Kinh doanh, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (BVFMC).

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG NGUYỄN ANH TÙNG
THÀNH VIÊN HĐQT
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Năm sinh: 1981

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh,
Cử nhân Tài chính Ngân hàng.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

Thành viên Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Bảo Việt;
Thành viên Hội đồng Quản trị
Tổng Công ty cổ phần xuất nhập
khẩu và xây dựng Việt Nam
(Vinaconex).

Kinh nghiệm:

Trên 14 năm trong lĩnh vực tài
chính, ngân hàng

Chức vụ công tác đã qua:

- Phó Chánh Văn phòng điều hành Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).
- Trưởng phòng Tổng hợp – Thư ký – Văn phòng Ngân hàng Phát triển Việt Nam
- Phó phòng Tổng hợp – Thư ký – Văn phòng Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG SASAGAWA MUNEKO
THÀNH VIÊN HĐQT
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Năm sinh: 1964

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Luật

Chức vụ đang đảm nhiệm:

Thành viên Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Bảo Việt;
Giám đốc Khối Kinh doanh Quốc
tế, Sumitomo Life, Nhật Bản.

Kinh nghiệm: trên 31 năm kinh
nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm

Chức vụ công tác đã qua:

- Giám đốc Khối Kinh doanh quốc tế, Sumitomo Life
- Giám đốc chi nhánh Shiga
- Phó Giám đốc Khối Kế hoạch
- Phó Giám đốc Khối hỗ trợ kinh doanh
- Phó Tổng Giám đốc PICC Life (Công ty liên doanh tại Trung Quốc)
- Trưởng phòng Kế hoạch
- Phó Trưởng phòng Kế hoạch
- Phó Trưởng phòng Kế hoạch nhân sự phát triển kinh doanh
- Sumitomo Life America (Công ty thành viên của Sumitomo Life tại Mỹ)

Quốc tịch: Nhật Bản



ÔNG SHUICHI SAKAI
THÀNH VIÊN HĐQT
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Năm sinh: 1966

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Chức vụ đang đảm nhiệm:

- Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt;
- Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ;
- Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo Hiểm Bảo Việt.

Kinh nghiệm: 29 năm kinh
nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm

Chức vụ công tác đã qua:
Chức vụ công tác đã qua tại
Sumitomo Life, Tokyo, Nhật Bản:

- Trưởng phòng Kinh doanh quốc tế
- Phó Giám đốc khối Kinh doanh quốc tế
- Phó Giám đốc khối Kế hoạch quản lý hoạt động
- Phó Giám đốc khối Quản lý rủi ro
- Phó Trưởng đại diện Văn phòng đại diện Sumitomo Life Nhật Bản tại New York
- Thư ký Tổng Giám đốc Sumitomo Life, Nhật Bản.

Quốc tịch: Nhật Bản



ÔNG NGUYỄN DUY KHÁNH
THÀNH VIÊN HĐQT
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Năm sinh: 1984

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Chức vụ:

Thành viên Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Bảo Việt;
Trưởng ban Kiểm soát Ngân hàng
TMCP Bảo Việt.

Kinh nghiệm:

Trên 10 năm kinh nghiệm trong
lĩnh vực tài chính ngân hàng

Chức vụ công tác đã qua:

- Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Bảo Việt
- Thư ký Hội đồng Quản trị Ngân hàng Bảo Việt
- Kinh tế viên Đầu tư tài chính, Ban Dự án thành lập Ngân hàng Bảo Việt, Tập đoàn Bảo Việt.

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG ĐỖ TRƯỜNG MINH
QUYỀN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

Quyền Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt

Kinh nghiệm:

23 năm trong lĩnh vực bảo hiểm

Chức vụ công tác đã qua:

- Thành viên Hội đồng Thành viên, Quyền Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt;
- Phó Giám đốc Ban Bảo hiểm Hàng hải - Tổng Công ty CP Bảo hiểm Bưu điện;
- Giám đốc Chi nhánh Công ty Vinashinlines tại TP HCM, Trưởng phòng Pháp chế Vinashinlines;
- Giảng viên Đại học Hàng hải.

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG NGUYỄN ANH TUẤN
GIÁM ĐỐC KHỐI QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Tài chính - Tín dụng

Cử nhân Kinh tế

Kinh nghiệm:

Trên 18 năm trong lĩnh vực đầu tư

Chức vụ đang đảm nhiệm:

Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt, Kiểm soát viên Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt, Thành viên HĐQT Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Sài Gòn - Hạ Long, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ BVFED.

Chức vụ công tác đã qua:

- Quyền Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động Tập đoàn Bảo Việt;
- Phó Trưởng ban Đầu tư dự án Tập đoàn Bảo Việt;

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG NGUYỄN MINH HOÀNG
GIÁM ĐỐC KHỐI CHIẾN LƯỢC VÀ ĐẦU TƯ

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Cử nhân ngân hàng

Chức vụ đang đảm nhiệm:

Giám đốc Khối Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt; Thành viên HĐQT Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ; Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt; Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ BVIF.

Kinh nghiệm:

Trên 19 năm trong lĩnh vực tài chính.

Chức vụ công tác đã qua:

- Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Công nghiệp tàu thủy
- Giám đốc Công ty Cho thuê tài chính Vinashin, Công ty cho thuê tài chính Công nghiệp tàu thủy;
- Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng, Công ty Tài chính Công nghiệp tàu thủy;
- Giám đốc, Công ty Chứng khoán Vinashin.

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG PHẠM NGỌC TÚ
PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH KHỐI QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Năm sinh: 1979

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Kinh tế, Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán, cử nhân Luật.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

Phó Giám đốc phụ trách Khối Quản lý Tài chính Tập đoàn Bảo Việt; Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

Kinh nghiệm:

Trên 16 năm trong lĩnh vực tài chính

Chức vụ công tác đã qua:

- Phó Giám đốc phụ trách Khối Kiểm toán Nội bộ Tập đoàn Bảo Việt
- Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam (VIWASEEN);
- Kế toán trưởng Tổng Công ty VIWASEEN
- Kiểm soát viên trưởng Tổng Công ty VIWASEEN
- Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty VIWASEEN
- Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch Tổng Công ty VIWASEEN

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG NGUYỄN XUÂN HÒA
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Quản trị kinh doanh.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt, Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC).

Kinh nghiệm:

Trên 18 năm trong lĩnh vực tài chính kế toán

Chức vụ công tác đã qua:

- Phó Giám đốc Khối Quản lý Tài chính Tập đoàn Bảo Việt;
- Trưởng Ban Tài chính, Kế hoạch - Tài chính Tập đoàn Bảo Việt;
- Phó Trưởng ban Kế hoạch - Tài chính Tập đoàn Bảo Việt;
- Phó trưởng phòng Kế toán Hội sở - Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG TRƯƠNG TUẤN LÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH CHI NHÁNH TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Kinh tế

Chức vụ đang đảm nhiệm:

Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Trung tâm Công nghệ Thông tin Tập đoàn Bảo Việt

Kinh nghiệm:

23 năm trong lĩnh vực công nghệ thông tin

Chức vụ công tác đã qua:

- Phó chi nhánh Giám đốc Trung Tâm CNTT Tập đoàn Bảo Việt
- Phó Giám đốc CNTT - Tập đoàn Bảo Việt
- Trưởng Ban Vận hành và Quản trị Hệ thống CNTT - Tập đoàn Bảo Việt
- Phó ban Công nghệ Tin học - Tập đoàn Bảo Việt
- Phó giám đốc Trung tâm thông tin - Bảo Việt Nhân thọ
- Trưởng phòng Quản lý hệ thống - Trung Tâm thông tin Bảo Việt - Tcty Bảo hiểm Việt Nam
- Phụ trách phòng Tin học Phi Nhân thọ tại Tcty Bảo hiểm Việt Nam

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG NGUYỄN THANH HẢI
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM ĐÀO TẠO BẢO VIỆT

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kinh tế.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

Giám đốc Trung tâm Đào tạo Bảo Việt.

Kinh nghiệm:

Trên 21 năm trong lĩnh vực tài chính kế toán

Chức vụ công tác đã qua:

- Kế toán trưởng Tập đoàn Bảo Việt ;
- Phó Trưởng ban, Trưởng ban Kế hoạch Tài chính Tập đoàn Bảo Việt;
- Phó Giám đốc, Quyền Giám đốc, Giám đốc Bảo Việt Nhân thọ Quảng Ninh;
- Trưởng phòng Tài chính kế toán, Bảo Việt Nhân thọ Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG NGUYỄN NGỌC THUY
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1964

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

Trưởng ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt.

Kinh nghiệm:

Trên 31 năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán

Chức vụ công tác đã qua:

- Kiểm soát viên Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam;
- Trợ lý tín dụng văn phòng Cộng đồng Châu Âu vùng phía Bắc tại Hải Phòng;
- Chuyên viên tín dụng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn TP. Hải Phòng.

Quốc tịch: Việt Nam



ÔNG ÔNG TIẾN HÙNG
KIỂM SOÁT VIÊN

Năm sinh: 1964

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; Cử nhân kinh tế.

Chức vụ đang đảm nhiệm:

Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt; Giám đốc Ban Tổ chức nhân sự, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

Kinh nghiệm:

Trên 27 năm trong lĩnh vực tài chính, kế toán

Chức vụ công tác đã qua:

- Trưởng phòng Kiểm tra nội bộ và Quản lý rủi ro, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;
- Phó Trưởng phòng Thanh tra nội bộ ngành; Thanh tra viên chính, Thanh tra Bộ Tài chính.

Quốc tịch: Việt Nam



BÀ PHÍ THỊ QUỲNH NGÀ
KIỂM SOÁT VIÊN

Năm sinh: 1979

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Luật học, Luật sư

Chức vụ đang đảm nhiệm:

Kiểm soát viên Tập đoàn Bảo Việt, Trưởng phòng Pháp chế và Tuân thủ, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.

Kinh nghiệm:

Trên 16 năm trong lĩnh vực pháp chế, kiểm toán

Chức vụ công tác đã qua:

- Phó Trưởng phòng Tổng hợp phụ trách bộ phận pháp chế, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.

Quốc tịch: Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2017, Hội đồng quản trị đã phát huy hiệu quả vai trò dẫn dắt trong việc chỉ đạo xây dựng các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2017 và chiến lược giai đoạn 2016 - 2020 với trọng tâm là tăng cường hợp tác nội bộ nhằm phát huy sức mạnh tổng thể của toàn Tập đoàn, đẩy mạnh các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong quản trị, điều hành doanh nghiệp hướng tới thực hiện chiến lược tăng trưởng và phát triển bền vững, "Khẳng định thương hiệu Việt" trong năm 2018.

CƠ CẤU THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2017, nhằm tăng cường năng lực quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Tập đoàn Bảo Việt thông qua việc tăng số lượng thành viên HĐQT từ 9 thành viên lên 11 thành viên và Đại hội đồng cổ đông đã bầu ông Nguyễn Minh Hoàng và ông Nguyễn Duy Khánh là thành viên HĐQT.



DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT (TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2017)

STT	Họ và tên	Chức danh	Thành viên HĐQT	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Tập đoàn Bảo Việt	Chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty Cổ phần khác tại Việt Nam
1	Ông Đào Đình Thi	Chủ tịch HĐQT	Chuyên trách	25,82% (Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 175.707.452 cổ phần)	Không có
2	Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên HĐQT	Chuyên trách	7,18% (Trong đó: - Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 48.848.000 cổ phần - Sở hữu cá nhân: 3.200 cổ phần)	Không có
3	Ông Phan Kim Bằng	Thành viên HĐQT	Không điều hành	7,18% (Trong đó: - Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 48.848.000 cổ phần - Sở hữu cá nhân: 500 cổ phần)	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam.
4	Bà Thân Hiền Anh	Thành viên HĐQT	Không điều hành	7,18% (Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 48.848.000 cổ phần)	Không có
5	Ông Đậu Minh Lâm	Thành viên HĐQT	Không điều hành	7,18% (Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 48.848.000 cổ phần)	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bảo Việt Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt
6	Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	Độc lập	0%	
7	Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên HĐQT	Điều hành	0%	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Bảo Việt
8	Ông Shuichi Sakai	Thành viên HĐQT	Không điều hành	9% (Đại diện sở hữu phần vốn Sumitomo Life: 61.254.545 cổ phần)	Không có
9	Ông Muneo Sasagawa	Thành viên HĐQT	Không điều hành	9% (Đại diện sở hữu phần vốn Sumitomo Life: 61.254.546 cổ phần)	Không có
10	Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên HĐQT	Không điều hành	3,26% (Đại diện sở hữu phần vốn SCIC: 22.154.400)	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên Hội đồng quản trị TCT xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam (Vinaconex).

Tại thời điểm 31/12/2017, số lượng thành viên HĐQT chuyên trách và không điều hành của Tập đoàn Bảo Việt là 09 trên tổng số 10 thành viên HĐQT, trong đó có 01 thành viên HĐQT độc lập. Điều này giúp đảm bảo tính độc lập của HĐQT trong việc xem xét, phê chuẩn và ra quyết định đối với các vấn đề do Ban Điều hành đề xuất.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2017

TỔ CHỨC HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN VÀ BÁO CÁO XIN Ý KIẾN ĐHĐCĐ VỀ CÁC VẤN ĐỀ THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ĐHĐCĐ:

Năm 2017, HĐQT Tập đoàn Bảo Việt đã triệu tập 01 cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 26/5/2017. ĐHĐCĐ đã thảo luận và thông qua các vấn đề như sau:

Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2016 và Kế hoạch hoạt động năm 2017;

- Báo cáo về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 và kế hoạch kinh doanh năm 2017;
- Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo Tài chính riêng năm 2016 đã được kiểm toán của Tập đoàn Bảo Việt
- Thù lao của HĐQT và BKS cho năm tài chính 2016 và dự kiến mức thù lao của HĐQT và BKS cho năm tài chính 2017;
- Phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2016 và kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017;
- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Báo cáo tình hình thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP");

- Phê duyệt mua bảo hiểm trách nhiệm cho nhà quản lý;
- Thông qua việc thay đổi địa điểm trụ sở chính của Tập đoàn Bảo Việt và Điều lệ Tập đoàn sửa đổi, bổ sung lần thứ tám;
- Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2018, 2019, 2020 của Tập đoàn Bảo Việt.
- Thông qua thay đổi số lượng thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2012 – 2017 từ 09 thành viên lên 11 thành viên;
- Bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2012 – 2017.

ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 của Tập đoàn Bảo Việt đã diễn ra theo đúng trình tự các bước quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt cũng như các quy định khác đối với công ty niêm yết. Trước khi tổ chức Đại hội, Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện việc thông báo chốt danh sách cổ đông; thông báo mời họp; công bố các tài liệu sẽ trình tại Đại hội và thực hiện công bố Báo cáo tài chính theo đúng quy định.

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017, HĐQT đã triển khai thực hiện các vấn đề được ĐHĐCĐ thông qua.



HỌP HĐQT ĐỊNH KỲ NHẪM ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ ĐƯA RA CÁC ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Thực hiện quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt, trong năm 2017, HĐQT Tập đoàn Bảo Việt duy trì việc họp định kỳ mỗi quý một lần nhằm bàn bạc, trao đổi, thống nhất và kịp thời đưa ra các chỉ đạo trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. HĐQT đã tổ chức 06 (sáu) cuộc họp trong đó có 04 (bốn) cuộc họp định kỳ hàng quý và 02 (hai) cuộc họp mở rộng liên quan đến các nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và triển khai xây dựng Kế hoạch kinh doanh năm 2018 cho Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ.

Việc tổ chức các cuộc họp của HĐQT đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt và Luật Doanh nghiệp. Các thành viên HĐQT đã nghiêm túc tham dự trực tiếp các cuộc họp HĐQT hoặc ủy quyền cho các thành viên HĐQT dự họp và biểu quyết theo đúng quy định tại Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt và Quy chế hoạt động của HĐQT, cụ thể như sau:

Các cuộc họp của hội đồng quản trị trong năm 2017

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Đào Đình Thi	Chủ tịch HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 23/12/2014	06/06	100%	
2	Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 04/10/2007	06/06	100%	
3	Ông Phan Kim Bằng	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 23/12/2014	06/06	100%	
4	Ông Đậu Minh Lâm	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 23/12/2014	06/06	100%	
5	Bà Thân Hiền Anh	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 23/12/2014	06/06	100%	
6	Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 26/5/2017	03/03	100%	Ngày bắt đầu là TV HĐQT là ngày 26/5/2017
7	Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 26/5/2017	03/03	100%	
8	Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 17/5/2016	06/06	100%	
9	Ông Muneo Sasagawa	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 02/7/2015	06/06	100%	
10	Ông Shuichi Sakai	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là t/v HĐQT 28/3/2016	05/05	100%	

Các cuộc họp HĐQT đã tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến chỉ đạo tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2017; xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2017 và chiến lược kinh doanh giai đoạn 2016 – 2020 theo phê duyệt của ĐHCĐ; chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, triển khai các nhiệm vụ trọng tâm trên toàn hệ thống Bảo Việt và thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2017 ... Các Nghị quyết được HĐQT thống nhất đưa ra tại các cuộc họp là những định hướng quan trọng giúp Ban Điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của Tập đoàn hiệu quả.

LẤY Ý KIẾN THÀNH VIÊN HĐQT BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA CÁC QUYẾT ĐỊNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA HĐQT

Ngoài các phiên họp trực tiếp của HĐQT, HĐQT đã thông qua các quyết định theo phương thức lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản để chỉ đạo giải quyết các sự vụ cụ thể thuộc thẩm quyền của HĐQT theo tờ trình của Tổng Giám đốc Tập đoàn và các Ủy ban thuộc HĐQT. Trong năm 2017, HĐQT đã giải quyết hơn 70 vấn đề có liên quan đến các định hướng lớn về quản trị doanh nghiệp, hoàn thiện và ban hành các quy chế quản trị nội bộ, đầu tư phát triển nguồn nhân lực, kiện toàn bộ máy lãnh đạo, định hướng hoạt động đầu tư tập trung trên toàn hệ thống v.v...; chỉ đạo điều chỉnh cơ cấu tổ chức quản trị, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Điều hành trong việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ và HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị được ban hành dựa trên tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên Hội đồng Quản trị vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Tập đoàn.

CÁC NGHỊ QUYẾT HĐQT BAN HÀNH TRONG NĂM 2017

(Bao gồm các Nghị quyết được thông qua tại các kỳ họp HĐQT định kỳ hàng Quý và các Nghị quyết thông qua theo phương thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản)

Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
01/2017/NQ-HĐQT	17/01/2017	Nghị quyết họp Hội đồng Quản trị tháng 01 năm 2017
02/2017/NQ-HĐQT	17/01/2017	Nghị quyết về việc kiện toàn nhân sự cấp cao của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
03/2017/NQ-HĐQT	18/01/2017	Tình hình tăng vốn năm 2016 và năm 2017 của các dự án đầu tư chiến lược của Tập đoàn Bảo Việt
04/2017/NQ-HĐQT	18/01/2017	Nghị quyết phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Tháp Tài chính Quốc tế (IFT) 220 Trần Duy Hưng
05/2017/NQ-HĐQT	18/01/2017	Nghị quyết kiện toàn nhân sự Công ty BVF – Ông Nguyễn Đình An – Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
06/2017/NQ-HĐQT	13/02/2017	Nghị quyết phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Tháp Tài chính quốc tế (IFT) số 220 Trần Duy Hưng
07/2017/NQ-HĐQT	20/02/2017	Nghị quyết phê duyệt Báo cáo Tài chính 9 tháng theo IFRS
08/2017/NQ-HĐQT	22/02/2017	Nghị quyết phê duyệt Hợp đồng Bảo hiểm sức khỏe 2017 của cán bộ, nhân viên Tập đoàn Bảo Việt

Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
09/2017/NQ-HĐQT	01/3/2017	Nghị quyết cuộc họp Hội đồng Quản trị Quý I năm 2017
10/2017/NQ-HĐQT	01/3/2017	Nghị quyết cuộc họp Hội đồng Quản trị Quý I năm 2017 về việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2017
11/2017/NQ-HĐQT	28/3/2017	Nghị quyết phê duyệt Kế hoạch kiểm toán năm 2017 của Tập đoàn Bảo Việt
12/2017/NQ-HĐQT	30/3/2017	Nghị quyết phê duyệt Báo cáo Tài chính riêng năm 2016 của Công ty Mẹ sau kiểm toán
13/2017/NQ-HĐQT	30/3/2017	Nghị quyết phê duyệt phương án Quyết toán quỹ lương năm 2016 của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con do Tập đoàn Bảo Việt làm chủ sở hữu
14/2017/NQ-HĐQT	30/3/2017	Nghị quyết phê duyệt phương án thu lợi nhuận năm 2016 từ các Công ty con do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn điều lệ
15/2017/NQ-HĐQT	10/4/2017	Nghị quyết phê duyệt Báo cáo Tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2016
16/2017/NQ-HĐQT	10/4/2017	Nghị quyết phê duyệt phương án phân phối Lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2016 của các Công ty con do Tập đoàn Bảo Việt sở hữu 100% vốn
17/2017/NQ-HĐQT	13/4/2017	Nghị quyết phê duyệt chủ trương và dự thảo Hợp đồng thuê văn phòng tại 17 Trần Hưng Đạo với Sumitomo Life
18/2017/NQ-HĐQT	19/4/2017	Nghị quyết nhận chuyển nhượng toàn phần quyền sử dụng đất của VPBank tại số 8 Lê Thái Tổ
19/2017/NQ-HĐQT	20/4/2017	Nghị quyết thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2017 của Tập đoàn Bảo Việt
20/2017/NQ-HĐQT	03/5/2017	Nghị quyết quyết toán quỹ lương năm 2016 của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ
21/2017/NQ-HĐQT	04/5/2017	Nghị quyết về việc kiện toàn nhân sự Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
22/2017/NQ-HĐQT	08/5/2017	Nghị quyết phê duyệt chấm dứt và thanh lý Hợp đồng cho thuê văn phòng làm việc tại số 8 Lê Thái Tổ giữa Tập đoàn Bảo Việt và Sumitomo Life
23/2017/NQ-HĐQT	09/5/2017	Nghị quyết Phê chuẩn Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Tập đoàn Bảo Việt theo Chuẩn mực lập báo cáo tài chính quốc tế (IFRS)
24/2017/NQ-HĐQT	11/5/2017	Nghị quyết thưởng Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên và Ban Điều hành của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
25/2017/NQ-HĐQT	15/5/2017	NQ Phê duyệt kế hoạch kinh phí An sinh xã hội từ chi phí năm 2017 của Tập đoàn Bảo Việt
26/2017/NQ-HĐQT	16/5/2017	Nghị quyết họp Hội đồng Quản trị Quý II năm 2017
27/2017/NQ-HĐQT	16/5/2017	Nghị quyết họp Hội đồng Quản trị Quý II năm 2017

Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
28/2017/NQ-HĐQT	16/5/2017	Nghị quyết Tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2017
29/2017/NQ-HĐQT	25/5/2017	Nghị quyết kế hoạch kinh doanh 2017 và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt năm 2017
30/2017/NQ-HĐQT	25/5/2017	Nghị quyết họp Hội đồng Quản trị mở rộng Tháng 5/2017
31/2017/NQ-HĐQT	25/5/2017	Nghị quyết họp Hội đồng Quản trị mở rộng Tháng 5/2017
32/2017/NQ-HĐQT	12/6/2017	Nghị quyết phê duyệt điều chỉnh lộ trình xây dựng Khung khẩu vị rủi ro Tập đoàn Bảo Việt
33/2017/NQ-HĐQT	16/6/2017	Nghị quyết trích lập và phân bổ quỹ khen thưởng từ nguồn Lợi nhuận sau thuế năm 2016
34/2017/NQ-HĐQT	16/6/2017	Nghị quyết luân chuyển kế toán trưởng và giao nhiệm vụ phụ trách kế toán đối với cán bộ tại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt
35/2017/NQ-HĐQT	16/6/2017	Nghị quyết tổ chức và hoạt động của Ban Đại diện của Tập đoàn Bảo Việt tại các khu vực
36/2017/NQ-HĐQT	21/6/2017	Nghị quyết phê duyệt dự án Trang bị bổ sung bản quyền Microsoft của Tập đoàn Bảo Việt
37/2017/NQ-HĐQT	21/6/2017	Nghị quyết nội dung Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2017 của BVInvest
38/2017/NQ-HĐQT	21/6/2017	Nghị quyết phê duyệt Báo cáo Tài chính riêng và hợp nhất Quý I năm 2017 của Tập đoàn Bảo Việt
39/2017/NQ-HĐQT	26/6/2017	Nghị quyết kiện toàn nhân sự Người đại diện vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt và kiện toàn nhân sự Hội đồng Quản trị tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
40/2017/NQ-HĐQT	27/6/2017	Nghị quyết kiện toàn nhân sự Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
41/2017/NQ-HĐQT	27/6/2017	Nghị quyết phê duyệt trang bị nội thất Trụ sở chính 72 Trần Hưng Đạo
42/2017/NQ-HĐQT	7/7/2017	Nghị quyết phê duyệt kế hoạch kinh phí An sinh xã hội từ nguồn LNST của TĐBV
43/2017/NQ-HĐQT	20/7/2017	NQ Phê chuẩn Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31/3/2017 của Tập đoàn Bảo Việt theo chuẩn mực lập Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS)
44/2017/NQ-HĐQT	21/7/2017	Nghị quyết họp Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt quý III năm 2017

Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
45/2017/NQ-HĐQT	21/7/2017	Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2016 của TĐBV
46/2017/NQ-HĐQT	26/7/2017	NQ phân phối tiền thưởng đối với thành viên HĐQT, BKS từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2016 của TĐBV
47/2017/NQ-HĐQT	27/7/2017	NQ kiện toàn Người đại diện vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc
48/2017/NQ-HĐQT	11/8/2017	NQ phân công nhiệm vụ HĐQT TĐBV
49/2017/NQ-HĐQT	29/8/2017	NQ Phê duyệt báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 theo chuẩn mực kế toán Việt Nam của Tập đoàn Bảo Việt
50/2017/NQ-HĐQT	5/9/2017	NQ bổ nhiệm lại chức vụ Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (ông Phạm Ngọc Sơn)
51/2017/NQ-HĐQT	14/9/2017	NQ quyết toán tòa nhà Bảo Việt tại Hải Phòng
52/2017/NQ-HĐQT	29/9/2017	NQ Thay thế nhân sự của Sumitomo Life tại Tổng Công ty Bảo Hiểm Bảo Việt
53/2017/NQ-HĐQT	5/10/2017	NQ phê duyệt nội dung Thảo luận hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao năng lực giữa Tập đoàn Bảo Việt, Tổng Công ty BVNT và Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo giai đoạn 5
54/2017/NQ-HĐQT	16/10/2017	NQ về thay đổi địa chỉ Trụ sở chính của TCT Bảo Hiểm Bảo Việt
55/2017/NQ-HĐQT	17/10/2017	NQ về phê duyệt chủ trương nghiên cứu đầu tư dự án đô thị tại xã Lại Yên, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
56/2017/NQ-HĐQT	23/10/2017	NQ về điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ lĩnh vực kiểm toán hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ năm 2017
57/2017/NQ-HĐQT	30/10/2017	NQ thông qua báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 của Tập đoàn Bảo Việt theo chuẩn mực lập báo cáo tài chính quốc tế (IFRS)
58/2017/NQ-HĐQT	1/11/2017	NQ về phê duyệt chủ trương và dự thảo Thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng quản lý tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
59/2017/NQ-HĐQT	9/11/2017	NQ Phê duyệt tạm dừng thuê tư vấn xây dựng khung Khẩu vị rủi ro Tập đoàn Bảo Việt
60/2017/NQ-HĐQT	10/11/2017	NQ về việc phê duyệt chủ trương khai thác đối với Tòa nhà Bảo Việt tại 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
61/2017/NQ-HĐQT	17/11/2017	NQ thông qua chi phí trả lương cho Giám đốc Actuary Bảo Việt Nhân thọ

Số NQ	Ngày ban hành	Nội dung
62/2017/NQ-HĐQT	24/11/2017	NQ về việc chấp thuận việc Sumitomo Life thu hồi thông báo thay đổi người đại diện vốn tại Tập đoàn Bảo Việt
63/2017/NQ-HĐQT	24/11/2017	NQ về việc chấp thuận nội dung ủy quyền giữa ông Muneo Sasagawa - Thành viên Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt và ông Kazuhiko Arai
64/2017/NQ-HĐQT	01/12/2017	NQ về việc điều chỉnh lương đối với Lãnh đạo và cán bộ quản lý cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt năm 2017
65/2017/NQ-HĐQT	01/12/2017	NQ về việc điều chỉnh lương đối với cán bộ quản lý của Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ
66/2017/NQ-HĐQT	01/12/2017	NQ về phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch Kiểm toán nội bộ lĩnh vực kiểm toán hoạt động Bảo hiểm nhân thọ năm 2017
67/2017/NQ-HĐQT	7/12/2017	NQ thông qua Chiến lược phát triển kinh doanh mảng bảo hiểm sức khỏe và phê duyệt chủ trương thành lập Công ty Bảo hiểm sức khỏe Bảo Việt
68/2017/NQ-HĐQT	7/12/2017	NQ về phê duyệt Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính ba tháng và chín tháng kết thúc ngày 30/09/2017 đã được soát xét của Tập đoàn Bảo Việt theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam
69/2017/NQ-HĐQT	21/12/2017	NQ về thu lợi nhuận sau thuế 2017 Bảo hiểm Bảo Việt
70/2017/NQ-HĐQT	26/12/2017	NQ về phê duyệt một số nội dung chính về việc cho thuê tòa nhà Bảo Việt tại số 8 Lê Thái Tổ
71/2017/NQ-HĐQT	19/12/2017	Nghị quyết hợp HĐQT Tập đoàn Bảo Việt Quý IV năm 2017

NGHIÊM TÚC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT, CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT NĂM 2017 THEO CÁC THÔNG LỆ TỐT VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRÊN THẾ GIỚI VÀ KHU VỰC

Nhằm nâng cao công tác đánh giá hoạt động của HĐQT theo các thông lệ tốt về quản trị công ty trên thế giới và khu vực, năm 2017, HĐQT đã triển khai Quy chế hoạt động của HĐQT, hoàn thành công tác đánh giá Quy trình và các Tiêu chí đánh giá cụ thể đối với hoạt động của HĐQT, của từng thành viên HĐQT và các Ủy ban thuộc HĐQT, cụ thể như sau:

- Tiêu chí đánh giá hoạt động của HĐQT** bao gồm 40 tiêu chí đánh giá về: (i) Nhiệm vụ và trách nhiệm của HĐQT; (ii) Cơ cấu HĐQT; (iii) Quy trình của HĐQT; (iv) Kết quả hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT; và (v) Đánh giá thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và kế hoạch kinh doanh hàng năm.
- Tiêu chí đánh giá hoạt động của từng thành viên HĐQT** bao gồm 17 tiêu chí đánh giá về: (i) Mức độ tương tác giữa các thành viên HĐQT; (ii) Chất lượng các ý kiến/đề xuất của các thành viên HĐQT; (iii) Thực hiện nhiệm vụ của Thành viên HĐQT; và (iv) Vai trò của Chủ tịch HĐQT.

Ủy ban Thủ lao và Bổ nhiệm và Thư ký Công ty chịu trách nhiệm tham mưu cho HĐQT trong quá trình thực hiện đánh giá.

Các Tiêu chí đánh giá nêu trên được xây dựng trên cơ sở tham chiếu các chuẩn mực tại Phần E - Trách nhiệm của HĐQT tại Bộ câu hỏi cấp 1 - Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN, Quy tắc Quản trị Công ty của OECD và tham khảo thông lệ về đánh giá hoạt động của HĐQT và thành viên HĐQT ở các nước phát triển trên thế giới.

Trong Quý I/2018, HĐQT đã thực hiện đánh giá kết quả hoạt động năm 2017 của HĐQT, các Ủy ban thuộc HĐQT và các thành viên HĐQT với một số kết quả cụ thể như sau:

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG HĐQT VÀ CÁC ỦY BAN CỦA HĐQT

1	YẾU	2	TB/ CẦN CẢI THIỆN	3	KHÁ	4	TỐT	5	RẤT TỐT
STT	Nội dung đánh giá			Điểm TB và Xếp loại		Vấn đề cần cải thiện			
1	Nhiệm vụ và trách nhiệm của HĐQT			4.8					
2	Thành phần và cơ cấu HĐQT			4.5		Tính độc lập giữa thành viên HĐQT với Ban Điều hành và cổ đông lớn của Tập đoàn			
3	Quy trình HĐQT								
	3.1. <i>Họp và tham dự họp HĐQT</i>			4.8		Có ít nhất 1 cuộc họp giữa các thành viên HĐQT không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành trong năm đánh giá			
	3.2. <i>Tiếp cận thông tin</i>			4.3		Tài liệu họp HĐQT được gửi tới các thành viên tối thiểu 5 ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra			
	3.3. <i>Lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản</i>			4.4					
	3.4. <i>Bổ nhiệm và bầu lại HĐQT (nếu có)</i>			4.8					
4	Kết quả hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT			、					
	4.1. <i>Ủy ban Thủ lao & Bổ nhiệm</i>			4.4		Thành viên trong Ủy ban Thủ lao và Bổ nhiệm phần lớn là thành viên HĐQT độc lập (hơn 50%). Chủ tịch Ủy ban Thủ lao và Bổ nhiệm là thành viên HĐQT độc lập			
	4.2. <i>Ủy ban Kiểm toán</i>			4.6		Ủy ban Kiểm toán có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT không điều hành với đa số thành viên HĐQT độc lập.			
	4.3. <i>Ủy ban Chiến lược & Đầu tư</i>			4.6		Chất lượng báo cáo, tham mưu cho HĐQT các vấn đề thuộc chức năng nhiệm vụ của Ủy ban Chiến lược và Đầu tư			
	4.4. <i>Ủy ban Tài sản nợ - Tài sản có (ALCO)</i>			4.6					
5	Đánh giá thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ và kế hoạch kinh doanh hàng năm			4.6					

Kết quả đánh giá hoạt động của HĐQT đạt mức từ 4,3 điểm trở lên so với mức tối đa là 5 điểm, đạt mức đánh giá **RẤT TỐT**.

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT

Căn cứ 13 tiêu chí đánh giá về 3 nhóm vấn đề: (i) Mức độ tương tác của các thành viên HĐQT; (ii) Chất lượng các ý kiến/đề xuất của các thành viên HĐQT; (iii) Thực hiện nhiệm vụ của Thành viên HĐQT, các thành viên HĐQT đã tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, đồng thời đánh giá chéo hoạt động của các thành viên HĐQT khác.

Kết quả đánh giá: 10/10 thành viên HĐQT đều đạt từ 4,6 đến 4,9 điểm trên điểm tối đa 5 điểm – đạt mức RẤT TỐT.

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT VÀ CÁC THÀNH VIÊN HĐQT:

- HĐQT đã phát huy được vai trò và trách nhiệm của mình trong hoạt động quản trị doanh nghiệp, đảm bảo cơ cấu tổ chức và hoạt động theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tập đoàn.
- HĐQT đã triển khai thực hiện nghiêm túc và hoàn thành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 và kế hoạch kinh doanh năm 2017.
- Các Ủy ban thuộc HĐQT đã góp phần quan trọng trong việc tham mưu cho HĐQT các vấn đề thuộc chức năng nhiệm vụ của Ủy ban như: chiến lược, đầu tư, bổ nhiệm nhân sự cấp cao, thù lao lương thưởng, kiểm toán và quản lý tài sản nợ - tài sản có...
- Các thành viên HĐQT có mức độ chia sẻ thông tin rất tốt, chủ động đưa ra những đánh giá, phân tích chuyên sâu về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Tập đoàn.
- Chủ tịch HĐQT phát huy vai trò trong việc triển khai hiệu quả các hoạt động của HĐQT, khuyến khích thành viên HĐQT tham gia ý kiến vào các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT; đảm bảo xây dựng các kế hoạch hoạt động của HĐQT trước năm tài chính và gửi tài liệu họp, tài liệu lấy ý kiến t/v HĐQT tối thiểu 5 ngày trước ngày họp/ngày cho ý kiến.
- Để tăng cường trách nhiệm của HĐQT, tuân thủ các chuẩn mực về Trách nhiệm của HĐQT tại Thẻ điểm quản trị Công ty khu vực ASEAN, HĐQT cần tiếp tục đẩy mạnh các công tác sau:
 - Tiếp tục tăng cường truyền thông sứ mệnh/tâm nhìn của Tập đoàn, xem xét chiến lược kinh doanh hàng năm để phù hợp diễn biến mới.
 - Xem xét bổ sung quy định về việc tổ chức cuộc họp giữa các thành viên HĐQT không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành tại Quy chế Quản trị/Quy chế hoạt động của HĐQT
 - Tăng cường tính độc lập giữa thành viên HĐQT với Ban Điều hành và cổ đông lớn của Tập đoàn qua việc bầu các thành viên HĐQT độc lập tham gia hoạt động của HĐQT, và tham gia vào hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT;
 - Tiếp tục nâng cao chất lượng báo cáo, tham mưu cho HĐQT các vấn đề thuộc chức năng nhiệm vụ của các Ủy ban thuộc HĐQT;
 - Tăng cường hơn nữa việc chia sẻ thông tin giữa các thành viên HĐQT qua việc tăng cường cung cấp, cập nhật các thông tin về lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn, về tình hình thị trường và các cơ hội phát triển kinh doanh; khuyến khích thành viên HĐQT có những đánh giá, phân tích chuyên sâu về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, cung cấp những đề xuất có tính thực tiễn và khả thi đối với các vấn đề trong chương trình nghị sự để HĐQT thảo luận quyết định.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2018

Trong năm 2018, HĐQT sẽ tiếp tục duy trì chế độ họp định kỳ hàng Quý theo quy định và tổ chức các phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên HĐQT để triển khai Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018, thực hiện các vấn đề liên quan đến quản trị công ty và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2018 trên toàn Tập đoàn, cụ thể như sau:



Triển khai thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, trong đó tập trung hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2018 và bám sát chiến lược giai đoạn 2016-2020;



Nâng cao năng lực quản trị công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ Quốc tế tốt nhất để đảm bảo khai thác các nguồn lực hiệu quả, tạo ra các giá trị bền vững trong dài hạn, và thu hút nguồn vốn đầu tư vào doanh nghiệp;



Tiếp tục phát huy những giá trị đã xây dựng và phát triển trong thời gian vừa qua, quyết liệt triển khai các giải pháp kinh doanh để “Khẳng định thương hiệu Việt” trong năm 2018, trong đó tập trung đến các vấn đề: (i) nâng cao hiệu quả kinh doanh trong tất cả lĩnh vực hoạt động, nâng cao tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu; (ii) Rà soát, đổi mới, sắp xếp bộ máy tổ chức nhân sự tinh gọn, hoạt động hiệu quả; (iii) Đầu tư phát triển nguồn nhân lực gắn với quy hoạch, luân chuyển cán bộ trên toàn hệ thống; (iv) Tiếp tục đẩy mạnh Đề án hợp lực Tập đoàn Bảo Việt; (v) Tập trung đầu tư và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại đáp ứng tốt hơn nhu cầu kinh doanh;



Phối hợp với các cơ quan quản lý của nhà nước xây dựng hành lang pháp lý, phát triển thị trường, sản phẩm mới; tiếp tục chú trọng triển khai các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng theo chủ trương của Đảng và Chính phủ, là doanh nghiệp tiên phong trong công tác bảo vệ môi trường, hướng tới thực hiện chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt.

BÁO CÁO CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Ủy ban Kiểm toán (UBKT) là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, trực thuộc Hội đồng Quản trị (HĐQT), do HĐQT quyết định thành lập từ năm 2008. Năm 2015, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của UBKT được sửa đổi phù hợp hơn với thực tế hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt, nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Ủy ban. Theo đó, UBKT có chức năng tư vấn và giúp việc cho HĐQT trong việc:

- Đảm bảo có được hệ thống kiểm soát nội bộ và tuân thủ pháp luật một cách hiệu quả thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ;
- Đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về báo cáo tài chính ra bên ngoài (gồm các yêu cầu áp dụng cho việc niêm yết trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tập đoàn) thông qua việc đánh giá các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (hoặc soát xét).

UBKT có các nhiệm vụ chính là:

- Quản lý về mặt chuyên môn, nghiệp vụ đối với hoạt động của Khối Kiểm toán nội bộ (KTNB), bao gồm: Việc xây dựng Kế hoạch kiểm toán chiến lược và Kế hoạch kiểm toán hàng năm; Các vấn đề về nghiệp vụ của Khối KTNB trong báo cáo kết quả kiểm toán; Kiểm tra và giám sát kế hoạch kiểm toán nội bộ, tính hiệu quả của hoạt động kiểm toán nội bộ; Xem xét các kết quả trọng yếu thu được từ việc kiểm toán nội bộ và các phản hồi từ Tổng Giám đốc Tập đoàn, các Giám đốc Khối chức năng của Tập đoàn và các Tổng Giám đốc Công ty con do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn.
- Đề xuất với Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt để đảm bảo Khối Kiểm toán nội bộ có đủ nguồn lực tổ chức thực hiện việc kiểm toán.
- Đánh giá các báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Bảo Việt hàng năm và giữa niên độ về việc tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán, các quy định về niêm yết và các yêu cầu của pháp luật liên quan đến báo cáo tài chính trình Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt. Thực hiện việc phối hợp với Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt về công tác liên quan đến lập báo cáo tài chính và Kiểm toán độc lập.

THÀNH PHẦN CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Năm 2017, UBKT tiếp tục hoạt động với thành phần bao gồm 01 Chủ nhiệm và 02 Ủy viên Ủy ban. Trong đó, Chủ nhiệm Ủy ban là thành viên HĐQT- đại diện của Cổ đông SCIC, 01 Ủy viên Thường trực là Phó Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt, 01 Ủy viên là thành viên HĐQT, đại diện của Cổ đông chiến lược Sumitomo Life. Các Ủy viên UBKT đều có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, tài chính, bảo hiểm và đầu tư.

Nhân sự Ủy ban Kiểm toán tại thời điểm 31/12/2017



ÔNG NGUYỄN ANH TÙNG
CHỦ NHIỆM

Chức vụ hiện tại:

Thành viên HĐQT TĐBV; Thành viên HĐQT CTCP Điện tử và tin học Việt Nam; Thành viên HĐQT CTCP Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính & Bảo hiểm:

14 năm (từ năm 2004)



ÔNG NGUYỄN QUANG VINH
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC

Chức vụ hiện tại:

Phó Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ, Tập đoàn Bảo Việt

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Kinh tế

Kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính & Bảo hiểm:

29 năm (từ năm 1989)



ÔNG SHUICHI SAKAI
ỦY VIÊN

Chức vụ hiện tại:

Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt; Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ, Thành viên Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Bảo Hiểm Bảo Việt

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính & Bảo hiểm:

29 năm (từ năm 1989)

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2017

Năm 2017, UBKT đã thực hiện các công việc chính theo chức năng và quyền hạn của mình như sau:

- Tham gia chỉ đạo việc lập Kế hoạch KTNB và chỉ đạo các hoạt động chuyên môn của Khối KTNB nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ, hoàn thành 100% kế hoạch KTNB năm 2017 được HĐQT phê duyệt; Chỉ đạo Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn thực hiện 19 cuộc kiểm toán, gồm 02 cuộc kiểm toán tại Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt, 10 cuộc kiểm toán tại các đơn vị thành viên của Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt, 06 cuộc kiểm toán tại Trụ sở chính và các đơn vị thành viên của Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ, 01 cuộc kiểm toán tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt. Các cuộc kiểm toán nội bộ đã phát hiện kịp thời những điểm yếu trong việc thực hiện các quy định nội bộ của Tập đoàn; quy chế, quy trình nghiệp vụ của các Tổng Công ty/Công ty, đưa ra các khuyến nghị phù hợp, khả thi. Bên cạnh đó KTNB còn có những đánh giá về việc thực hiện các quy định của nhà nước trong các lĩnh vực kinh doanh, giúp các đơn vị được kiểm toán tăng cường tính tuân thủ Pháp luật. Thông qua kết quả kiểm toán, HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn đã có những chỉ đạo kịp thời nhằm tăng cường công tác quản trị, nâng cao hiệu quả quản lý.
- Công tác soát xét Báo cáo tài chính:** trong năm 2017, UBKT đã thực hiện phối hợp với Ban Kiểm soát, Công ty kiểm toán độc lập Ernst & Young EY và bộ phận tài chính các Tổng Công ty, Công ty con đối với Báo cáo tài chính năm 2016, 2017 đảm bảo các BCTC tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ công bố thông tin báo cáo tài chính của công ty niêm yết. Đồng thời, UBKT tiến hành đánh giá/ tư vấn ý kiến lưu ý và trình HĐQT phê duyệt đối với các báo cáo tài chính VAS đã kiểm toán của Công ty Mẹ và Hợp nhất của Tập đoàn năm 2016, 2017 theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS và Chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS.
- UBKT đưa ra ý kiến về một số báo cáo/tờ trình của Khối KTNB nhằm nâng cao chất lượng hoạt động KTNB; đồng thời tham gia ý kiến, đề xuất và báo cáo HĐQT/Tổng Giám đốc trong công tác tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy hoạt động của Khối KTNB.
- Triển khai các hoạt động phối hợp của UBKT với các bộ phận của Công ty mẹ, các Tổng Công ty trong các công việc: tham gia ý kiến đối với các văn bản của Tập đoàn (Quy chế quản lý tài chính, gói thầu “Lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018, 2019, 2020”...); tham gia dự án TSCTA giai đoạn 4 với đối tác chiến lược Sumitomo Life nội dung liên quan đến đến hệ thống kiểm soát nội bộ và hoạt động KTNB; tham gia ý kiến trong các cuộc họp RMC, ALCO và các công việc khác theo yêu cầu của HĐQT.
- Để thực hiện nhiệm vụ trên, UBKT đã triển khai họp, thảo luận, tham gia ý kiến về các Báo cáo định kỳ cũng như các Báo cáo đánh giá Báo cáo tài chính của Ủy ban trước khi trình HĐQT. Trong năm 2017 UBKT đã tiến hành 9 phiên họp lấy ý kiến bằng văn bản các Ủy viên Ủy ban về các vấn đề quan trọng như: Lập Kế hoạch KTNB; Công tác đôn đốc xử lý thực hiện khuyến nghị; Công tác triển khai kiểm toán thực địa phù hợp với thực tế kinh doanh của đơn vị; Công tác đánh giá Báo cáo tài chính và các vấn đề quan trọng khác trước khi trình HĐQT quyết định.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Năm 2018, với nền tảng kinh nghiệm trong nước và quốc tế về kiểm toán, tài chính, bảo hiểm và đầu tư, UBKT tiếp tục thực hiện chức năng tư vấn cho HĐQT với mục đích:

- Đảm bảo hệ thống kiểm soát hiệu quả;
- Chỉ đạo công tác chuyên môn của Khối Kiểm toán nội bộ đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2018 do HĐQT giao;
- Chỉ đạo công tác đảm bảo chất lượng KTNB: rà soát, cập nhật các văn bản quy định, quy trình đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và Tập đoàn;
- Thực hiện tốt nhiệm vụ liên quan đến Báo cáo tài chính và tổ chức kiểm toán độc lập;
- Tăng cường phối hợp với Ban Kiểm soát và các bộ phận chức năng của Tập đoàn và các công ty con.

UBKT tiếp tục nỗ lực hoàn thành tốt kế hoạch công tác năm 2018 nhằm phát huy hơn nữa vai trò của UBKT trong việc tư vấn đảm bảo hệ thống kiểm soát hiệu quả, ngăn ngừa rủi ro, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, góp phần tích cực trong việc đạt các mục tiêu kinh doanh năm 2018 của Tập đoàn.



HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2017

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Ủy ban Thủ lao và Bổ nhiệm là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, do HĐQT quyết định thành lập. Chức năng chính của Ủy ban là:

- Tham mưu, tư vấn cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn trong việc hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt;
- Kiến nghị Hội đồng Quản trị xem xét, phê duyệt những vấn đề cơ bản về: Mô hình tổ chức bộ máy và mô hình quản trị doanh nghiệp; Chính sách quản lý lao động và tiền lương của Tập đoàn; Chính sách quản lý cán bộ của Tập đoàn.

THÀNH PHẦN ỦY BAN THỦ LAO VÀ BỔ NHIỆM

Năm 2017, Ủy ban Thủ lao và Bổ nhiệm có thay đổi về nhân sự, cụ thể: giảm 01 Ủy viên từ tháng 3/2017, tăng 01 Ủy viên từ ngày 01/4/2017, tăng 01 Ủy viên từ 07/8/2017, giảm 01 Ủy viên nghỉ chế độ hưu trí từ 01/10/2017. Tổng số thành viên hiện tại là 04 thành viên.

Dưới sự lãnh đạo của Chủ nhiệm Ủy ban, Ủy ban Thủ lao và Bổ nhiệm đã thực hiện tốt chức năng giúp việc cho HĐQT trong việc hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp, xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực cũng như các chính sách nhân sự, tiền lương đảm bảo quyền lợi cho cán bộ quản lý và người lao động.

Nhân sự Ủy ban Thủ lao và Bổ nhiệm làm việc tại thời điểm 31/12/2017


			
ÔNG ĐẬU MINH LÂM CHỦ NHIỆM	ÔNG NGUYỄN DUY KHÁNH	ÔNG NGUYỄN ANH TUẤN ỦY VIÊN	ÔNG PHÍ TRỌNG THẢO ỦY VIÊN
Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng Kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính & Bảo hiểm: 17 năm (từ năm 2001)	Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt; Trưởng ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bảo Việt. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính & Bảo hiểm: 12 năm (từ năm 2006)	Chức vụ hiện tại: Giám đốc Khối, Khối Quản lý Hoạt động, Tập đoàn Bảo Việt Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng Kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính & Bảo hiểm: 17 năm (từ năm 2001)	Chức vụ hiện tại: Ủy viên chuyên trách, Ủy ban Thủ lao và Bổ nhiệm Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kinh tế quản lý và kế hoạch hóa kinh tế quốc dân. Kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính & Bảo hiểm: 34 năm (từ năm 1984)

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NĂM 2017


Trong năm 2017, Ủy ban Thủ lao và bổ nhiệm đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp với các nội dung:

- Đánh giá công việc năm 2016 và kế hoạch thực hiện công việc trong năm 2017;
- Phân công nhiệm vụ các Ủy viên Ủy ban;
- Thảo luận về định hướng xây dựng các Quy chế của Tập đoàn Bảo Việt trong lĩnh vực quản trị nhân sự.
- Đánh giá công việc năm 2017 và xem xét dự kiến kế hoạch công việc năm 2018.


Bên cạnh đó, Ủy ban đã tiến hành 14 phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để thẩm định, đánh giá các đề xuất của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ để đề xuất Hội đồng Quản trị xem xét, quyết định những vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản trị nhân sự cơ bản sau đây:



Các quy chế, quy định: thẩm định và cho ý kiến về sửa đổi Quy định về chế độ thù lao, tiền thưởng và chi phí hoạt động đối với Kiểm soát viên, Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và ban điều hành Tập đoàn Bảo Việt; Sửa đổi Quy định về chế độ thù lao, tiền thưởng và chi phí hoạt động đối với Thành viên Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên tại các Công ty con do Tập đoàn Bảo Việt làm chủ sở hữu.



Công tác nhân sự, mô hình tổ chức của Tập đoàn Bảo Việt và các công ty Con của Tập đoàn Bảo Việt.Kiện toàn nhân sự của Tập đoàn Bảo Việt và các công ty Con của Tập đoàn Bảo Việt.



Công tác tiền lương: Việc trích lập, phân bổ quỹ phúc lợi và khen thưởng từ nguồn Lợi nhuận sau thuế năm 2016 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017; thẩm định kế hoạch lao động tiền lương năm 2017 của Tập đoàn và các Công ty con do Tập đoàn làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Năm 2018, Ủy ban Thủ lao và Bổ nhiệm tham gia việc hoàn thiện bổ sung chiến lược hoạt động kinh doanh của Tập đoàn giai đoạn 2016 – 2020, đặc biệt là chiến lược phát triển nguồn nhân lực cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt, tư vấn tham mưu cho Hội đồng Quản trị xem xét, phê duyệt/quyết định các chính sách phát triển và hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy, mô hình quản trị doanh nghiệp và các chính sách về quản trị nhân sự trong phạm vi toàn Tập đoàn, bám sát định hướng phát huy vai trò quản trị tập trung, xuyên suốt của Tập đoàn Bảo Việt đối với các đơn vị thành viên trong lĩnh vực quản trị nhân sự.

Ủy ban Thủ lao và Bổ nhiệm tiếp tục chức năng và nhiệm vụ tham mưu, tư vấn cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn trong việc quyết định các chính sách chế độ, quy trình, quy định liên quan đến công tác nhân sự đang áp dụng tại Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên.

Bên cạnh đó, Ủy ban cũng tham gia đóng góp vào việc thực hiện Quy định số 69 – QĐ/TW ngày 13/02/2017 của Ban Bí thư. Đặc biệt về vấn đề sắp xếp lại tổ chức bộ máy trong Tập đoàn theo tinh thần Nghị quyết số 18 – NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng và chương trình hành động số 365 – CT/ĐUBV ngày 12/12/2107 của Đảng ủy Tập đoàn Bảo Việt.

ỦY BAN CHIẾN LƯỢC VÀ ĐẦU TƯ

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Ủy ban Chiến lược và Đầu tư là một bộ phận trong cơ cấu quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, do HĐQT quyết định thành lập. Chức năng chính của Ủy ban là hỗ trợ cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn thông qua việc tư vấn và tham mưu về các nội dung liên quan đến lĩnh vực chiến lược và đầu tư, cụ thể:

Tham mưu, tư vấn các vấn đề về chiến lược phát triển và chiến lược kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con.

Tham mưu, tư vấn các vấn đề về chiến lược đầu tư, xây dựng chính sách và nguyên tắc đầu tư ngắn, trung và dài hạn; chiến lược, chính sách về quản lý rủi ro đầu tư; nghiên cứu, thẩm định, đánh giá các khoản đầu tư thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

THÀNH VIÊN ỦY BAN CHIẾN LƯỢC VÀ ĐẦU TƯ

Ủy ban Chiến lược và Đầu tư trong năm 2017 hoạt động với 01 Chủ nhiệm – là Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt; 01 Ủy viên là Thành viên HĐQT, đại diện của cổ đông Sumitomo Life; 01 Ủy viên là Thành viên HĐQT và là Giám đốc Khối Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt; 01 Ủy viên là Phó Giám đốc Khối Chiến lược và Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt. Các thành viên Ủy Ban đều có kinh nghiệm chuyên môn vững vàng trong lĩnh vực xây dựng và quản trị chiến lược và triển khai thực hiện các dự án đầu tư, nâng cao vai trò tham mưu, tư vấn đề xuất HĐQT trong các quyết định liên quan tới chiến lược phát triển và các hoạt động đầu tư của Tập đoàn.

Nhân sự Ủy ban Chiến lược và Đầu tư làm việc tại thời điểm 31/12/2017:

 <p>Bà Thân Hiền Anh Chủ nhiệm</p> <p>Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt; Chủ tịch HĐQT TCT Bảo Việt Nhân thọ</p> <p>Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD</p> <p>Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính & bảo hiểm: 22 năm (từ năm 1996)</p>	 <p>Ông Shuichi Sakai Ủy viên</p> <p>Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt; Thành viên HĐQT TCT Bảo Việt Nhân thọ; Thành viên HĐQT TCT Bảo hiểm Bảo Việt</p> <p>Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD</p> <p>Kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính & Bảo hiểm: 29 năm (từ năm 1989)</p>	 <p>Ông Nguyễn Minh Hoàng Ủy viên</p> <p>Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt; Giám đốc Khối CL&ĐT Tập đoàn Bảo Việt; Thành viên HĐQT TCT Bảo Việt Nhân thọ</p> <p>Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD</p> <p>Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính & bảo hiểm: 22 năm (từ năm 1996)</p>	 <p>Bà Trần Thị Phương Thảo Ủy viên</p> <p>Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc Khối Chiến lược & Đầu tư Tập đoàn Bảo Việt; Thành viên HĐQT Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt</p> <p>Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD</p> <p>Kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính & bảo hiểm: 11 năm (từ năm 2007)</p>
---	---	--	--

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NĂM 2017

Trong năm 2017, Ủy ban Chiến lược và Đầu tư đã tổ chức họp định kỳ với các nội dung:

- Tổng kết công tác năm 2017 và kế hoạch năm 2018;
- Phân công nhiệm vụ các Ủy viên Ủy ban;
- Thảo luận về việc sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban.

Bên cạnh đó, Ủy ban đã tiến hành 16 lần lấy ý kiến bằng văn bản liên quan đến các nội dung sau: Thẩm định kế hoạch đầu tư mua sắm Tài sản cố định, Công nghệ thông tin và Xây dựng cơ bản năm 2016 của Tập đoàn Bảo Việt;

- Cho ý kiến về các Dự án trọng điểm đầu tư hệ thống CNTT
- Cho ý kiến về kế hoạch kinh doanh 2017 của các đơn vị thành viên
- Cho ý kiến về việc tăng vốn cho các đơn vị thành viên
- Cho ý kiến về chủ trương đầu tư dự án bất động sản
- Cho ý kiến về Thỏa thuận hỗ trợ kỹ thuật với cổ đông Sumitomo Life
- Cho ý kiến về các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Trong năm 2017, Ủy ban Chiến lược và Đầu tư đã tích cực tham gia công tác tham mưu, tư vấn HĐQT về việc xây dựng và triển khai các dự án chiến lược của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên. Bên cạnh đó, Ủy ban đã có các ý kiến thẩm định, tư vấn trong lĩnh vực đầu tư liên quan tới các khoản đầu tư chiến lược, đầu tư tài chính và các dự án đầu tư khác của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên theo phương châm an toàn, hiệu quả, phát triển bền vững.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2018

Với vai trò là Ủy ban tham mưu, tư vấn HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến chiến lược và đầu tư, trong năm 2018, Ủy ban Chiến lược và Đầu tư sẽ tiếp tục chủ động tham mưu việc triển khai thực hiện Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016 – 2020, đồng thời cho ý kiến tư vấn đối với các khoản đầu tư chiến lược của Tập đoàn thuộc phân cấp của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt.

ỦY BAN QUẢN LÝ TÀI SẢN NỢ - TÀI SẢN CÓ (ALCO)**CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ**

Ủy Ban ALCO có chức năng tham mưu và tư vấn cho Hội đồng Quản trị trong việc:

- Đánh giá, giám sát tình hình kinh doanh, kết quả tài chính và việc phát triển kinh doanh, quản lý và phát triển vốn và tài sản tại Tập đoàn Bảo Việt và tại các Công ty Con.
- Đánh giá và khuyến nghị các chính sách, biện pháp quản lý hiệu quả cơ cấu, tính cân đối và tốc độ tăng trưởng của Tài sản Nợ và Tài sản Có tại Tập đoàn Bảo Việt và của Tập đoàn Bảo Việt đối với các Công ty Con với mục đích sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính và đảm bảo khả năng thanh toán.
- Theo dõi môi trường bên ngoài và xác định tác động lên mức độ sinh lợi, Bảng Cân đối Kế toán và khả năng thanh toán theo các tình huống giả định.
- Đánh giá và đưa ra các biện pháp triển khai thực hiện quản lý các rủi ro có khả năng ảnh hưởng tới Bảng Cân đối Kế toán và kết quả kinh doanh tại Tập đoàn Bảo Việt và của Tập đoàn Bảo Việt đối với các Công ty Con.

Ủy ban ALCO thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Khuyến nghị về các chính sách, chiến lược và kế hoạch quản lý Tài sản Nợ, Tài sản Có, quản lý rủi ro liên quan đến Tài sản Nợ, Tài sản Có cho từng thời kỳ khác nhau.
- Xem xét, đánh giá và khuyến nghị các giải pháp nhằm bảo đảm cơ cấu Tài sản Nợ, Tài sản Có và cân đối tốc độ tăng trưởng của Bảng Cân đối Kế toán với kế hoạch và chiến lược phát triển kinh doanh, quy mô vốn chủ sở hữu.
- Xem xét, đánh giá và khuyến nghị về hiệu quả sử dụng Tài sản Nợ, Tài sản Có nhằm mục đích tối ưu hoá lợi nhuận và cân đối với rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con.

- Đánh giá khả năng thanh toán theo thực tế, theo quy định của Tập đoàn Bảo Việt và của Pháp luật (nếu có), vị thế an toàn vốn, cân đối giữa tài sản và trách nhiệm của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty Con.
- Đánh giá và khuyến nghị các giải pháp quản lý các rủi ro có khả năng ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh và Bảng Cân đối Kế toán. Khuyến nghị về các hạn mức đầu tư, hạn mức sinh lời, hạn mức rủi ro và các chỉ tiêu khác đối với các cấp tại Tập đoàn Bảo Việt và tại các Công ty Con.

THÀNH PHẦN ỦY BAN ALCO

Ủy ban ALCO gồm các thành viên cơ cấu theo chức danh, trong đó: Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt là Chủ nhiệm Ủy ban, Giám đốc/Phó Giám đốc Phụ trách Khối Quản lý Tài chính Tập đoàn Bảo Việt là Thành viên Thường trực, ba (3) thành viên là Thư ký Ủy ban. Các thành viên còn lại đến từ các Khối/Ban chức năng trong Tập đoàn và đại diện của các đơn vị thành viên.

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN ALCO NĂM 2017

Năm 2017, Ủy ban ALCO đã tổ chức họp định kỳ với nội dung đánh giá các tác động ảnh hưởng đến lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn và các đơn vị thành viên, cụ thể:

- Rà soát danh mục đầu tư và đánh giá tình hình hoạt động đầu tư của Tập đoàn và các đơn vị thành viên;
- Đánh giá tình hình tài chính và KPIs của các đơn vị; tình hình sử dụng vốn; biên khả năng thanh toán; sự phù hợp giữa tài sản và nợ; tóm tắt các vấn đề trọng yếu của từng đơn vị thành viên và các đề xuất thực hiện;
- Đánh giá rủi ro liên quan tới các biến động trên Tài sản nợ và Tài sản có, đưa ra các giải pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản cho toàn Tập đoàn.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN TRONG NĂM 2018

Năm 2018, Ủy ban ALCO Tập đoàn Bảo Việt định hướng tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài sản của toàn Tập đoàn và tại các đơn vị; tăng cường đánh giá các rủi ro có thể ảnh hưởng tới tính cân bằng của Tài sản Nợ - Tài sản Có và đưa ra các khuyến nghị, đề xuất hạn chế các ảnh hưởng (nếu có) cũng như cung cấp các thông tin quản trị một cách kịp thời và hiệu quả, cụ thể:

- Tiếp tục tăng cường công tác đánh giá, quản lý, cân đối tài sản Nợ - tài sản Có tại từng đơn vị thành viên và trên toàn Tập đoàn trên cả phương diện tần suất thực hiện và nội dung thực hiện;

- Định hướng và chỉ đạo các Khối & Ban có liên quan tiếp tục thường xuyên trao đổi, chia sẻ, hợp lực thực hiện các đánh giá và đưa ra khuyến nghị về chính sách, chiến lược và kế hoạch quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có tại Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên cho từng thời kỳ khác nhau; trên cơ sở xem xét, cập nhật các thay đổi trong kinh tế vĩ mô cũng như môi trường kinh doanh;
- Xem xét, đánh giá và đưa ra khuyến nghị về các giải pháp nhằm bảo đảm cơ cấu Tài sản Nợ, Tài sản Có, cân đối tốc độ tăng trưởng của tài sản trên Bảng Cân đối Kế toán với kế hoạch, chiến lược phát triển kinh doanh, quy mô vốn chủ sở hữu, đảm bảo chiến lược phát triển bền vững của Tập đoàn.



Bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư là nhiệm vụ vô cùng quan trọng của Ban Kiểm soát, xác định được trọng trách của mình, Ban Kiểm soát đã không ngừng hoàn thiện các hoạt động để đáp ứng sự mong đợi của cổ đông và nhà đầu tư.

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt (BKS) là một bộ phận trong mô hình quản trị doanh nghiệp, được Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Bảo Việt bầu ra, hoạt động của BKS tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt và các quy định của pháp luật có liên quan.

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt, BKS có các quyền và trách nhiệm chính như sau:

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tập đoàn.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu (06) tháng của Tập đoàn, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tập đoàn.
- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan; thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.

NHÂN SỰ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và năm 2018, BKS có 03 Kiểm soát viên, trong đó Trưởng BKS chuyên trách và 02 Kiểm soát viên kiêm nhiệm. Các Kiểm soát viên đều đáp ứng đủ tư cách, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về Kế toán, Kiểm toán, Pháp luật và đủ năng lực để thực thi nhiệm vụ của mình. Các Kiểm soát viên đều hoạt động độc lập, không giữ các chức vụ quản lý tại Tập đoàn, không làm việc tại bộ phận Kế toán, Kiểm toán của Tập đoàn hoặc Kiểm toán viên độc lập kiểm toán báo cáo tài chính của Tập đoàn.

Kiểm soát viên tại các thời điểm trong năm 2017 và đến nay cụ thể như sau:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Ngày được bầu Kiểm soát viên
1	Ông Nguyễn Ngọc Thụy	Trưởng BKS	Ngày 04/10/2007 được bầu Kiểm soát viên. Ngày 25/12/2014 được bầu Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Ông Tiến Hùng	Kiểm soát viên	Ngày 29/11/2012 được bầu Kiểm soát viên
3	Bà Phí Thị Quỳnh Nga	Kiểm soát viên	Ngày 17/04/2015 được bầu Kiểm soát viên

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trên cơ sở quyền và nghĩa vụ đã được quy định và kế hoạch hoạt động của BKS đã được ĐHĐCĐ thường niên 2017 Tập đoàn Bảo Việt thông qua, giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2017 - 2018, hoạt động của BKS đã đạt được các kết quả như sau:

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát đã tổ chức 03 phiên họp định kỳ và 01 phiên mở rộng với các nội dung chính như sau:

Phiên họp	Nội dung	Số KSV tham dự	Tỷ lệ
29/06/2017	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua các nội dung về đấu thầu lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC 2018, 2019, 2020 của Tập đoàn Thông qua kế hoạch hoạt động chi tiết của Ban Kiểm soát giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên Tập đoàn 2017 - 2018 	3/3	100%
12/07/2017 Phiên họp BKS mở rộng	<ul style="list-style-type: none"> Phiên họp Ban kiểm soát mở rộng, tham dự cuộc họp ngoài các Kiểm soát viên còn có, đại diện Khối Quản lý Tài chính, Khối Quản lý hoạt động: Thông qua quy trình, công việc liên quan đến đấu thầu lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2018, 2019, 2020. 	3/3	100%
29/08/2017	<ul style="list-style-type: none"> Tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động của BKS từ phiên họp lần thứ 1 năm 2017 (ngày 29/3/2017) đến nay và các công việc trọng tâm của quý III, quý IV năm 2017 và quý I năm 2018 Thông qua Công văn gửi Hội đồng Quản trị về nhận xét, đánh giá của Ban Kiểm soát đối với Dự thảo Báo cáo Tài chính bán niên 2017 của Tập đoàn Bảo Việt và một số đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị. 	3/3	100%
05/04/2018	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá kết quả hoạt động của BKS từ kỳ họp ngày 29/08/2017 đến nay và các công việc trọng tâm của BKS quý II và quý III năm 2018. Thông qua Báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên 2018 Tập đoàn Bảo Việt. Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS nhiệm kỳ 2012 - 2017. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Báo cáo thường niên năm 2018. Thông qua Công văn gửi HĐQT về một số nhận xét, đánh giá của Ban Kiểm soát đối với Dự thảo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Tập đoàn Bảo Việt và một số đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị. 	3/3	100%

Trong các cuộc họp các Kiểm soát viên đều tham gia đầy đủ, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao. Việc tổ chức các cuộc họp và ban hành văn bản của BKS đã thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt và Quy chế Tổ chức và Hoạt động của BKS.

Bên cạnh đó, để thực hiện các công việc của Ban Kiểm soát, ngoài các cuộc họp trực tiếp, Trưởng BKS đã tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các Kiểm soát viên qua thư điện tử với các nội dung cụ thể như sau:

Số TT	Ngày Tháng/Năm	Nội dung lấy ý kiến
1	19/06/2017	Xin ý kiến các KSV về trình tự, thủ tục, thời hạn thực hiện đấu thầu lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2018, 2019, 2020
2	14/07/2017	Xin ý kiến các KSV đối với Công văn gửi HĐQT Tập đoàn V/v Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐTN Tập đoàn 2017 về việc Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC 2018, 2019, 2020
3	21/08/2017	Đề nghị các KSV nghiên cứu và có ý kiến Dự thảo BCTC Riêng và Hợp nhất quý II/2017 của Tập đoàn trước Soát xét.
4	26/03/2018	Đề nghị các KSV thẩm định và có ý kiến đối với Dự thảo BCTC Riêng năm 2017 sau kiểm toán của Tập đoàn.
5	28/03/2018	Đề nghị các KSV nghiên cứu và cho ý kiến đối với Dự thảo Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 9) và Dự thảo Quy chế Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (sửa đổi, bổ sung lần thứ 3)

GIÁM SÁT CÔNG TÁC QUẢN TRỊ TẬP ĐOÀN CỦA HĐQT

Năm 2017 là năm bản lề Tập đoàn thực hiện Chiến lược kinh doanh giai đoạn 2016-2020, dưới sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, sự điều hành quyết liệt của Tổng Giám đốc, nên năm 2017 toàn Tập đoàn đã đạt được kết quả kinh doanh rất khả quan, lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ có tốc độ tăng trưởng doanh thu gần gấp đôi tăng trưởng chung của thị trường, đã và tiếp tục khẳng định vị trí số 1 tại thị trường bảo hiểm phi nhân thọ, lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ đã khẳng định vị trí số 1 tại thị trường về tổng doanh thu và doanh thu khai thác mới.

Năm 2017, HĐQT đã tổ chức **04 phiên họp định kỳ và 02 phiên họp mở rộng**, ngoài ra để ban hành kịp thời các nghị quyết, quyết định, HĐQT thực hiện lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. Trong năm 2017, HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định để: sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định, Điều lệ Công ty con, nhằm hoàn thiện công tác quản trị; kiện toàn nhân sự tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên; tiếp tục hợp tác chặt chẽ và phát huy kinh nghiệm cũng như thế mạnh của Cổ đông chiến lược Sumitomo Life trong lĩnh vực tính phí bảo hiểm, công nghệ thông tin; định hướng, chỉ đạo kinh doanh theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017; quyết định các công việc thuộc thẩm quyền HĐQT. Trong các phiên họp HĐQT nói riêng và hoạt động của HĐQT nói chung, các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, đã phát huy được kinh nghiệm, năng lực lãnh đạo của từng thành viên HĐQT. HĐQT đã hoạt động theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Tập đoàn. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành phù hợp với thực tiễn, đáp ứng kịp thời yêu cầu quản trị và nhu cầu phát triển kinh doanh của Tập đoàn. HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quản trị Tập đoàn.

GIÁM SÁT CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC TẬP ĐOÀN

Trong năm 2017, dưới sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của HĐQT Tổng Giám đốc đã có sự nỗ lực rất lớn trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, đề ra và quyết liệt thực hiện các giải pháp kinh doanh trên tinh thần chủ động sáng tạo, khắc phục khó khăn, quyết tâm thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh doanh năm 2017 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2017 thông qua và các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Trong quá trình điều hành Tổng Giám đốc đã tuân thủ theo phân cấp quản trị tại Điều lệ, Quy chế Quản trị, các quy chế nội bộ của Tập đoàn cũng như các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Năm 2017, Tập đoàn đã thực hiện kế hoạch kinh doanh với các chỉ tiêu chính như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Tỷ lệ TH/KH2017
1. Tổng doanh thu	1.533	1.384,58	90,32%
2. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (LNST)	1.025	1.026,20	100,12%
3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên vốn điều lệ (%).	15,1	15,08	99,87%

Năm 2017, Tập đoàn đã tăng cường đầu tư chiều sâu vào đào tạo, nâng cao trình độ, năng lực cho cán bộ chủ chốt, tập trung thực hiện Đề án hợp lực Tập đoàn Bảo Việt giúp khơi thông và phát huy các thế mạnh sẵn có của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt, tăng cường hiện đại hóa hình ảnh, thương hiệu, nâng giá trị thương hiệu của Bảo Việt lên 108 triệu USD tăng 19 triệu so với năm 2016, ra mắt nhiều sản phẩm mới và đột phá nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, phát triển mạnh mẽ mạng lưới, tập trung triển khai các dự án công nghệ thông tin trọng điểm để tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

GIÁM SÁT QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC HỢP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2017 VÀ VIỆC THÔNG QUA CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2017 CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Qua giám sát BKS thấy rằng ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và việc thông qua các nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 của Tập đoàn Bảo Việt đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Tập đoàn.

GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

Tập đoàn đã thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 với các nội dung như sau:

Năm 2017, Tập đoàn đã thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 Tập đoàn thông qua với các nội dung như đã nêu trên.

Tập đoàn đã hoàn thành việc chi trả cổ tức năm tài chính 2016 theo tỷ lệ 10% (1.000 đồng/cổ phần) tính trên vốn điều lệ 6.804.714.340.000 đồng với tổng số tiền đã chi trả là 680.471.434.000 đồng và sử dụng lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2016 để trích lập các quỹ theo đúng Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017. Về tăng vốn điều lệ: Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày 26/05/2017 của ĐHĐCĐ thường niên 2017, ngày 03/01/2018, HĐQT đã ban hành nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐQT về việc Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP), ngày 05/03/2018, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐQT về việc Phê duyệt Quy chế phát hành ESOP và Phương án phân phối cổ phiếu ESOP, theo đó số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 20.415.000 (hai mươi triệu bốn trăm mười năm nghìn) với giá phát hành 35.900 đồng/1 cổ phiếu, bằng 2 lần giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính riêng đã soát xét giữa niên độ tại ngày 30/09/2017 của Công ty Mẹ Tập đoàn.

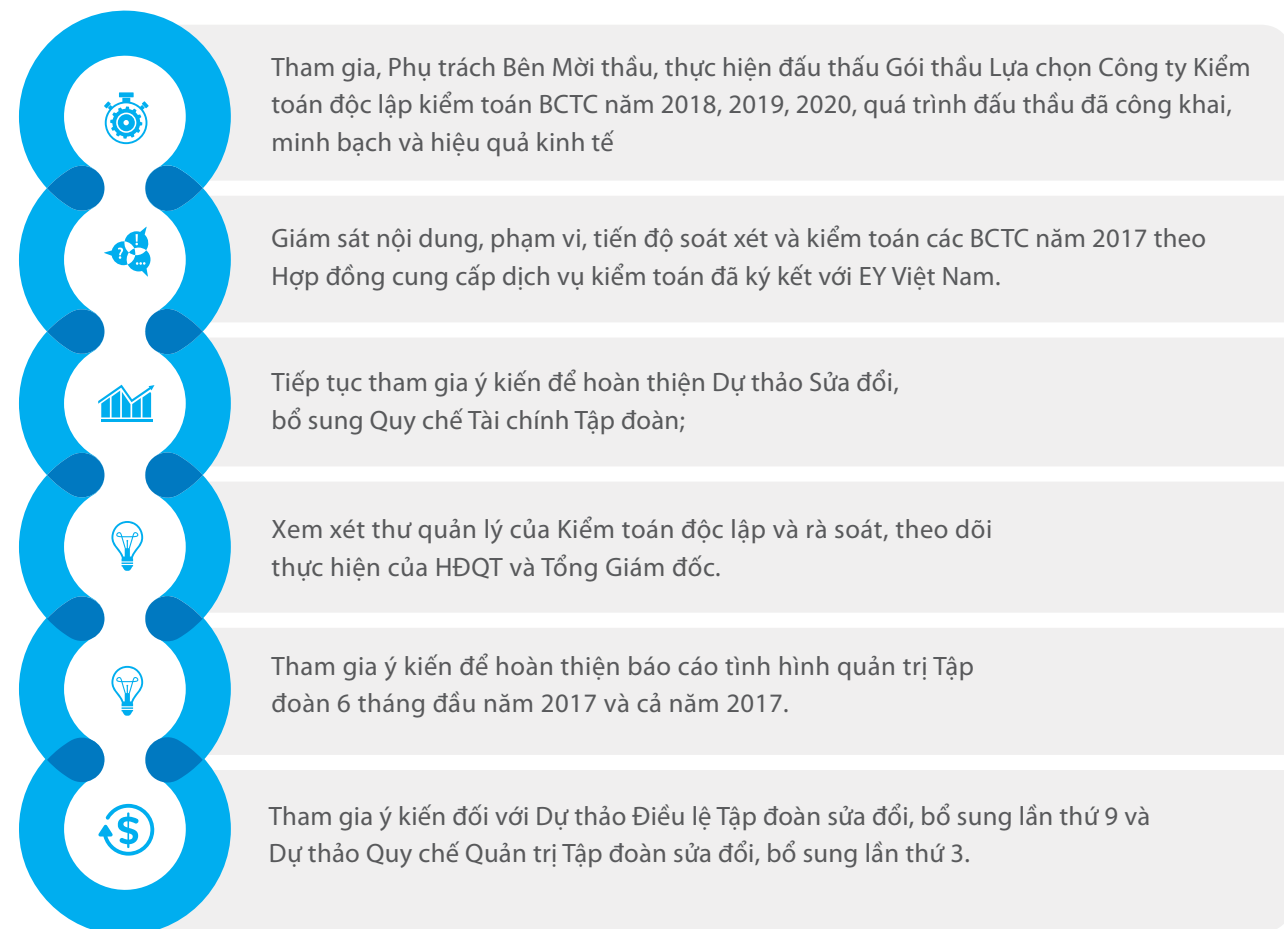
THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (BCTC), BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017, BKS đã thường xuyên trao đổi, kết hợp chặt chẽ với Khối Quản lý Tài chính, Kiểm toán viên độc lập và các bộ phận có liên quan để thẩm định việc lập, kiểm toán BCTC riêng của Công ty Mẹ và BCTC hợp nhất toàn Tập đoàn năm 2017.

Qua thẩm định các BCTC riêng, BCTC hợp nhất bán niên năm 2017 và BCTC riêng, BCTC hợp nhất năm 2017 của Tập đoàn đã được soát xét, kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán độc lập Ernst & Young Việt Nam (EY Việt Nam), Ban Kiểm soát nhận thấy: 1) Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2017 đã được lập trên cơ sở lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán, thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý, thận trọng và phù hợp các quy định, các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam; 2) Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2017 đã được trình bày rõ ràng các thông tin về các sự kiện trong năm tài chính 2017 theo chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam; 3) BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán bởi EY Việt Nam và không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán; 4) BKS thống nhất về các số liệu đã được thể hiện trong BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2017 của Tập đoàn đã được EY Việt Nam kiểm toán.

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ngoài các hoạt động như đã nêu trên, Ban Kiểm soát và các Kiểm soát viên đã tiến hành các hoạt động khác như sau:

**SỰ PHỐI HỢP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Giữa hai kỳ ĐHCĐ thường niên 2017 - 2018, BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Tổng Giám đốc trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp, tối đa của Tập đoàn, của cổ đông và theo đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tập đoàn.

Các Kiểm soát viên đều được mời và tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát đã tham dự các cuộc họp giao ban định kỳ của Tập đoàn để nắm bắt tình hình và làm cơ sở cho việc giám sát việc quản trị, điều hành Tập đoàn. Thông qua công tác giám sát, BKS đã có những đề xuất, kiến nghị với HĐQT để tăng cường công tác quản trị, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh. Các đề xuất, kiến nghị của BKS đã được HĐQT, Tổng Giám đốc quan tâm chỉ đạo, thực hiện.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, BKS thường xuyên gặp gỡ, trao đổi, email với các Khối, Ban chức năng của Tập đoàn để nắm bắt kịp thời các thông tin về việc quản trị, điều hành của HĐQT và Tổng Giám đốc.

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2018

Để hoàn thành tốt vai trò, nhiệm vụ của mình, góp phần nâng cao năng lực trong quản trị, điều hành, nâng cao tính minh bạch nhằm mang lại quyền lợi hợp pháp, tối đa cho Tập đoàn và cổ đông, BKS sẽ tập trung thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ mà Pháp luật, Điều lệ Tập đoàn, Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Ban Kiểm soát và các quy chế nội bộ của Tập đoàn.
- Nghiên cứu, cập nhật kịp thời các cơ chế chính sách mới ban hành, giám sát, đề xuất, kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp để đảm bảo tuân thủ đầy đủ, kịp thời các quy định của pháp luật và nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Với trọng trách được cổ đông giao phó, với đội ngũ Lãnh đạo cấp cao trẻ, có trình độ, năng lực trong quản trị, điều hành và nhiệt huyết, sáng tạo trong công việc, năm 2017 với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT và sự năng động, quyết liệt của Tổng Giám đốc, nên toàn Tập đoàn đã đạt được kết quả kinh doanh rất khả quan. Với cơ sở và nền tảng đã được gây dựng và với chủ trương **“Đoàn kết - Chia sẻ - Hợp lực - Đổi mới - Tiên phong”**, BKS tin tưởng rằng Tập đoàn Bảo Việt sẽ hoàn thành tốt các mục tiêu, kế hoạch mà ĐHCĐ thường niên 2018 thông qua.



VỀ CHẾ ĐỘ TIỀN LƯƠNG CỦA THÀNH VIÊN CHUYÊN TRÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

Từ năm 2017, Tập đoàn Bảo Việt thực hiện các nguyên tắc xác định quỹ tiền lương đối với người quản lý chuyên trách Tập đoàn (bao gồm: thành viên chuyên trách HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và kế toán trưởng) theo quy định của Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016. Theo đó quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách xác định trên cơ sở số người quản lý và mức độ hoàn thành chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn.

VỀ CHẾ ĐỘ TIỀN THƯỞNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Ngoài chế độ về thù lao đối với thành viên không chuyên trách HĐQT và Ban Kiểm soát, thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành còn nhận được tiền thưởng trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn căn cứ vào kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2016 đã được ĐHĐCĐ thông qua tại nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày 26/05/2017, cụ thể:

- Trích quỹ khen thưởng Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát bằng 0,3% lợi nhuận sau thuế tương ứng bằng: 3.065.307.408 đồng;
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành bằng 0,5% lợi nhuận sau thuế tương ứng bằng: 5.108.845.680 đồng.

VỀ CÁC CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ KHÁC ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Chế độ sử dụng ô tô của Tập đoàn

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và Ban điều hành được sử dụng ô tô của Tập đoàn để thực hiện công tác quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn theo quyền hạn và trách nhiệm của từng thành viên tương ứng.

Chế độ sử dụng điện thoại

Điện thoại cố định: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn, Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành được Tập đoàn trang bị 01 số máy điện thoại cố định được chi trả theo mức khoán như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát: 1.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và thành viên Ban điều hành: 800.000 đồng/người/ tháng

Điện thoại di động: Tập đoàn trang bị điện thoại di động (bao gồm cả chi phí trang bị và cước phí phát sinh hàng tháng) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên cụ thể như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát được trang bị điện thoại di động tối đa 20.000.000 đồng/lần trang bị. Cước phát sinh hàng tháng chi trả theo mức thực tế.
- Kiểm soát viên và Thành viên Hội đồng quản trị được trang bị điện thoại di động tối đa 18.000.000 đồng/ lần trang bị. Cước phát sinh hàng tháng chi trả theo mức tối đa 2.000.000 đồng/tháng (trường hợp đi công tác nước ngoài, cước điện thoại được thanh toán theo phát sinh thực tế, nhưng tối đa là 5.000.000 đồng/ chuyến công tác).
- Thành viên Ban điều hành được trang bị điện thoại di động tối đa 18.000.000 đồng/lần trang bị. Cước phát sinh hàng tháng chi trả theo mức tối đa 1.500.000 đồng/tháng (trường hợp đi công tác nước ngoài, cước điện thoại được thanh toán theo phát sinh thực tế, nhưng tối đa là 5.000.000 đồng/chuyến công tác).

Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các loại hình bảo hiểm khác

- Thành viên chuyên trách HĐQT, BKS, BDH ngoài tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc còn được tham gia Bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm An Phát Hưng Gia, Bảo hiểm trách nhiệm nhà Quản lý, Bảo hiểm An Phát trọn đời, Hưu trí Tự nguyện, bảo hiểm bệnh Ung thư và bảo hiểm An nghiệp thành công.



- Thành viên không chuyên trách HĐQT, BKS được tham gia bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm bệnh Ung thư, bảo hiểm An nghiệp thành công.

Chế độ Khám sức khỏe định kỳ

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên và thành viên Ban Điều hành được khám sức khỏe định kỳ hàng năm tại bệnh viện y tế chất lượng cao tại Việt Nam và được chi trả theo chi phí phát sinh thực tế.

Chế độ công tác phí

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn và Kiểm soát viên: được sử dụng vé hạng thương gia, áp dụng đối với tất cả các phương tiện đường không; đường sắt, đường thủy và đường bộ và nghỉ khách sạn (trong và ngoài nước) theo tiêu chuẩn khách sạn 4 hoặc 5 sao theo phát sinh thực tế.

Phụ cấp lưu trú: Ngoài các khoản chi phí nêu trên, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn và Kiểm soát viên đi công tác được hưởng thêm phụ cấp lưu trú để bù đắp chi phí khác phát sinh theo các mức như sau:

* Ở Việt Nam:

- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Trưởng Ban Kiểm soát: 1.000.000 đồng/người/ngày;
- Kiểm soát viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm: 800.000 đồng/người/ngày.
- Trường hợp công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo thì định mức gấp 02 lần định mức nêu trên.

* Ở nước ngoài:

- Áp dụng mức chi phí gấp 2 lần so với quy định hiện hành của Bộ Tài chính tùy thuộc vào quốc gia đến.

Thành viên Ban điều hành: được sử dụng vé hạng thương gia, áp dụng đối với tất cả các phương tiện đường không; đường sắt, đường thủy và đường bộ và nghỉ khách sạn (trong và ngoài nước) theo tiêu chuẩn khách sạn từ 4 sao trở lên theo phát sinh thực tế.

- Phụ cấp lưu trú: Ngoài các khoản chi phí nêu trên, các cá nhân thuộc Ban điều hành đi công tác được hưởng thêm phụ cấp lưu trú để bù đắp chi phí khác phát sinh theo các mức như sau:

* Ở Việt Nam:

- Được thanh toán mức phí: 800.000 đồng/người/ngày;
- Trường hợp công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo thì định mức gấp 02 lần định mức nêu trên

* Ở nước ngoài:

- Áp dụng mức chi phí gấp 2 lần so với quy định hiện hành của Bộ Tài chính tùy thuộc vào quốc gia đến.

CHÍNH SÁCH THÙ LAO CỦA HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2017
NGUYÊN TẮC CHI TRẢ THÙ LAO:

Việc chi trả thù lao hàng tháng đối với thành viên không chuyên trách HĐQT và Ban kiểm soát tuân thủ theo định mức quy định tại:

- Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày 26/05/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Tập đoàn Bảo Việt.
- Quyết định số 388/2017/QĐ-HĐQT ngày 08/03/2017 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt Quy định về chế độ thù lao, tiền thưởng và chi phí hoạt động đối với Kiểm soát viên, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Tập đoàn.

Theo đó, Quỹ thù lao của Thành viên chuyên trách HĐQT và Ban Kiểm soát của Tập đoàn Bảo Việt năm 2017 do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 phê duyệt cụ thể như sau:

- Mức thù lao của Hội đồng quản trị: 20 triệu đồng/người/tháng;
- Mức thù lao của Kiểm soát viên: 10 triệu đồng/người/tháng.

Quỹ thù lao thực hiện năm 2017 được xác định trên cơ sở số người quản lý không chuyên trách thực tế tại các thời điểm trong năm, thời gian làm việc thực tế của từng thành viên và mức thù lao đảm bảo nguyên tắc không vượt quá 20% mức tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý chuyên trách Tập đoàn theo quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ.

THÙ LAO CHI TRẢ TRONG NĂM 2017:

Căn cứ nguyên tắc xác định mức thù lao theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành của Tập đoàn, Quỹ thù lao thực hiện năm 2017 đối với thành viên không chuyên trách HĐQT và Ban Kiểm soát được xác định bằng: 2.261.219.048 đồng, trong đó:

- Quỹ thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị: 1.991.885.715 đồng;
- Quỹ thù lao Thành viên Ban Kiểm soát: 269.333.333 đồng

BẢNG THỐNG KÊ THÙ LAO CHI TRẢ TRONG NĂM 2017 VÀ THÙ LAO CHI TRẢ TỪ NĂM 2015

Bảng thống kê thù lao đã chi qua các năm từ năm 2015 đến năm 2017

STT	Nội dung	2015		2016		2017	
		Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)	Đã chi (Triệu đồng)	Tỷ lệ thù lao/ LNST (%)
1	Thù lao HĐQT	886,21	0,09	1.532,57	0,15	1.991,89	0,19
2	Thù lao Ban Kiểm soát	217,87	0,02	271,92	0,04	269,33	0,03
	Cộng	1.104		1804,49		2.261,22	

Bảng chi trả thù lao đối với thành viên không chuyên trách Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2017

Đơn vị: Đồng

STT	Họ và tên	HĐQT/BKS	Ngân sách quỹ thù lao đã chi
1	Phan Kim Bằng	Thành viên HĐQT	245,666,667
2	Đậu Minh Lâm	Thành viên HĐQT	245,666,667
3	Thân Hiền Anh	Thành viên HĐQT	245,666,667
4	Nguyễn Anh Tùng	Thành viên HĐQT	240,000,000
5	Muneo Sasagawa	Thành viên HĐQT	240,000,000
6	Shuichi Sakai	Thành viên HĐQT	240,000,000
7	Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên HĐQT	143,809,524
8	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	143,809,524
9	Ông Tiến Hùng	Thành viên Ban Kiểm soát	134,666,667
10	Phí Thị Quỳnh Nga	Thành viên Ban Kiểm soát	134,666,667
Tổng			2,261,219,048

CHÍNH SÁCH QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư là một trong những vấn đề cốt lõi được Bảo Việt tích hợp trong quản trị doanh nghiệp. Là doanh nghiệp niêm yết với gần 7.000 cổ đông, Bảo Việt luôn định hướng hoạt động quan hệ cổ đông hướng tới việc bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền cổ đông, tuân thủ các qui định pháp luật, đảm bảo công bố thông tin minh bạch và đối xử bình đẳng với các cổ đông.

TĂNG CƯỜNG MINH BẠCH THÔNG TIN, NÂNG CAO MỨC ĐỘ TIN CẬY CỦA THÔNG TIN CUNG CẤP RA THỊ TRƯỜNG

Đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư

Thông tin là nền tảng của mọi quyết định đầu tư vì vậy Bảo Việt luôn nỗ lực đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các kênh cung cấp thông tin nhằm tạo điều kiện cho cổ đông và nhà đầu tư được tiếp cận thông tin đầy đủ, kịp thời về định hướng chiến lược, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình quản trị doanh nghiệp...

Ngoài việc thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, Bảo Việt còn chủ động công bố kịp thời các thông tin được đánh giá là trọng yếu, có thể ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư; Chủ động công bố thông tin về các sản phẩm dịch vụ mới, các bước tiến trong hợp tác với cổ đông chiến lược để nhà đầu tư có thể nắm bắt kịp thời các thông tin liên quan đến hoạt động của Bảo Việt.

Đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư



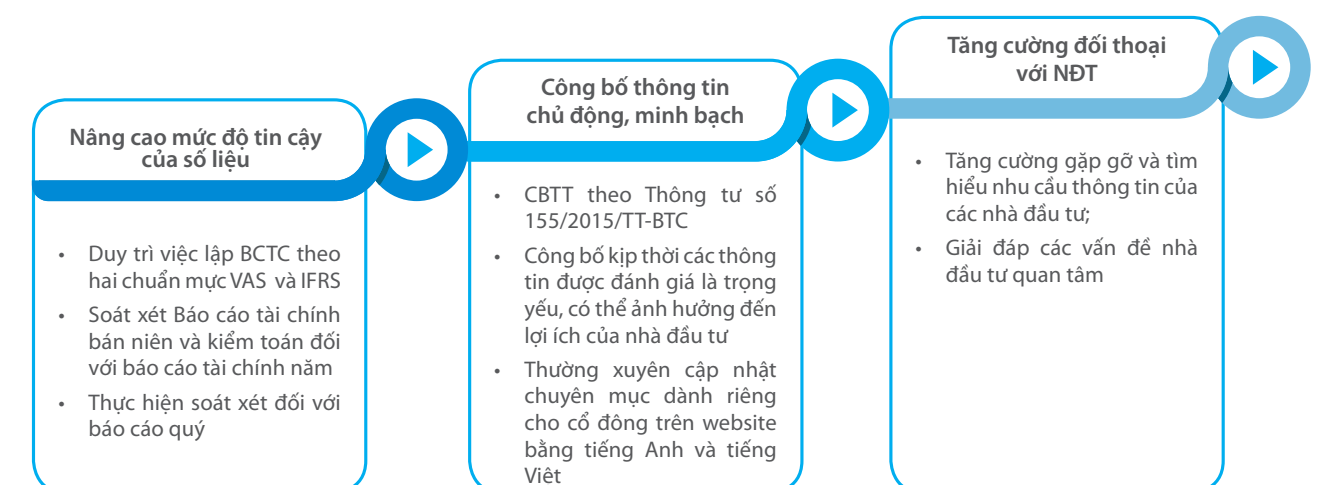
Bảo Việt cũng đầu tư phát triển phần mềm ứng dụng Quan hệ nhà đầu tư trên Mobile apps. Với phần mềm này, các nhà đầu tư sẽ dễ dàng tiếp cận, tra cứu các thông tin về cổ phiếu Bảo Việt, cập nhật kịp thời và phân tích các thông tin về hoạt động kinh doanh và tình hình quản trị tại Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên. Có thể nói, đây là một trong những nỗ lực tiếp theo của Bảo Việt trong việc nâng cao chất lượng hoạt động quan hệ nhà đầu tư, góp phần xây dựng hệ thống quản trị công ty theo tiêu chuẩn quốc tế.

Nâng cao tính minh bạch và mức độ tin cậy của thông tin cung cấp ra thị trường

Nhằm nâng cao mức độ tin cậy của số liệu, Bảo Việt đã duy trì việc lập Báo cáo tài chính theo hai chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và chuẩn mực lập và trình bày báo cáo tài chính quốc tế (IFRS). Bên cạnh việc tuân thủ quy định về việc lập và soát xét đối với Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm, Bảo Việt còn thực hiện soát xét đối với báo cáo quý để đảm bảo mức độ tin cậy của các số liệu cung cấp ra thị trường.

Không chỉ thực hiện kiểm toán các thông tin tài chính - điều mà hầu hết các doanh nghiệp hiện nay đang làm, Bảo Việt còn tiên phong thực hiện kiểm toán đối với các chỉ tiêu phi tài chính để nâng cao mức độ tin cậy của thông tin khi được đảm bảo Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt.

Các hoạt động Quan hệ nhà đầu tư (IR) đã triển khai trong năm 2017 nhằm nâng cao tính minh bạch và mức độ tin cậy của thông tin



Thông qua việc đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trọng yếu về công bố thông tin và thực thi các chính sách quan hệ cổ đông hiệu quả, kết quả kinh doanh tăng trưởng ổn định, giữ vị trí dẫn đầu thị trường bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ tại Việt Nam, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục được bình chọn vào Top 50 doanh nghiệp niêm yết tốt nhất (Forbes 50) và giá trị thương hiệu Bảo Việt được định giá 108 triệu USD, tăng 19 triệu USD so với năm 2016, góp phần nâng cao uy tín thương hiệu cổ phiếu BVH.

Một số sự kiện nổi bật trong năm 2017

Sự kiện	Thời gian	Thông tin sự kiện
Hội nghị Invest Asean	Quý I/2017	Tổ chức tại Singapore với sự tham gia của các diễn giả và nhà đầu tư từ Malaysia, Thailand, Hongkong, Indonesia
Hội nghị Corporate Day	Quý II/2017	Tổ chức tại Hongkong với sự tham gia của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Việt Nam) và nhà đầu tư tại thị trường Hongkong
Hội nghị HOSE-Daiwa	Quý III/2017	Tổ chức tại Nhật Bản và Hongkong với sự tham gia của đại diện Lãnh đạo HOSE, Bộ Tài chính và các nhà đầu tư tại thị trường Nhật Bản, Singapore
Diễn đàn ASRS Summit	Quý III/2017	Tổ chức tại Singapore (CSRWorks) với sự tham gia của đại diện các Sở giao dịch chứng khoán khu vực Đông Nam Á, chuyên gia phát triển bền vững. Bảo Việt tham gia với tư cách diễn giả, chia sẻ kinh nghiệm lập báo cáo thường niên và báo cáo PTBV theo tiêu chuẩn quốc tế
Diễn đàn phát triển bền vững VCSF	Quý III/2017	Tổ chức tại Việt Nam (VCCI), Bảo Việt tham gia chia sẻ kinh nghiệm lập Báo cáo phát triển bền vững theo GRI Standards
Hội nghị Mirae Asset Coporate Day	Quý IV/2018	Tổ chức tại Hàn Quốc với sự tham gia của các nhà đầu tư tại thị trường Hàn Quốc
Hội nghị nhà đầu tư/chuyên gia phân tích	Hàng quý	Tổ chức tại trụ sở Bảo Việt để cung cấp thông tin định kỳ và chuyên sâu về hoạt động kinh doanh, triển vọng ngành bảo hiểm với sự tham dự của các nhà đầu tư/chuyên gia phân tích trong và ngoài nước



Bảo vệ quyền lợi cổ đông và đảm bảo sự bình đẳng giữa các cổ đông

Việc thực thi các chính sách bảo vệ quyền lợi cổ đông và đảm bảo sự bình đẳng giữa cổ đông lớn và cổ đông thiểu số luôn được Bảo Việt chú trọng để đảm bảo các cổ đông được cung cấp thông tin như nhau, bao gồm các thông tin về thời gian và tỷ lệ chi trả cổ tức, thông tin về đợt phát hành, thông tin mời họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường, tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện quyền biểu quyết....

Chuẩn hóa quy trình tổ chức ĐHĐCĐ theo quy định hiện hành và các thông lệ quốc tế.

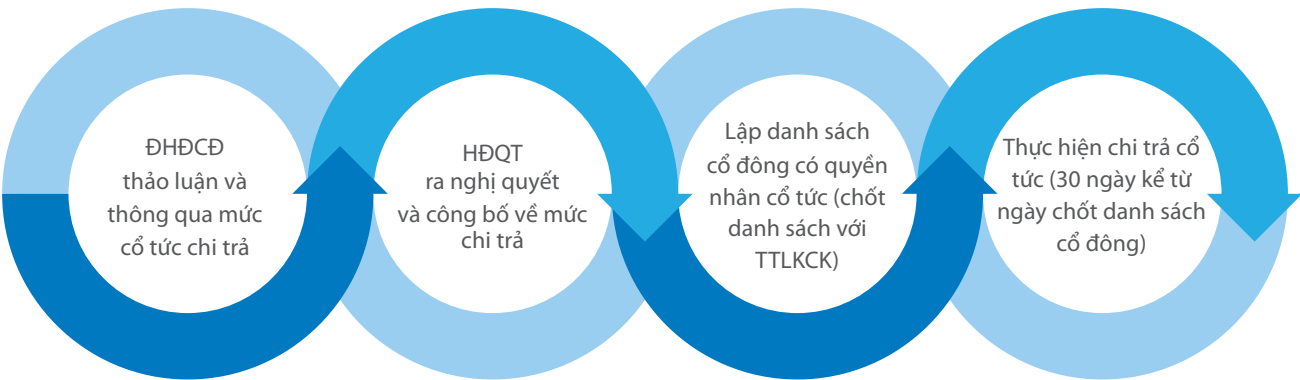
Trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị công ty hiện nay như Thẻ điểm quản trị Asean, Nguyên tắc quản trị công ty của OECD và IFC, Bảo Việt tiếp tục chuẩn hóa quy trình về trình tự, thủ tục triệu tập họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, bố trí thời gian và địa điểm họp ở trung tâm, thuận tiện cho giao thông (Khách sạn Melia), đăng thông báo thông báo mời họp trên 03 kỳ liên tiếp của một tờ báo có phạm vi phát hành toàn quốc, đồng thời công bố đầy đủ tài liệu họp theo quy định trên website trước khi tổ chức họp 21 ngày và hướng dẫn cổ đông truy cập các tài liệu làm cơ sở thảo luận và biểu quyết thông tại Đại hội.

Bên cạnh đó, Bảo Việt luôn khuyến khích các cổ đông ý thức hơn về các quyền của mình bao gồm Quyền biểu quyết, quyền nhận cổ tức, quyền được đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, quyền thông qua báo cáo tài chính hàng năm và quyền tiếp cận các thông tin về hoạt động của Bảo Việt.

Duy trì chính sách cổ tức bằng tiền mặt đều đặn qua các năm

Bảo Việt hiểu rằng một trong những quyền quan trọng nhất của cổ đông là quyền được nhận cổ tức. Thông qua chính sách cổ tức bằng tiền mặt đều đặn kể từ khi niêm yết, Bảo Việt mong muốn đảm bảo các khoản cổ tức định kỳ và đảm bảo thu nhập ổn định cho cổ đông. Năm 2017, với việc dành hơn 680 tỷ đồng chi trả cổ tức đã nâng tổng số tiền cổ tức Bảo Việt đã chi trả cho cổ đông kể từ khi niêm yết đến nay lên đến hơn 7.500 tỷ đồng.

Quy trình chi trả cổ tức tại Tập đoàn Bảo Việt



Bên cạnh đó, Bảo Việt đã thực hiện chuẩn hóa quy trình chi trả cổ tức với thủ tục đơn giản, sử dụng công ty chứng khoán chuyên nghiệp làm dịch vụ chi trả cổ tức đối với các cổ đông chưa lưu ký, tạo điều kiện cho cổ đông nhận tiền mặt trực tiếp hoặc nhận qua chuyển khoản với thủ tục đơn giản.

**ĐỊNH HƯỚNG 2018**

Năm 2018, Bảo Việt đã xây dựng kế hoạch nhằm nâng cao hiệu quả và chuyên nghiệp hóa hoạt động quan hệ nhà đầu tư, trong đó tập trung và các hoạt động sau:

- Tăng cường gặp gỡ, tìm hiểu nhu cầu của các nhà đầu tư, qua đó tìm kiếm các cơ hội hợp tác hiệu quả với nhà đầu tư tại Việt Nam và trên thế giới.
- Cấu trúc lại giao diện chuyên trang dành cho cổ đông, nhà đầu tư trên website theo hướng thân thiện và tiếp cận hơn;
- Tiếp tục thực hiện công bố thông tin song ngữ tiếng Anh – Việt đối với các tài liệu được đăng tải trên website Tập đoàn Bảo Việt.

Quý cổ đông, nhà đầu tư cần hỗ trợ vui lòng liên hệ:

Phụ trách công bố thông tin

Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc phụ trách Khối Quản lý Tài Chính
Email: congbothongtin@baoviet.com.vn
Điện thoại: 0243 928 9999 (Số máy lẻ: 799)

**Bộ phận quan hệ cổ đông**

Bà Lý Thị Thanh Thúy
Phụ trách quan hệ cổ đông
Email: investorbvh@baoviet.com.vn
Điện thoại: 0243 928 9999 (Số máy lẻ: 946)

Website: www.baoviet.com.vn

THÔNG TIN VỀ SỞ HỮU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Năm 2017, Tập đoàn Bảo Việt không có giao dịch cổ phiếu của người nội bộ bao gồm Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Kế toán Trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên. Thông tin về sở hữu của cổ đông nội bộ năm 2017 được trình bày cụ thể tại Bảng sau:

A. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
STT	Họ tên (bao gồm chức vụ)	CP hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần chuyển nhượng tự do		Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu(%)
			Đại diện sở hữu	Sở hữu cá nhân		
1	Ông Đào Đình Thi Chủ tịch HĐQT	0	175.707.452 (Đại diện sở hữu phần vốn của Bộ Tài chính)	0	175.707.452	25,82%
2	Ông Đỗ Trường Minh – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	0	111.410.384 (Đại diện sở hữu phần vốn của Bộ Tài chính)	1.194	111.411.578	16,37%
3	Ông Muneo Sasagawa Thành viên HĐQT	0	61.254.546 (Đại diện sở hữu phần vốn của Sumimoto Life)	0	61.254.546	9,00%
4	Ông Shuichi Sakai Thành viên HĐQT	0	61.254.545 (Đại diện sở hữu phần vốn của Sumimoto Life)	0	61.254.545	9,00%
5	Ông Nguyễn Đức Tuấn Thành viên HĐQT	0	48.848.000 (Đại diện sở hữu phần vốn của Bộ Tài chính)	3.200	48.851.200	7,18%
6	Ông Phan Kim Bằng Thành viên HĐQT	0	48.848.000 (Đại diện sở hữu phần vốn của Bộ Tài chính)	500	48.848.500	7,18%
7	Ông Đậu Minh Lâm Thành viên HĐQT	0	48.848.000 (Đại diện sở hữu phần vốn của Bộ Tài chính)	0	48.848.000	7,18%
8	Ông Nguyễn Anh Tùng Thành viên HĐQT	0	22.154.400 (Đại diện sở hữu phần vốn của phần vốn của SCIC)	0	22.154.400	3,26%
9	Bà Thân Hiền Anh Thành viên HĐQT	0	48.848.000 (Đại diện sở hữu phần vốn của Bộ Tài chính)	0	48.848.000	7,18%
10	Nguyễn Minh Hoàng Thành viên HĐQT	0	0	0	0	0%
11	Nguyễn Duy Khánh Thành viên HĐQT	0	0	0	0%	0%
Tổng cộng A			627.178.221	92.17%	627.178.221	92.17%

B. BAN ĐIỀU HÀNH LÃNH ĐẠO KHỐI						
STT	Họ tên (bao gồm chức vụ)	CP hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần chuyển nhượng tự do		Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu(%)
			Đại diện sở hữu	Sở hữu cá nhân		
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn – Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động	0	0	0	0	0%
2	Ông Nguyễn Minh Hoàng – Giám đốc Khối Chiến lược và Đầu tư	0	0	0	0	0%
3	Ông Phạm Ngọc Tú Phó Giám đốc Phụ trách Khối Quản lý Tài chính	0	0	0	0	0%
4	Bà Trần Thị Diệu Hằng – Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ	0	0	0	0	0%
Tổng cộng B			0	0	0	0%
C. BAN KIỂM SOÁT KHỐI						
1	Ông Nguyễn Ngọc Thụy – Trưởng Ban Kiểm soát	0	0	318	318	0,00005%
2	Ông Ông Tiến Hùng – Thành viên Ban Kiểm soát	0	0	0	0	0%
3	Bà Phí Thị Quỳnh Nga – Thành viên Ban Kiểm soát	0	0	0	0	0%
Tổng cộng C			0	318	318	0,00005%
D. NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT						
1	Ông Phạm Ngọc Tú – Phó Giám đốc Phụ trách Khối Quản lý Tài chính	0	0	0	0	0%
Tổng cộng D			0	0	0	0%
E. KẾ TOÁN TRƯỞNG						
1	Ông Nguyễn Xuân Hòa– Kế toán Trưởng	0	0	0	0	0%
Tổng cộng E			0	0	0	0%
Tổng cộng:		0	627.173.327	5.212	627.178.539	92,17005%



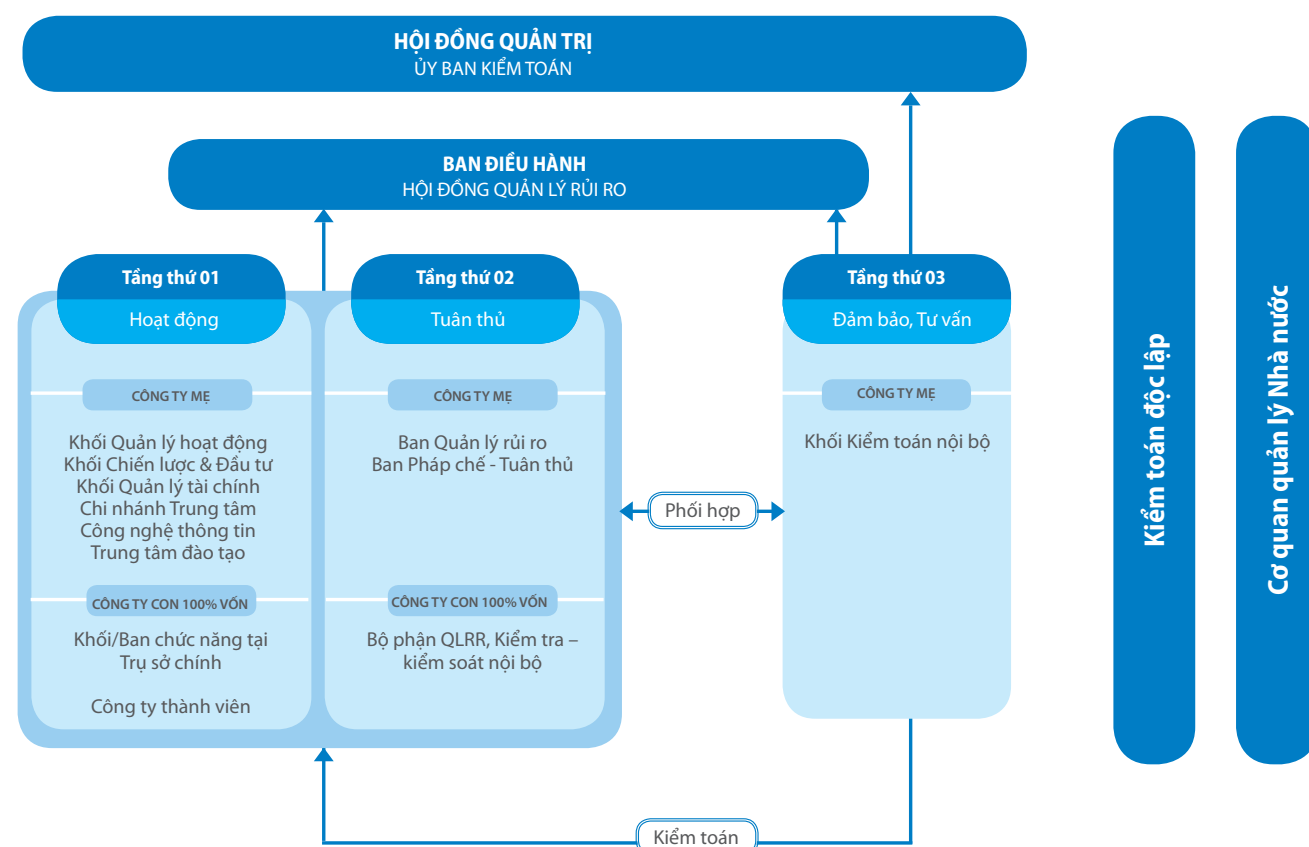
**GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch giữa Tập đoàn Bảo Việt với người có liên quan và cổ đông lớn của Tập đoàn Bảo Việt

Trong năm 2017, Tập đoàn Bảo Việt đã tiến hành giao dịch với các bên liên quan bao gồm các công ty con của Tập đoàn Bảo Việt thông qua hoạt động đầu tư, và cung cấp/nhận cung cấp các dịch vụ. Thông tin về các giao dịch được trình bày cụ thể tại bảng sau:

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số tiền giao dịch (VNĐ)	Ghi chú
1	Công ty CP Đầu tư Bảo Việt (BVI)	Công ty con	0103193730 cấp ngày 17/11/2015 thay đổi lần thứ 5 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư	71 Ngõ Sĩ Liên, Đống Đa, Hà Nội	193.310.135	Doanh thu từ cung cấp dịch vụ CNTT
					(10.785.578.969)	TĐBV thanh toán chi phí quản lý tòa nhà
					56.372.465.252	Doanh thu từ dịch vụ cho thuê trụ sở làm việc
					(5.796.289.427)	TĐBV thanh toán chi phí năng lượng
					(3.888.016.165)	TĐBV thanh toán chi phí sửa chữa máy móc, mua TSCĐ và dịch vụ khác
2	Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	Công ty con	45/GPĐC5/ KDBH cấp ngày 27/3/2013 bởi Bộ Tài chính	104 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	300.000.000.000	Góp vốn trong năm
					265.000.000.000	Thu lợi nhuận từ Công ty con
					53.442.513.853	Doanh thu từ cung cấp dịch vụ CNTT
					6.557.517.524	Chi phí dự án OSS, biển tắm lớn, thuê mặt bằng tầng 1 tại 72 Trần Hưng Đạo.
					2.666.365.600	Doanh thu từ cung cấp dịch vụ Đào tạo
3	Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	Công ty con	46GP/KDBH cấp ngày 23/11/2007 tại Hà Nội bởi Bộ Tài Chính Tầng 37, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội	Tầng 37, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội	538.000.000.000	Thu lợi nhuận từ Công ty con
					64.864.638.362	Doanh thu từ cung cấp dịch vụ CNTT
					6.557.517.524	Chi phí dự án OSS, biển tắm lớn, thuê mặt bằng tầng 1 tại 72 Trần Hưng Đạo.
						Doanh thu từ cung cấp dịch vụ Đào tạo
4	Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt	Công ty con	27/GPDC-UBCK cấp ngày 22/9/2015 tại Hà Nội bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Tầng 6, tòa nhà Bảo Việt, 72 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	25.000.000.000	Thu lợi nhuận từ Công ty con
					1.395.423.586	Doanh thu từ cung cấp dịch vụ CNTT
					174.333.548	Doanh thu từ cung cấp dịch vụ Đào tạo
					592.941.530	Doanh thu cho thuê trụ sở làm việc, phí giữ xe
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Công ty con	01/GPHĐKD cấp ngày 26/11/1999 cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	72 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	3.213.796.767	Doanh thu từ cung cấp dịch vụ CNTT
					(373.943.669)	Chi phí dịch vụ lưu ký chứng khoán và khác
					(340.500.000)	Chi phí từ dịch vụ tư vấn ĐHĐCĐ, quản lý Sổ cổ đông.

Tập đoàn Bảo Việt áp dụng mô hình “**Ba tuyến phòng thủ**” để đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro được vận hành một cách hiệu quả và chặt chẽ:



Tuyến phòng thủ thứ nhất là các bộ phận tác nghiệp, kinh doanh trực tiếp. Nhiệm vụ chính của các đơn vị này là xác định, đánh giá, ngăn ngừa, báo cáo và theo dõi các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh và các quy trình vận hành khác; bảo vệ lợi ích của đơn vị thông qua việc tự đánh giá, giám sát hiệu quả của biện pháp quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ tại đơn vị.

Tuyến phòng thủ thứ hai là bộ phận quản lý rủi ro và bộ phận pháp chế - tuân thủ. Nhiệm vụ của tuyến này là xây dựng chính sách và hướng dẫn về quản lý rủi ro và kiểm soát tuân thủ, cung cấp tư vấn, phản biện độc lập khách quan đối với Tuyến phòng thủ thứ nhất; quản lý rủi ro thông qua việc thiết lập khẩu vị rủi ro, hạn mức, xây dựng quy trình/hướng dẫn, theo dõi, cảnh báo sớm, quản lý danh mục rủi ro; thực hiện giám sát và kiểm tra tính tuân thủ thông qua hệ thống khung tuân thủ và biểu đồ tuân thủ của đơn vị.

Tuyến phòng thủ thứ ba là bộ phận kiểm toán nội bộ, đây là bộ phận trực thuộc Hội đồng Quản trị, có nhiệm vụ kiểm tra độc lập, khách quan đối với tuyến phòng thủ thứ 1 và thứ 2 nhằm hỗ trợ các tuyến phòng thủ này cải thiện hoạt động quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ, qua đó hỗ trợ Hội đồng quản trị, Ban điều hành cải thiện công tác quản trị doanh nghiệp, bảo vệ tài sản, danh tiếng và sự bền vững của Tập đoàn.

Các bộ phận Kiểm toán nội bộ, Kiểm tra kiểm soát nội bộ, Quản lý rủi ro, Pháp chế - Tuân thủ tại Công ty Mẹ và các Công ty con là trợ thủ đắc lực của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban điều hành trong việc đảm bảo cho hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động một cách gắn kết, hiệu quả xuyên suốt toàn Tập đoàn.

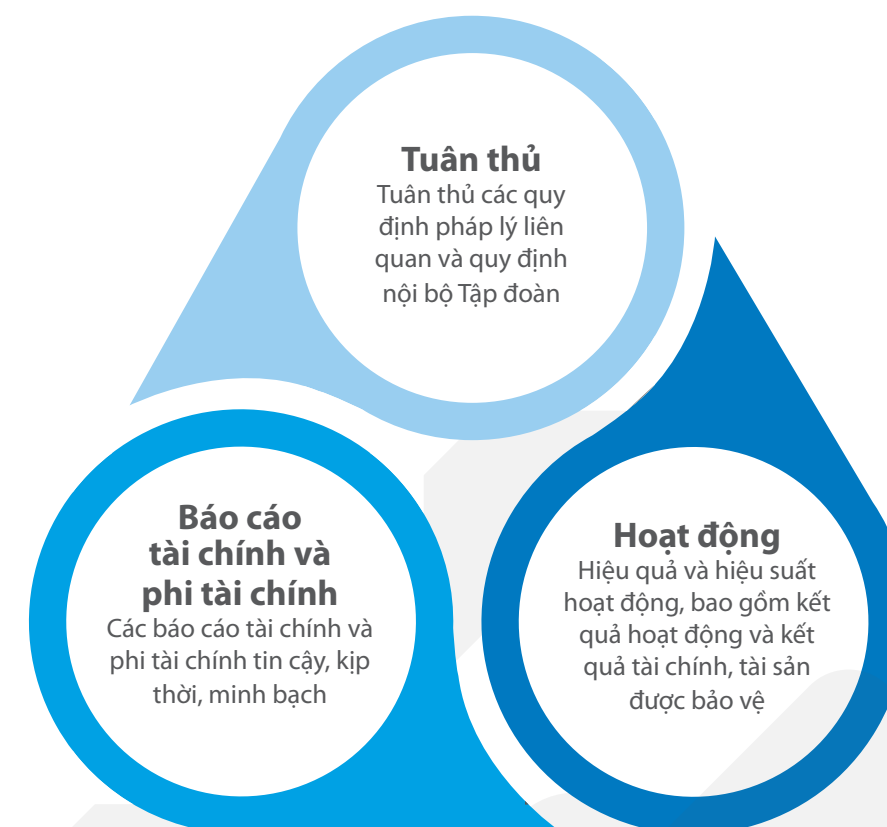
HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

“Năm 2017, Tập đoàn đã đẩy mạnh kết nối giữa các bộ phận đảm bảo bên trong Tập đoàn (bộ phận quản lý rủi ro, pháp chế - tuân thủ, kiểm tra kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ) và đơn vị đảm bảo bên ngoài (kiểm toán độc lập) để đảm bảo phạm vi kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán bao phủ tất cả các lĩnh vực, hoạt động trọng yếu của Tập đoàn, qua đó tạo nên một hệ thống kiểm soát nội bộ vững mạnh, hỗ trợ Tập đoàn hoàn thành các mục tiêu kinh doanh.”

KHÁI NIỆM

Theo Quy chế Quản trị của Tập đoàn Bảo Việt, kiểm soát nội bộ (KSNB) là quy trình do Tập đoàn Bảo Việt ban hành, được áp dụng trong phạm vi Tập đoàn Bảo Việt, được thực hiện và duy trì để tạo ra sự đảm bảo hợp lý về khả năng đạt được mục tiêu của Tập đoàn Bảo Việt.

MỤC TIÊU



Các cấu phần của Hệ thống kiểm soát nội bộ Tập đoàn Bảo Việt và Đánh giá của Khối Kiểm toán nội bộ

Khối KTNB Tập đoàn Bảo Việt thực hiện đánh giá tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ xuyên suốt toàn Tập đoàn theo tất cả các cấp độ dựa trên 17 nguyên tắc tương ứng với 05 cấu phần của khung kiểm soát nội bộ COSO 2013.

(Bảng dưới đây mô tả phương pháp đánh giá của Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt. Kết quả đánh giá chỉ có tính chất minh họa)

Cấu phần và nguyên tắc		Đánh giá của Kiểm toán nội bộ		
Tên cấu phần: Môi trường kiểm soát				
Nguyên tắc	Mô tả kiểm soát tại Tập đoàn Bảo Việt	Kiểm soát có tồn tại không?	Kiểm soát có hoạt động hiệu quả không?	Kết luận
1. Cam kết về tính chính trực và các giá trị đạo đức	Đã ban hành Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp.	✓	✓	●
2. HĐQT độc lập với Ban điều hành và thực hiện giám sát việc xây dựng, triển khai và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ	Quy định rõ và thống nhất trách nhiệm kiểm soát nội bộ của HĐQT, Ban điều hành, các bộ phận, cá nhân trong Quy chế quản trị và các quy định có liên quan khác	✓	✓	●
3. Ban điều hành, dưới sự giám sát của HĐQT, thiết lập cơ cấu tổ chức, cơ chế báo cáo và phân định quyền hạn, trách nhiệm trong việc thực hiện mục tiêu		✓	✓	●
4. Cam kết thu hút, phát triển và duy trì các cán bộ có năng lực phù hợp với mục tiêu của Tập đoàn	Ban hành và thống nhất áp dụng Quy chế tuyển dụng nhân sự, Quy chế đào tạo, Quy chế bổ nhiệm, Quy chế luân chuyển cán bộ, Quy chế trả lương, Quy định về quản lý hiệu quả làm việc...	✓	✓	●
5. Đảm bảo các cá nhân chịu trách nhiệm đối với kiểm soát nội bộ trong việc thực hiện mục tiêu	Tham chiếu nguyên tắc 2 và 3	✓	✓	●
Tên cấu phần: Đánh giá rủi ro				
6. Xác định rõ các mục tiêu, làm cơ sở cho việc nhận diện và đánh giá các rủi ro liên quan đến mục tiêu	Ban hành Chiến lược quản lý rủi ro 2016-2020 và thiết lập mục tiêu quản lý rủi ro hàng năm xuyên suốt từ Tập đoàn đến các Công ty con để đảm bảo hỗ trợ cho việc nhận diện, đánh giá, xử lý các rủi ro và đảm bảo tính gắn kết giữa mục tiêu và rủi ro ở mọi cấp độ (chiến lược, hàng năm, toàn Tập đoàn, từng đơn vị thành viên, từng bộ phận, quy trình, cá nhân)	✓	✓	●

Nguyên tắc	Mô tả kiểm soát tại Tập đoàn Bảo Việt	Kiểm soát có tồn tại không?	Kiểm soát có hoạt động hiệu quả không?	Kết luận
7. Nhận diện rủi ro liên quan đến việc hoàn thành mục tiêu xuyên suốt toàn Tập đoàn và phân tích rủi ro làm cơ sở cho việc xác định cách thức quản lý rủi ro	Ban hành Quy chế quản lý rủi ro nhằm nhận diện, kiểm soát và báo cáo về các rủi ro chính, bao gồm: rủi ro bảo hiểm, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro danh tiếng, rủi ro chiến lược, rủi ro phát triển bền vững; Quy chế quản lý rủi ro quy định rõ cơ cấu tổ chức, quyền hạn và trách nhiệm của các cấp trong công tác quản lý rủi ro; cách thức nhận diện các rủi ro trọng yếu và các chuẩn mực quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con Ban hành Chính sách quản lý cho từng thời kỳ.	✓	✓	●
8. Xem xét nguy cơ gian lận khi đánh giá rủi ro liên quan đến việc hoàn thành các mục tiêu	Rủi ro gian lận là một trong số các loại rủi ro được nhận diện, đánh giá trong Quy chế quản lý rủi ro, Chính sách quản lý rủi ro.	✓	✓	●
9. Nhận diện và đánh giá các thay đổi có thể ảnh hưởng đáng kể đến hệ thống kiểm soát nội bộ	Các vấn đề liên quan đến rủi ro (ví dụ: các yếu tố tác động từ môi trường bên ngoài như chính sách, cơ chế, chính trị...) được phản ánh trong các Báo cáo Ban điều hành đồng thời được phân tích, đánh giá và xử lý tại các cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản lý rủi ro (RMC) và Ủy ban Tài sản Nợ - Tài sản có (ALCO).	✓	✓	●
Tên cấu phần: Hoạt động kiểm soát				
10. Lựa chọn và phát triển các hoạt động kiểm soát nhằm giảm thiểu rủi ro ở mức độ có thể chấp nhận được	Các biện pháp kiểm soát được thiết lập và vận hành đối với mọi hoạt động tại tất cả các cấp, được lồng ghép trong các tác nghiệp hàng ngày ở tất cả các quy trình nghiệp vụ.	✓	✓	●
11. Lựa chọn và phát triển các hoạt động kiểm soát chung về công nghệ thông tin để hỗ trợ thực hiện các mục tiêu	Các loại hình kiểm soát chính bao gồm: Kiểm soát định hướng, Kiểm soát phòng ngừa, Kiểm soát phát hiện; Kiểm soát thủ công, Kiểm soát tự động. Trong đó kiểm soát tự động thông qua hệ thống CNTT đóng vai trò quan trọng nhằm hạn chế sai sót và tác động của con người tới hiệu quả của kiểm toán.	✓	✓	●
12. Triển khai các hoạt động kiểm soát thông qua các chính sách và thủ tục	Các biện pháp kiểm soát chính bao gồm: rà soát kết quả hoạt động của Ban điều hành cấp cao, từng phòng ban; thẩm định, phê duyệt; phân tích các chỉ số KPIs...	✓	✓	●

Nguyên tắc	Mô tả kiểm soát tại Tập đoàn Bảo Việt	Kiểm soát có tồn tại không?	Kiểm soát có hoạt động hiệu quả không?	Kết luận
Tên cấu phần: Thông tin và truyền thông				
13. Thu thập, tạo lập và sử dụng những thông tin thích hợp và có chất lượng để hỗ trợ cho hệ thống kiểm soát nội bộ	Các thông tin bên ngoài có liên quan hoặc ảnh hưởng đến Tập đoàn Bảo Việt được thường xuyên theo dõi, tổng hợp, phân tích, đánh giá và xử lý tại Ban Truyền thông - Thương hiệu	✓	✓	●
14. Truyền thông trong nội bộ Tập đoàn các thông tin cần thiết, bao gồm thông tin về mục tiêu và trách nhiệm của các cá nhân đối với KSNB, nhằm hỗ trợ cho hệ thống kiểm soát nội bộ	Ban điều hành duy trì một cơ chế trao đổi thông tin cởi mở, đảm bảo các thông tin cần thiết được truyền đạt một cách thông suốt, kịp thời và hiệu quả giữa các cấp, bộ phận và cá nhân có liên quan	✓	✓	●
15. Truyền thông với các bên liên quan bên ngoài Tập đoàn về những vấn đề ảnh hưởng đến hệ thống kiểm soát nội bộ	Các thông tin cung cấp ra bên ngoài cho khách hàng, đối tác, cổ đông, cơ quan quản lý nhà nước được Ban điều hành ủy quyền cho Lãnh đạo Khối Quản lý Tài chính - Người được ủy quyền Công bố thông tin và Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động - Người phát ngôn của Tập đoàn Bảo Việt	✓	✓	●
Tên cấu phần: Giám sát				
16. Lựa chọn, phát triển và thực hiện đánh giá liên tục và/hoặc độc lập để xác nhận sự hiện hữu và sự vận hành của các cấu phần của hệ thống kiểm soát nội bộ	Giám sát thường xuyên: lãnh đạo các bộ phận kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động kiểm soát của cán bộ, nhân viên dưới quyền trong các tác nghiệp hàng ngày. Giám sát độc lập/định kỳ: Việc giám sát định kỳ được thực hiện thông qua Ủy ban Kiểm toán. Ủy ban Kiểm toán cung cấp cho Hội đồng quản trị các đánh giá về tính đầy đủ và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn, của bộ phận Kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại các Đơn vị thành viên, và của Kiểm toán độc lập.	✓	✓	●
17.Đánh giá và truyền thông kịp thời các điểm yếu của hệ thống kiểm soát nội bộ tới các bên chịu trách nhiệm thực hiện hành động khắc phục, bao gồm Ban điều hành và Hội đồng quản trị, nếu phù hợp		✓	✓	●

Ghi chú: ● Hiệu lực ● Khu vực cải thiện tiềm năng ✓ Có tồn tại/hiệu quả

HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ



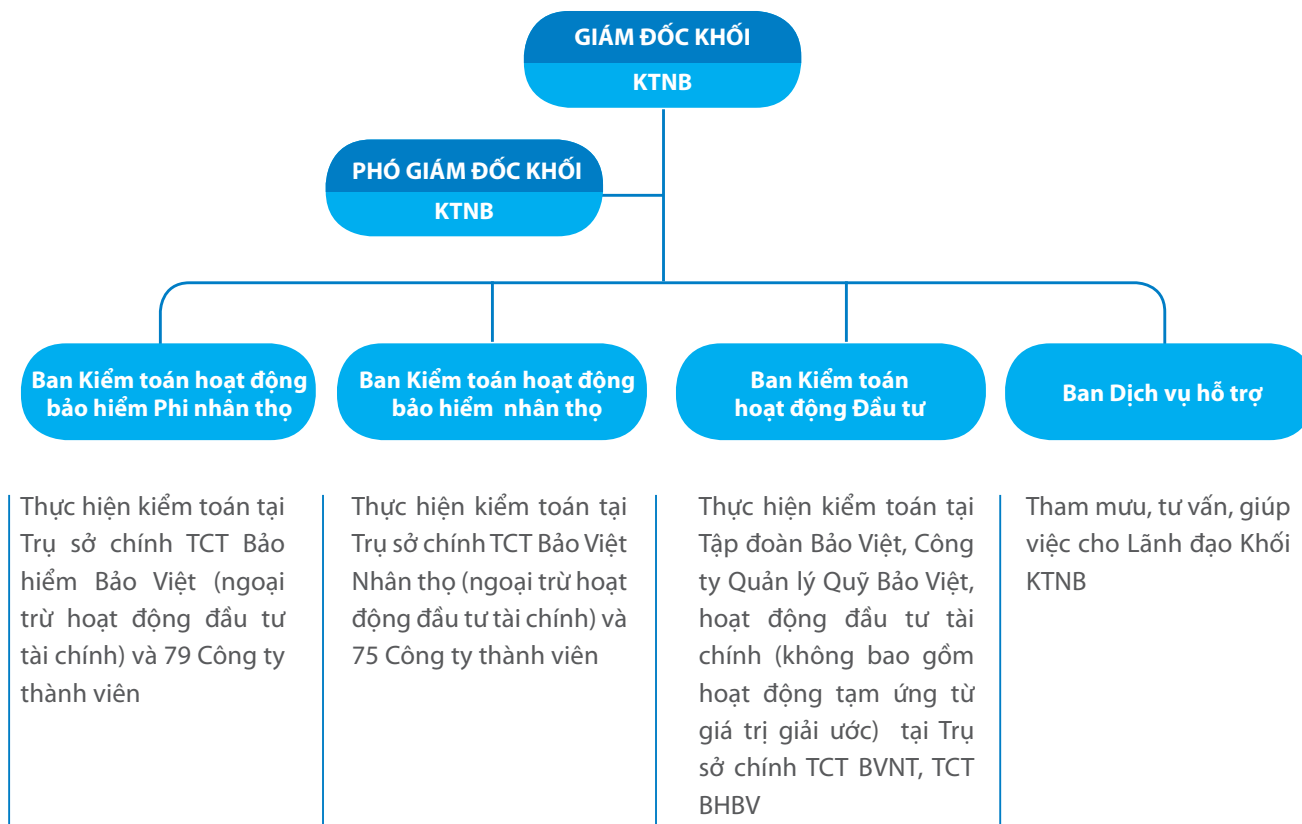
CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

Cung cấp những đánh giá độc lập, khách quan về tính đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp của các đối tượng kiểm toán cho Ủy ban Kiểm toán, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt dựa trên hoạt động đảm bảo và tư vấn nhằm hỗ trợ Tập đoàn đạt được các mục tiêu.

NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG



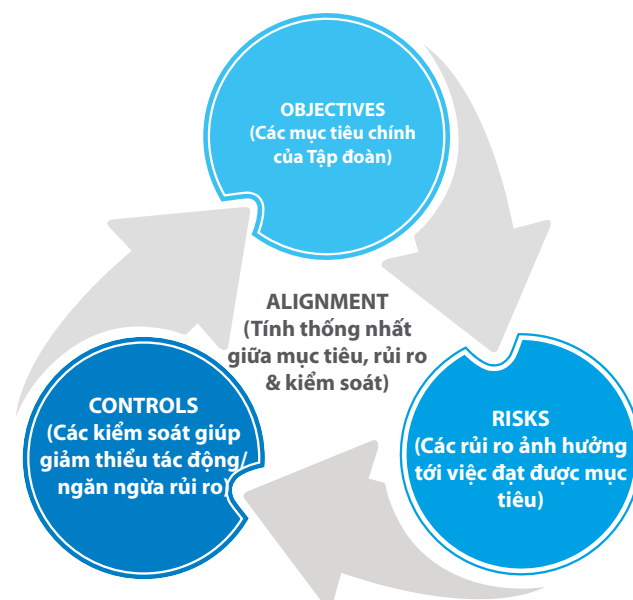
CƠ CẤU TỔ CHỨC



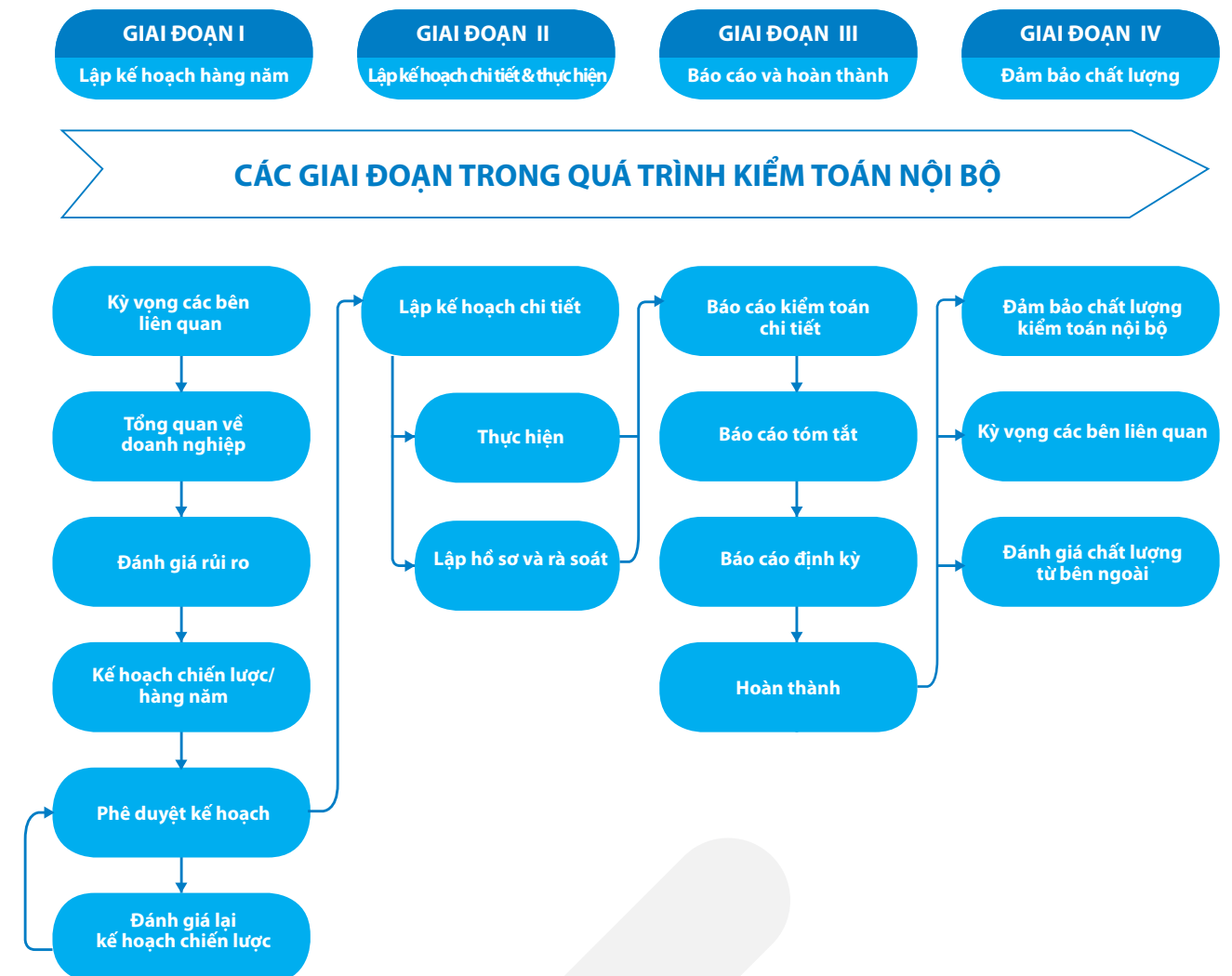
PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro để thực hiện các hoạt động kiểm toán, theo đó Khối Kiểm toán nội bộ căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro để xác định mục tiêu, đối tượng kiểm toán, phạm vi kiểm toán và cách thức thực hiện kiểm toán.

Phương pháp ORCA



QUY TRÌNH KIỂM TOÁN NỘI BỘ



CHUẨN MỰC HOẠT ĐỘNG

Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt được tổ chức và hoạt động theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế, hướng tới việc tuân thủ Khung thực hành nghề quốc tế chuyên nghiệp (International Professional Practices Framework – IPPF) của Viện Kiểm toán viên nội bộ Hoa Kỳ (The Institute of Internal Auditors – IIA).

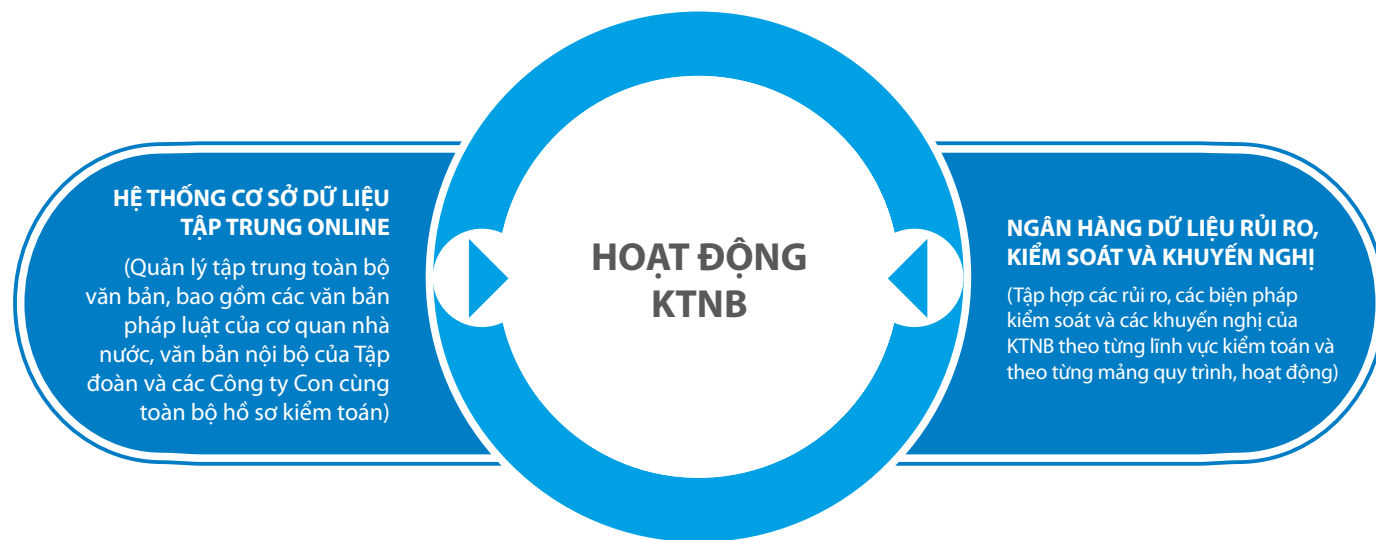
Thực hiện một số Chuẩn mực thuộc Khung hành nghề IPPF của IIA của Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt

Số hiệu chuẩn mực	Tiêu đề chuẩn mực	Thực hiện chuẩn mực
1000	Mục đích, quyền hạn, và trách nhiệm	Quy chế tổ chức hoạt động của Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt do Hội đồng quản trị ban hành đã quy định rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, đối tượng và phạm vi kiểm toán, nguyên tắc hoạt động (tính độc lập và tính khách quan), trách nhiệm báo cáo, tiêu chuẩn cho hoạt động của Khối Kiểm toán nội bộ.
1110	Tính độc lập về tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ và các chức danh quản lý của Khối Kiểm toán nội bộ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ báo cáo trực tiếp tới cấp quản trị cao nhất của Tập đoàn - Hội đồng quản trị. Kế hoạch kiểm toán, kế hoạch ngân sách, kế hoạch nguồn lực của Khối Kiểm toán nội bộ do Hội đồng Quản trị phê duyệt.
1120	Tính khách quan	<ul style="list-style-type: none"> Quy chế tổ chức hoạt động của Khối Kiểm toán nội bộ do HĐQT ban hành và Chuẩn mực đạo đức của Kiểm toán viên nội bộ do Ủy ban Kiểm toán ban hành đã quy định rõ về tính khách quan của Kiểm toán viên. Tính khách quan của Kiểm toán viên được quản lý và giám sát chặt chẽ thông qua việc đào tạo nâng cao nhận thức và bố trí sắp xếp nhân sự cho các cuộc kiểm toán.
1210	Năng lực chuyên môn	<ul style="list-style-type: none"> Bản đồ học tập chuyên môn nghiệp vụ của Khối Kiểm toán nội bộ được xây dựng trên cơ sở tham khảo Khung năng lực Kiểm toán nội bộ toàn cầu của IIA đã được xây dựng và triển khai. Đã xây dựng và triển khai chương trình đào tạo cơ bản cho các Trợ lý Kiểm toán viên và Kiểm toán viên mới tuyển dụng; đào tạo thường xuyên trên công việc (on-the-job training) cho đội ngũ Kiểm toán viên. Đào tạo tập trung thường xuyên cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ và định kỳ hàng năm với các đối tác tư vấn, đào tạo uy tín thuộc Big 4. Đào tạo thông qua các chứng chỉ nghề nghiệp (CIA, CFA, ACCA, CPA Việt Nam...). Cập nhật các rủi ro mới nổi, các xu hướng mới trong hoạt động kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, quản trị doanh nghiệp, kiểm toán nội bộ và các lĩnh vực thuộc phạm vi kiểm toán của Khối KTNB.

Số hiệu chuẩn mực	Tiêu đề chuẩn mực	Thực hiện chuẩn mực
1300	Chương trình đảm bảo và cải tiến chất lượng	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá nội bộ thường xuyên thông qua tự đánh giá rút kinh nghiệm và khảo sát mức độ hài lòng của đơn vị được kiểm toán sau mỗi cuộc kiểm toán. Đánh giá nội bộ định kỳ thông qua việc rà soát, báo cáo kết quả hoạt động hàng quý tới Ủy ban Kiểm toán và Hội đồng Quản trị.
2010	Lập kế hoạch	<ul style="list-style-type: none"> Mục tiêu kiểm toán 2016 – 2020 gắn kết với chiến lược phát triển, danh mục rủi ro trọng yếu giai đoạn 2016-2020 của Tập đoàn và xu thế vận động của KTNB trên thế giới đã được xây dựng để định hướng cho hoạt động của Khối Kiểm toán nội bộ trong 05 năm tới. Kế hoạch kiểm toán thường niên và kế hoạch kiểm toán chi tiết (cho từng cuộc kiểm toán) được xây dựng dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tổng thể và kết quả đánh giá rủi ro chi tiết đối với từng đơn vị được kiểm toán.
2050	Phối hợp với các bộ phận đảm bảo nội bộ và đảm bảo độc lập	<ul style="list-style-type: none"> Quy chế phối hợp giữa Khối Kiểm toán nội bộ với các bộ phận đảm bảo khác trong Tập đoàn (bao gồm Ban Kiểm soát, bộ phận Quản lý rủi ro, Pháp chế - Tuân thủ tại Công ty Mẹ, bộ phận Kiểm tra – kiểm soát nội bộ tại các Công ty con 100% vốn, các Kiểm soát viên của Công ty Mẹ tại các Công ty con 100% vốn) đã được ban hành và triển khai. Khối Kiểm toán nội bộ trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán độc lập của Tập đoàn.
2060	Báo cáo Hội đồng quản trị và bộ phận quản lý cấp cao	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo kiểm toán của từng cuộc kiểm toán được phát hành tới Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng giám đốc Tập đoàn. Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ định kỳ hàng quý báo cáo tình hình hoạt động của Khối cho Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng giám đốc Tập đoàn trong các phiên họp Hội đồng Quản trị. Các hạn chế về nguồn lực ảnh hưởng tới hoạt động của Khối Kiểm toán nội bộ được báo cáo tới Ủy ban Kiểm toán và Hội đồng Quản trị.

CÔNG CỤ HỖ TRỢ KIỂM TOÁN

Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt đang sử dụng 02 công cụ sau để hỗ trợ hoạt động kiểm toán:

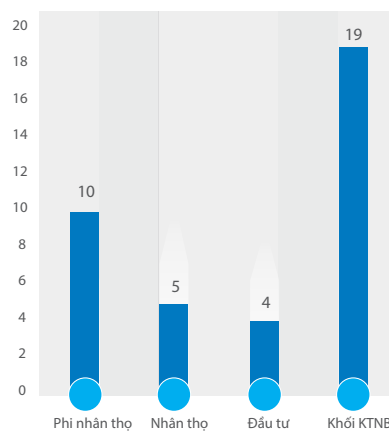


Ngoài ra, Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt đã và đang phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin của Tập đoàn để nghiên cứu, xây dựng các giải pháp phần mềm hỗ trợ quản lý hoạt động Kiểm toán nội bộ theo chuẩn mực, thông lệ quốc tế.

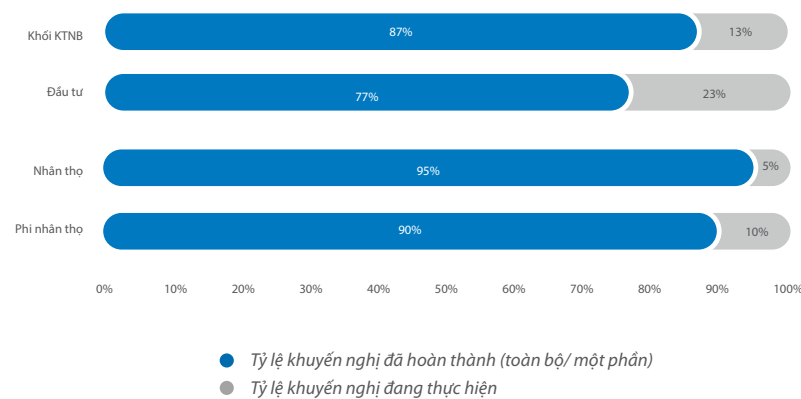
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Hoàn thành 100% kế hoạch kiểm toán được HĐQT phê duyệt:

Số cuộc kiểm toán thực hiện năm 2017



Tình hình thực hiện khuyến nghị KTNB



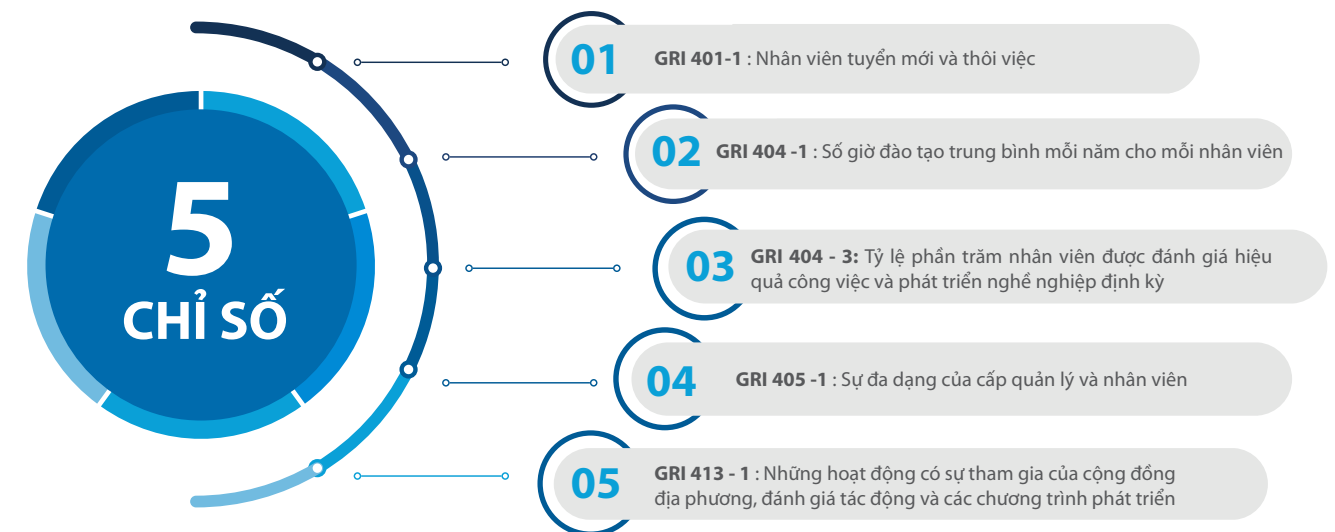
Các khuyến nghị của Khối Kiểm toán nội bộ được thực hiện đầy đủ và kịp thời đã góp phần ngăn chặn/ giảm thiểu các rủi ro có khả năng ảnh hưởng đến việc hoàn thành mục tiêu của các đơn vị

Năm 2017 là năm đầu tiên Khối KTNB thực hiện Kiểm toán Báo cáo Phát triển bền vững theo Tiêu chuẩn quốc tế GRI

Tập đoàn Bảo Việt là doanh nghiệp tiên phong thực hiện kiểm toán đối với báo cáo Phát triển bền vững, hỗ trợ minh bạch hóa các thông tin phi tài chính, cung cấp cho Nhà đầu tư và các bên quan tâm góc nhìn bao quát, mang tính chiến lược về toàn bộ hoạt động của mình. Với nguyên tắc hoạt động độc lập về mặt tổ chức và khách quan khi thực hiện nhiệm vụ, Khối KTNB cung cấp những đánh giá độc lập, khách quan về tính chính xác, đầy đủ và thống nhất của số liệu trên Báo cáo Phát triển bền vững, qua đó thể hiện tính nghiêm túc và cam kết cao về Phát triển bền vững của Lãnh đạo Tập đoàn như thông điệp đưa ra.

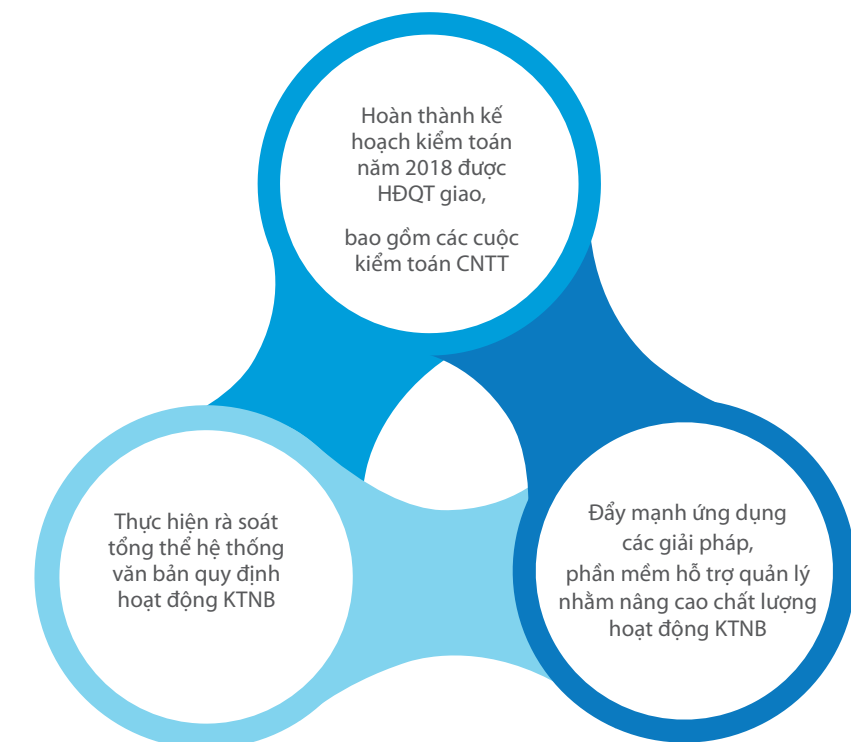
Khối KTNB sử dụng phương pháp soát xét dựa trên vận dụng Chuẩn mực 3000 - Hợp đồng dịch vụ đảm bảo ngoài dịch vụ kiểm toán và soát xét thông tin tài chính quá khứ (ban hành kèm theo Thông tư số 66/2015/TT-BTC ngày 08/05/2015 của Bộ Tài chính) kết hợp sử dụng bộ tiêu chuẩn GRI để đưa ra ý kiến đảm bảo và các khuyến nghị nhằm cải thiện chất lượng Báo cáo Phát triển bền vững.

5 chỉ số được Khối KTNB đảm bảo trong Báo cáo Phát triển bền vững 2016



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Năm 2018 là năm thứ ba thực hiện mục tiêu kiểm toán giai đoạn 2016-2020, là năm bắt đầu triển khai hoạt động kiểm toán công nghệ thông tin và tiếp tục chuẩn bị nguồn lực cho các hoạt động kiểm toán mới trong tương lai (kiểm toán hiệu quả hoạt động, kiểm toán báo cáo tài chính...). Các công việc trọng tâm bao gồm:



Năm 2017, với định hướng chiến lược “Sẵn sàng cất cánh”, hoạt động quản lý rủi ro đã đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt. Tập đoàn đã duy trì chính sách quản lý rủi ro thận trọng, bảo đảm nguồn lực tài chính mạnh và tuân thủ đầy đủ các quy định về tỷ lệ an toàn trong mọi hoạt động kinh doanh, góp phần hiện thực hóa mục tiêu chiến lược, bảo đảm tăng trưởng mạnh mẽ và phát triển bền vững.

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam tiếp tục phát triển, đạt kết quả toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát; xuất khẩu tăng mạnh và xuất siêu, khu vực công nghiệp phục hồi rõ nét, trở thành động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế. Môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam có bước tiến vượt bậc. Lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm duy trì tăng trưởng tích cực, năng lực kinh doanh của các doanh nghiệp tiếp tục được nâng cao, đóng góp vào nền kinh tế ngày càng tốt hơn.

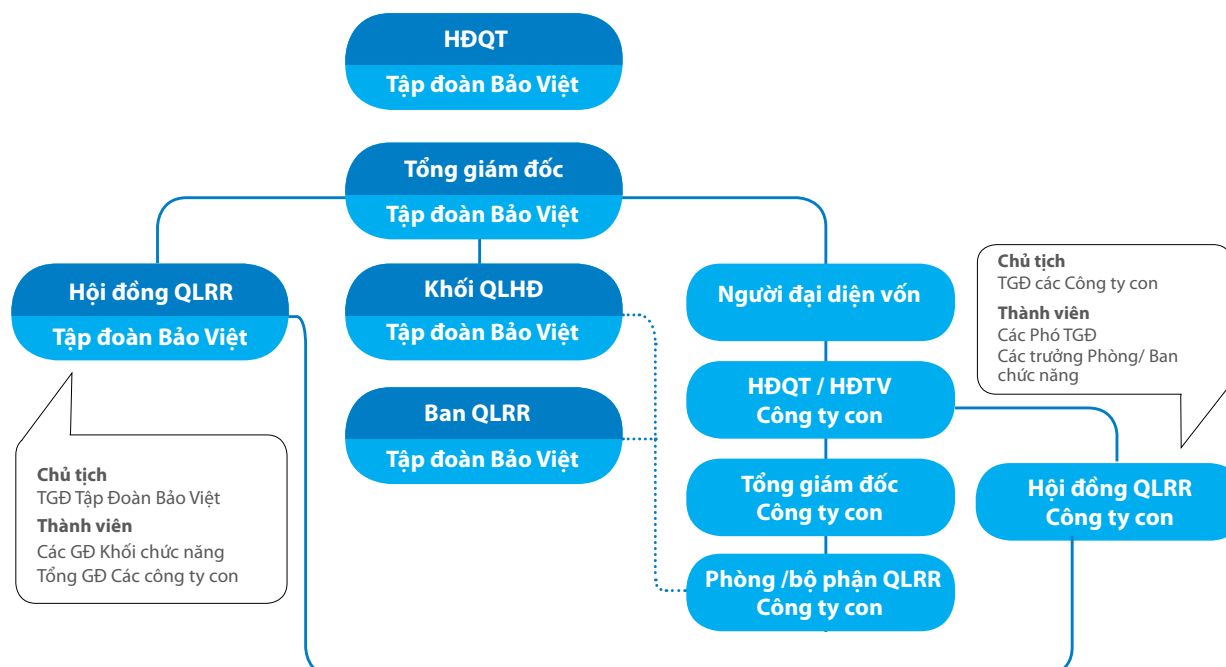
Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tác động trên nhiều phương diện, đây là cơ hội nhưng cũng là thách thức đối với sự tăng trưởng của các nền kinh tế nói chung và sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói riêng. Để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp, việc nâng cao năng lực quản lý rủi ro, kiểm soát những rủi ro tiềm ẩn của doanh nghiệp đang và sẽ trở nên cấp thiết, đặc biệt là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính như Bảo Việt.

Tập đoàn Bảo Việt đã tăng cường hệ thống quản lý rủi ro

doanh nghiệp tại Tập đoàn và các Công ty con, xác định, phân loại và đánh giá các rủi ro một cách hệ thống, bảo đảm tất cả các rủi ro được quản lý kịp thời, hiệu quả. Tập đoàn tiếp tục nghiên cứu, xây dựng Khung khẩu vị rủi ro, đánh giá hoạt động kinh doanh và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn của Tập đoàn và các Công ty con, bảo đảm sự cân bằng giữa rủi ro và lợi nhuận.

Chúng tôi luôn bảo đảm khung quản lý rủi ro được thực hiện thống nhất trong toàn hệ thống và quản lý rủi ro chủ động; xác định các rủi ro trọng yếu cần tập trung quản lý, tăng cường các chính sách, biện pháp để đánh giá và giảm thiểu rủi ro, bảo đảm tất cả các rủi ro được quản lý kịp thời, hiệu quả. Tập đoàn Bảo Việt đã xây dựng và ban hành chiến lược, chính sách quản lý rủi ro; các quy định đánh giá rủi ro trên phạm vi toàn Tập đoàn và áp dụng những quy trình hoạt động theo thông lệ quốc tế. Đồng thời, nâng cao nhận thức và hình thành văn hóa quản lý rủi ro, chủ động xem xét yếu tố rủi ro trong các hoạt động kinh doanh hàng ngày. Phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con đạt hiệu quả cao nhất.

Cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro



TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ RỦI RO

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy quản lý rủi ro; ban hành chiến lược, chính sách quản lý rủi ro và giám sát hoạt động quản lý rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt.

Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách quản lý rủi ro; cung cấp các nguồn lực phù hợp với yêu cầu của hoạt động quản lý rủi ro; ban hành các quy định, quy trình quản lý rủi ro và giám sát thực hiện bảo đảm hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt an toàn và hiệu quả, tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt.

Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là RMC) là Hội đồng trực thuộc Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt, thực hiện chức năng tư vấn, giúp việc cho Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt để triển khai công tác quản lý rủi ro.

Các Công ty con thuộc Tập đoàn Bảo Việt thực hiện quản lý rủi ro riêng thông qua việc xây dựng chiến lược, chính sách quản lý rủi ro của mình phù hợp với chiến lược, chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt.

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ RỦI RO

Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt

RMC có các chức năng nhiệm vụ sau:

- Tư vấn cho Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt trong việc xây dựng chiến lược, chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt và các quy định về quản lý rủi ro.
- Giám sát việc thực hiện quản lý rủi ro đảm bảo tính liên tục và thống nhất trong Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt.
- Xây dựng văn hóa quản lý rủi ro trong Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm Bảo Việt.
- Tham gia ý kiến, tư vấn cho các bộ phận chức năng khác của Tập đoàn Bảo Việt về hoạt động quản lý rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Phê duyệt, giám sát việc thực hiện mô hình, công cụ đo lường và hạn mức rủi ro.

- Rà soát và đánh giá các rủi ro, xác định các tổn thất cụ thể để chú trọng quản lý các lĩnh vực có mức độ rủi ro cao.
- Xem xét các nội dung có liên quan đến quản lý rủi ro trong thuyết minh Báo cáo tài chính, Báo cáo Actuary và báo cáo của các Khối, Trung tâm, Ban chức năng có liên quan.
- Đánh giá mức độ rủi ro, rủi ro tập trung/tích tụ, nhận dạng và phòng ngừa các rủi ro mới.
- Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo về hoạt động quản lý rủi ro theo yêu cầu của Hội đồng quản trị Tập đoàn Bảo Việt.
- Các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt giao.

Hoạt động của RMC năm 2017

Năm 2017, RMC Tập đoàn và các Công ty con đã tổ chức các cuộc họp hàng quý để đánh giá, giám sát việc thực hiện QLRR trong toàn hệ thống, tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về quản lý rủi ro, xác định các rủi ro trọng yếu cần tập trung quản lý, tăng cường các chính sách, biện pháp, mô hình để đánh giá và giảm thiểu rủi ro một cách tổng thể, bảo đảm tất cả các rủi ro được quản lý kịp thời, hiệu quả.

Thông qua những cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro, các vấn đề chủ yếu được đề cập, xử lý bao gồm:

- Cập nhật các quy định về quản lý rủi ro, thảo luận nội dung mang tính chiến lược như: Khung Khẩu vị rủi ro, Tuyên bố Khẩu vị rủi ro...
- Rà soát, phân tích, đánh giá các loại rủi ro và đề xuất các biện pháp kiểm soát phù hợp như rủi ro bảo hiểm, rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động và một số rủi ro trọng yếu khác.
- Tập đoàn phối hợp với các đơn vị thành viên trong xây dựng văn hóa QLRR, chia sẻ thông tin, thống nhất áp dụng mô hình, công cụ quản lý rủi ro...

Hoạt động kiểm soát rủi ro cũng được thực hiện thông qua việc phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng Quản lý rủi ro với các Ủy ban, các Khối, Trung tâm, Ban chức năng tại Tập đoàn Bảo Việt cũng như giữa Tập đoàn Bảo Việt với các Công ty con.

- Phối hợp với Ủy ban Chiến lược và Đầu tư trao đổi

thông tin, số liệu và đưa ra các kiến nghị, giải pháp liên quan đến quản lý rủi ro trong lĩnh vực chiến lược và đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt;

- Phối hợp với Ủy ban Kiểm toán rà soát các rủi ro trọng yếu tiềm tàng, đặc biệt là những rủi ro liên quan đến tuân thủ chính sách, chuẩn mực, quy trình và các quy định pháp luật có liên quan để kịp thời đưa ra phương án xử lý phù hợp.
- Phối hợp với Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO) để trao đổi thông tin về rủi ro liên quan đến cân đối Tài sản Nợ - Tài sản Có tại các cuộc họp Hội đồng Quản lý rủi ro. Đại diện Hội đồng Quản lý rủi ro đã tham dự các cuộc họp định kỳ của ALCO để tham gia ý kiến và đưa ra các khuyến cáo về các rủi ro liên quan.

CHIẾN LƯỢC VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO

Tập đoàn Bảo Việt đã ban hành Chiến lược Quản lý rủi ro giai đoạn 2016-2020 nhằm hiện thực hóa Chiến lược kinh doanh của Tập đoàn và được cụ thể hóa bằng Chính sách Quản lý rủi ro hàng năm. Trong đó đưa ra các mục tiêu và các giải pháp cụ thể để hoàn thiện khung pháp lý về quản lý rủi ro tại Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con, hướng tới thông lệ và chuẩn mực quốc tế; xây dựng và hoàn thiện Khẩu vị rủi ro; đánh giá, xác định các rủi ro trọng yếu và các biện pháp đo lường, xử lý nhằm thực hiện hiệu quả công tác quản lý rủi ro trong toàn hệ thống và nâng cao giá trị doanh nghiệp, góp phần tăng trưởng và phát triển bền vững.

Khẩu vị rủi ro

Một trong những yêu cầu bảo đảm khung quản lý rủi ro được hoàn thiện cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế, đó là mỗi một tổ chức cần ban hành Khung khẩu vị rủi ro, thể hiện các loại rủi ro mà tổ chức sẵn sàng chấp nhận để đạt mục tiêu chiến lược. Theo đó, các yêu cầu và nội dung của Khẩu vị rủi ro bao gồm:

Khẩu vị rủi ro phải bảo đảm:

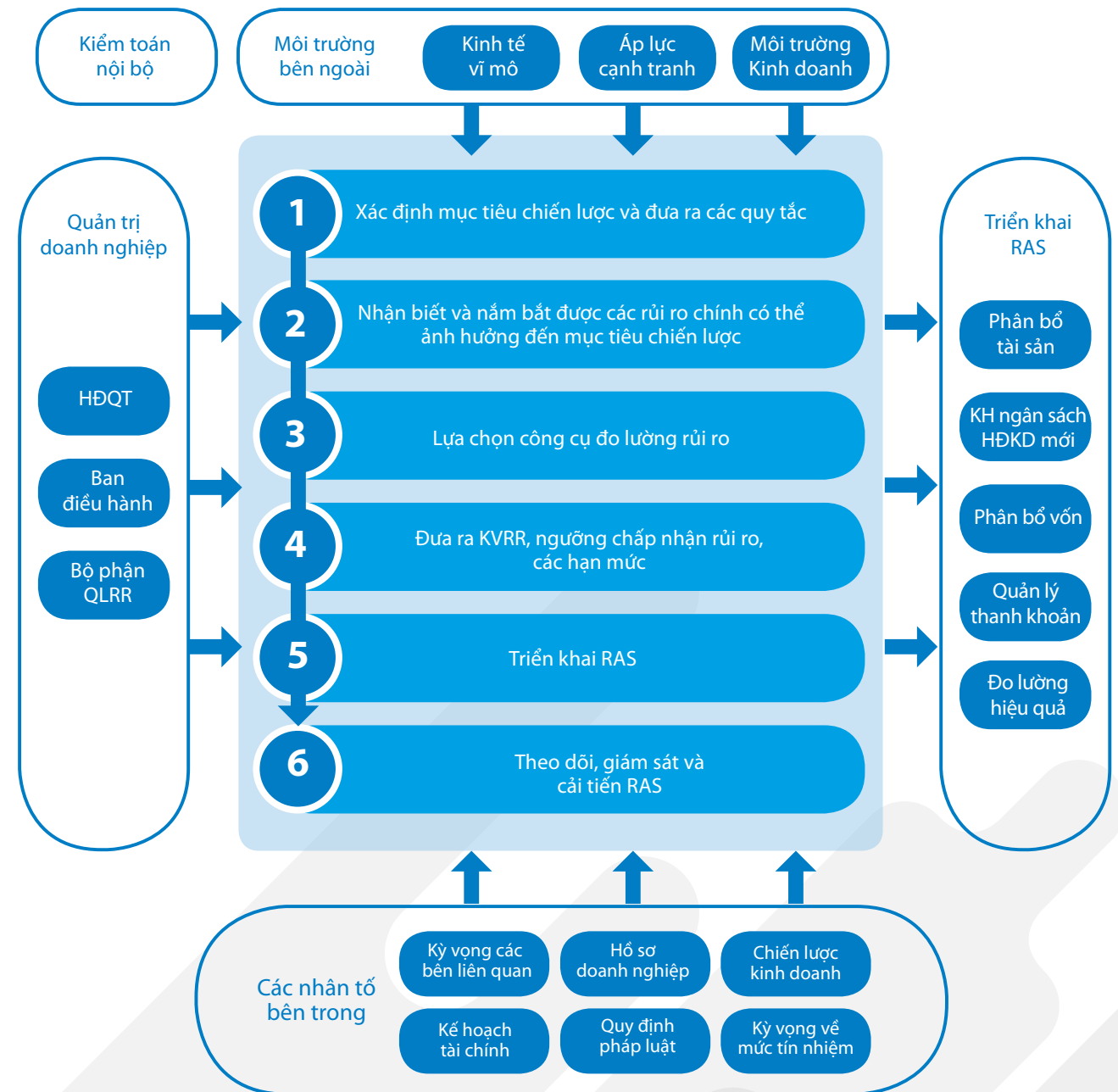
- Thể hiện được triết lý kinh doanh, phù hợp với chiến lược của Tập đoàn Bảo Việt.
- Bao quát đầy đủ các hoạt động của Tập đoàn trong ngắn, trung và dài hạn.
- Các rủi ro được đánh giá thông qua các tiêu chí định tính, định lượng.
- Cập nhật quy định hiện hành và chuẩn mực quốc tế trên cơ sở điều kiện về nguồn lực và hạ tầng kỹ thuật quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt.

Khẩu vị rủi ro bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- Tuyên bố về khẩu vị rủi ro (RAS) của Tập đoàn Bảo Việt.
- Xác định, nhận diện các loại rủi ro sẵn sàng chấp nhận.
- Xác định mức rủi ro mục tiêu, ngưỡng cảnh báo, ngưỡng chấp nhận rủi ro bảo đảm phù hợp với chiến lược và kế hoạch kinh doanh hàng năm.
- Xác định biện pháp xử lý rủi ro theo mức cảnh báo.
- Các nội dung có liên quan khác.

Khung khẩu vị rủi ro được xây dựng căn cứ vào nhân tố môi trường bên ngoài như kinh tế vĩ mô, môi trường kinh doanh, áp lực cạnh tranh và các nhân tố bên trong như chiến lược kinh doanh, kế hoạch tài chính, kỳ vọng của cổ đông và các bên liên quan... Căn cứ vào quy trình Quản lý rủi ro (nhận dạng, xác định rủi ro; đo lường, đánh giá rủi ro; ghi nhận, theo dõi rủi ro; xử lý rủi ro; lập báo cáo rủi ro; xem xét, đánh giá lại rủi ro, phát hiện những khả năng mới phát sinh rủi ro và các biện pháp đề phòng và xử lý những tình huống mới) để xác định các ngưỡng chấp nhận cho từng loại rủi ro. Khi khẩu vị rủi ro được xác định sẽ làm định hướng, cơ sở để phân bổ tài sản, quản lý thanh khoản, xây dựng các chỉ tiêu đo lường hiệu quả cho Tập đoàn...

KHUNG KHẨU VỊ RỦI RO DOANH NGHIỆP



QUẢN LÝ RỦI RO CHỦ YẾU ĐÃ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017

Để đạt được mục tiêu của Tập đoàn hướng tới các chuẩn mực quốc tế về Khung quản lý rủi ro doanh nghiệp (ERM), Tập đoàn Bảo Việt đã từng bước xây dựng và không ngừng cải thiện các công cụ quản lý rủi ro:

- Tập đoàn đã thiết lập các hạn mức rủi ro, tích hợp văn hóa quản lý rủi ro vào văn hóa doanh nghiệp. Đây là nền tảng tốt cho sự phát triển mạnh mẽ, ổn định trong hoạt động kinh doanh và phát triển bền vững của Tập đoàn;
- Tập đoàn tiếp tục nghiên cứu, xây dựng Khung khẩu vị rủi ro phù hợp với chiến lược kinh doanh;
- Tập đoàn tăng cường đánh giá rủi ro tích tụ, xây dựng các chính sách quản lý rủi ro, báo cáo rủi ro nhằm nâng cao năng lực quản lý rủi ro tổng thể trong hoạt động kinh doanh;
- Tập đoàn sử dụng các công cụ và phương pháp như bảng đánh giá rủi ro (Risk Dashboard), phân tích kịch bản "stress-testing", hạn mức rủi ro để quản lý các rủi ro trọng yếu;
- Tập đoàn thiết lập một hệ thống báo cáo rủi ro hiệu quả, cung cấp thông tin cảnh báo kịp thời các rủi ro phát sinh trong từng lĩnh vực kinh doanh nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực và rủi ro tiềm ẩn;
- Tập đoàn Bảo Việt quản lý rủi ro tại các Công ty con thông qua báo cáo hợp nhất, báo cáo của Người đại diện vốn và tăng cường các công cụ kiểm soát rủi ro tại các Công ty con; tiếp tục hoàn thiện và tối ưu hóa các kỹ thuật, mô hình quản lý rủi ro.

Quản lý rủi ro bảo hiểm

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm được triển khai tại hai Công ty con của Tập đoàn Bảo Việt là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (Bảo hiểm Bảo Việt) và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (Bảo Việt Nhân thọ). Bảo hiểm là một trong những lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn.

Lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ

Công tác quản lý rủi ro bảo hiểm luôn được chú trọng trong tất cả các khâu liên quan của quá trình hoạt động kinh doanh của Bảo Việt Nhân thọ. Trước hết, rủi ro bảo hiểm được giám sát chặt chẽ thông qua việc xây dựng những giả định phù hợp về tổn thất dự kiến liên quan đến đối tượng được bảo hiểm trong hợp đồng bảo

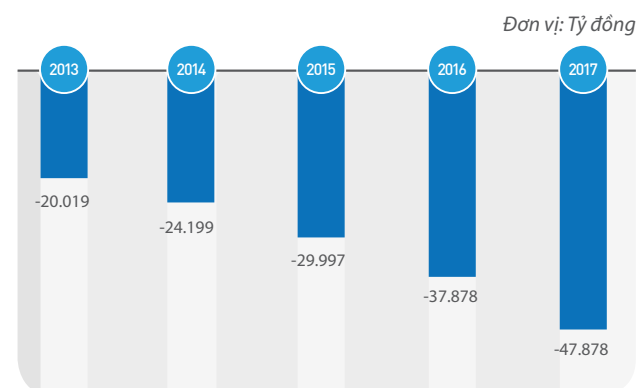
hiểm. Bảo Việt Nhân thọ có thể chịu rủi ro về các khoản bồi thường chưa xác định rõ thời điểm, tần suất và mức độ bồi thường liên quan đến những tổn thất do tai nạn, sức khỏe, trực lợi hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện bảo hiểm. Do vậy, Bảo Việt Nhân thọ đã đưa ra và thực hiện quy định, quy trình chặt chẽ về: thiết kế và quản lý sản phẩm; theo dõi kinh nghiệm triển khai; định kỳ đánh giá doanh số, lợi nhuận sản phẩm; phân tích kịch bản; kịp thời hoàn thiện sản phẩm, định phí lại khi thực tế khác với giả định.

Bên cạnh đó, Bảo Việt Nhân thọ thực hiện quản lý rủi ro bảo hiểm bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt các giao dịch có liên quan đến hợp đồng mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, nguyên tắc tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

Bảo Việt Nhân thọ sử dụng nhiều phương pháp để đánh giá và giám sát rủi ro bảo hiểm đối với các loại rủi ro cụ thể và rủi ro chung. Các phương pháp này bao gồm mô hình đo lường rủi ro nội bộ, các phân tích về độ nhạy, phân tích tình huống và phương pháp phân tích kịch bản. Các lý thuyết xác suất được áp dụng để xác định mức phí bảo hiểm và danh mục các loại sản phẩm bảo hiểm có thể cung cấp.

Quy trình xây dựng các giả định của Bảo Việt Nhân thọ nhằm đưa ra các ước tính thận trọng và ổn định về kết quả tương lai. Điều này được bảo đảm bằng việc áp dụng giả định tương đối thận trọng để tránh các biến động bất lợi trong thực tiễn hoạt động. Hàng năm, Bảo Việt Nhân thọ tiến hành rà soát nhằm bảo đảm mức chênh lệch giữa giả định với kết quả trong tương lai nằm trong giới hạn chấp nhận được.

Dự phòng nghiệp vụ của BVNT năm 2017



Ngoài ra, Bảo Việt Nhân thọ thực hiện chính sách quản lý rủi ro thông qua tái bảo hiểm, chuyển giao một phần rủi ro của hợp đồng bảo hiểm cho công ty nhận tái bảo hiểm. Mức giữ lại phụ thuộc vào khả năng tài chính và mức độ rủi ro được bảo hiểm. Để giảm thiểu rủi ro nhà nhận tái bảo hiểm không có khả năng thực hiện trách nhiệm, Bảo Việt Nhân Thọ chỉ thực hiện tái bảo hiểm với những công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp hạng theo quy định hiện hành.

Lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ

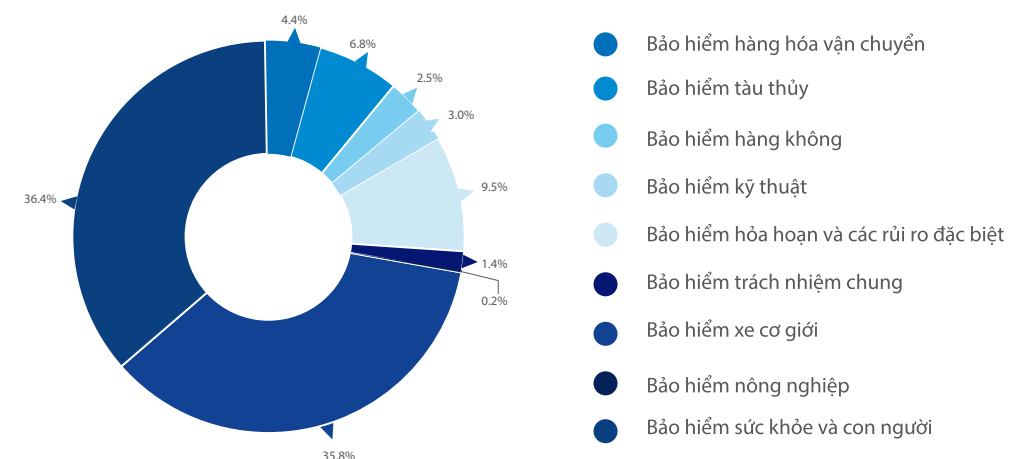
Cơ chế quản lý rủi ro bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt bao gồm các quy trình kiểm soát chặt chẽ như: đánh giá rủi ro khi nhận bảo hiểm, tái bảo hiểm, giám định tổn thất, giải quyết bồi thường và định kỳ đánh giá hiệu quả của sản phẩm bảo hiểm để bảo đảm kiểm soát được tỷ lệ tổn thất trong mức độ chấp nhận được, tính toán, phân tích các tỉ lệ kinh nghiệm (theo dữ liệu quá khứ), lấy đó làm cơ sở cho việc điều chỉnh tỷ lệ phí bảo hiểm, điều chỉnh phạm vi bảo hiểm nhằm bảo đảm giảm thiểu tỷ lệ bồi thường. Bảo hiểm Bảo Việt áp dụng các giải pháp chuyển giao rủi

ro để chia sẻ rủi ro với các công ty bảo hiểm khác thông qua đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm và chia sẻ rủi ro với chính người tham gia bảo hiểm - áp dụng miễn thường.

Đối với các vụ tổn thất lớn, có tính chất phức tạp được giải quyết tập trung tại Bảo hiểm Bảo Việt thông qua đội ngũ giám định, giải quyết bồi thường của Bảo hiểm Bảo Việt và giám định viên chuyên nghiệp ngoài Bảo hiểm Bảo Việt; chỉ những vụ tổn thất nhỏ, có tính chất đơn giản được xử lý tại các công ty thành viên. Bảo hiểm Bảo Việt đã triển khai phần mềm InsureJ và xây dựng mô hình Trung tâm cấp đơn và giám định bồi thường ở một số công ty thành viên và ở các nghiệp vụ, dịch vụ có khả năng xảy ra tổn thất lớn (thuộc trách nhiệm của hợp đồng tái bảo hiểm) để đánh giá rủi ro và giải quyết bồi thường tập trung.

Bảo hiểm Bảo Việt tuân thủ đầy đủ quy định của Bộ Tài chính về nợ phí và xử lý nợ phí bảo hiểm để đảm bảo hạn chế việc bị chiếm dụng dòng tiền. Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục duy trì chính sách quản lý dòng tiền và đảm bảo duy trì được thanh khoản, đáp ứng nhu cầu chi bồi thường và tận dụng tối đa nguồn tiền nhàn rỗi để đầu tư sinh lợi.

Cơ cấu doanh thu phí bảo hiểm gốc BHBV năm 2017



Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn có thể phát sinh từ hoạt động đầu tư tài chính (tiền gửi, trái phiếu), hoạt động kinh doanh bảo hiểm (chủ yếu tại Bảo hiểm Bảo Việt) và hoạt động kinh doanh khác. Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con đã áp dụng đồng bộ các biện pháp để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Quản lý rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tiền gửi:

Tập đoàn Bảo Việt đã xây dựng và triển khai mô hình phân

tích tín dụng nội bộ. Kết quả đánh giá và phân loại các tổ chức tín dụng dựa trên mô hình này là căn cứ để RMC xác định hạn mức tín dụng đối với mỗi tổ chức tín dụng mà Tập đoàn và các Công ty con được phép đầu tư tiền gửi.

Các hạn mức này được rà soát, cập nhật định kỳ hàng năm. Mô hình phân tích tín dụng nội bộ không ngừng được hoàn thiện dựa trên các nguyên tắc cơ bản được RMC thông qua. Việc thực hiện hạn mức tiền gửi toàn Tập đoàn giúp hạn chế rủi ro tín dụng đồng thời vẫn phù hợp với tình hình kinh tế, tài chính, chính sách vĩ mô

và các quy định của pháp luật. Nguyên tắc và quy trình thực hiện hạn mức tiền gửi được xây dựng linh hoạt, bảo đảm hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và các công ty con, đồng thời kiểm soát được rủi ro và tối ưu hóa lợi nhuận.

Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con thiết lập các biện pháp giám sát nhằm hạn chế rủi ro tích tụ trong hoạt động đầu tư tiền gửi, đồng thời đưa ra hành động kịp thời khi đối tác xuất hiện các dấu hiệu suy giảm chất lượng tín dụng. Rủi ro tín dụng được theo dõi và đánh giá trong Báo cáo rủi ro hàng tháng.

Quản lý rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư trái phiếu

Trong hoạt động đầu tư trái phiếu, rủi ro tín dụng chủ yếu xuất phát từ danh mục đầu tư trái phiếu doanh nghiệp. Tuy nhiên, trái phiếu Chính phủ vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng danh mục đầu tư trái phiếu (88%) nên hoạt động đầu tư trái phiếu được đánh giá là có mức độ rủi ro trung bình thấp.

Tập đoàn Bảo Việt xây dựng kế hoạch, phê duyệt hạn mức đầu tư từng loại trái phiếu phù hợp với chiến lược đầu tư và cơ cấu tổng tài sản; tuân thủ quy định của Tập đoàn Bảo Việt về Quản lý rủi ro trong đầu tư Trái phiếu doanh nghiệp và các quy định về hạn mức đầu tư; thực hiện theo dõi hàng quý tình hình tài chính, phi tài chính của tổ chức phát hành và biến động giá trị tài sản đảm bảo. Tập đoàn tiếp tục thực hiện Quy định về Quản lý rủi ro trong đầu tư trái phiếu doanh nghiệp tại Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con.

Quản lý rủi ro tín dụng bảo hiểm

Để quản lý rủi ro này, Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt đã ban hành và yêu cầu các bên, các bộ phận liên quan tuân thủ chặt chẽ quy trình đóng phí, gia hạn đóng phí bảo hiểm. Việc gia hạn phí được quy định theo từng cấp cụ thể. Ở cấp độ Công ty thành viên, các khoản phí bảo hiểm nhỏ được gia hạn (phù hợp với từng loại rủi ro bảo hiểm và xếp hạng của công ty thành viên), còn đối với các khoản phí bảo hiểm lớn, Trụ sở chính của Bảo hiểm Bảo Việt là cấp ra quyết định việc gia hạn. Ngoài ra, việc gia hạn đóng phí bảo hiểm được đánh giá, lựa chọn kỹ càng với tiêu chí người tham gia bảo hiểm còn khả năng đóng phí bảo hiểm hoặc có triển vọng là khách hàng chiến lược mới. Các trường hợp tham gia bảo hiểm bị đánh giá tín dụng thấp hoặc không có khả năng đóng phí bảo hiểm sẽ bị chấm dứt hợp đồng bảo hiểm và tiếp

tục theo dõi công nợ để làm các thủ tục đòi hoặc xóa nợ theo quy định. Trong thời gian gia hạn đóng phí bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt có thể áp dụng lãi phát sinh trên số phí bảo hiểm gia hạn. Đối với các khoản phí bảo hiểm không đóng đúng thời hạn, Bảo hiểm Bảo Việt theo dõi trích lập dự phòng đối với khoản nợ quá hạn và làm thủ tục xóa nợ nếu có đầy đủ cơ sở theo quy định.

Để quản lý rủi ro tín dụng đối với các nhà nhận tái bảo hiểm, việc nhượng tái bảo hiểm chỉ được thực hiện đối với các công ty bảo hiểm được xếp hạng tín dụng cao bởi các tổ chức xếp hạng hàng đầu thế giới theo quy định hiện hành. Đối với các công ty nhận tái bảo hiểm trong nước chưa được xếp hạng tín dụng, Bảo hiểm Bảo Việt có đánh giá riêng và theo dõi chặt chẽ diễn biến khả năng tài chính của họ.

Các khoản tạm ứng từ giá trị hoàn lại tại Bảo Việt Nhân thọ đều được đảm bảo bằng giá trị tích lũy của hợp đồng bảo hiểm. Trong hoạt động tái bảo hiểm, các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro tín dụng, để giảm thiểu rủi ro, Bảo Việt Nhân thọ chỉ thiết lập thỏa thuận tái bảo hiểm với những công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp hạng theo quy định hiện hành.

Quản lý rủi ro tín dụng từ hoạt động giao dịch ký quỹ

Trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, năm 2017 Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) tiếp tục duy trì đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng định kỳ hàng quý để quản lý rủi ro từ hoạt động giao dịch ký quỹ. Các khách hàng đều được đánh giá về điều kiện xếp loại và hạn mức vay ký quỹ tương ứng trước khi Tổng Giám đốc phê duyệt. Ngoài ra, rủi ro tín dụng còn được quản lý thông qua việc xây dựng tiêu chuẩn cho các cổ phiếu thuộc danh mục cho vay ký quỹ, xây dựng tỷ lệ ký quỹ an toàn, để ra các biện pháp xử lý tài sản đảm bảo nhằm đảm bảo an toàn nguồn vốn phục vụ cho vay ký quỹ của BVSC.

Năm 2017, thị trường chứng khoán Việt Nam tăng trưởng mạnh về giá trị giao dịch và chỉ số thị trường đã góp phần không nhỏ vào việc tăng trưởng hoạt động cho vay ký quỹ của BVSC. Tính đến cuối năm 2017, giá trị tổng dư nợ tăng 51% so với cuối năm 2016 và không xảy ra tình trạng mất vốn trong năm. Rủi ro tín dụng của hoạt động giao dịch ký quỹ năm 2017 ở mức thấp khi các khoản vay giao dịch ký quỹ được thanh toán đúng hạn, tỷ lệ tài sản đảm bảo được duy trì ở mức an toàn.

Quản lý rủi ro thị trường

Mục tiêu quản lý rủi ro thị trường của Tập đoàn và các Công ty con là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro thị trường nhằm cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro bằng cách duy trì danh mục đầu tư tài chính nhất quán với chiến lược đầu tư.

Tập đoàn sử dụng một loạt các công cụ khác nhau để kiểm soát rủi ro thị trường đối với từng loại tài sản tài chính.

Rủi ro lãi suất

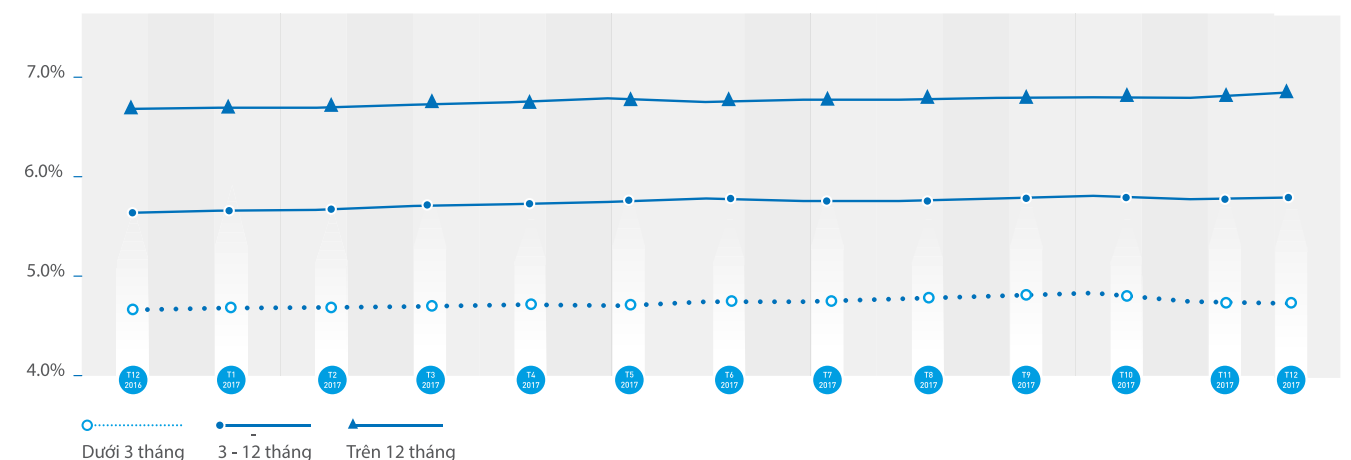
Danh mục tiền gửi và trái phiếu của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con chịu ảnh hưởng của biến động lãi suất. Lãi suất thay đổi có thể ảnh hưởng đến giá trị hợp lý của danh mục đầu tư (tiền gửi và trái phiếu), thu nhập lãi và việc tái đầu tư. Ngoài ra, rủi ro lãi suất còn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm, khi lãi suất thay đổi có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty bảo hiểm và quyền lợi của chủ hợp đồng. Trong danh mục đầu tư toàn Tập đoàn và các Công ty con, các khoản đầu tư trái phiếu và tiền gửi có lãi suất cố định chiếm tỷ trọng lớn và được nắm giữ phù hợp để đáp ứng các khoản phải trả trong tương lai.

Trong năm 2017, lãi suất huy động có xu hướng đi ngang ở các kỳ hạn ngắn (dưới 12 tháng) và tăng nhẹ tại các kỳ hạn dài (từ 12 tháng trở lên), lãi suất tiền gửi bình quân cao hơn năm 2016.

Đối với các sản phẩm của Bảo Việt Nhân thọ, rủi ro lãi suất liên quan đến các loại hình bảo hiểm truyền thống có thể được giảm thiểu thông qua việc chia sẻ thu nhập với người tham gia bảo hiểm theo cơ chế các hợp đồng có cấu phần không đảm bảo.

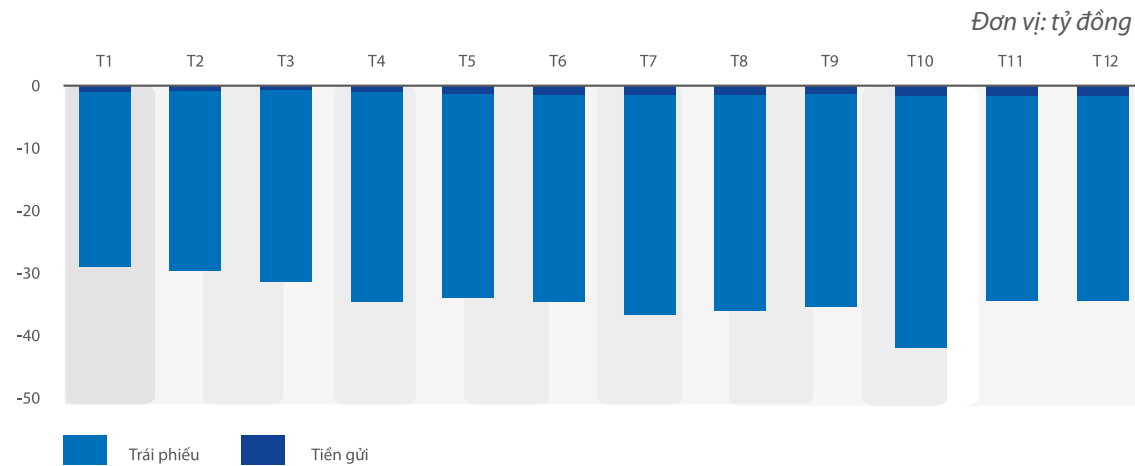
Bên cạnh đó, công tác dự báo lãi suất thị trường luôn được Tập đoàn chú trọng và thực hiện định kỳ trong các báo cáo để kịp thời đưa ra các quyết định quản lý và đầu tư.

Lãi suất bình quân bằng VNĐ các ngân hàng



Hiện tại, Tập đoàn sử dụng các thước đo Duration và PVO1 để đánh giá độ nhạy của danh mục tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu đối với lãi suất.

PV01 toàn danh mục đầu tư lãi suất cố định



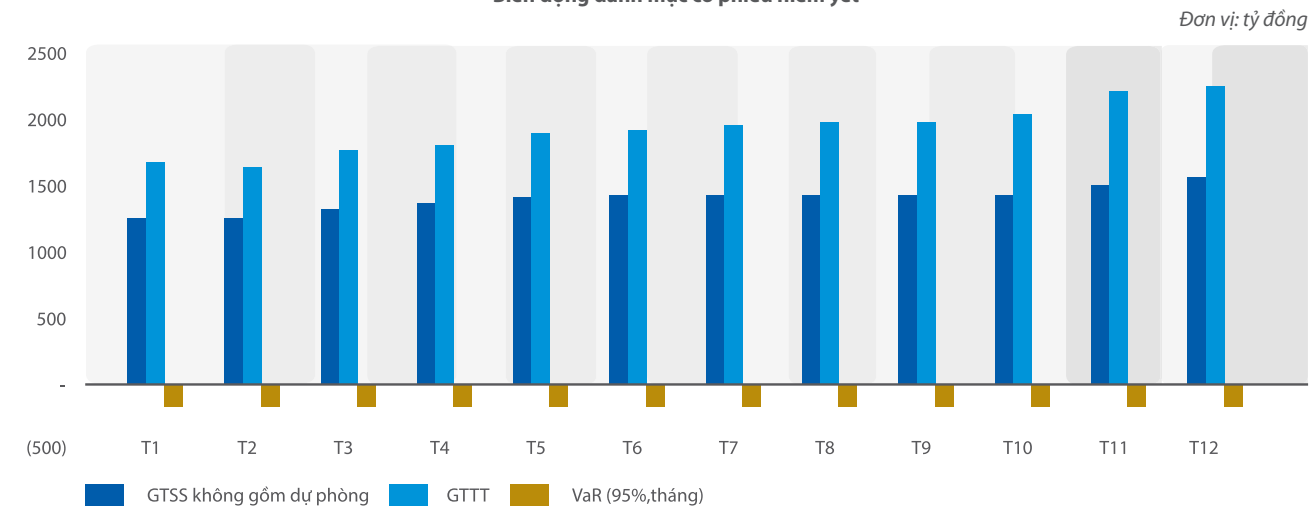
Tập đoàn Bảo Việt thường xuyên rà soát và lựa chọn kỳ hạn tái đầu tư hợp lý để giảm thiểu ảnh hưởng của rủi ro lãi suất trong khi vẫn bảo đảm mục tiêu lợi nhuận và tính thanh khoản của Tập đoàn và các Công ty con.

Năm 2018, mặt bằng lãi suất được dự báo sẽ đi ngang so với năm 2017 hoặc biến động giảm trong vùng hẹp (mức độ giảm của lãi suất phụ thuộc vào CPI, tốc độ tăng trưởng tín dụng...). Lãi suất liên ngân hàng và huy động dự báo ổn định trong nửa đầu năm và chịu áp lực tăng trong nửa cuối năm. Dự báo này vẫn nằm trong các kịch bản mà Tập đoàn đang thực hiện.

Rủi ro giá cổ phiếu

Danh mục đầu tư cổ phiếu toàn Tập đoàn bao gồm cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Danh mục cổ phiếu niêm yết chịu ảnh hưởng trực tiếp từ biến động của thị trường chứng khoán. Danh mục cổ phiếu chưa niêm yết có thể thay đổi bất lợi nếu điều kiện thị trường và tình hình tài chính của doanh nghiệp xấu đi. Danh mục cổ phiếu của Tập đoàn được đầu tư đa dạng hóa theo các ngành, lĩnh vực khác nhau và tỷ trọng đầu tư cổ phiếu giữ ở mức tương đối thấp trong toàn danh mục đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro này thông qua việc xây dựng hạn mức đầu tư vào một ngành, một công ty hoặc nhóm công ty; phân tích rủi ro ảnh hưởng đến danh mục khi có biến động lớn của thị trường. Tỷ trọng cổ phiếu chiếm 4% danh mục đầu tư tài chính toàn Tập đoàn, không đổi so với năm 2016.

Biến động danh mục cổ phiếu niêm yết



Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con sử dụng thước đo Giá trị rủi ro ("VaR") để giám sát và giới hạn rủi ro cổ phiếu niêm yết. Thước đo VaR dùng để ước tính tổn thất tối đa có thể xảy ra khi có những biến động bất lợi trong khoảng thời gian nhất định (1 ngày, 1 tuần, 1 tháng), với mức độ tin cậy cho trước (95%).

Giá trị rủi ro VaR (95%, 1 tháng) bình quân năm 2017 xấp xỉ 167 tỷ đồng, cao hơn 40 tỷ đồng so với bình quân năm 2016, do giá trị thị trường bình quân của danh mục năm 2017 tăng. Giá trị VaR (95%, 1 tháng) tương đối (bằng Giá trị VaR/Giá trị thị trường) toàn Tập đoàn năm 2017 giảm dần, dao động xung quanh mức 8,5% (so với mức 8,8% của năm 2016).

Ngoài ra, Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con sử dụng phương pháp phân tích kịch bản "stress-testing" để đánh giá những ảnh hưởng đối với danh mục đầu tư trong các điều kiện thị trường khác nhau. Các kịch bản này được cập nhật và theo dõi hàng tháng thông qua Báo cáo rủi ro hàng tháng.

Đối với danh mục cổ phiếu chưa niêm yết (OTC), Tập đoàn sử dụng phương pháp phân tích cơ bản, theo dõi, giám sát tình hình tài chính và phi tài chính của các công ty Tập đoàn góp vốn đầu tư thông qua những Người đại diện phần vốn góp của Tập đoàn tại các công ty đó. Các thông tin liên quan đến các công ty trong danh mục cổ phiếu chưa niêm yết bao gồm giá thị trường của cổ phiếu (nếu có) sẽ được cập nhật trong Báo cáo rủi ro hàng tháng, là cơ sở giúp Ban lãnh đạo đưa ra các quyết định kịp thời.

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con. Đơn vị chịu rủi ro ngoại tệ chủ yếu là Bảo hiểm Bảo Việt, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng của rủi ro này là thấp.

Trong danh mục nợ của Bảo hiểm Bảo Việt, một phần công nợ tái bảo hiểm được quy đổi và chốt theo đồng đô la Mỹ. Hình thức thanh toán được áp dụng chủ yếu là thanh toán bù trừ và chỉ thực chi phần chênh lệch. Mức độ ảnh hưởng của biến động tỷ giá đối với hoạt động bảo hiểm là không đáng kể vì Bảo hiểm Bảo Việt luôn có đủ nguồn dự trữ ngoại tệ.

Tập đoàn Bảo Việt sử dụng phương pháp phân tích kịch bản "stress-testing" với các tình huống giả định khác nhau để phân tích ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất với giả định là các yếu tố khác không đổi.

Rủi ro giá chứng chỉ quỹ

Biến động giá chứng chỉ quỹ mà Tập đoàn và các công ty đầu tư và quản lý cũng được xem xét, rà soát và đánh giá thường xuyên. Giá trị Tài sản ròng (NAV) trên mỗi chứng chỉ quỹ có thể tăng hoặc giảm tùy thuộc vào Giá trị Tài sản và những khoản thanh toán của Quỹ phát sinh tùy từng thời điểm trong quá trình hoạt động của Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu do sự giảm giá của các loại chứng khoán như trái phiếu, cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán mà Quỹ đầu tư đã đầu tư.

Kết quả hoạt động trong quá khứ của Quỹ (nếu có) không có nghĩa sẽ bảo đảm cho kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ và cũng không bảo đảm về mục tiêu đầu tư của Quỹ sẽ luôn đạt được.

Việc đầu tư của Quỹ được thực hiện thông qua quá trình nghiên cứu thẩm định thận trọng theo tiêu chí hoạt động của quỹ nhằm lựa chọn cơ hội đầu tư hiệu quả, tăng trưởng cao với mức rủi ro phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty quản lý quỹ Bảo Việt luôn theo dõi chặt chẽ về những biến động và xu hướng của nền kinh tế cũng như cập nhật thường xuyên về kết quả kinh doanh và đánh giá triển vọng trong tương lai để có những chiến lược đầu tư hợp lý.

Quản lý rủi ro thanh khoản, khả năng thanh toán

Mục tiêu của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con là bảo đảm cân đối các nguồn lực tài chính để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn và duy trì mức thanh khoản, khả năng thanh toán ở mức thích hợp đáp ứng quy định hiện hành và yêu cầu kinh doanh hàng ngày. Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro có thể phát sinh, Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con tiếp tục phân tích thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính và thông tin về dòng tiền ước tính. Phân tích các nhu cầu thanh khoản trong quá khứ để phát hiện những biến động về nhu cầu này và các nhân tố ảnh hưởng. Mức độ thanh khoản của Tập đoàn được định kỳ xem xét và báo cáo cho Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO). Ủy ban sẽ rà soát mức độ thanh khoản, hiệu quả đầu tư và xác định các hành động phù hợp.

Trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, các yêu cầu về bảo đảm khả năng thanh toán được quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính. Bảo Việt Nhân thọ duy trì nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ nợ và các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Ngoài ra, Bảo Việt Nhân thọ cũng xem xét và thiết lập một mức độ hợp lý về các quỹ hoạt động, đồng thời xây dựng kế hoạch chi trả định kỳ.

Trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, Bảo hiểm Bảo Việt luôn tuân thủ và duy trì biên khả năng thanh toán phù hợp với các quy định của pháp luật để đáp ứng những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh, bảo đảm lợi ích của các chủ hợp đồng và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Hiện tại, Tập đoàn và các Công ty con không có các khác biệt trọng yếu giữa dòng tiền tương lai của tài sản và trách nhiệm trong ngắn hạn.

Quản lý rủi ro tích tụ

Rủi ro tích tụ có thể phát sinh từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm và hoạt động đầu tư tài chính.

Cách thức đo lường, giám sát và quản lý rủi ro tích tụ:

- Rủi ro tích tụ được đo lường bằng cơ cấu tài sản, doanh thu phí bảo hiểm, giá trị chi trả/ bồi thường theo đối tượng khách hàng, theo địa bàn và/ hoặc lĩnh vực kinh doanh.
- Rủi ro tích tụ được giám sát bằng hệ thống báo cáo hàng tháng từ bộ phận kinh doanh trực tiếp tới Ban điều hành, báo cáo hàng quý tới RMC Tập đoàn và RMC Công ty con.
- Rủi ro tích tụ được quản lý bằng hạn mức, quy trình và thủ tục phân quyền ra quyết định.

Quản lý rủi ro tích tụ từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Rủi ro tích tụ bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt bao gồm hầu hết các loại rủi ro bảo hiểm phi nhân thọ như rủi ro bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, rủi ro bảo hiểm tàu thủy, rủi ro bảo hiểm hàng không, rủi ro bảo hiểm dầu khí, rủi ro bảo hiểm tài sản, rủi ro bảo hiểm con người, rủi ro bảo hiểm kỹ thuật... Do vậy, ngoài rủi ro tích tụ cùng loại rủi ro, Bảo hiểm Bảo Việt còn đối mặt với rủi ro tích tụ các loại rủi ro liên quan, chẳng hạn như bảo hiểm đồng thời tàu và hàng, bảo hiểm đồng thời tài sản và con người... Bảo hiểm Bảo Việt đã có quy định về quản

lý rủi ro tích tụ và mua các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ để giới hạn mức trách nhiệm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Những rủi ro chính đối với Bảo Việt Nhân thọ như rủi ro tai nạn, rủi ro bệnh tật, rủi ro tuổi thọ, rủi ro từ hoạt động đầu tư, rủi ro chi phí, rủi ro từ việc ra quyết định của người được bảo hiểm không có khác biệt lớn giữa các vùng miền, theo loại hình được bảo hiểm hay theo ngành.

Chiến lược khai thác bảo hiểm nhân thọ của Bảo Việt Nhân thọ đảm bảo những rủi ro bảo hiểm được đa dạng cả về loại hình và mức độ của các quyền lợi bảo hiểm. Hoạt động khai thác bảo hiểm được triển khai trên tất cả các ngành, vùng lãnh thổ, theo đặc thù về sức khỏe, nghề nghiệp của những người làm việc trong từng ngành, rà soát thường xuyên các vụ bồi thường thực tế và quy trình định giá các sản phẩm bảo hiểm cũng như quy trình giải quyết bồi thường. Các hạn mức khai thác được thực hiện nhằm đảm bảo các tiêu chí lựa chọn rủi ro phù hợp. Ví dụ, Bảo Việt Nhân thọ có quyền không tái tục các hợp đồng bảo hiểm riêng lẻ, có thể áp dụng các mức khấu trừ và có quyền từ chối thanh toán các khiếu nại gian lận.

Quản lý rủi ro tích tụ từ hoạt động đầu tư tài chính

Nhằm giảm thiểu rủi ro tích tụ trong đầu tư, chiến lược quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt dựa trên nguyên tắc đa dạng hóa danh mục đầu tư:

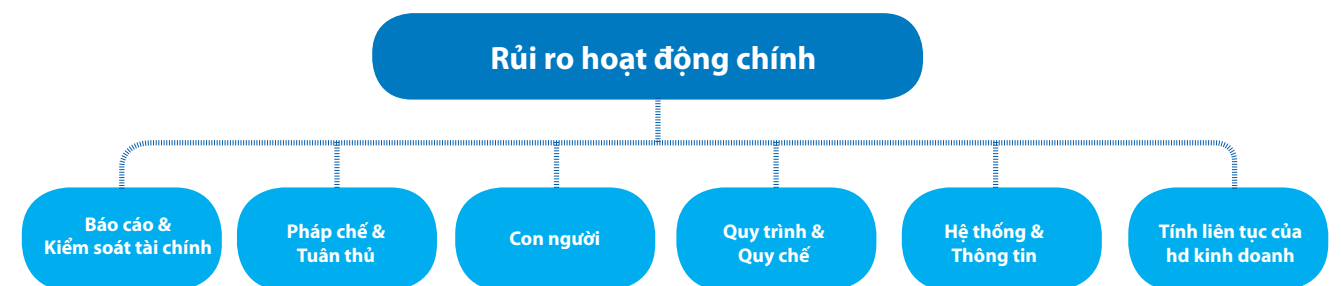
- Đa dạng hóa với nhiều loại tài sản (ví dụ như đầu tư vào: cổ phiếu, trái phiếu, tiền gửi, chứng chỉ quỹ...) nhằm đa dạng hóa tài sản đầu tư và giảm thiểu các rủi ro phát sinh;
- Đa dạng hóa với một loại tài sản (ví dụ đầu tư trái phiếu bao gồm: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp hoặc trái phiếu chính quyền địa phương...);
- Đa dạng hóa ngành nghề: mở rộng phạm vi đầu tư vào các công ty, lĩnh vực không có sự liên kết, sở hữu chéo với nhau... để có thể giảm thiểu được sự biến động giá cả trong danh mục đầu tư;
- Đa dạng hóa theo vốn hóa thị trường: Phân bổ danh mục đầu tư vào các cổ phiếu của công ty có quy mô khác nhau sẽ giúp đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Quản lý rủi ro hoạt động

- Các loại rủi ro hoạt động chủ yếu bao gồm: rủi ro liên

quan đến Báo cáo và Kiểm soát tài chính; Pháp chế và Tuân thủ; Con người; Quy trình và Quy chế; Hệ thống và Thông tin; Tính liên tục của hoạt động kinh doanh. Tập đoàn Bảo Việt sử dụng phương pháp tiếp cận định tính, định lượng hoặc kết hợp cả hai để đánh giá và xử lý các rủi ro hoạt động phát sinh.

- Khung quản lý rủi ro hoạt động được RMC phê duyệt, triển khai từ năm 2012 và được truyền thông đến các Công ty con nhằm kiểm soát rủi ro hoạt động một cách hệ thống.
- Các rủi ro hoạt động được báo cáo trong bảng đánh giá rủi ro tại các cuộc họp RMC Tập đoàn và RMC Công ty con. Mỗi loại rủi ro hoạt động chính đều có các tiêu chí nhận diện, đánh giá cụ thể, các rủi ro trọng yếu trong kỳ được phân tích và đưa ra hành động cần thực hiện nhằm giảm thiểu tổn thất từ rủi ro này.



Nhiệm vụ trọng tâm của năm 2017 là đầu tư hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin theo chuẩn mực quốc tế, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, hiệu quả và an toàn. Do đó, Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con tiếp tục tăng cường quản lý rủi ro liên quan tới hệ thống công nghệ thông tin, chú trọng các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin và tính liên tục trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và các Công ty con như:

- Quản lý an toàn thông tin tại Tập đoàn Bảo Việt theo thông lệ và tiêu chuẩn tốt nhất như ISO 27001:2013, ITIL, Cobit.
- Bảo vệ Bảo Việt và khách hàng tránh những cuộc tấn công có chủ đích và thất thoát dữ liệu kinh doanh, thông tin khách hàng.
- Giảm thiểu, phòng tránh những ảnh hưởng do rủi ro của hệ thống công nghệ thông tin khi bị sự cố an toàn thông tin.
- Áp dụng các kỹ thuật tiên tiến với kiến trúc IT security toàn diện để cung cấp sản phẩm và dịch vụ tới khách hàng một cách hoàn hảo, tạo niềm tin đối với thương hiệu Bảo Việt.

Năm 2017, Các Tập đoàn lớn trở thành mục tiêu của các cuộc tấn công chủ yếu về mã độc đặc biệt là Virus mã hóa và WannaCry, tấn công mạng có tổ chức thông qua

email, website và DDos,... Bảo Việt đã triển khai các biện pháp tăng cường an toàn thông tin, gia cố hệ thống để giảm thiểu các rủi ro về sự cố công nghệ thông tin như sau:

- Triển khai hệ thống dự phòng thảm họa (DR) để nâng cao tính sẵn sàng của Hệ thống công nghệ thông tin nhằm cung cấp các dịch vụ cho khách hàng và các hoạt động sản xuất kinh doanh được ổn định, liên tục.
- Định kỳ thực hiện các đợt diễn tập ứng phó với các rủi ro an toàn hệ thống thông tin về các tình huống dừng dịch vụ công nghệ thông tin, các cuộc tấn công mạng có chủ đích để đảm bảo các hoạt động tác nghiệp phục vụ kinh doanh và cung cấp dịch vụ cho khách hàng được liên mạch.
- Xây dựng Trung tâm giám sát an ninh thông tin (SOC) sử dụng các công nghệ tiên tiến dựa trên nền Big Data và thu thập thông tin tình báo an ninh (Threat Intelligence) trong môi trường điện toán đám mây để thực hiện giám sát an ninh hệ thống công nghệ thông tin nhằm phát hiện và cảnh báo, xử lý các tình huống bị tấn công mạng, khai thác điểm yếu bảo mật, các hành vi bất thường, nghi ngờ gian lận trong hệ thống công nghệ thông tin của Bảo Việt.
- Triển khai và vận hành các giải pháp kỹ thuật phòng thủ nhiều lớp, có chiều sâu từ: bảo vệ vật lý; an ninh

máy trạm, máy chủ; an ninh mạng theo các phân lớp bảo vệ và bảo mật cho tầng ứng dụng. Bên cạnh đó là thực hiện các quy trình bảo vệ dữ liệu trong quá trình sử dụng, phát triển hệ thống công nghệ thông tin.

- Đào tạo truyền thông cho người dùng về nhận thức an ninh bảo mật, thực hiện các quy định về bảo vệ tài sản công nghệ thông tin, dữ liệu kinh doanh và thông tin khách hàng.
- Thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro thất thoát dữ liệu kinh doanh, bảo vệ thông tin của khách hàng bằng các công cụ phòng chống thất thoát dữ liệu DLP, mã hóa, kiểm soát truy cập, phân cấp phân quyền và giám sát tuân thủ...
- Thực hiện đánh giá an ninh hệ thống công nghệ thông tin để kịp thời và các điểm yếu bảo mật, theo dõi các lỗ hổng mới phát hiện để kịp thời xử lý ngăn chặn khai thác tấn công.
- Thực hiện các đợt đánh giá nội bộ đảm bảo và duy trì hệ thống quản lý an toàn thông tin (ISMS) theo tiêu chuẩn ISO 27001:2013. Bên cạnh đó phối hợp với các công ty kiểm toán, đối tác/khách hàng lớn kiểm tra các kiểm soát (IT Security control) để đảm bảo Bảo Việt tuân thủ các cam kết bảo mật thông tin, thực hiện các hành động, biện pháp giảm thiểu rủi ro để bảo vệ dữ liệu khách hàng.

Các thách thức, rủi ro về an toàn thông tin năm 2018 và các biện pháp thực hiện của Bảo Việt:

Theo khảo sát của các cơ quan, tổ chức an ninh mạng thì năm 2018 Việt Nam tiếp tục là đích của các đợt tấn công mạng, đặc biệt là khai thác Virus mã hóa đòi tiền chuộc cũng như khai thác lỗ hổng bảo mật để tận dụng tài nguyên hệ thống công nghệ thông tin đào bitcoin. Bên cạnh đó các cuộc tấn công có chủ đích các ứng dụng quan trọng cũng là mục tiêu đến của các tổ chức Hacker nhằm ăn cắp dữ liệu, phá hoại hệ thống làm mất uy tín, thương hiệu của doanh nghiệp. Cùng với công tác đối phó các thách thức rủi ro từ các cuộc tấn công bên ngoài, Tập đoàn Bảo Việt sẽ chú trọng đến các giải pháp nhằm ứng phó và giảm thiểu các rủi ro, nguy cơ

xảy ra sự cố đối với hệ thống công nghệ thông tin như:

- Hoàn thiện các quy trình diễn tập, kiểm thử các kịch bản chuyển đổi hệ thống từ Trung tâm dữ liệu (DC) sang Trung tâm dự phòng thảm họa.
- Thực hiện các kịch bản ứng phó với các sự cố an toàn hệ thống thông tin để đảm bảo các hoạt động kinh doanh và phục vụ khách hàng được liên tục.
- Triển khai các giải pháp an ninh bảo mật với công nghệ tiên tiến để đáp ứng các thách thức cần bảo vệ dữ liệu kinh doanh và xu hướng tấn công mạng hiện nay.
- Thực hiện nâng cao chất lượng về quản lý rủi ro công nghệ thông tin và vận hành dịch vụ công nghệ thông tin theo các tiêu chuẩn quốc tế với thông lệ tốt nhất như Cobit, ITIL, CIS...
- Tăng cường các biện pháp quản lý hành chính để cán bộ, nhân viên tuân thủ các quy định, chính sách về an toàn hệ thống thông tin cũng như nâng cao nhận thức về sử dụng công nghệ thông tin phòng tránh các mối đe dọa từ bên ngoài tấn công mạng, lừa đảo người sử dụng.
- Chủ động giám sát an ninh hệ thống công nghệ thông tin và đánh giá bảo mật trong quá trình xây dựng, vận hành và bảo trì hệ thống để cập nhật bản vá và phòng tránh các điểm yếu bảo mật, ngăn ngừa các rủi ro có thể xuất hiện từ hệ thống công nghệ thông tin.

Quản lý rủi ro danh tiếng

Rủi ro danh tiếng có thể phát sinh từ sự ảnh hưởng của các rủi ro khác, đặc biệt từ rủi ro tuân thủ: cán bộ nhân viên vi phạm pháp luật, các vấn đề trong hoạt động của Đơn vị thành viên, gây ảnh hưởng đến danh tiếng toàn hệ thống, từ việc rò rỉ thông tin nội bộ, từ các phát ngôn mất kiểm soát gây ảnh hưởng đến uy tín doanh nghiệp hoặc từ những nguồn thông tin không chính thống, từ việc không tuân thủ các quy định về công bố thông tin bắt buộc (công bố thông tin chậm, không đầy đủ, kịp thời...).

Các hoạt động của doanh nghiệp, các hành vi, thái độ của nhân viên hoặc bên thứ ba làm ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh doanh nghiệp, kỳ vọng, niềm tin của các bên liên quan.

Năm 2017, rủi ro danh tiếng được kiểm soát tốt, các biện pháp đo lường, giám sát và quản lý như sau:

- Đo lường bằng thái độ, phản ứng của các bên liên quan gồm chính quyền, báo chí, khách hàng, và người lao động.
- Giám sát, theo dõi bằng các bài báo của các cơ quan báo chí, các chỉ số từ trung tâm dịch vụ khách hàng.
- Quản lý bằng các quy trình, thủ tục, sổ tay hướng dẫn, Quy chế xử lý khủng hoảng truyền thông.
- Tổ chức đào tạo và truyền thông cho các cán bộ và lãnh đạo trong Tập đoàn về Xử lý khủng hoảng truyền thông và các khóa đào tạo chuyên đề về quản lý rủi ro danh tiếng.

Quản lý rủi ro chiến lược

Rủi ro chiến lược là rủi ro khi doanh nghiệp đề ra chiến lược phát triển không phù hợp; doanh nghiệp không có khả năng nhận biết và phản ứng một cách phù hợp với các cơ hội và thách thức phát sinh do tình hình thị trường thay đổi.

Các căn cứ để đánh giá rủi ro chiến lược:

- Chiến lược giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020 của Tập đoàn và kế hoạch triển khai chiến lược.

- Chiến lược huy động vốn có thể gặp rủi ro khi môi trường vĩ mô còn nhiều biến động, ảnh hưởng đến việc gia tăng chi phí vốn khi phát hành trái phiếu, cổ phiếu.

- Quyết định hoặc thực hiện chiến lược đầu tư đi chệch những động thái của các nhân tố thị trường như dự báo sai mức thay đổi lãi suất, đầu tư vào các thị trường mới không hiệu quả.

- Đầu tư hệ thống CNTT không theo kịp tăng trưởng của Quy mô kinh doanh.

- Giải pháp triển khai hợp lực, bán chéo sản phẩm có thể gặp khó khăn khi các Đơn vị thành viên không đồng bộ về mô hình tổ chức, tiến độ triển khai các dự án CNTT chậm, hệ thống CNTT giữa các đơn vị khác nhau.

Rủi ro chiến lược được đo lường, giám sát và quản lý thông qua:

- Đo lường bằng các chỉ số tài chính và phi tài chính của việc thực hiện chiến lược hàng năm.
- Giám sát, theo dõi bằng hệ thống báo cáo phân tích hàng tuần/ tháng/ quý của các nhân tố kinh tế vĩ mô, kết quả kinh doanh, kết quả thực hiện chiến lược cho Ban điều hành, Hội đồng quản trị.
- Quản lý bằng việc phân tích kịch bản sự biến động các nhân tố kinh tế vĩ mô và các nhân tố nội tại để xem xét tính khả thi của chiến lược hàng năm.

QUẢN LÝ RỦI RO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Rủi ro phát triển bền vững có thể phát sinh khi có các tác động ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của Bảo Việt; các tác động từ hoạt động kinh doanh của Bảo Việt đối với môi trường, xã hội, hoặc từ việc cung cấp các dịch vụ tài chính cho các đối tác hoặc dự án dẫn đến những tác động gián tiếp đối với con người hoặc môi trường. Để quản lý tốt các rủi ro này, thể hiện trách nhiệm đối với môi trường và xã hội, chú trọng quản lý chuỗi cung ứng, tạo ra giá trị bền vững cho Bảo Việt cũng như tất cả các đối tác, khách hàng và cộng đồng. Tập đoàn Bảo Việt luôn hướng tới hoạt động thiết thực để phát triển doanh nghiệp gắn với hoạt động bảo vệ môi trường và xây dựng cộng đồng thịnh vượng.

Bảo Việt là Tập đoàn kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính. Do vậy, các rủi ro từ môi trường xã hội có tác động trực tiếp đến các nghiệp vụ kinh doanh của Bảo Việt, đặc biệt là nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm. Mục tiêu quản lý rủi ro bảo hiểm của Bảo Việt là kiểm soát được quy mô và mức độ tổn thất phát sinh từ các rủi ro bảo hiểm và bảo đảm với mức chi phí hợp lý kết quả sẽ thu được lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Mục tiêu quản lý rủi ro phát triển bền vững của Tập đoàn Bảo Việt là duy trì và phát triển doanh nghiệp gắn với hoạt động bảo vệ môi trường và đóng góp xây dựng cộng đồng, xã hội. Một trong những động lực chính làm gia tăng nhu cầu đối với việc áp dụng quản lý rủi ro phát triển bền vững là yêu cầu tuân thủ ngày càng nghiêm ngặt các quy định của pháp luật trong nước và quốc tế trong quá trình quản trị, điều hành doanh nghiệp.

Năm 2017, Bảo Việt đã chú trọng thực hiện quản lý rủi ro phát triển bền vững trên các khía cạnh:

Các khía cạnh được đo lường, giám sát và quản lý như sau:

- Đo lường bằng chỉ số tài chính và phi tài chính về mức độ ảnh hưởng.
- Giám sát theo dõi định kỳ hàng quý tại Hội đồng quản lý rủi ro của Tập đoàn.
- Quản lý bằng quy trình, thủ tục, quy chế; thực hiện kiểm toán nội dung Phát triển bền vững.



TÁC ĐỘNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG HỆ THỐNG BẢO VIỆT

Chiến lược phát triển bền vững:

Chúng tôi xây dựng và tích hợp tầm nhìn về phát triển bền vững của Tập đoàn vào chiến lược kinh doanh, đảm bảo mục tiêu lợi nhuận của doanh nghiệp, cổ tức cho các cổ đông và mục tiêu phát triển bền vững.

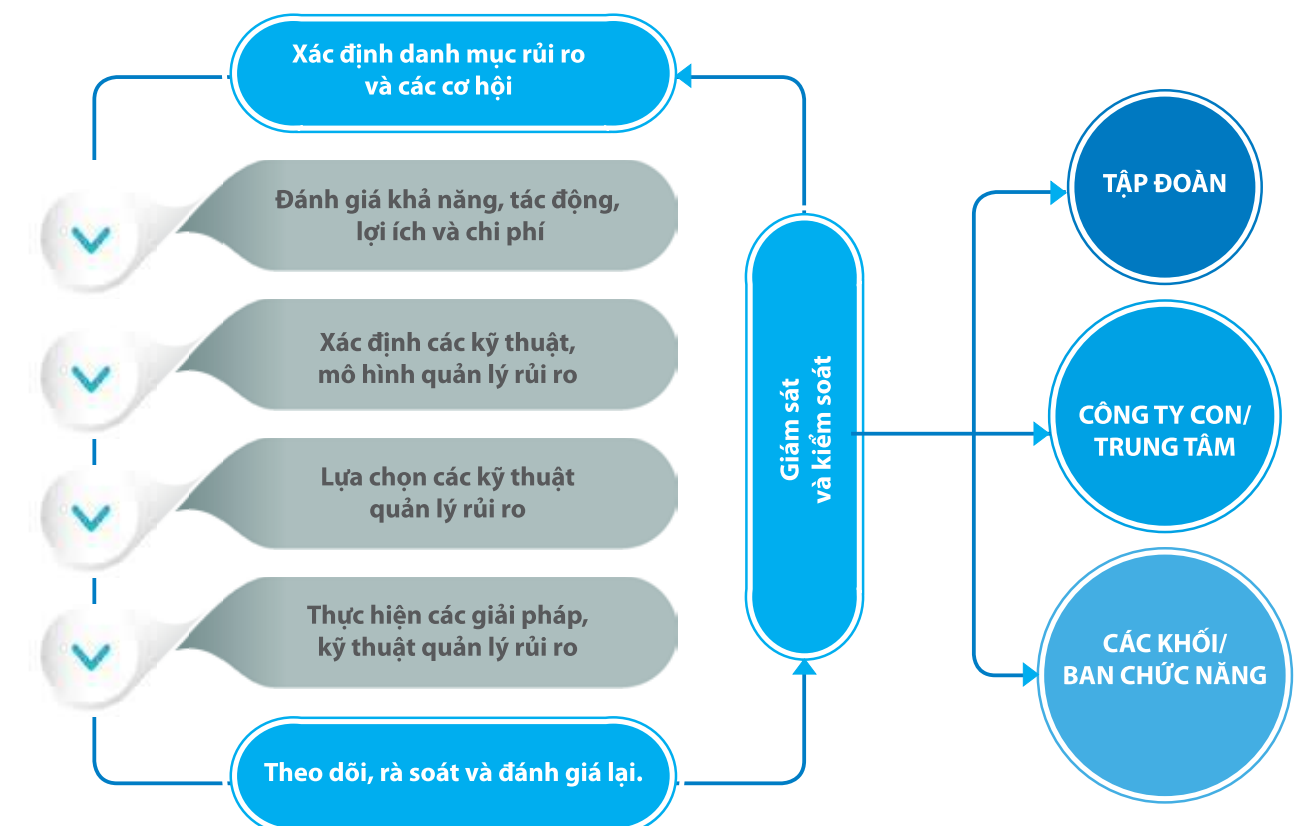
Xây dựng chính sách quản lý rủi ro phát triển bền vững, thực hiện có hệ thống các quy trình để bảo đảm áp dụng thống nhất các chính sách, rà soát các yếu tố có rủi ro phát triển bền vững, đo lường và báo cáo về hiệu quả của hoạt động của Bảo Việt đối với phát triển bền vững.

Quy trình quản lý rủi ro gắn với phát triển bền vững

Rủi ro và cơ hội được ví như hai mặt của một đồng tiền và việc thực hiện quản lý rủi ro cũng chính là để tối đa hóa các lợi ích phát triển bền vững. Quy trình quản lý rủi ro phát triển bền vững cung cấp một bộ công cụ mới để tạo ra các chiến lược và chiến thuật bền vững có hiệu quả. Quy trình này bao gồm các bước cơ bản sau:

- Xác định danh mục tổn thất (rủi ro) và các cơ hội phát triển bền vững.
- Đánh giá khả năng xảy ra, tác động, lợi ích và chi phí của các rủi ro và cơ hội.
- Xác định các kỹ thuật, mô hình quản lý rủi ro để tối đa hóa các cơ hội và lợi ích phát triển bền vững.
- Lựa chọn và kết hợp các kỹ thuật tốt nhất để quản lý rủi ro phát triển bền vững.
- Thực hiện các giải pháp, kỹ thuật quản lý rủi ro phát triển bền vững đã lựa chọn.
- Theo dõi, hiệu chỉnh, đánh giá lại.

Quy trình quản lý rủi ro gắn với phát triển bền vững



Việc xác định các rủi ro và cơ hội là nền tảng của quy trình quản lý rủi ro phát triển bền vững. Đây không phải là một bước công việc đơn giản; nó đòi hỏi sự phân tích và hiểu biết sâu sắc về tổ chức doanh nghiệp, để phát hiện những rủi ro mà doanh nghiệp phải đối mặt và những lợi ích, cơ hội tiềm năng. Nếu việc xác định các rủi ro và cơ hội càng được thực hiện, phân tích toàn diện thì việc xây dựng kế hoạch và chiến thuật quản lý rủi ro càng trở nên mạnh mẽ hơn. Nó đòi hỏi được thực hiện liên tục, vì môi trường hoạt động kinh doanh của luôn vận động, thay đổi.

Quy trình quản lý rủi ro được thiết kế đồng bộ và có sự gắn kết với việc xây dựng và thực thi chiến lược phát triển bền vững của Tập đoàn Bảo Việt, cho phép Bảo Việt xác định và phân loại các rủi ro và cơ hội phát triển bền vững. Chúng tôi đã xây dựng "bản ghi nhận rủi ro" để ghi lại những rủi ro chủ yếu có thể phát sinh (cùng với bối cảnh và thông tin chi tiết) và đưa ra các biện pháp quản lý phù hợp.

Báo cáo tài chính và báo cáo quản trị:

Bảo Việt xây dựng các cơ chế cung cấp báo cáo tài chính và các thông tin phi tài chính, tăng cường minh bạch thông tin khi cung cấp tới các bên liên quan, thiết lập hình ảnh tích cực về doanh nghiệp trong mắt các nhà đầu tư và công chúng. Thông tin phục vụ công tác quản trị của các bộ phận chức năng luôn được thông suốt, đảm bảo các thông tin hoạt động, thông tin tài chính được báo cáo tới Lãnh đạo Tập đoàn kịp thời, chính xác.

Tuân thủ và kiểm soát nội bộ:

Cùng với hệ thống kiểm soát nội bộ, việc đánh giá các rủi ro tuân thủ giúp Bảo Việt thực hiện chiến lược phát triển bền vững trong từng lĩnh vực kinh doanh của Bảo Việt và xuyên suốt trong toàn hệ thống. Chúng tôi đánh giá rủi ro tuân thủ các quy định pháp luật, các quy định nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt, các quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Bảo Việt luôn tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin, nhằm tạo niềm tin của nhà đầu tư vào một thị trường minh bạch. Thông tin chính xác, kịp thời không chỉ mang ý nghĩa với thị trường, các nhà đầu tư mà còn giúp cho các doanh nghiệp sẽ có cơ hội tạo dựng, nâng cao uy tín của mình và hướng đến sự phát triển bền vững.

Bảo mật thông tin:

Trong quá trình giao dịch với khách hàng, Tập đoàn Bảo Việt và các Đơn vị thành viên nắm giữ nhiều thông tin liên quan đến quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, tình hình tài chính hay những thông tin cá nhân của khách hàng... Những thông tin này cần phải được bảo

vệ để không bị khai thác, sử dụng trái phép. Việc không giữ bí mật thông tin khách hàng thường sẽ làm mất lòng tin (và có thể gây thiệt hại) cho khách hàng, giảm uy tín của Bảo Việt. Vì vậy, ý thức được tầm quan trọng của việc bảo mật thông tin cho khách hàng và Tập đoàn Bảo Việt, chúng tôi đã áp dụng các biện pháp chống thất thoát dữ liệu và an toàn hệ thống nhằm hỗ trợ sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

Tập đoàn Bảo Việt đã đầu tư xây dựng Hệ thống quản lý an toàn thông tin nhằm đảm bảo tính bí mật (confidentiality), tính toàn vẹn (integrity) và tính sẵn sàng (availability) đối với tài sản thông tin của Tập đoàn và các Đơn vị thành viên. Năm 2017 Bảo Việt tiếp tục đầu tư hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin theo chuẩn mực quốc tế, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, hiệu quả, chú trọng các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin và tính liên tục trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và các Công ty con như:

- Quản lý an toàn thông tin tại Tập đoàn Bảo Việt theo thông lệ và tiêu chuẩn tốt nhất như ISO 27001:2013, ITIL, Cobit.
- Bảo vệ Bảo Việt và khách hàng tránh những cuộc tấn công có chủ đích và thất thoát dữ liệu kinh doanh, thông tin khách hàng.
- Giảm thiểu, phòng tránh những ảnh hưởng do rủi ro của hệ thống công nghệ thông tin khi bị sự cố an toàn thông tin.
- Áp dụng các kỹ thuật tiên tiến với kiến trúc IT security toàn diện để cung cấp sản phẩm và dịch vụ tới khách hàng một cách hoàn hảo, tạo niềm tin đối với thương hiệu Bảo Việt.
- Phối hợp với các công ty kiểm toán, đối tác/khách hàng lớn kiểm tra các bước kiểm soát (IT Security control) để bảo đảm Bảo Việt tuân thủ đầy đủ các cam kết bảo mật thông tin, thực hiện các hành động, biện pháp giảm thiểu rủi ro để bảo vệ dữ liệu khách hàng.
- Triển khai hệ thống dự phòng thảm họa (DR) để nâng cao tính sẵn sàng của Hệ thống công nghệ thông tin nhằm cung cấp các dịch vụ cho khách hàng và các hoạt động sản xuất kinh doanh được ổn định, liên tục.
- Định kỳ thực hiện các đợt diễn tập ứng phó với các rủi ro an toàn hệ thống thông tin về các tình huống dừng dịch vụ công nghệ thông tin, các cuộc tấn công mạng có chủ đích để đảm bảo các hoạt động tác nghiệp phục vụ kinh doanh và cung cấp dịch vụ cho khách hàng được liên mạch.

- Thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro thất thoát dữ liệu kinh doanh, bảo vệ thông tin của khách hàng bằng các công cụ phòng chống thất thoát dữ liệu DLP, mã hóa, kiểm soát truy cập, phân cấp phân quyền và giám sát tuân thủ...
- Đào tạo truyền thông cho người dùng về nhận thức an ninh bảo mật, thực hiện các quy định về bảo vệ tài sản công nghệ thông tin, dữ liệu kinh doanh và thông tin khách hàng.

TÁC ĐỘNG CỦA MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI ĐỐI VỚI BẢO VIỆT

Bảo Việt là Tập đoàn kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính. Do vậy, các rủi ro từ môi trường xã hội có tác động trực tiếp đến các nghiệp vụ kinh doanh của Bảo Việt, đặc biệt là nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm. Mục tiêu quản lý rủi ro bảo hiểm của Bảo Việt là kiểm soát được quy mô và mức độ tổn thất phát sinh từ các rủi ro bảo hiểm và đảm bảo rằng, với mức chi phí hợp lý, kết quả sẽ thu được lợi nhuận từ hoạt động bảo hiểm.

Năm 2017, thiên tai liên tục xảy ra và gây thiệt hại trên khắp cả nước, điển hình như 16 cơn bão và 6 áp thấp nhiệt đới. Trong đó có hai cơn bão đặc biệt nghiêm trọng là bão số 10 và số 12 đã gây ảnh hưởng đối với khu vực Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ, đây là những cơn bão mạnh nhất đổ bộ vào khu vực trong vòng nhiều năm và đã gây thiệt hại nghiêm trọng về người, sản xuất và cơ sở hạ tầng trong khu vực và để lại các hậu quả rất nặng nề. Ngoài ra, mưa lớn đã gây một đợt lũ ở mức lịch sử tại một số sông thuộc các tỉnh phía Bắc làm ngập lụt trên diện rộng và ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn hệ thống đê điều trong khu vực. và các trận lũ quét, sạt lở đất trên diện rộng tại các tỉnh miền núi... Những tác động của thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp bảo hiểm.

Bảo Việt sử dụng mô hình đánh giá rủi ro thiên tai (Catastrophe modeling - CAT modeling) nhằm quản lý hiệu quả những rủi ro không xảy ra thường xuyên nhưng có sức tàn phá mạnh do thiên tai. Mô hình này sử dụng các kiến thức khoa học về những hiểm họa để ước tính tổn thất tài chính do các sự kiện có thể xảy ra trong khu vực nghiên cứu. Kết quả này cho phép Bảo Việt xác định mức tái bảo hiểm cần mua phù hợp với mức độ tổn thất với xác suất nhất định.

TÁC ĐỘNG TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA BẢO VIỆT ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

Bảo Việt chú trọng đánh giá các tác động môi trường của từng quá trình kinh doanh, xác định các tác động (trực tiếp và gián tiếp) từ hoạt động kinh doanh của Bảo Việt đến môi trường, xã hội nhằm quản lý và giảm thiểu các rủi ro có thể phát sinh từ hai yếu tố này, góp phần hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững và bảo đảm lợi ích lâu dài cho nhà đầu tư, khách hàng, người lao động và cộng đồng.

Bảo Việt không tham gia trực tiếp vào các hoạt động sản xuất, do vậy chúng tôi đánh giá tác động từ hoạt động của Bảo Việt đối với môi trường, xã hội là rất nhỏ, chủ yếu là các tác động gián tiếp từ chuỗi giá trị của Bảo Việt. Do đó, việc xác định các biện pháp quản lý rủi ro phát triển bền vững phù hợp là rất cần thiết, các biện pháp đó bao gồm:

- *Đánh giá các rủi ro của các dự án đầu tư:* việc đánh giá và xử lý các rủi ro của dự án đầu tư giúp cho Bảo Việt nhìn nhận và giảm thiểu những rủi ro tiềm ẩn có thể gây ra các tác động tiêu cực đối với môi trường và xã hội. Khi thực hiện dự án đầu tư, chúng tôi không chỉ quan tâm đến các giá trị kinh tế của dự án, mà còn quan tâm tới những lợi ích, tác động lâu dài của dự án đối với cộng đồng và xã hội.

- *Đánh giá các rủi ro đối với khách hàng tổ chức tham gia bảo hiểm:* Tập đoàn Bảo Việt và các Đơn vị thành viên chú trọng đánh giá tiêu chí bền vững khi cấp đơn bảo hiểm cho khách hàng tổ chức. Với các khách hàng thuộc khối sản xuất và thương mại, Bảo Việt quan tâm tới khía cạnh hoạt động kinh doanh của khách hàng phải bảo đảm an toàn đối với môi trường, xã hội trong quá trình hoạt động. Các khía cạnh được cân nhắc bao gồm xả rác thải ra môi trường, gây ô nhiễm nguồn nước và xả lượng lớn khí carbon dioxit (CO₂). Bảo Việt sẽ từ chối bảo hiểm cho những doanh nghiệp không đáp ứng được tiêu chí bảo vệ môi trường và xã hội.

Quản lý rủi ro trong hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt đối với môi trường và xã hội, bao gồm các tác động từ hoạt động khai thác, sử dụng các trụ sở, văn phòng làm việc của Bảo Việt. Thông qua việc theo dõi các tác động môi trường từ hoạt động xả thải và tiêu thụ năng lượng tại các đơn vị, Bảo Việt đã thực hiện các biện pháp phù hợp nhằm tiết giảm chi phí hoạt động và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường, xã hội và cộng đồng. Chúng tôi đặt mục tiêu giảm tác động tiêu cực đối với

môi trường hàng năm qua các dự án truyền thông nội bộ như sử dụng tiết kiệm điện, tiết kiệm nước, sử dụng tiết kiệm và tái sử dụng giấy, hạn chế sử dụng bao bì ni-lon và thay thế bằng các loại vật liệu tái chế, thân thiện với môi trường, đồng thời tiến tới sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng hoặc thiết bị sử dụng năng lượng tái tạo. Những dự án này không những nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống mà còn giảm thiểu đáng kể các tác động đối với môi trường và xã hội.

- *Đánh giá các rủi ro liên quan đến môi trường và xã hội của nhà cung cấp:* Bảo Việt xây dựng các tiêu chí đánh giá chất lượng nhà cung cấp như: mô hình quản trị, tác động của nhà cung cấp đối với môi trường và xã hội... Tùy thuộc vào loại hình dịch vụ hoặc sản phẩm của nhà cung cấp mà các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) được chúng tôi đánh giá theo tỷ trọng khác nhau nhằm giảm thiểu các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình hợp tác với các nhà cung cấp, đồng thời hạn chế các tác động gián tiếp của Bảo Việt đối với môi trường, xã hội.

- *Đào tạo và nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân viên* trong toàn hệ thống về các tác động đối với môi trường và xã hội và bảo đảm rủi ro phát triển bền vững được xác định và giảm thiểu phù hợp với các quy định pháp luật và quy định nội bộ của Bảo Việt.

SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CỐT LÕI CỦA BẢO VIỆT HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Bảo hiểm là một trong những lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Tập đoàn Bảo Việt. Trong đà phát triển của nền kinh tế hiện nay, bảo hiểm ngày càng chứng minh được vai trò quan trọng của mình đối với đời sống kinh tế, xã hội. Với tư cách là một loại hình dịch vụ tài chính và là một trong những cơ chế đảm bảo an sinh xã hội trong nền kinh tế quốc dân, thông qua việc xây dựng và triển khai các sản phẩm bảo hiểm, Bảo Việt đã góp phần san sẻ tổn thất, giảm thiểu thiệt hại; Bảo hiểm cũng là một hình thức tiết kiệm linh hoạt, tác động đến tư duy của các cá nhân, hộ gia đình, chủ doanh nghiệp, góp phần hình thành nên một ý thức, thói quen về tiết kiệm một phần thu nhập để có một tương lai an toàn hơn: Trong bảo hiểm nhân thọ, có những hợp đồng bảo hiểm nhân thọ vừa mang tính bảo vệ, vừa mang tính tiết kiệm. Khi không có rủi ro xảy ra, khoản phí bảo hiểm khách hàng đóng có tính chất như những khoản tiền được tích lũy định kỳ.

Hiện nay, Nông nghiệp là ngành kinh tế quan trọng của Việt Nam, nông nghiệp là một trong những ngành có tác động lớn đến nền kinh tế Việt Nam, giá trị sản xuất nông nghiệp đóng góp đáng kể vào GDP. Tuy nhiên, nông nghiệp là lĩnh vực luôn có độ rủi ro cao: dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu và khả năng ứng phó của ngành nông nghiệp còn hạn chế. Vì vậy, để thúc đẩy tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp, nâng cao tỷ trọng đóng góp vào nền kinh tế, cần có những giải pháp đột phá và hiệu quả trong ngành nông nghiệp, hỗ trợ nông dân áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất để tăng chất lượng sản phẩm, người nông dân cần một sự bảo đảm cho thành quả và công sức lao động của mình và bảo hiểm nông nghiệp chính là một trong các giải pháp hỗ trợ hiệu quả nhất.

Bảo hiểm nông nghiệp là một giải pháp tài chính hiệu quả, hỗ trợ sản xuất cho nông dân và thực hiện tốt hơn chính sách an sinh xã hội đối với người dân nông thôn. Bảo hiểm nông nghiệp có những tác dụng lớn đối với lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và đời sống của người nông dân, cụ thể:

- Hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp chủ động khắc phục và bù đắp thiệt hại tài chính do thiên tai, dịch bệnh gây ra, góp phần ổn định đời sống, tạo điều kiện nhanh chóng khôi phục sản xuất.
- Bảo hiểm nông nghiệp giúp thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sản xuất hàng hóa lớn, tăng cường năng lực của tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp tăng cường nhận thức và năng lực quản trị rủi ro.
- Bảo hiểm nông nghiệp là giải pháp bổ sung, bên cạnh các giải pháp tài chính hiện nay của Chính phủ nhằm hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, góp phần giảm nhẹ gánh nặng về ngân sách Nhà nước...
- Bảo hiểm nông nghiệp góp phần thực hiện các chương trình mục tiêu phát triển sản xuất nông nghiệp của Nhà nước.

Tập đoàn Bảo Việt là một trong những doanh nghiệp đầu tiên thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo định hướng của Chính phủ. Quá trình thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp đã đạt được những kết quả nhất định như: Bảo Việt đã xây dựng bộ sản phẩm bảo hiểm nông

nghiệp gồm bảo hiểm cây lúa, vật nuôi, tôm cá; triển khai trên 20 tỉnh/ thành phố; từng bước tuyên truyền cho người dân hiểu và tham gia bảo hiểm nông nghiệp; giúp tất cả nông dân tham gia bảo hiểm đều phải theo quy trình sản xuất tiên tiến; sản xuất an toàn, tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành sản phẩm, từ đó giúp tăng thu nhập; người nông dân tự tin sản xuất, mở rộng quy mô và tích cực ứng dụng tiến bộ kỹ thuật góp phần đa dạng hóa sản phẩm, hàng hóa nông sản. Bảo Việt cũng giúp giảm thiểu rủi ro cho người dân, khi gặp thiên tai sẽ được doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường, có cơ hội tái sản xuất, phát triển bền vững.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ RỦI RO NĂM 2018

Năm 2018, Tập đoàn sẽ tiếp tục nâng cao hiệu quả của hệ thống quản lý rủi ro doanh nghiệp thông qua các giải pháp trọng tâm sau:



Bảo đảm khung quản lý rủi ro thống nhất và xuyên suốt toàn Tập đoàn, tăng cường hợp lực, phối hợp hoạt động quản lý rủi ro giữa Tập đoàn và các đơn vị thành viên để nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý rủi ro toàn Tập đoàn.



Văn bản hóa các quy định trong hoạt động quản lý rủi ro để có cơ sở hướng dẫn và thực hiện được nhất quán tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên.



Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả của các cuộc họp RMC hàng quý tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên, tăng cường gắn kết và hỗ trợ.



Nâng cao hiệu quả của việc trao đổi thông tin, phối hợp giữa 3 tầng phòng thủ.



Sử dụng phương pháp định tính và định lượng để xác định, đánh giá rủi ro, nâng cao khả năng quản lý rủi ro tổng thể, hỗ trợ hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính.



Nâng cao hiệu quả của các báo cáo rủi ro để tham mưu, tư vấn cho Ban Điều hành ra quyết định trong hoạt động kinh doanh; bảo đảm các rủi ro trọng yếu được quản lý và xử lý kịp thời.



Tăng cường quản lý rủi ro cho toàn hệ thống công nghệ thông tin tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên. Tiếp tục triển khai các biện pháp an ninh, bảo mật và nâng cao tính an toàn của hệ thống, giám sát và cảnh báo rủi ro đối với khách hàng, cán bộ nhân viên và các đơn vị liên quan. Thực hiện diễn tập các tình huống giả định trong trường hợp hệ thống công nghệ thông tin xảy ra sự cố, bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống công nghệ thông tin và tính liên tục của hoạt động kinh doanh.



Tiếp tục phát huy văn hóa quản lý rủi ro, tổ chức đào tạo, cập nhật kiến thức quản lý rủi ro trong Tập đoàn, phát triển nguồn nhân lực thực hiện công tác quản lý rủi ro tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

Công tác pháp chế và tuân thủ tại Tập đoàn Bảo Việt được triển khai thực hiện ngay sau khi cổ phần hóa Tổng Công ty Bảo Hiểm Việt Nam vào năm 2007. Pháp chế và tuân thủ là một cấu phần quan trọng giúp tối ưu hóa hệ thống kiểm soát nội bộ thông qua việc xây dựng và thực thi các cơ chế để doanh nghiệp có thể kiểm soát các nguy cơ phát sinh rủi ro trong quá trình tổ chức, điều hành mọi mặt hoạt động của doanh nghiệp. Do đó, công tác pháp chế và tuân thủ tại Bảo Việt hướng đến mục tiêu kiểm soát tuân thủ toàn hệ thống Tập đoàn và Công ty con thông qua việc triển khai xây dựng cơ chế và kế hoạch kiểm soát tuân thủ tiệm cận các chuẩn mực quốc tế về quản trị và giám sát tuân thủ.

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Căn cứ Quyết định số 432/2015/QĐ-HĐQT ngày 02/4/2015 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt về việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức Tập đoàn Bảo Việt; Quyết định số 881/2015/QĐ-TĐBV ngày 19/6/2015 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Khối Quản lý Hoạt động và các Ban thuộc Khối Quản lý Hoạt động, theo đó giao chức năng, nhiệm vụ về công tác pháp chế và tuân thủ cho Khối Quản lý Hoạt động, Ban Pháp chế và Tuân thủ có các chức năng, nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Tham mưu, tư vấn về công tác pháp chế cho Lãnh đạo Tập đoàn, Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động, các Khối/Trung tâm/Đơn vị phụ thuộc trong Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt trong quá trình tổ chức, điều hành mọi mặt hoạt động của Tập đoàn và trong hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tập đoàn.
- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, các quy định nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt, đồng thời báo cáo, khuyến nghị, đề xuất thường xuyên, định kỳ và đột xuất đến Lãnh đạo Tập đoàn,

Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động, các Khối/Trung tâm, Công ty Con và các đơn vị thành viên khác thuộc Tập đoàn Bảo Việt về những nguy cơ có thể xảy ra vi phạm trong quá trình tổ chức và hoạt động để hạn chế các rủi ro pháp lý, thiệt hại.

CÔNG TÁC PHÁP CHẾ VÀ TUÂN THỦ NĂM 2017

Với chức năng, nhiệm vụ như trên, trong năm 2017, Ban Pháp chế và Tuân thủ, Khối Quản lý Hoạt động đã hoàn thành các nhiệm vụ pháp chế, tuân thủ chính như sau:

Về công tác pháp chế:

- Trong năm 2017, Ban Pháp chế và Tuân thủ là đầu mối công tác văn bản với việc tham gia dự thảo hoặc thẩm định pháp lý khoảng trên 70 văn bản và giao dịch, trong đó những văn bản quan trọng như Điều lệ Tập đoàn, Quy chế Quản trị, Điều lệ Công ty con, các quy chế, quy định khác... và 27 quy trình ISO điều chỉnh quá trình tác nghiệp của các nghiệp vụ quan trọng trong Tập đoàn, góp phần hoàn thiện hành lang “pháp lý” về quản trị, điều hành và tác nghiệp cơ bản cho Tập đoàn và Công ty con. Tập đoàn Bảo Việt đã được cấp chứng chỉ ISO 9001 - 2016, Chứng chỉ thực hành 5S...

- Thực hiện tư vấn cho lãnh đạo Tập đoàn, các Khối/Trung tâm/Chi nhánh/Ban chức năng và phối hợp với các Công ty/Văn phòng luật chuyên nghiệp để tư vấn, hỗ trợ nhiều vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình quản lý, điều hành, kinh doanh của Tập đoàn.

- Phối hợp với các Khối/Ban liên quan nhằm nâng cao hiệu quả giám sát: Ban Pháp chế và Tuân thủ, Khối Quản lý Hoạt động đã phối hợp với Khối Kiểm toán nội bộ xây dựng thành công Quy chế phối hợp trong các lĩnh vực pháp chế, tuân thủ, quản lý rủi ro và kiểm toán nội bộ, tạo hành lang pháp lý cho việc triển khai phối hợp công tác trong năm 2017 và các năm tiếp theo.

Về công tác tuân thủ:

- Hoàn thành việc trình HĐQT ban hành Quy chế tuân thủ của Tập đoàn, cho ý kiến để các đơn vị thành viên xây dựng và ban hành Quy chế tuân thủ của các Đơn vị; Trình phê duyệt Kế hoạch tuân thủ năm 2018 của Tập đoàn Bảo Việt và Kế hoạch tuân thủ của các Công ty con Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ.

- Ban hành Bộ Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp làm cơ sở đầu tiên cho việc truyền thông, đào tạo và áp dụng các quy định về ứng xử, đạo đức nghề nghiệp trong Tập đoàn;

- Ban hành Sổ tay văn hóa làm cơ sở cho việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa ứng xử của cán bộ, nhân viên Tập đoàn;

- Tiên phong tổ chức được lớp đào tạo ISO 19600 (Tiêu chuẩn về tuân thủ mới nhất của Tổ chức chứng nhận Quốc tế) cho các cán bộ, nhân viên có liên quan của Tập đoàn.

- Ban hành Khung tuân thủ và hoàn thiện Biểu đồ tuân thủ của các Khối/Chi nhánh/Trung tâm thuộc Tập đoàn Bảo Việt.

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2018

Trong năm 2018, công tác pháp chế và tuân thủ của Tập đoàn Bảo Việt sẽ tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Phát huy vai trò dẫn dắt trong việc nghiên cứu các quy định, chính sách mới để từ đó tư vấn cho lãnh đạo Tập đoàn, các Khối, Trung tâm, Ban trước các vấn đề phát sinh;
- Tham gia đào tạo kiến thức pháp lý, nội dung của các luật mới, có ảnh hưởng đến Tập đoàn cho các cán bộ, nhân viên có liên quan; tham gia sâu hơn vào các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn một cách chuyên nghiệp, hiệu quả hơn nữa.
- Là đầu mối thực hiện rà soát toàn bộ các văn bản nội bộ tại Tập đoàn Bảo Việt để đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và thống nhất hệ thống văn bản nội bộ của Tập đoàn, tạo điều kiện pháp lý thuận lợi cho phát triển hoạt động kinh doanh trên toàn hệ thống.
- Xây dựng, cập nhật Khung tuân thủ, Biểu đồ tuân thủ và Sổ tay tuân thủ của Tập đoàn Bảo Việt theo quy định tại Quy chế tuân thủ của Tập đoàn trong năm 2018; từng bước triển khai việc xây dựng cơ chế và kế hoạch kiểm soát tuân thủ cụ thể, hướng đến mục tiêu kiểm soát tuân thủ toàn hệ thống Tập đoàn và Công ty con theo đúng các chuẩn mực về quản trị tuân thủ của thế giới trong những năm sắp tới.

TIỀN PHONG ÁP DỤNG CHUẨN MỰC QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN (ACGS)

Là một trong những doanh nghiệp niêm yết lớn tại Việt Nam được tham gia đánh giá tình hình quản trị công ty theo ACGS từ năm 2012, Tập đoàn Bảo Việt đã từng bước cải thiện và tiên phong trong việc áp dụng các chuẩn mực quản trị công ty tốt trên thế giới như Quy tắc Quản trị Công ty của OECD và ACGS trong việc xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp tại Bảo Việt.



Nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản trị doanh nghiệp, HĐQT xác định nâng cao chất lượng và năng lực quản trị công ty là một nội dung quan trọng trong định hướng chiến lược của Bảo Việt nhằm xây dựng một hệ thống quản trị vững mạnh trên cơ sở vận dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất, kết hợp với sức mạnh tổng thể của các nguồn lực trong toàn hệ thống để kiểm soát, giám sát các hoạt động của doanh nghiệp một cách có trách nhiệm, minh bạch và hiệu quả.

Hiện tại, Bảo Việt không chỉ tuân thủ các quy định pháp luật về quản trị công ty tại Việt Nam (bao gồm: Luật Doanh nghiệp 2014, Nghị định 71/2017/NĐ-CP, Thông tư 95/2017/TT-BTC, quy định về niêm yết và giám sát niêm yết của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh), mà đã triển khai áp dụng các chuẩn mực của khu vực và trên thế giới.

HOÀN THIỆN HỆ THỐNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ ĐỂ VẬN HÀNH HIỆU QUẢ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Bên cạnh việc xây dựng một cơ cấu quản trị vững mạnh trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam kết hợp với việc vận dụng các thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp, Tập đoàn Bảo Việt đã xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm cổ đông, khách hàng, người lao động và cộng đồng.

Trong năm 2017, sau khi Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty được ban hành, Tập đoàn Bảo Việt đã chủ động sửa đổi, bổ sung bản Điều lệ và Quy chế quản trị của Tập đoàn Bảo Việt và dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 thông qua. Bản Dự thảo Điều lệ và Quy chế quản trị này cũng tham chiếu thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp và tham khảo xu hướng Điều lệ của các doanh nghiệp lớn trên thị trường, hướng tới việc tạo điều kiện tốt hơn cho việc quản trị, tiến hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Bảo Việt.

Bên cạnh đó, trong năm 2017 HĐQT đã chỉ đạo rà soát hoàn thiện và ban hành các Quy chế quản trị nội bộ quan trọng như: Quy chế Quản trị Tập đoàn Bảo Việt; Quy chế đầu tư; Quy chế người đại diện vốn của Tập đoàn Bảo Việt tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tập đoàn, Quy chế Quản lý Tài chính; các Quy chế trong lĩnh vực tổ chức nhân sự,

Việc xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế nội bộ thống nhất và xuyên suốt trên toàn Tập đoàn đã giúp HĐQT và TGD trong việc kiểm soát, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả. Danh mục các Văn bản quản trị nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt cụ thể như sau:

TT	TÊN VĂN BẢN
I	LĨNH VỰC QUẢN TRỊ CÔNG TY
1	Điều lệ Tập đoàn Bảo Việt sửa đổi, bổ sung lần thứ 8 ban hành ngày 26/5/2017
2	Quy chế Quản trị của Tập đoàn Bảo Việt (Ban hành kèm theo Quyết định số 109/2016/QĐ-HĐQT ngày 15/01/2016 của HĐQT)
3	Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (Ban hành kèm theo Quyết định số 1886/2016/QĐ-HĐQT ngày 30/8/2016)
4	Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt
5	Quy chế về mối quan hệ công tác giữa Đảng ủy, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc TĐBV (Ban hành kèm theo Quyết định số 209-ĐU-CQ/TĐBV ngày 04/10/2016)
6	Quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Ủy ban Thù lao và bổ nhiệm TĐBV (Ban hành kèm theo Quyết định số 504/2014/QĐ-HĐQT ngày 07/5/2014)
7	Quy định chức năng nhiệm vụ của Ủy ban Quản lý Tài sản nợ, Tài sản có của TĐBV (Ban hành kèm theo Quyết định số 1181/2009/QĐ-HĐQT ngày 03/11/2009)
8	Quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Ủy ban Kiểm toán TĐBV (ban hành kèm theo Quyết định số 1391/2015/QĐ-HĐQT ngày 16/9/2015)
9	Quy chế tổ chức và hoạt động của Khối Kiểm toán nội bộ (Quyết định số 1039/2015/QĐ-HĐQT ngày 24/7/2015)
10	Quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Ủy ban Chiến lược và Đầu tư TĐBV (Ban hành kèm theo Quyết định số 505/2014/QĐ-HĐQT ngày 07/5/2014)
11	Quyết định số 833/2013/QĐ-HĐQT ngày 14/6/2013 về việc ban hành Quy chế thực hiện Dân chủ của Tập đoàn Bảo Việt
12	Quy chế quản lý và hoạt động của Kiểm soát viên (Ban hành kèm theo Quyết định số 1240/2016/QĐ-HĐQT ngày 10/5/2016)
13	Quyết định số 833/2013/QĐ-HĐQT ngày 14/6/2013 về việc ban hành Quy chế thực hiện Dân chủ của Tập đoàn Bảo Việt
14	Sổ tay Văn hóa Tập đoàn Bảo Việt 2015
15	Bộ Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt (Ban hành kèm theo Quyết định số 126/2016/QĐ-TĐBV ngày 18/01/2016)
16	Quy chế quản lý và sử dụng con dấu của Tập đoàn Bảo Việt và các Đơn vị phụ thuộc (Ban hành kèm theo Quyết định số 1639/2016/QĐ-HĐQT ngày 14/7/2016)

TT	TÊN VĂN BẢN
II. LĨNH VỰC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÁC ĐƠN VỊ	
17	Quyết định số 768/2008/QĐ-TGD ngày 28/8/2008 về việc ban hành Quy chế phân công công việc giữa Tổng Giám đốc Tập đoàn và Giám đốc Khối chức năng của TĐBV.
18	Quyết định 881/2015/QĐ-TĐBV ngày 19/6/2015 về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Khối QLHD và các Ban thuộc Khối Quản lý Hoạt động
19	Quyết định số 882/2015/QĐ-TĐBV ngày 19/6/2015 về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Khối Quản lý Tài chính và các ban thuộc Khối Quản lý Tài chính
III. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, NHÂN SỰ, TIỀN LƯƠNG	
LAO ĐỘNG	
20	Nội quy lao động 2015 ban hành kèm theo Quyết định số 1629/2015/QĐ-TGD ngày 19/10/2015
21	Thỏa ước lao động tập thể 2015
22	Quyết định số 2872/2016/QĐ-TĐBV ngày 30/12/2016 ban hành Quy định quản lý hiệu quả làm việc tại TĐBV
23	Quyết định số 1250/2013/QĐ-TGD ngày 04/9/2013 về việc ban hành Quy định về chấm dứt Hợp đồng lao động tại TĐBV
NHÂN SỰ	
24	Quyết định số 57/2016/QĐ-HĐQT ngày 12/01/2016 về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo chế độ chuyên trách tại Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên do Tập đoàn Bảo Việt sở hữu 100% vốn điều lệ
25	Quyết định số 58/2016/QĐ-HĐQT ngày 12/01/2016 về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm cán bộ giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý theo chế độ chuyên trách thuộc TĐBV
26	Quy chế Tuyển dụng nhân sự của Tập đoàn Bảo Việt (Ban hành kèm theo Quyết định số 717/2016/QĐ-HĐQT ngày 02/02/2016)
27	Quy chế Đào tạo của TĐBV (Ban hành kèm theo Quyết định số 149/2016/QĐ-HĐQT ngày 25/01/2016)
TIỀN LƯƠNG, KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI	
28	Quyết định số 66/2016/QĐ-TĐBV ngày 13/01/2016 về việc ban hành Quy định xếp lương và nâng bậc lương của Tập đoàn Bảo Việt
29	Quyết định số 65/2016/QĐ-TĐBV ngày 13/01/2016 về việc ban hành hệ thống thang bảng lương, phụ cấp lương của Tập đoàn Bảo Việt
30	Quy định về chế độ thù lao, tiền thưởng và chi phí hoạt động đối với KSV, TVHĐQT, TGD và Ban Điều hành TĐBV (Ban hành kèm theo Quyết định số 338/QĐ-HĐQT ngày 08/03/2017)
31	Quy định về chế độ thù lao, tiền thưởng và chi phí hoạt động đối với TVHĐTV và KSV tại các Công ty con do TĐBV làm chủ sở hữu (Ban hành kèm theo Quyết định số 562/QĐ-HĐQT ngày 10/04/2017)
32	Quyết định số 1980/QĐ-TĐBV ngày 20/09/2016 về việc ban hành Quy định Quản lý, sử dụng Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi Tập đoàn Bảo Việt.
33	Quy chế Trả lương của Tập đoàn Bảo Việt (Ban hành Kèm theo Quyết định số 1709/QĐ-HĐQT ngày 28/7/2016)
IV. LĨNH VỰC KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH	
34	Quyết định số 1918/2017/QĐ-HĐQT ngày 27/11/2017 ban hành Quy chế Quản lý tài chính của TĐBV

TT	TÊN VĂN BẢN
35	Quy chế giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với các Doanh nghiệp có vốn đầu tư của TĐBV (Ban hành kèm theo Quyết định số 128/2016/QĐ-HĐQT ngày 20/01/2016)
36	Quyết định số 2382/QĐ-TĐBV ngày 24/11/2016 về việc ban hành Quy định về quản lý chi phí hoạt động của Tập đoàn Bảo Việt
V. LĨNH VỰC KIỂM TOÁN NỘI BỘ	
37	Quyết định số 691/2010/QĐ-UBKT ngày 07/6/2010 về việc ban hành Chuẩn mực đạo đức Kiểm toán viên nội bộ TĐBV
38	Quyết định số 692/2010/QĐ-UBKT ngày 07/6/2010 ban hành Quy trình Kiểm toán nội bộ
39	Quy chế phối hợp nội bộ giữa Khối Kiểm toán nội bộ với các bên liên quan tại Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn điều lệ (Ban hành kèm theo Quyết định số 1518/2015/QĐ-HĐQT ngày 30/9/2015)
VI. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ	
40	Quyết định số 1163/2010/QĐ-HĐQT ngày 15/9/2010 ban hành Quy chế Đầu tư và Quản lý tài sản của TĐBV
41	Quyết định số 623/2012/QĐ-TGD ngày 21/5/2012 về việc Thành lập Hội đồng Đầu tư TĐBV và Quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức hoạt động của Hội đồng Đầu tư TĐBV
42	Quyết định số 761/2015/QĐ-HĐQT ngày 27/5/2015 về việc ban hành Quy chế Người đại diện vốn tại Doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt
43	Quyết định số 762/2015/QĐ-HĐQT ngày 27/5/2015 về việc ban hành Quy chế Đầu tư của Tập đoàn Bảo Việt
VII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ RỦI RO VÀ TUÂN THỦ	
44	Quy chế Quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt (Ban hành kèm theo Quyết định số 1093/2015/QĐ-HĐQT ngày 31/7/2015)
45	Quyết định số 2688/2016/QĐ-TĐBV ngày 22/12/2016 về việc ban hành quy định về Quản lý rủi ro trong đầu tư trái phiếu doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt
46	Thành lập Hội đồng quản lý rủi ro của Tập đoàn Bảo Việt và Quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn Bảo Việt (Ban hành kèm theo Quyết định số 1094/2015/QĐ-HĐQT ngày 31/7/2015)
47	Quy chế Tuân thủ của Tập đoàn Bảo Việt (Ban hành kèm theo Quyết định số 977/2016/QĐ-HĐQT ngày 25/3/2016)
VIII. LĨNH VỰC TRUYỀN THÔNG THƯƠNG HIỆU	
48	Quyết định số 1342/2015/QĐ-HĐQT ngày 14/9/2015 về việc ban hành Quy chế Quản lý thương hiệu của TĐBV
49	Quyết định số 1174/2017/QĐ-TĐBV ban hành Quy chế Công bố thông tin của TĐBV.
IX. LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	
50	Quyết định số 61/2013/QĐ-TGD ngày 11/01/2013 về việc ban hành Quy định sử dụng Hệ thống thư điện tử tại Tập đoàn Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt.
51	Quyết định số 1173/2017/QĐ-TGD v/v ban hành quy định an toàn thông tin cho hệ thống CNTT Tập đoàn Bảo Việt

TUÂN THỦ QUY ĐỊNH VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Sau khi Thông tư 155/2015/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/01/2016, Tập đoàn Bảo Việt đã nghiêm túc thực hiện các quy định về công bố thông tin tại Thông tư. Các thông tin liên quan đến hình hình quản trị, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, và các thông tin bất thường đều được Tập đoàn Bảo Việt công bố thông tin theo đúng thời hạn quy định, đảm bảo tính minh bạch với tất cả các cổ đông và nhà đầu tư.

Bảo Việt cũng hướng tới công bố thông tin song ngữ Việt – Anh để các nhà đầu tư nước ngoài có thể dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu, phân tích các thông tin về doanh nghiệp. Các quy chế quản trị nội bộ quan trọng của Tập đoàn Bảo Việt như: Điều lệ, Quy chế Quản trị công ty, Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp... đều được dịch thuật và đăng tải trên website của Bảo Việt bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Các chương trình và tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên, Biên bản và Nghị quyết Đại hội đều được Bảo Việt đăng tải song ngữ Việt – Anh.

Đây là một bước tiến quan trọng hướng tới thông lệ quản trị quốc tế về đảm bảo quyền của cổ đông và sự đối xử công bằng giữa các cổ đông, đặc biệt là đối với các cổ đông và nhà đầu tư nước ngoài.

NÂNG CAO NĂNG LỰC THỰC HÀNH QUẢN TRỊ THÔNG QUA CÁC KHÓA ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các thành viên HĐQT (bao gồm các thành viên HĐQT người nước ngoài là đại diện của cổ đông chiến lược - Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo), thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Thư ký Công ty, các cán bộ quản lý khác đã tham gia Khóa học Quản trị Công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức và đã được cấp chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

Bên cạnh đó, các thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác cũng tham gia các khóa đào tạo cao cấp về quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ; quản trị phát triển bền vững và các khóa tập huấn về quản trị công ty theo thể điểm quản trị ASEAN, kinh nghiệm tổ chức ĐHĐCĐ do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM tổ chức. Thông tin về các thành viên được liệt kê tại danh sách Cổ đông nội bộ tại mục Sở hữu của đồng nội bộ, trang 273 và 274 Báo cáo này.

Bên cạnh các khóa đào tạo theo quy định, với cam kết thực hiện quản trị công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất, Tập đoàn Bảo Việt thường xuyên cập nhật các kiến thức, thông lệ quốc tế về quản trị công ty

trong và ngoài nước, đồng thời chủ động chia sẻ các thông tin liên quan đến quản trị doanh nghiệp và mô hình tổ chức bộ máy với cổ đông chiến lược Sumitomo Life để tận dụng kinh nghiệm của Sumitomo Life trong việc phát triển mô hình quản trị doanh nghiệp theo chuẩn mực quản trị quốc tế.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠO TIỀN ĐỂ BỨT PHÁ PHÁT TRIỂN VÀ MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Nhằm nâng cao chất lượng quản trị công ty tạo tiền đề bứt phá phát triển hoạt động kinh doanh và đạt được những mục tiêu kinh tế rộng hơn liên quan đến niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư, tích lũy và tiếp cận thị trường vốn và phân bổ vốn mở rộng hoạt động kinh doanh trên toàn Tập đoàn, Tập đoàn Bảo Việt đã đặt ra các mục tiêu cần tiếp tục tập trung triển khai và hoàn thiện trong giai đoạn tiếp theo như sau:

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị nhằm tăng cường sự phối hợp giữa Tập đoàn với các đơn vị thành viên, và giữa các đơn vị thành viên với nhau trên cơ sở xây dựng các quy chế, quy định đảm bảo sự thống nhất, tăng cường tính tuân thủ trên toàn hệ thống và triển khai mạnh mẽ Đề án Hợp lực toàn Tập đoàn.
- Phát huy vai trò quản trị tập trung, xuyên suốt của Tập đoàn Bảo Việt đối với các đơn vị thành viên về tài chính, nhân sự - đào tạo, công nghệ thông tin, thương hiệu, đầu tư, xây dựng cơ bản trong toàn Tập đoàn; Hoàn thiện hệ thống quy định về cơ chế quản trị nội bộ xuyên suốt toàn Tập đoàn theo hướng tăng cường vai trò điều phối của Công ty Mẹ, tạo ra sự kết nối bền chặt và phát huy tối đa nguồn lực của các đơn vị trong Tập đoàn; tập trung triển khai nâng cao hiệu quả các hoạt động kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro, tuân thủ trên toàn hệ thống;
- Thường xuyên cập nhật các kiến thức, thông lệ quốc tế về quản trị công ty trong và ngoài nước, chia sẻ những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị doanh nghiệp và kinh nghiệm trong quản trị công ty với cổ đông chiến lược Sumitomo Life để vận dụng vào thực tiễn hoạt động của Bảo Việt;
- Áp dụng Công cụ Thể điểm quản trị công ty Khu vực Asean để nâng cao năng lực và thực hành quản trị công ty của Tập đoàn Bảo Việt tại Việt Nam và vươn ra khu vực;
- Đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro, tuân thủ và kiểm toán nội bộ để cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động quản trị doanh nghiệp;
- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hội đồng/Ủy ban giúp việc của Hội đồng Quản trị.

PHÂN TÍCH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT CĂN CỨ CHUẨN MỰC TẠI THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

GIỚI THIỆU VỀ THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN (ACGS) là sáng kiến của Diễn đàn Thị trường vốn ASEAN, được xây dựng dựa trên các quy tắc quản trị công ty của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) và các thông lệ quản trị công ty tốt nhất trong khu vực nhằm đánh giá thông lệ quản trị công ty của 100 công ty niêm yết lớn nhất trong 06 quốc gia thành viên ASEAN tham gia dự án, bao gồm: Malaysia, Singapore, Thái Lan, Indonesia, Philippines và Việt Nam.

Thẻ điểm Quản trị Công ty khu vực ASEAN được thiết kế và đánh giá thử nghiệm từ năm 2010, và được áp dụng chính thức đánh giá các nước trong khu vực ASEAN có thị trường chứng khoán từ năm 2011. Sau 4 năm đánh giá từ 2011 đến 2014, năm 2016 thẻ điểm được nghiên cứu chỉnh sửa để phù hợp với hiện trạng quản trị của các nước tham gia và phản ánh chính xác hơn kết quả đánh giá. Năm 2017, ACGS được công bố chính thức phiên bản

sửa đổi và được đưa vào áp dụng đánh giá quản trị công ty của 06 quốc gia thành viên ASEAN trong năm 2017.

ACGS bao gồm Bộ câu hỏi chia làm hai cấp độ. Cấp độ 1 là các yêu cầu cơ bản cần tuân thủ trên 5 lĩnh vực bao gồm: (i) Quyền của cổ đông; (ii) Đối xử công bằng với các cổ đông; (iii) Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan; (iv) Công bố thông tin và minh bạch; và (v) Trách nhiệm của HĐQT. Cấp độ 2 là các câu hỏi thưởng và phạt dành cho Doanh nghiệp thực hiện tốt/không tuân thủ những quy định về Quản trị Công ty.

Các tổ chức đánh giá xếp hạng gồm: Viện Quản trị công ty Indonesia, Tổ chức Bảo vệ nhà đầu tư thiểu số Malaysia, Viện Quản trị công ty Philippines, Viện Quản trị công ty Singapore, Viện Quản trị công ty Thái Lan, Trung tâm Nghiên cứu quản trị công ty, định chế và tổ chức - Trường đại học Quốc gia Singapore và nhóm chuyên gia về quản trị công ty từ Việt Nam, đứng đầu là TS. Nguyễn Thu Hiền, Giám đốc Chương trình Maastricht MBA, Trường đại học Bách khoa TP. HCM.

Mục tiêu thẻ điểm quản trị công ty nhằm

01

Cung cấp cơ sở mang tính chuẩn mực và hệ thống cho phép cơ quan quản lý và các nhà đầu tư có thể đánh giá hiện trạng quản trị công ty của doanh nghiệp

02

Cho phép công ty tự đánh giá chất lượng quản trị công ty của bản thân và thúc đẩy các công ty cải thiện thực tiễn quản trị công ty của mình

03

Xây dựng một hệ thống phân tích, quản trị công ty theo ngành nghề và hy vọng hệ thống này có thể hỗ trợ việc cải thiện các thông lệ quản trị công ty tại Việt Nam.

04

Hỗ trợ cơ quan quản lý trong việc xác định điểm mạnh, điểm yếu của luật lệ và thực tiễn quản trị công ty, từ đó, đề ra cải cách phù hợp.

05

Đánh giá tiến triển của công tác quản trị công ty qua các năm

06

Hỗ trợ nâng cao nhận thức và hiểu biết về các thông lệ quản trị công ty tốt.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

Bảo Việt được tham gia đánh giá theo các chuẩn mực tại ACGS từ năm 2012 đến năm 2014. Theo kết quả đánh giá năm 2014, Bảo Việt là một trong số 30 doanh nghiệp niêm yết có thực hành quản trị công ty tốt nhất Việt Nam. Dưới sự định hướng và chỉ đạo của HĐQT, trong những năm vừa qua, bên cạnh việc tuân thủ các quy định về quản trị công ty theo pháp luật Việt Nam, Bảo Việt đã chủ động áp dụng các thông lệ tốt về quản trị công ty trên thế giới và trong khu vực. Các chuẩn mực về Quản trị công ty theo quy định tại ACGS đã được Bảo Việt tham chiếu trong quá trình xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp của mình.

Đánh giá chung về thực hành quản trị công ty trong năm 2017 của Tập đoàn Bảo Việt được ghi nhận như sau:

VỀ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG VÀ ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC CỔ ĐÔNG:

Ghi chú: (+): Thực hành tốt

(-): Thực hành chưa tốt/các lĩnh vực cần cải thiện

Tiêu chí	Kết quả đánh giá	Giải thích kết quả
Quyền của cổ đông	+	Cổ đông được tham gia vào quá trình phê duyệt và thông qua Điều lệ của Tập đoàn Bảo Việt; phát hành cổ phiếu của Tập đoàn; bầu HĐQT và Kiểm soát viên; thông qua các vấn đề nghị sự thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
Biểu quyết vắng mặt	+	Cổ đông căn cứ các tài liệu Đại hội được đăng tải trên website để biểu quyết các vấn đề có liên quan và gửi về Tập đoàn Bảo Việt trước Đại hội, các biểu quyết này của cổ đông được coi là hợp lệ và được tính vào số phiếu tán thành/ không tán thành/không có ý kiến khi kiểm phiếu tại Đại hội;
Chi trả cổ tức cho cổ đông	+	Đảm bảo chi trả cổ tức cho cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày HĐQT ra Nghị quyết về chi trả cổ tức
Cung cấp Thông báo họp và Tài liệu họp ĐHĐCĐ	+	Đã cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong tài liệu ĐHĐCĐ
Đề cử và bầu cử thành viên HĐQT	+	Cổ đông có quyền đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị bất kể là cổ đông lớn hay cổ đông thiểu số
Tham dự ĐHĐCĐ của HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và cổ đông	+	Biên bản ĐHĐCĐ công bố đầy đủ về sự tham gia của HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát. Tập đoàn Bảo Việt cũng khuyến khích sự tham gia của các cổ đông, đặc biệt là cổ đông tổ chức
Công bố Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ	+	- Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố thông tin song ngữ Anh - Việt trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc Đại hội; Biên bản ghi nhận tất cả các câu hỏi của cổ đông và trả lời của Chủ tịch Đoàn trong phần thảo luận tại Đại hội; - Nghị quyết ĐHĐCĐ bao gồm đầy đủ các nội dung kết quả biểu quyết: số phiếu thông qua, phản đối và phiếu trống cho mỗi nội dung nghị quyết.
Thời hạn công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ	-	Tài liệu họp ĐHĐCĐ chưa được công bố đầy đủ 21 ngày trước ngày họp

VỀ ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG

Ghi chú: (+): Thực hành tốt

(-): Thực hành chưa tốt/các lĩnh vực cần cải thiện

Tiêu chí	Kết quả đánh giá	Giải thích kết quả
Thông báo và tài liệu họp ĐHĐCĐ	+	- Công bố thông báo họp và các tài liệu liên quan song ngữ Anh – Việt trên website của Bảo Việt; - Cung cấp đầy đủ cơ sở, thông tin và giải trình cho các vấn đề trình ĐHĐCĐ thông qua tại Đại hội;
Công bố thông tin về ứng viên HĐQT, chính sách chi trả cổ tức	+	Công bố đầy đủ trong tài liệu ĐHĐCĐ và Báo cáo thường niên
Chất lượng và thời gian công bố tài liệu ĐHĐCĐ bằng tiếng Anh	+	Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ gần nhất đã được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tài liệu tiếng Việt.
Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao	-	Công ty chưa có quy định yêu cầu phải có một tiểu ban bao gồm các thành viên HĐQT độc lập rà soát GDBLQ trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông.
	-	Công ty chưa có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích, chỉ quy định không được biểu quyết.
	+	Công ty quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty.

VỀ VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN:

Ghi chú: (+): Thực hành tốt

(-): Thực hành chưa tốt/các lĩnh vực cần cải thiện

Tiêu chí	Kết quả đánh giá	Giải thích kết quả
Báo cáo phát triển bền vững	+	Tập đoàn là công ty đầu tiên của Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo phát triển bền vững 2015 qua đơn vị kiểm toán độc lập và tiếp tục thực hiện kiểm toán Báo cáo này trong các năm 2016, 2017 bởi Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn
Tương tác với cộng đồng, trách nhiệm xã hội, và chính sách cho nhân viên	+	- Tập đoàn công bố chính sách và thực hành trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động, bảo đảm chuỗi giá trị của công ty thân thiện với môi trường và phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững. - Công bố chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn, phúc lợi và chương trình đào tạo cho nhân viên
Thông tin liên lạc cho cổ đông	+	Tập đoàn cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty và Báo cáo Thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (như: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ.

Tiêu chí	Kết quả đánh giá	Giải thích kết quả
Hệ thống /quy trình khiếu nại về hành vi không hợp pháp (Whistle-blowing system)	+	Bảo Việt đã xây dựng, ban hành, và công bố trên website Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp, Quy chế phòng chống tham nhũng để định hướng văn hóa doanh nghiệp, chống các hành vi không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức. Ban Tổ chức Nhân sự, Khối Quản lý Hoạt động là đơn vị chịu trách nhiệm tiếp nhận các khiếu nại về các hành vi này.
Các thực hành, qui trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu, bảo vệ quyền lợi của chủ nợ	+	Đã xây dựng và công bố chi tiết trong Báo cáo phát triển bền vững hàng năm
Chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn	+	Tập đoàn đã thực hiện ESOP trong Quý I/2018.

VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH:

Ghi chú: (+): Thực hành tốt
(-): Thực hành chưa tốt/các lĩnh vực cần cải thiện

Tiêu chí	Kết quả đánh giá	Giải thích kết quả
Báo cáo thường niên	+	- Bảo Việt cung cấp đầy đủ các thông tin về cổ đông, về cấu trúc sở hữu của Công ty, hệ thống công ty con, công ty liên kết của Bảo Việt và các thông tin tài chính và phi tài chính trên Báo cáo thường niên của Bảo Việt. - Chất lượng của Báo cáo thường niên: cung cấp đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, đạt nhiều giải trong nước và quốc tế về bình chọn Báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững.
Công bố thông tin về GDBLQ và giao dịch cổ phiếu của người trong công ty thực hiện	+	Đã cung cấp thông tin chi tiết đối với các giao dịch bên liên quan trọng yếu và giao dịch cổ phiếu của người trong Tập đoàn thực hiện trong báo cáo tài chính và Báo cáo quản trị công ty trên Báo cáo thường niên.
Website	+	- Đăng tải các thông tin cập nhật song ngữ Anh – Việt. - Cung cấp thông tin cho các cổ đông, nhà đầu tư trong và ngoài nước về tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính và báo cáo thường niên có thể được tải về, báo cáo và tài liệu ĐHCĐ, tài liệu về quản trị công ty (Điều lệ, Quy chế Quản trị, Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp).
Họp báo và thông cáo báo chí	+	Đã tổ chức các cuộc họp báo và công bố các thông báo cáo chí có liên quan đến chiến lược và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.
Hội nghị chuyên gia phân tích	+	Bảo Việt đã tổ chức 02 Hội nghị Chuyên gia phân tích trong năm 2017 vào tháng 6 và tháng 11 để trao đổi, chia sẻ và lắng nghe ý kiến của các chuyên gia phân tích đối về thị trường và hoạt động kinh doanh của Bảo Việt.

VỀ TĂNG CƯỜNG TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT:

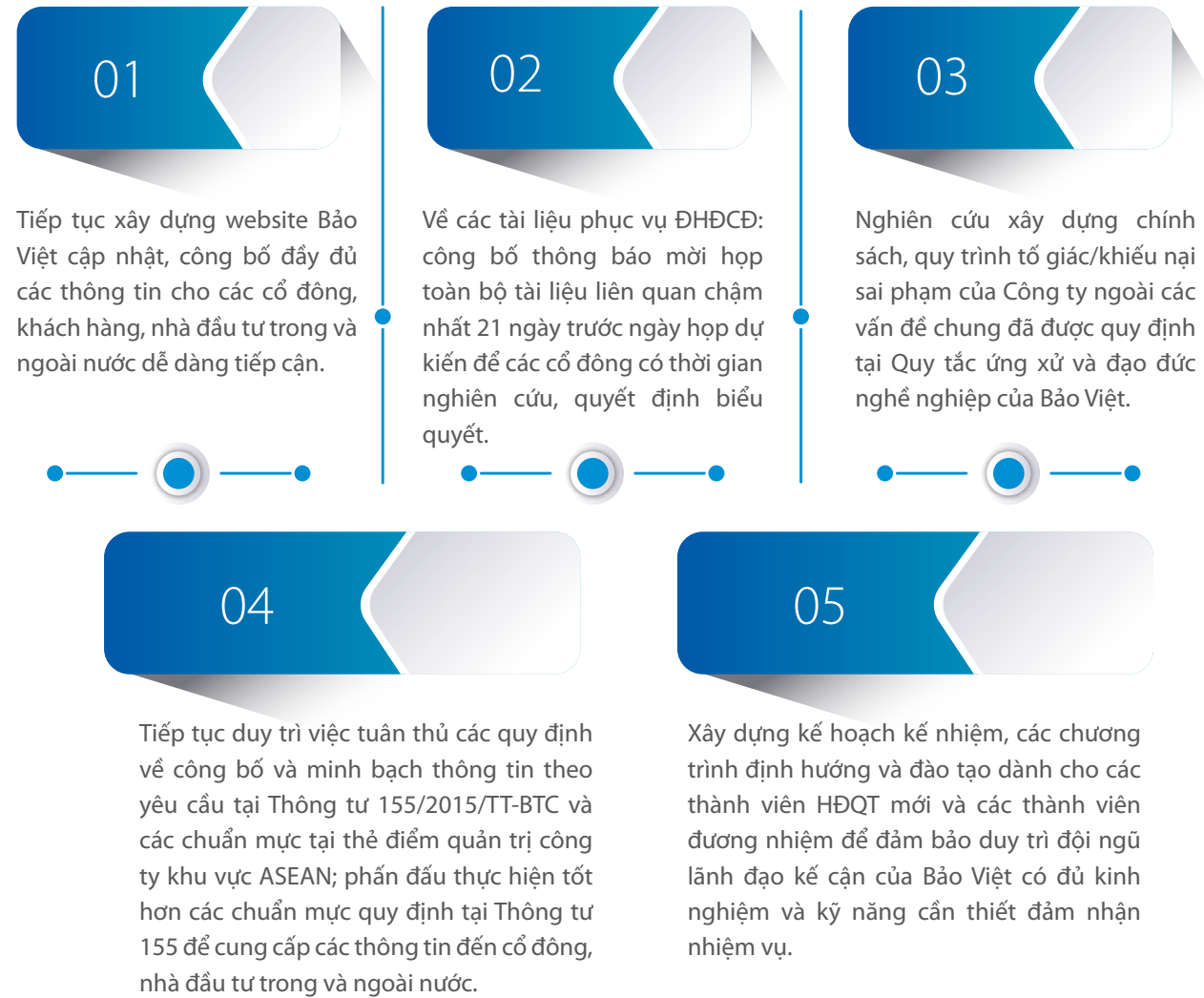
Ghi chú: (+): Thực hành tốt
(-): Thực hành chưa tốt/các lĩnh vực cần cải thiện

Tiêu chí	Kết quả đánh giá	Giải thích kết quả
Vai trò, trách nhiệm của thành viên HĐQT và quy định về quản trị công ty	+	- Quy định chi tiết tại Điều lệ, Quy chế Quản trị công ty.
Vai trò thành viên HĐQT tại các doanh nghiệp niêm yết khác	+	- Tập đoàn quy định giới hạn tối đa năm vị trí HĐQT mà một thành viên HĐQT có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác tại Quy chế Quản trị Tập đoàn. - Tập đoàn không có thành viên HĐQT điều hành nào đang nắm giữ hơn 2 chức vụ trong HĐQT ở các công ty niêm yết khác ngoài Tập đoàn
Cuộc họp HĐQT	+	- HĐQT đã tổ chức 06 cuộc họp trong năm 2017. - Tài liệu họp HĐQT được cung cấp cho các thành viên HĐQT 5 ngày trước ngày họp - Đã công bố thông tin về việc tham dự họp HĐQT của từng thành viên HĐQT trên báo cáo thường niên.
Tính độc lập của thành viên HĐQT	-	- Số lượng thành viên độc lập HĐQT còn giới hạn: Hiện tại HĐQT chỉ có 1 thành viên độc lập HĐQT trong số 11 thành viên, trong khi tiêu chuẩn của ACGS là ít nhất 50% thành viên HĐQT phải là độc lập. - Chủ tịch HĐQT không phải thành viên độc lập HĐQT. - Không tổ chức cuộc họp giữa các thành viên HĐQT không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành trong năm để đánh giá các mặt hoạt động liên quan đến hoạt động điều hành doanh nghiệp.
Các Ủy ban trực thuộc HĐQT	+	- Đã thành lập các Ủy ban trực thuộc HĐQT theo khuyến nghị của ACGS (bao gồm Ủy ban Thủ lao và Bổ nhiệm, Ủy ban Kiểm toán), có Khối Kiểm toán nội bộ độc lập. - Quy chế hoạt động của các Ủy ban và tình hình tham dự cuộc họp của các thành viên Ủy ban được công bố trong Báo cáo thường niên.
	-	- Sự tham gia của các thành viên độc lập HĐQT trong các Ủy ban còn hạn chế. Chủ nhiệm các Ủy ban thuộc HĐQT không phải là thành viên độc lập HĐQT. - Các Ủy ban họp chủ yếu thông qua hình thức xin ý kiến bằng văn bản, không tiến hành họp trực tiếp.
Đánh giá thành viên HĐQT và các Ủy ban thuộc HĐQT	+	- Ủy ban Thủ lao và Bổ nhiệm và HĐQT đã thực hiện đánh giá hoạt động của HĐQT, Ủy ban thuộc HĐQT và từng thành viên HĐQT từ năm 2016 dựa trên các tiêu được HĐQT thông qua tại Quy chế hoạt động của HĐQT. - Kết quả đánh giá đã được công bố trên Báo cáo thường niên.
Chương trình định hướng cho các thành viên HĐQT mới và quy hoạch các vị trí lãnh đạo cấp cao	-	- Thiếu các thông tin công bố liên quan đến xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí TGD và Quản lý chủ chốt; - Chưa xây dựng các chương trình định hướng và đào tạo dành riêng cho thành viên HĐQT mới.

MỘT SỐ ĐIỂM BẢO VIỆT CẦN TIẾP TỤC CẢI THIỆN ĐỂ NÂNG CAO THỰC HÀNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Với mục tiêu tiên phong áp dụng và từng bước tiệm cận các chuẩn mực về quản trị công ty của khu vực và trên thế giới, trong thời gian tới Bảo Việt cần tiếp tục thực hiện một số công tác sau liên quan đến quản trị công ty:

Kế hoạch ngắn hạn: cải thiện các chuẩn mực liên quan đến “Công bố thông tin và minh bạch”, và tăng cường “Vai trò của các Bên liên quan”, cụ thể:



Kế hoạch trung và dài hạn: tăng cường Trách nhiệm của HĐQT

- Xây dựng lộ trình cụ thể để tiệm cận yêu cầu về tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập trong HĐQT theo yêu cầu tại Thể điểm quản trị ASEAN và quy định pháp luật Việt Nam.
- Tăng cường sự tham gia của các thành viên độc lập trong các Ủy ban thuộc HĐQT nâng cao hiệu quả hoạt động của các Ủy ban để tư vấn, tham mưu cho HĐQT; tăng cường tính độc lập của các Ủy ban thuộc HĐQT.
- Nghiên cứu xây dựng/quy định một số chính sách liên quan đến phê duyệt của HĐQT đối với giao dịch với người có liên quan để đảm bảo quyền và lợi ích của Tập đoàn, cụ thể:
 - ✓ Chính sách yêu cầu một tiểu ban bao gồm t/v HĐQT độc lập rà soát giao dịch bên liên quan trọng yếu để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông;

- ✓ Chính sách về rà soát và phê duyệt giao dịch bên liên quan trọng yếu;
- ✓ Chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích.
- Nghiên cứu thực hiện thuê bên thứ ba độc lập đánh giá hoạt động của HĐQT, thành viên HĐQT và các Ủy ban thuộc HĐQT theo các thông lệ tốt về quản trị trên thế giới.
- Về việc tổ chức Họp và tham gia Họp HĐQT:
 - ✓ Tăng cường các cuộc họp HĐQT mở rộng ngoài các cuộc họp định kỳ để thảo luận các vấn đề trọng yếu liên quan đến định hướng hoạt động kinh doanh và giải pháp trọng tâm (Tổ chức ít nhất 06 cuộc/năm);
 - ✓ Nghiên cứu yêu cầu tỉ lệ biểu quyết thông qua là tối thiểu 2/3 thành viên HĐQT tán thành trong các quyết định của HĐQT;
 - ✓ Xây dựng cơ chế có ít nhất một cuộc họp giữa các thành viên HĐQT không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành trong năm để đánh giá các mặt hoạt động liên quan đến hoạt động điều hành doanh nghiệp.
- Nghiên cứu thực hiện thuê bên thứ ba độc lập đánh giá, tư vấn hoạt động kiểm soát nội bộ/quản lý rủi ro và tuân thủ của Tập đoàn, đặc biệt là các lĩnh vực xây dựng Khẩu vị rủi ro, quản lý tuân thủ để có xác nhận của bên thứ 3 về hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt.
- Tiếp tục kiện toàn và tăng cường vai trò của Kiểm toán nội bộ, Quản lý rủi ro và Tuân thủ trong khung quản trị nội bộ của Tập đoàn Bảo Việt với mục tiêu (i) đảm bảo hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả và chính xác, (ii) góp phần quan trọng trong nâng cao thực hành quản trị doanh nghiệp và (iii) là các tuyến phòng thủ bảo vệ nguồn vốn đầu tư và kiến tạo các giá trị bền vững trong dài hạn cho cổ đông.



ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT VỀ THỰC HÀNH QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT THEO THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

Ghi chú:

Thực hiện tốt thông lệ

Chưa thực hiện theo thông lệ

Đã thực hiện được một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ

N/A: Không xảy ra trường hợp này tại Bảo Việt

PHẦN A – QUYỀN CỔ ĐÔNG

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
A.1	Quyền cơ bản của cổ đông		
A.1.1	Trả cổ tức trong vòng 30 ngày sau khi công bố hoặc sau khi được thông qua bởi ĐHĐCĐ.	●	
A.2	Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi cơ bản của công ty		
Cổ đông có quyền tham gia			
A.2.1	Sửa đổi quy chế (Điều lệ) công ty?	●	Đã quy định tại Điều lệ Công ty
A.2.2	Cho phép phát hành thêm cổ phiếu?	●	
A.2.3	Chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của công ty, dẫn đến việc bán công ty?	●	
A.3	Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, và phải được thông tin về quy định hợp ĐHĐCĐ, bao gồm cả thủ tục biểu quyết		
A.3.1	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thù lao (phí, trợ cấp, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) hoặc mọi khoản tăng thù lao cho thành viên/ủy viên HĐQT không điều hành	●	Chương trình nghị sự ĐHĐCĐ thường niên đều thể hiện nội dung này
A.3.2	Công ty có cho phép cổ đông không có quyền kiểm soát quyền đề cử thành viên/ủy viên HĐQT?	●	Đã quy định tại Điều lệ Công ty
A.3.3	Cổ đông có quyền bỏ phiếu cho từng ứng cử viên HĐQT.	●	Quy chế bầu cử thành viên HĐQT quy định thể lệ bầu cử rõ ràng cho cổ đông.
A.3.4	Công ty có công bố thủ tục đề cử và biểu quyết được sử dụng, công bố cả hai thủ tục này trước khi đại hội tiến hành	●	Công bố tại Tài liệu họp ĐHĐCĐ trước ngày Đại hội và trước khi Đại hội được tiến hành

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
A.3.5	Biên bản họp có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và nêu vấn đề tại ĐHĐCĐ.	●	Bảo Việt đã ghi nhận và công bố các câu hỏi và trả lời trong phần thảo luận trong Biên bản ĐHĐCĐ Công bố Biên bản họp bằng tiếng Anh
A.3.6	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?	●	Công bố đầy đủ tại Nghị quyết ĐHĐCĐ
A.3.7	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	●	Công bố tại Biên bản họp ĐHĐCĐ
A.3.8	Công ty có công bố rằng tất cả thành viên HĐQT và TGD có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	●	Công bố tại Biên bản họp ĐHĐCĐ
A.3.9	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?	●	Ghi nhận tại Điều lệ và Quy chế tổ chức Đại hội
A.3.10	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của cổ đông (không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất?	●	Công bố tại Quy chế tổ chức Đại hội.
A.3.11	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia ban kiểm phiếu để đếm và/hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ?	●	Công bố tại ĐHĐCĐ, thể hiện trong Biên bản ĐHĐCĐ
A.3.12	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?	●	
A.3.13	Công ty có thông báo ĐHĐCĐ và ĐHCĐ bắt thường trước tối thiểu 21 ngày?	●	Bảo Việt đã công bố thông báo mời họp, các giấy tờ ủy quyền, chương trình và nội dung Đại hội 10 ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ thường niên 2018 và sẽ cố gắng công bố toàn bộ tài liệu liên quan theo chuẩn đánh giá này.
A.3.14	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/ tài liệu ĐHĐCĐ/Dự thảo và/hoặc các báo cáo đính kèm?	●	Tài liệu tại ĐHĐCĐ của Bảo Việt đã cung cấp đầy đủ thông tin và cơ sở về các vấn đề trình ĐHĐCĐ thông qua. Đã công bố các tài liệu bằng tiếng Anh.

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
A.3.15	Cổ đông có được cho cơ hội để đóng góp (các) vấn đề thảo luận vào trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ?	●	Cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi cho Hội đồng Quản trị, kể cả câu hỏi liên quan tới kiểm toán độc lập hàng năm, kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông, và đề xuất các giải pháp trong giới hạn hợp lý. Ghi nhận trong Biên bản ĐHĐCĐ.
A.4	Thị trường giao dịch thầu tóm công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch		
A.4.1	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/hoặc thầu tóm cần được cổ đông thông qua, thành viên/ủy viên HĐQT của công ty được đề nghị có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại?	N/A	Tại Bảo Việt chưa xảy ra trường hợp này.
A.5	Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức		
A.5.1	Công ty có công bố công khai chính sách/thực hành nhằm khuyến khích tham gia của cổ đông bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ?	●	Bảo Việt đã công bố rất chi tiết nội dung này trên báo cáo thường niên (mục quan hệ cổ đông, các chính sách về việc khuyến khích cổ đông thực hiện các quyền của mình, tạo điều kiện cho cổ đông tham dự bỏ phiếu, biểu quyết các vấn đề quan trọng).

PHẦN B – ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
B.1	Cổ phiếu và quyền biểu quyết		
B.1.1	Mỗi cổ phiếu phổ thông của công ty có một phiếu biểu quyết	●	
B.1.2	Trong trường hợp công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, công ty có công bố quyền bỏ phiếu tương ứng cho từng loại cổ phiếu.	●	Bảo Việt công bố rõ nội dung “công ty chỉ có một loại cổ phiếu thường” trong thông báo chốt danh sách, báo cáo tài chính và báo cáo thường niên.

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
B.2	Thông báo của ĐHĐCĐ		
B.2.1	Mỗi một Nghị quyết được thông qua chỉ chứa một nội dung.	●	
B.2.2	Tài liệu ĐHĐCĐ được dịch sang tiếng Anh và được công bố cùng ngày với tài liệu ĐHĐCĐ bằng tiếng Việt.	●	Đã thực hiện đầy đủ từ ĐHĐCĐ thường niên 2016
Thông báo của ĐHĐCĐ có những chi tiết sau không:		●	
B.2.3	Tài liệu ĐHĐCĐ có công bố tiểu sử của các ứng cử viên cho HĐQT (bao gồm các thông tin: tuổi, bằng cấp, lần bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm, và các vị trí HĐQT đang nắm giữ tại các công ty niêm yết khác).	●	Bảo Việt đã thực hiện công bố SYLL của ứng viên.
B.2.4	Kiểm toán viên/công ty kiểm toán chuẩn bị được bầu chọn/bầu chọn lại có được xác định rõ ràng?	●	Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này theo Tờ trình ĐHĐCĐ về việc phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán độc lập.
B.2.5	Giấy ủy quyền ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng	●	Đính kèm Thông báo Hợp ĐHĐCĐ gửi cổ đông và up lên website Bảo Việt
B.3	Phải cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân		
B.3.1	Công ty có chính sách và/hoặc quy định cấm thành viên HĐQT và nhân viên không được kiếm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài	●	Quy định tại Quy chế quản trị công ty và Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp
B.3.2	Thành viên HĐQT được yêu cầu báo cáo về giao dịch cổ phiếu của họ trong vòng 3 ngày làm việc.	●	Bảo Việt đã thực hiện tiêu chí này theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC.
B.4	Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao		
B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty không?	●	Quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Tập đoàn
B.4.2	Công ty có quy định yêu cầu phải có một tiểu ban bao gồm các thành viên HĐQT độc lập rà soát GDBLQ trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông không?	●	Bảo Việt cần bổ sung Quy định này trong Quy chế quản trị hoặc Quy chế hoạt động của HĐQT để tuân thủ yêu cầu này.

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
B.4.3	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích?	●	Bảo Việt mới chỉ quy định t/v HĐQT không được biểu quyết, chưa quy định việc không được tham gia họp. Cần nhắc bổ sung quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Tập đoàn
B.4.4	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên HĐQT, trong đó quy định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường	●	Quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Tập đoàn
B.5	Bảo vệ cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng		
B.5.1	Công ty có công bố về việc GDBLQ được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?	●	Bảo Việt có nêu chính sách về việc đảm bảo công bằng và minh bạch trong giao dịch với các bên liên quan tại Báo cáo thường niên.
B.5.2	Trong trường hợp cần có phê duyệt của cổ đông thông qua các giao dịch các bên liên quan, việc biểu quyết phê duyệt phải được biểu quyết bởi các cổ đông không liên quan lợi ích.	●	Bảo Việt đã nêu rõ nội dung này trong phần giao dịch với Bên liên quan tại Báo cáo thường niên.

PHẦN C – VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
C.1	Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng		
Công ty có công bố chính sách:			
C.1.1	Công ty có công bố chính sách về bảo vệ lợi ích của khách hàng.	●	Bảo Việt đã công bố chính sách này trên BCTN và Báo cáo phát triển bền vững.
C.1.2	Công bố chính sách và các thực hành, qui trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu?	●	Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này, chi tiết nêu trong báo cáo phát triển bền vững

C.1.3	Công ty có công bố chính sách và thực hành, nỗ lực của công ty nhằm đảm bảo chuỗi giá trị thân thiện với môi trường và hướng đến phát triển bền vững.	●	Bảo Việt đã công bố chính sách này trong Báo cáo phát triển bền vững.
C.1.4	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động?	●	Bảo Việt đã công bố chiến lược và chính sách rõ ràng liên quan đến nội dung này trong Báo cáo phát triển bền vững
C.1.5	Công bố chính sách và các thực hành phòng chống tham nhũng của công ty?	●	Bảo Việt đã ban hành Quy tắc ứng xử và Quy chế Phòng chống rửa tiền. Đã ban hành bản tiếng Anh và tiếng Việt quy chế trên website.
C.1.6	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả cách thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ?	N/A	Bảo Việt sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu cho các hoạt động kinh doanh.
C.1.7	Công ty có viết báo cáo/nội dung riêng mô tả các nỗ lực về các vấn đề về môi trường/kinh tế và xã hội?	●	Bảo Việt đã công bố chính sách này trên BCTN và Báo cáo phát triển bền vững
C.2	Khi lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật bảo vệ, các bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được khiếu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm		
C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (vd: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ	●	Bảo Việt đã nêu rõ đầu mối liên lạc và bộ phận Quan hệ cổ đông trên Báo cáo thường niên và website Tập đoàn.
C.3	Cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được phép xây dựng		
C.3.1	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên?	●	Bảo Việt đã nêu rõ trong BCTN và Báo cáo phát triển bền vững hàng năm
C.3.2	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	●	
C.3.3	Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn?	●	Công ty đã thực hiện ESOP cho toàn thể cán bộ nhân viên trong Quý I/2018

C.4	Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên HĐQT và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ.		
C.4.1	Công ty có chính sách tố giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho nhân viên và các bên liên quan về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không phù hợp đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ khiếu nại chi tiết được để cập trên trang web công ty hoặc báo cáo thường niên?	●	Quy định tại Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp. Đã upload bản Tiếng Anh và tiếng Việt Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp trên website của Công ty.
C.4.2	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên/cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi không hợp pháp/không phù hợp đạo đức?	●	Cần xây dựng quy trình cụ thể và chính sách bảo vệ người tố giác.

PHẦN D – CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
D.1	Cấu trúc sở hữu minh bạch		
D.1.1	Công bố thông tin sở hữu: danh tính cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần trở lên	●	Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo thường niên, báo cáo quản trị bán niên và hàng năm theo quy định.
D.1.2	Công bố thông tin sở hữu: cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà cổ đông lớn nắm giữ	●	
D.1.3	Công bố thông tin sở hữu: cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà các thành viên hội đồng quản trị nắm giữ	●	Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo thường niên, báo cáo quản trị bán niên và hàng năm theo quy định.
D.1.4	Công bố thông tin sở hữu: cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà các thành viên ban điều hành nắm giữ	●	
D.1.5	Công bố thông tin chi tiết của các công ty con, liên kết, liên doanh: cả tên và số cổ phần mà công ty nắm giữ ở các công ty này	●	Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo thường niên

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
D.2	Chất lượng của báo cáo thường niên		
Báo cáo thường niên có công bố:			
D.2.1	Mục tiêu của công ty	●	Bảo Việt đã thực hiện công bố rất cụ thể trong Báo cáo thường niên
D.2.2	Các chỉ số tài chính, ví dụ như một trong các chỉ tiêu căn bản sau: ROI, ROS, ROE và EPS	●	
D.2.3	Các chỉ số phi tài chính, ví dụ như thị phần hoặc chỉ số hài lòng khách hàng	●	
D.2.4	Chính sách cổ tức, cụ thể về chính sách chi trả, tỷ lệ cổ tức dự kiến	●	
D.2.5	Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của thành viên HĐQT	●	
D.2.6	Chi tiết về tham gia của mỗi thành viên HĐQT trong các cuộc họp HĐQT đã thực hiện trong năm	●	Công bố trong chương Quản trị doanh nghiệp của Báo cáo thường niên.
D.2.7	Tổng thù lao của mỗi thành viên HĐQT	●	
Tuyên bố khẳng định về quản trị công ty			
D.2.8	Báo cáo thường niên có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với quy tắc quản trị công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không?	●	Bảo Việt đã tuyên bố thực thi các quy định về quản trị công ty trong phần Báo cáo quản trị/ Báo cáo thường niên.
D.3	Công bố giao dịch bên liên quan		
D.3.1	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	●	Bảo Việt đã nêu rõ nội dung này trong phần giao dịch với Bên liên quan tại Báo cáo thường niên
D.3.2	Công ty có công bố tên của bên liên quan, mối quan hệ, bản chất và giá trị cho mỗi GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	●	

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
D.4	Thành viên HĐQT và giao dịch cổ phiếu của công ty		
D.4.1	Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty do người nội bộ của công ty thực hiện?	●	Bảo Việt đã nêu rõ nội dung này trong phần giao dịch với Bên liên quan tại Báo cáo thường niên
D.5	Kiểm toán độc lập và báo cáo kiểm toán		
Trường hợp cùng công ty kiểm toán cung cấp cả dịch vụ kiểm toán và phí kiểm toán			
D.5.1	Phí kiểm toán và phí kiểm toán có được công bố công khai?	●	
D.5.2	Công ty có phí kiểm toán nhiều hơn phí kiểm toán	N/A	Công ty không có phí kiểm toán
D.6	Phương tiện truyền thông		
Công ty có sử dụng các hình thức truyền thông sau đây:			
D.6.1	Báo cáo quý	●	Bảo Việt công bố rất đầy đủ
D.6.2	Trang web công ty	●	Bảo Việt đã bổ sung các nội dung tiếng Anh tại website của Công ty song song với các nội dung tiếng Việt
D.6.3	Đánh giá của chuyên gia phân tích	●	Đã thực hiện 02 Hội nghị chuyên gia phân tích trong năm 2017
D.6.4	Thông tin trên phương tiện truyền thông/hợp báo.	●	Bảo Việt đã quảng bá thông tin về doanh nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng
D.7	Nội/công bố báo cáo thường niên/báo cáo tài chính đúng hạn		
D.7.1	Báo cáo tài chính được công bố trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	●	
D.7.2	Báo cáo thường niên được công bố trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	●	

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
D.7.3	Lời xác nhận trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất từ HĐQT và các cá nhân liên quan	●	
D.8	Website của Công ty Công ty có website công bố thông tin cập nhật về:		
Công ty có website công bố thông tin cập nhật về:			
D.8.1	Báo cáo Tài chính (quý gần nhất)	●	Cung cấp đầy đủ thông tin và cập nhật thường xuyên
D.8.2	Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông	●	
D.8.3	Báo cáo thường niên có thể được tải về	●	
D.8.4	Thông báo và tài liệu họp ĐHCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	●	
D.8.5	Biên bản họp ĐHCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	●	
D.8.6	Điều lệ công ty có thể được tải về	●	
D.9	Quan hệ nhà đầu tư		
D.9.1	Công bố chi tiết liên hệ của nhân viên phụ trách Quan hệ cổ đông (điện thoại, fax và email)	●	Bảo Việt đã công bố trên BCTN và website Công ty

PHẦN E – TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
E.1	Nhiệm vụ và trách nhiệm của HĐQT		
Trách nhiệm của HĐQT và chính sách quản trị công ty được xác định rõ ràng			
E.1.1	Công bố chính sách Quản trị công ty, điều lệ hoạt động HĐQT	●	Bảo Việt đã công bố Quy chế quản trị công ty lên website (Tiếng Việt và tiếng Anh)
E.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên HĐQT có được công bố công khai	●	Các Nghị quyết của HĐQT được công bố công khai theo luật định, đồng thời báo cáo tại Báo cáo quản trị Công ty và Báo cáo thường niên

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của HĐQT có được quy định rõ ràng	●	Quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT và báo cáo hàng năm tại Báo cáo thường niên.
Tầm nhìn/sứ mệnh của công ty			
E.1.4	Công ty có tuyên bố về tầm nhìn và sứ mệnh	●	Bảo Việt có công bố đầy đủ nội dung này trong Báo cáo thường niên.
E.1.5	Thành viên HĐQT có đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi chiến lược của công ty ít nhất một năm?	●	HĐQT Tập đoàn thực hiện rà soát chiến lược định kỳ hàng năm và báo cáo trong Báo cáo thường niên
E.1.6	Thành viên HĐQT có quy trình xem xét, giám sát, theo dõi việc thực hiện chiến lược của công ty?	●	Bảo Việt tuân thủ nội dung này, HĐQT chỉ đạo việc xây dựng chiến lược và giám sát việc thực hiện, rà soát chiến lược định kỳ tại các kỳ họp HĐQT.
E.2	Cơ cấu HĐQT		
Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc ứng xử			
E.2.1	Công ty công bố chi tiết bộ Quy tắc đạo đức	●	Bảo Việt đã công bố nội dung Quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp trên website (tiếng Anh và tiếng Việt)
E.2.2	Công ty nêu rõ rằng: tất cả HĐQT, thành viên Ban điều hành và nhân viên được yêu cầu tuân thủ bộ Quy tắc ứng xử	●	
E.2.3	Công ty nêu rõ cách thực thi và kiểm soát việc tuân thủ bộ Quy tắc ứng xử	●	
Thành phần và cơ cấu của HĐQT			
E.2.4	HĐQT có tối thiểu 50% thành viên độc lập	●	Bảo Việt chưa đáp ứng được yêu cầu này.
E.2.5	Công ty có giới hạn về nhiệm kỳ tối đa 9 năm hoặc ít hơn hoặc tối đa 2 nhiệm kỳ 5 năm đối với mỗi thành viên HĐQT độc lập? (Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi đưa ra Thẻ Điểm Quản trị Công ty ASEAN vào năm 2011)	●	Khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2014 đã quy định t/v HĐQT độc lập “không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, BKS của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó” Vi vậy, Bảo Việt đương nhiên thỏa mãn tiêu chí này.

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
E.2.6	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa năm vị trí HĐQT mà một thành viên HĐQT độc lập/không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác không?	<div></div>	Bảo Việt đã quy định cụ thể về chính sách này tại Quy chế quản trị của Tập đoàn Bảo Việt.
E.2.7	Công ty có thành viên HĐQT điều hành nào đang nắm giữ hơn 2 chức vụ trong HĐQT ở các công ty niêm yết khác ngoài tập đoàn	<div></div>	Bảo Việt không có trường hợp này
Tiểu ban Nhân sự			
E.2.8	Công ty có tiểu ban nhân sự	<div></div>	Bảo Việt có Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm thuộc HĐQT
E.2.9	Thành viên trong Tiểu ban nhân sự phần lớn là thành viên HĐQT độc lập (hơn 50%)	<div></div>	Bảo Việt chưa đảm bảo chuẩn mực này.
E.2.10	Chủ tịch tiểu ban nhân sự là thành viên HĐQT độc lập	<div></div>	
E.2.11	Công ty có công bố vai trò, nhiệm vụ, và điều lệ hoạt động của tiểu ban nhân sự	<div></div>	Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên
E.2.12	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên tiểu ban nhân sự	<div></div>	
Tiểu ban Thù lao/ Tiểu ban Lương thưởng			
E.2.13	Công ty có tiểu ban lương thưởng	<div></div>	Bảo Việt có Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm thuộc HĐQT
E.2.14	Thành viên trong Tiểu ban lương thưởng phần lớn là thành viên HĐQT độc lập (hơn 50%)	<div></div>	Bảo Việt chưa đảm bảo chuẩn mực này.
E.2.15	Chủ tịch tiểu ban lương thưởng là thành viên HĐQT độc lập	<div></div>	

Tiêu chí này áp dụng cho Ban Kiểm soát đối với Doanh nghiệp hoạt động theo mô hình ĐHCĐ, HĐQT, BKS (Theo tư vấn của Chuyên gia đánh giá ACGS của ASEAN)

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
E.2.16	Công ty có công bố vai trò, nhiệm vụ và điều lệ hoạt động của tiểu ban lương thưởng	●	Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên
E.2.17	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên tiểu ban lương thưởng	●	
Tiểu ban Kiểm toán ¹			
E.2.18	Công ty có Tiểu ban kiểm toán	●	Bảo Việt có Ban Kiểm soát
E.2.19	Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát có bao gồm toàn bộ thành viên không điều hành với đa số thành viên/ủy viên độc lập	●	Bảo Việt chưa đảm bảo chuẩn mực này.
E.2.20	Chủ tịch của Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát có phải là thành viên độc lập	●	Trưởng Ban Kiểm soát là thành viên độc lập do ĐHĐCĐ bầu, không phải là đại diện vốn của cổ đông lớn và làm việc chuyên trách tại Tập đoàn Bảo Việt.
E.2.21	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát	●	Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.
E.2.22	Có ít nhất 1 thành viên độc lập của Tiểu ban có chuyên môn về kế toán (bằng cấp hoặc kinh nghiệm kế toán)	●	Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.
E.2.23	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát	●	
E.2.24	Tiểu ban Kiểm toán/Ban Kiểm soát có nhiệm vụ chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm, và miễn nhiệm kiểm toán độc lập	●	
E.3	Quy trình HĐQT		
Họp và tham dự họp HĐQT			
E.3.1	Họp HĐQT có được lập kế hoạch trước năm tài chính	●	HĐQT đã thực hiện lập kế hoạch hoạt động, bao gồm lịch họp HĐQT trong năm trước năm tài chính kế tiếp

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
E.3.2	HĐQT họp ít nhất 6 lần trong năm	●	Năm 2017 HĐQT Bảo Việt thực hiện 6 cuộc họp HĐQT trực tiếp và hơn 70 phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để giải quyết các vấn đề trong năm. Đã báo cáo tại Báo cáo thường niên.
E.3.3	Mỗi thành viên HĐQT tham gia ít nhất 75% tổng số cuộc họp HĐQT trong năm đánh giá	●	Bảo Việt thực hiện tốt các yêu cầu này, đã báo cáo trong Báo cáo thường niên.
E.3.4	Công ty có yêu cầu tỉ lệ biểu quyết thông qua là tối thiểu 2/3 trong các quyết định của HĐQT?	●	Hiện tại Bảo Việt đang yêu cầu tỷ lệ là quá bán theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ, tuy nhiên trên thực tế, các nghị quyết của HĐQT đều được sự tán thành của ít nhất 7/9 thành viên HĐQT, đa số đạt được đồng thuận tuyệt đối 9/9 phiếu đồng ý.
E.3.5	Có ít nhất 1 cuộc họp giữa các thành viên HĐQT không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành trong năm đánh giá	●	Bảo Việt chưa thực hiện quy định này.
<i>Tiếp cận thông tin</i>			
E.3.6	Tài liệu họp HĐQT được gửi tới các thành viên tối thiểu 5 ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra	●	Bảo Việt tuân thủ quy định này, cung cấp các tài liệu bằng Tiếng Anh và Tiếng Việt
E.3.7	Công ty có nêu rõ trách nhiệm quan trọng của thư ký công ty trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện vai trò của mình	●	Bảo Việt đã nêu rõ trong Điều lệ và BCTN
E.3.8	Thư ký công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan các nội dung trên?	●	Bảo Việt đảm bảo yêu cầu này
<i>Bổ nhiệm và bầu lại HĐQT</i>			
E.3.9	Công ty công bố tiêu chuẩn lựa chọn thành viên HĐQT mới	●	Theo thông báo của HĐQT về việc bầu thành viên HĐQT mới tại các kỳ họp ĐHĐCĐ
E.3.10	Công ty công bố quy trình bổ nhiệm thành viên HĐQT mới	●	Bảo Việt có đưa ra quy chế bầu thành viên HĐQT.

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
E.3.11	Tất cả các thành viên HĐQT có được bầu lại tối thiểu 3 năm, hoặc 5 năm đối với công ty niêm yết ở những quốc gia có pháp luật quy định nhiệm kỳ 5 năm một lần? (Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ty ASEAN vào năm 2011)	●	Nhiệm kỳ thành viên HĐQT tại Tập đoàn Bảo Việt là 05 năm.
<i>Các vấn đề thù lao</i>			
E.3.12	Công bố chính sách/thông lệ về thù lao (phí, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) đối với t/v HĐQT điều hành và TGD.	●	Cung cấp tại báo cáo thường niên
E.3.13	Công bố cấu trúc thù lao của thành viên HĐQT ko điều hành	●	
E.3.14	Cổ đông và HĐQT có thông qua thù lao của ban điều hành	●	HĐQT thông qua mức lương thưởng của Ban Điều hành ĐHĐCĐ phê duyệt quỹ thưởng hoàn thành Kế hoạch kinh doanh cho Ban Điều hành
E.3.15	Công ty có các chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của các thành viên HĐQT điều hành hoặc ban điều hành với lợi ích lâu dài của công ty, chẳng hạn như áp dụng điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoãn lại (Clawback provision, deffered bonus)?	●	
<i>Kiểm toán nội bộ</i>			
E.3.16	Công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ riêng biệt	●	Bảo Việt có Khối Kiểm toán nội bộ
E.3.17	Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ có được công bố, hoặc nếu được thuê ngoài, tên của công ty thuê ngoài có được công bố công khai?	●	Bảo Việt đã thực hiện các nội dung này trong Báo cáo thường niên – công bố Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ, đồng thời đã thực hiện công bố thông tin lý lịch và người có liên quan của Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ.

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
E.3.18	Việc bổ nhiệm và bãi nhiệm của nhân viên kiểm toán nội bộ phải thông qua Tiểu ban Kiểm toán	●	Bảo Việt đã thực hiện các nội dung này đối với việc bổ nhiệm Lãnh đạo Khối/Ban thuộc Khối Kiểm toán nội bộ.
<i>Giám sát rủi ro</i>			
E.3.19	Công ty công bố quy trình kiểm soát nội bộ và hệ thống quản lý rủi ro thích hợp	●	Bảo Việt thực hiện tốt nội dung này tại Báo cáo thường niên
E.3.20	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có công bố rằng thành viên HĐQT đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của công ty (bao gồm các chốt kiểm soát về hoạt động, tài chính và tuân thủ) và các hệ thống quản lý rủi ro?	●	
E.3.21	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, vận hành bao gồm công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế)?	●	
E.3.22	BCTN của công ty có lời xác nhận từ HĐQT hoặc BKS về sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro của công ty?	●	Cung cấp tại Báo cáo thường niên (Phần Hệ thống kiểm soát nội bộ)
E.4	Nhân sự trong HĐQT		
<i>Chủ tịch HĐQT</i>			
E.4.1	Chủ tịch HĐQT và TGD không cùng 1 người đảm nhiệm	●	
E.4.2	Chủ tịch HĐQT là thành viên độc lập	●	Bảo Việt chưa đáp ứng tiêu chí này
E.4.3	Có bất kỳ thành viên HĐQT là nguyên Tổng Giám đốc/Giám đốc điều hành của công ty trong 2 năm trước?	●	Bảo Việt không có tình trạng này
E.4.4	Công ty công bố vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT	●	Bảo Việt công bố tại Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT và Báo cáo thường niên
<i>Trưởng Thành viên HĐQT độc lập</i>			
E.4.5	Nếu chủ tịch không phải là thành viên HĐQT độc lập, HĐQT có bầu chọn Trưởng thành viên độc lập (Lead independent director) và vai trò của vị trí này có được xác định rõ ràng?	●	

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ tại Bảo Việt	Ghi chú/ Đề xuất cải thiện
Kỹ năng và năng lực			
E.4.6	Công ty có thành viên HĐQT không điều hành có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực hoạt động chính của công ty	●	Bảo Việt đáp ứng tiêu chí này
E.5	Hiệu quả HĐQT		
Phát triển thành viên HĐQT			
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho các thành viên HĐQT mới	●	Bảo Việt đã có bản đồ học tập cho từng vị trí chuyên môn, và hiện đang rà soát cập nhật bổ sung các chương trình dành cho t/v HĐQT mới và các chương trình đào tạo dành riêng cho t/v HĐQT
E.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích các thành viên HĐQT tham gia các chương trình đào tạo chuyên môn/quản trị cao hơn	●	
Bổ nhiệm và hiệu quả của TGD/Ban điều hành			
E.5.3	Công ty có công bố cách thức thành viên HĐQT xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí TGD/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	●	HĐQT có thực hiện các công tác này, tuy nhiên chưa công bố công khai
E.5.4	HĐQT có tiến hành đánh giá hoạt động hàng năm đối với TGD	●	
Đánh giá HĐQT			Quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của HĐQT, đã báo cáo kết quả đánh giá tại phần Báo cáo hoạt động của HĐQT tại BCTN 2017
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	●	Đã tiến hành đánh giá và công bố trên Báo cáo thường niên
Đánh giá thành viên HĐQT			
E.5.6	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với từng thành viên HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	●	Đã tiến hành đánh giá và công bố trên Báo cáo thường niên
Đánh giá tiểu ban của HĐQT			
E.5.7	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với các tiểu ban của HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	●	Đã tiến hành đánh giá và công bố trên Báo cáo thường niên

ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, ĐẠI DIỆN CỦA CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC SUMITOMO LIFE VỀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Với tư cách là những thành viên Hội đồng Quản trị và là đại diện của đối tác chiến lược Sumitomo Life tại Tập đoàn Bảo Việt, một trong những điều chúng tôi quan tâm nhất chính là hệ thống quản trị doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt. Theo quan sát của chúng tôi, hệ thống quản trị doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt đã được liên tục cải thiện trong những năm qua, nhằm từng bước đạt tới các tiêu chuẩn quốc tế. Trong chiến lược của mình, Bảo Việt đã nhận thức được tầm quan trọng của Quản trị doanh nghiệp và tập trung nhằm nâng cao chất lượng và năng lực Quản trị doanh nghiệp. Chúng tôi đánh giá cao những nỗ lực của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Tập đoàn trong việc cố gắng đưa Bảo Việt trở thành một trong những định chế tài chính tốt nhất trong khu vực, không chỉ về kết quả kinh doanh mà còn về hệ thống kiểm soát và quản trị nội bộ. Dưới đây là một vài quan điểm của chúng tôi về các lĩnh vực Quản trị doanh nghiệp, quản lý rủi ro và tuân thủ tại Tập đoàn Bảo Việt:



Ông Muneo Sasagawa
Thành viên Hội đồng quản trị

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Bảo Việt đã và đang hoạt động trên cơ sở tuân thủ tốt các quy định về việc minh bạch hóa và công bố các thông tin. Ví dụ, các nội dung họp, biên bản họp và nghị quyết của kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên đã được công bố bằng song ngữ trên website của Tập đoàn Bảo Việt. Điều này giúp các cổ đông nước ngoài có thể nắm bắt thông tin dễ dàng hơn. Chúng tôi cũng nhận thấy Tập đoàn Bảo Việt luôn nhất quán trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế trong việc đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

Bên cạnh đó, Tập đoàn Bảo Việt cũng có nhiều nỗ lực trong việc đào tạo cho các thành viên Hội đồng quản trị và bộ phận thư ký Công ty trong việc cập nhật, nâng cao kiến thức thông qua những khóa đào tạo về Quản trị doanh nghiệp và thẻ điểm quản trị doanh nghiệp ASEAN. Việc sử dụng thẻ điểm này đã cho phép Tập đoàn Bảo Việt phát hiện ra những điểm còn thiếu sót và tìm cách cải thiện. Những nỗ lực này đã cải thiện khả năng Quản trị doanh nghiệp của Tập đoàn Bảo Việt, thông qua việc xây dựng một hệ thống mà ở đó từng thành viên Hội đồng quản trị có thể làm việc một cách tốt nhất.

QUẢN LÝ RỦI RO VÀ TUÂN THỦ

Trong năm qua, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục thực hiện rà soát hệ thống các quy định, quy chế quản trị nội bộ, nhằm quản lý một cách phù hợp các nguy cơ rủi ro trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh hàng ngày. Tập đoàn Bảo Việt cũng đã triển khai xây dựng khung tuân thủ tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế; ban hành chính sách quản lý rủi ro trong năm 2017, nhằm cụ thể hóa chiến lược quản lý rủi ro của giai đoạn 2016-2020.

Song hành với các cơ chế quản trị nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro và tuân thủ của Tập đoàn Bảo Việt cũng liên tục được tăng cường. Chúng tôi rất hài lòng với những thành tựu này và mong rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục có những tiến bộ xa hơn trong tương lai.

Sumitomo Life, với tư cách là đối tác chiến lược nước ngoài, đang và sẽ hỗ trợ Tập đoàn Bảo Việt trong những lĩnh vực này bằng cách cung cấp những kinh nghiệm và kiến thức của Sumitomo Life, và sẽ tiếp tục ủng hộ và hỗ trợ các sáng kiến của Tập đoàn Bảo Việt để trở thành một công ty toàn cầu được đánh giá tốt về lĩnh vực Quản trị doanh nghiệp.

05

BAOVIET 

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- CON SỐ VÀ SỰ KIỆN TIÊU BIỂU NĂM 2017
- TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
- THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI
- XANH HÓA HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
- AN TOÀN SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG



THỰC HIỆN BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
THEO **TIÊU CHUẨN
GRI STANDARDS**

CHỦ ĐỘNG NẮM BẮT CƠ HỘI
TỪ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG TÁC ĐỘNG TỚI
CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH
CỦA BẢO VIỆT

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG **ĐƯỢC ĐẢM BẢO**
BỞI KIỂM TOÁN NỘI BỘ CỦA TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

ĐỊNH HƯỚNG
CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG
THEO CÁC MỤC TIÊU
THiên NIÊN KỶ CỦA
LIÊN HỢP QUỐC
(SDGS)

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ,
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ
TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI
LÀ BA YẾU TỐ ĐÓNG VAI TRÒ
NỀN TẢNG CHO SỰ
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA BẢO VIỆT

TIÊN PHONG TUYÊN BỐ VÀ HIỆN THỰC HÓA
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



TĂNG TRƯỞNG KINH DOANH BỀN VỮNG



• **32.748** tỷ đồng (+27,5%)
Doanh thu hợp nhất

• **680** tỷ đồng cổ tức chi trả cho cổ đông

• **17.753** tỷ đồng
đóng góp cho Ngân sách nhà nước

• **1.603** tỷ đồng (+38%)
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất

GẮN KẾT PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP



Thành lập tổ thường trực về PTBV
(Core Team) với

45 thành viên



ISO 19600

Tiên phong tổ chức đào tạo
ISO 19600 - tiêu chuẩn tuân thủ mới nhất



27 quy định ISO điều chỉnh quá trình tác nghiệp các nghiệp vụ quan trọng

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC



80.741

giờ đào tạo cho cán bộ nhân viên



123.956

giờ đào tạo chuyên môn nghiệp vụ



98,3%

cán bộ nhân viên tham gia vào hoạt động cộng đồng năm 2017

ĐÓNG GÓP CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CỘNG ĐỒNG



36 tỷ đồng

Đầu tư cho giáo dục và thể hệ trẻ, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia



18 tỷ đồng

đầu tư cho Chương trình học bổng An sinh giáo dục từ năm 2005



1.500 suất học bổng

Được trao cho học sinh nghèo vượt khó



28

chương trình cộng đồng được tổ chức trong năm 2017



08

sản phẩm mới ra mắt trong năm 2017 như Bảo hiểm hưu trí, Bảo hiểm chuyên biệt cho bệnh nhân ung thư và tim mạch...

CHUNG TAY BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



1.200

Poster truyền thông về việc sử dụng hợp lý nguồn năng lượng trên toàn hệ thống Bảo Việt



500

Bản tin nội bộ toàn hệ thống truyền thông về vấn đề phát triển bền vững



5S

Đẩy mạnh thực hành 5S tại môi trường làm việc



7000 M3

Tiết giảm 7.000 m³ nước thải ra môi trường trên toàn hệ thống Bảo Việt

SỰ KIỆN TIÊU BIỂU NĂM 2017



TOP 10 Doanh nghiệp Bền vững xuất sắc nhất Việt Nam 2017

01



Giá trị thương hiệu đạt 108 triệu USD, cao nhất trong ngành tài chính - bảo hiểm

02



Lãnh đạo Nhà nước ghi nhận và vinh danh vì những đóng góp tích cực cho các hoạt động vì trẻ em trong năm 2017

03



Tham gia thành viên Ban Điều hành Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững (VBCSD) nhiệm kỳ II

04



Hơn 300 đơn vị máu được hiến tặng tại ngày hội tình nguyện hiến máu "Bảo Việt - Vì những niềm tin của bạn"

05



Tiên phong áp dụng Bộ tiêu chuẩn quốc tế GRI Sustainability Reporting Standards trong việc thực hiện Báo cáo phát triển bền vững

06



Top 18 Báo cáo Phát triển bền vững xuất sắc nhất thế giới và Giải Bạch kim cho báo cáo xuất sắc trong ngành Bảo hiểm - Dịch vụ tài chính tại Cuộc bình chọn Báo cáo thường niên quốc tế (LACP, Hoa Kỳ)

07



Ra mắt chuỗi các sản phẩm tích hợp và chuyên biệt mang lại sự lựa chọn đa dạng và ưu đãi vượt trội cho cộng đồng

08



Giải Đặc biệt Báo cáo phát triển bền vững tốt nhất Châu Á và Giải Báo cáo tương tác với các Bên liên quan tốt nhất tại Cuộc bình chọn Báo cáo phát triển bền vững Châu Á (ASRA, Singapore)

09



Đầu tư hơn 220 tỷ đồng cho hoạt động an sinh xã hội và phát triển cộng đồng bền vững

10

“Bảo Việt hiểu rằng để xây dựng nên một tương lai tốt đẹp, cần sự nỗ lực của tất cả chúng tôi từ ngày hôm nay, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò như một nhân tố tích cực trong việc hiện thực hóa tương lai này. Và để làm được, chúng tôi cũng cần xây dựng lộ trình cụ thể nhằm bù đắp lại những thiếu hụt về nguồn lực tài nguyên mà con người đã khai thác quá mức trong quá khứ và trong hiện tại.”

MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Bảo Việt luôn gắn liền tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội - ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của Bảo Việt. Trong đó, mục tiêu kinh tế là mục tiêu quan trọng nhất của Bảo Việt vì việc thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần để thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường.

Việc thực hiện mục tiêu kinh tế được kết hợp với thực hiện các mục tiêu khác về mặt xã hội và môi trường nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan tới hoạt động trong hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển dài hạn và bền vững của Bảo Việt.

Mô hình phát triển bền vững của bảo việt bao gồm các yếu tố sau:



- **Đóng góp cho sự phát triển kinh tế chung**
- **Góp phần phát triển kinh tế địa phương**
- **Tiên phong triển khai các chủ trương của Nhà nước**

Là doanh nghiệp tiên phong khai mở thị trường trong các lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán, đến nay Bảo Việt trở thành tập đoàn tài chính bảo hiểm dẫn đầu các lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, nhân thọ, quản lý quỹ, chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác. Sự tăng trưởng của Bảo Việt có đóng góp quan trọng cho ngành tài chính – bảo hiểm nói riêng và nền kinh tế đất nước nói chung.



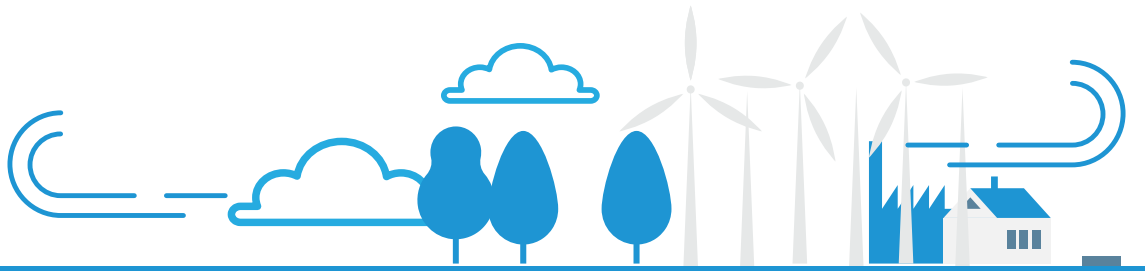
- **Tạo công ăn việc làm; chia sẻ gánh nặng trước những bất trắc liên quan đến sức khỏe, tài sản của khách hàng**
- **Chung tay vì một cộng đồng phát triển**

Với 6.033 cán bộ và 170.000 lao động hoạt động trên 200 chi nhánh và hơn 700 phòng giao dịch của bảo hiểm trên 63 tỉnh thành, Bảo Việt cung cấp sản phẩm cho người dân cả nước, góp phần tạo công ăn việc làm cho người lao động, đóng góp cho sự tăng trưởng của các nhà cung cấp địa phương và đóng góp cho ngân sách địa phương.



- **Xanh hóa hoạt động kinh doanh**
- **Lan tỏa ý thức bảo vệ môi trường**

Là doanh nghiệp bảo hiểm, đầu tư và dịch vụ tài chính, các tác động đến môi trường của Bảo Việt chủ yếu thông qua hoạt động xả thải và tiêu thụ năng lượng tại các văn phòng nơi Bảo Việt hoạt động. Nhằm giảm thiểu tác động này, Bảo Việt đã tập trung vào việc triển khai báo cáo quan trắc và phân tích nguồn chất thải có khả năng gây hại tới môi trường tại tòa nhà văn phòng làm việc của Bảo Việt và các giải pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm.



Thông qua quá trình trao đổi, tiếp xúc với các bên liên quan, phân tích các tác động của Bảo Việt, ảnh hưởng và cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững, từ đó Bảo Việt đã hoàn thiện mô hình phát triển bền vững đến năm 2020. Chúng tôi nhận thức được rằng cùng với việc đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo lợi ích của xã hội và cộng đồng, bảo vệ môi trường thì “Quản trị doanh nghiệp” và “Phát triển nguồn nhân lực” cũng là hai yếu tố quan trọng, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Bảo Việt. Chính vì vậy, Bảo Việt sẽ ưu tiên gắn kết 2 yếu tố này trong mô hình phát triển bền vững trung và dài hạn.

Nội dung phát triển bền vững được Bảo Việt lập thành 01 báo cáo độc lập theo Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững mới nhất - GRI Sustainability Reporting Standards của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI).

Thông qua quá trình trao đổi, tiếp xúc với các bên liên quan, phân tích các tác động của Bảo Việt, ảnh hưởng và cơ hội từ xu hướng phát triển bền vững, từ đó Bảo Việt đã hoàn thiện mô hình phát triển bền vững đến năm 2020. Chúng tôi nhận thức được rằng cùng với việc đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo lợi ích của xã hội và cộng đồng, bảo vệ môi trường thì “Quản trị doanh nghiệp” và “Phát triển nguồn nhân lực” cũng là hai yếu tố quan trọng, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Bảo Việt. Chính vì vậy, Bảo Việt sẽ ưu tiên gắn kết 2 yếu tố này trong mô hình phát triển bền vững trung và dài hạn.

Nội dung phát triển bền vững được Bảo Việt lập thành 01 báo cáo độc lập theo Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững mới nhất - GRI Sustainability Reporting Standards của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI).

Báo cáo phát triển bền vững của Bảo Việt ghi lại những hoạt động quan trọng của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên của Bảo Việt liên quan đến các vấn đề về phát triển bền vững trong năm 2017. Cách tiếp cận với các vấn đề phát triển bền vững của Bảo Việt xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong dài hạn của doanh nghiệp kết hợp với các mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, từ đó đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng.

Nội dung phát triển bền vững được Bảo Việt chia sẻ tích cực và chủ động với các bên liên quan nhằm nhận diện những vấn đề được các bên quan tâm. Những vấn đề này tiếp tục được chúng tôi đánh giá và xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại, chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp, từ đó xác định ra các vấn đề trọng yếu để thực hiện rà soát, cải tiến cũng như thể hiện trong Báo cáo Phát triển bền vững 2017.

Tại Báo cáo thường niên 2017, Bảo Việt đã tích hợp việc trình bày các nội dung về phát triển bền vững xuyên suốt từ định hướng chiến lược đến năm 2020 đến các hoạt động kinh doanh hàng ngày tại Bảo Việt và các đơn vị thành viên. Nội dung Phát triển bền vững tại Chương V Báo cáo thường niên 2017 tập trung vào các hoạt động thực hiện trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường, bao gồm các chỉ tiêu thuộc các lĩnh vực trọng yếu được Bảo Việt ưu tiên triển khai trong năm 2017 được rà soát và đảm bảo bởi Khối Kiểm toán nội bộ Tập đoàn Bảo Việt.

Để có được bức tranh toàn cảnh về hoạt động phát triển bền vững của Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên theo tiêu chuẩn GRI Sustainability Reporting Standards, vui lòng tham khảo Báo cáo phát triển bền vững năm 2017 của Tập đoàn Bảo Việt.

Chúng tôi hiểu rằng, doanh nghiệp hoạt động hiệu quả khi mang lại những giá trị bền vững cho cộng đồng địa phương. Với Bảo Việt chúng tôi mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương thông qua thực hiện thực hiện các dự án phát triển cộng đồng nhằm góp phần xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống về vật chất và tinh thần cho nhân dân địa phương, tạo công ăn việc làm cho người dân tại các địa phương, góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, miền, cải thiện cơ sở hạ tầng cho các địa phương nơi Bảo Việt có trụ sở

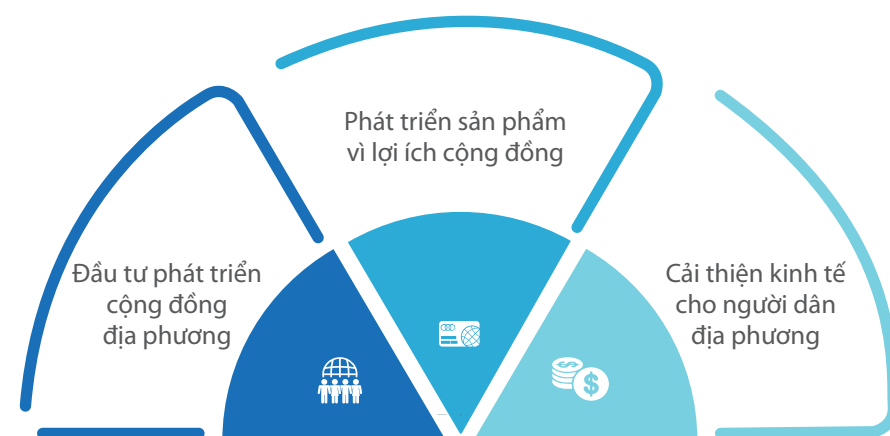
PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Cùng với mục tiêu tăng trưởng vững chắc về kinh tế, chiến lược phát triển bền vững của Bảo Việt hướng tới cân bằng các lợi ích cho cộng đồng và môi trường, chính vì vậy thực hiện trách nhiệm xã hội là trọng tâm hướng tới của Bảo Việt. Xuất phát từ ý nghĩa nhân văn của sản phẩm bảo hiểm là cùng chia sẻ gánh nặng về tài chính với khách hàng khi gặp rủi ro, Bảo Việt đầu tư phát triển các sản phẩm vi mô như bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm học sinh nhằm giúp khách hàng thu nhập thấp, ở các khu vực nông thôn có thể tiếp cận các dịch vụ bảo hiểm cho cuộc sống và hoạt động sản xuất, nông nghiệp.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng san sẻ với xã hội khi nghiên cứu và phát triển sản phẩm bảo hiểm hưu trí nhằm đem lại nguồn thu nhập ổn định của người lao động sau khi về hưu, gắn kết doanh nghiệp với người lao động đồng thời góp phần giảm bớt áp lực về ngân sách bảo hiểm xã hội của Nhà nước; các sản phẩm bảo hiểm chuyên biệt dành cho bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo như ung thư, tim mạch với mong muốn chia sẻ gánh nặng tài chính với người bệnh, đem lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng.

Bảo Việt cũng thực hiện đầu tư vào các dự án vì cộng đồng vì chúng tôi xác định các hoạt động vì cộng đồng là đầu tư dài hạn cho doanh nghiệp. Chúng tôi thay mặt cho các cổ đông, thực hiện các dự án phát triển cộng đồng, nhằm đem lại đem lại lợi ích cho cộng đồng và cho chính Bảo Việt thông qua việc tối đa hóa giá trị của các dự án cộng đồng mang lại cho người dân địa phương và gia tăng mức độ ảnh hưởng tích cực của Bảo Việt tại địa phương đó.

THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI



PHẠM VI BÁO CÁO

- Đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng
- Đầu tư cho xóa đói giảm nghèo
- Đầu tư cho giáo dục và thể hệ trẻ
- Tri ân anh hùng liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng
- Đầu tư khắc phục hậu quả thiên tai
- Đánh giá hiệu quả các dự án cộng đồng năm 2017 và kế hoạch năm 2018



CHỈ TIÊU CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO BỞI KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Năm 2017, Bảo Việt đóng góp cho sự phát triển bền vững của cộng đồng địa phương thông qua việc ưu tiên đầu tư cho các dự án thuộc phạm vi: Đầu tư cho giáo dục và thể hệ trẻ với tỷ trọng 46,6%; Xóa đói giảm nghèo với tỷ trọng 15,7%; Tri ân anh hùng, gia đình liệt sỹ có công với đất nước với tỷ trọng 21,3%; Khắc phục hậu quả thiên tai với tỷ trọng 1,2% và hoạt động khác với tỷ trọng 15,2%.

ĐÓNG GÓP CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CỘNG ĐỒNG

Với mạng lưới hoạt động rộng khắp cả nước, Bảo Việt mang lại lợi ích cho địa phương và người dân thông qua thực hiện nghĩa vụ thuế, tạo công ăn việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Cùng với những đóng góp tích cực từ sự tăng trưởng bền vững và lâu dài của Bảo Việt, chúng tôi cũng hướng đến việc góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước thông qua hoạt động đầu tư cho cộng đồng

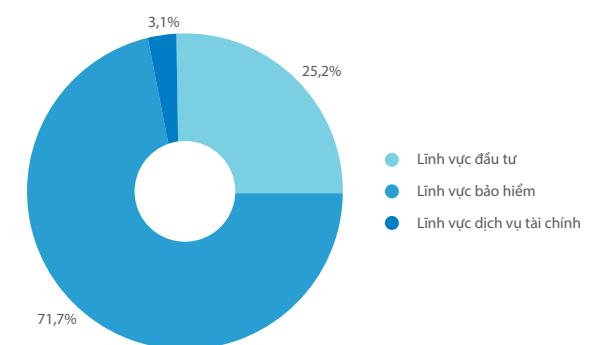
Thực hiện sứ mệnh 'Bảo đảm sự bình an, thịnh vượng và lợi ích lâu dài cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và cộng đồng', song song với nhiệm vụ tăng trưởng kinh doanh, Bảo Việt xác định mục tiêu chiến lược phát triển bền vững thông qua thực hiện các mục tiêu kinh tế, môi trường và xã hội cộng đồng. Bảo Việt đã luôn sát cánh cùng chính quyền địa phương thực hiện các hoạt động xã hội thông qua các hoạt động xóa đói giảm nghèo, tích cực tham gia triển khai có hiệu quả Nghị quyết 30a của Chính phủ về xóa đói giảm nghèo nhanh và bền vững, đầu tư cho công tác y tế, giáo dục và thể hệ trẻ, tri ân các gia đình có công với cách mạng...

Nguồn kinh phí dùng để đầu tư cho hoạt động cộng đồng của Bảo Việt đến từ 02 nguồn:

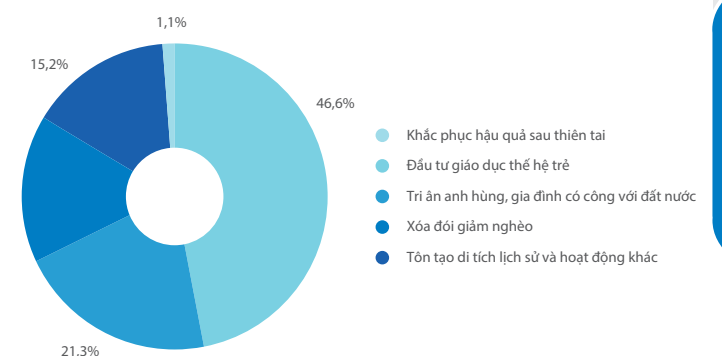
- Nguồn chi phí hoạt động kinh doanh;
- Nguồn lợi nhuận sau thuế (tỷ lệ trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế để thành lập quỹ an sinh đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, tương đương 1% lợi nhuận sau thuế).

Tính chung trong giai đoạn 2009-2017, Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên đã tích cực tham gia các hoạt động An sinh xã hội, đã dành trên 220 tỷ đồng chi

Tỷ trọng hoạt động đầu tư cộng đồng của Bảo Việt theo lĩnh vực kinh doanh



Tỷ trọng hoạt động đầu tư cộng đồng năm 2017 theo trọng tâm



cho các hoạt động đầu tư phát triển cộng đồng bền vững, hoạt động an sinh xã hội trên cả nước, bao gồm các dự án xóa đói giảm nghèo tại tỉnh Bắc Kạn và Nghệ An đóng góp vào công cuộc xây dựng cơ sở hạ tầng của địa phương.

Thông qua các chương trình xóa đói giảm nghèo thực hiện theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ, Bảo Việt đã góp phần cải thiện đời sống về vật chất và tinh thần cho nhân dân địa phương, góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa miền núi với miền xuôi, đảm bảo thực hiện đúng lộ trình của Chính phủ về giảm nghèo nhanh và bền vững đến năm 2020.

Tổng ngân sách chi cho hoạt động cộng đồng trong năm 2017 từ nguồn tập trung của Bảo Việt và nguồn riêng của các Đơn vị thành viên là 76,9 tỷ đồng. Trong đó, hơn 44 tỷ đồng được trích từ nguồn chi phí hoạt động kinh doanh; gần 24,9 tỷ đồng được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế triển khai tập trung tại Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt. Bên cạnh các hoạt động đầu tư cho cộng đồng từ Công ty Mẹ, hơn 7,8 tỷ đồng đã được đầu tư từ nguồn chi phí riêng của các đơn vị thành viên. So với năm 2016, nguồn chi cho hoạt động cộng đồng từ các nguồn chi phí tập trung năm 2017 tăng 14,2 tỷ đồng, tăng 48% (nguồn chi cho hoạt động cộng đồng năm 2016 từ nguồn chi phí tập trung là 29,8 tỷ đồng).

Hoạt động đầu tư cộng đồng năm 2017

(trích từ nguồn chi phí, triển khai tập trung tại Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt)

TRỌNG TÂM

THỰC HIỆN

	Đầu tư cho giáo dục và thể hệ trẻ	28.528.168.185
	Xóa đói giảm nghèo	11.619.199.000
	Khắc phục hậu quả thiên tai	800.000.000
	Tri ân anh hùng liệt sỹ, gia đình có công với đất nước	3.150.000.000
TỔNG CỘNG		44.097.367.185

Hoạt động đầu tư cộng đồng năm 2017

(trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế, triển khai tập trung tại Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt)

TRỌNG TÂM

THỰC HIỆN

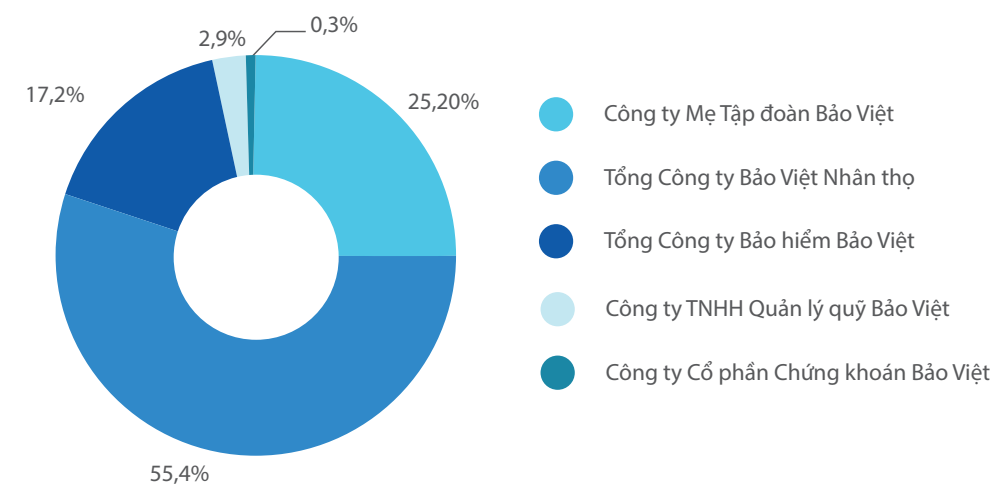
	Xóa đói giảm nghèo	10.000.000
	Tri ân anh hùng liệt sỹ, gia đình có công với đất nước	13.238.763.000
	Tôn tạo di tích lịch sử và bảo tồn giá trị văn hóa dân tộc	11.709.649.000
TỔNG CỘNG		24.958.412.000

Hoạt động tri ân anh hùng, gia đình liệt sỹ có công với đất nước và hoạt động khác được đầu tư trong năm 2017 từ nguồn lợi nhuận sau thuế bao gồm cả các hoạt động tu bổ, tôn tạo Di tích Thành cổ Quảng Trị, Tài trợ cho Trung tâm Điều dưỡng người có công, tôn tạo các di tích lịch sử tại Bắc Giang, Phú Thọ, Hà Nội, Quảng Bình, Ninh Bình...

TỶ TRỌNG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỘNG ĐỒNG NĂM 2017 THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Trong cơ cấu lợi nhuận, lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm luôn duy trì tỷ trọng đóng góp lớn nhất do lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ có sự tăng trưởng bứt phá trong những năm gần đây. Theo đó, trong tổng ngân sách đầu tư cho hoạt động cộng đồng năm 2017, lĩnh vực bảo hiểm chiếm tỷ trọng 71,7%; lĩnh vực đầu tư và dịch vụ tài chính đóng góp 28,3%.

Tỷ trọng hoạt động đầu tư cộng đồng theo đơn vị năm 2017



Tỷ trọng hoạt động đầu tư cộng đồng theo đơn vị (bao gồm toàn bộ nguồn chi phí kinh doanh và LSNT của Công ty mẹ TĐBV phân bổ cho các Công ty con do Tập đoàn sở hữu 100% vốn điều lệ; nguồn chi phí kinh doanh và LSNT của các Công ty con ngoại trừ BVGI) được trình bày tại bảng sau:

Tỷ trọng hoạt động đầu tư cộng đồng theo đơn vị

Đơn vị	Nguồn chung của TĐBV			Nguồn riêng của các đơn vị		Đơn vị: đồng
	Nguồn chi phí 2017	Nguồn chi phí 2015 trở về trước	Nguồn lợi nhuận sau thuế	Nguồn chi phí	Nguồn lợi nhuận sau thuế	
Lĩnh vực đầu tư	4.124.653.800	2.489.951.278	12.750.401.000			
Tập đoàn Bảo Việt	4.124.653.800	2.489.951.278	12.750.401.000	—	—	19.365.006.078
Lĩnh vực bảo hiểm	21.998.153.600	13.279.740.148	12.208.011.000	7.651.859.621		55.137.764.369
Bảo Việt nhân thọ	13.748.846.000	8.299.837.593	12.208.011.000	7.651.859.621	—	41.908.554.214
BHBH	8.249.307.600	4.979.902.556	—	NA	N/A	13.229.210.156
Lĩnh vực dịch vụ tài chính	1.374.884.600	829.983.759		10.000.000	203.087.900	2.417.956.259
QLQBV	1.374.884.600	829.983.759	—	—	—	2.204.868.359
CKBV	—	—	—	10.000.000	203.087.900	213.087.900
Tổng cộng	27.497.692.000	16.599.675.185	24.958.412.000	7.661.859.621	203.087.900	76.920.726.706

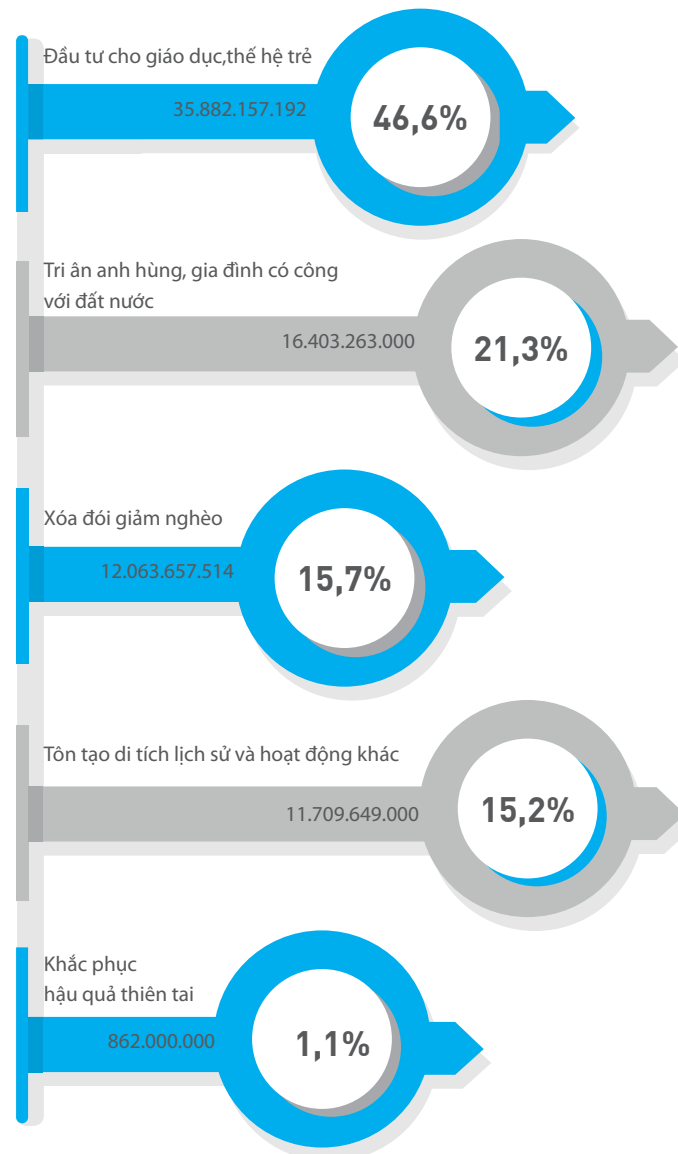
Ghi chú: TĐBV - Tập đoàn Bảo Việt; BVNT - Bảo Việt Nhân thọ; BHBH - Bảo hiểm Bảo Việt; QLQBV - Quản lý quỹ Bảo Việt; CKBV - Chứng khoán Bảo Việt

Trên cơ sở các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi luôn duy trì kết quả tăng trưởng ổn định qua các năm, Bảo Việt tiếp tục phân bổ lợi nhuận sau thuế để đầu tư cho các hoạt động vì lợi ích cộng đồng tương ứng với tỷ trọng đóng góp của từng lĩnh vực kinh doanh trong lợi nhuận của Bảo Việt.

Năm 2017, Bảo Việt đã đầu tư cho các hoạt động cộng đồng theo 04 trọng tâm, trong đó Đầu tư cho giáo dục và thể hệ trẻ là 358 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 46,6%; Xóa đói giảm nghèo là 12 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 15,7%; Tri ân anh hùng, gia đình liệt sỹ có công với đất nước là 16,4 tỷ đồng với tỷ trọng 21,3%; Khắc phục hậu quả thiên tai là 862 triệu đồng với tỷ trọng 1,1% và hoạt động tôn tạo di tích lịch sử, bảo tồn giá trị văn hóa dân tộc và hoạt động khác là 11,7 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 15,2%.

Bên cạnh việc xác định trọng tâm và tập trung ưu tiên vào các lĩnh vực cụ thể, Bảo Việt còn khuyến khích sự tham gia của cán bộ nhân viên toàn hệ thống trong quá trình hiện thực hóa các mục tiêu đầu tư phát triển cộng đồng. Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh, nữ công của Tập đoàn và các đơn vị thành viên hàng năm đều triển khai thực hiện rất tốt hàng trăm chương trình an sinh xã hội với số tiền hàng tỷ đồng như chăm sóc Mẹ Việt Nam Anh hùng, thăm và tặng quà gia đình chính sách, xây dựng nhà tình nghĩa, mái ấm biên cương, nhà đại đoàn kết...

Trong thời gian tới, Tập đoàn Bảo Việt sẽ tiếp tục thực hiện các chương trình, hoạt động hướng về cộng đồng và góp phần thực hiện các chính sách an sinh xã hội vì một tương lai bền vững mà Chính phủ đang quan tâm thúc đẩy.



ĐẦU TƯ CHO GIÁO DỤC VÀ THẾ HỆ TRẺ

Không chỉ dành tỷ trọng đầu tư lớn cho hoạt động xóa đói giảm nghèo, Bảo Việt đã tăng cường đầu tư cho hoạt động giáo dục và thế hệ trẻ bao gồm các chương trình trao tặng học bổng cho học sinh sinh viên có thành tích học tập xuất sắc, các em học sinh nghèo vượt khó, đầu tư xây dựng Trường Mầm non đạt chuẩn Quốc gia xã Phú Đình, Định Hóa, Thái Nguyên; xây dựng trường Tiểu học Nghiên Loan 1, Pác Nặm, Bắc Kạn; xây dựng Trường Tiểu học Sùng Trái, Đồng Văn, Hà Giang, xây dựng trường Tiểu học Nguyễn Trãi – thị xã Quảng Trị; xây dựng trường THPT Nguyễn Huệ - Quảng Trị; xây dựng Trường Tiểu học Sùng Trái, Đồng Văn, Hà Giang nhằm hỗ trợ địa phương có thêm cơ sở dạy học cho các em học sinh, cùng với trang thiết bị dạy học và phòng chức năng đầy đủ, hỗ trợ các thầy cô giáo trong công tác giảng dạy.

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT DÀNH HƠN 35 TỶ ĐỒNG CHO THẾ HỆ TRẺ NHÂN DỊP KHAI TRƯỞNG

Tại Lễ khai giảng năm học mới 2017 - 2018, Tập đoàn Bảo Việt đã dành kinh phí hơn 35 tỷ đồng cho thế hệ trẻ trên toàn quốc, bao gồm đầu tư xây dựng trường học, trao học bổng cho các em có thành tích học tập xuất sắc, có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn 15 tỉnh trung du, miền núi phía Bắc, các sinh viên có thành tích xuất sắc của Đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Tài chính.

Thành lập Quỹ Khuyến học Bảo Việt và trao tặng 2.500 suất học bổng cho học sinh hoàn cảnh khó khăn

Bắt đầu từ năm học 2017 - 2018, Tập đoàn Bảo Việt đã quyết định dành một phần kinh phí để thành lập Quỹ Khuyến học Bảo Việt, Tập đoàn Bảo Việt trao học bổng cho 472 em học sinh có thành tích xuất sắc trong đó có 7 em đạt giải quốc tế, 465 em đạt giải quốc gia, 1.500 em học sinh thuộc diện hộ nghèo, vượt khó học giỏi tại 15 tỉnh trung du, miền núi phía Bắc với tổng kinh phí gần 4 tỷ đồng. Nhân dịp khai giảng năm học mới, Tập đoàn Bảo Việt đã tổ chức trao học bổng cho học sinh tại các tỉnh Phú Thọ, Hòa Bình.

Hỗ trợ 1 tỷ đồng xây dựng Nhà Văn hóa bản Huổi Liếng, Sơn La

Ngày 5/9/2017, Tập đoàn Bảo Việt đã tham gia đoàn công tác của Phó Chủ tịch nước Đặng Thị Ngọc Thịnh tới thăm, động viên cán bộ, nhân dân tỉnh Sơn La và dự

Lễ khai giảng năm học mới tại Trường Phổ thông dân tộc Nội trú huyện Mường La - địa phương đã chịu nhiều tổn thất trong đợt lũ lịch sử vừa qua. Trong khuôn khổ chuyển công tác, Tập đoàn Bảo Việt đã trao kinh phí 1 tỷ đồng để hỗ trợ xây dựng Nhà Văn hóa bản Huổi Liếng, xã Nậm Pằm, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Trao tặng hơn 60 suất học bổng “Bảo Việt – Niềm tin thấp sáng tương lai” cho các sinh viên ưu tú Đại học Kinh tế Quốc dân và Học viện Tài chính

Với mục tiêu chiến lược phát triển bền vững đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ, từ năm 2015, Tập đoàn Bảo Việt đã triển khai chương trình học bổng “Bảo Việt - Niềm tin thấp sáng tương lai” tặng sinh viên Đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Tài chính; đồng thời cũng tham gia công tác tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp của trường cũng như phối hợp cùng nhà trường cung cấp các sản phẩm dịch vụ của Bảo Việt nhằm nâng cao nhận thức



Em Ngô Thị Thanh Thủy

Tân thủ khoa Học viện Tài chính Khóa 55 được nhận mức học bổng cao nhất từ học bổng “Bảo Việt – Niềm tin thấp sáng tương lai”

“Khi biết thông tin được nhận học bổng Bảo Việt, em có rất nhiều cảm xúc nối tiếp nhau, từ bất ngờ, vui mừng, tự hào đến hạnh phúc. Học bổng “Bảo Việt – Niềm tin thấp sáng tương lai” là một món quà rất ý nghĩa, ghi nhận những cố gắng của em trong thời gian qua. Em mong muốn học bổng Bảo Việt sẽ tiếp tục được triển khai ở các thế hệ sinh viên khóa sau và sẽ là nguồn động viên lớn cho chúng em vươn lên trong học tập và nghiên cứu khoa học.”





của các em đối với sản phẩm dịch vụ tài chính. Trong tuần đầu tháng 9, Tập đoàn Bảo Việt trao hơn 60 suất học bổng tổng cộng gần 1,2 tỷ đồng cho các sinh viên xuất sắc năm học 2017 - 2018 của trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Học viện Tài chính.

Bảo Việt tin tưởng các em học sinh được nhận học bổng ngày hôm nay sẽ là cầu nối, là tấm gương lan tỏa tinh thần học tập của các em tới các bạn học sinh khác để học bổng Bảo Việt sẽ đến được với nhiều em nữa trong những năm học tiếp theo. Với các em sinh viên, sự hỗ trợ về kinh phí của Bảo Việt sẽ là nguồn động viên khích lệ các em tham gia vào nhiều hoạt động khác của Trường như tham gia các đề án, đề tài nghiên cứu khoa học có tính thực tiễn và ứng dụng cao.

KHỞI CÔNG TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ VÀ KHÁNH THÀNH TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN TRÃI, QUẢNG TRỊ

Tập đoàn Bảo Việt đã tổ chức Lễ khởi công Trường THPT Nguyễn Huệ và khánh thành trường Tiểu học Nguyễn Trãi, tỉnh Quảng Trị - các công trình do Tập đoàn đầu tư hỗ trợ kinh phí xây dựng. Quảng Trị là mảnh đất Anh hùng cách mạng, ghi dấu nhiều chiến công hiển hách của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; nhân dân Quảng Trị đã phải hứng chịu nhiều đau thương, mất mát to lớn, hiện nay, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Do vậy, Tập đoàn Bảo Việt mong muốn xây dựng các trường học khang trang hơn để các thầy cô giáo và học sinh nơi đây có đủ điều kiện để dạy tốt và học tốt, phát huy truyền thống anh hùng của quê hương Quảng Trị.

TÀI TRỢ CUỘC THI “NHÀ NGÂN HÀNG TƯƠNG LAI”

Ngày 6/12/2017, đêm chung kết cuộc thi “Nhà Ngân hàng tương lai 2017” đã diễn ra thành công tại Học viện Ngân hàng. BAOVIET Bank vinh dự đồng hành cùng chương trình với vai trò là nhà tài trợ Bạc.

“Nhà Ngân hàng tương lai” là cuộc thi chuyên môn của Liên chi đoàn Khoa Ngân hàng trực thuộc Học viện Ngân hàng, được tổ chức thường niên từ năm 2000, cuộc thi đã trở thành sân chơi hấp dẫn và bổ ích cho những sinh viên khối ngành Kinh tế trên địa bàn Hà Nội và Học viện Ngân hàng. Với chủ đề Bank 4.0, cuộc thi năm nay thu hút rất nhiều các bạn trẻ tham gia, đem đến cho các sinh viên kiến thức thực tế cũng như những trải nghiệm về xu hướng của ngành ngân hàng trong cuộc cách mạng công nghệ số.

Đồng hành cùng cuộc thi năm nay, BAOVIET Bank hỗ trợ tiếp nhận nhu cầu tuyển dụng của sinh viên và tạo điều kiện cho các sinh viên xuất sắc cơ hội được học tập và trải nghiệm trong môi trường làm việc thực tế.

ĐỒNG HÀNH CÙNG CUỘC THI VIOLYMPIC GÓP PHẦN ƯƠM MẦM TÀI NĂNG VIỆT

Lễ tôn vinh và trao giải Cuộc thi Giải toán và Vật lý trên Internet – ViOlympic năm học 2016-2017 diễn ra tại hai miền Bắc - Nam. Chuỗi sự kiện cũng chính thức khép lại năm thứ 9 đầy thành công cùng những điều mới mẻ của cuộc thi ViOlympic do Bộ GD&ĐT, Tập đoàn FPT và ĐH FPT phối hợp tổ chức, với sự đồng hành của Bảo Việt Nhân thọ.

Trong 20 năm qua, Bảo Việt Nhân thọ đã đóng góp lâu dài và bền bỉ vào sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, không chỉ trong các hoạt động hỗ trợ trẻ em khó khăn hiểu học trên mọi miền tổ quốc mà còn trong công tác khuyến tài khuyến học, ươm mầm tài năng đất Việt. Bảo Việt Nhân thọ tự hào và hân hạnh đồng hành cùng các em, các vị phụ huynh, các thầy cô giáo trong chương trình ViOlympic 3 năm học vừa qua.

Đồng hành cùng Cuộc thi Giải toán Qua mạng Internet - ViOlympic, Bảo Việt Nhân thọ cam kết song hành cùng các trường học trên cả nước, luôn sát cánh cùng các bậc phụ huynh và chấp cánh cho những tài năng trí tuệ Việt Nam.



PHÓ CHỦ TỊCH NƯỚC ĐỒNG HÀNH TRAO HỌC BỔNG CHƯƠNG TRÌNH “AN SINH GIÁO DỤC - XE ĐẠP ĐẾN TRƯỜNG” CHO TRẺ EM HIẾU HỌC

Ngày 30/6/2017 tại Hưng Yên và ngày 13/12/2017 tại An Giang, Phó Chủ tịch nước CHXHCNVN Đặng Thị Ngọc Thịnh đã đến tham dự và trao tặng 200 chiếc xe đạp, ba lô và 200 suất học bổng tiền mặt cho trẻ em hiếu học có hoàn cảnh khó khăn trong chương trình học bổng “An sinh giáo dục - xe đạp đến trường” do Quỹ Bảo trợ Trẻ em Việt Nam, Bảo Việt Nhân thọ phối hợp với tỉnh Hưng Yên và tỉnh An Giang tổ chức.

Chương trình Học bổng “An Sinh Giáo Dục – Xe đạp đến trường” được Bảo Việt Nhân Thọ phối hợp cùng Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam xây dựng và triển khai trong suốt 13 năm qua. Sau 13 năm hợp tác, thông qua Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam, Bảo Việt Nhân Thọ đã trao hơn 10.000 suất học bổng An sinh giáo dục và 12.000 suất quà với tổng kinh phí hơn 18 tỷ đồng cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn trên 63 tỉnh/thành. Năm 2017, Bảo Việt Nhân Thọ trao tặng tổng cộng 1.700 xe đạp cùng với 1.700 chiếc Ba lô (với tổng kinh phí 3,6 tỷ đồng). Phó Chủ tịch nước Đặng Thị Ngọc Thịnh đã gửi lời cảm ơn đến các nhà tài trợ, ghi nhận sự chung tay của các tổ chức, đơn vị trong đó có Bảo Việt Nhân thọ trong công tác bảo vệ, chăm sóc và hỗ trợ các trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt về cả vật chất và tinh thần.

Với những phần quà thiết thực này tại An Giang cũng như tại 63 tỉnh thành trên toàn quốc, Bảo Việt Nhân thọ và Quỹ BTTEVN hy vọng góp phần giảm bớt khó khăn, tạo động lực để các em phấn đấu hơn nữa trong học tập. Đây cũng là một hoạt động ý nghĩa trong chương trình Bảo vệ Tương lai Việt của Bảo Việt Nhân thọ nhằm thực hiện sứ mệnh Bảo vệ lợi ích Việt – Bảo vệ giá trị Việt.

ĐỒNG HÀNH CÙNG ĐỘI TUYỂN BÓNG ĐÁ TRẺ VIỆT NAM U23

Hoà chung không khí vui mừng, hân hoan trước thành tích cao của đội tuyển U23, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt đã có công văn chính thức tới Liên đoàn bóng đá Việt Nam về việc tặng thưởng phí bảo hiểm sức khoẻ dành cho 38 thành viên của đội tuyển bóng đá U23. Theo đó, các cầu thủ trẻ của đội tuyển U23 sẽ nhận được quyền lợi Kim cương với sản phẩm Bảo hiểm sức khoẻ Bảo Việt Gia An. Bên cạnh quyền lợi được bảo vệ y tế một cách toàn diện, tận hưởng chất lượng dịch vụ y tế cao cấp, đẳng cấp nhất tại 150 bệnh viện hàng đầu Việt Nam và Châu Á, các cầu thủ còn nhận được những quyền lợi khác liên quan đến điều trị nội/ ngoại trú với mức chi trả bảo hiểm ưu đãi.

Bảo hiểm Bảo Việt tin rằng hành động thiết thực này sẽ góp phần tăng thêm sức mạnh dành cho đội tuyển để tiếp tục gặt hái thành công vang dội, đồng thời tạo động lực chấp cánh ước mơ cho thế hệ trẻ Việt sẽ luôn luôn nỗ lực bền bỉ theo đuổi niềm đam mê và ước mơ của mình như Đội tuyển bóng đá trẻ Việt Nam U23.



TRI ÂN ANH HÙNG LIỆT SỸ, GIA ĐÌNH CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG

Với đạo lý uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây, Bảo Việt luôn biết ơn sự hi sinh và tinh thần của các chiến sỹ đã chiến đấu vì độc lập tự do của tổ quốc. Chúng tôi sẽ nỗ lực chung tay gìn giữ và bảo tồn những di tích lịch sử - minh chứng của một thời kỳ đấu tranh dân tộc hào hùng và mãi là niềm tự hào của các thế hệ Việt Nam.

Tập đoàn Bảo Việt luôn tích cực tham gia vào việc tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử để góp phần tri ân các thế hệ đi trước, đồng thời tham gia giáo dục truyền thống cách mạng của đất nước cho các thế hệ sau. Tính đến nay, Bảo Việt đã dành hơn 220 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội, trong đó tri ân các anh hùng liệt sỹ và gia đình có công với cách mạng là một trong bốn trọng tâm trong hoạt động phát triển bền vững của Bảo Việt.

ĐÓNG GÓP CÔNG ĐỨC 3,7 TỶ ĐỒNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NHÀ PHỤC VỤ - THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

Ngày 2/6/2017, Tập đoàn Bảo Việt - Bộ Tài chính phối hợp với Đảng ủy Khối doanh nghiệp Trung ương và UBND tỉnh Quảng Trị tổ chức lễ cắt băng khánh thành, gắn biển Nhà phục vụ tại Di tích Thành cổ Quảng Trị được xây dựng bằng nguồn vốn công đức 3,7 tỷ đồng của Tập đoàn Bảo Việt. Đây là hoạt động hướng tới kỷ niệm 70 năm ngày Thương binh liệt sỹ, 45 năm ngày diễn ra trận đánh lịch sử tại Thành cổ Quảng Trị, chào mừng kỷ niệm 10 năm thành lập Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương.

Với hoạt động này, Bảo Việt mong muốn đóng góp thêm một phần nhỏ bé cùng với Nhà nước và tỉnh Quảng Trị trùng tu, tôn tạo cho di tích ngày một trang nghiêm để nhân dân cả nước và du khách thập phương có đủ điều kiện thuận lợi khi đến dâng hương, tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ.

TỔ CHỨC NHIỀU HOẠT ĐỘNG Ý NGHĨA HƯỚNG VỀ CỘI NGUỒN TẠI THÀNH CỔ QUẢNG TRỊ

Trong khuôn khổ các hoạt động của chương trình, Đoàn đã đến đặt vòng hoa, dâng hương viếng các anh hùng liệt sỹ tại Thành cổ Quảng Trị, Khu di tích K10 - Hải Phú, Nghĩa trang liệt sỹ Quốc gia Trường Sơn, Nghĩa trang liệt sỹ Quốc gia Đường 9, Đền tưởng niệm Liệt sỹ Đường 20 Quyết Thắng, làm lễ thả hoa tại Bến sông Thạch Hãn.



Tính từ năm 2010 tới nay, tại Quảng Trị, Tập đoàn Bảo Việt đã công đức kinh phí xây dựng Khu hành lễ nghĩa trang liệt sỹ Đường 9 với số tiền 5 tỷ đồng; trùng tu, tôn tạo di tích K10 xã Hải Phú, huyện Hải Lăng hơn 1 tỷ đồng; xây dựng trường Mầm non Thành Cổ hơn 5 tỷ đồng; xây dựng trường Tiểu học Nguyễn Trãi thị xã Quảng Trị 8 tỷ đồng; hỗ trợ kinh phí xây dựng một số nhà tình nghĩa tại Thị xã Quảng Trị; tôn tạo di tích và tổ chức Lễ đón nhận Bằng công nhận di tích lịch sử Chi khu quân sự Mai Lĩnh và tài trợ một số chương trình học bổng khuyến học cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập.

CHUNG TAY GÓP PHẦN GIẢM NHẸ KHÓ KHĂN VÀ TRI ÂN CÁC HOÀN CẢNH BỆNH BINH ẢNH HƯỞNG TỪ CHIẾN TRANH

Thời gian gần đây, Tập đoàn Bảo Việt đã triển khai một loạt các hoạt động cộng đồng như tặng Nhà nhân ái trị giá 110 triệu đồng cho gia đình ông Đỗ Xuân Rộng - người có công với cách mạng tại xóm Trụ, xã Thái Thịnh, tỉnh Hòa Bình. Tặng 03 căn nhà tình nghĩa cho Gia đình chiến sỹ Hải quân đang công tác trên quần đảo Trường Sa trị giá 210 triệu đồng;

Riêng trong tháng 7/2017, Tập đoàn Bảo Việt - Bộ Tài chính tổ chức thăm, chia sẻ, tặng quà với đại diện của trên 130 thương binh nặng của Trung tâm Thương binh nặng và người có công huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam; thăm, tặng quà 10 gia đình thương binh, liệt sỹ và người có công với cách mạng tại Pác Bó - xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, Cao Bằng. Bên cạnh đó, Bảo Việt tặng 10 sổ tiết kiệm cho thương bệnh binh và gia đình thương binh liệt sỹ trên địa bàn phường Trần Hưng Đạo, Hà Nội.

ĐẦU TƯ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI

Là một Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu Việt Nam, Bảo Việt nhận thức rõ vai trò không chỉ là đầu tàu kinh tế mà còn là doanh nghiệp tiên phong bảo đảm sự bình an và phát triển cộng đồng. Trong quá trình phát triển của mình, Tập đoàn Bảo Việt luôn đồng hành cùng các địa phương trong cả nước, tập trung thực hiện công tác an sinh xã hội, giúp đỡ hộ nghèo, đồng bào vùng dân tộc có khó khăn, gia đình chính sách, cũng như việc cứu trợ khắc phục hậu quả thiên tai lũ lụt, giúp đỡ các địa phương khó khăn xây dựng cơ sở vật chất cho ngành giáo dục và y tế, xóa nhà dột nát cho hộ nghèo; thực hiện chương trình khăn áo ấm mùa đông, hiến máu nhân đạo, ...

Bên cạnh đó là các Chương trình Hướng về đồng bào bị ảnh hưởng bởi mưa lũ: ủng hộ 400 triệu đồng cho đồng bào lũ lụt tại Miền Trung, 400 triệu đồng cho đồng bào Sơn La và Yên Bái trong trận lũ quét năm 2017, ngoài ra vận động người lao động trong toàn Tập đoàn đóng góp hơn 800 triệu đồng ủng hộ cho bà con vùng lũ; Chương trình Mang hơi ấm tới vùng cao, suất cơm từ thiện, tặng quà cho học sinh vùng cao, vùng sâu vùng xa, đồng hành cùng Quỹ bảo trợ trẻ em Việt Nam xây dựng Quỹ học bổng An sinh giáo dục trao tặng hàng năm cho các em học sinh nghèo hiếu học; thành lập Quỹ khuyến học Bảo Việt, trao tặng hơn 1500 suất học bổng cho học sinh nghèo học giỏi tại 15 tỉnh trung du và miền núi phía Bắc; hỗ trợ các gia đình thương binh, liệt sỹ trên các địa bàn hoạt động; tham gia chương trình Hiến máu nhân đạo, tổ chức khám chữa bệnh cho người dân địa phương, chung tay vì đồng bào gặp nạn tại các tỉnh miền Trung...



TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT ỦNG HỘ GẦN 1,5 TỶ ĐỒNG CÙNG ĐỒNG BÀO TÂY BẮC VƯỢT LŨ

Những ngày đầu tháng 8/2017, mưa lớn cục bộ đã gây lũ quét, sạt lở đất nghiêm trọng tại tỉnh Sơn La và tỉnh Yên Bái. Theo thống kê, đã có trên 100 người chết, bị thương và mất tích; hàng trăm ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi; tổng thiệt hại vật chất ước tính trên 800 tỷ đồng. Chia sẻ với những mất mát của đồng bào vùng cao Tây Bắc, phát huy tinh thần tương thân tương ái cũng như tiếp tục duy trì có hiệu quả các hoạt động an sinh xã hội mà Bảo Việt đã thực hiện trong nhiều năm qua, ngày 11/8/2017, Tập đoàn Bảo Việt đã tổ chức Lễ phát động chương trình ủng hộ đồng bào vùng cao Tây Bắc vừa gánh chịu trận lũ lịch sử lớn nhất trong 30 năm qua.

Ngay trong ngày đầu tiên phát động, Tập đoàn Bảo Việt đã quyền góp được gần 1,5 tỷ đồng ủng hộ đồng bào Tây Bắc bị thiệt hại do mưa lũ. Số tiền này góp phần hỗ trợ đồng bào tại tỉnh Sơn La, Yên Bái kịp thời khắc phục hậu quả của lũ lụt, sớm vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống và phục hồi sản xuất.

Trước đó, vào ngày 9/8/2017, ông Đào Đình Thi - Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Bảo Việt cùng đoàn thanh niên Bảo Việt đã tham gia đoàn công tác của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương do đồng chí Phạm Viết Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Đảng ủy Khối làm Trưởng đoàn. Đoàn công tác đã có buổi làm việc và trao kinh phí gần 8 tỷ đồng của các đơn vị trong Khối ủng hộ cho nhân dân tỉnh Sơn La.



ĐẦU TƯ CHO XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

Với mục tiêu giảm bớt tác động của nền kinh tế lên sự phát triển bất cân đối giữa các khu vực thành thị và nông thôn thông qua việc đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng trạm y tế, trường học, nhà ở cho đồng bào các tỉnh khó khăn, giúp họ yên tâm lao động sản xuất để nuôi sống bản thân và gia đình, các dự án xóa đói giảm nghèo của Bảo Việt còn đến với người dân các tỉnh như Nghệ An, Quảng Trị, Thái Nguyên, Quảng Bình, Tây Ninh, Phú Thọ... Đồng thời, Bảo Việt tiếp tục thực hiện cam kết về công tác triển khai hoạt động an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người nghèo, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng, địa bàn và giữa các dân tộc, nhóm dân cư.

Tập đoàn Bảo Việt và các đơn vị thành viên đã thực hiện hỗ trợ xây trạm y tế tại Ninh Bình, Nghệ An, tặng quà chương trình "Khăn áo ấm mùa đông", xây nhà đại đoàn kết, xây dựng bếp ăn, nhà vệ sinh cho học sinh tại Sìn Hồ, Lai Châu... Thông qua các chương trình xóa đói giảm nghèo thực hiện theo Nghị quyết 30A/2008/NQ-CP của Chính phủ, Bảo Việt đã góp phần cải thiện đời sống về vật chất và tinh thần cho nhân dân địa phương, góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa miền núi với miền xuôi, đảm bảo thực hiện đúng lộ trình của Chính phủ về giảm nghèo nhanh và bền vững đến năm 2020.

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CÁC DỰ ÁN CỘNG ĐỒNG

Năm 2017, Bảng đánh giá hiệu quả dự án cộng đồng (CSR Score Matrix) được áp dụng cho các dự án đầu tư cộng đồng với tỷ lệ áp dụng là 80%. Bảng đánh giá được bổ sung thêm các tiêu chí bền vững bao gồm mức độ ảnh hưởng tới cộng đồng xung quanh và các ảnh hưởng có thể có lên hệ sinh thái và môi trường sống tại nơi mà dự án thực hiện.

Bảng đánh giá hiệu quả dự án cộng đồng bao gồm 20 tiêu chí khác nhau trên thang điểm 100 bao gồm đánh giá tổng quan về: Mục tiêu và phạm vi thực hiện của dự án; lợi ích dự án đối với cộng đồng; số lượng đối tượng được hưởng lợi từ dự án; khả năng duy trì mức độ ảnh hưởng của dự án sau khi khai thác hết nguồn vốn tài trợ; các tác động môi trường của dự án...

Bảng đánh giá hiệu quả dự án cộng đồng (CSR Score Matrix) của Bảo Việt năm 2017



Trong năm 2017, Tập đoàn Bảo Việt, bao gồm các công ty thành viên, không ghi nhận các biên bản/thông báo/kiến nghị nào liên quan đến các dự án đã triển khai gây tác động tiêu cực tới cộng đồng địa phương.

KẾ HOẠCH AN SINH XÃ HỘI CỘNG ĐỒNG NĂM 2018

Năm 2018, Tập đoàn Bảo Việt dự kiến tiếp tục dành khoảng 40 tỷ đồng kinh phí từ kinh phí hoạt động và 10 tỷ đồng từ lợi nhuận sau thuế để thực hiện các nhiệm vụ an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng. Thông qua các dự án xây dựng trường học, trạm y tế, các hoạt động tri ân, tôn tạo các di tích lịch sử, xây dựng nhà tình nghĩa, thăm và tặng quà cho học sinh vùng cao, xây dựng bếp ăn, nhà bán trú... chung tay cùng cộng đồng, địa phương cải thiện đáng kể điều kiện sống, học tập của nhân dân và học sinh tại địa phương.

Trước những thách thức từ biến đổi khí hậu và chính con người cũng đang tác động tiêu cực tới môi trường sống, gây ra ảnh hưởng không chỉ hiện tại mà còn đến thế hệ tương lai. Là doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ tài chính, các hoạt động kinh doanh của Bảo Việt tác động không đáng kể đến môi trường, tuy nhiên Bảo Việt luôn chú trọng giám sát việc sử dụng nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên qua đó góp phần giảm thiểu cường độ phát thải khí nhà kính và các tác động đến môi trường.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Trong quá trình hoạt động, Bảo Việt hiểu rằng khi doanh nghiệp thay đổi, cân đối các nguồn năng lượng do doanh nghiệp trực tiếp hoặc gián tiếp tiêu thụ có thể giúp giảm thiểu tác động môi trường. Đối với năng lượng tiêu thụ tại các tòa nhà trong hệ thống Bảo Việt, chúng tôi quản lý thông qua việc ứng dụng hệ thống BMS (Building Management System) và tăng cường truyền thông nội

bộ nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ nhân viên thông qua việc tiết kiệm năng lượng.

Chúng tôi tin rằng, mục tiêu môi trường của Bảo Việt sẽ trở nên dễ dàng hơn khi các bên liên quan, đặc biệt là các bên nằm trong chuỗi giá trị của Bảo Việt cùng tham gia thực hiện gắn kết mục tiêu môi trường trong các hoạt động kinh doanh. Từ đó giảm thiểu sử dụng các nguồn năng lượng, tài nguyên, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, góp phần bảo vệ môi trường.



PHẠM VI BÁO CÁO

- Theo dõi và kiểm soát năng lượng tiêu thụ
- Giải pháp giám sát và kiểm soát tiêu thụ năng lượng

THEO DÕI VÀ KIỂM SOÁT NĂNG LƯỢNG TIÊU THỤ

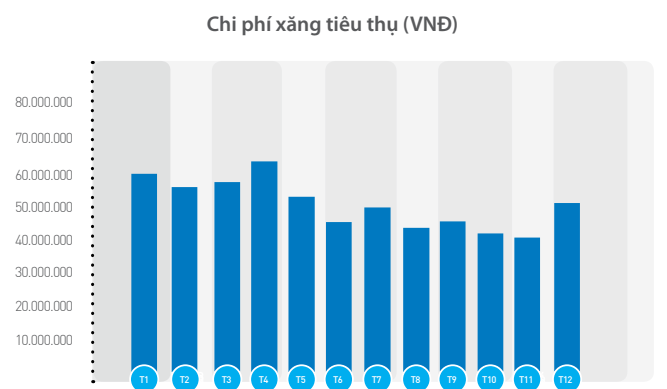
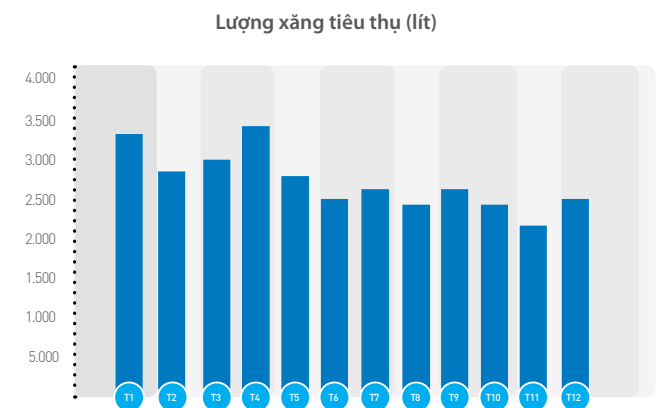
Nhằm kiểm soát tốt hơn tiêu thụ năng lượng trong quá trình hoạt động, Bảo Việt đã thực hiện theo dõi tiêu thụ điện năng và xăng dầu định kỳ hàng tháng. Số liệu thống kê được giới hạn trong phạm vi Công ty Mẹ Tập đoàn.

LƯỢNG XĂNG TIÊU THỤ

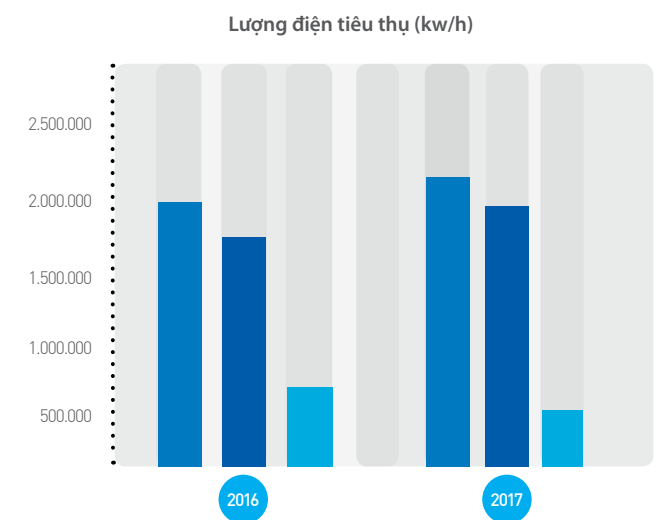
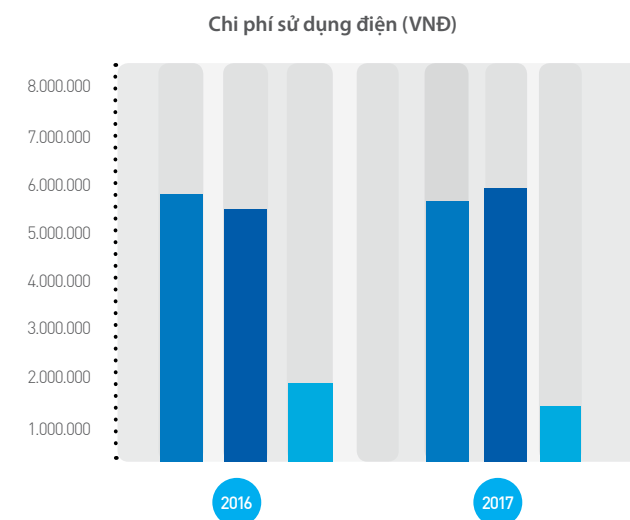
Lượng xăng tiêu thụ của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt năm 2017 là 32.810 lít. Nguồn tiêu thụ xăng của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt chủ yếu là từ các xe ô tô chở các đoàn cán bộ công tác tại các tỉnh thành phố trên cả nước, tập trung tại khu vực phía Bắc và các tỉnh miền Trung theo các chương trình an sinh xã hội. Tổng chi phí cho lượng xăng tiêu thụ trong năm 2017 là 605.083.810 đồng.

NĂNG LƯỢNG ĐIỆN

Năng lượng điện tiêu thụ của Bảo Việt được xét tại 3 địa điểm: Tại Trụ sở chính Công ty Mẹ (Số 8, Lê Thái Tổ, Hà Nội), tại Chi nhánh Trung tâm Công nghệ thông tin (trực thuộc Tập đoàn Bảo Việt, số 71 Ngõ Sĩ Liên, Hà Nội) và bộ phận trực thuộc Chi nhánh Trung tâm Công nghệ thông tin tại (Tòa nhà Bảo Việt - 233 Đồng Khởi, Tp.HCM). Theo đó, tổng lượng điện tiêu thụ của cả 3 tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt năm 2017 là 4.309.754 Kwh tương ứng với 15.515 GJ, tổng chi phí cho việc cung cấp điện trong năm 2017 là 12.602.008.200 đồng. Thông qua việc đưa nội dung tiết kiệm năng lượng vào nội quy doanh nghiệp, Ban Hành chính Quản trị Tập đoàn Bảo Việt là đơn vị



đầu mối, chịu trách nhiệm quản lý chi phí sử dụng năng lượng theo định mức kế hoạch hàng năm và thực hiện giải trình khi có sự biến động tăng hoặc giảm chi phí.



■ 233 Đồng Khởi ■ 71 Ngõ Sĩ Liên ■ 8 Lê Thái Tổ

GIẢI PHÁP GIÁM SÁT VÀ KIỂM SOÁT TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Nhận thức được những tác động từ biến đổi khí hậu và hoạt động của con người đối với môi trường, Bảo Việt đã tăng cường truyền thông nội bộ nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ nhân viên thông qua việc tiết kiệm năng lượng tiêu thụ tại trụ sở chính và các chi nhánh trong toàn hệ thống. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, nhằm số hóa các giao dịch hoạt động, giảm lượng giấy thải ra môi trường.

Để giám sát và sử dụng năng lượng, bên cạnh việc nâng cao ý thức của cán bộ, Bảo Việt xác định việc ứng dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến sẽ là công cụ hỗ trợ tiết kiệm năng lượng. Các Tòa nhà Bảo Việt đã áp dụng và phát huy hiệu năng của hệ thống BMS (Building Management System), là một hệ thống đồng bộ cho phép điều khiển và quản lý mọi hệ thống kỹ thuật trong tòa nhà như hệ thống điện, hệ thống cung cấp nước sinh hoạt, điều hòa thông gió, cảnh báo môi trường, an ninh, báo cháy - chữa cháy v.v..., đảm bảo cho việc vận hành các thiết bị trong tòa nhà được chính xác, kịp thời.



Về không gian làm việc, các phòng làm việc tại Bảo Việt đều có khả năng mở cửa sổ kính hợp lý kết hợp các hình thức che nắng để vừa được thông thoáng, chiếu sáng tự nhiên và hạn chế nóng khi cần, hạn chế được ảnh hưởng của bức xạ mặt trời, vừa chống mất nhiệt khi có điều hòa không khí.

Khi tiến hành cải tạo các khu vực văn phòng, Bảo Việt đều yêu cầu đơn vị thi công cung cấp giải pháp hạn chế tăng nhiệt độ trong nhà do hiệu ứng nhà kính gây ra khi có mảng kính lớn, hoặc kết cấu bao che chủ yếu bằng kính.

Từ năm 2014, Bảo Việt đã ký Hợp đồng tư vấn đánh giá kiểm tra vận hành kỹ thuật và dịch vụ quản lý tòa nhà với Công ty CP Quản lý và khai thác Tòa nhà VNPT (PMC) – đơn vị vận hành quản lý tòa nhà chuyên nghiệp. Đơn vị tư vấn PMC định kỳ hàng Quý sẽ kiểm tra thực địa và lập báo cáo tư vấn chi tiết về việc vận hành hệ thống kỹ thuật và dịch vụ quản lý tòa nhà nhằm đưa ra các khuyến nghị giúp cho Bảo Việt có phương án vận hành tối ưu, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu nguy cơ hỏng hóc thiết bị, tiết giảm chi phí sửa chữa thay thế qua đó kéo dài tuổi thọ của Tòa nhà.

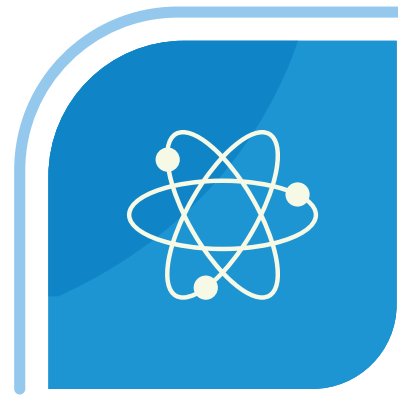
GIẢI PHÁP TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG TRONG QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH

- Tổ chức quản lý, vận hành hợp lý theo nhu cầu sử dụng.
- Chế độ bảo trì cho toàn bộ hệ thống sau khi đưa vào sử dụng.
- Định kỳ làm vệ sinh các dàn trao đổi nhiệt, đặc biệt các giàn nóng giải nhiệt gió không để bám bụi bẩn làm giảm khả năng trao đổi nhiệt của giàn.
- Đảm bảo chất lượng nước mềm cho các hệ thống máy lạnh giải nhiệt nước (water chiller).
- Duy tu, sửa chữa các hỏng hóc kịp thời để tránh tổn thất năng lượng cho hệ thống.
- Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp để quản lý và vận hành một cách đúng đắn, khoa học hệ thống điều hòa không khí và thông gió trong các công trình, mang lại hiệu quả cao về tiết kiệm năng lượng.

GIẢI PHÁP TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG TRONG QUÁ TRÌNH SỬ DỤNG

Theo số liệu Báo cáo tóm tắt về sử dụng năng lượng hợp lý tại các tòa nhà của Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững thế giới, tại hầu hết các nước, các tòa nhà tiêu thụ ít nhất 40% nguồn năng lượng, góp phần gia tăng cường độ phát thải khí nhà kính. Chính vì vậy, Bảo Việt đã đẩy mạnh việc tiết kiệm điện năng tại các tòa nhà văn phòng của Bảo Việt trên hệ thống.

GIẢI PHÁP TIÊU THỤ ĐIỆN HIỆU QUẢ



HỆ THỐNG ĐIỀU HOÀ KHÔNG KHÍ

(40-60% ĐIỆN NĂNG)

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị.
- Duy trì nhiệt độ ở mức 25-27°C, tránh chênh lệch nhiệt độ trong và ngoài không gian điều hòa, bố trí các phòng lạnh tiếp xúc trực tiếp với các bức xạ mặt trời...
- Tắt toàn bộ hệ thống điều hòa sau 17h30.



HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG

(15-20% ĐIỆN NĂNG)

- Thay thế hệ thống chiếu sáng hiệu suất thấp (bóng sợi đốt, đèn huỳnh quang chấn lưu sắt từ...) bằng các thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện (bóng compact tiết kiệm điện, chấn lưu điện tử...).



HỆ THỐNG NƯỚC NÓNG

(5 – 10% ĐIỆN NĂNG)

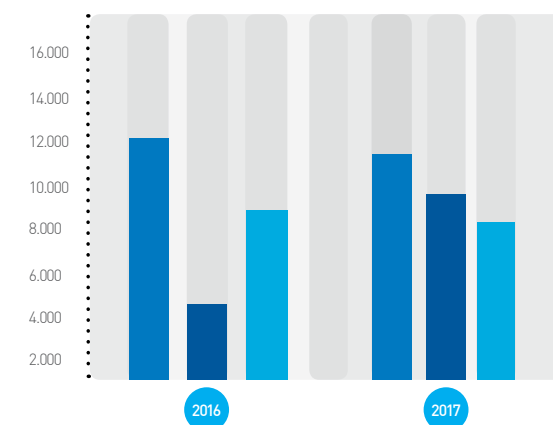
- Đối với các thiết bị chiếu sáng ngoài trời, điều khiển tắt bật theo các chế độ tự động (theo thời gian, theo độ sáng của môi trường...).
- Thay thế việc sử dụng các bình đun nước nóng cục bộ bằng việc sử dụng các trung tâm cấp nước nóng sử dụng dầu D.O cấp nước nóng cho toàn bộ tòa nhà.

NƯỚC, NƯỚC THẢI, PHÁT THẢI VÀ CHẤT THẢI

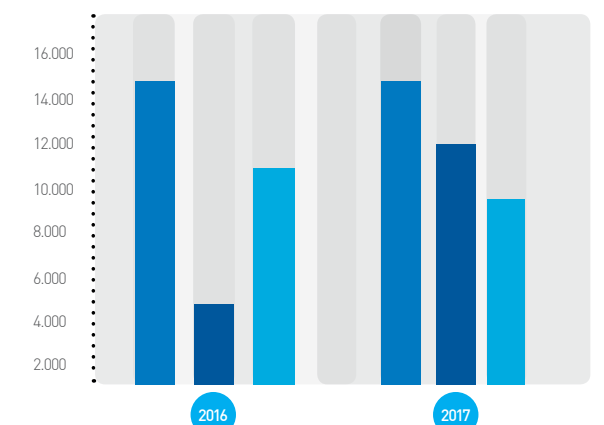
Là doanh nghiệp có các hoạt động kinh doanh dịch vụ tài chính, Bảo Việt không gây ra các tác động đáng kể về môi trường. Chính vì vậy, việc kiểm soát các chất thải là biện pháp bảo vệ môi trường tiếp theo được áp dụng đối với các tòa nhà Bảo Việt trên địa bàn Hà Nội. Năm 2017, Tập đoàn Bảo Việt tiếp tục duy trì hoạt động đánh giá các tác động tới môi trường từ hoạt động của các tòa nhà Bảo Việt trên địa bàn Hà Nội.

THEO DÕI VÀ KIỂM SOÁT LƯỢNG NƯỚC THẢI VÀ LƯỢNG NƯỚC SINH HOẠT

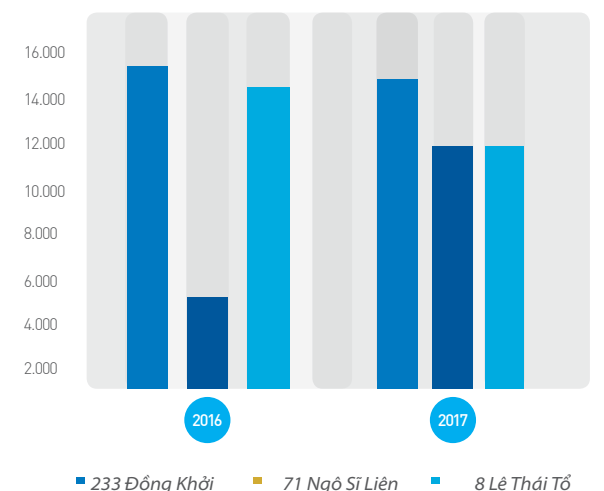
Lượng nước thực tế



Lượng nước thải theo kế hoạch



Lượng nước tiêu thụ (m³)



Trong năm 2017, lượng nước tiêu thụ của Bảo Việt được xét tại 3 địa điểm: Tại nhà Trụ sở chính Công ty Mẹ (Số 8, Lê Thái Tổ, Hà Nội), tòa nhà Chi nhánh Trung tâm Công nghệ thông tin (trực thuộc Tập đoàn Bảo Việt, số 71 Ngô Sĩ Liên, Hà Nội) và bộ phận trực thuộc Chi nhánh Trung tâm Công nghệ thông tin tại (Tòa nhà Bảo Việt - 233 Đồng Khởi, Tp.HCM). Theo đó, tổng lượng nước tiêu thụ của Công ty Mẹ Tập đoàn Bảo Việt năm 2017 là 39.415 mét khối nước sạch sinh hoạt, tương ứng với 883.512.167 đồng tổng chi phí nước của toàn bộ 3 tòa nhà. Lượng nước thải theo đó là 36.307 mét khối nước thải ra trong năm 2017, lượng nước sử dụng và nước thải của các tòa nhà cơ bản đã giảm tại tòa nhà 233 Đồng Khởi và 8 Lê Thái Tổ, tuy nhiên lượng nước của tòa nhà 71 Ngô Sĩ Liên có biến động do chuyển nhân sự bộ phận Trung tâm Công nghệ thông tin từ số 8 Lê Thái Tổ sang, đồng thời phát sinh việc sửa chữa, vệ sinh tòa nhà và văn phòng để phục vụ việc chuyển địa điểm này.

Thông qua việc đưa nội dung tiết kiệm nước vào nội quy doanh nghiệp, các đầu mối quản lý nước thải và nước sinh hoạt của các tòa nhà cam kết tiếp tục tuyên truyền tiết kiệm sử dụng nước, giảm thiểu lượng nước thải ra để bảo vệ môi trường.

Bảng theo dõi lượng nước thải theo kế hoạch và thực tế

Đơn vị: m³

Lượng nước thải	2016			2017		
	233 Đồng Khởi	71 Ngô Sĩ Liên	8 Lê Thái Tổ	233 Đồng Khởi	71 Ngô Sĩ Liên	8 Lê Thái Tổ
Kế hoạch	15.074	5.262	11.192	14.744	11.899	9.664
Thực tế	12.059	4.209	8.953	11.795	9.519	7.731

BIỆN PHÁP XỬ LÝ CÁC NGUỒN CHẤT THẢI TẠI NƠI LÀM VIỆC

- Trong năm 2017, Tập đoàn Bảo Việt đã thực hiện một số giải pháp tại các tòa nhà trụ sở chính, bao gồm:
- Bổ sung hệ thống khử trùng nước thải sau xử lý cho hệ thống cũng như nuôi cấy vi sinh cho các bể hiếu khí để nâng cao quá trình xử lý hiếu khí
 - Khử trùng nước bằng Clorin trước khi thải ra môi trường
 - Vệ sinh bể chứa nước sạch để đảm bảo nguồn nước sạch cung cấp cho các Tòa nhà
 - Lắp đặt hệ thống đo đếm lượng nước xả thải ở hai Tòa nhà 71 Ngõ Sỹ Liên và 8 Lê Thái Tổ, Hà Nội để kiểm soát lưu lượng nước thải ra môi trường từ các Tòa nhà.
 - Thực hiện phân tích lượng nước thải định kỳ hàng Quý của các Tòa nhà để có biện pháp xử lý kịp thời nếu phát hiện có chỉ tiêu vượt tiêu chuẩn quy định.

Bên cạnh đó, Đề án bảo vệ môi trường của Bảo Việt (được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt năm 2014) tiếp tục được triển khai tại các Tòa nhà của Bảo Việt. Đề án này bao gồm các nội dung liên quan đến giải pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước thải thông qua việc bổ sung chế phẩm vi sinh, dọn dẹp hệ thống cống thoát nước để đảm bảo thông thoáng sạch sẽ; kiểm tra định kỳ hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải tránh hiện tượng tắc nghẽn trên các dòng thải.

Nội dung tóm tắt các biện pháp xử lý đối với nguồn chất thải có khả năng gây hại tới môi trường trong Đề án của Bảo Việt như sau:



NGUỒN CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

Chất thải rắn phát sinh chủ yếu là từ hoạt động văn phòng của cán bộ nhân viên trong tòa nhà.

Thành phần chất thải rắn bao gồm giấy in hỏng, bút hết mực, giấy bìa carton, vỏ hoa quả

BIỆN PHÁP XỬ LÝ KỸ THUẬT

- Tại mỗi tầng của tòa nhà, Bảo Việt đều trang bị 01 thùng compsit lớn và 01 thùng đựng rác nhỏ ở cuối cầu thang để thu gom rác.
- Hàng ngày, nhân viên vệ sinh tòa nhà dọn dẹp trong mỗi phòng của công ty thuê và quét dọn hành lang, khu vực xung quanh tòa nhà.
- Truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ trong việc in ấn tài liệu nhằm giảm thiểu lượng giấy in.
- Cuối giờ làm việc, nhân viên vệ sinh của tòa nhà sẽ thu gom tất cả rác trong thùng rác ở các tầng ra điểm rác trước cửa tòa nhà.
- Ký kết hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt với Xí nghiệp môi trường đô thị số 2 để xử lý.
- Tái sử dụng các văn phòng phẩm bao gồm các loại bút và đồ dùng văn phòng bằng nhựa

CÁC GIẢI PHÁP MÔI TRƯỜNG



NGUỒN CHẤT THẢI KHÍ

Khí thải từ các phương tiện giao thông của Tòa nhà (sử dụng xăng và dầu DO), các phương tiện của khách ra vào Tòa nhà và từ các phương tiện tham gia giao thông trên tuyến phố Lê Thái Tổ

Bụi và khí thải của các phương tiện giao thông làm gia tăng mức độ ô nhiễm môi trường không khí khu vực nếu không có biện pháp giảm thiểu, kéo theo các tác động tới sức khỏe cộng đồng

BIỆN PHÁP XỬ LÝ KỸ THUẬT

- Đặt các chậu cây cảnh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí. Tại Tòa nhà Bảo Việt số 233 Đồng Khởi, Bảo Việt đã dành khu vực gần 300 m² tại tầng 10 để làm khu vực cảnh quan cây xanh, tạo môi trường trong lành, mát mẻ
- Yêu cầu các phương tiện giao thông đi vào tòa nhà tắt máy trước khi qua cổng tòa nhà.
- Khởi động chương trình Trồng cây của thanh niên trong năm đầu tiên nhằm giảm bớt lượng cây xanh trong các khu vực mà Bảo Việt hoạt động
- Tổ chức sắp xếp, hướng dẫn chỗ để xe của khách đến làm việc tại tòa nhà.
- Hàng ngày, vệ sinh sạch sẽ khu vực tòa nhà.
- Bố trí quạt thông gió tại tầng hầm gửi xe của tòa nhà đảm bảo không khí thông thoáng.
- Tiếp tục đẩy mạnh chương trình 5S: xây dựng môi trường lao động xanh, sạch và khoa học.

CÁC GIẢI PHÁP MÔI TRƯỜNG



CHẤT THẢI NGUY HẠI

Chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang cháy khoảng 1 kg/tháng; mực in thải khoảng 1 kg/tháng; giẻ lau dính dầu khoảng 1 kg/tháng. Tổng khối lượng chất thải nguy hại khoảng 3 kg/tháng.

BIỆN PHÁP XỬ LÝ KỸ THUẬT

Do lượng chất thải này phát sinh rất ít, nhưng để đảm bảo vệ sinh môi trường và thực hiện theo đúng quy định của nhà nước, các tòa nhà của Bảo Việt tiến hành lưu giữ, phân loại và thu gom theo đúng thông tư 12/2011/TT-BNTMT ngày 18 tháng 4 năm 2011 về quản lý chất thải nguy hại. Theo đó, chất thải nguy hại được đựng trong thùng riêng biệt, có khu vực lưu giữ riêng và dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại.

Tiếp đó, Bảo Việt ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại của Tòa nhà. Thời gian lưu trữ chất thải nguy hại tại tòa nhà không quá 1 năm theo đúng quy định 12/2011/TT_BTNTMT.

TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG



Với đặc thù là doanh nghiệp dịch vụ tài chính, hoạt động kinh doanh của Bảo Việt nhìn chung không gây ra tác động lớn tới môi trường. Tuy vậy, Bảo Việt cho rằng doanh nghiệp vẫn cần phải ứng xử có trách nhiệm với các tác động tới môi trường và cuộc sống cộng đồng dù cho rằng tác động là không đáng kể thông qua các hành vi kiểm soát ô nhiễm và xử lý, tái chế chất thải, tiết kiệm tài nguyên.

PHẠM VI BÁO CÁO

- Tuân thủ pháp luật và quy định về môi trường
- Kết quả kiểm soát chất lượng nước thải định kỳ
- Phối hợp với nhà cung cấp thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường
- Gắn kết cán bộ trong các hoạt động xanh hóa hoạt động kinh doanh

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VÀ QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG

Trong năm 2017, Tập đoàn Bảo Việt, bao gồm các công ty thành viên, không ghi nhận các biên bản/thông báo nào liên quan đến việc vi phạm các điều Luật và Quy định về môi trường. Việc xác nhận không có trường hợp vi phạm cũng được Bảo Việt căn cứ dựa trên các thông tin dữ liệu từ kết quả kiểm toán (không ghi nhận số tiền phạt), các thông tin ghi nhận từ hệ thống giám sát tuân thủ, pháp chế và kết quả từ các cuộc quan trắc môi trường.

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI ĐỊNH KỲ

Năm 2017, Tập đoàn Bảo Việt tiến hành lắp đặt hệ thống đo đếm lượng nước xả thải ở hai Tòa nhà 71 Ngô Sỹ Liên và 8 Lê Thái Tổ, Hà Nội để kiểm soát lưu lượng nước thải ra môi trường từ các Tòa nhà. Đồng thời, Tập đoàn Bảo Việt cũng tiến hành phân tích lượng nước thải định kỳ hàng Quý để từ đó có biện pháp xử lý kịp thời nếu phát hiện có chỉ tiêu vượt tiêu chuẩn quy định.

Báo cáo quan trắc môi trường tại tòa nhà 71 Ngô Sỹ Liên và 8 Lê Thái Tổ, Hà Nội năm 2016-2017 được thực hiện dựa trên các căn cứ pháp lý sau:

- Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam, 2014.
- Thông tư số 21/2012/TT-BTNMT quy định việc đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng trong quan trắc môi trường.
- Tiêu chuẩn và quy chuẩn Việt Nam, 1998 đến nay.
- Đơn vị tham gia quan trắc và chứng nhận kết quả có giấy chứng nhận đủ điều kiện quan trắc môi trường VIMCERTS 006.
- Đơn vị tham gia quan trắc và chứng nhận kết quả có Chứng chỉ công nhận Vilas số hiệu Vilas 372.

BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI TẠI CÁC TÒA NHÀ TRỤ SỞ CHÍNH NĂM 2016 - 2017

Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Quy chuẩn (*)	233 Đồng Khởi		71 Ngô Sỹ Liên		8 Lê Thái Tổ	
			2016	2017	2016	2017	2016	2017
pH	độ	5-9	7.1	6.6	6.6	7.17	6.9	7.35
Oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/l	50	43	32.6	49	46.6	45.7	42.4
Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	63.75	38.25	98	82.2	55	32
Tổng P	mg/l	10	2.63	2.36	2.3	4.75	2.66	3.19
Tổng N	mg/l	10	4.15	10.78	18.35	13.38	10.05	18.84
Dầu mỡ khoáng	mg/l	20	2.8	2.71	5.62	4.375	2.76	2.51
Conliform	MPN/100ml	5000	3,275	4,925	4,600	4,550	4,700	4,900

(*) Quy chuẩn là số liệu quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT) khi nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận là nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ KIẾN NGHỊ CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

Bên cạnh các kết quả quan trắc về nước thải, đoàn kiểm tra cũng kiểm tra thêm về các yếu tố về môi trường không khí như các khí độc, nồng độ bụi tại nơi làm việc. Qua các kết quả khảo sát hiện trạng thực tế và đo đạc phân tích tại khu vực làm việc và xung quanh địa điểm tòa nhà, căn cứ vào báo cáo quan trắc năm 2017, đoàn kiểm tra đưa ra các nhận xét cụ thể như sau:

1

MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

Các khí độc: Giá trị nồng độ các khí độc tại các vị trí kiểm tra trong khu vực làm việc và xung quanh đơn vị đều nằm trong giới hạn cho phép theo TC 3733-2002/BYT-QĐ, QCVN 05:2013/BTNMT.

Nồng độ bụi: Giá trị nồng độ bụi tại các vị trí kiểm tra trong khu vực làm việc và xung quanh đơn vị đều nằm trong giới hạn cho phép theo TC 3733-2002/BYT-QĐ và QCVN 05:2013/BTNMT.

2

MÔI TRƯỜNG NƯỚC

Nước thải sinh hoạt: Giá trị hàm lượng các chỉ tiêu đã phân tích trong mẫu nước thải tại đơn vị đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT, cột B.

3

CÁC KIẾN NGHỊ

Kiến nghị tiếp tục duy trì hệ thống kiểm soát, giảm thiểu tác động để đảm bảo chất lượng môi trường theo các quy định.

PHỐI HỢP VỚI CÁC NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Đơn vị: đồng

STT	HỢP ĐỒNG VỚI CÁC NHÀ CUNG CẤP	HỢP ĐỒNG VỚI CÁC NHÀ CUNG CẤP	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG 2016	
			2016	2017
1	Hợp đồng thu gom rác sinh hoạt	<ul style="list-style-type: none"> Cung cấp công cụ thu gom chất thải Thu gom chất thải phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh 	32.328.000	32.328.000
2	Hợp đồng vận chuyển chất thải nguy hại	<ul style="list-style-type: none"> Cung cấp phương tiện vận chuyển Vận chuyển chất thải tới địa điểm xử lý (Khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn) lưu trữ và xử lý chất thải 	26.400.000	26.400.000
3	Hợp đồng vệ sinh toàn tòa nhà	<ul style="list-style-type: none"> Vệ sinh hằng ngày và định kì theo tuần khuôn viên tòa nhà Kiểm soát sử dụng nước, giấy vệ sinh, hóa chất tẩy rửa Tập kết rác thải sinh hoạt, thu thập và tái chế giấy đã qua sử dụng 	928.884.000	1.038.180.000
4	Hợp đồng thực hiện quan trắc môi trường định kỳ	<ul style="list-style-type: none"> Thu thập mẫu, phân tích mẫu quan trắc định kỳ về nước thải sinh hoạt, khí độc, nồng độ bụi Lập báo cáo kết quả và kiến nghị duy trì chỉ số môi trường 	23.408.000	23.408.000
5	Hợp đồng vận hành, bảo trì trạm xử lý nước thải	<ul style="list-style-type: none"> Vận hành, kiểm soát khối lượng và tình hình xử lý nước thải Bảo trì hệ thống xử lý nước thải tránh sự cố tràn, vỡ ống cống ô nhiễm môi trường 	88.000.000	66.000.000
6	Hợp đồng bảo trì hệ thống M&E	<ul style="list-style-type: none"> Bảo trì, duy trình khả năng quản lý điện, giảm sự cố điện, bảo vệ an toàn người lao động và sử dụng điện hiệu quả 	1.227.600.000	1.227.600.000
7	Hợp đồng bảo trì thang máy	<ul style="list-style-type: none"> Bảo trì, duy trì thời gian sử dụng, giảm sự cố thang máy, bảo vệ an toàn người lao động và sử dụng điện hiệu quả 	184.252.992	189.619.584
8	Hợp đồng bảo trì trạm biến thế	<ul style="list-style-type: none"> Bảo trì, giảm sự cố điện, duy trình khả năng sử dụng điện hiệu quả, phòng tránh cháy nổ 	30.965.150	30.965.150
		TỔNG	2.541.838.142	2.634.500.734

Bên cạnh các hoạt động bảo vệ và gìn giữ môi trường được thực hiện bởi cá nhân doanh nghiệp, Bảo Việt còn phối hợp với các nhà cung cấp để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường một cách có hệ thống và chuyên nghiệp hơn. Trong năm 2017, Tập đoàn Bảo Việt đã đầu tư hơn 2,6 tỷ đồng ký kết các hợp đồng quan trắc, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải và các hợp đồng bảo trì hệ thống đảm bảo an toàn lao động và sử dụng hiệu quả nguồn điện năng. Các hợp đồng với nhà cung cấp môi trường đã được Bảo Việt thực hiện hằng năm và sẽ được tiếp tục mở rộng trong các năm tiếp theo.

GẮN KẾT CÁN BỘ TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG XANH HÓA HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

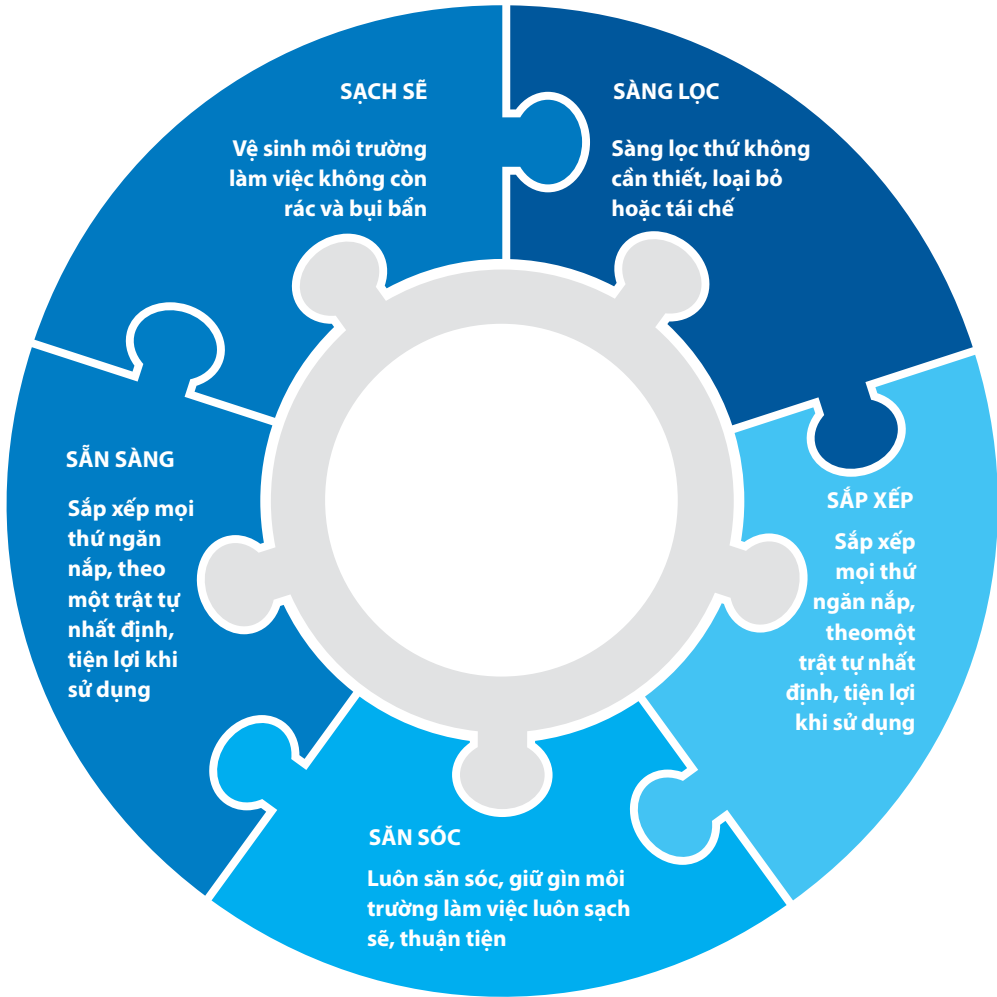
ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO THI ĐUA 5S TẠI MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Với quan điểm đem đến một môi trường làm việc lành mạnh, sạch đẹp, thoáng đãng, tiện lợi, từ đó đem lại tinh thần thoải mái cho người lao động, tăng năng suất lao động và áp dụng hệ thống quản lý hiệu quả, năm 2017, Tập đoàn Bảo Việt đã đẩy mạnh phong trào thi đua 5S tại môi trường làm việc bằng việc thành lập Tổ giám sát 5S thường niên, đánh giá quá trình thực hiện và tiến bộ trong việc quản lý tài liệu, sắp xếp không gian làm việc và hoạt động tái chế văn phòng phẩm.

Việc triển khai chương trình 5S thành công và định kỳ sẽ mang lại sự thay đổi kỳ diệu. Những thứ không cần thiết sẽ được loại bỏ khỏi nơi làm việc, những vật dụng cần

thiết được xếp ngăn nắp, gọn gàng, đặt ở những vị trí thuận tiện cho người sử dụng, máy móc thiết bị trở nên sạch sẽ, được bảo dưỡng, bảo quản. Từ các hoạt động 5S sẽ nâng cao tinh thần tập thể, khuyến khích sự hoà đồng của mọi người, qua đó người làm việc sẽ có thái độ tích cực hơn, có trách nhiệm và ý thức hơn với công việc.

- Cải tiến Năng suất (P – Productivity)
- Nâng cao Chất lượng (Q – Quality)
- Giảm chi phí (C – Cost)
- Giao hàng đúng hạn (D – Delivery)
- Đảm bảo an toàn (S – Safety)
- Nâng cao tinh thần (M – Morale)



G4 FINANCIAL SERVICES

FS7

Sự ra đời liên tục của các sản phẩm bảo hiểm tích hợp và chuyên biệt được thiết kế phục vụ lợi ích cộng đồng như bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm an sinh giáo dục, bảo hiểm nông nghiệp và bảo hiểm vi mô với mức phí đóng thấp dành cho số đông người dân là cách để Bảo Việt hỗ trợ cải thiện cuộc sống của các hộ dân nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn và thành thị, đồng thời là cách Bảo Việt chia sẻ sức ép về ngân sách và quỹ Bảo hiểm xã hội, y tế của Nhà nước.

Giá trị mang lại cho xã hội và cộng đồng của Bảo Việt được báo cáo dựa theo chỉ tiêu FS7: Giá trị bằng tiền của các sản phẩm và dịch vụ theo từng lĩnh vực kinh doanh của Bảo Việt mang lại lợi ích cho xã hội và cộng đồng năm 2017.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Chỉ tiêu FS7 cung cấp các thông tin, số liệu về các sản phẩm, dịch vụ của Bảo Việt và các công ty con trong việc xây dựng các nguồn vốn xã hội, đáp ứng trên diện rộng nhu cầu của cộng đồng.

Về tổng thể, nhiều sản phẩm, dịch vụ của Bảo Việt đáp ứng nhu cầu của mọi đối tượng trong xã hội như các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến giáo dục, nhà ở giá rẻ...

Về chi tiết, có những sản phẩm, dịch vụ của Bảo Việt hỗ trợ cơ hội phát triển và nâng cao năng lực tài chính cho các nhóm đối tượng bị thiệt thòi. Mặc dù, tất cả các sản phẩm và dịch vụ khi thiết kế đều được mang lại những lợi ích khác nhau cho xã hội, tuy nhiên, chỉ tiêu FS7 sẽ chỉ tập trung vào các sản phẩm, dịch vụ được thiết kế đem lại lợi ích cho những đối tượng cụ thể, hoặc được ưu tiên trong xã hội. Điều này cho thấy những ưu tiên của Bảo Việt và những cách đóng góp cho xã hội của Bảo Việt khác với các tổ chức khác.



CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ BẰNG TIỀN CỦA CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ ĐƯỢC ĐẢM BẢO BỞI KIỂM TOÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

Chỉ tiêu FS7 cung cấp các thông tin, số liệu về các sản phẩm, dịch vụ của Bảo Việt và các công ty con trong việc xây dựng các nguồn vốn xã hội, đáp ứng trên diện rộng nhu cầu của cộng đồng. Mặc dù, các sản phẩm và dịch vụ khi thiết kế đều mang lại những lợi ích khác nhau cho xã hội, tuy nhiên, chỉ tiêu FS7 chỉ tập trung vào các sản phẩm, dịch vụ được thiết kế đem lại lợi ích cho những đối tượng cụ thể, hoặc được ưu tiên trong xã hội.

PHẠM VI BÁO CÁO

Chỉ tiêu FS7 không bao gồm thông tin về quản lý tài sản được trình bày trong chỉ tiêu FS11 (tỷ lệ phần trăm các tài sản có tính tích cực và tiêu cực về mặt môi trường và xã hội)

Thông tin về các điều khoản ưu đãi, hoặc giảm giá (ví dụ: giá sản phẩm bảo hiểm, lãi suất)

□ Xem xét đối tượng hưởng lợi từ các sản phẩm và dịch vụ này

□ Danh sách các sản phẩm, dịch vụ theo từng lĩnh vực kinh doanh (lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm phi nhân thọ...), theo đó, mỗi loại sản phẩm nêu các nội dung sau:

- Mô tả đặc trưng, mục đích của sản phẩm, đối tượng mục tiêu
- Giá trị bằng tiền của sản phẩm hoặc số giao dịch, số khách hàng của dịch vụ
- Tỷ lệ của giá trị các sản phẩm, dịch vụ so với tổng quy mô, giá trị của doanh nghiệp theo lĩnh vực kinh doanh.

ĐỊNH NGHĨA

Các sản phẩm, dịch vụ của Bảo Việt và các công ty con của Bảo Việt được thiết kế nhằm đem lại một lợi ích xã hội cụ thể, đáp ứng nhu cầu của nhóm đối tượng được ưu tiên trong xã hội như học sinh, sinh viên, người già, người tàn tật, kém may mắn, người nông dân có năng lực tài chính thấp...

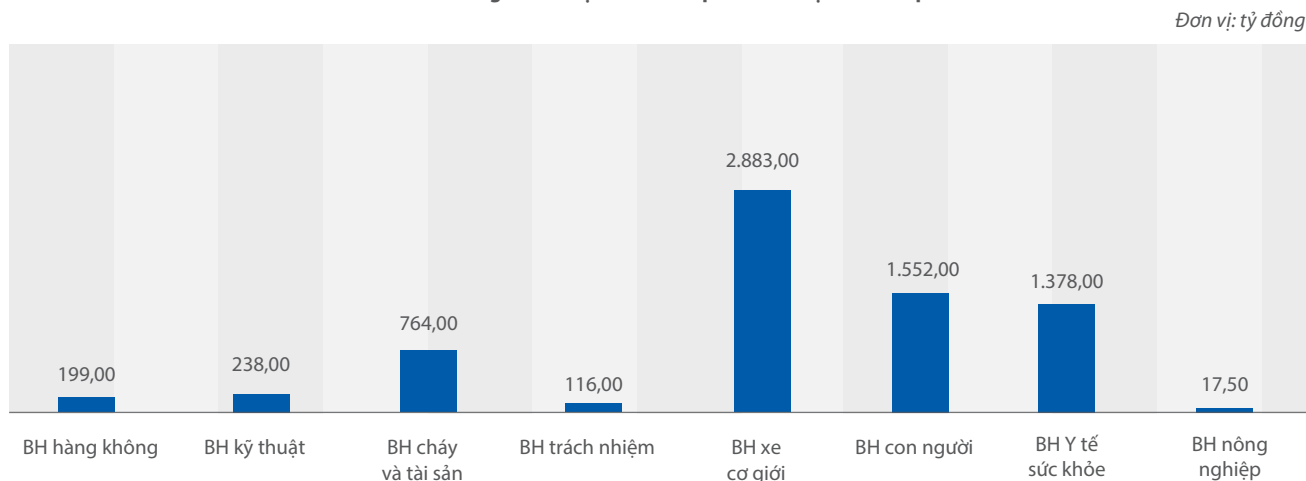
Một số loại sản phẩm và dịch vụ đem lại lợi ích cho xã hội và các đối tượng ưu tiên trong xã hội gồm:

- Tín dụng vi mô: Sản phẩm của ngân hàng cung cấp tín dụng, tài chính cho các đối tượng có thu nhập thấp;
- Bảo hiểm vi mô: Sản phẩm bảo hiểm cho các hộ gia đình, cá nhân có thu nhập thấp, tài sản giá trị thấp;
- Kiểu hối;
- Sản phẩm dành cho học sinh, sinh viên;
- Các sản phẩm hỗ trợ nhà ở giá rẻ;
- Các sản phẩm ưu đãi cho các tổ chức từ thiện.

CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ ĐEM LẠI LỢI ÍCH XÃ HỘI THUỘC LĨNH VỰC BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ

Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt (BHBV) là công ty con 100% vốn góp của Tập đoàn Bảo Việt trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ. BHBV là đơn vị số 1 trên thị trường Việt Nam trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ với nhiều sản phẩm đa dạng và vượt trội cho nhiều đối tượng khác nhau trong xã hội, đem lại lợi ích thiết thực dài hạn, nâng cao đời sống xã hội. Trong đó, một số sản phẩm đặc trưng mang lại giá trị cho lợi ích cộng đồng, cho những đối tượng trên bình diện rộng của xã hội và có thu nhập hạn chế. Cụ thể:

Doanh thu bảo hiểm gốc lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ theo sản phẩm năm 2017



BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP

Là một nước nông nghiệp, nhưng hàng năm thiên tai, dịch bệnh đã cướp trắng của nông dân Việt Nam khối tài sản ước tính 1,5% GDP (giá trị tương đương khoảng 10 tỉ đô la). Người dân cần một sự bảo đảm cho thành quả và công sức lao động của họ, bảo hiểm nông nghiệp chính là tia hi vọng và cứu cánh chuẩn xác nhất.

Trước bối cảnh đó, BHBV đã tiên phong dẫn dắt thị trường, đưa ra sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp với các sản phẩm đặc trưng: bảo hiểm vật nuôi, bảo hiểm cây trồng, bảo hiểm nông nghiệp công nghệ cao, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ nuôi chó...

Các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp của Bảo Việt vừa có ý nghĩa bảo vệ tài chính vừa có ý nghĩa an sinh xã hội, với nền kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp thì đây là sản phẩm thực sự cần thiết. Ngoài ra, đón bắt xu thế phát triển công nghệ, BHBV cũng bước đầu triển khai bảo hiểm nông nghiệp công nghệ cao, đưa ra sự bảo vệ toàn diện cho các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ 4.0 trong lĩnh vực nông nghiệp.



Mục đích và đặc trưng của sản phẩm

Được thiết kế để bảo hiểm cho quá trình sản xuất nông nghiệp tránh khỏi các rủi ro thiên tai và dịch bệnh, đảm bảo cho người nông dân và doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp có nguồn vốn để tái sản xuất khi chẳng may gặp phải những rủi ro không ngờ tới. Bảo hiểm Bảo Việt chính là doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực này.

Đặc trưng của sản phẩm

Bảo hiểm cây lúa: Công ty bảo hiểm sẽ bồi thường cho người được bảo hiểm (NĐBH) mức sụt giảm năng suất lúa gây ra bởi các rủi ro thiên tai và/hoặc sâu bệnh, bệnh/dịch bệnh trong thời hạn bảo hiểm. Sản phẩm áp dụng tại: Bình Thuận, Đồng Hấp, Nghệ An, Thái Bình.

Bảo hiểm vật nuôi: NĐBH sẽ được bồi thường trong trường hợp vật nuôi bị chết do các nguyên nhân trực tiếp gây ra bởi thiên tai, dịch bệnh, tiêu hủy dịch bệnh theo quyết định của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Sản phẩm áp dụng tại các tỉnh/thành phố: Bắc Ninh, Đồng Nai, Hà Nội, Nghệ An, Vĩnh Phúc.

Bảo hiểm Tôm/Cá: NĐBH sẽ được bồi thường chi phí nuôi trồng Tôm/Cá theo tỷ lệ bồi thường đối với các tổn thất do các nguyên nhân trực tiếp từ thiên tai, dịch bệnh. Sản phẩm áp dụng tại tỉnh Bạc Liêu và Sóc Trăng.

Giá trị bằng tiền của sản phẩm

Lợi ích cho xã hội của sản phẩm: Hộ nghèo được hỗ trợ 100% phí bảo hiểm, hộ cận nghèo được hỗ trợ 80%, hộ nông dân bình thường được 60%, và các tổ chức sản xuất nông nghiệp được 20%.

Giá trị bằng tiền của sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp: doanh thu phí bảo hiểm chiếm 0,22% trong cơ cấu tổng doanh thu, đạt 17,5 tỷ đồng.

NHÓM BẢO HIỂM CON NGƯỜI CHO ĐỐI TƯỢNG HỌC SINH, SINH VIÊN

Mục đích và đặc trưng của sản phẩm

Bảo hiểm con người phi nhân thọ là chương trình bảo hiểm được thiết kế nhằm bảo hiểm cho sức khỏe, tính mạng cũng như khả năng lao động của con người.

Đặc trưng của sản phẩm

Sản phẩm tiêu biểu: bảo hiểm Kết hợp con người, bảo hiểm Tai nạn 24/24, bảo hiểm Toàn diện học sinh...

Khi mua loại hình bảo hiểm này, người được bảo hiểm được hưởng rất nhiều quyền lợi bảo hiểm và trợ cấp khoản tiền tương ứng với giá trị bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. Những trường hợp được bảo hiểm là những trường hợp ốm đau, bệnh tật, tai nạn ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe của người được bảo hiểm. Gói bảo hiểm con người phi nhân thọ thường có tỷ lệ phí thấp, thời hạn bảo hiểm ngắn và thường trong thời gian 1 năm và hết 1 năm thì khách hàng có thể tái tục hợp đồng bảo hiểm nếu có nhu cầu.

Giá trị bằng tiền của sản phẩm

Doanh thu từ sản phẩm con người chiếm 19% cơ cấu tổng doanh thu, đạt 1.552 tỷ đồng năm 2017.



NHÓM SẢN PHẨM BẢO VỆ TÀI SẢN

Mục đích và đặc trưng của sản phẩm

Bảo hiểm cháy và tài sản giúp doanh nghiệp có thể yên tâm thực hiện các chiến lược phát triển kinh doanh bởi những tài sản của mình

Đặc trưng của sản phẩm

Các sản phẩm đặc trưng: bảo hiểm cháy và tài sản, nhà cửa, máy móc, trang thiết bị, vật tư hàng hóa, nguyên vật liệu, kho hàng, trụ sở, văn phòng làm việc đã được bảo vệ toàn diện và tối ưu trước những rủi ro cháy, nổ, rủi ro thiên tai. Đặc biệt trong thời gian qua, các rủi ro liên quan đến cháy nổ xảy ra mới mức độ khốc liệt. Xu hướng thị trường bất động sản tăng mạnh bằng các tòa nhà chung cư cao tầng, khu nhà thu nhập thấp mật độ cao, nên rủi ro cháy nổ tiềm ẩn nhiều rủi ro. Các sản phẩm bảo vệ cháy nổ sẽ đặc biệt có lợi ích đối với những khu dân cư thu nhập thấp, xác suất xảy ra rủi ro cao.

Giá trị bằng tiền của sản phẩm

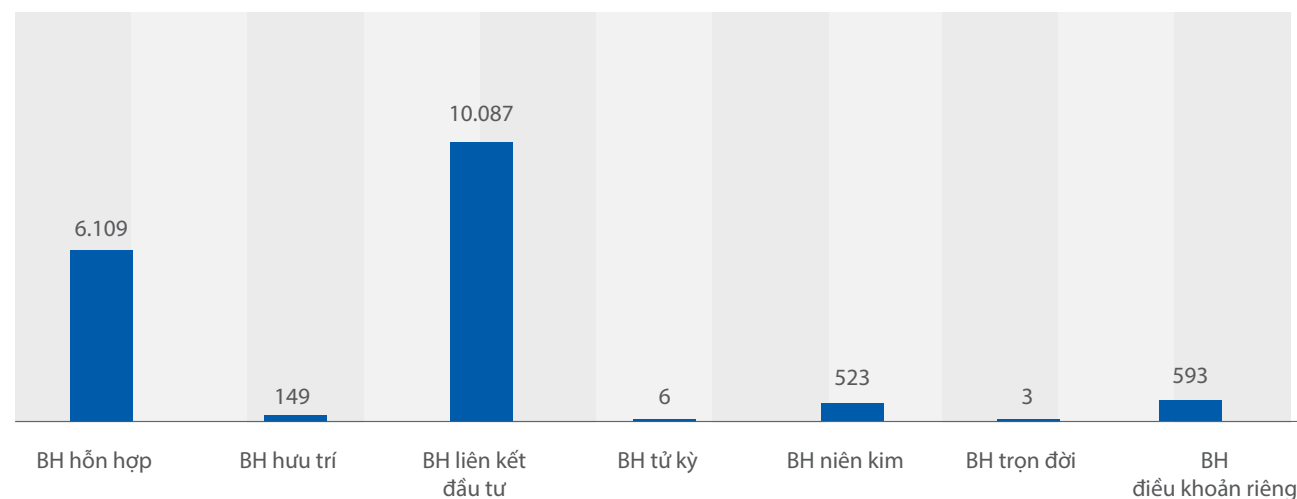
Bảo hiểm cháy và tài sản chiếm 9,5% tỷ trọng doanh thu, đạt 764 tỷ đồng doanh thu.

CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ ĐEM LẠI LỢI ÍCH XÃ HỘI THUỘC LĨNH VỰC BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ (BVNT) là công ty con 100% vốn góp của Tập đoàn Bảo Việt trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ. Là doanh nghiệp đứng đầu trong ngành bảo hiểm nhân thọ Việt Nam, BVNT luôn mong muốn đóng góp nhiều hoạt động thiết thực và ý nghĩa nhằm thực hiện sứ mệnh Bảo vệ lợi ích Việt – Bảo vệ giá trị Việt. BVNT không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đa dạng hóa các loại sản phẩm đối với nhiều phân khúc xã hội nhằm đóng góp liên tục, dài hơi cho các lợi ích cộng đồng. Một số nhóm sản phẩm và sản phẩm đem lại lợi ích cụ thể cho xã hội (chủ yếu đối tượng là trẻ em và người già) gồm:

Doanh thu bảo hiểm gốc lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ theo sản phẩm năm 2017

Đơn vị: tỷ đồng



NHÓM SẢN PHẨM BẢO HIỂM DÀNH CHO GIÁO DỤC VÀ TÀI CHÍNH GIA ĐÌNH

Mục đích và đặc trưng của sản phẩm

Được thiết kế với các quyền lợi đặc trưng kết hợp giữa yếu tố “bảo hiểm” và yếu tố “tích lũy tài chính”, các sản phẩm hỗn hợp truyền thống của Bảo Việt Nhân Thọ đem đến cho khách hàng sự bảo vệ toàn diện trước các rủi ro trong cuộc sống đồng thời giúp khách hàng hoạch định kế hoạch tài chính hiệu quả cho tương lai.

Đặc trưng của sản phẩm

Sản phẩm An Sinh Giáo Dục: phục vụ các đối tượng trẻ em từ 0-15 tuổi, đảm bảo tương lai con trẻ, giúp thực hiện mục tiêu giáo dục và lập nghiệp cho con trẻ từ khi sinh ra cho đến tuổi trưởng thành bằng cách hỗ trợ tài chính giúp giảm bớt áp lực cho cha mẹ trong bối cảnh học phí có xu hướng ngày càng tăng, bảo vệ tài chính và chia sẻ kịp thời khi xảy ra rủi ro cho cả trẻ em hoặc cha mẹ.

Sản phẩm An Bình Thịnh Vượng bảo vệ khách hàng trước thực trạng bệnh lý nghiêm trọng đang ngày càng phổ biến, đặc biệt thường xảy ra với những đối tượng có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Việc tham gia sản phẩm bảo hiểm này giúp khách hàng giảm bớt gánh nặng tài chính thông qua việc hỗ trợ những khoản chi phí lớn để điều trị bệnh và phục hồi sức khỏe.

Giá trị bằng tiền của sản phẩm:

Doanh thu sản phẩm bảo hiểm hỗn hợp chiếm tỷ trọng 35% cơ cấu tổng doanh thu, đạt 6.109 tỷ đồng.

BẢO HIỂM HƯU TRÍ TỰ NGUYỆN

Mục đích và đặc trưng của sản phẩm

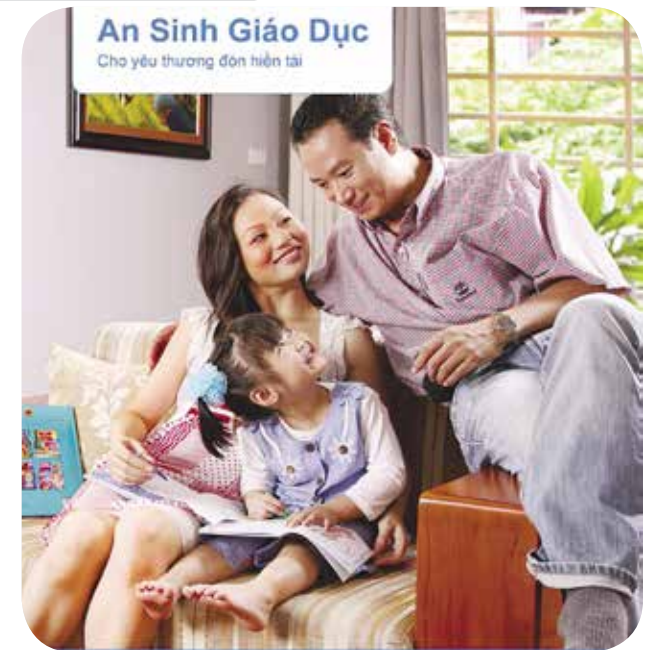
Được thiết kế nhằm bổ sung phúc lợi cho các cá nhân từ độ tuổi nghỉ hưu, giúp khách hàng chủ động nguồn tài chính khi về già, đặc biệt trong giai đoạn, chính sách lương hưu, bảo hiểm xã hội có tiềm ẩn nhiều thay đổi khi việc cân đối thu chi luôn là áp lực của nhà nước. Sản phẩm cung cấp quyền lợi bảo hiểm trước các rủi ro trong cuộc sống kết hợp với lương hưu định kỳ, từ đó bổ sung cho bảo hiểm hưu trí bắt buộc, tạo nên một hệ thống an sinh xã hội tương đối toàn diện, đầy đủ, đa dạng, đáp ứng cơ bản nhu cầu bảo hiểm hưu trí của người lao động thuộc mọi thành phần kinh tế.

Sản phẩm đặc trưng

Hưu Trí Vững Nghiệp (dành cho khách hàng nhóm) và Hưu Trí An Khang (dành cho khách hàng cá nhân)

Giá trị bằng tiền của sản phẩm

Doanh thu sản phẩm bảo hiểm hưu trí chiếm 0,85% tổng doanh thu, đạt 149 tỷ đồng.



PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM TÍCH HỢP VÀ CHUYÊN BIỆT, MANG ĐẾN GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN CHO CỘNG ĐỒNG

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, dịch vụ tài chính nên vấn đề an toàn và sức khỏe của khách hàng được Bảo Việt lồng ghép ngay từ khâu nghiên cứu, thiết kế sản phẩm nhằm mang đến cho khách hàng giải pháp bảo vệ toàn diện.

PHƯƠNG PHÁP QUẢN TRỊ

Thông qua việc phát triển sản phẩm tích hợp và chuyên biệt, đồng thời duy trì các sản phẩm bảo hiểm vi mô cho người lao động thu nhập thấp, Bảo Việt có thể hiện thực hóa cam kết mang đến giải pháp tài chính và bảo vệ toàn diện cho khách hàng và cộng đồng.

Sự ra đời liên tục của các sản phẩm hưu trí tự nguyện, các sản phẩm bảo hiểm chuyên biệt không chỉ là cách Bảo Việt chia sẻ sức ép về ngân sách và quỹ Bảo hiểm xã hội, y tế của Nhà nước mà còn là cách để hỗ trợ cho khách hàng chuẩn bị cho cuộc sống an hưởng điển viên sau khi nghỉ hưu hoặc khi sức khỏe không may bị ảnh hưởng.

Bên cạnh đó, việc duy trì các sản phẩm bảo hiểm vi mô bao gồm các sản phẩm với mức phí đóng thấp dành cho số đông người dân là cách để Bảo Việt hỗ trợ cải thiện cuộc sống của các hộ dân nghèo và cận nghèo tại khu vực nông thôn và thành thị.

PHẠM VI BÁO CÁO

- Phát triển sản phẩm tích hợp và chuyên biệt, mang đến giải pháp tài chính toàn diện cho cộng đồng
- Duy trì sản phẩm bảo hiểm vi mô cho người lao động thu nhập thấp



BẢO HIỂM BẢO VIỆT VÀ NGÂN HÀNG OCB HỢP TÁC VÌ LỢI ÍCH CAO NHẤT DÀNH CHO KHÁCH HÀNG

Ngày 29/12/2017 tại Trụ sở của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt đã diễn ra lễ ký kết thỏa thuận hợp tác giữa TCT Bảo hiểm Bảo Việt và Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB). Thỏa thuận hợp tác của hai bên diễn ra trong bối cảnh thị trường ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ của dịch vụ ngân hàng liên kết bảo hiểm (bancassurance) nhằm mang lại cho khách hàng những giá trị vượt trội thông qua việc khai thác tối đa nguồn lực sẵn có của 2 bên.

Theo Thỏa thuận Hợp tác, OCB và Bảo hiểm Bảo Việt sẽ cùng triển khai chương trình hợp tác bảo hiểm; ưu tiên sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của hai bên; đồng thời tăng cường công tác bán chéo, giới thiệu khách hàng sử dụng sản phẩm, dịch vụ của đối tác. Việc hợp tác giữa hai thương hiệu có uy tín và kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm-ngân hàng tại Việt Nam sẽ tạo ra một kênh phân phối sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng – bảo hiểm toàn diện. Hai bên sẽ thống nhất phối hợp đa dạng hóa các hình thức triển khai hoạt động quảng bá hình ảnh, sản phẩm dịch vụ của mỗi bên, giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận thông tin và đáp ứng nhanh nhất nhu cầu của khách hàng.

BẢO HIỂM BẢO VIỆT VÀ AETNA INTERNATIONAL RA MẮT SẢN PHẨM BẢO HIỂM SỨC KHỎE ĐẲNG CẤP THẾ GIỚI

Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (Bảo hiểm Bảo Việt) và Aetna International chính thức cho ra mắt sản phẩm bảo hiểm sức khỏe đẳng cấp thế giới tại Việt Nam: Aetna SummitSM tại Tp. Hồ Chí Minh ngày 07/06/2017 và thủ đô Hà Nội ngày 08/06/2017.

Aetna SummitSM là sản phẩm bảo hiểm, hỗ trợ và chăm sóc sức khỏe gồm 5 gói chương trình dành cho các nhóm khách hàng từ 3 người trở lên là cán bộ nhân viên của các doanh nghiệp với hạn mức bảo hiểm từ 40 tỷ đồng đến 115 tỷ đồng. Tùy theo nhu cầu, doanh nghiệp có thể linh hoạt lựa chọn các quyền lợi bổ sung như: bảo hiểm du lịch, bảo hiểm tai nạn cá nhân, bảo hiểm thai sản phù hợp cho nhân viên của mình ở bất kỳ đâu trên thế giới. Aetna SummitSM là giải pháp hiệu quả dành cho các công ty bởi “nhân viên hạnh phúc, khỏe mạnh mang lại năng suất và hiệu quả hoạt động cho doanh nghiệp”.

Sự kết hợp giữa doanh nghiệp số 1 tại thị trường phi nhân thọ Việt Nam - Bảo hiểm Bảo Việt, với công ty chăm sóc sức khỏe hàng đầu thế giới - Aetna International hứa hẹn sẽ mang lại nhiều giải pháp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe toàn diện, dịch vụ đẳng cấp quốc tế cho thị trường Việt Nam.



BẢO HIỂM BẢO VIỆT HỢP TÁC CÙNG CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐÀO TẠO LABO NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ MANG LẠI TRẢI NGHIỆM MỚI CHO KHÁCH HÀNG

Ngày 23/11/2017 tại Hà Nội đã diễn ra lễ ký kết hợp tác giữa Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt – doanh nghiệp bảo hiểm dẫn đầu thị trường Bảo hiểm Phi nhân thọ Việt Nam và Công ty TNHH Tư vấn và Đào tạo LABO (LABO) – công ty cung cấp dịch vụ tài chính toàn diện đầu tiên tại Việt Nam.

Với định hướng lấy khách hàng làm trung tâm, đặt lợi ích và mong muốn của khách hàng lên hàng đầu để mang đến những sản phẩm – dịch vụ hoàn hảo nhất, Bảo hiểm Bảo Việt thời gian qua không ngừng đẩy mạnh hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, kỹ năng tư vấn, giá trị dịch vụ nhằm mang lại những trải nghiệm tốt nhất cho Khách hàng. Trong định hướng đó, Công ty TNHH Tư vấn và Đào tạo LABO là một trong những đối tác được Bảo hiểm Bảo Việt lựa chọn nhằm đa dạng kênh phân phối các giải pháp tài chính bảo hiểm.

Với mong muốn được chung tay thực hiện sứ mệnh hỗ trợ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, thông qua việc ký kết lần này, hai bên sẽ cùng nhau tăng cường hợp tác sâu rộng trên quy mô toàn hệ thống trên cơ sở tận dụng thế mạnh của mỗi bên để mang tới cho khách hàng các giải pháp chăm sóc sức khỏe toàn diện, an tâm tận hưởng cuộc sống dài lâu.

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT VÀ TẬP ĐOÀN KANGAROO HỢP TÁC TOÀN DIỆN NHẪM TỐI ƯU LỢI ÍCH KHÁCH HÀNG

Ngày 01/3/2017 tại Hà Nội, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (Bảo hiểm Bảo Việt) và Tập đoàn Kangaroo đã tổ chức Lễ ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện, nhằm tăng cường quan hệ hợp tác, hướng tới mục tiêu trở thành đối tác lâu dài và bền vững, mang lại lợi ích song phương, góp phần nâng cao lợi thế cạnh tranh của hai doanh nghiệp trên thị trường.

Tập đoàn Kangaroo - đơn vị tiên phong trong việc nghiên cứu, sáng tạo các công nghệ mới phục vụ sức khỏe cộng đồng như công nghệ lọc nước, công nghệ kháng khuẩn trên các thiết bị gia dụng, vệ sinh đã hợp tác với Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt. Theo Thỏa thuận Hợp tác, hai bên sẽ ưu tiên sử dụng và tăng cường giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ của hai bên nhằm khai thác tối đa tiềm năng, tạo hiệu quả kinh doanh, tăng vị thế và sức cạnh tranh của mỗi bên. Cụ thể Tập đoàn Kangaroo ưu tiên sử dụng các sản phẩm, dịch vụ bao gồm không giới hạn các loại hình bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt và các công ty thành viên cung cấp như bảo hiểm tài sản, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm hàng hóa, bảo hiểm quyền lợi nhân viên... Bảo hiểm Bảo Việt và các công ty thành viên cam kết cung cấp sản phẩm, dịch vụ với chất lượng cao, mức phí ưu đãi cho Kangaroo cùng các đơn vị thành viên. Bảo hiểm Bảo Việt cũng ưu tiên giới thiệu sản phẩm, dịch vụ với chính sách ưu đãi của Kangaroo tới các khách hàng và ưu tiên sử dụng cho các sự kiện cùng hệ thống chi nhánh, phòng giao dịch, hệ thống đại lý của mình.



BẢO VIỆT BẢO HIỂM ƯU VIỆT CHO BỆNH UNG THƯ VÀ TIM MẠCH - CƠ HỘI ĐIỀU TRỊ TẠI CÁC BỆNH VIỆN HÀNG ĐẦU TẠI MỸ

Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (Bảo hiểm Bảo Việt) chính thức ra mắt sản phẩm Bảo hiểm Ưu việt cho Bệnh Ung thư và Tim mạch tại Hà Nội ngày 28/9/2017 và tại TP. Hồ Chí Minh ngày 29/9/2017.

Bảo hiểm Ưu việt cho Bệnh Ung thư và Tim mạch là sản phẩm Bảo hiểm Bảo Việt hợp tác cùng với Công ty chuyên về Chăm sóc Sức khỏe Toàn cầu (PGH) và Tập đoàn tái bảo hiểm hàng đầu thế giới Scor Re của Pháp.

Khi tham gia chương trình bảo hiểm, khách hàng nhận được nhiều quyền lợi ưu việt chưa từng có tại Việt Nam: được xác minh, chẩn đoán bệnh và lập kế hoạch điều trị bởi các chuyên gia y tế hàng đầu thế giới; điều trị ở những cơ sở y tế xuất sắc được xếp hạng 1% các bệnh viện hàng đầu ở Mỹ; bảo lãnh trực tiếp và chi trả chi phí điều trị lên đến 2,000,000 USD mỗi năm. Song song với đó là toàn bộ quy trình chăm sóc được điều phối bởi một người quản lý chăm sóc riêng, trao đổi bằng tiếng Việt; chi phí di chuyển và ăn ở cho bệnh nhân và một người đồng hành được trợ cấp lên đến 20,000 USD/đợt điều trị. Sản phẩm với chi phí hợp lý, tiết kiệm hơn rất nhiều so với các chương trình chăm sóc sức khỏe toàn cầu nhưng được bảo hiểm gần như trọn đời dành cho các khách hàng tham gia mới từ 01 đến 74 tuổi và tái tục đến 99 tuổi.

Sự kết hợp giữa doanh nghiệp số một tại thị trường phi nhân thọ Việt Nam - Bảo hiểm Bảo Việt, với PGH, Công ty chuyên về Chăm sóc Sức khỏe Toàn cầu, hứa hẹn mang lại nhiều giải pháp bảo vệ cho khách hàng trước rủi ro bất ngờ về sức khỏe.

BẢO HIỂM BẢO VIỆT RA MẮT SẢN PHẨM BẢO NHIỆT ĐỐI CHƯA TỪNG CÓ TẠI VIỆT NAM

Ngày 31/8/2017 tại Hà Nội, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Công ty Tái bảo hiểm Munich chính thức ra mắt sản phẩm bảo hiểm mới “Bảo nhiệt đới”/ “One Storm” chưa từng có tại Việt Nam, bảo vệ cho khách hàng trước những tổn thất do Bão gây ra.

Sản phẩm bảo hiểm cho rủi ro do Bão nhiệt đới, bảo vệ cho các loại tài sản cố định trong giai đoạn xây dựng và trong quá trình hoạt động được xác định bằng địa điểm bảo hiểm cụ thể chính xác (vĩ độ, kinh độ) cả trên đất liền và ngoài khơi. Tham gia sản phẩm bảo hiểm này, khách hàng không chỉ được bảo hiểm cho các tài sản cố định theo 05 cấp độ của Bão mà còn được yêu cầu bồi thường cho các tổn thất phi vật chất bao gồm các chi phí mất lợi nhuận do gián đoạn kinh doanh, các chi phí phòng chống bão, chi phí làm thêm giờ, bảo hiểm mức miễn thường của đơn bảo hiểm tài sản truyền thống, các chi phí giải quyết tổn thất do bão gây ra... để hỗ trợ cho các hoạt động đầu tư và tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Sự kết hợp giữa doanh nghiệp số 1 tại thị trường phi nhân thọ Việt Nam - Bảo hiểm Bảo Việt, với Munich Re, nhà tái bảo hiểm lớn nhất thế giới hứa hẹn mang lại nhiều giải pháp bảo vệ cho khách hàng trước rủi ro bão nhiệt đới cho thị trường Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT: NHÀ BẢO HIỂM PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ APEC 2017

Tiếp nối chuỗi các hoạt động hợp tác của năm 2017 giữa Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (Bảo hiểm Bảo Việt) và Công ty Ô tô Á Châu (Audi Việt Nam), ngày 11/4/2017 tại



Hà Nội hai bên đã ký hợp tác toàn diện và dịch vụ bảo hiểm cho đoàn xe Audi phục vụ hội nghị APEC 2017.

Theo thỏa thuận ký kết, Bảo hiểm Bảo Việt là đơn vị chính thức cung cấp sản phẩm và dịch vụ bảo hiểm cho tất cả đoàn xe Audi phục vụ sự kiện APEC 2017 để chào đón các nguyên thủ quốc gia từ 21 nền kinh tế thành viên trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, 2.000 bộ trưởng cùng các quan chức cấp cao, 3.000 nhà báo và phóng viên, cùng 5.000 doanh nhân.

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT VÀ CÔNG TY BAOVIET TOKIO MARINE KÝ KẾT THỎA THUẬN HỢP TÁC BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP

Ngày 13/2/2017, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt Tokio Marine (BVTM) đã chính thức ký kết Thỏa thuận hợp tác triển khai Bảo hiểm nông nghiệp tại Việt Nam.

Thỏa thuận hợp tác được xây dựng nhằm phát huy tối đa lợi thế kinh nghiệm của Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt tại Việt Nam và kinh nghiệm của Tập đoàn Tokio Marine trên thế giới nhằm triển khai Bảo hiểm nông nghiệp mang tính phát triển bền vững lâu dài, hướng tới lợi ích chung của đôi bên và người nông dân Việt Nam, qua đó chung tay góp sức tạo ra sự ổn định cho sự phát triển của nền nông nghiệp Việt Nam.

Bảo hiểm nông nghiệp, với mục đích đảm bảo sự ổn định cho sản xuất nông nghiệp, là lĩnh vực gần đây được nhà nước Việt Nam đặc biệt quan tâm. Trải qua nhiều giai đoạn triển khai thí điểm, gần đây nhất là quyết định 315/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tuy nhiên Bảo hiểm nông nghiệp vẫn chưa phổ biến tại Việt Nam và tỷ lệ tham gia bảo hiểm vẫn còn ở mức thấp.

Bảo hiểm Bảo Việt, với vai trò là một trong ba đơn vị được lựa chọn giao triển khai thí điểm Bảo hiểm nông nghiệp theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, mong muốn chủ động hợp tác với các đối tác bảo hiểm nước ngoài chuyên nghiệp như BaoViet Tokio Marine để khai thác một cách bài bản lĩnh vực bảo hiểm còn khá khiêm tốn so với tiềm năng này và mang đến sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp có chất lượng nhất, mang lợi ích thiết thực cho khách hàng, đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội của nước nhà.

BAOVIET HAPPY HOUSE - CÙNG BẠN THỰC HIỆN GIẤC MƠ NGÔI NHÀ HẠNH PHÚC

Phát huy thế mạnh của Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm, tiếp nối thành công của dòng sản phẩm liên kết ngân hàng - bảo hiểm (Bancassurance) với BAOVIET Easy Car, BAOVIET Easy Life đã giới thiệu cuối năm 2016, ngày 21/4/2017, Ngân hàng Bảo Việt kết hợp với Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục ra mắt sản phẩm BAOVIET HAPPY HOUSE với thông điệp Bảo Việt tự hào được cùng bạn thực hiện và bảo vệ giấc mơ ngôi nhà hạnh phúc.

BAOVIET HAPPY HOUSE được thiết kế với nhiều ưu đãi hấp dẫn và mang đến cho khách hàng sự chủ động, linh hoạt trong việc quản lý tài chính: lãi suất chỉ từ 6,66%/năm trong 6 tháng đầu, thời hạn vay tối thiểu 2 năm và có thể kéo dài lên tới 20 năm, miễn phí trả nợ trước hạn sau 24 tháng, mức cho vay lên tới 85% phương án vay vốn, ân hạn trả gốc trong 6 tháng đầu, phê duyệt nhanh trong vòng 16 giờ, hồ sơ đăng ký đơn giản. Với chính sách trả nợ trước hạn linh hoạt, khách hàng hoàn toàn có thể trả thêm vào tiền gốc số tiền gấp 2 lần số tiền gốc phải trả hàng tháng tối đa 50 triệu đồng/tháng.

BẢO VỆ SỨC KHỎE VIỆT - CHƯƠNG TRÌNH TƯ VẤN SỨC KHỎE VỚI BÁC SĨ UY TÍN TỪ NGÀY 23/06/2017 TRÊN KÊNH PHÁT THANH SỨC KHỎE TOÀN QUỐC JOYFM

Thực hiện sứ mệnh mang đến an bình, thịnh vượng và nụ cười hạnh phúc tới mỗi gia đình Việt, Bảo Việt Nhân thọ không chỉ mang đến những giải pháp bảo hiểm bảo vệ cho tương lai mà còn đang nỗ lực góp phần nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, góp phần xây dựng một cộng đồng khỏe thể chất, sáng tinh thần thông qua chương trình "Bảo Vệ Sức Khỏe Việt".

Cùng với sự kiện kỷ niệm Ngày Quốc tế Yoga 2017 do Bảo Việt Nhân thọ phối hợp với Đại Sứ Quán Ấn Độ và các cơ quan quản lý tại địa phương tổ chức, diễn ra tại 9 tỉnh thành nhằm lan tỏa lối sống tích cực, sức khỏe dồi dào qua liệu pháp Yoga, cũng trong khuôn khổ chương trình "Bảo vệ sức khỏe Việt", Bảo Việt Nhân thọ sẽ tổ chức các chương trình tư vấn sức khỏe với các bác sĩ uy tín trên toàn quốc, mang đến cho người dân những kiến thức hữu ích về việc phòng tránh các bệnh lý ung thư, tim mạch; cập nhật các phương pháp điều trị hiện đại; tư vấn cách phòng ngừa cũng như các giải pháp giảm bớt gánh nặng bệnh tật, kinh tế, tâm lý cho người bệnh và gia đình bệnh nhân.

DUY TRÌ SẢN PHẨM BẢO HIỂM VI MÔ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG THU NHẬP THẤP



BẢO HIỂM HỌC SINH – HỖ TRỢ CÔNG TÁC KHUYẾN HỌC VÌ TƯƠNG LAI ĐẤT NƯỚC

Có thể thấy rằng, khi triển khai thực hiện các sản phẩm bảo hiểm cho trẻ nhỏ và trẻ vị thành niên, các doanh nghiệp bảo hiểm có xu hướng chịu tỷ lệ bồi thường cao hơn so với tổng thu phí bảo hiểm do các em học sinh đang ở độ tuổi khá hiếu động và thích khám phá; từ đó gia tăng những rủi ro liên quan đến tai nạn học đường của các em học sinh. Tuy nhiên Bảo Việt vẫn tích cực đẩy mạnh sản phẩm bảo hiểm học sinh tại các trường học trên cả nước với mục đích nhân văn và hỗ trợ cho công tác khuyến học, khuyến tài tại địa phương.

Trong năm học vừa qua, Bảo Việt đã giải quyết, chi trả bồi thường cho 176.784 vụ tai nạn của học sinh, giáo viên với số tiền bồi thường gần 170 tỷ đồng. Ngoài ra, Bảo Việt còn thực hiện bảo hiểm miễn phí cho toàn bộ học sinh, sinh viên là con em đối tượng chính sách, thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ; giảm 50% phí bảo hiểm cho học sinh tàn tật, mồ côi, không nơi nương tựa và học sinh nghèo. Bảo Việt coi việc áp dụng miễn, giảm phí như một chính sách xã hội mà doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện, góp phần tích cực vào công cuộc phát triển sự nghiệp giáo dục, khuyến khích phát huy tiềm năng đến từ các mầm non tương lai của đất nước.

BẢO HIỂM XE CƠ GIỚI – GIẢM THIỂU RỦI RO, GIÚP NGƯỜI THAM GIA GIAO THÔNG “AN TÂM TRÊN MỌI NẸO ĐƯỜNG”

Thực tế cho thấy, số vụ tai nạn giao thông tại Việt Nam đang ngày một gia tăng với mức độ ngày càng nghiêm trọng hơn. Theo báo cáo thống kê gần đây nhất, trên cả nước, có 21.589 vụ tai nạn giao thông xảy ra, làm chết 8.685 người, làm bị thương 19.280 người. Hệ quả của các vụ tai nạn giao thông đã khiến cho GDP toàn quốc năm 2016 giảm 2,9% (tương đương 300 tỷ đồng mỗi ngày) cùng với thiệt hại về tài chính và giảm thiểu chất lượng cuộc sống của rất nhiều gia đình khi có người thân gặp tai nạn giao thông.

Chính vì những điều đó, việc nâng cao ý thức của người tham gia giao thông và giảm thiểu những thiệt hại vật chất khi tai nạn xảy ra là vấn đề được Bảo Việt quan tâm và gửi gắm khi cung cấp sản phẩm bảo hiểm xe cơ giới. Chỉ trong năm 2017, Bảo Việt đã thực hiện bảo hiểm cho 480 nghìn xe ô tô và 1,9 triệu xe máy trên toàn quốc với phạm vi bảo hiểm liên quan tới cháy nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe và bảo hiểm tai nạn người ngồi trên xe với tổng chi phí bồi thường là 1.138 tỷ đồng. Ngoài ra, Bảo Việt cũng tích cực truyền thông nâng cao ý thức của người tham gia giao thông dưới nhiều hình thức khác nhau như: Truyền thông trên bảng biển ngoài trời, trên các trục đường chính, các tuyến đường trọng yếu; Lắp đặt các gương phản chiếu trên đoạn đường cua nguy hiểm, đặc biệt là tại các địa hình đồi núi hiểm trở...



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT THEO CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM (VAS)
- BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG THEO CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM (VAS) (TÓM TẮT)
- BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT THEO CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFRS) (TÓM TẮT)



**KHẲNG ĐỊNH UY TÍN
DOANH NGHIỆP
NIÊM YẾT HÀNG ĐẦU**



**KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO
CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM (VAS) VÀ
CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFRS)**



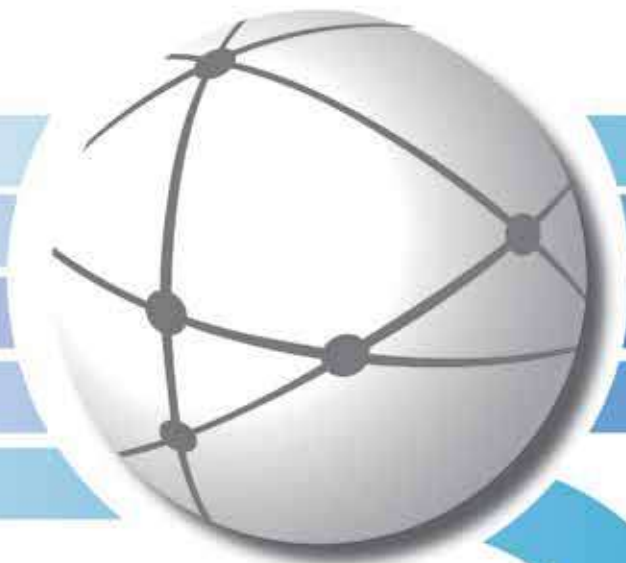
**NÂNG CAO TÍNH
MINH BẠCH
VÀ MỨC ĐỘ TIN CẬY
CỦA THÔNG TIN**



**TUÂN THỦ QUY ĐỊNH VỀ CÔNG BỐ
THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH ĐỐI VỚI
CÔNG TY NIÊM YẾT**



**CUNG CẤP THÔNG TIN
ĐẦY ĐỦ, TOÀN DIỆN
VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
CŨNG NHƯ HOẠT ĐỘNG CỦA
TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT VÀ ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN**



TẬP ĐOÀN

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Tập đoàn đã được đăng ký thay đổi 10 lần với lần thứ 10 được thực hiện vào ngày 18 tháng 01 năm 2018.

Toàn bộ số cổ phần thuộc vốn điều lệ của Tập đoàn được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Một số thông tin về Tập đoàn theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 01 năm 2018 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	Số 72, phố Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; hoạt động kinh doanh bất động sản; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin; dịch vụ hỗ trợ giáo dục và các ngành nghề kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh
Vốn điều lệ:	6.804.714.340.000 đồng Việt Nam
Số cổ phần đã đăng ký:	680.471.434 cổ phần
Cổ đông sáng lập:	Bộ Tài chính, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (“SCIC”), HSBC Insurance (Asia - Pacific) Holdings Limited
Người đại diện theo pháp luật:	Ông Đỗ Trường Minh - Quyền Tổng Giám đốc

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

TÊN	VỊ TRÍ	NGÀY BỔ NHIỆM/ NGÀY MIỄN NHIỆM
Ông Đào Đình Thi	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2018
Ông Nguyễn Quang Phi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 12 năm 2017
Ông Đậu Minh Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 12 năm 2014
Ông Phan Kim Bằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 12 năm 2014
Bà Thân Hiến Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 12 năm 2014
Ông Muneo Sasagawa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2015
Ông Shuichi Sakai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các kiểm soát viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

TÊN	VỊ TRÍ	NGÀY BỔ NHIỆM
Ông Nguyễn Ngọc Thụy	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 12 năm 2014
Ông Ông Tiến Hùng	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2012
Bà Phí Thị Quỳnh Nga	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2015

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

TÊN	VỊ TRÍ	NGÀY BỔ NHIỆM/ NGÀY MIỄN NHIỆM
Ông Đỗ Trường Minh	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 01 năm 2018
Ông Nguyễn Quang Phi	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 01 năm 2018
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Giám đốc Khối Quản lý Hoạt động	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 11 năm 2016
Ông Phạm Ngọc Tú	Phó Giám đốc Phụ trách Khối Quản lý Tài chính	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2015
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Giám đốc Khối Chiến lược và Đầu tư	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2015
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn trong năm và đến ngày 03 tháng 01 năm 2018 là Ông Nguyễn Quang Phi – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn vào ngày lập báo cáo này là Ông Đỗ Trường Minh – Quyền Tổng Giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Ngày 26 tháng 5 năm 2017, Tập đoàn Bảo Việt đã tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 và thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức cho năm tài chính 2016 là 10% (1.000 đồng/cổ phiếu) tính trên vốn điều lệ 6.804.714.340.000 VND, tương đương với số tiền 680.471.434.000 VND. Việc chi trả cổ tức đã được thực hiện vào ngày 31 tháng 8 năm 2017.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, Bộ Tài chính đã chấp nhận nguyên tắc về việc tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt - công ty con do Tập đoàn Bảo Việt đầu tư 100% vốn điều lệ, từ 2.000 tỷ VND lên 2.300 tỷ VND theo Công văn số 17934/BTC-QLBH. Theo đó, vốn điều lệ của Bảo hiểm Bảo Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.300 tỷ VND. Số vốn điều lệ mới đã được thể hiện tại Giấy phép điều chỉnh số 45/GPĐC13/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 23 tháng 01 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Tập đoàn.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt (“Tập đoàn”) trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Tập đoàn (“Ban Điều hành”) chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ông Đào Đình Thi

Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 05 tháng 4 năm 2018



Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 4 3831 5100
Fax: +84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 60780870/19507733-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tập đoàn Bảo Việt (“Tập đoàn”) được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018 và được trình bày từ trang 391 đến trang 496, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 2071-2018-004-1

Lương Thị Phương Dung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 3054-2014-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 05 tháng 4 năm 2018

MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		44.962.828.647.427	30.331.405.841.759
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	6	3.789.197.489.323	2.883.458.103.350
111	1. Tiền		1.600.597.489.316	1.384.131.258.722
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.188.600.000.007	1.499.326.844.628
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		31.164.822.649.629	20.834.911.560.198
121	1. Chứng khoán kinh doanh	15.1	2.648.743.079.467	2.754.408.712.617
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	15.1	(297.888.188.831)	(349.504.452.363)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.2	28.813.967.758.993	18.430.007.299.944
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7.1	6.915.645.602.099	4.706.940.319.124
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		5.437.601.516.671	3.466.446.831.573
131.1	1.1 Phải thu về hoạt động bảo hiểm		2.353.195.084.768	1.313.441.346.281
131.2	1.2 Phải thu về hoạt động đầu tư tài chính		3.084.406.431.903	2.153.005.485.292
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		22.478.515.959	220.390.172.983
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		1.408.715.229.254	919.682.055.427
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		443.666.412.911	476.718.729.919
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(397.018.937.203)	(376.500.335.285)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		202.864.507	202.864.507
140	IV. Hàng tồn kho	8	144.572.406.356	118.799.477.849
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		603.935.685.514	471.008.304.527
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		565.835.345.145	457.355.457.431
151.1	1.1 Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	9	518.158.616.567	428.005.012.101
151.2	1.2 Chi phí trả trước ngắn hạn khác	10	47.676.728.578	29.350.445.330
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		30.372.462.150	3.530.125.211
155	3. Tài sản ngắn hạn khác		7.727.878.219	10.122.721.885
190	VI. Tài sản tái bảo hiểm		2.344.654.814.506	1.316.288.076.711
191	1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	24	976.386.202.557	709.578.730.959
192	2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	24	1.368.268.611.949	606.709.345.752

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		46.439.507.429.452	42.665.046.666.077
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	7.2	75.859.298.354	64.845.196.260
216	1. Phải thu dài hạn khác		75.859.298.354	64.845.196.260
220	II. Tài sản cố định		1.657.410.869.307	1.657.248.547.093
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	844.838.908.301	835.275.342.550
222	Nguyên giá		1.973.497.123.780	1.863.676.897.263
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.128.658.215.479)	(1.028.401.554.713)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	812.571.961.006	821.973.204.543
228	Nguyên giá		1.151.467.720.071	1.121.628.882.042
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(338.895.759.065)	(299.655.677.499)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	45.388.992.000	23.448.947.000
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		445.366.772.989	223.498.164.966
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	445.366.772.989	223.498.164.966
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		43.820.854.114.286	40.539.528.994.873
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	15.3.1	2.921.475.367.471	2.795.737.018.783
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.3.2	366.889.741.221	367.302.771.223
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	15.3.2	(32.058.951.786)	(34.249.995.785)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.2	40.564.547.957.380	37.410.739.200.652
260	VI. Tài sản dài hạn khác		394.627.382.516	156.476.815.885
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	329.934.675.506	97.684.821.223
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17.2.1	52.939.546.439	52.886.550.943
268	3. Tài sản dài hạn khác		11.753.160.571	5.905.443.719
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		91.402.336.076.879	72.996.452.507.836

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND


MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		76.934.938.329.085	59.309.916.882.792
310	I. Nợ ngắn hạn		22.286.031.335.459	16.230.271.115.790
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	2.694.745.921.329	1.576.935.784.713
311.1	1.1 Phải trả hoạt động bảo hiểm		2.542.056.192.076	1.383.568.559.914
311.2	1.2 Phải trả hoạt động tài chính		-	66.003.088.161
311.3	1.3 Phải trả người bán và nhà cung cấp dịch vụ		152.689.729.253	127.364.136.638
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	132.060.292.425	10.443.709.813
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	109.050.213.117	16.004.120.760
314	4. Phải trả người lao động		727.386.592.336	736.503.250.494
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		58.405.565.654	56.627.960.995
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	72.613.800.667	83.403.075.494
318.1	7. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	19	108.694.988.008	115.396.746.402
319	8. Phải trả ngắn hạn khác	20	574.150.514.863	482.252.118.261
320	9. Vay ngắn hạn	21	91.842.475.489	161.009.048.468
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	115.010.713.662	78.324.934.729
324	11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu	23	17.602.070.257.909	12.913.370.365.661
330	II. Nợ dài hạn		54.648.906.993.626	43.079.645.767.002
337	1. Phải trả dài hạn khác		133.289.291.125	99.815.372.901
338	2. Vay dài hạn	21	3.922.299.998	3.337.550.002
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	17.2.2	1.284.976.011	-
344	4. Dự phòng	24	54.510.410.426.492	42.976.492.844.099
344.1	4.1 Dự phòng toán học		46.210.980.584.316	36.280.117.678.651
344.2	4.2 Dự phòng phí chưa được hưởng		4.360.283.332.177	3.580.814.492.786
344.3	4.3 Dự phòng bồi thường		2.411.767.134.999	1.489.052.835.548
344.4	4.4 Dự phòng chia lãi		1.429.375.103.187	1.385.613.275.857
344.5	4.5 Dự phòng đảm bảo cân đối		74.832.260.436	64.722.549.880
344.6	4.6 Dự phòng dao động lớn		23.172.011.377	176.172.011.377

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

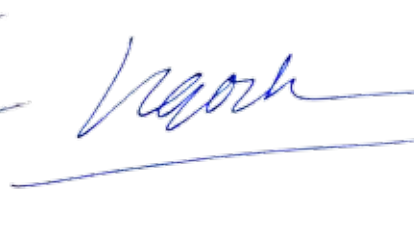
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND



MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		14.467.397.747.794	13.686.535.625.044
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	14.467.397.747.794	13.686.535.625.044
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		6.804.714.340.000	6.804.714.340.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		6.804.714.340.000	6.804.714.340.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.184.332.381.197	3.184.332.381.197
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		15.445.192.000	15.445.192.000
418	4. Quỹ đầu tư phát triển và dự phòng tài chính		464.777.333.764	301.301.554.536
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		103.568.802.818	103.568.802.818
421	6. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện chưa phân phối		2.808.185.106.210	2.288.129.402.650
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.321.439.018.007	1.218.636.520.311
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		1.486.746.088.203	1.069.492.882.339
423	7. Quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm		385.374.992.665	333.123.774.337
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		700.999.599.140	655.920.177.506
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		91.402.336.076.879	72.996.452.507.836



Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán Trưởng



Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính



Ông Đỗ Trường Minh
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
01	Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 02 + 03 + 04)		25.008.139.902.575	19.878.856.297.778
02	Phí bảo hiểm gốc	26.1	25.521.511.280.522	20.018.586.566.154
03	Phí nhận tái bảo hiểm	26.2	266.097.461.444	300.791.329.949
04	Tăng dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		(779.468.839.391)	(440.521.598.325)
05	Phí nhượng tái bảo hiểm (05 = 06 + 07)	27	(1.641.147.464.342)	(1.200.056.139.706)
06	Tổng phí nhượng tái bảo hiểm		(1.907.954.935.940)	(1.392.998.505.520)
07	Giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		266.807.471.598	192.942.365.814
08	Doanh thu phí bảo hiểm thuần (08 = 01 + 05)		23.366.992.438.233	18.678.800.158.072
09	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (09 = 10 + 11)		675.092.403.794	330.668.187.439
10	Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm		266.706.871.477	224.977.753.763
11	Thu nhập khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (11 = 12 + 13 + 14)		408.385.532.317	105.690.433.676
12	Thu khác nhận tái bảo hiểm		45.693.273	687.797.942
13	Thu khác nhượng tái bảo hiểm		366.084.846.827	77.046.090.738
14	Thu hoạt động khác		42.254.992.217	27.956.544.996
15	Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm (15 = 08 + 09)		24.042.084.842.027	19.009.468.345.511
16	Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	28.1	(8.462.636.715.124)	(6.733.219.605.075)
17	Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	28.2	(166.688.253.900)	(171.400.458.433)
18	Các khoản giảm trừ chi phí (18 = 19 + 20)		3.823.723.341	8.828.324.736
19	Thu đòi người thứ ba		2.392.119.840	6.690.882.282
20	Thu xử lý hàng bồi thường 100%		1.431.603.501	2.137.442.454
21	Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	28.3	847.695.972.396	521.456.218.523
22	Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc (22 = 23 + 24 + 25)		(9.984.734.443.551)	(7.851.781.260.180)
23	Tăng dự phòng toán học		(9.930.862.905.665)	(7.817.786.340.296)
24	Tăng dự phòng chia lãi		(43.761.827.330)	(27.657.369.626)
25	Tăng dự phòng đảm bảo cân đối		(10.109.710.556)	(6.337.550.258)
26	Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		(922.714.299.451)	(250.040.285.223)
27	Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		761.559.266.197	116.505.901.459
28	Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm (28 = 16 + 17 + 18 + 21 + 22 + 26 + 27)		(17.923.694.750.092)	(14.359.651.164.193)
29	Chi bồi thường từ quỹ dao động lớn		281.408.224.424	93.000.000.000
30	Trích dự phòng dao động lớn		(128.408.224.424)	(109.617.672.687)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND


MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
31	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (31 = 32 + 38 + 39)		(5.735.492.296.789)	(4.232.776.274.049)
32	Chi khác hoạt động bảo hiểm gốc (32 = 33 + 34 + 35 + 36 + 37)		(5.533.326.146.378)	(4.207.185.385.576)
33	Chi hoa hồng	9	(2.467.269.614.939)	(1.962.077.048.011)
34	Chi để phòng hạn chế tổn thất		(85.018.112.840)	(75.700.952.436)
35	Chi giám định, chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm, chi khác		(116.978.158.028)	(96.585.660.462)
36	Chi phí bán hàng	29	(1.508.451.570.287)	(938.377.952.871)
37	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	30	(1.355.608.690.284)	(1.134.443.771.796)
38	Chi nhận tái bảo hiểm khác		(1.051.404.615)	(3.201.454.297)
39	Chi nhượng tái bảo hiểm khác		(201.114.745.796)	(22.389.434.176)
40	Tổng chi hoạt động kinh doanh bảo hiểm (40 = 28 + 29 + 30 + 31)		(23.506.187.046.881)	(18.609.045.110.929)
41	Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (41 = 15 + 40)		535.897.795.146	400.423.234.582
42.1	Doanh thu hoạt động khác		382.453.040.570	297.970.974.822
42.2	Chi phí hoạt động khác		(314.630.128.002)	(270.478.765.106)
42	Thu nhập thuần từ các hoạt động khác (42 = 42.1 + 42.2)	31	67.822.912.568	27.492.209.716
43.1	Doanh thu hoạt động tài chính	32.1	5.758.691.819.023	4.627.972.875.906
43.2	Chi phí hoạt động tài chính	32.2	(1.420.797.149.598)	(1.124.009.912.309)
43	Lợi nhuận hoạt động tài chính (43 = 43.1 + 43.2)		4.337.894.669.425	3.503.962.963.597
44	Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, đơn vị kinh doanh đồng kiểm soát	15.3.1	120.920.690.801	89.377.550.187
45	Chi phí quản lý doanh nghiệp	33	(3.147.504.547.029)	(2.628.432.875.224)
46.1	Thu nhập khác		23.604.974.262	10.088.299.889
46.2	Chi phí khác		(4.893.901.846)	(4.126.469.198)
46	Lợi nhuận khác (46 = 46.1 + 46.2)	34	18.711.072.416	5.961.830.691

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND


MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
47	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (47 = 41+ 42 + 43 + 44 + 45 + 46)		1.933.742.593.327	1.398.784.913.549
48	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17.1	(329.414.538.838)	(258.764.859.524)
49	(Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	17.2	(1.231.980.515)	24.928.873.088
50	LỢI NHUẬN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (50 = 47 + 48 + 49)		1.603.096.073.974	1.164.948.927.113
51	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		47.642.826.701	41.615.866.742
52	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA CHỦ SỞ HỮU TẬP ĐOÀN (52 = 50 - 51)		1.555.453.247.273	1.123.333.060.371
53	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	2.286	1.564



Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán Trưởng



Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính



Ông Đỗ Trường Minh
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

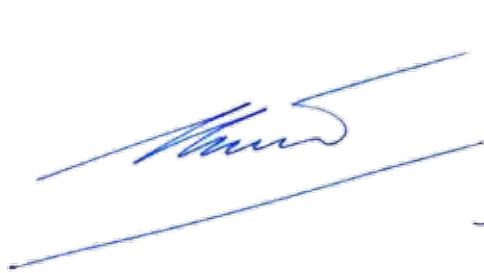
MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.933.742.593.327	1.398.784.913.549
	2. Điều chỉnh cho các khoản		6.597.410.792.040	4.437.049.645.886
02	- Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình	11,12	146.090.503.907	133.278.323.464
03	- Các khoản dự phòng		11.595.579.340.080	8.539.358.610.878
04	- Lãi /(lỗ) chênh lệch tỉ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		616.288.100	(2.406.799.291)
05	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.863.740.343.185)	(4.702.485.215.442)
06	- Chi phí lãi vay		718.865.003.138	469.304.726.277
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		8.531.153.385.367	5.835.834.559.435
09	- Tăng các khoản phải thu		(2.593.855.838.909)	(943.768.804.721)
10	- Tăng hàng tồn kho		(25.772.928.507)	(15.788.566.728)
11	- Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.263.991.913.410	651.227.682.590
12	- Tăng chi phí trả trước		(607.537.213.595)	(346.846.298.585)
13	- Giảm/(tăng) chứng khoán kinh doanh		105.665.633.150	(974.874.122.348)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(589.169.962.197)	(405.432.471.461)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(239.450.259.049)	(340.807.252.113)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(75.581.406.044)	(146.723.603.451)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.769.443.323.628	3.312.821.122.618
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(382.043.545.560)	(77.038.755.907)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.277.010.539	1.925.467.912
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(43.931.366.111.635)	(35.111.691.375.005)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		30.908.507.307.192	24.772.819.391.338
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(109.953.290.000)	(669.895.682.237)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý năm giữ)		67.608.566.004	18.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.733.488.436.891	4.185.543.675.109
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(8.712.481.626.569)	(6.880.337.278.790)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

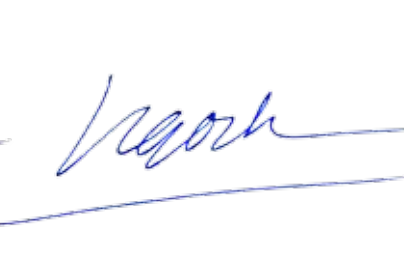
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND


MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay (bao gồm hoạt động repo)		34.121.429.630.770	27.810.774.496.766
34	2. Tiền trả nợ gốc vay (bao gồm hoạt động repo)		(29.594.161.278.202)	(23.069.164.829.612)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu Tập đoàn và các cổ đông không kiểm soát		(680.041.173.600)	(544.265.229.840)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.847.227.178.968	4.197.344.437.314
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		904.188.876.027	629.828.281.142
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.883.458.103.350	2.256.691.436.043
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.550.509.946	(3.061.613.835)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	6	3.789.197.489.323	2.883.458.103.350



Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán Trưởng



Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính



Ông Đỗ Trường Minh
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Bảo Việt (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước đã được cổ phần hóa và trở thành một doanh nghiệp cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2007. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Tập đoàn đã được đăng ký thay đổi 10 lần với lần thứ 10 được thực hiện vào ngày 18 tháng 01 năm 2018.

Toàn bộ số cổ phần thuộc vốn điều lệ của Tập đoàn được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Một số thông tin về Tập đoàn theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 01 năm 2018 như sau:

Mã số doanh nghiệp:	0100111761
Tên doanh nghiệp:	Tập đoàn Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính:	Số 72, phố Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ngành nghề kinh doanh:	Đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết; kinh doanh dịch vụ tài chính và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; và hoạt động kinh doanh bất động sản; hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin; dịch vụ hỗ trợ giáo dục và các ngành nghề kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh
Vốn điều lệ:	6.804.714.340.000 đồng Việt Nam
Số cổ phần đã đăng ký:	680.471.434 cổ phần
Cổ đông sáng lập:	Bộ Tài chính, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (“SCIC”), HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited
Người đại diện theo pháp luật:	Ông Đỗ Trường Minh - Quyền Tổng Giám đốc

Cơ cấu vốn cổ phần của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NẤM GIỮ	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
- Bộ Tài chính	482.509.800	70,91
- Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Sumitomo (“Sumitomo Life”)	122.509.091	18,00
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (“SCIC”)	22.154.400	3,26
- Các cổ đông khác	53.298.143	7,83
	680.471.434	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có sáu (6) công ty con, một (1) quỹ đầu tư, chín (9) công ty liên doanh, liên kết và ba (3) đơn vị hạch toán phụ thuộc, chi tiết như sau:

Các công ty con

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC KINH DOANH	TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA TẬP ĐOÀN	QUYỀN BIỂU QUYẾT CỦA TẬP ĐOÀN
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (“Bảo hiểm Bảo Việt”)	104 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm và bảo hiểm con người, kinh doanh tái bảo hiểm và giám định tổn thất	100%	100%
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (“Bảo Việt Nhân thọ”)	Tầng 37 Keangnam Hà Nội Landmark Tower, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Kinh doanh bảo hiểm nhân thọ và kinh doanh tái bảo hiểm	100%	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (“BVF”)	72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư	100%	100%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (“BVSC”)	72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Môi giới và lưu ký chứng khoán, tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán	59,92%	59,92%
Công ty TNHH Bảo Việt - Âu Lạc (“Bảo Việt - Âu Lạc”)	Hà Liễu, Phường Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh hướng nghiệp lái xe	60%	60%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt (“BVInvest”)	71 Ngô Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, tư vấn đầu tư xây dựng, cung cấp máy móc thiết bị	95%	95%

- Bảo hiểm Bảo Việt được thành lập ngày 21 tháng 6 năm 2004 theo Quyết định số 1296/QĐ/BTC của Bộ Tài chính và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01/GPĐC3/KDBH do Bộ Tài chính cấp cùng ngày. Sau khi Tập đoàn được cổ phần hóa, vào ngày 23 tháng 11 năm 2007, Bộ Tài chính đã cho phép Tập đoàn được thành lập lại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 45GP/KDBH. Ngày 29 tháng 12 năm 2017, Bộ Tài chính đã chấp nhận về mặt nguyên tắc về việc tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty từ 2.000 tỷ VND lên 2.300 tỷ VND theo Công văn số 17934/BTC-QLBH. Theo đó, vốn điều lệ của Bảo hiểm Bảo Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.300 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 2.000 tỷ VND). Số vốn điều lệ mới đã được thể hiện tại Giấy phép điều chỉnh số 45/GPĐC13/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 23 tháng 01 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các công ty con (tiếp theo)

- Bảo Việt Nhân thọ được thành lập ngày 04 tháng 12 năm 2003 theo Quyết định số 3668/QĐ/BTC của Bộ Tài chính. Sau khi Tập đoàn được cổ phần hóa, vào ngày 23 tháng 11 năm 2007, Bộ Tài chính đã cho phép Tập đoàn được thành lập lại Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ dưới hình thức chuyển đổi từ Bảo hiểm Nhân thọ Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 46/GP/KDBH. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ của Bảo Việt Nhân thọ là 2.500 tỷ VND theo Giấy Phép điều chỉnh số 46/GPĐC5/KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 28 tháng 02 năm 2017.
- BVF được thành lập vào ngày 22 tháng 8 năm 2005 theo Quyết định số 911/2005/QĐ/HDQT-BV của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 08 tháng 11 năm 2015 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 04/GPĐC-UBCK ngày 01 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ của BVF là 100 tỷ VND.
- BVSC được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 10 năm 1999 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 36/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 8 năm 2017 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ của BVSC là 722.339.370.000 VND.
- Bảo Việt - Âu Lạc được thành lập vào ngày 18 tháng 02 năm 2009 theo Quyết định số 2300373648 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ của Bảo Việt - Âu Lạc là 60.660.000.000 VND.
- BVInvest được thành lập vào ngày 09 tháng 01 năm 2009 theo Giấy phép Kinh doanh số 0103034168 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã góp của BVInvest là 200 tỷ VND.

Trong đó, vốn góp trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn vào BVInvest như sau:

	SỐ VỐN GÓP CAM KẾT VND	% TRÊN VỐN ĐIỀU LỆ %	SỐ VỐN ĐÃ GÓP VND
Đầu tư trực tiếp của Công ty mẹ	165.000.000.000	55	110.000.000.000
Đầu tư gián tiếp qua các Công ty con	120.000.000.000	40	80.000.000.000
- Bảo Việt Nhân thọ	60.000.000.000	20	40.000.000.000
- Bảo hiểm Bảo Việt	60.000.000.000	20	40.000.000.000
	285.000.000.000	95	190.000.000.000

BVInvest có 1 công ty con là Công ty TNHH MTV Xây dựng Bảo Việt (“BVC”) hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, trụ sở chính tại 71 Ngõ Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội. BVC được thành lập ngày 10 tháng 01 năm 2017 theo Quyết định số 0107699334 của Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty này là 5.000.000.000 VND, do BVI góp vốn 100%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt (BVIF)

Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt (“BVIF”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ thành viên đóng theo giấy phép số 223/TB-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2015. Thời gian hoạt động ban đầu của quỹ là tám (08) năm kể từ ngày được cấp giấy phép.

Quỹ được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt là công ty con của Tập đoàn Bảo Việt. Ngân hàng lưu ký của Quỹ BVIF là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn góp trực tiếp và gián tiếp của Tập đoàn vào BVIF như sau:

	SỐ VỐN GÓP VND	TỶ LỆ TRÊN VỐN ĐIỀU LỆ
Đầu tư trực tiếp của Tập đoàn Bảo Việt	420.000.000.000	42%
Đầu tư gián tiếp qua các công ty con		
- Bảo Việt Nhân thọ	350.000.000.000	35%
- Bảo hiểm Bảo Việt	150.000.000.000	15%
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	80.000.000.000	8%
	1.000.000.000.000	100%

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

TÊN ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG CHÍNH
Trung tâm Đào tạo Bảo Việt	72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Dịch vụ đào tạo
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình Bảo Việt (“PMU”)	71 Ngõ Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội	Xây dựng và quản lý dự án
Chi nhánh Trung tâm Công nghệ Thông tin Tập đoàn Bảo Việt	71 Ngõ Sỹ Liên, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, bán buôn phần mềm và phần cứng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các công ty liên doanh, liên kết

CÔNG TY ĐƯỢC ĐẦU TƯ	LĨNH VỰC KINH DOANH	VỐN ĐIỀU LỆ VND	TỶ LỆ SỞ HỮU %	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT CỦA TẬP ĐOÀN %
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt (“Bảo Việt Resort”) (*)	Dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng	75.803.290.000	48,55	38,58
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEB A (“VIGEB A”)	Kinh doanh bất động sản	180.000.000.000	30,00	30,00
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Long Việt (“Long Việt”)	Xây dựng	65.043.200.000	45,00	45,00
Công ty Cổ phần Đầu tư SCIC – Bảo Việt (“Bảo Việt SCIC”)	Kinh doanh bất động sản	140.000.000.000	50,00	50,00
Ngân hàng TMCP Bảo Việt (“Bảo Việt Bank”)	Dịch vụ ngân hàng	3.150.000.000.000	49,52	49,52
Công ty Cổ phần Trung Nam Phú Quốc (“Trung Nam Phú Quốc”)	Dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng	220.000.000.000	49,00	49,00
Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng (“Du lịch Lâm Đồng”)	Dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng	200.000.007.122	36,31	36,31
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin PLT (“PLT”)	Dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông	18.000.000.000	35,00	35,00
Công ty liên doanh				
Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine (“Bảo Việt Tokio Marine”)	Bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, giám định tổn thất, hoạt động đầu tư tài chính	300.000.000.000	49,00	49,00

(*) Trong năm 2017, Tập đoàn đã thực hiện quyền mua cổ phiếu ưu đãi tại Bảo Việt Resort, theo đó đã tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty Mẹ Tập đoàn tại đơn vị lên mức 32,72% trong đó 16,49% có quyền biểu quyết (tương đương với 19,69% quyền biểu quyết trên tổng số cổ phiếu phổ thông) và 16,23% là cổ phiếu ưu đãi, và tăng tỷ lệ sở hữu của toàn Tập đoàn tại đơn vị lên mức 48,55% trong đó 32,32% có quyền biểu quyết (tương đương với 38,58% quyền biểu quyết trên tổng số cổ phiếu phổ thông) và 16,23% là cổ phiếu ưu đãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các Công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty mẹ Tập đoàn là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư tài chính và lập báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Tuy nhiên, do các công ty con chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập dựa trên Thông tư 200, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 - Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”) và có tham khảo đến các nội dung của Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 - Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm (“Thông tư 199”) và Thông tư số 232/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012 - Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài (“Thông tư 232”).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ, các Công ty con và BVIF (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty con nhằm thu lợi ích từ hoạt động này.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn, được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là đồng Việt Nam (“VND”).

2.5 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Tập đoàn cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12 hàng năm.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Điều hành Tập đoàn cam kết đã lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Tập đoàn cũng đồng thời tuân thủ chính sách kế toán về ghi nhận giá trị định giá lại quyền sử dụng đất như được trình bày tại Thuyết minh số 4.6.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Quy định mới có hiệu lực

Luật Kế toán số 88/2015/QH13

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 (“Luật Kế toán mới”). Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy.

Luật Kế toán mới có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Các quy định này không làm ảnh hưởng đến các chính sách kế toán mà Tập đoàn đang áp dụng trong quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi thanh toán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”). Đối với các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết, mức trích lập dự phòng được ước tính trên cơ sở dự kiến tổn thất có thể xảy ra.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 228 như sau:

THỜI GIAN QUÁ HẠN	MỨC TRÍCH DỰ PHÒNG
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Trên ba (3) năm trở lên	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Tập đoàn chủ yếu bao gồm ấn chỉ của các công ty con hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm và hàng hóa bất động sản của BVInvest được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

HÀNG TỒN KHO	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ
Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa thiết bị xây dựng	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp thực tế đích danh

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Hàng hóa bất động sản của BVInvest

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của BVInvest, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí mua đất, tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu tính cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Thuê tài sản

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

4.6 Tài sản cố định

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn hoặc lâu dài được ghi nhận là tài sản cố định vô hình căn cứ trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”).

Quyền sử dụng đất đối với các lô đất mà Tập đoàn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc đang trong thời gian chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005 nhằm phục vụ mục đích cổ phần hóa của Công ty Mẹ, được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình dựa trên giá trị định giá lại do chuyên gia thẩm định giá thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc thiết bị	03 - 08 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 08 năm
Trang thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 08 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	theo thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Phần mềm tin học	03 - 08 năm
Tài sản cố định vô hình khác	03 năm

Tập đoàn không trích khấu hao liên quan đến các giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

4.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	06 - 50 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	theo thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Tài sản khác	05 - 10 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

4.10 Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

4.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể mà không phải dưới hình thức công ty con hay công ty liên doanh. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư và phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận như sau:

- Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh gộp trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.
- Phần chênh lệch giữa phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết lớn hơn giá phí khoản đầu tư được ghi nhận ngay là thu nhập phù hợp với kỳ mua khoản đầu tư.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà Tập đoàn dự kiến sẽ bán lại trong tương lai gần được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và tiếp tục được phản ánh theo giá gốc trong các kỳ nắm giữ tiếp theo. Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết này sau ngày mua được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Danh sách các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 15.3.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi liên doanh của các quỹ của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên doanh. Cổ tức được nhận/lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Tùy theo mục đích nắm giữ, các khoản đầu tư chứng khoán được phân loại thành các nhóm: chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

- Chứng khoán kinh doanh: bao gồm chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán và các loại chứng khoán, công cụ tài chính khác nắm giữ cho mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản tiền gửi kỳ hạn, cho vay kỳ hạn và các khoản đầu tư khác được nắm giữ tới ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ban đầu được ghi nhận theo giá gốc và sau đó được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: bao gồm các khoản đầu tư vào vốn chủ sở hữu của đơn vị khác nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Dự phòng giảm giá trị được lập theo các quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013 (“Thông tư 89”) sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 5 Thông tư 228, Thông tư số 146/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ (“Thông tư 146”) và các quy định khác có liên quan. Chi tiết cơ sở đánh giá sự giảm giá của các khoản mục đầu tư được trình bày như dưới đây:

Mức dự phòng giảm giá
đầu tư chứng khoán

=

Số lượng chứng khoán
bị giảm giá tại ngày kết
thúc kỳ kế toán

x

Giá chứng khoán
hạch toán trên sổ
sách

-

Giá chứng khoán
thực tế trên thị
trường tại ngày kết
thúc kỳ kế toán

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng;
- Đối với các chứng khoán đã đăng ký giao dịch tại UPCoM, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng;

Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên hoặc các chứng khoán OTC đã được lập dự phòng kỳ trước nhưng kỳ này không thu thập đủ 03 báo giá, Tập đoàn không thực hiện trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập dựa theo hướng dẫn của Thông tư 228. Tập đoàn đánh giá khả năng thu hồi của các khoản đầu tư này và trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, Tập đoàn sẽ ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong năm.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu do Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy (“Vinashin” – nay là Shipbuilding Industry Corporation - SBIC) phát hành, căn cứ vào lịch sử trả nợ gốc và lãi, Tập đoàn đã dừng ghi nhận doanh thu lãi trái phiếu và thực hiện theo dõi ngoại bảng đối với lãi trái phiếu chưa thu được từ các khoản đầu tư này. Đối với các khoản trái phiếu đã quá hạn thanh toán gốc mà chưa thu được, Tập đoàn đã trích lập dự phòng theo Thông tư 228. Đối với các khoản trái phiếu đáo hạn năm 2017, bắt đầu từ năm tài chính 2015, Tập đoàn thực hiện trích lập dự phòng theo tỷ lệ 20%/năm trong vòng 05 năm trên 100% số dư nợ gốc. Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư 200 và các hướng dẫn có liên quan, từ năm 2015, Tập đoàn cũng đồng thời đưa toàn bộ số lãi dự thu đã ghi nhận trước đó cùng với dự phòng có liên quan ra theo dõi ngoại bảng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Tương tự, đối với các khoản đầu tư tiền gửi vào Công ty Tài chính Công nghiệp Tàu thủy (“VFC”) và Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn II (“ALCII”) đã quá hạn, căn cứ tình hình tài chính và khả năng trả nợ gốc và lãi của các hợp đồng tiền gửi này, Tập đoàn đã trích lập dự phòng 100% đối với phần gốc theo Thông tư 228, đồng thời dừng ghi nhận doanh thu lãi tiền gửi, thực hiện theo dõi ngoại bảng đối với lãi dự thu chưa thu được theo hướng dẫn tại Thông tư 200. Bắt đầu từ năm tài chính 2015, Tập đoàn đưa toàn bộ số lãi dự thu đã ghi nhận trước đó cùng với dự phòng có liên quan ra theo dõi ngoại bảng.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Các khoản vốn góp của doanh nghiệp vào các tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của pháp luật và các khoản đầu tư dài hạn khác phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo quy định tại Thông tư 228 và Thông tư 89. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức được quy định trong Thông tư 89 như sau:

Mức trích dự phòng cho mỗi khoản đầu tư tài chính

=

Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế

–

Vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế

x

Số vốn đầu tư của Tập đoàn

Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế

Căn cứ để lập dự phòng là khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

4.12 Tạm ứng từ giá trị hoàn lại

Người tham gia bảo hiểm có hợp đồng bảo hiểm đã đóng phí đủ từ 24 tháng trở lên và có giá trị hoàn lại có quyền được yêu cầu tạm ứng từ giá trị hoàn lại theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với giá trị tối đa bằng 80% giá trị hoàn lại và lãi tích lũy đến thời điểm tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

Tạm ứng từ giá trị hoàn lại được ghi nhận theo giá gốc và được trình bày trong mục “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lãi suất cho từng hợp đồng sẽ do Bảo Việt Nhân thọ thông báo trong từng thời kỳ. Phần tiền lãi phát sinh từ các hợp đồng này được hạch toán vào khoản mục “Doanh thu hoạt động tài chính” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

4.13 Chứng khoán bán và mua lại theo hợp đồng có kỳ hạn (“hợp đồng repo”)

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được phân bổ vào chi phí và ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.14 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.15 Lợi ích nhân viên

Các khoản trợ cấp hưu trí

Trợ cấp hưu trí cho các cán bộ, nhân viên của Tập đoàn sau khi nghỉ hưu do cơ quan Bảo hiểm Xã hội chi trả. Theo Quyết định số 595/QĐ-BHXH có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2017, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, hàng tháng Tập đoàn đã thực hiện việc đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam theo mức 14% trên mức lương theo công việc hoặc chức danh và phụ cấp lương (nếu có) của cán bộ, nhân viên. Tập đoàn cũng trích 3% mức lương theo công việc hoặc chức danh và phụ cấp lương (nếu có) của cán bộ, nhân viên để tham gia bảo hiểm y tế. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Tập đoàn đã triển khai thực hiện mua sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho cán bộ, nhân viên. Theo đó, khi cán bộ, nhân viên nghỉ hưu trí sẽ được thêm quyền lợi từ giá trị Hợp đồng hưu trí theo số năm tham gia và mức đóng của cá nhân. Ngoài ra, Tập đoàn không có nghĩa vụ nào khác liên quan đến trợ cấp hưu trí.

Trợ cấp thôi việc và trợ cấp mất việc

- Trợ cấp thôi việc: Tập đoàn có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên, mỗi năm làm việc được trợ cấp một nửa tháng tiền lương theo công việc hoặc chức danh và phụ cấp lương (nếu có). Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp (từ ngày 01 tháng 01 năm 2009) theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội; và
- Trợ cấp mất việc làm: theo quy định tại Điều 49 Bộ Luật Lao động hiện hành, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc làm cho các nhân viên mất việc do thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc sáp nhập, hợp nhất, chia tách doanh nghiệp. Trong trường hợp này, Tập đoàn sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng tiền lương.

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Căn cứ Luật Bảo hiểm Xã hội và Luật việc làm hiện hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Bảo hiểm Xã hội Việt Nam thực hiện việc thu, chi và quản lý Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 (“Nghị định 73”), Thông tư số 50/2017/TT-BTC (“Thông tư 50”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 05 năm 2017, Thông tư số 52/2016/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 03 năm 2016 (“Thông tư 52”) và Thông tư số 115/2013/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 115”). Theo đó, các quỹ dự phòng nghiệp vụ của Tập đoàn bao gồm:

Dịch vụ bảo hiểm nhân thọ	Dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ
Dự phòng toán học	Dự phòng phí chưa được hưởng
Dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng	Dự phòng bồi thường
Dự phòng bồi thường	Dự phòng dao động lớn
Dự phòng chia lãi	
Dự phòng đảm bảo cân đối	

Chi tiết về các quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ được trình bày dưới đây:

4.16.1 Các quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ

a) Dự phòng nghiệp vụ cho những sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống bao gồm dự phòng toán học, dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng bồi thường, dự phòng chia lãi và dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập theo Nghị định 73 và Thông tư 50 do Bộ Tài chính ban hành:

- Dự phòng toán học* là phần chênh lệch giữa giá trị hiện tại của các khoản bảo hiểm phải trả trong tương lai và giá trị hiện tại của phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh theo phương pháp Zillmer đối với các khoản phải thu phí bảo hiểm trong tương lai. Dự phòng toán học được tính toán cho các đơn bảo hiểm có thời hạn trên một (01) năm với các công thức tính toán bảo hiểm cụ thể và những nhân tố cho mỗi loại sản phẩm đã được đăng ký và chấp nhận bởi Bộ Tài chính.
- Dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng* là dự phòng cho thu nhập chưa được hưởng của những khoản đã trả vào ngày lập báo cáo tài chính và được tính toán trên phí bảo hiểm gộp cho tất cả các đơn bảo hiểm có thời hạn từ một năm (01) trở xuống còn hiệu lực vào ngày lập báo cáo.
 - Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng cho các tổn thất đã xảy ra nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường.
 - Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết (OSC): được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
 - Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR): chỉ được áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống.
- Dự phòng chia lãi* là khoản dự phòng cho phần lãi tích lũy chưa trả đối với các hợp đồng bảo hiểm được chia lãi. Dự phòng chia lãi được tính trên phần chênh lệch giữa tỉ lệ lãi suất đầu tư thực hiện đã thông báo cho các hợp đồng được chia lãi và lãi suất kỹ thuật của hợp đồng đó.
- Dự phòng đảm bảo cân đối* được trích lập bằng một phần trăm (1%) của lợi nhuận trước thuế, được trích lập hàng năm cho đến khi dự phòng này bằng năm phần trăm (5%) của phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của Bảo Việt Nhân thọ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

4.16.1 Các quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ (tiếp theo)

b) Theo Thông tư 50, Thông tư 52 và dựa trên phương pháp và cơ sở xác định số liệu dự phòng nghiệp vụ đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê duyệt, Bảo Việt Nhân thọ đã trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cho sản phẩm liên kết chung như sau:

- Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung là giá trị hoàn lại của hợp đồng trong quỹ liên kết chung. Giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm liên kết chung phải bảo đảm các cam kết tại hợp đồng bảo hiểm.
- Dự phòng rủi ro bảo hiểm là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng.
- Dự phòng bồi thường được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường từ doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
- Dự phòng bảo đảm khả năng thanh toán bổ sung được dùng để bảo đảm cam kết của doanh nghiệp đối với khách hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi thị trường đầu tư có biến động lớn.

c) Theo Thông tư 50, Thông tư 115 và dựa trên phương pháp và cơ sở xác định số liệu dự phòng nghiệp vụ đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê duyệt, Bảo Việt Nhân thọ đã trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cho sản phẩm bảo hiểm hưu trí như sau:

- Dự phòng rủi ro bảo hiểm: là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng và dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng.
- Dự phòng nghiệp vụ đối với tài khoản bảo hiểm hưu trí: là tổng giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí tại thời điểm trích lập.
- Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung được tính bằng tổng giá trị hoàn lại của các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung hoặc tổng giá trị tài khoản của các hợp đồng liên kết chung.
- Dự phòng bồi thường: được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối năm chưa được giải quyết.
- Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu: Dự phòng này dùng để đảm bảo lãi suất cam kết tối thiểu của doanh nghiệp đối với khách hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm hưu trí.

Khoản phải trả quyền lợi bổ sung miễn phí bảo hiểm trong báo cáo tài chính là khoản phải trả nhằm ghi nhận nghĩa vụ của Bảo Việt Nhân thọ đối với các trường hợp đã phát sinh bồi thường có liên quan đến quyền lợi này. Khoản phải trả này được tính bằng hiện giá của các kỳ phí bảo hiểm được miễn trong tương lai. Khoản tiền phải trả này đảm bảo Bảo Việt Nhân thọ có đầy đủ nguồn vốn để trang trải các nghĩa vụ nợ trong tương lai và tác động của những thay đổi tỷ lệ tử vong đã được thể hiện trong tỷ suất chiết khấu dùng để tính toán hiện giá của khoản phải trả này như đã đề cập trên đây.

4.16.2 Các quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo Công văn số 2470/BTC-QLBH ban hành ngày 6 tháng 3 năm 2018 hiệu lực từ năm tài chính 2017 bao gồm a) nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và b) nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư 50.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

4.16.2 Các quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ (tiếp theo)

Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

a) Nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm hoặc theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá có thời hạn từ 1 năm trở xuống, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập bằng 25% trên tổng phí.
- Đối với các loại hình bảo hiểm khác và các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm của nghiệp vụ hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp 1/8. Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm phát hành trong một quý của doanh nghiệp bảo hiểm phân bố đều giữa các tháng trong quý, hay nói một cách khác, toàn bộ hợp đồng bảo hiểm của một quý cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa quý đó. Dự phòng phí chưa được hưởng sẽ được tính theo công thức sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng

=

Phí bảo hiểm

x

Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng

- Các khoản dự phòng phí chưa được hưởng của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng phí chưa được hưởng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường (IBNR) được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.
- Các khoản dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

4.16.2 Các quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ (tiếp theo)

Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

a) Nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ (tiếp theo)

(iii) Dự phòng dao động lớn

- Dự phòng dao động lớn được trích hàng năm cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong năm tài chính và được trích lập trên cơ sở phí bảo hiểm giữ lại.
- Dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn chuẩn mực kế toán (“CMKT”) mới, bao gồm CMKT số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do dự phòng này phản ánh “các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính”. Tuy nhiên, do Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng CMKT số 19 và theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2016 về việc quy định chi tiết thi hành luật kinh doanh bảo hiểm và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Tập đoàn hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tỷ lệ trích lập hiện tại là 2% tổng phí giữ lại của từng loại hình bảo hiểm.

b) Nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

(i) Dự phòng toán học

- Đối với hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 1 năm, trừ các hợp đồng chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, dự phòng toán học được trích lập theo phương pháp 1/8 trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.
- Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, dự phòng toán học được trích lập như sau:

Dự phòng toán học

=

Phí bảo hiểm * Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm

Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm

Dự phòng toán học được hạch toán vào tài khoản dự phòng phí chưa được hưởng trên bảng cân đối kế toán. Trong mọi trường hợp Bảo hiểm Bảo Việt đảm bảo kết quả trích lập dự phòng không thấp hơn kết quả trích lập theo phương pháp 1/8.

(ii) Dự phòng phí chưa được hưởng

Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn dưới 1 năm trở xuống, dự phòng phí chưa được hưởng trích lập theo phương pháp 1/8.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

4.16.2 Các quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ (tiếp theo)

b) Nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe (tiếp theo)

(iii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường (IBNR) được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.
- Các khoản dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

(iv) Dự phòng đảm bảo cân đối

Mức trích lập hằng năm là 2% phí bảo hiểm giữ lại và được hạch toán vào tài khoản dự phòng dao động lớn trên bảng cân đối kế toán.

4.17 Quỹ dự trữ bắt buộc

Các quỹ dự trữ bắt buộc dưới đây được trích lập phù hợp với các quy định hiện hành mà Tập đoàn và các Công ty con đang hoạt động trong từng lĩnh vực cụ thể:

Hoạt động bảo hiểm

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế mỗi đơn vị Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ mỗi kỳ kế toán năm và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ mỗi đơn vị trên theo quy định tại Nghị định 73.

Hoạt động chứng khoán, quản lý quỹ

BVSC và BVF là Công ty con của Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán và quản lý quỹ, căn cứ lợi nhuận sau thuế hàng năm mỗi đơn vị để trích lập các quỹ theo Thông tư 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Bảo hiểm nhân thọ

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm. Trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ được quy định trong hợp đồng bảo hiểm, doanh thu phí bảo hiểm được hạch toán tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh. Các khoản phí đến hạn sau ngày lập báo cáo nhưng đã nhận được trước ngày kết thúc năm tài chính sẽ được ghi nhận là “Doanh thu chưa thực hiện” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tổng phí thu được từ các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung được ghi nhận là doanh thu. Giá trị quỹ liên kết chung được các Chuyên gia định phí của Bảo Việt Nhân thọ tính toán và được ghi nhận thông qua “Dự phòng nghiệp vụ” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Bảo hiểm phi nhân thọ

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 50 hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

Theo đó, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; (2) có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm hoặc (3) Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn). Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm phải được quy định trong hợp đồng bảo hiểm. Theo Thông tư 50, thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, Bảo hiểm Bảo Việt hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và chỉ hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của các kỳ đóng phí bảo hiểm tiếp theo khi bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối kỳ kế toán được ghi nhận vào “Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Những khoản hoàn hoặc giảm phí bảo hiểm gốc là các khoản giảm trừ doanh thu và được theo dõi riêng, cuối kỳ kết chuyển vào tài khoản doanh thu phí bảo hiểm gốc để tính doanh thu thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Đối với trái phiếu, doanh thu tiền lãi bao gồm cả số phân bổ theo phương pháp đường thẳng các khoản chiết khấu, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của trái phiếu và giá trị của trái phiếu khi đáo hạn. Chỉ phần tiền lãi của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua mới được ghi nhận là doanh thu của Tập đoàn. Phần tiền lãi của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí lưu ký, phí thường hoạt động, phí môi giới, bảo lãnh phát hành, v.v... được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện được một phần và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Lãi từ kinh doanh chứng khoán được tính từ phần chênh lệch giữa giá bán và giá gốc bình quân của chứng khoán.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức hay lợi nhuận được chia của Tập đoàn với tư cách là nhà đầu tư được xác định. Theo quy định tại Thông tư 200, Tập đoàn không ghi nhận doanh thu đối với phần cổ tức được trả bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu theo đối ngoại bằng.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên như quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định (“TSCĐ”), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.19 Ghi nhận chi phí

Chi bồi thường và chi trả đáo hạn

Đối với bảo hiểm nhân thọ, chi bồi thường và chi trả đáo hạn được ghi nhận khi nghĩa vụ thanh toán đối với chủ hợp đồng theo điều khoản hợp đồng được xác lập.

Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Bảo hiểm Bảo Việt chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào chi phí bồi thường. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Chi hoa hồng

Đối với bảo hiểm nhân thọ, chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính và chi trả theo từng quyết định phê chuẩn sản phẩm của Bộ Tài chính và phù hợp với quy định tại Thông tư 50.

Đối với bảo hiểm phi nhân thọ, Bảo hiểm Bảo Việt tính toán hoa hồng phải chi trả của mỗi loại sản phẩm bảo hiểm theo tỷ lệ phần trăm nhất định trên doanh thu phí bảo hiểm gốc phù hợp với các tỷ lệ quy định tại Thông tư 50 và chỉ ghi nhận vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho phần chi phí hoa hồng được phân bổ trong kỳ theo tỷ lệ phù hợp với phần doanh thu phí được hưởng. Phần hoa hồng chưa được phân bổ sẽ được ghi nhận như là một khoản chi phí trả trước và sẽ được phân bổ vào chi phí kinh doanh bảo hiểm cho các kỳ tiếp theo.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận. Cuối kỳ kế toán, khoản hoa hồng nhượng tái bảo hiểm tương ứng với hoa hồng hoạt động bảo hiểm gốc chưa được tính vào doanh thu kỳ này tương ứng với doanh thu phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm. Phần còn lại dùng để bù đắp cho các chi phí khai thác khác được ghi nhận vào doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Giá vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Giá vốn đất đã chuyển nhượng bao gồm toàn bộ các chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất hoặc các chi phí có thể phân bổ/ước tính trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- Toàn bộ các chi phí về đất và phát triển đất;
- Các chi phí bắt buộc, không thu hồi được khác phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản liên quan đến các hoạt động phát triển đất hiện tại và trong tương lai của dự án.

Tài sản đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.20 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

(i) Nhượng tái bảo hiểm

- Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận;
- Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận;
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm;
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận. Tại thời điểm cuối năm, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu năm nay tương ứng với doanh thu phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các năm sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm.

(ii) Nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định:

- Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu và chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của Bảo hiểm Bảo Việt.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời:

- Thu nhập phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm;
- Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm; và
- Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thỏa thuận nhận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm cuối năm, khoản hoa hồng nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm nay tương ứng với doanh thu bảo hiểm nhận tái chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các năm sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm.

4.21 Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên các hóa đơn đã phát hành.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận khi phát sinh.

Số tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của một hợp đồng xây dựng đã được ghi nhận cho đến thời điểm báo cáo và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ đến cùng thời điểm được ghi nhận vào khoản mục “Các khoản phải thu/phải trả” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.23 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ Đầu tư và Phát triển: được trích lập cho mục đích đầu tư mở rộng quy mô hoạt động, đầu tư chiều sâu của Tập đoàn;
- Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi: được trích lập cho mục đích khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho người lao động, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Quỹ An sinh xã hội: được trích lập cho mục đích hỗ trợ các hoạt động an sinh, xã hội, vì cộng đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.24 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 200 để hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch (“tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình”). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.25 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.26 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ bảo hiểm, đầu tư, tài chính và hoạt động khác. Ban Điều hành xác định bộ phận theo hoạt động kinh doanh của từng đơn vị của Tập đoàn theo đặc điểm của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp.

4.27 Các khoản mục ngoại bảng

Theo Chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm, các hợp đồng bảo hiểm đã được ký kết nhưng chưa phát sinh trách nhiệm đối với các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không cần phải phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi phí bảo hiểm đã được thu hoặc đơn bảo hiểm có hiệu lực.

Ngoài ra, Tập đoàn hoạt động trên các lĩnh vực chứng khoán, quản lý quỹ, v.v. do vậy một số thông tin liên quan đến các khoản mục như chứng khoán lưu ký và chưa lưu ký, cam kết ngoại bảng, danh mục ủy thác đầu tư, v.v. cũng được trình bày ngoại bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các yêu cầu luật định áp dụng cho các hoạt động này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.28 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân được coi là liên quan.

5. HỢP NHẤT KINH DOANH

Mua Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin PLT

Trong năm 2017, thông qua Quý BVIF, Tập đoàn đã góp 35% vốn vào Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin PLT ("PLT"), một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0312087510, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 13 tháng 12 năm 2012 và sửa đổi lần thứ 11 ngày 30 tháng 6 năm 2017. Hiện nay, lĩnh vực kinh doanh chính của PLT là đầu tư thiết bị IBS, cung cấp dịch vụ cho thuê hệ thống IBS ở các tòa nhà.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Tiền mặt tại quỹ	84.915.193.314	57.916.229.627
Tiền gửi ngân hàng	1.194.631.118.653	1.144.171.554.903
Tiền đang chuyển	321.051.177.349	182.043.474.192
Các khoản tương đương tiền (*)	2.188.600.000.007	1.499.326.844.628
Tổng	3.789.197.489.323	2.883.458.103.350

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các hợp đồng tiền gửi tại các tổ chức tài chính có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và được hưởng lãi suất từ 4,8%/năm đến 5,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

7.1 Các khoản phải thu ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Phải thu về hoạt động bảo hiểm		
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	781.823.525.717	652.562.888.699
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	138.949.340.432	167.378.442.194
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	746.378.020.722	276.407.329.094
Phải thu khác hoạt động bảo hiểm	542.041.854.213	96.368.621.984
Phải thu liên quan đến đồng bảo hiểm	144.002.343.684	120.724.064.310
	2.353.195.084.768	1.313.441.346.281
Phải thu về hoạt động đầu tư tài chính		
Phải thu cổ tức	29.933.160.274	5.896.184.850
Lãi tiền gửi ngân hàng	851.916.556.009	434.468.777.324
Phải thu lãi trái phiếu	1.955.968.611.918	1.468.962.558.797
Lãi phải thu liên quan đến tạm ứng từ giá trị hoàn lại	227.769.660.994	239.040.150.470
Phải thu đầu tư khác	18.818.442.708	4.637.813.851
	3.084.406.431.903	2.153.005.485.292
Trả trước cho người bán ngắn hạn	22.478.515.959	220.390.172.983
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Phải thu từ hoạt động margin và ứng trước	1.361.547.807.786	872.514.633.959
Cho vay ủy thác	47.167.421.468	47.167.421.468
	1.408.715.229.254	919.682.055.427
Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	17.222.740.771	23.138.431.583
Phải thu phí quản lý quỹ	4.163.897.304	4.080.772.447
Phải thu từ hoạt động xây lắp, quản lý tòa nhà, và cho thuê văn phòng	61.151.190.112	54.321.756.111
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	204.435.252.012	204.435.252.012
Phải thu ngắn hạn khác	133.605.030.956	156.552.440.561
Tạm ứng khác	23.088.301.756	34.190.077.205
	443.666.412.911	476.718.729.919
Tài sản thiếu chờ xử lý	202.864.507	202.864.507
Tổng cộng các khoản phải thu	7.312.664.539.302	5.083.440.654.409
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(397.018.937.203)	(376.500.335.285)
Giá trị thuần của các khoản phải thu ngắn hạn	6.915.645.602.099	4.706.940.319.124

(*) Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh là giá trị góp vốn của BVInvest, một Công ty con của Tập đoàn, vào hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") nhóm nhà ở thấp tầng TT1 Dự án Khu Đô thị "Thành phố Giao lưu". Dự án này được giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEB A ("VIGEB A") thực hiện, kế toán các giao dịch, ghi nhận doanh thu và chi phí, theo dõi kết quả kinh doanh của BCC và quyết toán thuế. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các bên góp vốn trong BCC chưa thực hiện quyết toán và phân bổ doanh thu, chi phí nên BVInvest chưa ghi nhận bất kỳ khoản doanh thu, chi phí tương ứng nào từ hợp đồng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

7.2 Các khoản phải thu dài hạn

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Ký quỹ		
- Hoạt động bảo hiểm nhân thọ	20.000.000.000	20.000.000.000
- Hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ	8.000.000.000	6.862.496.457
- Hoạt động kinh doanh chứng khoán	21.158.480.060	21.147.619.087
	49.158.480.060	48.010.115.544
Phải thu dài hạn khác		
- Phải thu dài hạn khác	26.700.818.294	16.835.080.716
	26.700.818.294	16.835.080.716
	75.859.298.354	64.845.196.260

8. HÀNG TỒN KHO

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Ấn chỉ	36.215.765.874	20.684.594.464
Vật liệu, văn phòng phẩm	19.362.948.855	11.831.969.444
Thiết bị, dụng cụ	1.233.159.577	2.944.762.987
Hàng tồn kho tại BVInvest (*)	87.760.532.050	83.338.150.954
Tổng cộng hàng tồn kho	144.572.406.356	118.799.477.849
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	144.572.406.356	118.799.477.849

(*) Bao gồm trong khoản mục này là các chi phí mua sắm và chi phí xây dựng dở dang của các bất động sản đầu tư của BVInvest. Các khoản này đang được ghi nhận là hàng tồn kho cho đến khi được bán và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Chi tiết hàng tồn kho tại BVinvest như sau:

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang hoạt động xây lắp	21.163.775.372	20.171.586.904
Nguyên vật liệu	22.367.270	27.634.402
Hàng hóa bất động sản	66.574.389.408	63.138.929.648
Chung cư Tokyo Tower	21.878.302.703	-
Chung cư Eco Green Tower	44.696.086.705	-
Chung cư N03, Ngoại giao đoàn	-	5.901.861.279
Chung cư N04A, Ngoại giao đoàn	-	1.094.417.902
Chung cư 109 Nguyễn Tuân	-	56.142.650.467
TỔNG CỘNG	87.760.532.050	83.338.150.954

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CHI PHÍ HOA HỒNG CHƯA PHÂN BỐ

	BẢO HIỂM NHÂN THỌ VND	BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ VND	TỔNG CỘNG VND
Số đầu năm	-	428.005.012.101	428.005.012.101
Phát sinh trong năm	1.599.964.882.809	957.458.336.596	2.557.423.219.405
Phân bổ vào chi phí trong năm	(1.599.964.882.809)	(867.304.732.130)	(2.467.269.614.939)
Số cuối năm	-	518.158.616.567	518.158.616.567

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Chi phí trả trước ngắn hạn		
Trả trước tiền thuê văn phòng	6.260.157.048	5.815.730.122
Chi phí công cụ, dụng cụ, bảo hành	17.938.948.597	9.925.655.570
Chi phí khác	23.477.622.933	13.609.059.638
	47.676.728.578	29.350.445.330
Chi phí trả trước dài hạn		
Trả trước tiền thuê văn phòng	234.926.542.135	-
Cải tạo thiết bị nội thất	34.745.018.083	34.684.827.455
Chi phí công cụ, dụng cụ, bảo hành	44.557.987.073	25.824.376.003
Chi phí khác	15.705.128.215	37.175.617.765
	329.934.675.506	97.684.821.223
	377.611.404.084	127.035.266.553

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, THIẾT BỊ TRUYỀN DẪN	TRANG THIẾT BỊ VĂN PHÒNG	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC	TỔNG CỘNG
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:						
Số đầu năm	1.080.343.366.283	135.352.616.901	426.863.550.271	216.783.186.924	4.334.176.884	1.863.676.897.263
- Mua sắm, xây dựng mới	3.364.667.916	30.292.650.588	34.445.599.029	26.783.049.892	2.469.870.000	97.355.837.425
- Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	29.543.040.309	1.216.901.727	1.086.400.000	1.854.409.013	-	33.700.751.049
- Phân loại lại	3.181.726.455	-	(160.862.100)	(2.795.664.355)	62.800.000	288.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	(144.226.480)	(4.727.516.035)	(5.577.757.185)	(4.402.863.809)	-	(14.852.363.509)
- Giảm khác	(3.553.543.217)	-	-	-	(3.118.455.231)	(6.671.998.448)
Số cuối năm	1.112.735.031.266	162.134.653.181	456.656.930.015	238.222.117.665	3.748.391.653	1.973.497.123.780
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	413.135.231.262	95.924.305.234	331.717.633.211	185.899.861.154	1.724.523.852	1.028.401.554.713
- Khấu hao trong năm	40.882.057.581	15.038.577.402	30.068.090.955	20.214.726.529	410.369.048	106.613.821.515
- Thanh lý, nhượng bán	(144.226.480)	(4.727.516.035)	(5.577.757.185)	(4.402.863.809)	-	(14.852.363.509)
- Phân loại lại	-	563.383.500	5.108.851.780	(534.867.310)	62.800.000	5.200.167.970
- Tăng/(giảm) khác	4.143.339.717	-	-	-	(848.304.927)	3.295.034.790
Số cuối năm	458.016.402.080	106.798.750.101	361.316.818.761	201.176.856.564	1.349.387.973	1.128.658.215.479
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	667.208.135.021	39.428.311.667	95.145.917.060	30.883.325.770	2.609.653.032	835.275.342.550
Số cuối năm	654.718.629.186	55.335.903.080	95.340.111.254	37.045.261.101	2.399.003.680	844.838.908.301

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VND	PHẦN MỀM MÁY TÍNH VND	TÀI SẢN KHÁC VND	TỔNG CỘNG VND
Nguyên giá:				
Số đầu năm	769.590.801.434	348.111.162.869	3.926.917.739	1.121.628.882.042
- Tăng trong năm	-	30.023.434.029	286.404.000	30.309.838.029
- Giảm trong năm	(441.000.000)	(30.000.000)	-	(471.000.000)
Số cuối năm	769.149.801.434	378.104.596.898	4.213.321.739	1.151.467.720.071
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	68.519.961.261	227.208.798.499	3.926.917.739	299.655.677.499
- Hao mòn trong năm	7.926.103.960	31.540.255.315	10.323.117	39.476.682.392
- Giảm trong năm	(206.600.826)	(30.000.000)	-	(236.600.826)
Số cuối năm	76.239.464.395	258.719.053.814	3.937.240.856	338.895.759.065
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	701.070.840.173	120.902.364.370	-	821.973.204.543
Số cuối năm	692.910.337.039	119.385.543.084	276.080.883	812.571.961.006

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Là khoản đầu tư vào Dự án khu biệt thự nhà vườn Quang Minh tại khu vực Đồng Địa, Cửa Cuồng, Mả Vàng thuộc thôn Gia Tân, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, các dự án này vẫn đang được nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc bán dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Mua sắm (*)	287.875.504.834	15.306.505.586
Xây dựng cơ bản dở dang (**)	156.104.402.342	208.146.399.180
Sửa chữa lớn (***)	1.386.865.813	45.260.200
	445.366.772.989	223.498.164.966

(*) Bao gồm 241.378.586.655 VND là giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Tập đoàn.

(**) Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Tòa nhà Thanh Trì	38.472.720.884	38.187.759.991
Trụ sở Bảo Việt Hà Đông	25.655.894.226	25.655.894.226
Trụ sở Bảo Việt Hải Dương	19.946.352.359	19.946.352.359
Trụ sở Bảo Việt An Giang	14.691.866.496	14.656.431.496
Trụ sở Bảo Việt, số 7 Lý Thường Kiệt, Hà Nội	13.184.860.946	11.281.260.218
Trụ sở Bảo Việt Bình Định	-	21.423.371.658
Các công trình khác	44.152.707.431	76.995.329.232
	156.104.402.342	208.146.399.180

(***) Sửa chữa lớn tài sản cố định gồm việc cải tạo, nâng cấp các tòa nhà, văn phòng hiện hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Chứng khoán kinh doanh	15.1		
Cổ phiếu niêm yết		1.533.291.508.690	1.163.479.862.846
Cổ phiếu chưa niêm yết		766.411.545.643	611.059.486.331
Chứng chỉ quỹ		229.013.065.934	233.000.407.211
Trái phiếu		120.026.959.200	746.868.956.229
		2.648.743.079.467	2.754.408.712.617
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	15.1	(297.888.188.831)	(349.504.452.363)
		2.350.854.890.636	2.404.904.260.254
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.2		
Ngắn hạn		28.813.967.758.993	18.430.007.299.944
- Tiền gửi		27.436.990.939.483	17.209.159.823.856
- Trái phiếu		262.781.431.005	284.851.389.901
- Tạm ứng từ giá trị hoàn lại		1.114.195.388.505	935.996.086.187
Dài hạn		40.564.547.957.380	37.410.739.200.652
- Tiền gửi		2.763.924.337.250	1.940.146.688.223
- Trái phiếu		37.800.623.620.130	35.470.592.512.429
		69.378.515.716.373	55.840.746.500.596
Đầu tư tài chính dài hạn khác	15.3		
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	15.3.1	2.921.475.367.471	2.795.737.018.783
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.3.2	366.889.741.221	367.302.771.223
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn khác	15.3.2	(32.058.951.786)	(34.249.995.785)
		3.256.306.156.906	3.128.789.794.221
Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính		74.985.676.763.915	61.374.440.555.071

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15.1 Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị: VND

	SỐ CUỐI NĂM			SỐ ĐẦU NĂM		
	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ THUẦN	DỰ PHÒNG	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ THUẦN	DỰ PHÒNG
Cổ phiếu niêm yết						
Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam	307.102.304.928	279.707.160.000	(27.395.144.928)	69.901.560.000	69.901.560.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	144.000.425.500	98.368.425.500	(45.632.000.000)	144.000.168.100	50.880.168.100	(93.120.000.000)
Công ty Cổ phần FPT	138.399.217.575	138.399.217.575	-	139.554.058.912	139.554.058.912	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	135.014.386.808	135.014.386.808	-	134.300.627.746	134.300.627.746	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	108.816.099.494	108.816.099.494	-	108.815.502.640	89.590.181.790	(19.225.320.850)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam	112.585.319.093	94.600.371.220	(17.984.947.873)	401.664	401.664	-
Công ty Cổ phần Vimeco	89.042.120.809	89.042.120.809	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	79.450.010.350	13.440.006.720	(66.010.003.630)	79.450.010.350	4.080.002.040	(75.370.008.310)
Cổ phiếu niêm yết khác	418.881.624.133	372.662.821.552	(46.218.802.581)	487.457.533.434	436.474.757.279	(50.982.776.155)
	1.533.291.508.690	1.330.050.609.678	(203.240.899.012)	1.163.479.862.846	924.781.757.531	(238.698.105.315)
Cổ phiếu chưa niêm yết						
Công ty Cổ phần Tập đoàn Địa ốc SSG	225.000.000.000	225.000.000.000	-	225.000.000.000	225.000.000.000	-
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	139.670.784.543	139.670.784.543	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện Miền Bắc 2	100.792.067.440	100.682.684.580	(109.382.860)	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT	56.925.000.000	12.518.295.300	(44.406.704.700)	56.925.000.000	8.742.936.400	(48.182.063.600)
Tổng Công ty Cổ phần thiết bị điện Việt Nam	2.968.291.116	2.968.291.116	-	180.897.856.607	179.814.310.001	(1.083.546.606)
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	89.713.312.000	89.713.312.000	-	-	-	-
Khác	151.342.090.544	101.210.888.285	(50.131.202.259)	148.236.629.724	86.695.892.882	(61.540.736.842)
	766.411.545.643	671.764.255.824	(94.647.289.819)	611.059.486.331	500.253.139.283	(110.806.347.048)
Trái phiếu						
Trái phiếu Chính phủ	-	-	-	746.868.956.229	746.868.956.229	-
Trái phiếu Tổ chức tín dụng	120.026.959.200	120.026.959.200	-	-	-	-
	120.026.959.200	120.026.959.200	-	746.868.956.229	746.868.956.229	-
Chứng chỉ quỹ						
BVPF	77.000.000.000	77.000.000.000	-	77.000.000.000	77.000.000.000	-
BVBF	60.000.000.000	60.000.000.000	-	65.000.000.000	65.000.000.000	-
BVFED	55.000.000.000	55.000.000.000	-	55.000.000.000	55.000.000.000	-
VF1	16.576.432.682	16.576.432.682	-	16.576.432.682	16.576.432.682	-
Khác	20.436.633.252	20.436.633.252	-	19.423.974.529	19.423.974.529	-
	229.013.065.934	229.013.065.934	-	233.000.407.211	233.000.407.211	-
	2.648.743.079.467	2.350.854.890.636	(297.888.188.831)	2.754.408.712.617	2.404.904.260.254	(349.504.452.363)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị: VND

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ GHI SỔ	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ GHI SỔ
Ngắn hạn				
Tiền gửi (i)	27.879.590.939.483	27.436.990.939.483	17.651.759.823.856	17.209.159.823.856
Trái phiếu	747.632.820.906	262.781.431.005	674.752.316.502	284.851.389.901
- <i>Trái phiếu doanh nghiệp</i> (iii)	674.752.316.502	189.900.926.601	674.752.316.502	284.851.389.901
- <i>Trái phiếu Chính phủ</i> (iv)	72.880.504.404	72.880.504.404	-	-
Tạm ứng từ giá trị hoàn lại (v)	1.114.195.388.505	1.114.195.388.505	935.996.086.187	935.996.086.187
	29.741.419.148.894	28.813.967.758.993	19.262.508.226.545	18.430.007.299.944
Dài hạn				
Tiền gửi (ii)	2.763.924.337.250	2.763.924.337.250	1.940.146.688.223	1.940.146.688.223
Trái phiếu (iv)	37.800.623.620.130	37.800.623.620.130	35.470.592.512.429	35.470.592.512.429
- <i>Trái phiếu doanh nghiệp</i>	3.966.021.115.281	3.966.021.115.281	3.466.511.571.924	3.466.511.571.924
- <i>Trái phiếu Chính phủ</i>	33.834.602.504.849	33.834.602.504.849	32.004.080.940.505	32.004.080.940.505
	40.564.547.957.380	40.564.547.957.380	37.410.739.200.652	37.410.739.200.652
	70.305.967.106.274	69.378.515.716.373	56.673.247.427.197	55.840.746.500.596

(i) Ngoài các hợp đồng tiền gửi tại ALCII, VFC đã quá hạn, các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng có thời hạn gốc trên ba (3) tháng và thời gian đáo hạn không quá một (1) năm và có mức lãi suất từ 5,3%/năm đến 7,5%/năm.

(ii) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn trên một (1) năm và được hưởng lãi suất từ 6,7% đến 12,0%/năm.

(iii) Đây là các khoản đầu tư của Tập đoàn vào trái phiếu Vinashin.

(iv) Các trái phiếu Chính phủ mà Tập đoàn đầu tư có lãi suất từ 6,2%/năm đến 15%/năm với kỳ hạn từ bốn (4) đến ba mươi (30) năm, trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn từ ba (3) đến hai mươi (20) năm và được hưởng lãi suất từ 8,5%/năm đến 10,8%/năm.

(v) Bao gồm khoản tạm ứng từ giá trị hoàn lại theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được ghi nhận theo giá gốc. Người tham gia bảo hiểm có hợp đồng bảo hiểm đã đóng phí đủ từ 24 tháng trở lên và có giá trị hoàn lại có quyền được yêu cầu tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ với giá trị tối đa bằng 80% giá trị hoàn lại và lãi tích lũy đến thời điểm tạm ứng theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15.3 Đầu tư tài chính dài hạn khác

15.3.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Chi tiết biến động các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết trong năm như sau:

Đơn vị: VND

ĐƠN VỊ ĐƯỢC ĐẦU TƯ	VỐN TẬP ĐOÀN ĐÃ GÓP CUỐI NĂM	GIÁ TRỊ KHOẢN ĐẦU TƯ ĐẦU NĂM	(GIẢM)/TĂNG VỐN TRONG NĂM	CỔ TỨC NHẬN ĐƯỢC TRONG NĂM	LỢI NHUẬN/ (LỖ) TRONG NĂM THUỘC VỀ TẬP ĐOÀN	GIÁ TRỊ KHOẢN ĐẦU TƯ CUỐI NĂM
Theo phương pháp vốn chủ sở hữu						
Bảo Việt Resort	63.500.000.000	20.089.038.911	12.303.290.000	(333.705.674)	-	32.058.623.237
VIGIBA	54.000.000.000	61.954.566.223	-	(5.400.000.000)	5.388.251.839	61.942.818.062
Long Việt	29.269.440.000	32.559.958.676	-	-	(956.782.136)	31.603.176.540
Bảo Việt Tokio Marine	147.000.000.000	223.978.997.669	-	(36.040.714.302)	38.825.250.192	226.763.533.559
Bảo Việt SCIC	70.000.000.000	76.335.632.520	-	-	(486.418.044)	75.849.214.476
Bảo Việt Bank	1.560.000.000.000	1.676.140.599.970	-	-	56.232.281.014	1.732.372.880.984
Trung Nam Phú Quốc	431.200.000.000	431.200.000.000	-	-	-	431.200.000.000
Du lịch Lâm Đồng	203.315.728.000	210.117.012.677	-	-	21.918.107.936	232.035.120.613
Saigonship (i)	63.361.212.137	63.361.212.137	(63.361.212.137)	-	-	-
Theo giá gốc						
PLT (ii)	97.650.000.000	-	97.650.000.000	-	-	97.650.000.000
	2.719.296.380.137	2.795.737.018.783	46.592.077.863	(41.774.419.976)	120.920.690.801	2.921.475.367.471

(i) Ngày 19 tháng 6 năm 2017, do thay đổi mục đích đầu tư, Quỹ BVIF thuộc Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần đang nắm giữ tại Saigonship.

(ii) Ngày 31 tháng 8 năm 2017, thông qua Quỹ BVIF, Tập đoàn đã mua 35% cổ phần của PLT với tổng giá phí giao dịch là 97.650.000.000 VND. Theo đó, PLT trở thành công ty liên kết của Tập đoàn. Tuy nhiên, khoản đầu tư này đang được Tập đoàn nắm giữ cho mục đích kinh doanh và có thể được bán lại trong tương lai gần, do đó đang được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15.3 Đầu tư tài chính dài hạn khác (tiếp theo)

15.3.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị: VND

	SỐ CUỐI NĂM			SỐ ĐẦU NĂM		
	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG	GIÁ TRỊ THUẦN	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG	GIÁ TRỊ THUẦN
Dự án Tháp Tài chính Quốc tế (IFT)	118.937.361.454	-	118.937.361.454	118.937.361.456	-	118.937.361.456
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	125.000.000.000	-	125.000.000.000	125.000.000.000	-	125.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	75.000.000.000	(27.810.000.000)	47.190.000.000	75.000.000.000	(30.000.000.000)	45.000.000.000
Khác	47.952.379.767	(4.248.951.786)	43.703.427.981	48.365.409.767	(4.249.995.785)	44.115.413.982
	366.889.741.221	(32.058.951.786)	334.830.789.435	367.302.771.223	(34.249.995.785)	333.052.775.438

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ

16.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Phải trả hoạt động bảo hiểm		
Bảo hiểm nhân thọ	524.490.555.140	416.191.425.721
Phải trả bồi thường và trả tiền bảo hiểm	90.728.602.425	75.796.803.425
Phải trả thu nhập đại lý	412.523.512.271	326.335.502.096
Lãi phải trả cho chủ hợp đồng	16.304.556.400	14.059.120.200
Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm nhân thọ	4.921.625.944	-
Phải trả hoàn phí bảo hiểm nhân thọ	12.258.100	-
Bảo hiểm phi nhân thọ	2.017.565.636.936	967.377.134.193
Phải trả hoa hồng bảo hiểm	103.118.234.647	80.664.106.396
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc phi nhân thọ	226.120.862.544	183.341.088.989
Phải trả nhận tái bảo hiểm phi nhân thọ	98.457.964.629	124.091.582.519
Phải trả nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ	1.421.648.557.387	462.087.073.366
Phải trả đồng bảo hiểm	168.220.017.729	117.193.282.923
	2.542.056.192.076	1.383.568.559.914
Phải trả hoạt động tài chính		
Phải trả mua chứng khoán	-	66.003.088.161
	-	66.003.088.161
Phải trả người bán và nhà cung cấp dịch vụ		
Phải trả người bán, nhà cung cấp	152.240.647.087	127.111.523.245
Phải trả khác	449.082.166	252.613.393
	152.689.729.253	127.364.136.638
	2.694.745.921.329	1.576.935.784.713

16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Tạm ứng từ khách hàng nghiệp vụ tư vấn tài chính	2.961.300.000	2.174.300.000
Phí bảo hiểm tạm thu	129.098.992.425	8.269.409.813
	132.060.292.425	10.443.709.813

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	SỐ ĐẦU NĂM VND	SỐ PHẢI NỘP TRONG NĂM VND	SỐ ĐÃ NỘP TRONG NĂM VND	SỐ CUỐI NĂM VND
Thuế phải nộp Nhà nước				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	18.151.324.276	539.806.081.678	(542.778.739.323)	15.178.666.631
Thuế thu nhập doanh nghiệp(*)	(29.507.941.981)	329.414.538.838	(239.450.259.049)	60.456.337.808
Thuế thu nhập cá nhân	26.159.280.757	382.020.157.949	(374.832.735.509)	33.346.703.197
Tiền thuế đất	(53.130.042)	6.135.533.962	(8.022.050.914)	(1.939.646.994)
Các loại thuế khác	1.254.587.750	39.330.472.494	(38.576.907.769)	2.008.152.475
	16.004.120.760	1.296.706.784.921	(1.203.660.692.564)	109.050.213.117

(*) Trong đó:

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Thuế TNDN có thể thu hồi	(1.165.989.738)	(67.419.918.268)
Thuế TNDN phải nộp	61.622.327.546	37.911.976.287
	60.456.337.808	(29.507.941.981)

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Trong năm 2017, mức thuế suất áp dụng đối với các đơn vị trong Tập đoàn như sau:

ĐƠN VỊ	THUẾ SUẤT ÁP DỤNG
Bảo Việt - Âu Lạc	10%
Quỹ BVIF	Không thuộc đối tượng chịu thuế
Công ty mẹ và các công ty con khác	20%

Các báo cáo thuế của Công ty mẹ Tập đoàn và các Công ty con chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	329.414.538.838	258.764.859.524
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	1.231.980.515	(24.928.873.088)
	330.646.519.353	233.835.986.436

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

17.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế tính thuế:

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.933.742.593.327	1.398.784.913.549
Các điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng		
- Chênh lệch tạm thời chi phí dự phòng tài chính	6.524.768.343	94.950.463.297
- Hoa hồng dự trả ước tính năm nay	35.938.318.999	38.739.808.086
- Hoàn nhập lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá năm trước	-	24.757.485.100
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	3.480.659.240
- Chi phí không hợp lệ cho mục đích tính thuế	13.701.630.532	9.737.692.444
Các khoản điều chỉnh giảm		
- Thu nhập không chịu thuế từ cổ tức, lợi nhuận được chia	(120.913.597.872)	(83.736.456.989)
- Hoàn nhập hoa hồng dự trả ước tính năm trước	(38.739.808.086)	(28.519.589.769)
- Hoàn nhập lỗ đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm trước	(3.480.659.238)	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm các khoản mục tiền và phải thu	(6.424.880.056)	-
- Các khoản hoàn nhập dự phòng sử dụng phương pháp đánh giá nội bộ	(32.685.253.714)	(22.080.951.064)
- Hoàn nhập chi phí không được khấu trừ năm trước	(915.221.855)	(732.000.000)
Các khoản không chịu thuế phát sinh từ các bút toán điều chỉnh hợp nhất	(100.796.465.227)	(95.046.146.630)
Chuyển lỗ từ năm trước	-	(748.379.933)
Các khoản không chịu thuế	(41.118.383.130)	(45.763.199.710)
Tổng điều chỉnh đối với lợi nhuận trước thuế	(288.909.551.304)	(104.960.615.928)
Thu nhập chịu thuế (“TNCT”) ước tính	1.644.833.042.023	1.293.824.297.621
- TNCT chịu thuế suất 10%	319.396.076	-
- TNCT chịu thuế suất 20%	1.644.513.645.947	1.293.824.297.621
Thuế TNDN hiện hành ước tính	328.934.668.797	258.764.859.524
Điều chỉnh số thuế phải nộp của các kỳ trước theo quyết định của cơ quan thuế	479.870.041	-
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm	329.414.538.838	258.764.859.524
Thuế TNDN (có thể thu hồi)/phải trả đầu năm	(29.507.941.981)	52.534.450.608
Thuế TNDN đã trả trong năm	(239.450.259.049)	(340.807.252.113)
Thuế TNDN phải trả/(có thể thu hồi) cuối năm	60.456.337.808	(29.507.941.981)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

17.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT		BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	52.939.546.439	52.886.550.943	52.995.496	19.977.376.068
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(1.284.976.011)	-	(1.284.976.011)	4.951.497.020
(Chi phí)/Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			(1.231.980.515)	24.928.873.088

17.2.1 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	264.697.732.196	264.432.754.715
Trong đó:		
Hoa hồng phải trả trên phí bảo hiểm phải thu	35.938.318.999	38.739.808.086
Chi phí dự phòng thu hồi các khoản hoa hồng	32.112.570.787	32.112.570.787
Dự phòng trái phiếu Vinashin trích trước	196.425.694.947	189.900.926.604
Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	3.480.659.238
Khác	221.147.463	198.790.000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	52.939.546.439	52.886.550.943

17.2.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	6.424.880.056	-
Trong đó:		
- Lãi chênh lệch tỷ giá cuối năm	6.424.880.056	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.284.976.011	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Hoạt động bảo hiểm		
Bảo hiểm nhân thọ	19.232.889.458	35.079.043.102
Bảo hiểm phi nhân thọ	44.590.841.086	42.547.646.737
	63.823.730.544	77.626.689.839
Hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi nhận trước	2.282.572.045	2.282.572.045
Tạm ứng cổ tức	5.524.092.000	3.478.132.000
	7.806.664.045	5.760.704.045
Hoạt động khác		
Hoạt động quản lý bất động sản	698.470.942	-
Doanh thu đào tạo nhận trước	284.935.136	15.681.610
	983.406.078	15.681.610
	72.613.800.667	83.403.075.494

19. DOANH THU HOA HỒNG CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG

	BẢO HIỂM NHÂN THỌ VND	BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ VND	TỔNG CỘNG VND
Số đầu năm	-	115.396.746.402	115.396.746.402
Phát sinh trong năm	4.818.746.886	255.186.366.197	260.005.113.083
Phân bổ vào doanh thu trong năm	(4.818.746.886)	(261.888.124.591)	(266.706.871.477)
Số cuối năm	-	108.694.988.008	108.694.988.008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Tài sản thừa chờ xử lý	7.753.180	7.753.180
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	5.975.942.366	5.588.132.563
Phải trả các tổ chức theo nghiệp vụ chứng khoán	3.786.996.811	2.626.052.705
Kinh phí cho các chương trình An sinh xã hội chờ giải ngân (i)	3.010.461.817	21.983.617.106
Phải trả đối tác theo cam kết góp vốn vào Trung Nam Phú Quốc (ii)	34.320.000.000	34.320.000.000
Phải trả tiền đặt cọc của các đơn vị thuê trụ sở làm việc	10.139.350.470	10.032.188.625
Nhận tiền góp vốn thứ cấp liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh (iii)	135.274.300.271	135.274.300.271
Giao dịch phải trả chờ xử lý tại Ngân hàng vào thời điểm cuối ngày	94.769.031.070	-
Phải trả khác (iv)	286.866.678.878	272.420.073.811
	574.150.514.863	482.252.118.261

(i) Chi phí chương trình 30A của Chính phủ và các chương trình An sinh xã hội đang chờ giải ngân theo tiến độ các công trình tài trợ.

(ii) Căn cứ theo các điều khoản của Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần, Tập đoàn sẽ thực hiện chuyển tiền cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Thăng Long theo tiến độ và điều kiện cam kết để hoàn tất việc góp vốn vào Công ty Cổ phần Trung Nam Phú Quốc.

(iii) Đây là khoản BVInvest nhận góp vốn đầu tư từ nhà đầu tư thứ cấp là Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng ICT Việt Nam và Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng CID vào dự án TT1 – Thành phố Giao lưu.

(iv) Chủ yếu bao gồm các khoản phải trả nhà cung cấp nhằm phục vụ nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm của các đơn vị thành viên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY

	SỐ ĐẦU NĂM		TĂNG	GIẢM	SỐ CUỐI NĂM	
	GIÁ TRỊ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ			GIÁ TRỊ	SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Vay thấu chi ngân hàng	159.677.448.472	159.677.448.472	3.535.254.273.141	(3.604.946.046.124)	89.985.675.489	89.985.675.489
Vay ngân hàng	1.331.599.996	1.331.599.996	2.287.250.004	(1.762.050.000)	1.856.800.000	1.856.800.000
	161.009.048.468	161.009.048.468	3.537.541.523.145	(3.606.708.096.124)	91.842.475.489	91.842.475.489
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng	3.337.550.002	3.337.550.002	2.872.000.000	(2.287.250.004)	3.922.299.998	3.922.299.998
	3.337.550.002	3.337.550.002	2.872.000.000	(2.287.250.004)	3.922.299.998	3.922.299.998
Tổng cộng	164.346.598.470	164.346.598.470	3.540.413.523.145	(3.608.995.346.128)	95.764.775.487	95.764.775.487

Trong đó:

- Các khoản vay thấu chi ngân hàng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Hà Thành chịu lãi suất từ 6,0%/năm đến 6,8%/năm.
- Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại các Ngân hàng TMCP có kỳ hạn từ 2 năm đến 5 năm và chịu lãi suất từ 7,5%/năm đến 10,9%/năm.

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

VND	
Số đầu năm	78.324.934.729
Tăng trong năm	112.267.184.975
Sử dụng trong năm	(75.581.406.042)
Số cuối năm	115.010.713.662

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

HỢP ĐỒNG REPO (*)	SỐ ĐẦU NĂM	BÁN TRONG NĂM	MUA LẠI TRONG NĂM	CHI PHÍ REPO ĐÃ PHÂN BỐ TRONG NĂM	SỐ CUỐI NĂM	GIÁ TRỊ GHI SỔ TRÁI PHIẾU REPO
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân đội	2.982.387.564.804	3.558.365.500.000	(5.858.958.650.000)	72.020.085.196	753.814.500.000	598.787.542.474
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	3.615.744.467.431	5.910.513.220.000	(5.801.727.048.032)	119.755.750.759	3.844.286.390.158	3.146.511.671.102
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	4.742.500.578.021	9.571.207.600.000	(11.369.949.506.329)	248.832.589.882	3.192.591.261.574	2.692.066.258.309
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	1.572.737.755.405	5.811.963.625.000	(2.727.810.000.000)	176.780.477.271	4.833.671.857.676	4.088.000.008.801
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	6.403.184.120.000	(1.991.552.470.000)	94.111.046.213	4.505.742.696.213	3.612.650.722.598
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	139.500.000.000	(82.720.066.667)	2.912.100.000	59.692.033.333	70.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	319.632.500.000	-	2.396.375.000	322.028.875.000	274.633.159.972
Công ty khác	-	90.000.000.000	-	242.643.955	90.242.643.955	90.104.400.000
	12.913.370.365.661	31.804.366.565.000	(27.832.717.741.028)	717.051.068.276	17.602.070.257.909	14.572.753.763.256

(*) Bao gồm khoản phải trả hợp đồng repo với đối với các trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp mà Tập đoàn đã bán và cam kết sẽ mua lại trong thời gian dưới 12 tháng và chịu lãi suất từ 2,8%/năm đến 8,2%/năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM

	DỰ PHÒNG TOÁN HỌC	DỰ PHÒNG PHÍ CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG	DỰ PHÒNG BỒI THƯỜNG	DỰ PHÒNG CHIA LÃI	DỰ PHÒNG ĐẢM BẢO CÂN ĐỐI	DỰ PHÒNG DAO ĐỘNG LỚN	TỔNG CỘNG
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bảo hiểm nhân thọ							
Số đầu năm	36.280.117.678.651	108.518.501.144	38.615.962.308	1.385.613.275.857	64.722.549.880	-	37.877.587.967.840
Thay đổi trong năm	9.930.862.905.665	26.345.000.456	(10.203.385.925)	43.761.827.330	10.109.710.556	-	10.000.876.058.082
Số cuối năm	46.210.980.584.316	134.863.501.600	28.412.576.383	1.429.375.103.187	74.832.260.436	-	47.878.464.025.922
Bảo hiểm phi nhân thọ							
Số đầu năm	-	3.472.295.991.642	1.450.436.873.240	-	-	176.172.011.377	5.098.904.876.259
Thay đổi trong năm	-	753.123.838.935	932.917.685.376	-	-	(153.000.000.000)	1.533.041.524.311
Số cuối năm	-	4.225.419.830.577	2.383.354.558.616	-	-	23.172.011.377	6.631.946.400.570
Tổng cộng số dư đầu năm	36.280.117.678.651	3.580.814.492.786	1.489.052.835.548	1.385.613.275.857	64.722.549.880	176.172.011.377	42.976.492.844.099
Thay đổi trong năm	9.930.862.905.665	779.468.839.391	922.714.299.451	43.761.827.330	10.109.710.556	(153.000.000.000)	11.533.917.582.393
Tổng cộng số dư cuối năm	46.210.980.584.316	4.360.283.332.177	2.411.767.134.999	1.429.375.103.187	74.832.260.436	23.172.011.377	54.510.410.426.492

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM (tiếp theo)

Chi tiết thay đổi dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ như sau:

	DỰ PHÒNG BẢO HIỂM GỐC VÀ NHẬN TÁI	DỰ PHÒNG NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM (TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM)	DỰ PHÒNG BẢO HIỂM THUẦN
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Dự phòng phí chưa được hưởng	3.472.295.991.642	(709.578.730.959)	2.762.717.260.683
Dự phòng bồi thường	1.450.436.873.240	(606.709.345.752)	843.727.527.488
Dự phòng dao động lớn	176.172.011.377	-	176.172.011.377
Tổng cộng	5.098.904.876.259	(1.316.288.076.711)	3.782.616.799.548
Số cuối năm			
Dự phòng phí chưa được hưởng	4.225.419.830.577	(976.386.202.557)	3.249.033.628.020
Dự phòng bồi thường	2.383.354.558.616	(1.368.268.611.949)	1.015.085.946.667
Dự phòng dao động lớn	23.172.011.377	-	23.172.011.377
Tổng cộng	6.631.946.400.570	(2.344.654.814.506)	4.287.291.586.064

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	CHÉNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI (*)	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ DỰ PHÒNG TÀI CHÍNH	QUỸ KHÁC THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU (**)	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	QUỸ DỰ TRỮ BẮT BUỘC HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT	TỔNG CỘNG
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm nay									
Ngày 01/01/2017	6.804.714.340.000	3.184.332.381.197	15.445.192.000	301.301.554.536	103.568.802.818	2.288.129.402.650	333.123.774.337	655.920.177.506	13.686.535.625.044
Cổ tức chia cho cổ đông	-	-	-	-	-	(680.471.434.000)	-	-	(680.471.434.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(112.267.184.975)	-	(2.216.600.034)	(114.483.785.009)
Của công ty mẹ (***)	-	-	-	-	-	(59.262.609.891)	-	-	(59.262.609.891)
Của các công ty con	-	-	-	-	-	(53.004.575.084)	-	(2.216.600.034)	(55.221.175.118)
Trích quỹ phục vụ hoạt động An sinh xã hội (***)	-	-	-	-	-	(10.217.691.361)	-	-	(10.217.691.361)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	158.512.591.120	-	(158.512.591.120)	-	-	-
Của công ty mẹ (***)	-	-	-	153.265.370.408	-	(153.265.370.408)	-	-	-
Của các công ty con	-	-	-	5.247.220.712	-	(5.247.220.712)	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	1.555.453.247.273	-	47.642.826.701	1.603.096.073.974
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Tập đoàn và các Công ty con	-	-	-	-	-	(4.369.609.512)	-	-	(4.369.609.512)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm	-	-	-	4.963.188.108	-	(57.214.406.436)	52.251.218.328	-	-
Giảm khác (***)	-	-	-	-	-	(12.344.626.309)	-	(346.805.033)	(12.691.431.342)
Ngày 31/12/2017	6.804.714.340.000	3.184.332.381.197	15.445.192.000	464.777.333.764	103.568.802.818	2.808.185.106.210	385.374.992.665	700.999.599.140	14.467.397.747.794

(*) Quỹ chênh lệch tỷ giá thể hiện chênh lệch do chuyển đổi đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán của Công ty TNHH Bảo hiểm Bảo Việt - Tokio Marine từ đô la Mỹ sang VND từ ngày 01 tháng 01 năm 2008.

(**) Số dư Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu thể hiện phần lợi ích còn lại của Tập đoàn trong thặng dư vốn cổ phần của BVSC phát sinh do hợp nhất báo cáo tài chính.

(***) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017, Tập đoàn trích tổng cộng 5,8% lợi nhuận sau thuế 2016 tương đương với số tiền 59.262.609.891 VND cho các Quỹ Khen thưởng, phúc lợi; trích 1% lợi nhuận sau thuế 2016 tương đương với số tiền 10.217.691.361 VND cho Quỹ Phục vụ hoạt động An sinh xã hội và trích 15% lợi nhuận sau thuế 2016 tương đương với số tiền 153.265.370.408 VND cho Quỹ Đầu tư phát triển.

(****) Bao gồm số tiền 10.815.508.932 VND đã được BVIF thay Nhà đầu tư kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo quy định trong năm 2017 cho khoản cổ tức 60.815.508.932 VND theo Nghị quyết Ban Đại diện Quỹ BVIF ngày 29 tháng 12 năm 2016 về phương án chi trả cổ tức. Trong đó, số tiền 50.000.000.000 VND đã được BVIF thanh toán cho Nhà đầu tư trong năm 2016. Phần thuế thu nhập tương ứng với phần cổ tức đã thanh toán nêu trên được thanh toán trong năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	CHÉNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI (*)	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ DỰ PHÒNG TÀI CHÍNH	QUỸ KHÁC THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU (**)	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	QUỸ DỰ TRỮ BẮT BUỘC HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT	TỔNG CỘNG
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm trước									
Ngày 01/01/2016	6.804.714.340.000	3.184.332.381.197	16.075.608.000	142.369.277.946	103.568.802.818	2.038.471.565.269	292.449.189.772	616.210.081.846	13.198.191.246.848
Cổ tức chia cho cổ đông	-	-	-	-	-	(544.377.147.200)	-	-	(544.377.147.200)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(115.078.541.327)	-	(1.622.140.316)	(116.700.681.643)
Trích quỹ phục vụ hoạt động An sinh xã hội	-	-	-	-	-	(10.023.709.777)	-	-	(10.023.709.777)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	154.643.961.621	-	(154.643.961.621)	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	1.123.333.060.371	-	41.615.866.742	1.164.948.927.113
Chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Tập đoàn và các Công ty con	-	-	-	-	-	(4.853.851.057)	-	(20.800.000)	(4.874.651.057)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	4.288.314.969	-	(44.962.899.534)	40.674.584.565	-	-
Giảm khác	-	-	(630.416.000)	-	-	264.887.526	-	(262.830.766)	(628.359.240)
Ngày 31/12/2016	6.804.714.340.000	3.184.332.381.197	15.445.192.000	301.301.554.536	103.568.802.818	2.288.129.402.650	333.123.774.337	655.920.177.506	13.686.535.625.044

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	CỔ PHIẾU THƯỜNG VND	TỔNG SỐ VND	CỔ PHIẾU THƯỜNG VND	TỔNG SỐ VND
Số vốn góp của cổ đông	6.804.714.340.000	6.804.714.340.000	6.804.714.340.000	6.804.714.340.000
Thặng dư vốn cổ phần	3.184.332.381.197	3.184.332.381.197	3.184.332.381.197	3.184.332.381.197
TỔNG CỘNG	9.989.046.721.197	9.989.046.721.197	9.989.046.721.197	9.989.046.721.197

25.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

Không có giao dịch về vốn nào với các chủ sở hữu được thực hiện trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

25.4 Cổ tức

Ngày 26 tháng 5 năm 2017, Tập đoàn Bảo Việt đã tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 và thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức cho năm tài chính 2016 là 10% (1.000 đồng/cổ phiếu) tính trên vốn điều lệ 6.804.714.340.000 VND, tương đương với số tiền 680.471.434.000 VND. Việc chi trả cổ tức đã được thực hiện vào ngày 31 tháng 8 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

26.1 Phí bảo hiểm gốc

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Bảo hiểm nhân thọ		
Bảo hiểm hỗn hợp	6.109.464.301.801	4.731.994.906.682
Bảo hiểm liên kết chung	10.086.583.881.818	7.968.492.450.834
Bảo hiểm tử kỳ và liên kết ngân hàng	6.485.855.831	13.297.422.754
Bảo hiểm trọn đời	3.445.990.700	3.911.443.400
Niên kim nhân thọ	522.766.496.600	226.107.760.600
Điều khoản riêng	592.624.540.513	450.203.802.685
Bảo hiểm hưu trí tự nguyện	149.328.889.202	62.421.067.101
Tổng doanh thu bảo hiểm nhân thọ	17.470.699.956.465	13.456.428.854.056
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	353.223.245.403	368.946.927.145
Bảo hiểm Tàu thủy	550.121.332.418	498.752.750.032
Bảo hiểm Dầu khí	204.289.725	186.159.742
Bảo hiểm Hàng không	199.440.916.499	121.524.256.995
Bảo hiểm Kỹ thuật	238.483.232.817	274.619.597.613
Bảo hiểm Hòa hoãn và các rủi ro đặc biệt	763.518.390.725	610.220.447.458
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	115.838.393.558	118.920.962.907
Bảo hiểm Xe cơ giới	2.883.015.358.642	2.221.533.598.351
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và Bảo hiểm con người	2.929.462.116.567	2.335.791.585.627
Bảo hiểm Nông nghiệp	17.504.047.703	11.661.426.228
Tổng doanh thu bảo hiểm phi nhân thọ	8.050.811.324.057	6.562.157.712.098
Tổng doanh thu bảo hiểm	25.521.511.280.522	20.018.586.566.154

26.2 Phí nhận tái bảo hiểm

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	6.869.597.105	38.537.850.655
Bảo hiểm Tàu thủy	37.278.390.729	16.853.920.775
Bảo hiểm Dầu khí	3.911.444.853	3.405.041.030
Bảo hiểm Hàng không	8.318.933.847	5.092.600.971
Bảo hiểm Kỹ thuật	24.537.548.443	29.237.540.365
Bảo hiểm Hòa hoãn và các rủi ro đặc biệt	107.352.196.206	132.640.477.635
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	16.318.751.368	29.019.738.227
Bảo hiểm Xe cơ giới	254.152.916	527.647.015
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và con người	20.518.287.670	19.422.481.100
Bảo hiểm Nông nghiệp	40.738.158.307	26.054.032.176
Tổng cộng	266.097.461.444	300.791.329.949

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. TỔNG PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm nhân thọ	11.374.024.238	8.434.098.833
Bảo hiểm hỗn hợp	557.053.902	346.479.156
Bảo hiểm liên kết chung	7.934.543.849	5.847.768.093
Bảo hiểm tử kỳ	26.495.391	6.004.385
Bảo hiểm trọn đời	7.407.537	5.836.182
Niên kim nhân thọ	122.746.248	55.213.444
Điều khoản riêng	2.725.777.311	2.172.797.573
Chuyển phí nhượng tái bảo hiểm phi nhân thọ	1.896.580.911.702	1.384.564.406.687
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	79.275.814.855	62.096.420.023
Bảo hiểm Tàu thủy	220.313.291.146	225.281.307.528
Bảo hiểm Dầu khí	119.962.349	326.773.085
Bảo hiểm Hàng không	190.197.831.636	121.873.427.384
Bảo hiểm Kỹ thuật	123.317.734.471	121.311.866.759
Bảo hiểm Hòa hoãn, các rủi ro đặc biệt	495.496.248.119	461.661.148.177
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	72.272.980.644	78.590.529.683
Bảo hiểm Xe cơ giới	583.218.301.107	192.123.515.721
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và con người	122.204.296.058	118.302.396.842
Bảo hiểm Nông nghiệp	10.164.451.317	2.997.021.485
	1.907.954.935.940	1.392.998.505.520

28. CHI PHÍ TRỰC TIẾP LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

28.1 Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Bảo hiểm nhân thọ		
Chi trả đáo hạn	1.697.829.838.185	1.524.126.854.173
Chi giá trị hoàn lại	1.017.493.525.512	393.971.556.000
Chi bồi quyền lợi bảo hiểm và chi khác theo hợp đồng bảo hiểm	2.056.614.049.727	1.825.773.484.576
	4.771.937.413.424	3.743.871.894.749
Bảo hiểm phi nhân thọ		
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	157.592.899.069	103.057.374.693
Bảo hiểm Tàu thủy	245.011.406.524	221.344.394.569
Bảo hiểm Dầu khí	-	6.655.347
Bảo hiểm Hàng không	13.153.679.653	86.719.113.982
Bảo hiểm Kỹ thuật	51.292.207.207	61.639.147.673
Bảo hiểm Hòa hoãn và các rủi ro đặc biệt	147.984.122.637	139.718.458.385
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	4.683.727.519	11.998.478.213
Bảo hiểm Xe cơ giới	1.668.143.306.336	1.133.585.132.449
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và con người	1.400.263.565.555	1.229.347.738.015
Bảo hiểm Nông nghiệp	2.574.387.200	1.931.217.000
	3.690.699.301.700	2.989.347.710.326
	8.462.636.715.124	6.733.219.605.075

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ TRỰC TIẾP LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM (tiếp theo)

28.2 Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	992.412.648	32.209.177.649
Bảo hiểm Tàu thủy	25.795.016.839	6.936.806.154
Bảo hiểm Dầu khí	5.898.333.869	4.958.796.678
Bảo hiểm Hàng không	711.568.402	1.355.644.038
Bảo hiểm Kỹ thuật	12.086.313.866	14.038.802.358
Bảo hiểm Hòa hoãn và các rủi ro đặc biệt	61.699.774.006	63.254.857.916
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	6.571.843.277	16.977.772.490
Bảo hiểm Xe cơ giới	46.103.537	87.336.341
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và con người	17.416.676.310	16.486.333.746
Bảo hiểm Nông nghiệp	35.470.211.146	15.094.931.063
	166.688.253.900	171.400.458.433

28.3 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	51.327.916.564	15.741.288.883
Bảo hiểm Tàu thủy	76.406.185.306	68.712.792.073
Bảo hiểm Dầu khí	322.587.569	-
Bảo hiểm Hàng không	10.715.275.709	81.155.520.939
Bảo hiểm Kỹ thuật	32.210.761.515	61.804.285.028
Bảo hiểm Hòa hoãn và các rủi ro đặc biệt	190.938.169.732	99.616.079.966
Bảo hiểm Trách nhiệm chung	6.936.172.654	7.288.543.378
Bảo hiểm Xe cơ giới	414.256.163.121	120.376.845.825
Bảo hiểm Y tế tự nguyện và con người	63.227.146.793	60.562.979.125
Bảo hiểm Nông nghiệp	1.355.593.433	6.197.883.306
	847.695.972.396	521.456.218.523

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Chi phí tuyển dụng	2.481.552.513	2.530.052.162
Chi đào tạo đại lý	44.141.924.034	25.885.069.140
Chi thù lao đại lý	790.657.593.373	562.584.674.413
Chi phúc lợi đại lý	47.742.355.992	10.761.481.915
Chi khen thưởng đại lý	409.866.663.489	175.931.139.634
Chi hỗ trợ đại lý	146.872.067.677	93.999.207.180
Chi khác	66.689.413.209	66.686.328.427
	1.508.451.570.287	938.377.952.871

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm phân bổ từ chi quản lý	1.328.712.700.774	1.109.431.032.475
- Chi phí nhân công	532.267.734.994	514.245.214.971
- Chi phí nguyên liệu vật liệu	50.101.721.815	40.675.818.829
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.661.325.111	23.019.184.101
- Thuế và chi phí, lệ phí	8.794.512.444	7.666.439.813
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	418.665.844.997	250.340.349.569
- Chi phí khác	294.221.561.413	273.484.025.192
Chi nộp quỹ người được bảo hiểm	26.895.989.510	25.012.739.321
	1.355.608.690.284	1.134.443.771.796

31. THU NHẬP THUẦN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Thu nhập từ các hoạt động khác		
Hoạt động môi giới chứng khoán và bảo lãnh phát hành	194.785.047.397	88.117.526.718
Dịch vụ lưu ký chứng khoán	4.997.066.902	3.411.965.422
Quản lý danh mục đầu tư	3.708.405.625	2.455.781.249
Cho thuê và quản lý bất động sản	58.114.909.095	59.705.794.186
Dịch vụ đào tạo	23.205.639.685	21.572.245.464
Hoạt động xây dựng và kinh doanh bất động sản	81.488.080.742	101.972.776.370
Các dịch vụ khác	16.153.891.124	20.734.885.413
	382.453.040.570	297.970.974.822
Chi phí từ các hoạt động khác		
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán và bảo lãnh phát hành	(154.620.666.578)	(77.360.643.389)
Dịch vụ lưu ký chứng khoán	(12.586.898.792)	(9.971.912.747)
Quản lý danh mục đầu tư	(3.581.424.238)	(908.357.360)
Quản lý bất động sản	(30.436.087.208)	(52.147.959.343)
Hoạt động xây dựng và kinh doanh bất động sản	(75.514.803.493)	(96.563.559.314)
Các dịch vụ khác	(37.890.247.693)	(33.526.332.953)
	(314.630.128.002)	(270.478.765.106)
	67.822.912.568	27.492.209.716

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

32.1 Doanh thu hoạt động tài chính

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Lãi tiền gửi	1.728.980.417.978	1.140.156.303.803
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	3.193.575.909.090	2.844.012.253.909
Thu nhập từ tạm ứng giá trị hoàn lại	131.858.784.489	115.952.776.042
Cổ tức được chia	142.847.655.631	91.632.536.219
Lãi chênh lệch tỷ giá	14.992.983.714	16.600.581.064
Lãi đầu tư chứng khoán	423.613.582.593	321.109.508.048
Doanh thu hoạt động tài chính khác	122.822.485.528	98.508.916.821
	5.758.691.819.023	4.627.972.875.906

32.2 Chi phí hoạt động tài chính

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Lô chênh lệch tỷ giá	15.609.271.814	14.824.197.773
Chi phí repo và lãi vay	718.865.003.138	469.304.726.276
Trả lãi cho chủ hợp đồng	314.425.196.831	343.246.007.968
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	6.884.094.150	48.957.862.044
Chi phí dự phòng	41.059.155.758	49.802.802.621
Các chi phí khác	323.954.427.907	197.874.315.627
	1.420.797.149.598	1.124.009.912.309

33.CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hiểm		
Chi phí nhân công	1.463.927.198.151	1.358.793.093.818
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	227.451.983.258	144.454.157.522
Chi phí khấu hao tài sản cố định	78.881.390.219	73.407.926.757
Thuế và chi phí lệ phí	19.644.079.936	16.130.663.393
Chi phí dịch vụ mua ngoài	538.911.106.867	365.663.364.428
Chi phí dự phòng	9.653.926.626	6.739.536.798
Chi phí khác	280.949.150.444	256.982.143.610
	2.619.418.835.501	2.222.170.886.326
Chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan đến các lĩnh vực khác		
Chi phí nhân công	219.627.153.937	204.081.657.189
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.572.819.491	25.695.536.899
Thuế và chi phí lệ phí	18.104.021.528	8.238.223.788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	151.318.192.830	69.892.487.211
Chi phí dự phòng	10.948.675.292	1.404.846.717
Chi phí khác	92.514.848.450	96.949.237.094
	528.085.711.528	406.261.988.898
	3.147.504.547.029	2.628.432.875.224

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. LỢI NHUẬN KHÁC

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản	1.174.028.032	1.795.893.367
Thu nhập khác	22.430.946.230	8.292.406.522
	23.604.974.262	10.088.299.889
Chi phí khác		
Chi thanh lý tài sản	(2.053.210.957)	(60.522.954)
Chi phí khác	(2.840.690.889)	(4.065.946.244)
	(4.893.901.846)	(4.126.469.198)
Lợi nhuận khác	18.711.072.416	5.961.830.691

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan với Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày bao gồm:

CÁC BÊN LIÊN QUAN	QUAN HỆ
Bộ Tài chính	Cổ đông sáng lập
SCIC	Cổ đông sáng lập
Sumitomo Life	Cổ đông chiến lược
Bảo Việt Tokio Marine	Công ty liên doanh
Bảo Việt Bank	Công ty liên kết
Bảo Việt SCIC	Công ty liên kết
Long Việt	Công ty liên kết
Bảo Việt Resort	Công ty liên kết
VIGEBA	Công ty liên kết
Trung Nam Phú Quốc	Công ty liên kết
Du lịch Lâm Đồng	Công ty liên kết
Saigonship	Công ty liên kết
PLT	Công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 gồm:

CÁC BÊN LIÊN QUAN	GIAO DỊCH	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Cổ đông sáng lập			
Bộ Tài chính	Cổ tức đã trả	(482.509.800.000)	(386.007.840.000)
SCIC	Cổ tức đã trả	(22.154.400.000)	(17.723.520.000)
Cổ đông chiến lược			
Sumitomo Life	Cổ tức đã trả	(174.870.151.450)	(98.007.272.800)
	Chi phí dự án Hỗ trợ và Chuyển giao Năng lực Kỹ thuật	20.210.341.964	16.558.893.049
Công ty liên doanh, liên kết			
Bảo Việt Tokio Marine	Cổ tức nhận được	36.040.714.302	38.468.578.432
	Thoái vốn trong kỳ	-	(6.000.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 gồm: (tiếp theo)

CÁC BÊN LIÊN QUAN	GIAO DỊCH	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)			
Bảo Việt Bank	Cổ tức nhận được	-	31.200.000.000
	Doanh thu cung cấp dịch vụ CNTT	3.374.373.648	2.909.191.327
	Doanh thu lãi tiền gửi	341.609.489.959	220.015.888.991
	Doanh thu lãi trái phiếu	110.497.532.869	110.691.938.769
	Chi phí repo và lãi vay	(176.870.690.953)	(58.188.652.257)
	Doanh thu cho thuê trụ sở làm việc, phí giữ xe	8.907.285.667	13.184.172.526
Bảo Việt Resort	Doanh thu tư vấn lập báo cáo đánh giá dự án	-	271.337.169
	Tăng vốn trong năm	-	3.500.000.000
	Mua cổ phần ưu đãi	12.303.290.000	-
	Dự thu cổ tức ưu đãi	333.705.674	-
Long Việt	Mua sắm bất động sản	21.940.045.000	-
	Thu hồi khoản ứng trước tiền mua bất động sản do hủy hợp đồng	(18.550.000.000)	-
VIGEBA	Doanh thu xây lắp	656.090.523	2.031.811.818
	Doanh thu cổ tức	5.400.000.000	8.100.000.000
Du lịch Lâm Đồng	Góp vốn	-	203.315.728.000

Số dư các khoản phải thu và phải trả trọng yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

CÁC BÊN LIÊN QUAN	GIAO DỊCH	PHẢI THU/ (PHẢI TRẢ)	
		SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
Công ty liên doanh, liên kết			
Bảo Việt Bank	Số dư tiền gửi thanh toán, ký quỹ	1.146.016.313.331	836.941.670.152
	Số dư tiền gửi có kỳ hạn và lãi dự thu	7.901.164.758.619	5.281.793.813.170
	Số dư trái phiếu và lãi dự thu	1.304.102.118.545	1.304.104.585.673
	Số dư các hợp đồng mua bán lại trái phiếu Chính phủ	(4.833.671.857.676)	(1.572.737.755.405)
	Phải thu phí CNTT, dịch vụ đào tạo	1.149.687.360	686.193.451
	Số dư khoản vay	(873.110.000)	(1.360.550.000)
VIGEBA	Phải thu liên quan đến góp vốn vào dự án TT1 - Thành phố Giao lưu	204.435.252.012	204.435.252.012
	Phải thu liên quan đến hoạt động xây lắp	86.788.121	763.759.358
	Đặt cọc tham gia dự án TT3 - Thành phố Giao lưu	10.000.000.000	10.000.000.000
	Phải trả tiền mua các căn hộ thuộc dự án TT1 - Thành phố Giao lưu	(76.089.775.001)	(76.089.775.001)
	Dự thu cổ tức	5.400.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành Tập đoàn:

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành	29.312.941.276	24.068.021.892
	29.312.941.276	24.068.021.892

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC (TRÌNH BÀY LẠI) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.555.453.247.273	1.123.333.060.371
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(59.262.609.891)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.555.453.247.273	1.064.070.450.480
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	680.471.434	680.471.434
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.286	1.564

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2016 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất cùng kỳ để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2016 theo Nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 5 năm 2017.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn chưa phê duyệt phân chia Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2017.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông xảy ra trong khoảng thời gian này có thể làm pha loãng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau. Ban Điều hành theo dõi kết quả hoạt động của từng đơn vị kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho quá trình ra quyết định về việc phân bổ nguồn lực và đánh giá hoạt động.

Nhằm mục đích quản trị, Tập đoàn được tổ chức theo từng đơn vị kinh doanh dựa trên sản phẩm và dịch vụ mà các đơn vị này cung cấp. Tập đoàn có thể báo cáo theo 4 bộ phận hoạt động như sau:

- Dịch vụ bảo hiểm nhân thọ cung cấp các dịch vụ: bảo hiểm trọn đời, bảo hiểm sinh kỳ, bảo hiểm tử kỳ, bảo hiểm hỗn hợp, bảo hiểm liên kết ngân hàng, bảo hiểm trả tiền định kỳ, bảo hiểm liên kết chung, bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người bổ trợ cho bảo hiểm nhân thọ và các loại hình bảo hiểm nhân thọ khác; nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người.
- Dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ cung cấp các dịch vụ: bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người; bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; bảo hiểm hàng hóa vận chuyển; bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu; bảo hiểm trách nhiệm chung; bảo hiểm hàng không; bảo hiểm xe cơ giới; bảo hiểm cháy nổ; bảo hiểm nông nghiệp và các loại hình bảo hiểm phi nhân thọ khác; nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Dịch vụ tài chính bao gồm các dịch vụ quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư, môi giới và kinh doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư, v.v. Dịch vụ quản lý đầu tư cung cấp dịch vụ quản lý đầu tư cho chủ hợp đồng bảo hiểm thông qua các dịch vụ do BVF cung cấp. BVSC cung cấp các dịch vụ môi giới, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và kinh doanh chứng khoán.
- Các hoạt động về bất động sản và các hoạt động khác bao gồm các dịch vụ cho thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan đối với tòa nhà Bảo Việt tại số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội, tòa nhà 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và một số khu vực khác. Ngoài ra, Tập đoàn đang tiến hành xây dựng các dự án bất động sản như xây dựng tòa nhà Bảo hiểm Bảo Việt ở Hà Nội, dự án ở thành phố Hồ Chí Minh và các dự án bất động sản khác trong nước.

Giá cả giao dịch giữa các bộ phận kinh doanh được quyết định dựa trên giá thị trường tương tự như giao dịch với bên thứ ba khác. Doanh thu bộ phận, chi phí bộ phận và kết quả kinh doanh bộ phận bao gồm doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động chuyển giao giữa các bộ phận với nhau. Các giao dịch chuyển giao này được loại bỏ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo tài chính hợp nhất này không trình bày các thông tin bộ phận theo khu vực địa lý bởi vì phạm vi hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trên lãnh thổ Việt Nam và các khu vực địa lý đó đều không khác biệt nhiều về mức độ rủi ro và khả năng sinh lời.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bảng biểu sau trình bày thông tin về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, doanh thu và lợi nhuận liên quan đến các bộ phận kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:

Đơn vị: triệu đồng

	BẢO HIỂM NHÂN THỌ	BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ	HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	HOẠT ĐỘNG BẤT ĐỘNG SẢN VÀ HOẠT ĐỘNG KHÁC	CÁC BÚT TOÁN ĐIỀU CHỈNH HỢP NHẤT	TỔNG
Doanh thu phí bảo hiểm	17.444.355	7.563.868	-	-	(83)	25.008.140
Phí nhượng tái bảo hiểm	(11.374)	(1.629.773)	-	-	-	(1.641.147)
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4.819	670.302	-	-	(29)	675.092
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.437.800	6.604.397	-	-	(112)	24.042.085
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	(4.771.937)	(3.690.699)	-	-	-	(8.462.636)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	-	(166.688)	-	-	-	(166.688)
Các khoản thu giảm trừ chi phí	-	3.824	-	-	-	3.824
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	-	847.696	-	-	-	847.696
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	(9.984.734)	-	-	-	-	(9.984.734)
Giảm/(tăng) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	10.203	(932.918)	-	-	-	(922.715)
Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	-	761.559	-	-	-	761.559
Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	-	281.408	-	-	-	281.408
Trích dự phòng dao động lớn	-	(128.408)	-	-	-	(128.408)
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(1.662.714)	(2.614.480)	-	-	50.155	(4.227.039)
Tổng chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(16.409.182)	(5.638.706)	-	-	50.155	(21.997.733)
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.028.618	965.691	-	-	50.043	2.044.352
Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	-	-	313.359	22.457	(267.995)	67.821
Chi phí bán hàng	(1.508.452)	-	-	-	-	(1.508.452)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.781.406)	(950.383)	(530.652)	(18.049)	132.986	(3.147.504)
Lợi nhuận hoạt động tài chính	3.231.454	368.381	1.523.459	4.492	(789.891)	4.337.895
Lợi nhuận khác	30.649	3.861	(249)	(493)	(15.058)	18.710
Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	120.921	120.921
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.000.863	387.550	1.305.917	8.407	(768.994)	1.933.743

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Đơn vị: triệu đồng

	BẢO HIỂM NHÂN THỌ	BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ	HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	HOẠT ĐỘNG BẤT ĐỘNG SẢN VÀ HOẠT ĐỘNG KHÁC	CÁC BÚT TOÁN ĐIỀU CHỈNH HỢP NHẤT	TỔNG
Doanh thu phí bảo hiểm	13.435.783	6.445.572	-	-	(2.499)	19.878.856
Phí nhượng tái bảo hiểm	(8.434)	(1.191.622)	-	-	-	(1.200.056)
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.231	330.607	-	-	(1.170)	330.668
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	13.428.580	5.584.557	-	-	(3.669)	19.009.468
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và chi trả đáo hạn	(3.743.872)	(2.989.348)	-	-	-	(6.733.220)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	-	(171.400)	-	-	-	(171.400)
Các khoản thu giảm trừ chi phí	-	8.828	-	-	-	8.828
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	-	521.456	-	-	-	521.456
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	(7.851.781)	-	-	-	-	(7.851.781)
Giảm/(tăng) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(7.683)	(242.357)	-	-	-	(250.040)
Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	-	116.506	-	-	-	116.506
Chi bồi thường từ quỹ dự phòng dao động lớn	-	93.000	-	-	-	93.000
Trích dự phòng dao động lớn	-	(109.618)	-	-	-	(109.618)
Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(1.339.072)	(1.991.317)	-	-	-	(3.330.389)
Tổng chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(12.942.408)	(4.764.250)	-	-	-	(17.706.658)
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	486.172	820.307	-	-	(3.669)	1.302.810
Thu nhập thuần từ các hoạt động khác	-	-	239.739	16.236	(228.483)	27.492
Chi phí bán hàng	(938.378)	-	-	-	35.991	(902.387)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.529.637)	(791.418)	(416.786)	(15.138)	124.545	(2.628.434)
Lợi nhuận hoạt động tài chính	2.597.441	339.388	1.416.808	3.852	(853.525)	3.503.964
Lợi nhuận khác	11.820	3.569	(202)	(286)	(8.940)	5.961
Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	89.379	89.379
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	627.418	371.846	1.239.559	4.664	(844.702)	1.398.785

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về tình hình tài chính theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

Đơn vị: triệu đồng

	BẢO HIỂM NHÂN THỌ	BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ	HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	HOẠT ĐỘNG BẤT ĐỘNG SẢN VÀ HOẠT ĐỘNG KHÁC	CÁC BÚT TOÁN ĐIỀU CHỈNH HỢP NHẤT	TỔNG
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	956.740	609.264	441.813	124.138	1.657.243	3.789.198
Các khoản phải thu từ hoạt động tái bảo hiểm	-	885.327	-	-	-	885.327
Các khoản phải thu từ hoạt động bảo hiểm	50.423	1.417.445	-	-	-	1.467.868
Tài sản tái bảo hiểm	-	2.344.655	-	-	-	2.344.655
Các khoản phải thu khác	2.932.060	162.433	587.188	260.785	(712.871)	3.229.595
Đầu tư tài chính	64.527.551	5.786.299	12.966.502	-	(8.294.677)	74.985.675
Phải thu về cho vay	2.462	1.411	1.342.655	-	62.187	1.408.715
Tài sản cố định hữu hình	277.060	252.262	288.685	26.832	-	844.839
Tài sản cố định vô hình	295.184	419.272	83.476	14.640	-	812.572
Các tài sản khác	194.351	772.942	558.163	109.952	(1.516)	1.633.892
TỔNG TÀI SẢN	69.235.831	12.651.310	16.268.482	536.347	(7.289.634)	91.402.336
NỢ PHẢI TRẢ						
Nợ ngắn hạn	17.666.073	3.285.447	927.895	245.314	161.301	22.286.030
Nợ dài hạn	48.009.776	6.635.074	10.807	7.151	(13.901)	54.648.907
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	65.675.849	9.920.521	938.702	252.465	147.400	76.934.937
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.559.982	2.730.789	15.329.780	283.882	(7.437.034)	14.467.399
TỔNG NGUỒN VỐN	69.235.831	12.651.310	16.268.482	536.347	(7.289.634)	91.402.336

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Sau đây là số liệu về tình hình tài chính theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Đơn vị: triệu đồng

	BẢO HIỂM NHÂN THỌ	BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ	HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	HOẠT ĐỘNG BẤT ĐỘNG SẢN VÀ HOẠT ĐỘNG KHÁC	CÁC BÚT TOÁN ĐIỀU CHỈNH HỢP NHẤT	TỔNG
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.587.755	185.385	488.821	120.395	501.101	2.883.457
Các khoản phải thu từ hoạt động tái bảo hiểm	-	443.786	-	-	-	443.786
Các khoản phải thu từ hoạt động bảo hiểm	30.130	839.567	-	-	(41)	869.656
Tài sản tái bảo hiểm	-	1.316.288	-	-	-	1.316.288
Các khoản phải thu khác	2.395.273	287.281	606.562	266.704	(1.017.158)	2.538.662
Đầu tư tài chính	48.997.883	5.928.208	13.314.523	-	(6.866.174)	61.374.440
Phải thu về cho vay	1.111	1.411	853.538	-	63.621	919.681
Tài sản cố định hữu hình	277.889	238.049	172.108	25.016	9.378	722.440
Tài sản cố định vô hình	310.957	434.262	59.519	14.640	-	819.378
Các tài sản khác	144.352	656.987	176.449	108.944	21.932	1.108.664
TỔNG TÀI SẢN	53.745.350	10.331.224	15.671.520	535.699	(7.287.341)	72.996.452
NỢ PHẢI TRẢ						
Nợ ngắn hạn	12.504.520	2.785.307	834.965	258.005	(152.525)	16.230.272
Nợ dài hạn	37.975.669	5.100.609	-	30	3.337	43.079.645
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	50.480.189	7.885.916	834.965	258.035	(149.188)	59.309.917
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.265.161	2.445.308	14.836.555	277.664	(7.138.153)	13.686.535
TỔNG NGUỒN VỐN	53.745.350	10.331.224	15.671.520	535.699	(7.287.341)	72.996.452

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

38.1 Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động khác bao gồm các tài sản là văn phòng, trụ sở làm việc không hủy ngang như sau:

	SỐ CUỐI NĂM VND	SỐ ĐẦU NĂM VND
- Từ 1 năm trở xuống	88.368.530.835	60.392.979.284
- Từ trên 1 năm đến 5 năm	206.647.378.102	210.270.810.952
- Trên 5 năm	10.843.813.373	27.573.224.047
	305.859.722.310	298.237.014.283

38.2 Các khoản tranh chấp kiện tụng

Trong hai năm 2008 và 2009, Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con đã ký các hợp đồng tiền gửi với Công ty Cho thuê tài chính II – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“ALCII”), kỳ hạn từ 06 tháng đến 01 năm và lãi suất tiền gửi từ 10,5% đến 17,5%/năm. Bắt đầu từ năm 2009, do tình hình tài chính khó khăn, ALCII đã không thực hiện việc chi trả gốc và lãi của một số hợp đồng tiền gửi cho Tập đoàn. Do đó, năm 2016, Tập đoàn đã thực hiện khởi kiện ALCII theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc không thực hiện các nghĩa vụ quy định trong các hợp đồng tiền gửi đã giao kết. Theo quyết định của Bản án số 1009/2016/KDTM-PT ngày 05 tháng 9 năm 2016 và Bản án số 1158/2016/HDTM-PT ngày 30 tháng 9 năm 2016 của Tòa phúc thẩm - Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ALCII có trách nhiệm phải thanh toán cho Tập đoàn khoản tiền còn nợ Tập đoàn tính đến ngày 31 tháng 5 năm 2016, bao gồm 326.600.000.000 VND nợ gốc tiền gửi chưa thanh toán, 52.990.388.887 VND nợ lãi trong hạn chưa thanh toán, 421.212.752.500 VND nợ lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc quá hạn chưa thanh toán và 69.068.967.356 VND nợ lãi quá hạn tính trên dư nợ lãi trong hạn chưa thanh toán và tiền lãi phát sinh từ ngày 01 tháng 6 năm 2016 cho đến khi trả hết nợ tính trên số dư nợ gốc và nợ lãi trong hạn còn lại theo lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tiền gửi đã ký. Hiện nay, Tập đoàn đang triển khai công tác thu đòi công nợ đối với các khoản đầu tư này trên cơ sở các phán quyết của Tòa án.

38.3 Các ảnh hưởng tiềm tàng khác

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Bảo hiểm Bảo Việt có các vụ tranh chấp, kiện tụng với khách hàng liên quan đến các khoản yêu cầu bồi thường từ phía khách hàng nhưng Bảo hiểm Bảo Việt không chấp nhận toàn phần, hoặc chỉ chấp nhận một phần trách nhiệm bảo hiểm. Tổng số yêu cầu bồi thường từ phía khách hàng liên quan đến các vụ việc nêu trên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 228 tỷ VND, trong đó phần ước tính thuộc trách nhiệm của Bảo hiểm Bảo Việt là 188 tỷ VND. Ảnh hưởng cuối cùng của các vụ tranh chấp, kiện tụng nêu trên chỉ có thể được xác định dựa trên kết quả cuối cùng của các Ủy ban hòa giải hay của Tòa án và do đó, Bảo hiểm Bảo Việt hiện chưa trích lập dự phòng nợ phải trả cho các yêu cầu bồi thường này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)

38.3 Các ảnh hưởng tiềm tàng khác (tiếp theo)

Cơ quan chức năng đã thực hiện công tác điều tra liên quan đến một số hoạt động trong giai đoạn 2007-2013 tại một số Công ty thành viên trực thuộc Bảo hiểm Bảo Việt và đã có kết luận sơ bộ gửi cho các cơ quan hữu quan để xem xét. Một số cá nhân liên quan đến vụ việc đã có hành động nộp tiền khắc phục vào tài khoản của Bảo hiểm Bảo Việt. Do Bảo hiểm Bảo Việt chưa nhận được các yêu cầu hay khuyến nghị chính thức từ các cơ quan hữu quan về việc xử lý tài chính cũng như trách nhiệm cụ thể của các cá nhân liên quan, vì vậy, dựa trên các tài liệu được các đơn vị thành viên báo cáo về Bảo hiểm Bảo Việt, các thông tin nhận được từ các cơ quan hữu quan, dựa trên các quy định của Luật kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Bảo hiểm Bảo Việt đã thực hiện một số hạch toán và điều chỉnh số liệu kế toán mà Bảo hiểm Bảo Việt đánh giá là cần thiết và hợp lý nhất và các điều chỉnh này đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính năm 2015 của Bảo hiểm Bảo Việt. Bảo hiểm Bảo Việt sẽ tiếp tục theo dõi sát sao và khi có kết luận chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Bảo hiểm Bảo Việt sẽ thực hiện các điều chỉnh cần thiết trong các kỳ báo cáo tiếp theo. Đối với vụ sai phạm tại Công ty Bảo Việt Bến Tre giai đoạn 2009-2011, theo kết luận sơ bộ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Bảo hiểm Bảo Việt đang ghi nhận khoản phải thu 4.412.507.349 VND từ các cá nhân liên quan. Ngày 31 tháng 10 năm 2016, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phiên phúc thẩm. Tuy vậy, tại thời điểm lập Báo cáo Tài chính năm 2016, Bảo hiểm Bảo Việt chưa nhận được kết luận chính thức cuối cùng từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên chưa có cơ sở thực hiện các điều chỉnh liên quan.

39. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1. Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm (VND)	198.178.737.323	135.951.378.439
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	6.343.174.175	6.343.174.175
3. Ngoại tệ (USD)	1.345.290	1.687.154
4. Chứng khoán lưu ký (VND)	30.890.850.018.189	29.639.857.858.189
5. Chứng khoán chưa lưu ký (VND)	2.333.680.010.000	2.345.876.680.000
6. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác (VND)	746.883.060.415	539.361.960.865
7. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác (VND)	317.728.018.624	493.659.975.066
8. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác (VND)	8.899.774.887	13.810.332.686
9. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác (VND)	(741.003.266.772)	(468.361.551.878)
10. Phải thu lãi tiền gửi, trái phiếu, cho vay ủy thác (VND)	1.762.892.324.860	1.237.139.509.018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

Mục tiêu của hoạt động Quản lý rủi ro (QLRR) tại Tập đoàn và các Công ty con nhằm phòng ngừa, giảm thiểu những rủi ro, thiệt hại có thể xảy ra để góp phần duy trì hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và các Công ty con theo phương châm ổn định, an toàn, hiệu quả; góp phần tạo ra môi trường quản lý minh bạch; bảo vệ tài sản và uy tín của Tập đoàn và các Công ty con.

Hoạt động QLRR được thực hiện thống nhất từ Ban Lãnh đạo Tập đoàn đến từng bộ phận chức năng, cán bộ tại Tập đoàn và các Công ty con theo một nguyên tắc chung nhằm chủ động phát hiện, đánh giá và kiểm soát tác động của các loại rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị Tập đoàn (HĐQT) chịu trách nhiệm quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của hệ thống quản lý rủi ro Tập đoàn; ban hành chiến lược, chính sách quản lý rủi ro Tập đoàn và thực hiện giám sát hoạt động QLRR toàn Tập đoàn.

Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn quản lý rủi ro nội bộ, tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách quản lý rủi ro đã được HĐQT phê duyệt. Các chính sách và hệ thống QLRR được rà soát định kỳ nhằm phản ánh kịp thời những biến động của thị trường và các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Hội đồng Quản lý rủi ro Tập đoàn (HĐQLRR) là cơ quan giúp việc của Tổng Giám đốc Tập đoàn Bảo Việt để triển khai công tác quản lý rủi ro. Các cuộc họp của HĐQLRR được tổ chức định kỳ nhằm đánh giá mức độ rủi ro tập trung toàn Tập đoàn, đánh giá nhận dạng các rủi ro mới và biện pháp phòng ngừa; phê duyệt mô hình, công cụ đo lường, hạn mức các loại rủi ro; giám sát việc thực hiện các hạn mức rủi ro đã được phê duyệt.

Tại thuyết minh này, Tập đoàn trình bày cách thức cơ bản về hoạt động QLRR nói chung và các mục tiêu, chính sách, quy trình, phương pháp quản lý, đo lường các loại rủi ro cụ thể liên quan tới việc sử dụng các công cụ tài chính nói riêng.

Quản lý vốn

Mục tiêu ưu tiên của Tập đoàn Bảo Việt và các Công ty con trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ phát triển kinh doanh và bù đắp các rủi ro cố hữu. Ngoài ra, việc quản lý vốn tuân theo các yêu cầu về biên khả năng thanh toán theo luật định và các yêu cầu chiến lược của Tập đoàn.

Tập đoàn và các công ty con nhận thức được những tác động của mức độ vốn đã góp đối với lợi nhuận của cổ đông. Các Công ty con quản lý vốn của mình để phát triển hoạt động kinh doanh, đáp ứng yêu cầu luật định đồng thời phù hợp với kế hoạch vốn của Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn và các Công ty con đều đáp ứng tất cả các yêu cầu về vốn để đáp ứng các nghĩa vụ nợ và các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam.

Các cơ quan quản lý chủ yếu quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của chủ hợp đồng bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả vì lợi ích của các chủ hợp đồng này. Các cơ quan quản lý đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để ứng phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự kiến do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

Quản lý vốn (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày biên khả năng thanh toán của Bảo hiểm Bảo Việt và Bảo Việt Nhân thọ:

	BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN (TRIỆU VND)	BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN TỐI THIỂU (TRIỆU VND)	TỶ LỆ BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN (%)
Bảo hiểm Bảo Việt			
Số cuối năm	1.613.902	1.605.103	101
Số đầu năm	1.412.226	1.370.221	103
Bảo Việt Nhân thọ			
Số cuối năm	3.045.613	2.700.173	113
Số đầu năm	2.500.821	2.122.324	118

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của các công ty con kinh doanh bảo hiểm là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính toán theo các hướng dẫn tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính.

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu chịu sự tác động của các loại rủi ro sau:

- Rủi ro bảo hiểm;
- Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu trong các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Ban Điều hành Tập đoàn liên tục theo dõi hoạt động quản lý rủi ro của Tập đoàn để đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa thiệt hại do rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm

Rủi ro bảo hiểm là rủi ro liên quan đến tổn thất mà công ty bảo hiểm có thể phải gánh chịu do mức phí bảo hiểm không đủ để chi trả cho các sự kiện bảo hiểm. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm được thực hiện bởi hai công ty con của Tập đoàn Bảo Việt là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt (“Bảo hiểm Bảo Việt”) và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ (“Bảo Việt Nhân thọ”).

41.1.1 Các mục tiêu, chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm

Mục tiêu quản lý rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt là kiểm soát phạm vi và mức độ tổn thất phát sinh nhằm đảm bảo phạm vi và mức độ này nằm trong giới hạn chấp nhận rủi ro đã thiết lập.

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo Việt Nhân thọ

Công tác quản lý rủi ro bảo hiểm luôn được chú trọng trong tất cả các khâu liên quan của quá trình hoạt động kinh doanh. Trước hết, rủi ro bảo hiểm được giám sát chặt chẽ thông qua việc xây dựng những giả định phù hợp về tổn thất dự kiến liên quan đến đối tượng được bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm. Công ty có thể chịu rủi ro về các khoản bồi thường chưa xác định rõ thời điểm, tần suất và mức độ bồi thường liên quan đến những tổn thất do tai nạn, sức khỏe, trục lợi hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện bảo hiểm. Do vậy, Tổng Công ty đã đưa ra và thực hiện quy định, quy trình chặt chẽ về: thiết kế và quản lý sản phẩm; theo dõi kinh nghiệm triển khai; định kỳ đánh giá lợi nhuận sản phẩm, doanh số; phân tích kịch bản; kịp thời hoàn thiện sản phẩm, định phí lại khi thực tế khác với giả định.

Bên cạnh đó, Bảo Việt Nhân thọ quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, nguyên tắc tái bảo hiểm, thực hiện tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

Bảo Việt Nhân thọ sử dụng nhiều phương pháp để đánh giá và giám sát rủi ro bảo hiểm đối với các loại rủi ro cụ thể và rủi ro chung. Các phương pháp này bao gồm mô hình đo lường rủi ro nội bộ, các phân tích về độ nhạy, phân tích tình huống và phương pháp phân tích kịch bản “stress testing”. Các lý thuyết xác suất và nguyên lý tính toán actuary được áp dụng để xác định mức phí bảo hiểm và danh mục các loại sản phẩm bảo hiểm có thể cung cấp.

Quy trình xây dựng các giả định của Bảo Việt Nhân thọ nhằm đưa ra các ước tính thận trọng và ổn định về kết quả tương lai. Điều này được đảm bảo thông qua việc áp dụng giả định thận trọng để tránh các biến động bất lợi trong thực tiễn. Hoạt động kiểm tra hàng năm được thực hiện nhằm đảm bảo mức chênh lệch giữa giả định áp dụng và ước tính khả thi nhất với kết quả trong tương lai nằm trong giới hạn chấp nhận được.

Các giả định cơ bản sử dụng trong tính toán dự phòng cho các hợp đồng dài hạn bao gồm:

(i) Bảng tỷ lệ tử vong

Bảng tỷ lệ tử vong sử dụng trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở toán học được phê duyệt và tuân thủ theo quy định của pháp luật. Bảo Việt Nhân thọ đang sử dụng Bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980.

Riêng với các sản phẩm niên kim nhân thọ, bảng tỷ lệ riêng biệt được sử dụng nhằm đảm bảo trích lập dự phòng thận trọng và đầy đủ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

41.1.1 Các mục tiêu, chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo Việt Nhân thọ (tiếp theo)

(ii) Bảng phân loại bệnh tật, thương tật, nằm viện

Tỷ lệ xảy ra bệnh tật, thương tật, nằm viện trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở toán học được phê duyệt. Tỷ lệ xảy ra bệnh tật, thương tật chủ yếu bao gồm các bệnh và thương tật được tính toán từ thống kê về thanh toán quyền lợi được chi trả và phí bảo hiểm bình quân năm.

Thêm vào đó, với những hợp đồng người được bảo hiểm có rủi ro lớn hơn mức tiêu chuẩn (tức có phí bảo hiểm phụ trội), dự phòng bổ sung được trích lập tương ứng với rủi ro tăng thêm.

(iii) Lãi suất

Bảo Việt Nhân thọ sử dụng tỷ lệ lãi suất trích lập dự phòng cho nhóm sản phẩm bảo hiểm truyền thống, cụ thể là 4,01% đối với quỹ sản phẩm truyền thống tham gia chia lãi và không tham gia chia lãi.

Chính sách quản lý rủi ro bảo hiểm tại Bảo hiểm Bảo Việt

Bảo hiểm Bảo Việt ưu tiên công tác phát triển sản phẩm bao gồm cả phát triển sản phẩm mới và phân tích, điều chỉnh sản phẩm đang thực hiện.

Bảo hiểm Bảo Việt thường xuyên đánh giá, điều chỉnh để từng bước hoàn thiện quy trình đánh giá rủi ro trước khi chấp nhận bảo hiểm, quy trình chuyển giao rủi ro bảo hiểm (tái bảo hiểm), quy trình giám định tổn thất và quy trình giải quyết bồi thường.

Bảo hiểm Bảo Việt đã yêu cầu thực hiện và giám sát tuân thủ đầy đủ các quy trình, quy định liên quan để kiểm soát rủi ro bảo hiểm có thể phát sinh ở mọi cấp.

Bảo hiểm Bảo Việt đã thực hiện đánh giá, phân tích kết quả kiểm soát rủi ro bảo hiểm để điều chỉnh mô hình, quy trình, chính sách cho phù hợp.

41.1.2 Quản lý dòng tiền phát sinh từ hoạt động bảo hiểm

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Bảo Việt Nhân thọ là đa dạng hóa nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và dựa trên một danh mục đủ lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy, làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh. Dưới đây là mô tả chi tiết các sản phẩm bảo hiểm chính của Bảo Việt Nhân thọ và cách thức Bảo Việt Nhân thọ quản lý các rủi ro liên quan:

Các đặc tính sản phẩm - Đặc điểm cơ bản của hoạt động bảo hiểm truyền thống dài hạn là cung cấp quyền lợi bảo hiểm tử vong được đảm bảo, được xác định từ thời điểm phát hành hợp đồng. Các sản phẩm bảo hiểm có yếu tố tiết kiệm đều được đảm bảo quyền lợi đáo hạn và quyền lợi nhận giá trị hoàn lại, số tiền bảo hiểm giảm khi dùng đóng phí bảo hiểm và quyền lợi định kỳ (đối với một số sản phẩm). Đối với một số sản phẩm (sản phẩm dành cho trẻ em), bên mua bảo hiểm sẽ được hưởng quyền lợi miễn nộp phí bảo hiểm khi bên mua bảo hiểm chết hoặc trong tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn hoặc khi người được bảo hiểm trong tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn. Quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn cũng được chi trả trong trường hợp người được bảo hiểm bị lâm vào tình trạng thương tật toàn bộ vĩnh viễn đối với sản phẩm cho trẻ em và các sản phẩm khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

41.1.2 Quản lý dòng tiền phát sinh từ hoạt động bảo hiểm (tiếp theo)

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống (tiếp theo)

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống với cấu phần không đảm bảo cho phép người tham gia bảo hiểm được tham gia chia lãi trên cơ sở quỹ dự phòng bảo hiểm nhân thọ chia lãi. Các quỹ này đưa ra mức chia lãi hàng năm tùy chọn dưới dạng lãi chia bằng tiền mặt tích lũy vào cuối năm tài chính và phải trả các chủ hợp đồng bảo hiểm tại ngày kỷ niệm hợp đồng cho mỗi giai đoạn năm (5) năm.

Các nguyên tắc phân chia lợi nhuận giữa các chủ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ:

- (i) Phản ánh tình hình tài chính của Bảo Việt Nhân thọ;
- (ii) Xem xét kỳ vọng thích đáng của các chủ hợp đồng bảo hiểm;
- (ii) Cân bằng lợi ích giữa chủ hợp đồng bảo hiểm và chủ sở hữu; và
- (iii) Tuân thủ các quy định liên quan.

Bảo Việt Nhân thọ được toàn quyền quyết định mức chia lãi công bố theo hợp đồng trên cơ sở tuân thủ đúng và đầy đủ quy định hiện hành. Trên thực tế, Bảo Việt Nhân thọ sẽ xem xét các kỳ vọng thích đáng khi đặt ra mức chia lãi. Mục đích của Bảo Việt Nhân thọ là duy trì tỷ lệ lãi chia ổn định và hợp lý dựa trên tỷ suất lợi tức dài hạn. Công việc soát xét hàng năm sẽ được thực hiện để đảm bảo tỷ lệ lãi chia là hợp lý khi xem xét kinh nghiệm tổng thể về các khoản đầu tư, bồi thường, chi phí hoạt động và chi phí hủy hợp đồng.

Rủi ro đầu tư được quản lý thông qua việc cân đối giữa tài sản và các khoản công nợ. Các chiến lược đầu tư được xây dựng nhằm đáp ứng hợp lý mức lợi suất đầu tư kỳ vọng của các chủ hợp đồng bảo hiểm trên cơ sở tuân thủ đúng và đầy đủ quy định hiện hành. Rủi ro tử vong, thương tật, bệnh tật được quản lý thông qua việc thực hiện đúng quy trình phát hành/cấp đơn bảo hiểm, giám định và giám sát bồi thường, theo dõi kinh nghiệm.

Các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ liên kết chung

Các đặc tính sản phẩm – Bảo Việt Nhân thọ hiện đang cung cấp các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung với cả hai yếu tố bảo vệ và đầu tư trong quỹ liên kết chung bao gồm sản phẩm bảo hiểm liên kết chung hỗn hợp có thời hạn bảo hiểm 15, 20 hoặc 25 năm, sản phẩm bảo hiểm liên kết chung dành cho trẻ em và sản phẩm bảo hiểm liên kết chung trọn đời.

Bên mua bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm liên kết chung có thể lựa chọn quyền lợi bảo hiểm rủi ro (tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn) là số lớn hơn giữa giá trị tài khoản và số tiền bảo hiểm gia tăng hoặc giá trị tài khoản cộng với số tiền bảo hiểm gia tăng và quyền lợi đáo hạn là giá trị tài khoản của người tham gia hợp đồng bảo hiểm. Hợp đồng bảo hiểm liên kết chung cung cấp lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu trong trường hợp xảy ra rủi ro được bảo hiểm (như tử vong), hủy hợp đồng bảo hiểm và khi hợp đồng bảo hiểm đáo hạn.

Sản phẩm liên kết chung còn cung cấp quyền lợi duy trì hợp đồng và quyền lợi gia tăng giá trị tài khoản nhằm gia tăng giá trị cho những hợp đồng có giá trị tài khoản lớn và/hoặc đóng phí đều đặn.

Lãi suất đầu tư tối thiểu đối với sản phẩm liên kết chung được cam kết cho toàn bộ thời gian hợp đồng có hiệu lực (cam kết “mềm”).

Phí bảo hiểm thu được sẽ được chuyển vào quỹ liên kết chung của Bảo Việt Nhân thọ sau khi trừ đi các loại phí phân bổ. Các phí khác như phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý hợp đồng và phí quản lý quỹ sẽ được khấu trừ từ giá trị tài khoản hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

41.1.2 Quản lý dòng tiền phát sinh từ hoạt động bảo hiểm (tiếp theo)

Các sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện

Các đặc tính sản phẩm – Bảo Việt Nhân thọ triển khai 02 sản phẩm bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bao gồm sản phẩm hưu trí nhóm và sản phẩm hưu trí cá nhân. Đây là các sản phẩm cung cấp kế hoạch tài chính cho tuổi nghỉ hưu cùng với yếu tố bảo vệ cho các đối tượng khách hàng khác nhau. Bên mua bảo hiểm có thể lựa chọn tuổi nghỉ hưu cho Người được bảo hiểm và lựa chọn hình thức đóng góp (một lần hoặc định kỳ đến tuổi nghỉ hưu). Đối với sản phẩm hưu trí nhóm, khoản đóng góp có thể đến từ cả hai đối tượng Bên mua bảo hiểm và Thành viên được bảo hiểm.

Các quyền lợi chính của các sản phẩm bao gồm quyền lợi hưu trí, quyền lợi bảo hiểm tử vong, quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn, quyền lợi trợ cấp mai táng, quyền lợi rút tài khoản, quyền lợi duy trì tài khoản. Khi Người được bảo hiểm đạt tuổi nghỉ hưu, quyền lợi hưu trí sẽ được trích ra từ Giá trị tài khoản hưu trí để chi trả định kỳ trong một khoảng thời gian xác định hoặc đến khi Người được bảo hiểm tử vong, tùy theo lựa chọn của Bên mua bảo hiểm. Quyền lợi tử vong và quyền lợi thương tật toàn bộ vĩnh viễn có thể được lựa chọn là số lớn hơn giữa giá trị tài khoản và số tiền bảo hiểm hoặc giá trị tài khoản cộng với số tiền bảo hiểm. Quyền lợi trợ cấp mai táng được chi trả ngay lập tức khi Người được bảo hiểm tử vong theo mọi nguyên nhân, và sẽ được đối trừ khi chi trả quyền lợi tử vong hoặc bất kỳ khoản chi trả nào sau đó. Tùy theo điều khoản của từng sản phẩm, Người được bảo hiểm rút tài khoản hoặc chuyển giao tài khoản trong một số trường hợp. Các sản phẩm hưu trí còn cung cấp quyền lợi duy trì tài khoản nhằm gia tăng giá trị cho những tài khoản hưu trí lớn và/hoặc có đóng góp đều đặn.

Lãi suất đầu tư tối thiểu đối với sản phẩm hưu trí tự nguyện được cam kết cho từng năm tài khoản bảo hiểm hưu trí (cam kết “cứng”).

Khoản đóng góp thu được sẽ được chuyển vào Quỹ hưu trí tự nguyện của Tổng Công ty sau khi trừ đi phí ban đầu. Các phí khác như phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý Tài khoản bảo hiểm hưu trí và phí quản lý Quỹ hưu trí tự nguyện sẽ được khấu trừ từ Giá trị tài khoản hưu trí. Đối với sản phẩm hưu trí nhóm, các loại phí có thể được áp dụng khác nhau tùy theo đặc điểm của từng nhóm.

Các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ

Bảo hiểm Bảo Việt tuân thủ đầy đủ quy định của Bộ Tài chính về nợ phí và xử lý nợ phí để đảm bảo hạn chế việc bị chiếm dụng dòng tiền.

Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục duy trì chính sách quản lý dòng tiền như năm 2016 và đảm bảo duy trì được thanh khoản, đáp ứng nhu cầu chi bồi thường và tận dụng tối đa nguồn tiền nhàn rỗi để sinh lợi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

41.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm

Bảng tổng hợp số liệu về tình hình bồi thường

Bảng dưới đây thể hiện các ước tính về bồi thường phát sinh dồn tích, cùng với các khoản thanh toán dồn tích tính đến thời điểm hiện tại:

Đơn vị tính: triệu VND

CHỈ TIÊU	NĂM TỔN THẤT				
NĂM BỒI THƯỜNG	2014 1	2015 2	2016 3	2017 4	TỔNG SỐ 5
I. Số ước tính chi bồi thường lũy kế					
1	2.185.788	2.253.392	2.434.993	2.954.366	
2	2.460.336	2.488.702	2.605.523		
3	2.554.107	2.463.222			
4	2.525.125				
Số ước tính chi bồi thường lũy kế đến năm hiện tại (1)	2.525.125	2.463.222	2.605.523	2.954.366	10.548.236
II. Số đã chi trả bồi thường lũy kế					
1	1.853.594	1.866.434	1.992.373	2.424.100	
2	2.321.785	2.407.885	2.364.512		
3	2.508.158	2.424.751			
4	2.512.399				
Số đã chi trả bồi thường lũy kế đến năm hiện tại (2)	2.512.399	2.424.751	2.364.512	2.424.100	9.725.762
III. Tổng dự phòng bồi thường chưa giải quyết (3) = (1) – (2)	12.726	38.471	241.011	530.266	822.474
IV. Ước thặng dư hoặc thâm hụt dự phòng bồi thường (4)	(339.337)	(209.830)	(170.530)	-	
V. Tỷ lệ % thặng dư/(thâm hụt) dự phòng trên số ước tính chi bồi thường (5) = (4)/(1)*100%	(13%)	(9%)	(7%)	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

41.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Ảnh hưởng đến lợi nhuận báo cáo và vốn chủ sở hữu

Hoạt động bảo hiểm, cùng với hoạt động đầu tư là hai hoạt động sinh lợi chính của Bảo hiểm Bảo Việt, trong đó lợi nhuận của hoạt động bảo hiểm đóng góp tỷ trọng nhỏ.

Đối với Bảo Việt Nhân thọ, lợi nhuận từ hoạt động bảo hiểm phụ thuộc rất lớn vào các rủi ro như lãi suất chiết khấu, tỷ lệ tử vong. Bảo Việt Nhân thọ đã thực hiện thử nghiệm các mô hình định giá dựa trên các giả định khác nhau. Việc phân tích độ nhạy với từng tình huống cho thấy cái nhìn rõ hơn với các rủi ro chính mà Bảo Việt Nhân thọ có thể gặp phải.

Bảng trình bày dưới đây chỉ ra độ nhạy của các ước tính nghĩa vụ bảo hiểm và vốn chủ sở hữu đối với từng thay đổi cụ thể trong các giả định sử dụng các giả định phi tài chính. Một số biến nhất định dự kiến sẽ ảnh hưởng đến các nghĩa vụ bảo hiểm hơn các biến khác, và vì vậy dự kiến sẽ có độ nhạy lớn hơn đối với các biến này.

Ảnh hưởng tới lợi nhuận báo cáo do ảnh hưởng của các biến số chính:

	THAY ĐỔI BIẾN %	THAY ĐỔI NGHĨA VỤ ĐƯỢC BẢO HIỂM (TRIỆU VND)	ẢNH HƯỞNG ĐẾN NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TRIỆU VND)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017			
Tỷ lệ chiết khấu	+0,25	(260.318)	208.255
Tỷ lệ chiết khấu	-0,25	387.142	(309.713)
Tỷ lệ tử vong	+10	12.063	(9.650)
Tỷ lệ tử vong	-10	(2.562)	2.050
Tỷ lệ tử vong	+20	29.510	(23.608)
Tỷ lệ tử vong	-20	10.032	(8.026)
Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Tỷ lệ chiết khấu	+0,25	(241.278)	186.315
Tỷ lệ chiết khấu	-0,25	345.687	(266.940)
Tỷ lệ tử vong	+10	51.775	(39.981)
Tỷ lệ tử vong	-10	(33.566)	25.920
Tỷ lệ tử vong	+20	119.588	(92.346)
Tỷ lệ tử vong	-20	(48.818)	37.697

Phân tích trên được lập với giả định các giả định khác không đổi khi thay đổi biến số và bỏ qua thay đổi về giá trị của các tài sản liên quan.

Rủi ro tích tụ

Rủi ro bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt bao gồm hầu hết các loại rủi ro bảo hiểm phi nhân thọ như rủi ro bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, rủi ro bảo hiểm tàu thủy, rủi ro bảo hiểm hàng không, rủi ro bảo hiểm dầu khí, rủi ro bảo hiểm tài sản, rủi ro bảo hiểm con người, rủi ro bảo hiểm kỹ thuật,... Do vậy ngoài rủi ro tích tụ cùng loại rủi ro, Bảo hiểm Bảo Việt còn đối mặt với rủi ro tích tụ các loại rủi ro liên quan, chẳng hạn như bảo hiểm đồng thời tàu và hàng, bảo hiểm đồng thời tài sản và con người,... Bảo hiểm Bảo Việt đã có quy định về quản lý rủi ro tích tụ và mua các hợp đồng tái bảo hiểm bảo vệ để giới hạn mức trách nhiệm khi xảy ra sự kiện rủi ro tích tụ hoặc thảm họa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

41.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Rủi ro tích tụ (tiếp theo)

Những rủi ro chính đối với Bảo Việt Nhân thọ như rủi ro tử vong, rủi ro bệnh tật, rủi ro tuổi thọ, rủi ro từ hoạt động đầu tư, rủi ro chi phí, rủi ro từ việc ra quyết định của người được bảo hiểm không có khác biệt lớn giữa các vùng miền, theo loại hình được bảo hiểm hay theo ngành.

Chiến lược khai thác bảo hiểm nhân thọ của Bảo Việt Nhân thọ được thiết kế nhằm đảm bảo những rủi ro bảo hiểm được đa dạng cả về loại hình và mức độ của các quyền lợi bảo hiểm. Điều này phần lớn đạt được thông qua việc khai thác bảo hiểm trên tất cả ngành, vùng lãnh thổ địa lý, sử dụng các chương trình y tế để đảm bảo việc định giá sản phẩm đã tính đến các điều kiện sức khỏe hiện tại và tiền sử sức khỏe của gia đình, đặc thù nghề nghiệp những người làm việc trong từng ngành, rà soát thường xuyên các vụ bồi thường thực tế và quy trình định giá các sản phẩm bảo hiểm cũng như quy trình giải quyết bồi thường. Các hạn mức khai thác được thực hiện nhằm đảm bảo các tiêu chí lựa chọn rủi ro phù hợp. Ví dụ, Bảo Việt Nhân thọ có quyền không tái tục các hợp đồng riêng lẻ, có thể áp dụng các mức khấu trừ và có quyền từ chối thanh toán các khiếu nại gian lận. Hợp đồng bảo hiểm cũng cho phép Bảo Việt Nhân thọ quyền thu đòi các bên thứ ba một phần hoặc toàn bộ các chi phí. Bảo Việt Nhân thọ cũng cố chính sách chủ động quản lý và thu đòi bồi thường để giảm các rủi ro không dự đoán trước được trong tương lai có thể ảnh hưởng không tốt trực tiếp đến Bảo Việt Nhân thọ.

Tái bảo hiểm

Tái bảo hiểm là một công cụ quản lý rủi ro quan trọng và hữu hiệu tại Bảo hiểm Bảo Việt. Chương trình tái bảo hiểm của Bảo hiểm Bảo Việt bao gồm các hợp đồng tái bảo hiểm cố định được thực hiện với thời hạn 1 năm và tái bảo hiểm tạm thời được thực hiện theo từng dịch vụ. Chương trình tái bảo hiểm được xây dựng căn cứ vào các yêu cầu luật pháp liên quan, năng lực tài chính, chiến lược kinh doanh, các yêu cầu về biên khả năng thanh toán, danh mục rủi ro, danh mục tổn thất... của Bảo hiểm Bảo Việt. Hàng năm, thực hiện rà soát đánh giá lại tính an toàn và hiệu quả của chương trình tái bảo hiểm cố định dựa trên kết quả của các năm trước và theo định hướng kinh doanh giai đoạn tiếp theo cũng như xu hướng phát triển của thị trường để đưa ra những quyết định điều chỉnh cần thiết, kịp thời.

Bảo Việt Nhân thọ cũng thực hiện chính sách quản lý rủi ro thông qua tái bảo hiểm, chuyển giao một phần rủi ro của hợp đồng bảo hiểm cho công ty nhận tái bảo hiểm. Mức giữ lại phụ thuộc vào khả năng tài chính, mức độ rủi ro của đối tượng bảo hiểm, kinh nghiệm của Bảo Việt Nhân thọ. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm hoặc theo thỏa thuận, bên nhận tái bảo hiểm đồng ý chi trả số tiền tương ứng đã nhận tái bảo hiểm trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm. Trong mọi trường hợp, Bảo Việt Nhân thọ phải chịu trách nhiệm toàn bộ đối với chủ hợp đồng kể cả khi bên nhận tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ. Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro tín dụng, để giảm thiểu rủi ro, Bảo Việt Nhân thọ chỉ thiết lập thỏa thuận tái bảo hiểm với những công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp hạng theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.1 Quản lý rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

41.1.3 Thông tin bổ sung về rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Ước tính quyền lợi bảo hiểm

Bảng dưới đây thể hiện mức độ tập trung của các khoản phải trả hợp đồng bảo hiểm nhân thọ theo loại hình hợp đồng:

	NGHĨA VỤ CÁC HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM VÀ ĐẦU TƯ CÓ CẤU PHẦN KHÔNG ĐẢM BẢO VND	NGHĨA VỤ CÁC HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM KHÔNG CÓ CẤU PHẦN KHÔNG ĐẢM BẢO VND	TỔNG NGHĨA VỤ CÁC HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2017			
Điều khoản riêng	2.673.429.651	254.421.111.301	257.094.540.952
Trộn đời	85.902.783.659	-	85.902.783.659
Tử kỳ	-	246.970.786	246.970.786
Hỗn hợp	10.784.916.077.708	15.044.344.520.917	25.829.260.598.625
Liên kết chung	-	20.385.233.430.310	20.385.233.430.310
Niên kim	1.037.531.220.326	-	1.037.531.220.326
Hưu trí	-	199.366.391.427	199.366.391.427
Khác	-	8.995.829.401	8.995.829.401
Tổng	11.911.023.511.344	35.892.608.254.142	47.803.631.765.486
Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Điều khoản riêng	2.766.138.455	194.924.329.922	197.690.468.377
Trộn đời	86.958.985.941	-	86.958.985.941
Tử kỳ	-	347.676.397	347.676.397
Hỗn hợp	9.472.959.484.001	13.168.977.455.173	22.641.936.939.174
Liên kết chung	-	14.205.907.000.786	14.205.907.000.786
Niên kim	608.607.198.300	-	608.607.198.300
Hưu trí	-	57.646.849.401	57.646.849.401
Khác	-	13.770.299.584	13.770.299.584
Tổng	10.171.291.806.697	27.641.573.611.263	37.812.865.417.960

Ước tính bồi thường

Để quản lý hiệu quả rủi ro bảo hiểm, quy trình tiếp nhận thông tin tổn thất, ước tính, thống kê và quản lý dữ liệu bồi thường là một công tác được Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt chú trọng.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Bảo hiểm Bảo Việt tiếp tục hoàn thiện thêm quy trình thống kê và quản lý bồi thường để ước tính và trích vào chi phí đúng kỳ các khoản chi trả bồi thường có thể phát sinh.

Năm 2017, Bảo hiểm Bảo Việt áp dụng quản lý tập trung giám định viên, hoạt động giám định và bồi thường bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm chi phí y tế trên địa bàn trọng điểm tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh nhằm kiểm soát và nâng cao chất lượng giám định, bồi thường xe cơ giới.

Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm hoặc cuối kỳ báo cáo chưa được giải quyết, dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường. Thông tin tổn thất sẽ được cập nhật vào hệ thống quản lý nghiệp vụ khi Bảo Việt Nhân thọ nhận được thông báo từ phía khách hàng. Số tiền bồi thường ước tính thường không chênh lệch lớn so với chi bồi thường thực trả do tổn thất ước tính được xác định dựa trên thông tin tổn thất và tỷ lệ bồi thường quy định theo từng loại sản phẩm bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính

Các giao dịch công cụ tài chính có thể mang rủi ro tài chính cho Tập đoàn và các công ty con. Những rủi ro này bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Điều hành Tập đoàn xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

41.2.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng được định nghĩa là nguy cơ xảy ra tổn thất - do khả năng trả nợ của bên vay hoặc đối tác có những thay đổi bất lợi khi khoản vay đến hạn.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn có thể phát sinh từ hoạt động tín dụng bảo hiểm (chủ yếu là tại Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt), hoạt động đầu tư tài chính (tiền gửi, trái phiếu và các công cụ tài chính khác) và hoạt động kinh doanh khác. Ban Điều hành đã ban hành khung quản lý rủi ro tín dụng để quản lý chất lượng tín dụng và rủi ro tập trung.

Tín dụng bảo hiểm

Rủi ro tín dụng bảo hiểm là nguy cơ người tham gia bảo hiểm không thực hiện được đầy đủ và đúng hạn việc đóng phí bảo hiểm theo các điều kiện và điều khoản được quy định trong hợp đồng bảo hiểm. Rủi ro này phát sinh chủ yếu tại Bảo hiểm Bảo Việt, trong khi Bảo hiểm Bảo Việt chưa thu được phí bảo hiểm nhưng do hợp đồng bảo hiểm đã phát sinh hiệu lực nên Bảo hiểm Bảo Việt vẫn phải nộp thuế GTGT, phát sinh chi phí phát hành và quản lý hợp đồng, chuyển phí nhượng tái bảo hiểm và nếu tổn thất phát sinh Bảo hiểm Bảo Việt vẫn phải thanh toán bồi thường.

Để làm giảm thiểu rủi ro này, Bảo hiểm Bảo Việt đã ban hành và yêu cầu các bên, các bộ phận liên quan tuân thủ chặt chẽ quy trình đóng phí, gia hạn đóng phí bảo hiểm. Theo đó, chỉ phân cấp cho các công ty thành viên được gia hạn đóng phí các khoản phí nhỏ (phù hợp với từng loại rủi ro bảo hiểm và xếp hạng của công ty thành viên). Các khoản phí bảo hiểm lớn, chỉ Hội sở chính Bảo hiểm Bảo Việt được cho gia hạn. Chỉ những người tham gia bảo hiểm còn khả năng đóng phí hoặc có triển vọng là khách hàng chiến lược mới được gia hạn đóng phí bảo hiểm. Những người tham gia bảo hiểm bị đánh giá tín dụng thấp, không có khả năng đóng phí sẽ bị chấm dứt hiệu lực hợp đồng và tiếp tục theo dõi công nợ để làm các thủ tục đòi hoặc xóa nợ sau này. Trong quá trình phí bảo hiểm được gia hạn, Bảo hiểm Bảo Việt có thể áp dụng lãi phát sinh trên số phí gia hạn. Đối với các khoản phí bảo hiểm không đóng đúng thời hạn, Bảo hiểm Bảo Việt theo dõi trích lập dự phòng theo quy định đối với nợ quá hạn và làm thủ tục xóa nợ nếu có đầy đủ cơ sở.

Trong các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm, sau khi phân bổ trách nhiệm đối với tổn thất cho các nhà nhận tái bảo hiểm, Bảo hiểm Bảo Việt cũng phải đối mặt với rủi ro tín dụng khi các nhà nhận tái bảo hiểm này không thanh toán được phần trách nhiệm của họ cho Bảo hiểm Bảo Việt. Bảo hiểm Bảo Việt đã rất chú trọng việc kiểm soát rủi ro này khi tập trung nhượng tái bảo hiểm cho các nhà bảo hiểm được xếp hạng tín dụng cao bởi các tổ chức xếp hạng hàng đầu thế giới. Đối với các nhà nhận tái bảo hiểm trong nước không được xếp hạng tín dụng, Bảo hiểm Bảo Việt cũng có những đánh giá riêng và theo dõi chặt chẽ diễn biến khả năng tài chính của họ.

Đối với các khoản tạm ứng từ giá trị hoàn lại tại Bảo Việt Nhân thọ, các khoản tạm ứng này đều được đảm bảo bằng giá trị tích lũy của hợp đồng bảo hiểm. Trong hoạt động tái bảo hiểm, các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro tín dụng, để giảm thiểu rủi ro, Bảo Việt Nhân thọ chỉ thiết lập thỏa thuận tái bảo hiểm với những công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp hạng theo quy định hiện hành.

Các khoản đầu tư tiền gửi

Rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi được hiểu là nguy cơ không thu hồi được cả gốc và lãi theo thời hạn đã ấn định trong hợp đồng xảy ra do tổ chức tín dụng phá sản, bị tụt hạng tín dụng hoặc mất khả năng thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Các khoản đầu tư tiền gửi (tiếp theo)

Để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính, Tập đoàn đã xây dựng và triển khai mô hình đánh giá, phân loại các tổ chức tín dụng dựa trên mô hình phân tích tín dụng nội bộ. Hội đồng QLRR Tập đoàn Bảo Việt xác định hạn mức tín dụng tại các ngân hàng mà Tập đoàn được phép gửi tiền và các hạn mức này được rà soát định kỳ. Tập đoàn cũng thiết lập các biện pháp giám sát đầu tư nhằm đảm bảo kịp thời hành động khi phía đối tác xuất hiện các biểu hiện suy giảm chất lượng tín dụng. Hội đồng QLRR Tập đoàn rà soát mức độ rủi ro và đề xuất các biện pháp xử lý phù hợp.

Đầu tư trái phiếu

Rủi ro tín dụng đối với các khoản đầu tư trái phiếu là nguy cơ không thu hồi được mệnh giá trái phiếu và lãi trái phiếu của bên phát hành trái phiếu khi đến hạn thanh toán. Để quản lý rủi ro tín dụng từ đầu tư trái phiếu, Tập đoàn xây dựng kế hoạch, phê duyệt hạn mức đầu tư trái phiếu phù hợp với chiến lược đầu tư và cơ cấu tổng tài sản; tuân thủ quy định về quản lý rủi ro trong đầu tư trái phiếu doanh nghiệp và các quy định về hạn mức đầu tư, thực hiện theo dõi hàng quý tình hình tài chính, phi tài chính của tổ chức phát hành và biến động giá trị tài sản đảm bảo.

Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán, Tập đoàn Bảo Việt và các công ty con sẽ tiến hành thành lập Hội đồng xử lý các khoản nợ không có khả năng thu hồi và tiến hành xử lý tài sản đảm bảo (nếu có).

Trái phiếu Chính phủ ít rủi ro hơn trái phiếu doanh nghiệp và đang chiếm tỷ trọng lớn trong tổng danh mục đầu tư trái phiếu nên hoạt động đầu tư trái phiếu được đánh giá là có mức độ rủi ro trung bình thấp.

Hoạt động giao dịch ký quỹ

Rủi ro tín dụng trong hoạt động giao dịch ký quỹ xảy ra khi khách hàng không thanh toán đầy đủ cả gốc và lãi của số tiền vay dù đã bán hết chứng khoán là tài sản đảm bảo. BVSC thực hiện chính sách đánh giá tín nhiệm và xếp loại khách hàng để quản lý rủi ro này. Các khách hàng đều được đánh giá trước khi đàm phán về điều kiện xếp loại và hạn mức vay ký quỹ tương ứng. Ngoài ra rủi ro tín dụng còn được quản trị thông qua các biện pháp như xây dựng tiêu chuẩn cho các cổ phiếu nằm trong danh mục cho vay ký quỹ, xây dựng tỷ lệ ký quỹ an toàn, để ra các biện pháp thực hiện xử lý tài sản đảm bảo nhằm đảm bảo an toàn nguồn vốn phục vụ cho vay ký quỹ của BVSC.

Năm 2017, thị trường chứng khoán Việt Nam có sự tăng trưởng mạnh về giá trị giao dịch và chỉ số thị trường đã góp phần không nhỏ vào việc tăng trưởng hoạt động cho vay ký quỹ của BVSC. Tính đến cuối năm 2017, giá trị tổng dư nợ tăng 51% so với cuối năm 2016 và không xảy ra tình trạng mất vốn trong năm. Rủi ro tín dụng của hoạt động giao dịch ký quỹ năm 2017 ở mức thấp khi các khoản vay giao dịch ký quỹ được thanh toán đúng hạn, tỷ lệ tài sản đảm bảo được duy trì ở mức an toàn.

Phải thu khách hàng khác

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Do các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến các khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định. Tập đoàn thực hiện trích lập dự phòng dựa trên tổn thất ước tính khi có bằng chứng các khoản phải thu không có khả năng thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017	CHƯA QUÁ HẠN VÀ KHÔNG GIẢM GIÁ TRỊ	QUÁ HẠN NHƯNG KHÔNG GIẢM GIÁ TRỊ RIÊNG LẺ	BỊ GIẢM GIÁ TRỊ RIÊNG LẺ (*)	TỔNG
	VND	VND	VND	VND
TÀI SẢN				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.789.417.489.323	-	-	3.789.417.489.323
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	1.073.594.733.521	122.972.571.479	27.533.798.355	1.224.101.103.355
Phải thu tái bảo hiểm	885.327.361.154	-	-	885.327.361.154
Tài sản tái bảo hiểm	2.344.654.814.506	-	-	2.344.654.814.506
Các khoản phải thu khác	113.844.626.644	-	-	113.844.626.644
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	83.911.466.370	-	-	83.911.466.370
- Phải thu cổ tức	29.933.160.274	-	-	29.933.160.274
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	70.872.464.852.655	-	189.900.926.600	71.062.365.779.255
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	31.042.992.116.181	-	-	31.042.992.116.181
- Trái phiếu	39.829.472.736.474	-	189.900.926.600	40.019.373.663.074
Chứng khoán kinh doanh	120.026.959.200	-	-	120.026.959.200
- Trái phiếu	120.026.959.200	-	-	120.026.959.200
Các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng	1.578.340.520.389	1.229.997.460	675.773.099	1.580.246.290.948
Các tài sản khác	399.430.572.429	3.170.895.849	4.334.200.875	406.935.669.153
TỔNG CỘNG	81.176.881.929.821	127.373.464.788	222.444.698.929	81.526.700.093.538

(*) Số liệu trình bày bao gồm các khoản dự phòng đã trích lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016	CHƯA QUÁ HẠN VÀ KHÔNG GIẢM GIÁ TRỊ	QUÁ HẠN NHƯNG KHÔNG GIẢM GIÁ TRỊ RIÊNG LẺ	BỊ GIẢM GIÁ TRỊ RIÊNG LẺ (*)	TỔNG
	VND	VND	VND	VND
TÀI SẢN				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.883.458.103.350	-	-	2.883.458.103.350
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	558.005.785.083	50.341.035.764	25.469.433.424	633.816.254.271
Phải thu tái bảo hiểm	443.785.771.288	-	-	443.785.771.288
Tài sản tái bảo hiểm	1.316.288.076.711	-	-	1.316.288.076.711
Các khoản phải thu khác	71.304.269.999	-	-	71.304.269.999
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	65.408.085.149	-	-	65.408.085.149
- Phải thu cổ tức	5.896.184.850	-	-	5.896.184.850
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	56.518.244.662.074	-	284.851.389.901	56.803.096.051.975
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	19.578.689.590.848	-	-	19.578.689.590.848
- Trái phiếu	36.939.555.071.226	-	284.851.389.901	37.224.406.461.127
Chứng khoán kinh doanh	746.868.956.229	-	-	746.868.956.229
- Trái phiếu	746.868.956.229	-	-	746.868.956.229
Các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng	1.314.371.465.681	814.002.143	5.052.679.961	1.320.238.147.785
Các tài sản khác	394.735.143.903	1.795.437.534	21.307.582.090	417.838.163.527
TỔNG CỘNG	64.247.062.234.318	52.950.475.441	336.681.085.376	64.636.693.795.135

(*) Số liệu trình bày bao gồm các khoản dự phòng đã trích lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Các tài sản của Tập đoàn chưa quá hạn và không giảm giá trị bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán; các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác chưa quá hạn và không giảm giá trị theo Thông tư số 228 và Thông tư 89.

Trong đó:

- Chưa quá hạn và không giảm giá trị:** các tài sản hoặc các khoản cho vay với lãi suất và nợ gốc chưa tới ngày đáo hạn và không có bằng chứng của việc suy giảm giá trị.
- Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng lẻ:** các tài sản với lãi suất và nợ gốc đã quá hạn nhưng Tập đoàn tin rằng các khoản này không bị giảm giá trị vì chúng được đảm bảo bởi các tài sản thế chấp và tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng và các biện pháp đảm bảo tín dụng khác của khách hàng.
- Bị giảm giá trị riêng lẻ:** các công cụ nợ và các khoản cho vay khách hàng mà Tập đoàn cho rằng không thể thu hồi đầy đủ lãi và nợ gốc theo các điều khoản của hợp đồng.

Tập đoàn trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá các khoản phải thu theo quy định tại Thông tư 228 và Thông tư 89. Trong tổng tài sản quá hạn, có những khoản nợ Tập đoàn đang làm thủ tục xóa nợ vì không thu được trong khi đã đủ cơ sở xóa nợ. Có những khoản nợ không thu được nhưng chưa đủ cơ sở xóa nợ, Tập đoàn đang làm các thủ tục khởi kiện. Có những khoản nợ mà bên nợ vẫn có khả năng trả nợ, Tập đoàn đã làm các thủ tục xác nhận nợ và xúc tiến việc thu nợ.

41.2.2 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro không thực hiện được các cam kết tài chính do mất cân đối giữa tài sản và nợ phải trả trong ngắn hạn.

Mục tiêu của Tập đoàn Bảo Việt là đảm bảo cân đối các luồng tiền và các cam kết tài chính được thực hiện khi đến hạn. Để ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn tiếp tục tiến hành phân tích thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính và thông tin về luồng tiền ước tính. Phân tích các nhu cầu thanh khoản trong quá khứ để thấy những biến động về nhu cầu này và các nhân tố ảnh hưởng. Mức độ thanh khoản của Tập đoàn được định kỳ xem xét và báo cáo cho Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (ALCO). Ủy ban sẽ rà soát mức độ thanh khoản, hiệu quả đầu tư và xác định các hành động phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2017:

Đơn vị: triệu đồng

	QUÁ HẠN	KHÔNG KỲ HẠN XÁC ĐỊNH	ĐẾN 01 NĂM	TỪ 01 - 05 NĂM	TRÊN 5 NĂM	TỔNG CỘNG
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	3.789.197	-	-	3.789.197
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	150.506	-	1.073.595	-	-	1.224.101
Phải thu tái bảo hiểm	-	-	885.327	-	-	885.327
Tài sản tái bảo hiểm	-	-	2.344.655	-	-	2.344.655
Các khoản phải thu khác	-	-	113.844	-	-	113.844
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	83.911	-	-	83.911
- Phải thu cổ tức	-	-	29.933	-	-	29.933
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	189.901	-	34.550.214	19.675.593	62.953.257	117.368.965
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	-	-	29.189.677	2.980.280	182.588	32.352.545
- Trái phiếu	189.901	-	5.360.537	16.695.313	62.770.669	85.016.420
Chứng khoán kinh doanh	-	2.230.828	129.840	-	-	2.360.668
- Cổ phiếu niêm yết	-	1.330.051	-	-	-	1.330.051
- Cổ phiếu chưa niêm yết	-	671.764	-	-	-	671.764
- Chứng chỉ quỹ	-	229.013	-	-	-	229.013
- Trái phiếu	-	-	129.840	-	-	129.840
Đầu tư tài chính khác	-	215.893	-	-	-	215.893
Cho vay và tạm ứng khách hàng	1.906	-	1.578.341	-	-	1.580.247
Các tài sản khác	7.505	-	399.431	-	-	406.936
TỔNG CỘNG	349.818	2.446.721	44.864.444	19.675.593	62.953.257	130.289.833

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các khoản nợ tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu và thời gian ước tính của các luồng tiền phát sinh từ các nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm vào ngày 31 tháng 12 năm 2017:

Đơn vị: triệu đồng

	QUÁ HẠN	KHÔNG KỶ HẠN XÁC ĐỊNH	ĐẾN 01 NĂM	TỪ 01 - 05 NĂM	TRÊN 5 NĂM	TỔNG CỘNG
NỢ TÀI CHÍNH						
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	10.762	-	(5.175.448)	(14.824.103)	125.050.703	105.061.914
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	-	-	1.017.028	-	-	1.017.028
Phải trả tái bảo hiểm	-	-	1.525.028	-	-	1.525.028
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	-	-	18.064.680	-	-	18.064.680
- Nhận ký quỹ	-	-	133.289	-	-	133.289
- Khác	-	-	17.931.391	-	-	17.931.391
TỔNG CỘNG	10.762	-	15.431.288	(14.824.103)	125.050.703	125.668.650

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Đơn vị: triệu đồng

	QUÁ HẠN	KHÔNG KỶ HẠN XÁC ĐỊNH	ĐẾN 01 NĂM	TỪ 01 - 05 NĂM	TRÊN 5 NĂM	TỔNG CỘNG
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	2.883.458	-	-	2.883.458
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	75.810	-	558.006	-	-	633.816
Phải thu tái bảo hiểm	-	-	443.786	-	-	443.786
Tài sản tái bảo hiểm	-	-	1.316.288	-	-	1.316.288
Các khoản phải thu khác	-	-	71.304	-	-	71.304
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	65.408	-	-	65.408
- Phải thu cổ tức	-	-	5.896	-	-	5.896
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	22.570.742	20.326.319	54.801.410	97.698.471
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	-	-	18.057.342	2.164.971	198.609	20.420.922
- Trái phiếu	-	-	4.513.400	18.161.348	54.602.801	77.277.549
Chứng khoán kinh doanh	-	1.658.035	57.930	231.720	1.784.150	3.731.835
- Cổ phiếu niêm yết	-	924.782	-	-	-	924.782
- Cổ phiếu chưa niêm yết	-	500.253	-	-	-	500.253
- Chứng chỉ quỹ	-	233.000	-	-	-	233.000
- Trái phiếu	-	-	57.930	231.720	1.784.150	2.073.800
Đầu tư tài chính khác	-	214.115	-	-	-	214.115
Cho vay và tạm ứng khách hàng	5.867	-	1.314.371	-	-	1.320.238
Các tài sản khác	23.103	-	394.735	-	-	417.838
TỔNG CỘNG	104.780	1.872.150	29.610.620	20.558.039	56.585.560	108.731.149

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.2 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các khoản nợ tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Đơn vị: triệu đồng

	QUÁ HẠN	KHÔNG KỶ HẠN XÁC ĐỊNH	ĐẾN 01 NĂM	TỪ 01 - 05 NĂM	TRÊN 5 NĂM	TỔNG CỘNG
NỢ TÀI CHÍNH						
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	7.351	-	(3.683.697)	(9.933.783)	89.357.590	75.747.461
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	-	-	797.390	-	-	797.390
Phải trả tái bảo hiểm	-	-	586.179	-	-	586.179
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	-	-	13.433.631	-	-	13.433.631
- Nhận ký quỹ	-	-	99.815	-	-	99.815
- Khác	-	-	13.333.816	-	-	13.333.816
TỔNG CỘNG	7.351	-	11.133.503	(9.933.783)	89.357.590	90.564.661

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.3 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của một công cụ tài chính thay đổi do sự biến động của các nhân tố chủ yếu như lãi suất, giá cổ phiếu và tỷ giá hối đoái hay giá cả hàng hóa.

Mục tiêu của Tập đoàn là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro thị trường nhằm cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro bằng cách duy trì danh mục rủi ro thị trường nhất quán với chiến lược đầu tư của Tập đoàn.

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro thiệt hại về tài chính do biến động của tỷ giá ngoại tệ. Biến động của tỷ giá ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ khác có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Tập đoàn. Đơn vị chịu rủi ro ngoại tệ chủ yếu là Bảo hiểm Bảo Việt tuy nhiên mức độ chịu ảnh hưởng không đáng kể.

Bảng sau minh họa ảnh hưởng của biến động tỷ giá ngoại tệ giữa đồng đô la Mỹ và đồng Việt Nam đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất với giả định là các yếu tố khác không đổi:

BIẾN ĐỘNG	ẢNH HƯỞNG LÊN LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ VND
Năm nay	
+10%	7.902.315.608
- 10%	(7.902.315.608)
Năm trước	
+10%	10.314.491.339
- 10%	(10.314.491.339)

Rủi ro giá chứng chỉ quỹ

Biến động giá chứng chỉ quỹ mà Tập đoàn và các công ty đầu tư và quản lý cũng được BVF xem xét, rà soát và đánh giá thường xuyên. Giá trị Tài sản ròng (“NAV”) trên mỗi chứng chỉ quỹ có thể tăng hoặc giảm tùy thuộc vào Giá trị Tài sản và những khoản thanh toán của Quỹ phát sinh tùy từng thời điểm trong quá trình hoạt động của Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu do sự giảm giá của các loại chứng khoán như trái phiếu, cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán mà Quỹ đầu tư. Khi đó, NAV của Quỹ sẽ bị giảm sút và ảnh hưởng trực tiếp đến thị giá của chứng chỉ quỹ.

Thành tích hoạt động trong quá khứ của Quỹ (nếu có) không có nghĩa sẽ bảo đảm cho kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ và cũng không bảo đảm về mục tiêu đầu tư của Quỹ sẽ luôn đạt được.

Việc đầu tư của Quỹ được thực hiện thông qua quá trình nghiên cứu thẩm định cẩn thận theo tiêu chí hoạt động của quỹ nhằm lựa chọn cơ hội đầu tư hiệu quả, tăng trưởng cao với mức rủi ro phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty quản lý quỹ theo dõi chặt chẽ về những biến động và xu hướng của nền kinh tế cũng như cập nhập thường xuyên về kết quả kinh doanh và đánh giá triển vọng trong tương lai để có những chiến lược đầu tư hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Trong danh mục đầu tư toàn Tập đoàn, các khoản đầu tư trái phiếu và tiền gửi có lãi suất cố định chiếm tỷ trọng lớn và được nắm giữ phù hợp để đáp ứng các khoản phải trả trong tương lai. Trong năm 2017, lãi suất tiền gửi bình quân cao hơn năm 2016. Ngoài ra, công tác dự báo lãi suất thị trường luôn được Tập đoàn chú trọng và thực hiện định kỳ trong các báo cáo để kịp thời đưa ra các quyết định quản lý và đầu tư.

Đối với các sản phẩm của Bảo Việt Nhân thọ, rủi ro lãi suất liên quan đến các loại hình bảo hiểm truyền thống có thể được giảm thiểu thông qua việc chia sẻ thu nhập với người tham gia bảo hiểm theo cơ chế các hợp đồng có cấu phần không đảm bảo.

Rủi ro giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu là nguy cơ xảy ra giá cổ phiếu niêm yết, giá cổ phiếu OTC biến động mạnh trên thị trường chứng khoán. Rủi ro giá cổ phiếu có nguy cơ khi đầu tư quá nhiều vào một ngành, một công ty hoặc một nhóm công ty có chung chủ sở hữu. Tập đoàn quản lý rủi ro này bằng việc xây dựng quy định hạn mức vào một ngành hoặc một công ty hoặc nhóm công ty; phân tích rủi ro hệ thống đến danh mục khi có biến động lớn của thị trường. Nhằm giảm thiểu các tác động do thay đổi bất lợi của thị trường và lĩnh vực đầu tư, danh mục đầu tư cổ phiếu của Tập đoàn được đa dạng hóa và tỷ trọng đầu tư cổ phiếu được duy trì ở mức tương đối thấp trong toàn danh mục đầu tư.

Tập đoàn sử dụng công cụ Giá trị rủi ro (“VaR”) để giám sát và giới hạn rủi ro giá cổ phiếu niêm yết. VaR là phương pháp ước tính tổn thất tối đa có thể xảy ra khi có những biến động của thị trường và giá trong khoảng thời gian nhất định, với mức độ tin cậy cho trước.

Đơn vị: VND

GIÁ TRỊ RỦI RO CỦA DANH MỤC CỔ PHIẾU NIÊM YẾT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017	HOSE	HNX	TỔNG
Giá trị sổ sách	1.028.052.819.273	530.790.222.669	1.558.843.041.942
Giá trị thị trường	1.482.134.443.510	710.787.763.000	2.192.922.206.510
VaR (95%, 1 ngày)	(17.430.884.834)	(18.312.420.309)	(35.743.305.143)
Mức độ đa dạng hóa VaR (95%)	25.567.371.110	11.530.464.047	37.097.835.157
VaR (95%, 1 tuần)	(38.976.643.396)	(40.947.816.644)	(79.924.460.040)
VaR (95%, 1 tháng)	(81.758.096.931)	(85.892.864.818)	(167.650.961.749)
VaR (95%, 1 năm)	(276.706.718.410)	(290.700.660.248)	(567.407.378.658)

GIÁ TRỊ RỦI RO CỦA DANH MỤC CỔ PHIẾU NIÊM YẾT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016	HOSE	HNX	TỔNG
Giá trị sổ sách	924.392.643.568	263.626.094.280	1.188.018.737.848
Giá trị thị trường	1.157.955.409.540	441.520.765.600	1.599.476.175.140
VaR (95%, 1 ngày)	(14.541.652.974)	(11.902.648.998)	(26.444.301.972)
Mức độ đa dạng hóa VaR (95%)	18.141.480.892	7.227.525.676	25.369.006.568
VaR (95%, 1 tuần)	(32.516.124.556)	(26.615.132.272)	(59.131.256.828)
VaR (95%, 1 tháng)	(68.206.398.285)	(55.828.372.444)	(124.034.770.729)
VaR (95%, 1 năm)	(230.841.584.532)	(188.948.695.151)	(419.790.279.683)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

41.2 Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

41.2.3 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro giá cổ phiếu (tiếp theo)

Giá trị rủi ro VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 35,7 tỷ đồng, nghĩa là với xác suất 95%, mức tổn thất tối đa của danh mục cổ phiếu niêm yết trong một ngày là 35,7 tỷ đồng.

VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 lớn hơn VaR (95%, 1 ngày) của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016; tỷ lệ phần trăm của VaR (95%, 1 ngày) so với giá thị trường của danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1,6%) nhỏ hơn tỷ lệ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1,7%).

Tập đoàn còn sử dụng phương pháp phân tích kịch bản “stress testing” để đánh giá những ảnh hưởng tiềm ẩn đối với danh mục đầu tư trong các điều kiện thị trường khác nhau. Phân tích dưới đây cho thấy, khi có sự biến động của chỉ số thị trường (chỉ số VN-Index hoặc HNX Index), các yếu tố còn lại không đổi, lợi nhuận trước thuế sẽ bị ảnh hưởng. Mỗi tương quan của các biến số cũng tác động đáng kể trong việc giảm thiểu rủi ro về giá:

	BIẾN ĐỘNG CỦA GIÁ THỊ TRƯỜNG	ẢNH HƯỞNG LÊN LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ CỦA DANH MỤC CỔ PHIẾU NIÊM YẾT (*) VND
31 tháng 12 năm 2017		
Kịch bản 1	+10%	27.108.562.074
Kịch bản 2	-10%	(32.872.135.940)
31 tháng 12 năm 2016		
Kịch bản 1	+10%	22.341.331.991
Kịch bản 2	-10%	(23.911.251.050)

(*): Số liệu được tính toán áp dụng chính sách trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán theo quy định tại Thông tư 228 và Thông tư 89 do đó ảnh hưởng lên lợi nhuận trước thuế của việc biến động giá cổ phiếu chỉ tính tới các cổ phiếu niêm yết mà giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính giảm xuống dưới giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

42. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”) có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ của Tập đoàn vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Tập đoàn theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các công cụ kỳ hạn cố định, công cụ vốn niêm yết và không niêm yết, các khoản cho vay và phải thu khách hàng, và các khoản phải thu tài chính khác. Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

42. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

- Các khoản cho vay và phải thu:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

- Tài sản sẵn sàng để bán:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản nợ và vay. Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

42. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	GIÁ TRỊ GHI SỔ			GIÁ TRỊ HỢP LÝ
	NGUYÊN GIÁ	DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ TRỊ	GIÁ TRỊ THUẦN	
	VND	VND	VND	
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	71.989.817.169.234	(927.451.389.901)	71.062.365.779.333	78.250.707.417.479
- <i>Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>31.485.592.116.251</i>	<i>(442.600.000.000)</i>	<i>31.042.992.116.251</i>	<i>31.290.629.766.821</i>
- <i>Trái phiếu</i>	<i>40.504.225.052.983</i>	<i>(484.851.389.901)</i>	<i>40.019.373.663.082</i>	<i>46.960.077.650.658</i>
Chứng khoán kinh doanh	2.648.743.079.467	(297.888.188.831)	2.350.854.890.636	3.116.290.259.370
- <i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>1.533.291.508.690</i>	<i>(203.240.899.012)</i>	<i>1.330.050.609.678</i>	<i>2.032.940.766.510</i>
- <i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>766.411.545.643</i>	<i>(94.647.289.819)</i>	<i>671.764.255.824</i>	<i>637.667.617.769</i>
- <i>Chứng chỉ quỹ</i>	<i>229.013.065.934</i>	-	<i>229.013.065.934</i>	<i>323.860.300.000</i>
- <i>Trái phiếu</i>	<i>120.026.959.200</i>	-	<i>120.026.959.200</i>	<i>121.821.575.091</i>
Đầu tư tài chính khác	247.952.379.767	(32.058.951.774)	215.893.427.993	402.107.099.197
Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	1.636.484.890.248	(101.805.417.015)	1.534.679.473.233	1.534.679.473.233
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	1.467.867.723.614	(243.766.620.259)	1.224.101.103.355	1.209.078.168.609
Phải thu tái bảo hiểm	885.327.361.154	-	885.327.361.154	882.315.476.671
Tài sản tái bảo hiểm	2.344.654.814.506	-	2.344.654.814.506	2.344.654.814.506
Phải thu khác	572.227.195.726	(51.446.899.929)	520.780.295.797	520.780.295.797
- <i>Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược</i>	<i>83.911.466.370</i>	-	<i>83.911.466.370</i>	<i>83.911.466.370</i>
- <i>Phải thu cổ tức</i>	<i>29.933.160.274</i>	-	<i>29.933.160.274</i>	<i>29.933.160.274</i>
- <i>Khác</i>	<i>458.382.569.082</i>	<i>(51.446.899.929)</i>	<i>406.935.669.153</i>	<i>406.935.669.153</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.789.197.489.323	-	3.789.197.489.323	3.789.197.489.323
TỔNG CỘNG	85.582.272.103.039	(1.654.417.467.709)	83.927.854.635.330	92.049.810.494.185

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

42. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	GIÁ TRỊ GHI SỔ			GIÁ TRỊ HỢP LÝ
	NGUYÊN GIÁ	DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ TRỊ	GIÁ TRỊ THUẦN	
	VND	VND	VND	
TÀI SẢN TÀI CHÍNH				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	57.635.596.978.576	(832.500.926.601)	56.803.096.051.975	59.623.803.267.286
- <i>Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>20.021.289.590.848</i>	<i>(442.600.000.000)</i>	<i>19.578.689.590.848</i>	<i>19.747.093.905.363</i>
- <i>Trái phiếu</i>	<i>37.614.307.387.728</i>	<i>(389.900.926.601)</i>	<i>37.224.406.461.127</i>	<i>39.876.709.361.923</i>
Chứng khoán kinh doanh	2.754.408.712.617	(349.504.452.363)	2.404.904.260.254	2.687.717.765.912
- <i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>1.163.479.862.846</i>	<i>(238.698.105.315)</i>	<i>924.781.757.531</i>	<i>1.466.369.187.120</i>
- <i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>611.059.486.331</i>	<i>(110.806.347.048)</i>	<i>500.253.139.283</i>	<i>373.198.138.281</i>
- <i>Chứng chỉ quỹ</i>	<i>233.000.407.211</i>	-	<i>233.000.407.211</i>	<i>256.776.400.000</i>
- <i>Trái phiếu</i>	<i>746.868.956.229</i>	-	<i>746.868.956.229</i>	<i>591.374.040.511</i>
Đầu tư tài chính khác	248.365.409.765	(34.249.995.785)	214.115.413.980	377.835.395.123
Cho vay và tạm ứng cho khách hàng	1.158.722.205.897	(93.064.308.300)	1.065.657.897.597	1.065.657.897.597
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	869.655.574.993	(235.839.320.722)	633.816.254.271	639.526.103.259
Phải thu tái bảo hiểm	443.785.771.288	-	443.785.771.288	441.493.981.588
Tài sản tái bảo hiểm	1.316.288.076.711	-	1.316.288.076.711	1.316.288.076.711
Phải thu khác	536.739.139.789	(47.596.706.263)	489.142.433.526	489.142.433.526
- <i>Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược</i>	<i>65.408.085.149</i>	-	<i>65.408.085.149</i>	<i>65.408.085.149</i>
- <i>Phải thu cổ tức</i>	<i>5.896.184.850</i>	-	<i>5.896.184.850</i>	<i>5.896.184.850</i>
- <i>Khác</i>	<i>465.434.869.790</i>	<i>(47.596.706.263)</i>	<i>417.838.163.527</i>	<i>417.838.163.527</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.883.458.103.350	-	2.883.458.103.350	2.883.458.103.350
TỔNG CỘNG	67.847.019.972.986	(1.592.755.710.034)	66.254.264.262.952	69.524.923.024.352

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

42. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

	GIÁ TRỊ GHI SỔ VND	GIÁ TRỊ HỢP LÝ VND
31 tháng 12 năm 2017		
Nợ phải trả tài chính		
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	50.075.294.833.879	50.075.294.833.879
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	1.017.028.044.116	1.017.028.044.116
Phải trả tái bảo hiểm	1.525.028.147.960	1.525.028.147.960
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	18.064.680.520.526	18.064.680.520.526
- Nhận ký quỹ	133.289.291.125	133.289.291.125
- Khác	17.931.391.229.401	17.931.391.229.401
Tổng cộng	70.682.031.546.481	70.682.031.546.481
31 tháng 12 năm 2016		
Nợ phải trả tài chính		
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	39.330.955.801.433	39.330.955.801.433
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	797.389.904.029	797.389.904.029
Phải trả tái bảo hiểm	586.178.655.885	586.178.655.885
Các nghĩa vụ nợ tài chính khác	13.433.631.707.531	13.433.631.707.531
- Nhận ký quỹ	99.815.372.901	99.815.372.901
- Khác	13.333.816.334.630	13.333.816.334.630
Tổng cộng	54.148.156.068.878	54.148.156.068.878

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư kỳ hạn cố định có lãi suất cố định hay thả nổi được Tập đoàn đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, độ rủi ro của dự án được tài trợ và khả năng trả nợ vay của từng khách hàng. Tập đoàn ước tính giá trị hiện tại của các luồng tiền trong tương lai bằng cách chiết khấu theo lãi suất thị trường.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn được giao dịch tích cực trên thị trường tài chính có tổ chức được xác định theo giá công bố, nếu có, tại ngày lập báo cáo.
- Với các khoản đầu tư vốn không có thị trường tích cực, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp. Các phương pháp này bao gồm chiết khấu luồng tiền, so sánh với các công cụ tài chính tương đồng có giá thị trường, giá trị tài sản ròng và các mô hình định giá liên quan.
- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và các khoản ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn đánh giá xem liệu có tồn tại các bằng chứng khách quan về việc suy giảm giá trị của từng tài sản tài chính riêng biệt trong trường hợp các suy giảm riêng lẻ đó là đáng kể, hoặc đánh giá chung các tài sản tài chính trong trường hợp các suy giảm riêng lẻ không đáng kể.
- Đối với các tài sản bị suy giảm giá trị riêng lẻ, lỗ do suy giảm giá trị được xác định là chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hiện tại của các dòng tiền ước tính trong tương lai chiết khấu theo lãi suất thực tế ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

42. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tập đoàn sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý (tiếp theo):

- Đối với đánh giá suy giảm giá trị chung, các tài sản được phân nhóm dựa trên đặc tính rủi ro tín dụng. Lỗ do giảm giá trị được đánh giá tổng thể dựa trên kinh nghiệm tổn thất trong quá khứ của các tài sản với đặc tính tương tự.
- Đối với các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

43. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Trong năm, Tập đoàn đã phân loại lại một số số liệu so sánh đầu kỳ như dưới đây:

Trích từ Bảng cân đối kế toán hợp nhất:

Đơn vị tính: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016 (SỐ LIỆU ĐÃ TRÌNH BÀY)	ĐIỀU CHỈNH PHÂN LOẠI	NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016 (PHÂN LOẠI LẠI)
100	Tài sản ngắn hạn	30.299.175.462.459	32.230.379.300	30.331.405.841.759
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.802.681.180.898	32.230.379.300	20.834.911.560.198
121	Chứng khoán kinh doanh	2.722.178.333.317	32.230.379.300	2.754.408.712.617
200	Tài sản dài hạn	42.697.277.045.377	(32.230.379.300)	42.665.046.666.077
220	Tài sản cố định	1.541.816.587.616	115.431.959.477	1.657.248.547.093
221	Tài sản cố định hữu hình	722.440.067.642	112.835.274.908	835.275.342.550
222	Nguyên giá	1.715.481.727.799	148.195.169.464	1.863.676.897.263
223	Giá trị hao mòn lũy kế	(993.041.660.157)	(35.359.894.556)	(1.028.401.554.713)
227	Tài sản cố định vô hình	819.376.519.974	2.596.684.569	821.973.204.543
228	Nguyên giá	1.117.026.487.100	4.602.394.942	1.121.628.882.042
229	Giá trị hao mòn lũy kế	(297.649.967.126)	(2.005.710.373)	(299.655.677.499)
230	Bất động sản đầu tư	138.880.906.477	(115.431.959.477)	23.448.947.000
231	Nguyên giá	176.246.511.406	(152.797.564.406)	23.448.947.000
232	Giá trị hao mòn lũy kế	(37.365.604.929)	37.365.604.929	-
250	Đầu tư tài chính dài hạn	40.571.759.374.173	(32.230.379.300)	40.539.528.994.873
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	399.533.150.523	(32.230.379.300)	367.302.771.223

Trong đó:

- Do có thay đổi về mục đích đầu tư, Tập đoàn đã thực hiện phân loại lại một số khoản đầu tư đang được trình bày trên khoản mục “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác” sang khoản mục “Chứng khoán kinh doanh”.
- Phân loại lại tài sản cố định đang sử dụng để cho thuê từ khoản mục bất động sản đầu tư sang khoản mục tài sản cố định cho phù hợp với quy định của Thông tư số 28/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 5 năm 2017 và có hiệu lực áp dụng cho các năm tài chính bắt đầu từ năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

44. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Thực hiện Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ-TĐBV ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 Tập đoàn Bảo Việt, ngày 05 tháng 3 năm 2018, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt đã ban hành Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐQT phê duyệt Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) và Phương án phân phối cổ phiếu ESOP năm 2018. Theo đó, số lượng cổ phiếu ESOP dự kiến phát hành là 20.415.000 (hai mươi triệu bốn trăm mười lăm nghìn) cổ phiếu, tương đương tỷ lệ phát hành 3% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Tập đoàn Bảo Việt.

Ngoài những sự kiện đã thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.


Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán Trưởng


Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính


Ông Đỗ Trường Minh
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2018



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG THEO
CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM (VAS)
(TÓM TẮT)

*Toàn văn Báo cáo tài chính Riêng của Công ty Mẹ
Tập đoàn Bảo Việt được cung cấp tại địa chỉ:*

Sau: http://www.baoviet.com.vn/Quan-he-co-dong/Cac-bao-cao/-Bao-cao-tai-chinh-nam-2016/39/3650/ArticleDetail_NoRight/



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT

Kính gửi: Các cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt kèm theo, được lập ngày 23 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 501 đến trang 505, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tóm tắt và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trích từ báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty mẹ Tập đoàn Bảo Việt ("Tập đoàn") đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng nói trên tại báo cáo kiểm toán lập ngày 30 tháng 3 năm 2018. Báo cáo tài chính riêng này và báo cáo tài chính riêng tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính riêng tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Tập đoàn

Ban Điều hành Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng tóm tắt của Tập đoàn, cho mục đích lập báo cáo thường niên theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ngày 6 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 – Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng tóm tắt – được trích từ báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tập đoàn đã được kiểm toán – đã được phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán, phù hợp với quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ngày 6 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 2071-2018-004-1

Lương Thị Phương Dung
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 3054-2014-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2018


MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.449.895.089.496	3.062.772.702.708
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	236.778.859.306	478.096.731.969
111	1. Tiền	41.778.859.306	279.096.731.969
112	2. Các khoản tương đương tiền	195.000.000.000	199.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.655.906.460.102	2.072.321.303.072
121	1. Chứng khoán kinh doanh	780.929.638.922	815.929.638.922
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(143.443.252.400)	(230.834.035.850)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.018.420.073.580	1.487.225.700.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	518.002.791.191	493.881.998.946
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	499.815.929.120	355.467.696.562
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.738.304.250	109.590.511.774
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	14.448.557.821	28.823.790.610
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác	39.206.978.897	18.472.668.721
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13.345.384.298	7.685.612.215
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	25.861.594.599	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	10.787.056.506
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	10.409.688.460.025	9.573.148.673.985
220	I. Tài sản cố định	343.664.481.425	324.287.686.787
221	1. Tài sản cố định hữu hình	273.845.477.726	275.767.421.455
222	Nguyên giá	615.826.339.024	592.870.863.234
223	Giá trị hao mòn lũy kế	(341.980.861.298)	(317.103.441.779)
227	2. Tài sản cố định vô hình	69.819.003.699	48.520.265.332
228	Nguyên giá	159.748.063.092	133.110.673.713
229	Giá trị hao mòn lũy kế	(89.929.059.393)	(84.590.408.381)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn	311.803.667.561	34.836.484.204
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	311.803.667.561	34.836.484.204
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	9.618.552.105.222	9.206.447.742.994
251	1. Đầu tư vào công ty con và BVIF	6.161.291.148.720	5.861.291.148.720
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	2.178.003.290.000	2.165.700.000.000
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.279.257.666.502	1.179.456.594.274
260	IV. Tài sản dài hạn khác	135.668.205.817	7.576.760.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	124.585.635.817	-
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	11.082.570.000	7.576.760.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	12.859.583.549.521	12.635.921.376.693


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TÓM TẮT (tiếp theo)


tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
300	C. NỢ PHẢI TRẢ	419.640.064.779	469.963.267.581
310	I. Nợ ngắn hạn	419.640.064.779	469.963.267.581
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	22.167.073.238	3.785.448.102
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9.509.125.500	3.965.187.038
314	4. Phải trả người lao động	39.437.134.739	46.922.536.058
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	2.860.692.010	3.000.748.348
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	63.129.393.765	77.958.496.201
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	26.828.496.403	37.877.786.852
324	8. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	255.708.149.124	296.453.064.982
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	12.439.943.484.742	12.165.958.109.112
410	I. Vốn chủ sở hữu	12.439.943.484.742	12.165.958.109.112
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	6.804.714.340.000	6.804.714.340.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	6.804.714.340.000	6.804.714.340.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	3.184.332.381.197	3.184.332.381.197
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	415.756.066.988	262.490.696.580
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.035.140.696.557	1.914.420.691.335
421a	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	1.011.203.585.675	894.431.326.720
421b	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	1.023.937.110.882	1.019.989.364.615
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	12.859.583.549.521	12.635.921.376.693







Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán Trưởng

Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính

Ông Đỗ Trường Minh
Quyền Tổng Giám đốc


Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2018

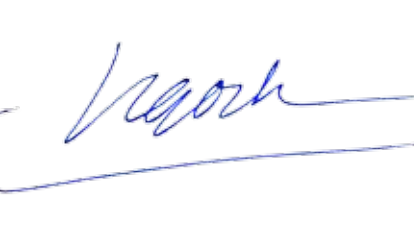
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG TÓM TẮT


cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


Đơn vị: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
01	1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	1.383.636.241.306	1.400.006.511.795
11	2. Chi phí hoạt động kinh doanh	(101.915.149.137)	(186.112.508.548)
20	3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	1.281.721.092.169	1.213.894.003.247
26	4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(226.266.896.969)	(170.692.552.398)
30	5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.055.454.195.200	1.043.201.450.849
31	6. Thu nhập khác	941.933.227	263.742.744
32	7. Chi phí khác	(395.102.208)	(3.500.000)
40	8. Lợi nhuận khác	546.831.019	260.242.744
50	9. Tổng lợi nhuận trước thuế	1.056.001.026.219	1.043.461.693.593
51	10. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(33.308.506.289)	(25.480.937.541)
52	11. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	3.505.810.000	3.788.380.000
60	12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.026.198.329.930	1.021.769.136.052









Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán Trưởng

Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính

Ông Đỗ Trường Minh
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG TÓM TẮT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1.297.546.151.871	1.511.230.937.107
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	(157.902.356.063)	(205.031.121.208)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(126.413.901.027)	(114.766.212.731)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(15.949.536.075)	(29.991.767.001)
06	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	62.160.296.448	60.070.849.611
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(276.936.174.290)	(245.078.005.187)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	782.504.480.864	976.434.680.591
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(329.004.566.993)	(19.748.068.764)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	127.836.364	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(1.394.000.000.000)	(1.553.400.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	1.743.900.000.000	2.432.326.369.934
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(312.303.290.000)	(932.371.634.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	6.000.000.000
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	(291.280.020.629)	(67.193.332.830)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
33	1. Tiền thu từ hoạt động repo	603.069.000.000	570.434.500.000
34	2. Tiền chi trả hoạt động repo	(655.590.651.539)	(559.481.539.664)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(680.041.173.600)	(544.165.229.840)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính	(732.562.825.139)	(533.212.269.504)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG TÓM TẮT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
50	IV. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	(241.338.364.904)	376.029.078.257
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	478.096.731.969	102.066.332.942
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	20.492.241	1.320.770
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	236.778.859.306	478.096.731.969


Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán Trưởng


Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính


Ông Đỗ Trường Minh
Quyền Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2018

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

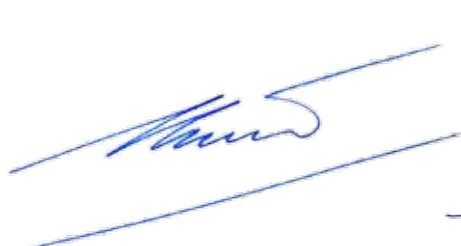
- BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT THEO CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFRS) (TÓM TẮT)



THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

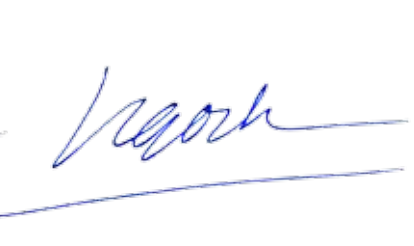
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	2017 VND	2016 VND
Thu phí bảo hiểm	25.787.608.741.966	20.319.377.896.103
Trừ: Phí nhượng tái bảo hiểm	(1.907.954.935.940)	(1.392.998.505.520)
Thu ròng về phí bảo hiểm	23.879.653.806.026	18.926.379.390.583
Thay đổi quỹ dự phòng phí chưa được hưởng	(512.661.367.793)	(247.579.232.511)
Phí bảo hiểm ròng được hưởng	23.366.992.438.233	18.678.800.158.072
Hoa hồng từ hoạt động nhượng tái	266.706.871.477	224.977.753.763
Thu nhập khác từ hoạt động bảo hiểm	408.385.532.317	105.690.433.676
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	24.042.084.842.027	19.009.468.345.511
Thu nhập từ hoạt động đầu tư	5.711.277.018.547	4.609.521.650.137
Thu nhập hoạt động khác	406.058.014.832	308.059.274.711
Tổng doanh thu khác	6.117.335.033.379	4.917.580.924.848
TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG	30.159.419.875.406	23.927.049.270.359
Chi bồi thường bảo hiểm gốc và các quyền lợi bảo hiểm	(8.773.238.188.614)	(7.067.637.288.307)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	(166.688.253.900)	(171.400.458.433)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	847.695.972.396	521.456.218.523
Thay đổi góp về nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	(10.872.216.983.185)	(7.616.987.683.356)
Thay đổi góp về nghĩa vụ hoàn lại cho chủ hợp đồng	(2.900.492.342)	(17.731.245.774)
Thay đổi về nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm đã nhượng cho công ty tái bảo hiểm	465.030.380.608	(51.503.377.701)
Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại	(18.502.317.565.037)	(14.403.803.835.048)
Chi hoa hồng và chi phí khai thác hoạt động bảo hiểm	(2.669.265.885.807)	(2.134.363.660.909)
Chi nhận tái bảo hiểm khác	(1.051.404.615)	(3.201.454.297)
Chi nhượng tái bảo hiểm khác	(201.114.745.796)	(22.389.434.176)
Chi phí bán hàng	(1.508.451.570.287)	(902.386.994.302)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(4.565.845.429.526)	(3.797.914.723.943)
Chi phí tài chính	(1.027.258.241.450)	(651.905.995.920)
Chi phí hoạt động khác	(319.524.029.848)	(274.605.234.304)
Tổng hoa hồng và chi phí	(10.292.511.307.329)	(7.786.767.497.851)
TỔNG CHI TRẢ ĐÁO HẠN, CHI BỒI THƯỜNG VÀ CÁC CHI PHÍ KHÁC	(28.794.828.872.366)	(22.190.571.332.899)
LỢI NHUẬN TRƯỚC PHẦN LỢI NHUẬN Ở CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH	1.364.591.003.040	1.736.477.937.460
Phân chia lỗ từ công ty liên kết, liên doanh	165.570.656.163	(102.282.028.145)
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	1.530.161.659.203	1.634.195.909.315
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(244.986.173.947)	(276.222.484.343)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	1.285.175.485.256	1.357.973.424.972
LỢI NHUẬN SAU THUẾ THUỘC VỀ:		
Cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt	1.231.746.790.489	1.317.536.069.383
Lợi ích cổ đông thiểu số	53.428.694.767	40.437.355.589
LÃI TRÊN CỔ PHIẾU		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.810	1.936




Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 13 tháng 4 năm 2018



Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính



Ông Đỗ Trường Minh
Quyền Tổng Giám đốc

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

Báo cáo thu nhập tổng hợp hợp nhất khác cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	2017 VND	2016 VND
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		
Thu nhập tổng hợp khác trong năm	1.285.175.485.256	1.357.973.424.972
Tài sản đầu tư sẵn sàng để bán:		
<i>Phần thu nhập tổng hợp khác sẽ được phân loại sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong những năm tiếp theo</i>		
Thay đổi ròng của quỹ đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán theo giá trị hợp lý	1.628.363.731.488	486.981.603.810
Thuế thu nhập liên quan đến các khoản thu nhập tổng hợp khác	(328.145.051.644)	(96.879.577.182)
	1.300.218.679.844	390.102.026.628
<i>Phần thu nhập tổng hợp khác không được phân loại sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong những năm tiếp theo</i>		
Chênh lệch đánh giá lại Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	17.360.738.392	-
Thuế thu nhập liên quan đến các khoản thu nhập tổng hợp khác	(3.472.147.679)	-
	13.888.590.713	390.102.026.628
Thu nhập tổng hợp khác sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.314.107.270.557	390.102.026.628
Tổng thu nhập tổng hợp trong năm sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.599.282.755.813	1.748.075.451.600
<i>Tổng thu nhập tổng hợp trong năm thuộc về:</i>		
Cổ đông của Tập đoàn Bảo Việt	2.541.332.418.287	1.701.346.521.344
Lợi ích cổ đông thiểu số	57.950.337.526	46.728.930.256



Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 13 tháng 4 năm 2018



Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính



Ông Đỗ Trường Minh
Quyền Tổng Giám đốc

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm 2017 như sau:

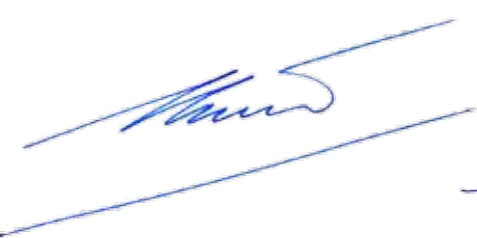
Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Vốn điều lệ đã góp	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán	Quỹ chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Quỹ khác	Tổng cộng	Lợi ích cổ đông thiểu số	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ tức trả cho cổ đông	6.804.714.340.000	3.184.332.381.197	1.102.197.718.819	1.940.753.321.184	15.445.192.000	301.301.554.536	333.123.774.337	103.568.802.818	13.785.437.084.891	658.735.138.917	14.444.172.223.808
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi			(680.471.434.000)						(680.471.434.000)	-	(680.471.434.000)
Trích lập quỹ An sinh xã hội			(112.267.184.975)						(112.267.184.975)	(2.216.600.039)	(114.483.785.014)
Trích quỹ đầu tư và phát triển			(10.217.691.361)						(10.217.691.361)	-	(10.217.691.361)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm			(158.512.591.120)			158.512.591.120			-	-	-
Lợi nhuận trong năm			(57.214.406.436)						-	-	-
Thủ hao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát			1.231.746.790.489						1.231.746.790.489	53.428.694.767	1.285.175.485.256
Thu nhập tổng hợp khác			(4.369.609.512)						(4.369.609.512)	-	(4.369.609.512)
Tăng khác giảm khác			13.715.179.288	1.295.870.448.510					1.309.585.627.798	4.521.642.759	1.314.107.270.557
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	6.804.714.340.000	3.184.332.381.197	1.312.262.144.883	3.236.623.769.694	15.445.192.000	464.777.333.764	385.374.992.665	103.568.802.818	15.507.098.957.021	714.122.071.371	16.221.221.028.392

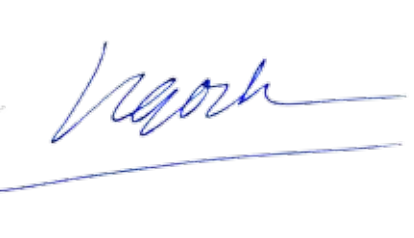
THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017


	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Tài sản		
Tài sản cố định hữu hình	1.145.084.362.128	915.436.831.709
Bất động sản đầu tư	145.215.773.131	138.880.906.477
Tài sản cố định vô hình	581.989.476.775	569.940.253.990
Chi phí hoãn lại	518.158.616.567	428.005.012.101
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	2.369.032.308.162	2.198.643.994.112
Các khoản đầu tư có kỳ hạn cố định		
- Sẵn sàng để bán	43.016.877.789.738	36.317.325.385.316
- Phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo lãi lỗ	121.821.575.091	764.009.912.200
- Cho vay và phải thu	36.425.675.217.706	23.931.822.924.990
Đầu tư cổ phiếu		
- Sẵn sàng để bán	3.218.389.376.877	2.349.306.693.890
- Phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo lãi lỗ	199.630.211.840	123.619.003.455
Tạm ứng từ giá trị giải ước	1.341.965.049.499	1.175.036.236.657
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	236.083.378.083	195.114.681.529
Phải thu về hoạt động bảo hiểm	2.090.964.594.205	1.166.947.356.712
Tài sản tái bảo hiểm	2.498.374.932.008	1.766.537.079.802
Các khoản trả trước và tài sản khác	1.339.578.416.321	1.179.191.404.965
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.789.197.489.323	2.883.458.103.350
TỔNG TÀI SẢN	99.038.038.567.454	76.103.275.781.255
Vốn chủ sở hữu		
Vốn điều lệ đã góp	6.804.714.340.000	6.804.714.340.000
Thặng dư vốn cổ phần	3.184.332.381.197	3.184.332.381.197
Lợi nhuận chưa phân phối	1.312.262.144.883	1.102.197.718.819
Quỹ đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán	3.236.623.769.694	1.940.753.321.184
Quỹ chênh lệch tỷ giá	15.445.192.000	15.445.192.000
Quỹ đầu tư phát triển	464.777.333.764	301.301.554.536
Quỹ dự trữ bắt buộc	385.374.992.665	333.123.774.337
Quỹ khác	103.568.802.818	103.568.802.818
Tổng vốn chủ sở hữu	15.507.098.957.021	13.785.437.084.891
Lợi ích cổ đông thiểu số	714.122.071.371	658.735.138.917
TỔNG VỐN	16.221.221.028.392	14.444.172.223.808
Nợ phải trả		
Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm	55.323.278.111.195	43.671.592.288.619
Các nghĩa vụ hoãn lại phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm	4.434.481.166.200	1.291.448.609.977
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	40.687.252.506	55.668.068.565
Doanh thu hoãn lại	108.694.988.008	115.396.746.402
Vay thấu chi	89.985.675.489	159.677.448.472
Phải trả tài chính khác	17.607.849.357.907	12.918.039.515.659
Người mua trả tiền trước	132.060.292.425	10.443.709.813
Thuế và các khoản phải trả nhà nước	109.050.213.117	16.004.120.760
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	597.410.654.625	309.253.123.639
Phải trả hoạt động bảo hiểm	2.542.056.192.076	1.383.568.559.914
Phải trả thương mại và các khoản phải trả khác	1.831.263.635.514	1.728.011.365.627
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	82.816.817.539.062	61.659.103.557.447
TỔNG VỐN VÀ NỢ PHẢI TRẢ	99.038.038.567.454	76.103.275.781.255



Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán trưởng
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 13 tháng 4 năm 2018



Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính



Ông Đỗ Trường Minh
Quyền Tổng Giám đốc

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

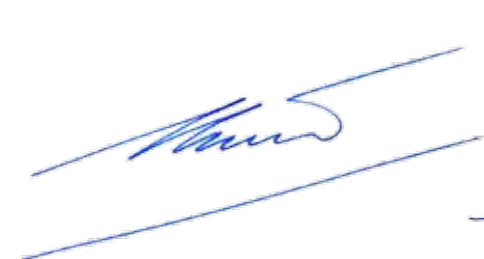
Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm 2016 như sau:

	Vốn điều lệ đã góp	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Quý đánh giá lại tài sản sẵn sàng để bán	Quý chênh lệch tỷ giá	Quý đầu tư và phát triển	Quý dự trữ bất buộc	Quý khác	Tổng cộng	Lợi ích cổ đông thiểu số	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	6.804.714.340.000	3.184.332.381.197	658.336.872.426	1.556.942.869.223	16.075.608.000	142.369.277.946	292.449.189.772	103.568.802.818	12.758.789.341.382	613.911.979.743	13.372.701.321.125
Cổ tức trả cho cổ đông	-	-	(544.377.147.200)	-	-	-	-	-	(544.377.147.200)	-	(544.377.147.200)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(115.078.541.327)	-	-	-	-	-	(115.078.541.327)	(1.622.140.316)	(116.700.681.643)
Trích lập quỹ An sinh xã hội	-	-	(10.023.709.777)	-	-	-	-	-	(10.023.709.777)	-	(10.023.709.777)
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	(154.643.961.621)	-	-	154.643.961.621	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.317.536.069.383	-	-	-	-	-	1.317.536.069.383	40.437.355.589	1.357.973.424.972
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(4.853.851.057)	-	-	-	-	-	(4.853.851.057)	(20.800.000)	(4.874.651.057)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	(4.288.314.969)	-	-	4.288.314.969	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ dự trữ bất buộc	-	-	(40.674.584.565)	-	-	-	40.674.584.565	-	-	-	-
Thay đổi giá trị hợp lý các khoản đầu tư sẵn sàng để bán	-	-	-	383.810.451.961	-	-	-	-	383.810.451.961	6.291.574.667	390.102.026.628
Tặng khác giảm khác	-	-	264.887.526	-	(630.416.000)	-	-	-	(365.528.474)	(262.830.766)	(628.359.240)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	6.804.714.340.000	3.184.332.381.197	1.102.197.718.819	1.940.753.321.184	15.445.192.000	301.301.554.536	333.123.774.337	103.568.802.818	13.785.437.084.891	658.735.138.917	14.444.172.223.808

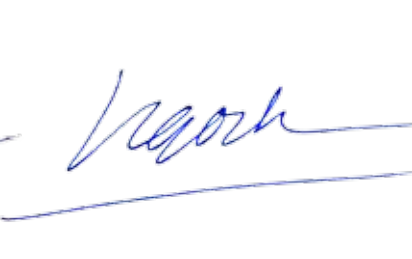
THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Tiền thu phí bảo hiểm và thu lãi	24.606.692.587.876	19.339.704.407.606
Tiền trả cho người bán, người cung cấp dịch vụ	(14.470.401.370.942)	(11.572.865.814.661)
Tiền chi trả cho người lao động	(1.862.416.213.359)	(1.465.778.795.320)
Tiền chi trả lãi vay++	(589.169.962.197)	(405.432.471.461)
Tiền nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(239.450.259.049)	(340.807.252.113)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	13.197.222.763.681	11.397.801.221.472
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(14.873.034.222.382)	(13.639.800.172.905)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	5.769.443.323.628	3.312.821.122.618
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(382.043.545.560)	(77.038.755.907)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.277.010.539	1.925.467.912
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	(43.931.366.111.635)	(35.111.691.375.005)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	30.908.507.307.192	24.772.819.391.338
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	(109.953.290.000)	(669.895.682.237)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	67.608.566.004	18.000.000.000
Cổ tức nhận được	120.856.640.207	96.177.329.759
Tiền lãi nhận được	4.612.631.796.684	4.089.366.345.350
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	(8.712.481.626.569)	(6.880.337.278.790)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền chi trả cho cổ đông thiểu số	-	(100.000.000)
Tiền thu từ đi vay (bao gồm hoạt động repo)	30.586.175.357.629	24.546.727.569.979
Tiền trả nợ gốc vay (bao gồm hoạt động repo)	(25.989.215.232.078)	(19.935.644.511.380)
Tiền chi trả cổ tức	(680.041.173.600)	(544.165.229.840)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	3.916.918.951.951	4.066.817.828.759
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	973.880.649.010	499.301.672.587
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	2.723.780.654.878	2.227.540.596.126
Ảnh hưởng của biến động tỷ giá	1.550.509.946	(3.061.613.835)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (*)	3.699.211.813.834	2.723.780.654.878



Ông Nguyễn Xuân Hòa
Người lập
Kế toán trưởng



Ông Phạm Ngọc Tú
Phó Giám đốc Phụ trách
Khối Quản lý Tài chính



Ông Đỗ Trường Minh
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 13 tháng 4 năm 2018

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1.1 Phân loại sản phẩm

Các hợp đồng bảo hiểm là các hợp đồng mà các Công ty con của Tập đoàn chấp nhận những rủi ro bảo hiểm trọng yếu từ khách hàng (“Chủ hợp đồng bảo hiểm”) bằng các thỏa thuận bồi thường cho chủ hợp đồng bảo hiểm nếu một sự kiện xác định xảy ra trong tương lai (“sự kiện được bảo hiểm”) gây tổn thất đến chủ hợp đồng bảo hiểm. Một quy tắc chung là các công ty con kinh doanh bảo hiểm sẽ xem xét việc có rủi ro bảo hiểm trọng yếu hay không bằng cách so sánh lợi ích bảo hiểm đã chi trả sau khi xảy ra các sự kiện được bảo hiểm và lợi ích bảo hiểm phải trả trong trường hợp sự kiện được bảo hiểm không xảy ra. Hợp đồng bảo hiểm cũng có thể chuyển giao một số rủi ro về tài chính.

Hợp đồng đầu tư là các hợp đồng chuyển giao các rủi ro tài chính trọng yếu nhưng không chuyển giao rủi ro bảo hiểm trọng yếu. Rủi ro tài chính là rủi ro xảy ra khi có sự thay đổi của một hoặc nhiều hơn một của các biến số sau: lãi suất, giá của công cụ tài chính, giá cả hàng hóa, tỉ giá hối đoái, chỉ số giá cả hoặc tỷ suất, xếp hạng tín dụng và chỉ số tín dụng hoặc biến số phi tài chính khi biến số này không gắn liền với một đối tượng nào của hợp đồng.

Khi một hợp đồng được phân loại là hợp đồng bảo hiểm, việc phân loại được giữ nguyên cho đến khi hợp đồng hết hạn, ngay cả khi rủi ro về bảo hiểm không còn trọng yếu, trừ khi tất cả các quyền và nghĩa vụ gắn liền với hợp đồng bảo hiểm bị xóa bỏ hay hết hạn. Các hợp đồng đầu tư, ngược lại, có thể được phân loại lại thành hợp đồng bảo hiểm sau đó nếu rủi ro bảo hiểm trở nên trọng yếu.

Hợp đồng có cấu phần không đảm bảo (“DPF”)

Hợp đồng bảo hiểm và hợp đồng đầu tư được phân loại dựa trên đặc điểm có hay không có cấu phần không đảm bảo. Cấu phần không đảm bảo là quyền lợi tăng thêm được nhận ngoài quyền lợi đảm bảo và thỏa mãn các điều kiện sau:

- Là một phần đáng kể trong tổng quyền lợi theo hợp đồng
- Giá trị và thời điểm của cấu phần không đảm bảo phụ thuộc vào bên phát hành
- Được ràng buộc theo hợp đồng dựa trên:
 - Kết quả hoạt động của một nhóm các hợp đồng hoặc một loại hợp đồng cụ thể
 - Lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện từ việc đầu tư một nhóm các tài sản nắm giữ bởi bên phát hành
 - Lãi hoặc lỗ của công ty, quỹ hay các đơn vị khác phát hành hợp đồng

Công cụ phái sinh thuộc hợp đồng bảo hiểm hoặc hợp đồng đầu tư có cấu phần không đảm bảo được tách riêng và ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi, lỗ trừ trường hợp công cụ phái sinh ấy cũng là một hợp đồng bảo hiểm hoặc hợp đồng đầu tư có cấu phần không đảm bảo. Công cụ phái sinh không được trình bày riêng biệt nếu hợp đồng bảo hiểm gốc hoặc hợp đồng đầu tư gốc có cấu phần không đảm bảo được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.2 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình mua riêng lẻ được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị ghi sổ của tài sản vô hình là nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế và các khoản lỗ lũy kế do suy giảm giá trị. Các tài sản vô hình tự xây dựng, ngoại trừ các khoản chi phí phát triển đã được vốn hóa, đều không được vốn hóa và ghi nhận là chi phí vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thời gian sử dụng của tài sản vô hình được đánh giá là hữu hạn hoặc vô hạn.

Tài sản vô hình với thời gian sử dụng hữu hạn được trích hao mòn trong suốt thời gian sử dụng và được đánh giá suy giảm giá trị nếu có bằng chứng rằng tài sản vô hình đó bị giảm giá trị. Thời gian và phương pháp hao mòn của tài sản cố định vô hình với thời gian sử dụng hữu hạn được xem xét lại định kỳ ít nhất mỗi năm tài chính. Những thay đổi trong thời gian hữu dụng hay việc tiêu dùng các lợi ích kinh tế trong tương lai của các tài sản được xác định bằng cách thay đổi thời gian hay phương pháp hao mòn, nếu cần thiết, và được ghi nhận là thay đổi ước tính kế toán. Chi phí hao mòn của tài sản vô hình với thời gian sử dụng hữu hạn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 - 4 năm

Chi phí quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng vô thời hạn không được trích hao mòn nhưng được đánh giá suy giảm giá trị riêng rẽ hoặc theo đơn vị tạo dòng tiền ít nhất 1 năm 1 lần. Việc đánh giá thời gian sử dụng vô thời hạn của quyền sử dụng đất được xem xét hàng năm để xác định liệu việc thời gian sử dụng vô thời hạn còn hợp lý hay không. Nếu không còn hợp lý, thời gian sử dụng hữu ích của quyền sử dụng đất sẽ được thay đổi từ vô thời hạn sang có thời hạn và các điều chỉnh có liên quan sẽ được thực hiện phi hồi tố. Các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc ngừng ghi nhận quyền sử dụng đất vô thời hạn được xác định dựa trên phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ của tài sản và được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng hữu hạn được phân loại vào “Thuê hoạt động” và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Việc đánh giá khả năng suy giảm giá trị được thực hiện khi có dấu hiệu cho thấy giá trị ghi sổ có thể vượt quá giá trị có thể thu hồi. Các khoản lỗ giảm giá trị được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một khoản chi phí.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế và dự phòng giảm giá (nếu có). Các chi phí sửa chữa thay thế lớn và các chi phí lãi vay từ các dự án xây dựng dài hạn sẽ được ghi tăng nguyên giá nếu những chi phí này đáp ứng điều kiện ghi nhận. Nếu chi phí thay thế một phần của tài sản cố định hữu hình lớn, Tập đoàn sẽ ghi nhận như một tài sản riêng biệt với thời gian hữu dụng và tiến hành khấu hao tương ứng. Tất cả các chi phí bảo trì, sửa chữa khác được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Giá trị hiện tại của chi phí dự tính cho việc thanh lý tài sản đó sau khi sử dụng được bao gồm trong nguyên giá của tài sản đó nếu đủ điều kiện hạch toán trích lập dự phòng.

Tài sản sẽ được ngừng ghi nhận sau khi thanh lý hoặc khi tài sản đó không còn mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai. Các khoản lãi lỗ phát sinh khi ngừng ghi nhận tài sản (tính toán trên cơ sở chênh lệch giữa thu hồi thuần từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 8 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 4 năm

Giá trị còn lại, thời gian hữu dụng và phương pháp tính khấu hao và hao mòn của tài sản được đánh giá lại vào cuối mỗi năm tài chính và được điều chỉnh cho phù hợp nếu cần thiết. Việc đánh giá khả năng suy giảm giá trị được thực hiện khi có dấu hiệu cho thấy giá trị ghi sổ có thể vượt quá giá trị có thể thu hồi. Các khoản lỗ giảm giá trị được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một khoản chi phí.

1.4 Xây dựng cơ bản dở dang

Công trình xây dựng dở dang được ghi nhận theo giá gốc và sau đó được chuyển sang tài sản cố định khi công trình được hoàn thành.

1.5 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan. Giá trị ghi sổ bao gồm chi phí thay thế một phần của một bất động sản đầu tư hiện hữu tại thời điểm chi phí phát sinh nếu các tiêu chuẩn ghi nhận được thỏa mãn và không bao gồm các chi phí dịch vụ thường xuyên gắn liền với tài sản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, bất động sản đầu tư vẫn được ghi nhận theo giá gốc.

Bất động sản đầu tư sẽ được ngừng ghi nhận sau khi đã thanh lý hoặc sau khi bất động sản đầu tư không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch số tiền thu hồi từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc phân loại sang bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang các khoản mục khác chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Trường hợp chuyển đổi từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng, giá trị ghi nhận sau đó là giá trị ghi sổ tại ngày thay đổi mục đích sử dụng. Khi bất động sản chủ sở hữu sử dụng được phân loại sang bất động sản đầu tư, Tập Đoàn sẽ hạch toán những bất động sản đó theo các chính sách kế toán về tài sản cố định hữu hình tại ngày chuyển đổi mục đích sử dụng.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.5 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 50 năm
Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Tài sản cố định vô hình khác	5 - 10 năm

Chi phí quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng vô thời hạn không được trích khấu hao.

1.6 Suy giảm giá trị các tài sản phi tài chính

Tập đoàn tiến hành xem xét tại thời điểm báo cáo các dấu hiệu về việc một tài sản có thể bị giảm giá. Nếu có bất kỳ dấu hiệu nào hoặc khi bắt buộc phải tiến hành đánh giá sự giảm giá hàng năm của một tài sản, Tập đoàn sẽ ước tính giá trị thu hồi của tài sản đó. Giá trị thu hồi của một tài sản là giá trị cao hơn giữa: (i) giá trị hợp lý của tài sản hoặc giá trị hợp lý của đơn vị tạo dòng tiền trừ đi chi phí thanh lý; và (ii) giá trị sử dụng của tài sản đó. Giá trị thu hồi được tính toán cho từng tài sản riêng lẻ, trừ trường hợp dòng tiền tạo ra từ tài sản đó phụ thuộc rất lớn vào các tài sản khác hay nhóm các tài sản khác. Khi giá trị sổ sách của một tài sản hay một đơn vị tạo dòng tiền vượt quá giá trị thu hồi của nó, tài sản được coi là bị giảm giá và sẽ được ghi giảm về giá trị thu hồi.

Khi đánh giá giá trị sử dụng của tài sản, giá trị ước lượng của dòng tiền tạo ra trong tương lai được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng lãi suất chiết khấu trước thuế phản ánh những đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và các rủi ro gắn liền với tài sản đó. Các giao dịch trên thị trường gần đây, nếu có, cũng được xem xét khi xác định giá trị hợp lý trừ chi phí nhượng bán. Trong trường hợp không có những giao dịch gần đây, Tập đoàn sẽ lựa chọn một phương pháp định giá thích hợp. Tính hợp lý của các phương pháp tính toán trên sẽ được kiểm định bởi các hệ số định giá, giá trị niêm yết của các cổ phiếu của các công ty được niêm yết trên thị trường hay các thông số liên quan đến giá trị hợp lý có sẵn.

Tập đoàn tính toán suy giảm giá trị cho từng đơn vị tạo dòng tiền để phân bổ cho các tài sản riêng biệt dựa trên các dự báo và ngân sách chi tiết. Các dự báo và ngân sách chi tiết này thường được lập cho giai đoạn 5 năm. Cho giai đoạn kinh doanh dài hơn, tỉ lệ tăng trưởng dài hạn sẽ được tính toán và áp dụng để dự báo dòng tiền phát sinh cho giai đoạn sau năm thứ 5 trở đi.

Lỗ từ việc giảm giá trị của các tài sản phi tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Ngoại trừ lợi thế thương mại, các tài sản sẽ được đánh giá định kỳ tại thời điểm báo cáo để xem liệu có hay không các dấu hiệu về việc tài sản không còn bị suy giảm giá trị nữa hoặc suy giảm với giá trị ít hơn khoản lỗ đã ghi nhận trước đó. Nếu có dấu hiệu này, Tập đoàn sẽ ước tính giá trị thu hồi của tài sản hay của đơn vị tạo dòng tiền có sử dụng tài sản đó. Khoản lỗ giảm giá trị đã được ghi nhận trước đó chỉ được hoàn nhập nếu có sự thay đổi về các ước tính sử dụng để đánh giá giá trị thu hồi của tài sản đó kể từ lần cuối cùng phần lỗ giảm giá trị được ghi nhận. Trong trường hợp đó, giá trị sổ sách của tài sản sẽ được ghi tăng lên theo giá trị thu hồi, nhưng không được vượt quá giá trị ghi sổ trừ đi khấu hao/hao mòn trong trường hợp không có khoản lỗ giảm giá trị nào được ghi nhận trong những năm trước. Hoàn nhập giảm giá trị được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi tài sản đó được ghi nhận theo giá trị định giá, trong trường hợp đó khoản tăng lên được ghi nhận là khoản tăng do định giá lại.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.7 Đầu tư vào các công ty liên doanh và công ty liên kết

Công ty liên doanh là một hình thức liên doanh trong đó các bên liên doanh góp vốn có quyền đồng kiểm soát đối với Công ty liên doanh và có lợi ích đối với tài sản thuần của Công ty liên doanh. Đồng kiểm soát là quyền cùng chi phối của các bên góp vốn liên doanh về các chính sách tài chính và hoạt động đối với một hoạt động kinh tế trên cơ sở thỏa thuận bằng hợp đồng.

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể là quyền tham gia của nhà đầu tư vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách đó.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh và công ty liên kết của Tập đoàn được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào các công ty liên doanh hoặc công ty liên kết được ghi nhận trong Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá gốc cộng với các điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản ròng của công ty liên doanh/liên kết sau ngày đầu tư.

Phần chênh lệch giữa giá vốn của khoản đầu tư và giá trị hợp lý của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản ròng của công ty liên doanh/liên kết tại ngày mua được ghi nhận như sau:

- Lợi thế thương mại phát sinh từ đầu tư vào công ty liên doanh/liên kết được ghi nhận gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Lợi thế thương mại này sẽ không được ghi nhận hao mòn cũng như đánh giá suy giảm giá trị riêng biệt hàng năm.
- Phần chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên doanh/liên kết so với giá vốn của khoản đầu tư được ghi nhận là thu nhập trong kỳ mua khoản đầu tư.

Đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin PLT (“PLT”), do giá trị hợp lý của tài sản thuần của PLT chưa được xác định một cách đáng tin cậy, Tập đoàn đã áp dụng kế toán tạm thời đối với khoản đầu tư và sẽ tiến hành điều chỉnh trong vòng 12 tháng kể từ ngày mua theo hướng dẫn tại chuẩn mực IFRS 3 – Hợp nhất kinh doanh. Theo đó, cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, chênh lệch giữa giá vốn của khoản đầu tư và giá trị hợp lý của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của PLT tại ngày mua chưa được ghi nhận.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên doanh hoặc công ty liên kết. Bất cứ thay đổi nào của thu nhập tổng hợp khác của các đơn vị được đầu tư này sẽ được ghi nhận như là thu nhập tổng hợp khác của Tập đoàn. Ngoài ra, khi có thay đổi ảnh hưởng trực tiếp vào vốn sở hữu của công ty liên doanh hoặc công ty liên kết, Tập đoàn sẽ ghi nhận và trình bày phần thay đổi đó theo tỉ lệ sở hữu trong báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu nếu thích hợp. Phần lãi và lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Tập đoàn và công ty liên kết sẽ bị loại bỏ trong phần lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên doanh, liên kết đó.

Việc phân chia lợi ích từ các công ty liên doanh, liên kết được thể hiện trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Đây là phần lợi nhuận được chia cho các cổ đông của công ty liên doanh, liên kết và vì vậy chính là lợi nhuận sau thuế và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong công ty con của công ty liên doanh hoặc công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của các công ty liên doanh, liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.7 Đầu tư vào các công ty liên doanh và công ty liên kết (tiếp theo)

Sau khi áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu, Tập đoàn sẽ quyết định việc ghi nhận phần lỗ giảm giá trị của các khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết có cần thiết hay không. Tập đoàn sẽ xem xét tại từng thời điểm báo cáo các bằng chứng khách quan về việc khoản đầu tư bị giảm giá trị. Trong trường hợp đó, Tập đoàn sẽ tính toán phần giảm giá trị là chênh lệch giữa giá trị có thể thu hồi và giá trị sổ sách của khoản đầu tư vào công ty liên kết và ghi nhận chênh lệch này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khi mất quyền ảnh hưởng đáng kể ở một công ty liên kết hoặc quyền đồng quyền soát tại một công ty liên doanh, Tập đoàn sẽ tính toán và ghi nhận phần đầu tư còn lại tại giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị sổ sách của một công ty liên kết khi mất quyền ảnh hưởng đáng kể và công ty liên doanh khi mất quyền đồng kiểm soát và giá trị hợp lý phần đầu tư còn lại và tiền thu hồi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

1.8 Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của BVInvest, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí mua đất, tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu theo giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng tồn kho	Phương pháp xác định giá trị
Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa thiết bị xây dựng	Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp thực tế đích danh

Dự phòng giảm giá hàng hóa bất động sản

Dự phòng giảm giá hàng hóa bất động sản được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá bất động sản tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng hóa bất động sản tồn kho được hạch toán vào chi phí kinh doanh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.9 Tài sản tài chính

1.9.1 Ghi nhận và đo lường ban đầu

Các tài sản tài chính trong phạm vi quy định của Chuẩn mực Kế toán Quốc tế số 39 (“IAS 39”) được phân loại thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (FVTPL), các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định việc phân loại các tài sản tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính theo FVTPL được ghi nhận ban đầu tại giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư không thuộc nhóm tài sản tài chính theo FVTPL được ghi nhận ban đầu tại giá trị hợp lý cộng với các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp.

Việc phân loại phụ thuộc vào mục đích của khoản đầu tư khi mua hoặc đầu tư ban đầu. Các tài sản tài chính được ghi nhận theo FVTPL khi Tập đoàn có văn bản ghi nhận chiến lược đầu tư là quản lý tài sản trên cơ sở giá trị hợp lý, bởi các nghĩa vụ liên quan cũng được quản lý dựa trên cơ sở này. Việc phân loại vào tài sản tài chính sẵn sàng để bán và giữ đến ngày đáo hạn được thực hiện khi các nghĩa vụ liên quan (bao gồm các quỹ của cổ đông) được quản lý một cách bị động và/hoặc ghi nhận theo giá trị phân bổ.

Việc mua hoặc bán các tài sản tài chính có yêu cầu giao tài sản trong một khung thời gian quy định bởi luật pháp hoặc tập quán của thị trường (giao dịch thương mại thông thường) được ghi nhận tại ngày giao dịch, là ngày Tập đoàn cam kết mua hoặc bán tài sản.

Các tài sản tài chính bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác, cho vay và các khoản phải thu công cụ tài chính niêm yết và chưa niêm yết.

1.9.2 Ghi nhận sau ghi nhận ban đầu

Việc ghi nhận giá trị tiếp theo của tài sản tài chính phụ thuộc vào phân loại tài sản như sau:

a. Tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (FVTPL)

Tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL bao gồm các tài sản nắm giữ với mục đích kinh doanh và tài sản tài chính được chỉ định tại ngày ghi nhận ban đầu theo FVTPL.

Để các khoản đầu tư được chỉ định ban đầu là FVTPL, các điều kiện sau cần được đáp ứng:

- Việc chỉ định loại bỏ hoặc giảm thiểu đáng kể sự không đồng nhất trong cách hạch toán có thể xảy ra nếu ghi nhận tài sản hoặc công nợ hoặc lãi lỗ trên một cơ sở khác; hoặc
- Các tài sản và công nợ là một phần trong nhóm các tài sản hoặc nợ tài chính hoặc cả hai, mà các nhóm này được quản lý và xác định giá trị trên cơ sở giá trị hợp lý tuân thủ theo chiến lược quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư đã được quy định.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính theo FVTPL được đo lường theo giá trị hợp lý. Bất kỳ thay đổi nào của giá trị hợp lý này được ghi nhận vào “Thu nhập từ hoạt động đầu tư”. Tiền lãi được dự thu và được ghi nhận vào “Thu nhập từ hoạt động đầu tư”, sử dụng phương pháp lãi suất thực (“EIR”). Cổ tức được ghi nhận vào thu nhập hoạt động đầu tư khi quyền được nhận cổ tức được xác lập.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.9 Tài sản tài chính (tiếp theo)

1.9.2 Ghi nhận sau ghi nhận ban đầu (tiếp theo)

b. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán bao gồm chứng khoán vốn và chứng khoán nợ. Chứng khoán vốn phân loại thành chứng khoán sẵn sàng để bán là các chứng khoán không được phân loại thành chứng khoán kinh doanh hoặc chứng khoán ghi nhận theo FVTPL. Các chứng khoán nợ sẵn sàng để bán là các chứng khoán được nắm giữ với thời hạn không xác định và có thể bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc do thay đổi điều kiện thị trường.

Sau ghi nhận giá trị ban đầu, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán sẽ được định giá lại theo giá trị hợp lý với lãi/lỗ chưa thực hiện được ghi nhận là thu nhập tổng hợp khác trên tài khoản dự phòng đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán (trên vốn chủ sở hữu). Khi Tập đoàn mua một chứng khoán nhiều lần, các khoản đầu tư này khi thanh lý sẽ được hạch toán theo phương pháp bình quân gia quyền đối với các khoản đầu tư vốn và phương pháp nhập trước xuất trước đối với các khoản đầu tư vào công cụ nợ. Lãi phát sinh khi nắm giữ các khoản đầu tư AFS được ghi nhận là thu nhập từ hoạt động đầu tư, tính toán theo phương pháp lãi suất thực. Khi tài sản bị suy giảm giá trị hoặc dừng ghi nhận, lãi hoặc lỗ dồn tích sẽ được chuyển từ quỹ dự phòng đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tập đoàn đánh giá khả năng cũng như ý định bán tài sản AFS trong tương lai gần là phù hợp hay không. Trong một số trường hợp hi hữu, khi Tập đoàn không có khả năng bán các tài sản tài chính này do thiếu thị trường năng động, Tập đoàn có thể phân loại lại các tài sản tài chính này nếu Ban Điều hành Tập đoàn có khả năng và có ý định nắm giữ các tài sản này trong một khoảng thời gian cụ thể hoặc đến ngày đáo hạn. Việc phân loại lại thành cho vay và phải thu được cho phép khi tài sản tài chính đáp ứng các định nghĩa về cho vay và phải thu và Tập đoàn có ý định và khả năng nắm giữ các tài sản này trong một thời gian cụ thể hoặc đến ngày đáo hạn. Việc phân loại lại thành nắm giữ đến ngày đáo hạn được cho phép chỉ khi doanh nghiệp có khả năng và mục đích nắm giữ tài sản đến ngày đáo hạn.

Khi một tài sản tài chính được đưa ra khỏi danh mục sẵn sàng để bán, giá trị hợp lý tại ngày loại khỏi danh mục sẽ là giá trị phân bổ và bất kỳ lãi hoặc lỗ trước đó của tài sản được ghi nhận trong vốn chủ sở hữu được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian còn lại của khoản đầu tư sử dụng lãi suất thực. Chênh lệch nếu có giữa giá trị phân bổ và giá trị đến ngày đáo hạn cũng sẽ được phân bổ theo thời gian còn lại của tài sản sử dụng lãi suất thực. Nếu tài sản sau đó bị xác định là giảm giá trị thì giá trị ghi nhận trong vốn chủ sở hữu được chuyển sang hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

c. Cho vay và phải thu

Cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với thu nhập cố định hoặc có thể xác định được mà không được niêm yết trên thị trường năng động.

Sau khi ghi nhận giá trị ban đầu, các khoản cho vay và phải thu được phản ánh theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, trừ đi suy giảm giá trị. Giá trị phân bổ được tính toán trên cơ sở tính đến tất cả các khoản chiết khấu và phụ trội khi mua, các khoản phí hoặc chi phí là những cấu phần không tách rời liên quan đến việc xác định lãi suất thực. Phần phân bổ theo lãi suất thực được ghi nhận vào “Thu nhập từ hoạt động đầu tư” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi và lỗ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư bị suy giảm giá trị hoặc dừng ghi nhận, cũng như trong quá trình phân bổ.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.9 Tài sản tài chính (tiếp theo)

1.9.2 Ghi nhận sau ghi nhận ban đầu (tiếp theo)

d. Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các tài sản tài chính phi phái sinh với thu nhập cố định hoặc có thể xác định được và có kỳ hạn cố định được phân loại là tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ, sử dụng lãi suất thực trừ đi phần suy giảm giá trị. Phần phân bổ theo lãi suất thực được ghi nhận vào “Thu nhập từ hoạt động đầu tư” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi và lỗ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư bị suy giảm giá trị hoặc dừng ghi nhận, cũng như trong quá trình phân bổ.

1.9.3 Dừng ghi nhận tài sản tài chính

Một tài sản tài chính (hoặc, trong các trường hợp thích hợp, một phần của tài sản tài chính hoặc một phần của một nhóm các tài sản tài chính giống nhau) được dừng ghi nhận khi:

- Quyền được nhận luồng tiền từ tài sản đã hết hiệu lực;
- Tập đoàn đã chuyển nhượng quyền được nhận luồng tiền từ tài sản hoặc có nghĩa vụ trả lại toàn bộ các luồng tiền nhận được mà không có sự trì hoãn đáng kể cho bên thứ ba dưới dạng hợp đồng “chuyển qua”; và hoặc (a) Tập đoàn đã chuyển nhượng hầu hết các rủi ro cũng như lợi ích đi kèm với tài sản, hoặc (b) Tập đoàn không chuyển giao hay giữ lại phần lớn các rủi ro và lợi ích đi kèm với tài sản, nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản đó.

Khi Tập đoàn chuyển quyền nhận các luồng tiền từ tài sản hoặc tham gia vào một hợp đồng “chuyển qua” nhưng chưa chuyển giao đáng kể và cũng không giữ lại tất cả rủi ro và lợi ích của tài sản và chưa chuyển quyền kiểm soát tài sản, tài sản đó được ghi nhận ở mức tiếp tục tham gia vào tài sản của Tập đoàn. Trong trường hợp đó, Tập đoàn cũng ghi nhận các nghĩa vụ liên quan. Phần tài sản đã được chuyển giao và nghĩa vụ liên quan được xác định căn cứ trên quyền và nghĩa vụ còn lại mà Tập đoàn nắm giữ.

Phần tham gia của Tập đoàn dưới hình thức bảo đảm với tài sản đã được chuyển giao được ghi nhận ở mức thấp hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và mức tối đa mà Tập đoàn phải trả.

1.9.4 Giảm giá trị của các tài sản tài chính

Tại các thời điểm lập báo cáo, Tập đoàn đánh giá xem có bằng chứng khách quan nào cho thấy từng tài sản tài chính hoặc từng nhóm các tài sản tài chính bị suy giảm giá trị. Một tài sản tài chính hoặc một nhóm tài sản tài chính được xem là giảm giá trị nếu, và chỉ nếu, có bằng chứng khách quan về sự suy giảm, là hệ quả của một hoặc nhiều sự kiện đã xảy ra sau ghi nhận ban đầu của tài sản (một “sự kiện tổn thất” đã xảy ra) và ảnh hưởng của sự kiện tổn thất lên luồng tiền tương lai dự kiến của tài sản tài chính hoặc nhóm các tài sản tài chính có thể ước tính một cách đáng tin cậy.

Bằng chứng của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm các dấu hiệu cho thấy bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy các luồng tiền dự kiến trong tương lai có sự suy giảm có thể lượng hóa được, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.9 Tài sản tài chính (tiếp theo)

1.9.4 Giảm giá trị của các tài sản tài chính (tiếp theo)

a. Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị phân bổ

Đối với các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ, Tập đoàn trước tiên đánh giá riêng lẻ xem liệu có tồn tại các bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị đáng kể của từng tài sản tài chính trọng yếu hoặc đánh giá chung cho các tài sản tài chính không trọng yếu. Nếu Tập đoàn xác định rằng không có bằng chứng về sự giảm giá trị của một tài sản tài chính riêng lẻ, dù đáng kể hay không, Tập đoàn sẽ đưa tài sản đó vào nhóm các tài sản tài chính có cùng đặc tính rủi ro tín dụng và đánh giá chung suy giảm giá trị của nhóm tài sản. Các tài sản được đánh giá suy giảm giá trị riêng biệt và có lỗ suy giảm giá trị đang/sẽ được ghi nhận không được đưa vào đánh giá suy giảm giá trị chung.

Lỗ suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hiện tại của các dòng tiền ước tính thu hồi được trong tương lai (không tính đến các tổn thất tín dụng dự kiến trong tương lai chưa phát sinh). Giá trị hiện tại của các dòng tiền trong tương lai được chiết khấu theo lãi suất thực ban đầu.

Giá trị ghi sổ của tài sản được ghi giảm thông qua việc sử dụng tài khoản dự phòng và lỗ giảm giá trị được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Thu nhập lãi (được ghi nhận vào thu nhập đầu tư trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất) tiếp tục được dự thu trên giá trị ghi sổ đã được ghi giảm, sử dụng lãi suất dùng để chiết khấu dòng tiền trong tương lai cho mục đích xác định tổn thất.

Các khoản cho vay cùng với dự phòng tổn thất tín dụng có liên quan được xóa bỏ nếu không có khả năng thu hồi trong tương lai và tất cả các tài sản đảm bảo đã được xử lý hoặc được chuyển lại cho Tập đoàn. Nếu trong năm tiếp theo, khoản dự phòng tổn thất ước tính tăng hay giảm do một sự kiện xảy ra sau khi tổn thất được ghi nhận, các khoản tổn thất đã ghi nhận trước đó được ghi tăng hoặc giảm tương ứng bằng việc điều chỉnh tài khoản dự phòng. Nếu khoản vay đã xóa sổ sau đó được thu hồi, phần thu hồi sẽ được ghi giảm chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Để phục vụ mục đích đánh giá suy giảm giá trị chung, các tài sản tài chính được nhóm lại trên cơ sở xếp hạng tín dụng nội bộ, xem xét các đặc tính rủi ro tín dụng như loại tài sản, ngành nghề, vị trí địa lý, loại tài sản đảm bảo, tình trạng quá hạn và các yếu tố liên quan. Việc ước tính suy giảm các luồng tiền trong tương lai từ các nhóm các tài sản tài chính được đánh giá tổng thể trên cơ sở kinh nghiệm tổn thất trong quá khứ của các tài sản với đặc tính rủi ro tín dụng tương tự. Các kinh nghiệm tổn thất trong quá khứ được điều chỉnh trên cơ sở dữ liệu có thể quan sát được nhằm phản ánh ảnh hưởng của các điều kiện hiện tại cũng như loại bỏ các ảnh hưởng của điều kiện trong quá khứ không còn hiện hữu tại thời điểm hiện tại. Ước tính thay đổi luồng tiền tương lai phản ánh và đồng nhất với các thay đổi về dữ liệu có thể quan sát được từ năm này sang năm khác (ví dụ như sự thay đổi về tỷ lệ thất nghiệp, giá bất động sản, giá cả hàng hóa tiêu dùng, tình trạng trả nợ, hoặc các yếu tố khác là dấu hiệu cho việc xảy ra tổn thất trong nhóm và quy mô của nó). Phương pháp và giả định được sử dụng để ước tính luồng tiền trong tương lai được xem xét thường xuyên để giảm thiểu sự khác biệt giữa tổn thất ước tính và tổn thất thực tế.

b. Khoản đầu tư tài chính sẵn sàng để bán

Với các khoản đầu tư tài chính sẵn sàng để bán, Tập đoàn đánh giá tại các thời điểm lập báo cáo liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng khoản đầu tư hoặc nhóm các khoản đầu tư bị suy giảm giá trị.

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.9 Tài sản tài chính (tiếp theo)

1.9.4 Giảm giá trị của các tài sản tài chính (tiếp theo)

b. Khoản đầu tư tài chính sẵn sàng để bán (tiếp theo)

Trong trường hợp các khoản đầu tư vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. “Đáng kể” dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và “kéo dài” được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, lỗ dồn tích - được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị hợp lý hiện tại, trừ các khoản lỗ đã được ghi nhận trước đó vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất - được loại ra khỏi thu nhập tổng hợp khác và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần tăng lên của giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn sau khi ghi nhận suy giảm giá trị không được hoàn nhập vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất mà được ghi nhận trực tiếp vào thu nhập tổng hợp khác.

Việc xác định “Đáng kể” và “Kéo dài” đòi hỏi các xét đoán chủ quan. Khi đưa ra các xét đoán này, Tập đoàn cần đánh giá, có cân nhắc các yếu tố khác, khoảng thời gian và mức độ mà giá trị hợp lý của một khoản đầu tư thấp hơn giá gốc.

Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại là sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị phân bổ. Tuy nhiên, giá trị suy giảm là tổng lỗ dồn tích xác định bằng chênh lệch giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý, trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị của các khoản đầu tư đã được ghi nhận trước đó vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thu nhập lãi trong tương lai tiếp tục được dự thu trên giá trị ghi sổ đã ghi giảm, sử dụng lãi suất dùng để chiết khấu dòng tiền trong tương lai cho mục đích xác định các khoản lỗ suy giảm giá trị. Thu nhập lãi được ghi nhận là doanh thu tài chính. Nếu trong năm tiếp sau, giá trị hợp lý của công cụ nợ tăng và giá trị tăng liên quan khách quan đến sự kiện xảy ra sau khi các khoản lỗ giảm giá trị được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, khoản lỗ được hoàn nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

1.10 Các khoản nợ tài chính

1.10.1 Ghi nhận và đo lường ban đầu

Các khoản nợ tài chính được phân loại tại thời điểm ghi nhận ban đầu vào các nhóm thích hợp: nợ tài chính phản ánh theo FVTPL, vay và nợ phải trả hoặc các công cụ tài chính phái sinh được xếp vào nhóm công cụ phòng ngừa hiệu quả.

Tất cả các khoản nợ tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý, riêng đối với các khoản vay và nợ phải trả thì giá trị ghi nhận ban đầu bằng giá trị hợp lý trừ đi các chi phí giao dịch trực tiếp.

Các khoản nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm phải trả thương mại và các khoản phải trả khác; thấu chi; vay và nợ phải trả.

1.10.2 Ghi nhận sau ghi nhận ban đầu

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản nợ tài chính tùy theo nhóm được phân loại được xác định giá trị như sau:

a. Các khoản nợ tài chính tại FVTPL

Các khoản nợ tài chính phản ánh theo FVTPL bao gồm các khoản nợ tài chính kinh doanh và các khoản nợ tài chính tại thời điểm ban đầu được xếp vào nhóm phản ánh theo FVTPL.

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.10 Các khoản nợ tài chính (tiếp theo)

1.10.2 Ghi nhận sau ghi nhận ban đầu (tiếp theo)

a. Các khoản nợ tài chính tại FVTPL (tiếp theo)

Nợ tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu được mua với mục đích bán lại trong ngắn hạn. Lãi hoặc lỗ của các khoản nợ nắm giữ để kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

b. Vay và nợ phải trả

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản vay và phải trả chịu lãi suất được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Lãi hoặc lỗ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi nợ phải trả được ngừng ghi nhận cũng như thông qua việc phân bổ giá trị theo phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ được tính toán trên cơ sở tính đến tất cả các khoản chiết khấu và phụ trội khi phát sinh, và phí hoặc chi phí là các khoản mục không thể tách rời liên quan đến việc xác định lãi suất thực. Phần phân bổ theo lãi suất thực được ghi nhận là chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

1.10.3 Dừng ghi nhận

Một khoản nợ tài chính sẽ được dừng ghi nhận khi nghĩa vụ nợ được hoàn thành hoặc hủy bỏ hoặc hết hạn. Khi một khoản nợ tài chính được thay thế bằng một khoản nợ khác từ cùng một bên cho vay nhưng các điều khoản cơ bản đã thay đổi hoặc các điều khoản của nghĩa vụ nợ hiện tại đã được sửa đổi cơ bản, thì việc thay đổi hoặc chỉnh sửa đó được coi là dừng ghi nhận khoản nợ tài chính ban đầu và ghi nhận một khoản nợ tài chính khác. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của khoản nợ mới và khoản nợ cũ được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

1.11 Bù trừ các công cụ tài chính

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất khi và chỉ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ các khoản đã được ghi nhận và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

1.12 Vốn góp của chủ sở hữu

Các cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí sau thuế phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu mới hoặc quyền chọn mua cổ phiếu được ghi nhận trong vốn chủ sở hữu như một khoản giảm trừ.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.13 Xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị có thể nhận được từ việc bán một tài sản hoặc trả cho việc chuyển giao một khoản nợ phải trả trong một giao dịch ngang giá giữa các bên tại ngày đánh giá. Giá trị hợp lý được xác định dựa trên giả định giá giao dịch bán tài sản hoặc chuyển giao nợ phải trả diễn ra tại:

- Thị trường chủ chốt đối với tài sản hoặc khoản nợ phải trả; hoặc
- Khi không có thị trường chủ chốt thì sử dụng thị trường tối ưu đối với tài sản hoặc nợ phải trả.

Để xác định được giá trị hợp lý, Tập đoàn phải có khả năng tiếp cận tới thị trường chủ chốt hoặc thị trường tối ưu.

Giá trị hợp lý của tài sản hoặc nợ phải trả được đánh giá dựa vào giả định các bên tham gia thị trường sẽ sử dụng giá trị này khi định giá tài sản hoặc nợ phải trả nhằm đạt được lợi ích tốt nhất cho mình.

Tập đoàn sử dụng các phương pháp định giá phù hợp với từng trường hợp mà các thông tin cần thiết là sẵn có để xác định giá trị hợp lý, sử dụng tối đa các dữ liệu liên quan có thể quan sát được và giảm thiểu việc sử dụng các dữ liệu không thể quan sát được.

Tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý hoặc có giá trị hợp lý được thuyết minh trong báo cáo tài chính được phân loại vào ba cấp trong hệ thống bậc giá trị hợp lý như được mô tả dưới đây, dựa trên các thông tin cơ bản nhất có ảnh hưởng đáng kể tới việc xác định giá trị hợp lý:

- Cấp 1 - Giá niêm yết (không điều chỉnh) trên các thị trường năng động của các tài sản và nợ phải trả tương tự;
- Cấp 2 - Sử dụng kỹ thuật định giá mà các thông tin cơ bản nhất có ảnh hưởng đáng kể tới việc xác định giá trị hợp lý có thể quan sát được một cách trực tiếp hoặc gián tiếp;
- Cấp 3 - Sử dụng kỹ thuật định giá mà các thông tin cơ bản nhất có ảnh hưởng đáng kể tới việc xác định giá trị hợp lý không thể quan sát được.

Đối với các tài sản và nợ phải trả ghi nhận theo giá trị hợp lý định kỳ trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, Tập đoàn xác định liệu có việc chuyển cấp trong hệ thống phân cấp thông qua việc đánh giá lại cách phân loại vào các cấp (dựa trên các thông tin cơ bản nhất có ảnh hưởng đáng kể tới việc xác định giá trị hợp lý trên phương diện tổng thể) tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính được giao dịch tích cực trên thị trường tài chính có tổ chức được xác định theo giá chào mua niêm yết cho tài sản và giá chào bán cho nợ phải trả, tại cuối ngày báo cáo, không trừ chi phí giao dịch.

Với các công cụ tài chính không có thị trường năng động, giá trị hợp lý được xác định sử dụng các phương pháp định giá phù hợp. Phương pháp định giá bao gồm chiết khấu luồng tiền, so sánh với các công cụ tài chính tương đồng có giá thị trường, mô hình định giá quyền chọn, mô hình tín dụng và các mô hình định giá liên quan. Một số công cụ tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý xác định bằng phương pháp định giá do không có giao dịch thị trường hoặc không có dữ liệu thị trường quan sát được. Giá trị hợp lý được xác định sử dụng các mô hình định giá đã được kiểm chứng với giá hoặc thông số đầu vào của giao dịch thực tế trên thị trường và sử dụng ước tính tốt nhất của Tập đoàn về các giả định phù hợp cho mô hình. Các mô hình được điều chỉnh cho chênh lệch giữa giá chào mua và chào bán để phản ánh chi phí phát sinh khi tất toán tài sản hoặc nợ phải trả, hệ số tín nhiệm của đối tác và chênh lệch thanh khoản cũng như hạn chế của mô hình. Thêm vào đó, lãi hoặc lỗ được tính toán tại ngày công cụ tài chính được ghi nhận (lãi hoặc lỗ ngày mua) được hoãn lại và được ghi nhận chỉ khi các thông số đầu vào có thể quan sát được hoặc khi dùng ghi nhận công cụ tài chính.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.13 Xác định giá trị hợp lý (tiếp theo)

Với phương pháp chiết khấu luồng tiền, các luồng tiền tương lai dự kiến dựa trên ước tính tốt nhất của Ban Điều hành và lãi suất chiết khấu sử dụng là lãi suất thị trường cho các công cụ tương tự. Việc sử dụng các mô hình định giá và giả định khác nhau có thể tạo ra sự khác biệt đáng kể trong ước tính giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi lãi suất thả nổi và lãi suất qua đêm với các tổ chức tín dụng là giá trị ghi sổ. Giá trị ghi sổ là chi phí ban đầu cộng với lãi dồn tích. Giá trị hợp lý của tiền gửi lãi suất cố định được ước tính sử dụng phương pháp chiết khấu luồng tiền. Luồng tiền ước tính được chiết khấu sử dụng lãi suất thị trường hiện tại cho công cụ tương tự tại ngày báo cáo.

Nếu giá trị hợp lý không thể được xác định một cách tin cậy, các công cụ tài chính được ghi theo giá gốc, được xem là giá trị hợp lý trả cho khoản đầu tư hoặc giá trị nhận được khi phát hành nợ tài chính. Tất cả chi phí giao dịch liên quan trực tiếp tới việc mua tài sản được tính vào giá gốc của khoản đầu tư.

Giá trị hợp lý của tài sản phi tài chính được đánh giá dựa vào khả năng tạo ra lợi ích kinh tế của các bên tham gia thị trường từ việc sử dụng tối đa tài sản vào mục đích có lợi nhất hoặc bán tài sản đó cho một bên khác mà bên đó sẽ sử dụng tối đa tài sản vào mục đích có lợi nhất.

1.14 Tạm ứng từ giá trị hoàn lại

Chủ hợp đồng bảo hiểm đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán phí bảo hiểm trong ít nhất 24 tháng được quyền tạm ứng một phần giá trị hoàn lại với số tiền tạm ứng tối đa là 80% giá trị hoàn lãi và lãi lũy kế chưa nhận của các hợp đồng bảo hiểm đó.

Các khoản tạm ứng từ giá trị hoàn lại được trình bày theo giá trị phân bổ.

1.15 Các khoản phải thu bảo hiểm

Các khoản phải thu bảo hiểm được ghi nhận khi đến hạn với giá trị ban đầu bằng giá trị hợp lý của khoản tiền thu được hoặc phải thu. Sau ghi nhận ban đầu, khoản phải thu bảo hiểm được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Giá trị ghi sổ của khoản phải thu bảo hiểm được đánh giá giảm giá trị khi có sự kiện cho thấy giá trị ghi sổ có thể không thu hồi được. Khoản lỗ giảm giá được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản phải thu bảo hiểm được dùng ghi nhận nếu thỏa mãn các điều kiện ngừng ghi nhận tài sản tài chính được mô tả tại thuyết minh số 1.9.3.

1.16 Phí bảo hiểm nhượng tái cho nhà tái bảo hiểm

Hai công ty con của Tập đoàn, gồm Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, nhượng tái rủi ro bảo hiểm cho một số dòng sản phẩm nhất định. Tài sản tái bảo hiểm là khoản phải thu từ các công ty tái bảo hiểm. Số tiền thu được từ các công ty tái bảo hiểm được ước tính nhất quán với dự phòng tổn thất đang giải quyết hoặc tổn thất đã giải quyết phù hợp với các chính sách tái bảo hiểm và phù hợp với hợp đồng tái bảo hiểm với công ty tái bảo hiểm liên quan.

Tài sản tái bảo hiểm được đánh giá giảm giá định kỳ hoặc ngay khi có dấu hiệu giảm giá. Dấu hiệu giảm giá trị xuất hiện khi có bằng chứng khách quan xuất phát từ sự kiện phát sinh sau khi tài sản tái bảo hiểm được ghi nhận ban đầu cho thấy Tập đoàn có thể không nhận được đầy đủ các khoản phải thu theo như điều khoản của hợp đồng và ảnh hưởng của sự kiện đó tới số tiền mà Bảo hiểm Bảo Việt sẽ nhận được từ các công ty tái bảo hiểm có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Lỗ dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.16 Phí bảo hiểm nhượng tái cho nhà tái bảo hiểm (tiếp theo)

Lãi hoặc lỗ khi mua tái bảo hiểm được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào ngày mua và không được phân bổ.

Việc nhượng tái bảo hiểm không giúp Tập đoàn từ bỏ nghĩa vụ đối với chủ hợp đồng.

1.17 Phí bảo hiểm nhận tái

Tập đoàn cũng nhận tái các rủi ro bảo hiểm trong hoạt động thông thường của bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ khi phù hợp. Phí và bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận là doanh thu và chi phí tương tự như đối với hợp đồng bảo hiểm gốc cho từng loại hình bảo hiểm. Các khoản phải trả tái bảo hiểm là số dư phải trả cho các công ty bảo hiểm khác. Các khoản phải trả này được ước tính phù hợp với các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan.

Phí và bồi thường được trình bày trên cơ sở tách biệt giữa nhượng tái và nhận tái bảo hiểm.

Tài sản và nợ phải trả tái bảo hiểm được dùng ghi nhận khi các quyền lợi theo hợp đồng bị hủy hoặc hết hạn hoặc khi hợp đồng được chuyển giao cho bên khác.

Hợp đồng tái bảo hiểm không chuyển giao phần lớn rủi ro bảo hiểm được ghi nhận trực tiếp trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, là các khoản tài sản đặt cọc hoặc nợ phải trả tài chính được ghi nhận bằng khoản phí đã trả hoặc đã nhận trừ đi các khoản phí được xác định hoặc phí giữ lại bởi bên tái bảo hiểm. Thu nhập từ hoạt động đầu tư của những hợp đồng này được ghi nhận theo phương pháp lãi suất thực khi phát sinh.

1.18 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Cho mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư ngắn hạn như trình bày ở trên trừ đi số dư các khoản vay thấu chi vì những khoản này được coi là một phần không thể tách rời của hoạt động quản lý dòng tiền của Tập đoàn.

1.19 Thuế tài sản

Một giao dịch được xác định có phải là hợp đồng thuê tài sản hoặc bao hàm một hợp đồng thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của nghiệp vụ tại ngày giao dịch: liệu việc hoàn thành giao dịch có phụ thuộc vào việc sử dụng một hoặc một số tài sản hay bản chất giao dịch là chuyển giao quyền sử dụng tài sản.

Tập đoàn là bên đi thuê

Tài sản đi thuê được xác định là thuê tài chính hoặc thuê hoạt động tại ngày bắt đầu thuê.

Các tài sản thuê mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu không được chuyển giao cho bên đi thuê được ghi nhận là tài sản thuê hoạt động. Khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê tài sản.

Tập đoàn là bên cho thuê

Hợp đồng cho thuê tài sản mà Tập đoàn không chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được phân loại là hợp đồng thuê hoạt động. Thu nhập tiền thuê được ghi nhận là doanh thu trên báo cáo hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời hạn của hợp đồng thuê. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc đàm phán ký kết hợp đồng thuê được tính vào giá trị ghi sổ của tài sản cho thuê và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời hạn của hợp đồng thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu từ thuê hoạt động. Doanh thu từ cho thuê hoạt động được ghi nhận trong kỳ phát sinh.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.20 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam, đồng thời là đồng tiền hạch toán của công ty Mẹ. Mỗi công ty thành viên trong tập đoàn lựa chọn đồng tiền hạch toán của mình và sử dụng đồng tiền này để trình bày các khoản mục trên báo cáo tài chính.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá kế toán áp dụng tại đơn vị vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỉ giá liên ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo. Tất cả các khoản chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ các khoản mục tiền tệ được dùng làm biện pháp phòng ngừa rủi ro hiệu quả cho các khoản đầu tư nước ngoài. Các khoản mục này được ghi nhận trên báo cáo thu nhập tổng hợp khác cho đến khi khoản đầu tư này được thanh lý và được chuyển sang ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thuế và phí liên quan đến chênh lệch tỉ giá của các khoản mục này cũng được ghi nhận vào thu nhập tổng hợp khác.

Các khoản mục phi tiền tệ có nguyên giá bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá vào ngày ghi nhận ban đầu. Các khoản mục phi tiền tệ ghi nhận theo giá trị hợp lý bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá vào ngày xác định giá trị hợp lý. Các khoản lãi/lỗ phát sinh từ việc quy đổi các khoản mục phi tiền tệ (đo lường theo giá trị hợp lý) được ghi nhận tương tự như việc ghi nhận lãi/lỗ phát sinh do thay đổi giá trị hợp lý của khoản mục đó.

1.21 Thuế

1.21.1 Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản hoặc công nợ thuế thu nhập hiện hành cho kỳ hiện hành hoặc kỳ trước đó được xác định trên giá trị dự kiến được hoàn lại hoặc phải nộp cho cơ quan thuế. Thuế suất và luật thuế sử dụng để tính giá trị trên là các luật được thực thi hoặc phần lớn được thực thi tại thời điểm báo cáo.

Thuế thu nhập hiện hành liên quan đến các khoản mục ghi nhận trực tiếp vào vốn hoặc thu nhập tổng hợp khác được ghi nhận trực tiếp vào vốn hoặc thu nhập tổng hợp khác và không thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ban Điều hành đánh giá lại hàng năm liệu Tập đoàn có được hoàn thuế hay không dựa trên các tình huống mà luật thuế được áp dụng và trích lập dự phòng nếu cần thiết.

1.21.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp nợ cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch thuế phải trả tạm thời, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của lợi thế thương mại hoặc tài sản/nợ phải trả từ một giao dịch không phải là hợp nhất kinh doanh và, tại thời điểm giao dịch, giao dịch này không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận hoặc lỗ tính thuế thu nhập.
- Chênh lệch tạm thời chịu thuế liên quan đến các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và liên doanh, nếu thời gian hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời có thể được kiểm soát và có khả năng các chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai xác định.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.21 Thuế (tiếp theo)

1.21.2 Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch không phải là hợp nhất kinh doanh và tại thời điểm giao dịch, không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận hoặc lỗ tính thuế.
- Chênh lệch tạm thời chịu thuế liên quan đến các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn các chênh lệch tạm thời có khả năng được hoàn nhập trong tương lai xác định và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận được đánh giá lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản mục ghi nhận ngoài lãi hoặc lỗ không được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, mà được ghi tương ứng theo các khoản mục đó trên thu nhập tổng hợp khác hoặc trực tiếp vào vốn.

Tài sản và nghĩa vụ thuế thu nhập hoãn lại chỉ được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp, và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến cùng pháp nhân chịu thuế và cùng cơ quan quản lý thuế.

1.22 Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm

a. Các nghĩa vụ bảo hiểm nhân thọ

Dự phòng nghiệp vụ cho những sản phẩm truyền thống bao gồm dự phòng toán học, dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng bồi thường, dự phòng chia lãi và dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập theo Nghị định 73/2016/NĐ-CP (“Nghị định 73”) do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 07 năm 2016 và Thông tư số 50/2017/TT-BTC (“Thông tư 50”) ngày 15 tháng 05 năm 2017, hướng dẫn thi hành Nghị định số 73 do Bộ Tài chính ban hành:

- Dự phòng toán học là phần chênh lệch giữa giá trị hiện tại của các khoản bảo hiểm phải trả trong tương lai và giá trị hiện tại của phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh theo phương pháp Zillmer đối với các khoản phải thu phí bảo hiểm trong tương lai. Dự phòng toán học được tính toán cho các đơn bảo hiểm có thời hạn trên một (01) năm với các công thức tính toán bảo hiểm cụ thể và những nhân tố cho mỗi loại sản phẩm đã được đăng ký và chấp nhận bởi Bộ Tài chính.
- Dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng là dự phòng cho thu nhập chưa được hưởng của những khoản đã trả vào ngày lập báo cáo tài chính và được tính toán trên phí bảo hiểm gộp cho tất cả các đơn bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống còn hiệu lực vào ngày lập báo cáo. -
- Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng cho các tổn thất đã xảy ra nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.22 Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm (tiếp theo)

a. Các nghĩa vụ bảo hiểm nhân thọ (tiếp theo)

- Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết (OSC): được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR): chỉ được áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống.
- Dự phòng chia lãi là khoản dự phòng cho phần lãi tích lũy chưa trả đối với các hợp đồng bảo hiểm được chia lãi. Dự phòng chia lãi được tính trên phần chênh lệch giữa tỉ lệ lãi suất đầu tư thực hiện đã thông báo cho các hợp đồng được chia lãi và lãi suất kỹ thuật của hợp đồng đó.
- Dự phòng bảo đảm khả năng thanh toán bổ sung được dùng để bảo đảm cam kết của doanh nghiệp đối với khách hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi thị trường đầu tư có biến động lớn

Theo Thông tư 50, Thông tư 52/2016/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 03 năm 2016 và dựa trên phương pháp và cơ sở xác định số liệu dự phòng nghiệp vụ đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê duyệt, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cho sản phẩm liên kết chung như sau:

- Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung là giá trị hoàn lại của hợp đồng trong quỹ liên kết chung. Giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm liên kết chung phải bảo đảm các cam kết tại hợp đồng bảo hiểm.
- Dự phòng rủi ro bảo hiểm là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng.
- Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung được tính bằng tổng giá trị hoàn lại của các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung hoặc tổng giá trị tài khoản của các hợp đồng liên kết chung.
- Dự phòng bồi thường: được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.

Theo Thông tư 50, Thông tư 115/2013/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 08 năm 2013 và dựa trên phương pháp và cơ sở xác định số liệu dự phòng nghiệp vụ đã đăng ký và được Bộ Tài chính phê duyệt, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm cho sản phẩm bảo hiểm hưu trí như sau:

- Dự phòng rủi ro bảo hiểm: là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng và dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng.
- Dự phòng nghiệp vụ đối với tài khoản bảo hiểm hưu trí: là tổng giá trị tài khoản bảo hiểm hưu trí tại thời điểm trích lập.
- Dự phòng bồi thường: được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
- Dự phòng lãi cam kết đầu tư tối thiểu: Dự phòng này dùng để đảm bảo lãi suất cam kết tối thiểu của doanh nghiệp đối với khách hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm hưu trí.

Khoản phải trả quyền lợi bổ sung miễn phí bảo hiểm trong báo cáo tài chính là khoản phải trả nhằm ghi nhận nghĩa vụ của Tổng Công ty đối với các trường hợp đã phát sinh bồi thường có liên quan đến quyền lợi này. Khoản phải trả này được tính bằng hiện giá của các kỳ phí bảo hiểm được miễn trong tương lai. Khoản tiền phải trả này đảm bảo Tổng Công ty có đầy đủ nguồn vốn để trang trải các nghĩa vụ nợ trong tương lai và tác động của những thay đổi tỷ lệ tử vong đã được thể hiện trong tỷ suất chiết khấu dùng để tính toán hiện giá của khoản phải trả này như đã đề cập trên đây.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.22 Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm (tiếp theo)

b. Quỹ dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe

Bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỉ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại hoặc theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm cho các loại hình bảo hiểm khác nhau:

- Đối với bảo hiểm hàng hóa có thời hạn dưới 1 năm trở xuống, dự phòng phí chưa được hưởng được tính bằng 25% tổng phí bảo hiểm giữ lại;
- Đối với các loại hình bảo hiểm khác và bảo hiểm hàng hóa có thời hạn trên 1 năm: dự phòng phí chưa được hưởng cho các đơn bảo hiểm được tính theo phương pháp 1/8;

Bảo hiểm sức khỏe

Dự phòng toán học được trích lập theo phương pháp 1/8 đối với hợp đồng bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 1 năm, trừ các hợp đồng chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn. Đối với trường hợp bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, dự phòng toán học được trích lập theo phương pháp tính theo số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng.

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp 1/8 đối với hợp đồng bảo hiểm sức khỏe có thời hạn dưới 1 năm trở xuống.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại. Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được xác định trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường, tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm. Dự phòng cũng được lập cho chi phí ước tính để xử lý khiếu nại đã phát sinh nhưng chưa giải quyết cũng như các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại tại thời điểm lập báo cáo.

Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại được dựa trên mô hình phát triển dữ liệu bồi thường đã chi trả, mô hình phát triển dữ liệu bồi thường đã phát sinh và các tỉ lệ bồi thường kì vọng trong thời gian gần đây. Những mô hình này được sử dụng để đưa ra những ước tính chính xác nhất về các rủi ro đã phát sinh nhưng chưa thông báo cho năm xảy ra tai nạn và dùng để tính toán dự phòng cho các rủi ro chưa thanh toán, các rủi ro thuần và các rủi ro gộp. Các khoản bồi thường cho tất cả các loại hình bảo hiểm không được chiết khấu.

c. Kiểm tra tính đầy đủ của các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn sẽ thực hiện kiểm tra tính đầy đủ của việc ghi nhận các khoản dự phòng bảo hiểm. Việc tính toán này sử dụng các ước tính hiện tại của các dòng tiền tương lai theo hợp đồng bảo hiểm, bao gồm các chi phí xử lý khiếu nại bồi thường. Nếu những ước tính này chỉ ra rằng giá trị ghi sổ của các khoản dự phòng bảo hiểm này là chưa đầy đủ, thì khoản thiếu hụt sẽ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bằng việc trích lập một khoản dự phòng tương ứng.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.23 Các nghĩa vụ hoãn lại phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm

Các nghĩa vụ hoãn lại phải trả cho chủ hợp đồng là các khoản dự phòng bảo hiểm liên quan đến các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ liên kết chung và hợp đồng bảo hiểm với cấu phần không đảm bảo thể hiện phần lãi, lỗ chưa thực hiện của khoản đầu tư AFS thuộc về chủ hợp đồng.

1.24 Hoạt động bảo hiểm nhân thọ liên kết chung

Các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ liên kết chung của Tập đoàn có các rủi ro bảo hiểm đáng kể và được phân loại là các hợp đồng bảo hiểm. Các hợp đồng này bao gồm cả cấu phần bảo hiểm và cấu phần tiết kiệm.

Phí bảo hiểm thu được được ghi nhận là doanh thu và sau đó ghi nhận một khoản chi phí tương ứng với giá trị quỹ chủ hợp đồng và trình bày là nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm. Các nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm được đo lường theo giá trị hợp lý và sau đó theo giá trị hợp lý áp dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền. Hoa hồng, sau khi trừ đi phí thu được ban đầu để bù đắp chi phí, được ghi nhận là chi phí giao dịch nằm trong giá trị ban đầu của khoản nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm.

Thay đổi về giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán liên quan đến danh mục bảo hiểm liên kết chung được ghi nhận vào thu nhập tổng hợp khác sau khi trừ đi phần chia cho chủ hợp đồng được ghi nhận vào nghĩa vụ hoãn lại phải trả cho chủ hợp đồng bảo hiểm.

1.25 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

a. Phí bảo hiểm

Tổng phí bảo hiểm định kỳ trên sản phẩm bảo hiểm nhân thọ được ghi nhận là doanh thu khi đến hạn thanh toán từ chủ hợp đồng bảo hiểm. Đối với các hợp đồng phí riêng lẻ, doanh thu được ghi nhận tại ngày hợp đồng hiệu lực.

Phí bảo hiểm gộp cho hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ bao gồm tổng phí bảo hiểm phải thu cho thời gian hiệu lực của các hợp đồng phát sinh trong kỳ kế toán và được ghi nhận vào ngày hợp đồng bảo hiểm phát sinh trách nhiệm. Phí bảo hiểm bao gồm bất kì điều chỉnh nào phát sinh trong kỳ kế toán đối với các khoản phí bảo hiểm phải thu cho các hợp đồng khai thác vào các kỳ kế toán trước đó.

Tổng phí nhượng tái bảo hiểm bao gồm tổng phí nhượng tái bảo hiểm phải trả cho thời gian hiệu lực của các hợp đồng phát sinh trong kỳ kế toán và được ghi nhận vào ngày hợp đồng bảo hiểm phát sinh trách nhiệm. Phí nhượng tái bảo hiểm bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến hợp đồng tái bảo hiểm ký kết trong các kỳ kế toán trước đó.

Phí bảo hiểm chưa được hưởng là phần phí bảo hiểm đã khai thác liên quan đến các kỳ rủi ro sau ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Phí bảo hiểm chưa được hưởng được tính toán và ghi nhận hoãn lại như một khoản dự phòng cho các kỳ tiếp sau như trình bày tại Thuyết minh 1.22.

Phí bảo hiểm được nhận, hoa hồng và tiền bồi thường đã trả hoặc phải trả trên hợp đồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi có thông báo từ công ty nhượng tái hoặc đại lý liên quan.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.25 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

b. Phí từ việc thực hiện dịch vụ

Phí từ việc thực hiện dịch vụ bao gồm phí quản lý quỹ, phí giao dịch, phí thường, phí môi giới, phí bảo lãnh phát hành, được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và doanh thu được tính toán đáng tin cậy. Phí đã nhận từ các dịch vụ được cung cấp trong tương lai được ghi nhận như một khoản doanh thu nhận trước và kết chuyển vào doanh thu của các kỳ tiếp theo.

c. Lợi nhuận từ giao dịch chứng khoán

Lợi nhuận từ giao dịch chứng khoán là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn trung bình của chứng khoán bán.

d. Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích theo lãi suất thực. Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính. Thu nhập lãi được bao gồm trong thu nhập tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

e. Doanh thu cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

f. Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê phát sinh từ hợp đồng cho thuê hoạt động với bất động sản đầu tư được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê và được trình bày trong khoản mục doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa vào bản chất hoạt động.

g. Bán bất động sản

Bất động sản được coi là đã bán khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản được chuyển giao cho bên mua, thông thường là theo hợp đồng mua bán vô điều kiện. Đối với hợp đồng có điều kiện, doanh thu chỉ được ghi nhận khi tất cả các điều khoản trọng yếu được thỏa mãn.

1.26 Chi phí lãi vay

Tất cả chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ phát sinh. Chi phí lãi vay bao gồm lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan đến khoản vay.

1.27 Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày báo cáo. Tỷ lệ hoàn thành được tính bằng tỷ lệ của chi phí phát sinh cho phần công việc đã được hoàn thành so với tổng chi phí hợp đồng, trừ khi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng được ghi nhận là chi phí trong năm phát sinh.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

1.28 Ghi nhận chi trả đáo hạn, chi phí bồi thường và các chi phí khác

a. Chi bồi thường bảo hiểm gốc và các quyền lợi bảo hiểm

Tổng lợi ích và các khoản bồi thường của các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ và các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có cấu phần không đảm bảo (DPF) bao gồm chi phí của tất cả các khoản bồi thường phát sinh trong năm như các chi phí nội bộ và bên ngoài liên quan đến xử lý khiếu nại bồi thường và những phần lợi tức chia thêm cho người mua bảo hiểm đã được nêu rõ trên hợp đồng DPF, cũng như những thay đổi trên tổng giá trị của hợp đồng bảo hiểm và những nghĩa vụ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có DPF. Các yêu cầu bồi thường tử vong và giá trị hoàn lại được xử lý trên cơ sở nhận được thông báo chứng nhận. Những khoản thanh toán hàng năm hoặc khi đến hạn được ghi nhận khi phát sinh.

Các khoản bồi thường bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm y tế bao gồm tất cả các khoản khiếu kiện xảy ra trong năm, bất kể đã được thông báo hay chưa, các chi phí nội bộ và bên ngoài liên quan đến xử lý khiếu nại bồi thường, trừ giá trị thu hồi và thu đòi, cùng với bất kỳ những điều chỉnh cho những khoản bồi thường còn lại từ năm trước.

b. Các khoản bồi thường tái bảo hiểm

Các khoản bồi thường tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với tổng giá trị bồi thường bảo hiểm liên quan được ghi nhận theo kỳ của hợp đồng liên quan.

c. Chi phí tài chính

Lãi phải trả được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích theo phương pháp lãi suất thực. Lãi dự chi được bao gồm trong giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính.

1.29 Quỹ dự trữ

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của các công ty con của Tập đoàn là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm trên báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("VAS") cho đến khi đạt mức tối đa là 10% vốn điều lệ.

Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính

Theo các điều luật và quy định hiện hành ở Việt Nam, các công ty con của Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán phải trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ áp dụng cho từng ngành. Quỹ đầu tư phát triển được trích lập để sử dụng vào việc mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc bổ sung vốn điều lệ. Quỹ dự phòng tài chính được trích lập để đảm bảo cho các hoạt động bình thường của các công ty trước các rủi ro kinh doanh hoặc thua lỗ, để chuẩn bị cho các tổn thất không được lường trước hoặc thiệt hại do nguyên nhân khách quan.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

2. ĐỐI CHIẾU SỰ KHÁC BIỆT VỀ LỢI NHUẬN RÒNG VÀ VỐN GIỮA HAI HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Các khác biệt đáng kể giữa các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“VAS”) và chuẩn mực kế toán quốc tế (“IFRS”) trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất tóm lược giữa niên độ của Tập đoàn và đối chiếu giữa Lợi nhuận ròng và vốn hợp nhất của Tập đoàn như sau:

(i) Lợi nhuận sau thuế hợp nhất

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận sau thuế theo VAS	1.603.096.073.974	1.164.948.927.113
Điều chỉnh vào tài sản tài chính		
Đánh giá danh mục đầu tư chứng khoán vốn	(7.614.648.432)	(25.022.314.457)
Đánh giá danh mục đầu tư có kỳ hạn cố định	48.624.764.210	135.428.997.110
Đầu tư vào công ty liên kết	44.649.965.362	(191.659.578.332)
Điều chỉnh vào các khoản mục liên quan đến bảo hiểm		
Dự phòng bảo hiểm	(271.406.836.328)	310.487.032.628
Loại bỏ dự phòng giao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	(142.890.289.444)	22.955.222.945
Dự phòng giảm giá trị các khoản phải thu phí bảo hiểm và tái bảo hiểm	(21.452.875.508)	(2.984.530.274)
Các điều chỉnh khác		
Hàng tồn kho hoàn nhập vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(24.111.310.398)	3.677.322.266
Khác	(29.379.703.586)	(17.471.156.120)
Điều chỉnh về thuế		
Thuế thu nhập hoãn lại	85.660.345.406	(42.386.497.907)
Lợi nhuận sau thuế theo IFRS	1.285.175.485.256	1.357.973.424.972

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

2. ĐỐI CHIẾU SỰ KHÁC BIỆT VỀ LỢI NHUẬN RÒNG VÀ VỐN GIỮA HAI HỆ THỐNG KẾ TOÁN (tiếp theo)

(ii) Vốn hợp nhất của Tập đoàn

	2017 VND	2016 VND
Vốn hợp nhất theo VAS	14.467.397.747.794	13.686.535.625.044
Điều chỉnh vào tài sản tài chính		
Đánh giá danh mục đầu tư chứng khoán vốn	738.106.421.799	456.154.589.004
Đánh giá danh mục đầu tư có kỳ hạn cố định	2.788.374.896.759	1.400.952.882.238
Đầu tư vào công ty liên kết	(552.443.058.837)	(597.093.024.200)
Điều chỉnh vào các khoản mục liên quan đến bảo hiểm		
Dự phòng bảo hiểm	(757.151.839.014)	(485.745.002.685)
Loại bỏ dự phòng giao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	98.004.271.813	240.894.561.257
Dự phòng giảm giá trị các khoản phải thu phí bảo hiểm và tái bảo hiểm	(18.034.819.229)	3.418.056.279
Các điều chỉnh khác		
Giá trị hàng tồn kho	(56.811.874.306)	(32.700.563.908)
Khác	(73.238.871.417)	(61.219.906.167)
Điều chỉnh về thuế		
Thuế thu nhập hoãn lại	(412.981.846.970)	(167.024.993.054)
Vốn hợp nhất theo IFRS	16.221.221.028.392	14.444.172.223.808

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

3. MÔ TẢ NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CÁCH THỨC ĐO LƯỜNG VÀ GHI NHẬN THU NHẬP GIỮA VAS VÀ IFRS

KHOẢN MỤC	VAS	IFRS
Tài sản tài chính	<p>Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo nguyên giá. Các khoản đầu tư ngắn hạn là các chứng khoán niêm yết và các chứng khoán thanh khoản khác luôn sẵn sàng để bán và dự định nắm giữ ít hơn một năm.</p> <p>Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết (“OTC”), trái phiếu chính phủ, các khoản cho vay và cho vay ủy thác, tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, tất cả đều được dự định nắm giữ hơn một năm.</p> <p>Dự phòng giảm giá cổ phiếu được ghi nhận nếu như giá mua vượt quá giá thị trường tại thời điểm báo cáo.</p>	<p>Tài sản tài chính theo FVTPL được ghi nhận ban đầu tại giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư không thuộc nhóm tài sản tài chính được ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu tại giá trị hợp lý cộng với các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp.</p> <p>Ghi nhận giá trị tiếp theo của tài sản tài chính phụ thuộc vào phân loại tài sản, cụ thể như sau:</p> <p>(i) Tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL bao gồm các tài sản nắm giữ với mục đích kinh doanh và tài sản tài chính được chỉ định tại ngày ghi nhận ban đầu theo FVTPL.</p> <p>ii) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán: là các chứng khoán có mục đích nắm giữ vô thời hạn và có thể bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc do thay đổi điều kiện thị trường. Sau ghi nhận ban đầu, tại mỗi lần khóa sổ, giá trị hợp lý được xác định lại, các khoản lãi lỗ sẽ được ghi nhận vào khoản mục Các thu nhập tổng hợp khác và lãi, lỗ lũy kế được trình bày riêng rẽ ở mục quỹ dự trữ giá trị hợp lý thuộc vốn chủ sở hữu cho đến khi khoản đầu tư được bán hoặc lỗ lũy kế đã được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trước đây sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.</p> <p>iii) Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản phải trả đã được xác định trước và không được báo giá trên thị trường tích cực. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay và phải thu được xác định giá trị theo giá trị phân bổ, sử dụng phương pháp lãi suất thực tế. Lãi và lỗ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các khoản đầu tư được dừng ghi nhận hoặc bị giảm giá trị, cũng như qua việc phân bổ giá trị.</p> <p>(iv) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là các tài sản phi phái sinh với các khoản lãi và thời gian đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định giá trị theo giá trị phân bổ tương tự như các khoản cho vay và phải thu.</p>
Dự phòng giảm giá trị	<p>Dự phòng giảm giá cổ phiếu được ghi nhận nếu như chi phí mua vượt quá giá thị trường tại ngày khóa sổ báo cáo.</p> <p>Dự phòng đối với cho vay và phải thu được ghi nhận khi các khoản phải thu đã quá hạn trên 6 tháng hoặc chưa đến hạn nhưng có dấu hiệu tổn thất.</p> <p>Chưa có quy định về dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nhưng doanh nghiệp có thể áp dụng Thông tư 228 để trích lập cho phù hợp.</p>	<p>Dự phòng được ghi nhận đối với các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán.</p> <p>Trong trường hợp giá trị hợp lý của tài sản sẵn sàng để bán tăng lên:</p> <ul style="list-style-type: none">Lỗ dự phòng trước đây của các công cụ nợ Sẵn sàng để bán (tài sản tiền tệ) được ghi hoàn nhập vào thu nhập.Đối với các công cụ vốn Sẵn sàng để bán (các tài sản phi tiền tệ), các lỗ dự phòng trước đây được ghi hoàn nhập vào vốn chủ sở hữu.
Công ty liên doanh, liên kết	Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu và không đánh giá suy giảm giá trị trên báo cáo tài chính hợp nhất.	Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất và được đánh giá tổn thất nếu có bằng chứng về suy giảm giá trị.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH BỔ SUNG THEO CÁC CHUẨN MỰC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (tiếp theo)

3. MÔ TẢ NHỮNG KHÁC BIỆT CHỦ YẾU VỀ CÁCH THỨC ĐO LƯỜNG VÀ GHI NHẬN THU NHẬP GIỮA VAS VÀ IFRS (tiếp theo)

KHOẢN MỤC	VAS	IFRS
Các khoản phải thu	<p>Các khoản phải thu phản ánh theo giá trị phải thu đến hạn từ khách hàng và các bên nợ khác và trừ đi dự phòng nợ khó đòi.</p> <p>Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009</p>	Các khoản phải thu được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi các dự phòng nợ khó đòi. Giá trị ghi nhận này sẽ bị ghi giảm khi có bằng chứng về tổn thất.
Tài sản cố định hữu hình	Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Định giá lại hoặc ghi giảm khi có tổn thất là không được phép, trừ phi có quyết định riêng từ Bộ Tài chính.	Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế và bất kỳ dự phòng giảm giá nào.
Các tài sản vô hình	Các tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Việc đánh giá lại hoặc ghi giảm do tổn thất là không được phép.	Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế và bất cứ tổn thất lũy kế nào. Nếu tài sản vô hình có thời hạn sử dụng vô thời hạn thì IAS 38 yêu cầu không tiến hành trích khấu hao cho tài sản.
Dự phòng bảo hiểm nhân thọ	Dự phòng đảm bảo cân đối được trích dựa trên lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ.	IFRS 4 không cho phép các khoản dự phòng cho các hợp đồng chưa tồn tại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (như dự phòng đảm bảo cân đối).
Dự phòng bảo hiểm phi nhân thọ	<p>Quỹ dự phòng tổn thất nhưng chưa báo cáo tại Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt được tính theo công thức mà Bộ Tài Chính ban hành.</p> <p>Dự phòng dao động lớn được trích dựa trên phí giữ lại và kinh nghiệm của lãnh đạo công ty.</p>	<p>Toàn bộ dự phòng được trích cho các ước tính về tổn thất đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết tại ngày khóa sổ và các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa khiếu nại.</p> <p>IFRS 4 không cho phép các khoản dự phòng cho các hợp đồng chưa tồn tại tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán (như dự phòng giao động lớn).</p>
Thuế thu nhập	VAS 17 không quy định về các chênh lệch tạm thời và việc ghi nhận thuế hoãn lại liên quan đến hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại, các tài sản ghi nhận theo giá trị hợp lý và các khoản hỗ trợ từ chính phủ.	<p>Các tài sản và nghĩa vụ thuế hoãn lại phát sinh từ các chênh lệch được khấu trừ hoặc chịu thuế là các chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản, nghĩa vụ cho mục đích báo cáo tài chính và mục đích tính thuế.</p> <p>Các tài sản thuế hoãn lại cũng phát sinh từ các các khoản lỗ thuế chưa sử dụng hoặc các khoản khấu trừ chưa sử dụng của thuế, nếu có. Giá trị của khoản thuế hoãn lại được ghi nhận dựa trên dự kiến về cách thức thực hiện hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các tài sản và nghĩa vụ, sử dụng các mức thuế đã ban hành hoặc có hiệu lực ban hành vào thời điểm khóa sổ.</p>

THÔNG TIN CHUNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

1	AFYP	Doanh thu khai thác mới quy năm
2	ALCO	Ủy ban Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có
3	AUM	Tổng tài sản quản lý
4	BANCASURANCE	Bán chéo các sản phẩm bảo hiểm qua hệ thống ngân hàng
5	BCTC	Báo cáo tài chính
6	BCTN	Báo cáo thường niên
7	BCPTBV	Báo cáo phát triển bền vững
8	BKS	Ban Kiểm soát
9	BH	Bảo hiểm
10	BHBV	Bảo hiểm Bảo Việt
11	BVB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt
12	BVINVEST	Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt
13	BVF	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
14	BVFED	Quỹ đầu tư cổ phiếu năng động Bảo Việt
15	BVF1	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt
16	BVH	Công ty Mẹ - Tập đoàn Bảo Việt
17	BVNT	Tổng công ty Bảo Việt Nhân thọ
18	BVSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt
19	CAGR	Tỷ lệ tăng trưởng bình quân hàng năm
20	CAR	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu
21	CAT	Mô hình đánh giá rủi ro thiên tai
22	CNTT	Công nghệ thông tin
23	COC	Mô hình kinh doanh tập trung
24	CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
25	ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông

26	ĐVTV/CTTV	Đơn vị thành viên/ Công ty thành viên
27	EPS	Lãi cơ bản trên cổ phiếu
28	E&Y	Công ty kiểm toán Ernst & Young
29	KPI	Chỉ tiêu hoạt động cơ bản
30	KTM	Khai thác mới
31	FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
32	FED	Cục Dự trữ Liên bang Mỹ
33	KLGD	Khối lượng giao dịch
34	KTNB	Kiểm toán nội bộ
35	GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
36	HĐQT/HĐTV	Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên
37	HNX	Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
38	HOSE/HSX	Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
39	HSBC	HSBC Insurance (Asia Pacific) Holdings Limited
40	IR	Quan hệ nhà đầu tư
41	M&A	Thâu tóm và sáp nhập
42	LACP	Hiệp hội Truyền thông chuyên nghiệp Hoa Kỳ
43	LN	Lợi nhuận
44	LNST	Lợi nhuận sau thuế
45	NPL	Tỷ lệ nợ xấu
46	LNTT	Lợi nhuận trước thuế
47	NHNN	Ngân hàng nhà nước
48	NSNN	Ngân sách Nhà nước
49	ODA	Viện trợ phát triển chính thức
50	P/E	Hệ số giá trên thu nhập của cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

51	QLGSBH	Cục Quản lý và Giám sát Bảo hiểm
52	PVIF	Giá trị lợi nhuận trong tương lai của các hợp đồng đang có hiệu lực
53	QE3	Chương trình nới lỏng định lượng của Chính phủ Mỹ
54	QLRR	Quản lý rủi ro
55	ROA	Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản
56	ROE	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
57	RMC	Hệ thống Quản lý rủi ro
58	SCIC	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
59	SP	Sản phẩm
60	TCT	Tổng công ty
61	TNHH/CTCP	Trách nhiệm hữu hạn/ Công ty Cổ phần
62	TNDS	Trách nhiệm dân sự
63	TTCK	Thị trường chứng khoán
64	TTLK	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
65	TSCTA	Thỏa thuận Hỗ trợ kỹ thuật và Chuyển giao năng lực
66	UBKT	Ủy ban Kiểm toán
67	UNCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
68	UPCOM	Thị trường giao dịch các cổ phiếu chưa niêm yết
69	VAS	Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam
70	VCSH	Vốn chủ sở hữu
71	VĐL	Vốn điều lệ
72	VN-INDEX	Chỉ số giá chứng khoán VN-Index
73	VPĐD	Văn phòng đại diện
74	WB	Ngân hàng Thế giới



*Những ấn bản đẹp thường được in trên giấy có nguồn gốc từ thiên nhiên.
Sợi giấy làm từ gỗ đùn hồi và bền bỉ với thời gian.
Báo cáo tích hợp của Bảo Việt được in trên giấy có chứng chỉ fsc.
Bảo Việt cam kết ý thức hài hòa môi trường sống.
Hãy cùng chúng tôi nỗ lực vì hành tinh xanh*



BẢO HIỂM • ĐẦU TƯ • TÀI CHÍNH • NGÂN HÀNG